

Canon

EOS 6D Mark II



**HƯỚNG DẪN
SỬ DỤNG**

Giới thiệu

EOS 6D Mark II là loại máy ảnh kỹ thuật số phản xạ ống kính đơn được trang bị cảm biến CMOS full-frame (toàn khung hình) (khoảng 35,9 x 24,0 mm) với độ phân giải hình ảnh hiệu dụng khoảng 26,2 megapixel, chip xử lý DIGIC 7, phạm vi tốc độ ISO thông thường là ISO 100 - ISO 40000 (khi chụp ảnh), hệ thống lấy nét tự động 45 điểm với độ chính xác và tốc độ cao (lên tới 45 điểm lấy nét chữ thập), tốc độ chụp liên tục tối đa khoảng 6,5 hình/giây, chụp Live View, quay video Full HD, quay phim time-lapse 4K, lấy nét tự động CMOS pixel đôi, chức năng Wi-Fi/NFC/Bluetooth (giao tiếp không dây) và chức năng GPS.

Trước khi bắt đầu chụp, đảm bảo đọc kỹ những điều sau

Để tránh làm hỏng ảnh và xảy ra tai nạn, trước tiên tham khảo phần “Cảnh báo an toàn” (tr.22-24) và phần “Những điều cần chú ý khi thao tác” (tr.25-27). Ngoài ra, đọc kỹ hướng dẫn sử dụng này để đảm bảo sử dụng máy ảnh đúng cách.

Tham khảo Hướng dẫn sử dụng khi sử dụng máy ảnh để làm quen với máy

Khi đọc hướng dẫn sử dụng, chụp thử vài kiểu ảnh và xem kết quả. Việc này sẽ giúp bạn hiểu rõ hơn về máy ảnh. Cất giữ hướng dẫn sử dụng cẩn thận để tham khảo lại khi cần.

Kiểm tra máy ảnh trước khi sử dụng và tìm hiểu trách nhiệm pháp lý

Sau khi chụp, bạn nên xem lại và kiểm tra xem ảnh đã được ghi chính xác chưa. Nếu máy ảnh hay thẻ nhớ bị lỗi dẫn đến không thể ghi hoặc tải ảnh về máy tính, Canon sẽ không chịu trách nhiệm cho bất kỳ mất mát hoặc những bất tiện xảy ra.

Bản quyền

Luật bản quyền tại quốc gia sở tại có thể cấm sử dụng ảnh chụp người hoặc chủ thể cụ thể cho bất kỳ mục đích nào khác ngoài mục đích giải trí cá nhân. Ngoài ra, lưu ý rằng một số hoạt động công cộng như biểu diễn, triển lãm, v.v... có thể cấm chụp ảnh ngay cả khi dùng vào mục đích giải trí cá nhân.

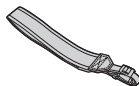
Danh sách vật dụng

Trước khi bắt đầu, kiểm tra để đảm bảo tất cả các vật dụng sau được đi kèm máy ảnh. Nếu thiếu bất kỳ vật dụng nào, vui lòng liên hệ với đại lý bán hàng.



Máy ảnh

(kèm vành đỡ mắt và nắp thân máy)



Dây đeo



Pin LP-E6N

(kèm nắp bảo vệ)



Sạc pin

LC-E6E*

* Sạc pin LC-E6E đi kèm với máy ảnh. (Có kèm theo dây nguồn.)

- **Máy ảnh không kèm theo cáp nối hay cáp HDMI.**
- **Máy ảnh không kèm theo đĩa CD-ROM phần mềm.**
- Hướng dẫn sử dụng được liệt kê ở trang tiếp.
- Để tìm hiểu về phần mềm, tham khảo trang 610.
- Nếu bạn mua bộ kèm ống kính, kiểm tra để đảm bảo có ống kính đi kèm.
- Chú ý tránh làm mất các vật dụng nêu trên.
- Đối với các vật dụng bán riêng, tham khảo phần Sơ đồ hệ thống (tr.518).



Hướng dẫn sử dụng ống kính (tập tin PDF) chỉ dành cho các ống kính bán riêng. Lưu ý rằng khi mua bộ kèm ống kính, một số phụ kiện đi kèm với ống kính có thể không khớp với danh sách được liệt kê trong Hướng dẫn sử dụng ống kính.

Hướng dẫn sử dụng



Hướng dẫn sử dụng cơ bản

Tải xuống Hướng dẫn sử dụng (tập tin PDF)

Bạn có thể tải Hướng dẫn sử dụng (tập tin PDF) về máy tính hoặc các thiết bị tương tự từ trang web của Canon.

- Hướng dẫn sử dụng máy ảnh (PDF này)
- Hướng dẫn sử dụng chức năng Wi-Fi (Giao tiếp không dây)

▶ <https://vn.canon/vi/support/manual>

Thẻ nhớ tương thích

Máy ảnh có thể sử dụng các loại thẻ nhớ sau với dung lượng bất kỳ.
Định dạng thẻ mới hoặc thẻ đã định dạng (lúc ban đầu) trên máy ảnh hoặc máy tính khác bằng máy ảnh của bạn (tr.70).

- **Thẻ nhớ SD/SDHC*/SDXC***

* Có hỗ trợ thẻ UHS-I.

Những thẻ có thể ghi phim

Khi quay phim, sử dụng thẻ dung lượng lớn với hiệu năng đủ tốt (tốc độ ghi và đọc đủ nhanh) để xử lý chất lượng ghi phim. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo trang 345.

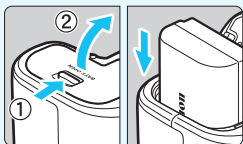


Trong hướng dẫn sử dụng này, từ “thẻ” dùng để chỉ thẻ nhớ SD, thẻ nhớ SDHC và thẻ nhớ SDXC.

* **Máy ảnh không kèm theo thẻ để ghi ảnh/phim.** Vui lòng mua riêng thẻ.

Hướng dẫn bắt đầu nhanh

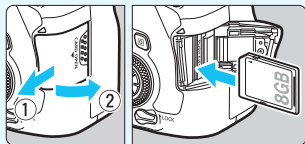
1



Lắp pin (tr.42).

- Sau khi mua máy, sạc pin để bắt đầu sử dụng (tr.40).

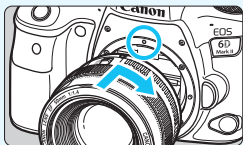
2



Lắp thẻ (tr.43).

- Hướng nhãn trên thẻ quay về mặt sau của máy ảnh, rồi cắm thẻ vào khe.

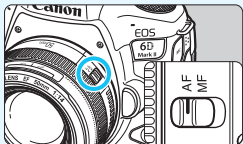
3



Lắp ống kính (tr.53).

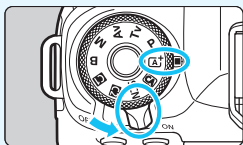
- Điều chỉnh cho vạch đỏ của ống kính trùng với vạch đỏ trên máy ảnh để lắp máy ảnh.

4



Đặt công tắc chế độ lấy nét của ống kính thành <AF> (tr.53).

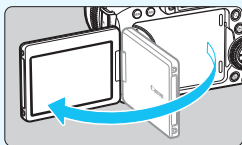
5



Đặt công tắc nguồn thành <ON>, rồi đặt chế độ chụp thành <A+> (tr.47).

- Xoay nút xoay chế độ trong lúc nhấn giữ nút ở giữa.
- Tất cả thiết lập cần thiết cho máy ảnh sẽ được tự động cài đặt.

6



Mở màn hình LCD (tr.46).

- Khi màn hình LCD hiển thị màn hình thiết lập ngày/giờ/múi giờ, tham khảo trang 49.

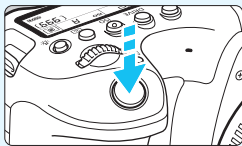
7



Lấy nét chủ thể (tr.56).

- Nhìn vào khung ngắm và hướng trung tâm của khung ngắm vào chủ thể.
- Nhấn nửa chừng nút chụp, máy ảnh sẽ lấy nét chủ thể.

8



Chụp ảnh (tr.56).

- Nhấn hoàn toàn nút chụp để chụp ảnh.

9



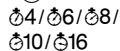
Xem ảnh.

- Ảnh vừa chụp sẽ hiển thị trong khoảng 2 giây trên màn hình LCD.
- Để hiển thị lại ảnh, nhấn nút <▶> (tr.390).

- Để chụp trong khi nhìn vào màn hình LCD, tham khảo phần “Chụp Live View” (tr.291).
- Để xem ảnh đã chụp, tham khảo phần “Xem lại ảnh” (tr.390).
- Để xóa ảnh, tham khảo phần “Xóa ảnh” (tr.432).

Các quy ước sử dụng trong hướng dẫn

Biểu tượng sử dụng trong hướng dẫn

-  : Biểu thị nút xoay chính.
-  : Biểu thị nút xoay điều khiển nhanh.
-  : Biểu thị nút điều khiển đa năng.
-  : Biểu thị hướng thay đổi hoặc di chuyển khi nhấn phím trên nút điều khiển đa năng.
-  : Biểu thị nút thiết lập.
-  : Biểu thị khoảng thời gian (tính bằng giây) thiết lập tương ứng vẫn có hiệu lực sau khi nhấn rồi nhả nút chức năng.
Thời gian tương ứng sẽ là 4 giây, 6 giây, 8 giây, 10 giây hoặc 16 giây.

* Ngoài ra, các biểu tượng và ký hiệu sử dụng trên nút máy ảnh và hiển thị trên màn hình LCD cũng được sử dụng trong hướng dẫn này khi đề cập đến các thao tác và chức năng liên quan.

-  : Biểu thị chức năng có thể điều chỉnh bằng cách nhấn nút **<MENU>** để thay đổi thiết lập.
-  : Biểu tượng này ở bên phải của tiêu đề trang biểu thị chức năng chỉ có thể sử dụng trong các chế độ vùng sáng tạo (**<P>**, **<Tv>**, **<Av>**, **<M>** và ****).
- (tr.***): Số trang tham khảo để tìm hiểu thông tin.
-  : Cảnh báo để tránh vấn đề trực trực khi chụp ảnh.
-  : Thông tin bổ sung.
-  : Gợi ý hoặc lời khuyên để chụp tốt hơn.
-  : Hướng dẫn giải quyết vấn đề trực trực.

Lưu ý về các hướng dẫn và ảnh mẫu

- Tất cả thao tác được mô tả trong hướng dẫn giả định rằng công tắc nguồn đã đặt thành **<ON>** và công tắc **<LOCK>** được gạt sang xuống (Nhả khóa đa chức năng) (tr.47, 59).
- Giả định tất cả thiết lập menu và chức năng tùy chỉnh đã đặt ở chế độ mặc định.
- Hình minh họa trong hướng dẫn này lấy ví dụ máy ảnh lắp ống kính EF50mm f/1.4 USM.
- Ảnh mẫu hiển thị trên máy ảnh và sử dụng trong hướng dẫn này chỉ phục vụ cho mục đích minh họa.

	Giới thiệu	2
1	Hướng dẫn bắt đầu và thao tác máy ảnh cơ bản	39
2	Chụp cơ bản	95
3	Thiết lập AF và kiểu chụp	131
4	Thiết lập ảnh	163
5	Thiết lập GPS	219
6	Thao tác nâng cao cho hiệu ứng ảnh	235
7	Chụp ảnh với đèn flash	279
8	Chụp với màn hình LCD (Chụp Live View)	291
9	Quay phim	327
10	Xem lại ảnh	389
11	Xử lý hậu kỳ ảnh	439
12	Làm sạch cảm biến	451
13	Đặt lệnh in và lập sách ảnh	459
14	Tùy chỉnh máy ảnh	469
15	Tham khảo	517
16	Hướng dẫn bắt đầu sử dụng phần mềm / Tải ảnh về máy tính	609

Nội dung

Giới thiệu 2

Danh sách vật dụng	3
Hướng dẫn sử dụng	4
Thẻ nhớ tương thích	5
Hướng dẫn bắt đầu nhanh	6
Các quy ước sử dụng trong hướng dẫn.....	8
Chương	9
Danh mục các tính năng	18
Cảnh báo an toàn.....	22
Những điều cần chú ý khi thao tác.....	25
Tên bộ phận	28

1 Hướng dẫn ban đầu và thao tác máy ảnh cơ bản 39

Sạc pin	40
Lắp và tháo pin.....	42
Lắp và tháo thẻ.....	43
Sử dụng màn hình LCD	46
Bật nguồn	47
Thiết lập ngày, giờ và múi giờ	49
Chọn ngôn ngữ giao diện.....	52
Lắp và tháo ống kính.....	53
Thao tác chụp cơ bản	55
 Điều khiển nhanh chức năng chụp	61
 Thao tác và cấu hình của menu	64
 Sử dụng màn hình cảm ứng để điều khiển máy ảnh	67

Định dạng thẻ.....	70
Trước khi bắt đầu.....	73
Tắt tiếng bíp	73
Thiết lập thời gian tắt nguồn/tự động tắt nguồn	73
Thiết lập thời gian xem lại ảnh	74
Bật/tắt màn hình LCD.....	74
Khôi phục thiết lập mặc định của máy ảnh	75
⦿ Hiển thị khung lưới trong khung ngắm	81
📷 Hiển thị cân bằng điện tử.....	82
Thiết lập hiển thị thông tin trong khung ngắm.....	84
Chức năng nút INFO	86
LOCK Thiết lập khóa đa chức năng	90
Thiết lập hướng dẫn chế độ chụp.....	91
Thiết lập hướng dẫn tính năng	92
❓ Trợ giúp.....	93

2 Chụp cơ bản 95

📷 Chụp hoàn toàn tự động (Tự động nhận cảnh thông minh).....	96
📷 Kỹ thuật tự động hoàn toàn (Tự động nhận cảnh thông minh)...	99
📷 Chụp tự động sáng tạo	102
SCN: Chế độ cảnh đặc biệt	109
SCN: 📷 Chụp chân dung.....	111
SCN: 📷 Chụp ảnh nhóm	112
SCN: 📷 Chụp phong cảnh.....	113
SCN: 📷 Chụp chủ thể chuyển động.....	114
SCN: 📷 Chụp trẻ em	115

SCN:  Lia máy	116
SCN:  Chụp cận cảnh	118
SCN:  Chụp đồ ăn.....	119
SCN:  Chụp chân dung dưới ánh nền.....	120
SCN:  Chụp chân dung ban đêm (Với chân máy).....	121
SCN:  Chụp cảnh đêm (Cầm tay)	122
SCN:  Chụp cảnh ngược sáng	123
 Điều khiển nhanh.....	128

3 Thiết lập AF và kiểu chụp 131

AF: Chọn thao tác AF	132
 Chọn vùng và điểm AF.....	136
Chế độ chọn vùng AF.....	141
Cảm biến AF	145
Ống kính và điểm AF khả dụng.....	147
Khi Lấy nét tự động thất bại	155
MF: Lấy nét tay.....	156
Thiết lập lấy nét tay điện tử của ống kính.....	157
 Chọn kiểu chụp	158
 Sử dụng chế độ chụp hẹn giờ.....	161

4 Thiết lập ảnh 163

Thiết lập chất lượng ghi ảnh	164
Thiết lập tỷ lệ khung ảnh	170
ISO: Thiết lập tốc độ ISO khi chụp ảnh	172
Chọn kiểu ảnh	178

Tùy chỉnh kiểu ảnh.....	182
Đăng ký kiểu ảnh	185
WB: Thiết lập cân bằng trắng	187
WB Hiệu chỉnh cân bằng trắng.....	193
Tự động hiệu chỉnh độ sáng và độ tương phản.....	196
Thiết lập giảm nhiễu hạt.....	197
Ưu tiên tông màu sáng	201
Hiệu chỉnh quang sai của ống kính do đặc tính quang học	202
Giảm nhấp nháy.....	208
Thiết lập không gian màu.....	210
Tạo và chọn thư mục	211
Phương pháp đánh số thứ tự tập tin	213
Thiết lập thông tin bản quyền.....	216

5 Thiết lập GPS 219

Tính năng GPS	220
Những điều cần chú ý khi sử dụng GPS	222
Thu tín hiệu GPS	223
Thiết lập khoảng thời gian định vị	228
Thiết lập thời gian thu được từ GPS trên máy ảnh.....	229
Ghi chép lộ trình đã đi.....	230

6 Thao tác nâng cao cho hiệu ứng ảnh 235

P : Phơi sáng tự động P	236
Tv : Tự động phơi sáng ưu tiên tốc độ màn trập	238
Av : Tự động phơi sáng ưu tiên khẩu độ	240

M : Phơi sáng chỉnh tay	243
 Chọn chế độ đo sáng	245
 Thiết lập bù trừ phơi sáng mong muốn	247
 Tự động phơi sáng hỗn hợp (AEB)	249
 Khóa phơi sáng để chụp (Khóa phơi sáng)	251
B : Phơi sáng lâu (Bulb)	252
HDR : Chụp HDR (Dải tương phản động cao)	255
 Ảnh ghép phơi sáng	260
 Khóa gương lật	267
TIMER Chụp hẹn giờ ngắt quãng	269
Sử dụng nắp thị kính	272
Chụp điều khiển từ xa	273
Sử dụng công tắc điều khiển từ xa	278

7 Chụp ảnh với đèn flash 279

 Chụp ảnh với đèn flash	280
Thiết lập chức năng flash	283

8 Chụp với màn hình LCD (Chụp Live View) 291

 Chụp với màn hình LCD	292
Thiết lập chức năng quay phim	302
Thiết lập chức năng menu	304
Chọn thao tác AF	307
Lấy nét với Lấy nét tự động (Phương pháp AF)	310
 Chụp với Chạm để chụp	321
MF: Lấy nét tay	323

9 Quay phim 327

 Quay phim	328
Thiết lập chức năng quay phim.....	341
Thiết lập chất lượng ghi phim	343
Thiết lập ghi âm	348
Quay phim HDR.....	350
 Quay phim time-lapse.....	351
Quay video quay nhanh	363
Thiết lập chức năng menu	373

10 Xem ảnh 389

 Xem ảnh	390
INFO: Hiển thị thông tin chụp.....	393
 Hiển thị bảng kê (Hiển thị nhiều ảnh).....	401
 Hiển thị nhảy ảnh (Nhảy qua các ảnh).....	402
 Lọc ảnh để xem lại	404
 Phóng to ảnh	406
 Xem lại bằng màn hình cảm ứng.....	408
 Xoay ảnh.....	410
 Bảo vệ ảnh	411
 Thiết lập xếp hạng	414
 Điều khiển nhanh trong khi xem lại	417
 Thưởng thức phim	419
 Phát lại phim	421
 Chỉnh sửa cảnh đầu tiên và cuối cùng của phim	424

Trình chiếu (Tự động phát).....	426
Xem ảnh trên TV	429
 Xóa ảnh	432
Điều chỉnh độ sáng màn hình LCD	436
Thiết lập tự động xoay ảnh dọc.....	437

11 Xử lý hậu kỳ ảnh 439

 Xử lý ảnh RAW trên máy ảnh	440
 Thay đổi cỡ ảnh JPEG	446
 Cắt ảnh JPEG	448

12 Làm sạch cảm biến 451

 Làm sạch cảm biến tự động	452
Thêm dữ liệu xóa bụi.....	454
Làm sạch cảm biến bằng tay.....	457

13 Đặt lệnh in và lập sách ảnh 459

 Định dạng lệnh in kỹ thuật số (DPOF).....	460
 Chỉ định ảnh cho sách ảnh	466

14 Tùy chỉnh máy ảnh 469

Thiết lập chức năng tùy chỉnh	470
Chức năng tùy chỉnh	471
Thiết lập chức năng tùy chỉnh	473
 : Tinh chỉnh điểm lấy nét tự động	494
 : Điều khiển tùy chỉnh	500

Đăng ký Danh mục riêng	508
------------------------------	-----

 Đăng ký chế độ chụp tùy chỉnh	513
---	-----

15 Tham khảo 517

Sơ đồ hệ thống	518
----------------------	-----

Kiểm tra thông tin pin	520
------------------------------	-----

Sử dụng ổ điện gia đình.....	524
------------------------------	-----

 Sử dụng thẻ Eye-Fi	526
--	-----

Bảng chức năng khả dụng theo chế độ chụp	530
--	-----

Thiết lập menu	538
----------------------	-----

Hướng dẫn giải quyết các vấn đề trực trực.....	565
--	-----

Mã lỗi	584
--------------	-----

Thông số kỹ thuật	585
-------------------------	-----

16 Hướng dẫn bắt đầu sử dụng phần mềm / Tải ảnh về máy tính 609

Hướng dẫn bắt đầu sử dụng phần mềm	610
--	-----

Tải ảnh về máy tính	614
---------------------------	-----

Chỉ mục.....	616
--------------	-----

Danh mục các tính năng

Thiết bị nguồn

- Sạc pin → tr.40
- Mức pin → tr.48
- Kiểm tra thông tin pin → tr.520
- Ổ điện gia đình → tr.524
- Tự động tắt nguồn → tr.73

Thẻ

- Định dạng → tr.70
- Nhà màn trập khi không lắp thẻ → tr.44
- Thẻ tương thích với ghi phim → tr.345

Ống kính

- Lắp → tr.53
- Tháo → tr.54

Thiết lập cơ bản

- Ngôn ngữ → tr.52
- Ngày/Giờ/Múi giờ → tr.49
- Tiếng bíp → tr.73
- Thông tin bản quyền → tr.216
- Xóa tất cả thiết lập của máy ảnh → tr.75

Khung ngắm

- Điều chỉnh độ khúc xạ → tr.55
- Nắp thị kính → tr.272
- Cân bằng điện tử → tr.83
- Hiển thị khung lưới → tr.81
- Hiển thị thông tin trong khung ngắm → tr.84

Màn hình LCD

- Đa góc → tr.46
- Điều khiển cảm ứng → tr.67
- Độ sáng → tr.436
- Tắt/bật khi nhấn nửa chừng nút chụp → tr.74
- Cân bằng điện tử → tr.82
- Hướng dẫn chế độ chụp → tr.91
- Hướng dẫn tính năng → tr.92
- Trợ giúp → tr.93

AF (Lấy nét tự động)

- Thao tác AF → tr.132
- Chế độ chọn vùng AF → tr.136
- Chọn điểm AF → tr.139
- Nhóm ống kính → tr.151
- Tùy chỉnh chức năng AF → tr.477
- Theo dõi màu → tr.144
- Vi chỉnh AF → tr.494
- Lấy nét tay → tr.156
- Lấy nét tay điện tử → tr.157

Đo sáng

- Chế độ đo sáng → tr.245

Drive (Kiểu chụp)

- Kiểu chụp → tr.158
- Chụp hẹn giờ → tr.161
- Số ảnh chụp liên tục tối đa → tr.169

Thiết lập ghi ảnh

- Tạo/chọn thư mục → tr.211
- Đánh số thứ tự tập tin → tr.213

Chất lượng ảnh

- Chất lượng ghi ảnh → tr.164
- Tốc độ ISO (ảnh) → tr.172
- Kiểu ảnh → tr.178
- Cân bằng trắng → tr.187
- Tự động tối ưu hóa ánh sáng → tr.196
- Giảm nhiễu hạt ở tốc độ ISO cao → tr.197
- Giảm nhiễu hạt do phơi sáng lâu → tr.199
- Ưu tiên tông màu sáng → tr.201
- Hiệu chỉnh quang sai của ống kính → tr.202
- Giảm nhấp nháy → tr.208
- Không gian màu → tr.210

Chụp

- Chế độ chụp → tr.35
 - Chế độ vùng cơ bản → tr.35
 - Chế độ SCN → tr.110
 - Chế độ vùng sáng tạo → tr.36
- Tỷ lệ khung ảnh → tr.170
- Chế độ HDR → tr.255
- Ảnh ghép phơi sáng → tr.260
- Khóa gương lật → tr.267
- Hẹn giờ bulb → tr.253
- Hẹn giờ ngắt quãng → tr.269
- Xem trước độ sâu trường ảnh → tr.242
- Công tắc điều khiển từ xa → tr.278
- Điều khiển từ xa → tr.273
 - Ghép đôi → tr.275
- Điều khiển nhanh → tr.61
- Khóa đa chức năng → tr.90
- Mã lỗi → tr.584

Exposure (Phơi sáng)

- Bù trừ phơi sáng → tr.247
- Bù trừ phơi sáng với ISO tự động trong chế độ M → tr.244
- AEB → tr.249
- Khóa phơi sáng → tr.251
- Chuyển an toàn → tr.475

GPS

- GPS → tr.219
- Ghi chép → tr.230

Flash

- Đèn flash ngoài → tr.280
- Bù trừ phơi sáng flash → tr.280
- Khóa phơi sáng flash → tr.280
- Thiết lập chức năng flash → tr.283
- Thiết lập chức năng tùy chỉnh flash → tr.288

Chụp Live View

- Chụp Live View → tr.291
- Thao tác AF → tr.307
- Phương pháp AF → tr.310
- Chạm để chụp → tr.321
- Xem phóng to → tr.319
- Lấy nét tay → tr.323
- Mô phỏng phơi sáng → tr.305
- Chụp Live View ngắt tiếng → tr.305

Quay phim

- Quay phim phơi sáng tự động → tr.328
- Chụp phơi sáng chỉnh tay → tr.332
- Tốc độ ISO (phim) → tr.374
- Phương pháp AF → tr.310
- Lấy nét Servo phim → tr.375
- Độ nhạy theo dõi lấy nét Servo phim → tr.377
- Tốc độ lấy nét Servo phim → tr.378
- Chất lượng ghi phim → tr.343
- Phim HDR → tr.350
- Phim time-lapse → tr.351
- Video quay nhanh → tr.363
- Ghi âm → tr.348
- Micro → tr.349
- Lọc gió → tr.348
- Bộ tiêu âm → tr.349
- Chụp điều khiển từ xa → tr.384

Phát lại

- Thời gian xem lại ảnh → tr.74
- Hiển thị từng ảnh → tr.390
- Hiển thị thông tin chụp → tr.393
- Hiển thị bảng kê → tr.401
- Duyệt ảnh
(Hiển thị nhảy ảnh) → tr.402
- Thiết lập điều kiện tìm kiếm ảnh → tr.404
- Xem phóng to → tr.406
- Xoay ảnh → tr.410
- Bảo vệ ảnh → tr.411
- Xếp hạng → tr.414
- Phát lại phim → tr.421
- Chỉnh sửa cảnh đầu tiên và cuối cùng của phim → tr.424
- Trình chiếu → tr.426
- Xem ảnh trên TV → tr.429
- Xóa → tr.432
- Chạm để xem lại → tr.408
- Điều khiển nhanh → tr.417

Chỉnh sửa ảnh

- Xử lý ảnh RAW → tr.440
- Thay đổi cỡ ảnh JPEG → tr.446
- Cắt ảnh JPEG → tr.448

In / Lập sách ảnh

- Lệnh in (DPOF) → tr.460
- Lập sách ảnh → tr.466

Tùy chỉnh

- Chức năng tùy chỉnh (C.Fn) → tr.471
- Điều khiển tùy chỉnh → tr.500
- Danh mục riêng → tr.508
- Chế độ chụp tùy chỉnh → tr.513

Làm sạch cảm biến và giảm bụi

- Làm sạch cảm biến → tr.452
- Thêm dữ liệu xóa bụi → tr.454
- Làm sạch cảm biến bằng tay → tr.457

Phần mềm

- Hướng dẫn bắt đầu sử dụng phần mềm → tr.610
- Hướng dẫn sử dụng phần mềm → tr.613

Chức năng Wi-Fi/NFC/Bluetooth

- Hướng dẫn sử dụng chức năng Wi-Fi (Giao tiếp không dây)

Cảnh báo an toàn

Chú ý những điều sau để tránh gây hại, chấn thương cho bạn và người khác. Bảo đảm hiểu kỹ và thực hiện theo hướng dẫn trước khi sử dụng sản phẩm. **Nếu có vấn đề trục trặc hoặc hư hỏng sản phẩm, liên hệ Trung tâm bảo hành gần nhất của Canon hoặc đại lý bán hàng nơi bạn mua sản phẩm.**



Cảnh báo:

Thực hiện theo những cảnh báo dưới đây. Nếu không, có thể gây chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

- Để tránh hỏa hoạn, nhiệt độ quá nóng, rò rỉ hóa chất, nổ hoặc điện giật, hãy thực hiện theo các biện pháp an toàn dưới đây:
 - Không sử dụng pin, nguồn điện hoặc phụ kiện không được quy định trong hướng dẫn này. Không sử dụng pin tự chế tạo, pin hỏng hoặc đã qua chỉnh sửa.
 - Không lắp các cực pin ngược chiều.
 - Không làm đoản mạch, tháo rời hoặc chỉnh sửa pin. Không đốt nóng hoặc hàn pin. Không để pin tiếp xúc với lửa hoặc nước. Không để pin chịu va chạm mạnh.
 - Không sạc pin trong môi trường có nhiệt độ ngoài phạm vi nhiệt độ cho phép sạc (vận hành). Ngoài ra, không sạc pin quá thời gian chỉ định trong hướng dẫn sử dụng.
 - Không cầm bất kỳ vật lạ bằng kim loại nào vào các tiếp xúc điện của máy ảnh, phụ kiện, cáp kết nối, v.v...
- Khi vứt bỏ pin, bọc cách ly các tiếp xúc điện bằng băng dính. Tiếp xúc với các vật kim loại hoặc pin khác có thể gây cháy hoặc nổ.
- Trong khi sạc pin, khói hoặc mùi lạ sẽ phát ra nếu pin quá nóng. Ngay lập tức rút phích cắm của sạc pin ra khỏi ổ điện để ngừng sạc nhằm chống cháy nổ. Nếu không, có thể gây cháy, bỏng hoặc điện giật.
- Nếu pin bị rò rỉ, đổi màu, biến dạng hoặc phát ra khói hoặc mùi lạ, cần tháo pin ngay lập tức. Cần thận không để bị bỏng trong quá trình xử lý. Có thể gây cháy, điện giật hoặc bỏng nếu tiếp tục sử dụng.
- Ngăn các chất rò rỉ của pin khỏi tiếp xúc với mắt, da và quần áo. Các chất này có thể gây mù hoặc các vấn đề da liễu. Nếu chất rò rỉ của pin tiếp xúc với mắt, da hoặc quần áo, dùng nhiều nước để xối rửa khu vực bị ảnh hưởng nhưng không được chà xát. Gặp bác sĩ ngay lập tức.
- Không để bất kỳ dây điện nào gần nguồn nhiệt. Nhiệt có thể làm biến dạng dây điện hoặc làm chảy lớp cách điện và gây cháy hoặc điện giật.
- Không nên giữ máy ảnh ở một vị trí trong thời gian dài. Ngay cả khi máy ảnh không tỏa nhiệt nhiều, tiếp xúc lâu với một bộ phận của máy có thể gây đỏ da, rộp da do bỏng tiếp xúc ở nhiệt độ thấp. Nên sử dụng chân máy khi chụp ảnh hoặc quay phim ở nơi có nhiệt độ cao hoặc khi bạn có vấn đề về tuần hoàn máu hay da kém nhạy cảm.
- Không đánh sáng flash vào người đang lái ô tô hay các phương tiện khác. Việc này có thể gây tai nạn.
- Khi không sử dụng máy ảnh hoặc phụ kiện, bảo đảm đã tháo pin, rút dây nguồn và cáp kết nối khỏi thiết bị trước khi cất giữ để tránh điện giật, sinh nhiệt, cháy và ăn mòn.

- Không sử dụng thiết bị ở nơi có khí dễ cháy để tránh cháy nổ.
- Nếu bạn đánh rơi thiết bị và vỏ bị vỡ để lộ ra các bộ phận bên trong máy, không chạm vào các bộ phận đó do có khả năng bị điện giật.
- Không tháo rời hoặc chỉnh sửa thiết bị. Các bộ phận điện áp cao bên trong có thể gây điện giật.
- Không nhìn vào mặt trời hoặc nguồn sáng cực chói qua máy ảnh hoặc ống kính. Làm vậy có thể gây hỏng thị lực của bạn.
- Cất giữ thiết bị ngoài tầm với của trẻ em và trẻ sơ sinh, ngay cả khi đang sử dụng thiết bị. Dây đeo hoặc dây điện có thể vô tình gây nghẹt thở, điện giật hoặc chấn thương. Nghẹt thở hoặc chấn thương cũng có thể phát sinh do trẻ em hoặc trẻ sơ sinh nuốt phải linh kiện hoặc phụ kiện của máy ảnh. Nếu trẻ em hoặc trẻ sơ sinh nuốt phải linh kiện hoặc phụ kiện, cần tham vấn bác sĩ ngay lập tức.
- Không bảo quản hay sử dụng thiết bị ở những nơi nhiều bụi hoặc ẩm ướt. Ngoài ra, giữ pin tránh xa các vật bằng kim loại và bảo quản pin ở trạng thái có gắn nắp bảo vệ để tránh đoản mạch. Làm vậy sẽ tránh được gây cháy, sinh nhiệt, điện giật và bỏng.
- Trước khi sử dụng máy ảnh bên trong máy bay hoặc bệnh viện, kiểm tra xem có được phép sử dụng máy ảnh hay không. Sóng điện từ do máy ảnh phát ra có thể gây nhiễu các dụng cụ của máy bay hoặc thiết bị y tế của bệnh viện.
- Để chống cháy và điện giật, thực hiện theo các biện pháp an toàn dưới đây:
 - Luôn cắm hoàn toàn phích cắm điện vào ổ.
 - Không cầm phích cắm điện bằng tay ướt.
 - Khi rút phích cắm điện, cầm chặt và kéo phích cắm thay vì dây điện.
 - Không làm xước, cắt hoặc uốn cong quá mức dây điện hoặc đặt vật nặng lên dây điện. Ngoài ra không vận hoặc tháo nút dây điện.
 - Không kết nối quá nhiều phích cắm điện vào cùng một ổ điện.
 - Không sử dụng dây điện bị đứt hoặc hỏng lớp cách điện.
- Rút phích cắm điện định kỳ và dùng khăn khô lau sạch bụi bám quanh ổ điện. Nếu xung quanh nhiều bụi, ẩm ướt hoặc có dầu, bụi trên ổ điện có thể bị ẩm và làm đoản mạch ổ điện gây ra cháy.
- Không kết nối trực tiếp pin với nguồn điện hoặc với lỗ châm thuốc trên ô tô. Pin có thể rò rỉ, sinh nhiệt hoặc nổ, gây cháy, bỏng hoặc gây chấn thương.
- Khi cho trẻ em sử dụng sản phẩm, cần được người lớn hướng dẫn cẩn thận. Luôn giám sát khi trẻ dùng máy. Sử dụng không đúng cách có thể gây điện giật hoặc chấn thương.
- Không để ống kính hoặc máy ảnh có lắp ống kính dưới nắng mà không lắp nắp ống kính. Nếu không, ống kính có thể hội tụ các tia nắng và gây cháy.
- Không dùng vải che hoặc bọc thiết bị khi đang sử dụng. Nhiệt bị tích bên trong sẽ khiến vỏ bị biến dạng hoặc bắt lửa.
- Cẩn thận không để ướt máy ảnh. Nếu đánh rơi máy ảnh vào nước hoặc nếu nước hoặc mảnh kim loại rơi vào trong máy ảnh, nhanh chóng tháo pin. Làm vậy sẽ tránh được cháy, điện giật và bỏng.
- Không sử dụng chất pha loãng sơn, benzen hoặc dung môi hữu cơ khác để làm sạch sản phẩm. Các chất này có thể gây cháy hoặc nguy hại đối với sức khỏe.



Thận trọng: Thực hiện theo những lưu ý dưới đây. Nếu không, có thể xảy ra hư hỏng hoặc chấn thương.

- Không sử dụng hoặc cất giữ sản phẩm trong môi trường nhiệt độ cao, chẳng hạn như ô tô dưới trời nắng nóng. Sản phẩm có thể trở nên nóng và gây bỏng. Làm vậy cũng có thể gây rò rỉ hoặc nổ pin, làm cho hiệu suất kém đi hoặc tuổi đời sản phẩm bị rút ngắn.
- Không di chuyển máy ảnh khi máy đang lắp vào chân máy. Làm vậy có thể gây chấn thương hoặc tai nạn. Ngoài ra, đảm bảo chân máy đủ vững chắc để đỡ máy ảnh và ống kính.
- Không để sản phẩm trong môi trường nhiệt độ thấp trong thời gian dài. Sản phẩm sẽ trở nên lạnh và có thể gây chấn thương khi tiếp xúc.
- Không đánh sáng flash gần mắt người. Có thể gây hại cho mắt.

Những điều cần chú ý khi thao tác

Bảo quản máy ảnh

- Máy ảnh là thiết bị có độ chính xác cao. Không làm rơi máy ảnh hoặc để máy ảnh chịu tác động mạnh.
- Máy ảnh không có khả năng chống thấm nước, vì vậy không thể sử dụng dưới nước.
- Đóng chặt các nắp như nắp cổng kết nối, nắp ngăn chứa pin, nắp khe cắm thẻ, v.v... để chống bụi và nước cho máy ảnh một cách hiệu quả nhất.
- Máy ảnh này được thiết kế để chống bụi và nước, nhằm tránh không cho cát, bụi, chất bẩn hoặc nước rơi vào trong máy ảnh, tuy nhiên không thể ngăn chặn tuyệt đối chất bẩn, bụi, nước hoặc muối chui vào bên trong. Do đó bạn nên tránh hết mức, không để các vật thể này rơi vào máy ảnh.
- Nếu máy ảnh bị dính nước, lau sạch bằng miếng vải sạch và khô. Nếu chất bẩn, bụi hoặc muối dính vào máy ảnh, lau sạch bằng miếng vải sạch ẩm, vắt kỹ.
- Sử dụng máy ảnh ở nơi có lượng lớn bụi hoặc chất bẩn có thể gây ra trục trặc.
- Bạn nên làm sạch máy ảnh sau khi sử dụng. Để cho chất bẩn, bụi, nước hoặc muối còn lại trên máy ảnh có thể gây ra trục trặc.
- Nếu bạn vô tình làm rơi máy ảnh vào nước hoặc lo ngại rằng hơi ẩm (nước), chất bẩn, bụi hoặc muối có thể đã chui vào bên trong máy ảnh, hãy nhanh chóng liên hệ Trung tâm bảo hành gần nhất của Canon.
- Tuyệt đối không để máy ảnh gần các vật có từ trường mạnh như nam châm hoặc động cơ điện. Ngoài ra, tránh sử dụng hoặc để máy ảnh gần vật phát sóng vô tuyến mạnh như ăng-ten lớn. Từ trường mạnh có thể khiến máy ảnh trục trặc hoặc làm hỏng dữ liệu ảnh.
- Không để máy ảnh tại những nơi có nhiệt độ cao như trong ô tô có ánh sáng mặt trời chiếu trực tiếp. Nhiệt độ cao có thể gây trục trặc cho máy ảnh.
- Máy ảnh có hệ thống mạch điện tử chính xác. Tuyệt đối không tự ý tháo rời máy ảnh.

- Không để ngón tay hoặc các vật khác cản trở hoạt động của gương lật. Làm vậy có thể gây trục trặc cho máy ảnh.
- Chỉ sử dụng bóng thổi có sẵn trên thị trường để thổi sạch bụi trên ống kính, khung ngắm, gương lật, màn hình lấy nét, v.v... Không sử dụng chất tẩy rửa có chứa dung môi hữu cơ để vệ sinh máy ảnh hoặc ống kính. Với vết bẩn khó lau, bạn cần mang máy ảnh đến Trung tâm bảo hành gần nhất của Canon.
- Không chạm ngón tay vào điểm tiếp xúc điện của máy ảnh để ngăn điểm tiếp xúc khỏi bị mòn. Điểm tiếp xúc bị mòn có thể gây trục trặc cho máy ảnh.
- Nếu đột ngột chuyển máy ảnh từ nơi lạnh vào phòng ấm, hơi nước có thể đọng trên máy ảnh và các bộ phận bên trong. Để tránh đọng hơi nước, trước tiên đặt máy ảnh vào túi nhựa kín và để máy thích nghi với nhiệt độ ẩm hơn trước khi lấy ra khỏi túi.
- Không sử dụng nếu hơi nước đọng trên máy ảnh để tránh làm hỏng máy ảnh. Nếu đọng hơi nước, tháo ống kính, thẻ và pin ra khỏi máy ảnh. Chỉ tiếp tục sử dụng máy khi hơi ẩm bay hơi hết.
- Nếu không sử dụng máy ảnh trong khoảng thời gian dài, nên tháo pin và bảo quản máy ảnh ở nơi khô ráo, thoáng mát. Trong thời gian cất giữ máy ảnh, thỉnh thoảng nên nhấn nút chụp vài lần để đảm bảo máy ảnh vẫn hoạt động bình thường.
- Tránh cất giữ máy ảnh ở nơi có hóa chất gây gỉ và ăn mòn như trong phòng thí nghiệm hóa học.
- Nếu không sử dụng máy ảnh trong khoảng thời gian dài, nên kiểm tra tất cả chức năng máy ảnh trước khi sử dụng. Nếu không sử dụng máy ảnh trong một khoảng thời gian hoặc cần chụp những sự kiện quan trọng, ví dụ như chuyển đi nước ngoài sắp tới, bạn nên nhờ Trung tâm bảo hành gần nhất của Canon hoặc tự mình kiểm tra lại máy ảnh để đảm bảo rằng máy vẫn hoạt động chính xác.
- Máy ảnh có thể bị nóng nếu bạn chụp liên tục nhiều lần hoặc chụp Live View hay quay phim trong khoảng thời gian dài. Đây không phải vấn đề trục trặc.
- Nếu có nguồn sáng trong hoặc ngoài phạm vi chụp, hiện tượng bóng ma (ảnh bị mờ do lóa sáng) có thể xảy ra.

Bảng điều khiển LCD và màn hình LCD

- Mặc dù màn hình LCD được sản xuất bằng công nghệ có độ chính xác rất cao với hơn 99,99% số điểm ảnh hiệu dụng, nhưng vẫn còn ít hơn 0,01% số điểm ảnh có thể bị chết và xuất hiện chấm đen, chấm đỏ hoặc chấm các màu khác. Đây không phải vấn đề trực trặc và không ảnh hưởng đến ảnh được ghi.
- Nếu màn hình LCD ở trạng thái bật trong khoảng thời gian dài, có thể xảy ra hiện tượng lưu ảnh, bạn sẽ nhìn thấy dấu vết của ảnh đã hiển thị trước đó trên màn hình. Tuy nhiên, hiện tượng này chỉ là tạm thời và sẽ biến mất khi không sử dụng máy ảnh trong vài ngày.
- Màn hình LCD có thể hiển thị hơi chậm trong điều kiện nhiệt độ thấp hoặc trông đen hơn trong điều kiện nhiệt độ cao. Máy ảnh sẽ trở lại bình thường ở điều kiện nhiệt độ phòng.

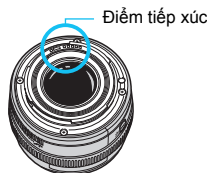
Thẻ

Để bảo vệ thẻ và dữ liệu ghi trong thẻ, lưu ý những điều sau:

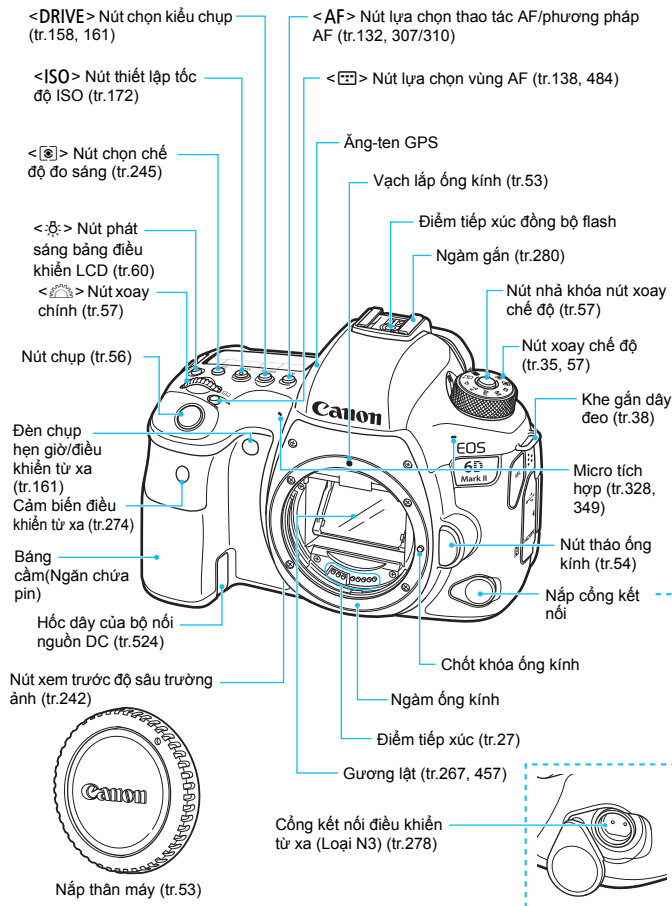
- Không làm rơi, bẻ cong hoặc làm ướt thẻ. Không để thẻ chịu lực tác động lớn, va đập hoặc rung lắc.
- Không chạm ngón tay hoặc vật kim loại vào các điểm tiếp xúc điện của thẻ.
- Không dán bất kỳ vật nào lên thẻ, ví dụ: miếng dán, v.v...
- Không bảo quản hoặc sử dụng thẻ gần các vật có từ trường mạnh như TV, loa hoặc nam châm. Ngoài ra, tránh những nơi có tĩnh điện.
- Không để thẻ ở nơi có ánh nắng mặt trời chiếu trực tiếp hoặc gần nguồn nhiệt.
- Bảo quản thẻ trong hộp.
- Không bảo quản thẻ ở những nơi có nhiệt độ cao, nhiều bụi bẩn hoặc ẩm ướt.

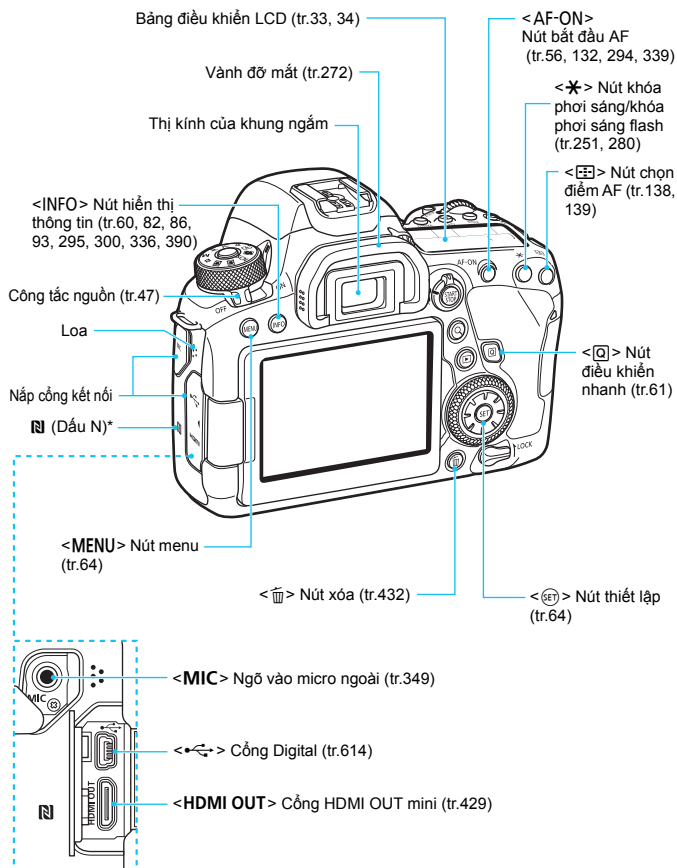
Ống kính

Sau khi tháo ống kính khỏi máy ảnh, đặt mặt dưới ống kính ngửa lên và đặt nắp sau ống kính để tránh trầy xước bề mặt ống kính và các điểm tiếp xúc điện.

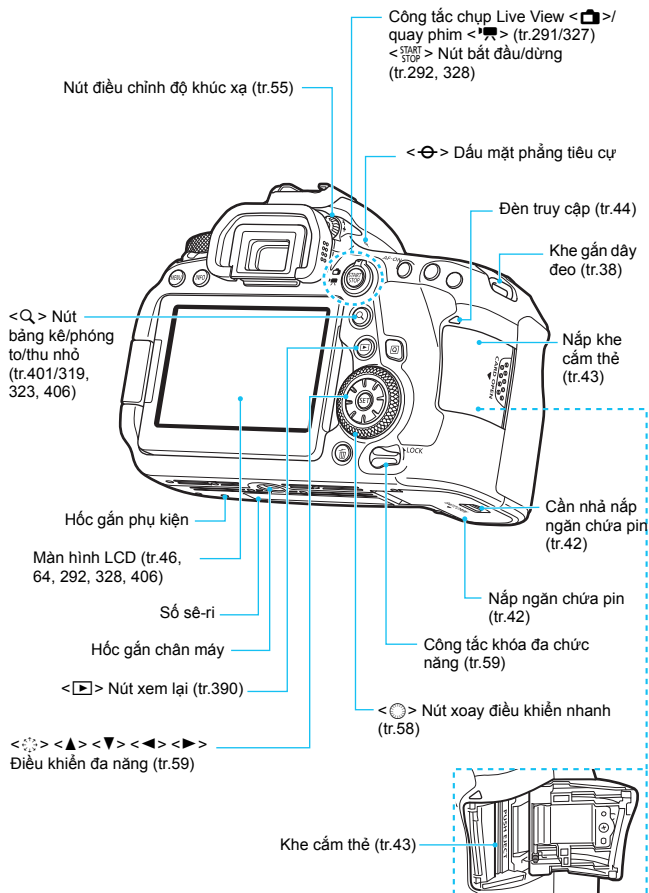


Tên bộ phận

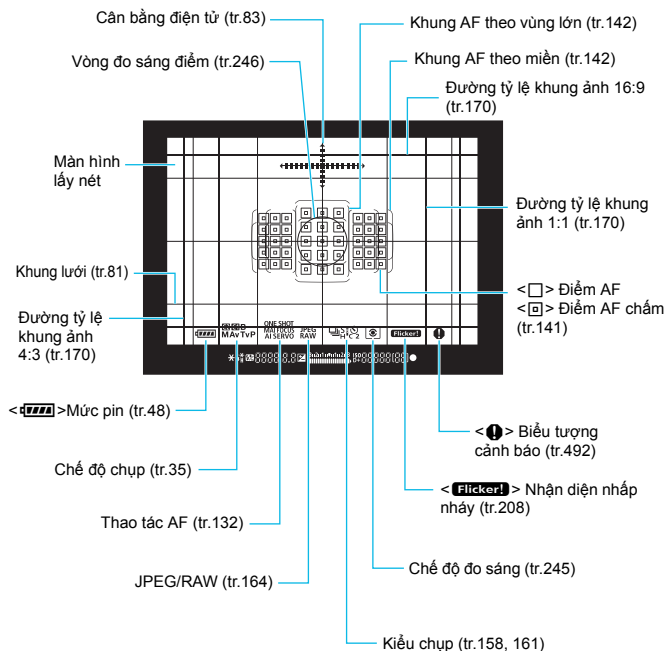




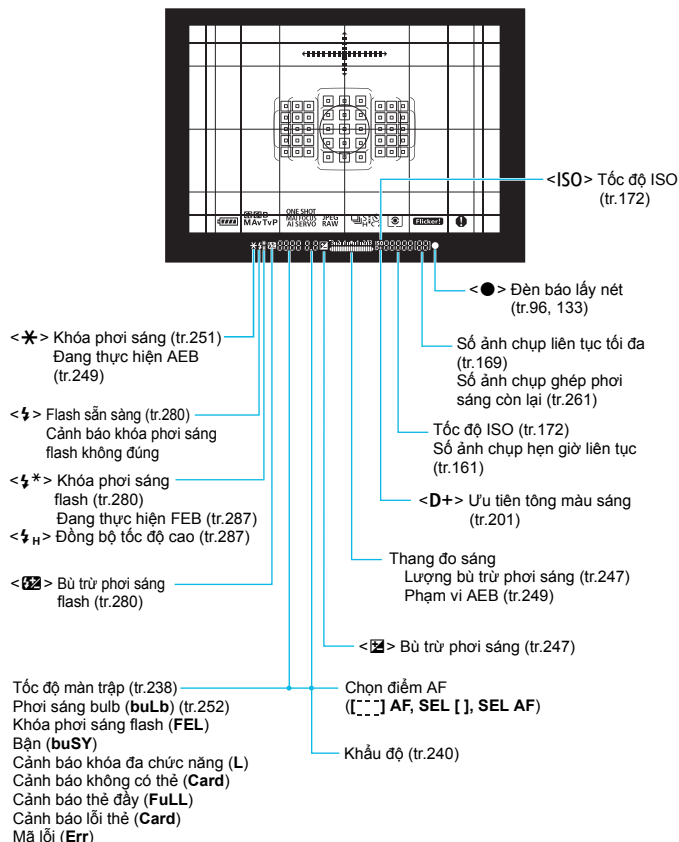
* Được sử dụng để kết nối Wi-Fi qua chức năng NFC.



Hiển thị thông tin khung ngắm



* Màn hình chỉ hiển thị thiết lập được áp dụng hiện thời.



Bảng điều khiển LCD

Kiểu chụp (tr.158, 161)

- Chụp từng ảnh
- Chụp liên tục tốc độ cao
- Chụp liên tục tốc độ thấp
- Chụp từng ảnh ngắt tiếng
- Chụp liên tục ngắt tiếng
- Chụp hẹn giờ: 10 giây/điều khiển từ xa
- Chụp hẹn giờ: 2 giây/điều khiển từ xa
- Chụp hẹn giờ: Liên tục

Thao tác AF (tr.132, 307)

ONE SHOT

Lấy nét một lần

AI FOCUS

Lấy nét tự động AI

AI SERVO

Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục

SERVO

Lấy nét Servo

M FOCUS

Lấy nét tay
(tr.156, 323)

Chọn điểm AF

([] AF, SEL [], SEL AF)

Tốc độ màn trập

Phơi sáng bulb (**buLb**)

Khóa phơi sáng flash (**FEL**)

Số lượng ảnh còn lại của phim time-lapse

Bận (**buSY**)

Cảnh báo khóa đa chức năng (**L**)

Làm sạch cảm biến hình ảnh (**CLn**)

Cảnh báo không có thẻ (**Card**)

Cảnh báo thẻ đầy (**FuLL**)

Cảnh báo lỗi thẻ (**Card**)

Mã lỗi (**Err**)

<D+> Ưu tiên tông màu sáng (tr.201)

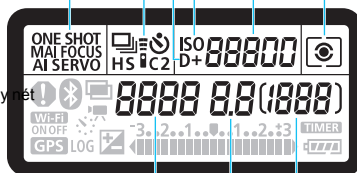
<ISO> Tốc độ ISO (tr.172)

Tốc độ ISO (tr.172)

Số ảnh chụp hẹn giờ liên tục
(tr.161)

Chế độ đo sáng (tr.245)

- Đo sáng toàn khu vực
- Đo sáng từng phần
- Đo sáng điểm
- Đo sáng trung bình trung tâm



Số ảnh có thể chụp

Thời gian đếm ngược của

chụp hẹn giờ

Thời gian phơi sáng bulb

Mã lỗi

Số ảnh còn có thể ghi

Khẩu độ

* Màn hình chỉ hiển thị thiết lập được áp dụng hiện thời.

< [Camera Icon] > Chụp ảnh ghép phơi sáng (tr.260)

< [Bluetooth Icon] > Chức năng Bluetooth

< [Warning Icon] > Biểu tượng cảnh báo (tr.492)

< [Time-lapse Icon] > Quay phim time-lapse (tr.351)

< **TIMER** >
Chụp hẹn giờ bulb
Chụp hẹn giờ ngắn quăn (tr.253/269)

< **Wi-Fi** >
Chức năng Wi-Fi

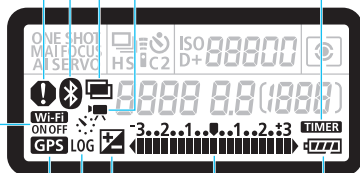
< **GPS** > Trạng thái nhận tín hiệu GPS

< **LOG** > Chức năng ghi chép

< [Histogram Icon] > Bù trừ phơi sáng (tr.247)

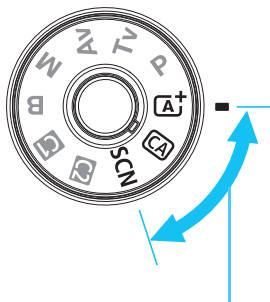
Thang đo sáng
Lượng bù trừ phơi sáng (tr.247)
Phạm vi AEB (tr.249)

Mức pin (tr.48)



Nút xoay chế độ

Bạn có thể đặt chế độ chụp. Xoay nút xoay chế độ khi nhấn giữ vị trí trung tâm nút xoay chế độ (nút nhả khóa nút xoay chế độ).



Vùng cơ bản

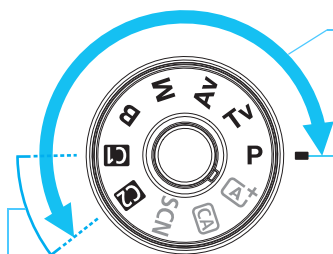
Bạn chỉ cần nhấn nút chụp. Máy ảnh sẽ thiết lập cài đặt phù hợp với chủ thể hoặc cảnh cần chụp.

A⁺ : Tự động nhận cảnh thông minh (tr.96)

CA : Tự động sáng tạo (tr.102)

SCN : Cảnh đặc biệt (tr.109)

	Chân dung (tr.111)		Cận cảnh (tr.118)
	Ảnh nhóm (tr.112)		Đồ ăn (tr.119)
	Phong cảnh (tr.113)		Ánh nền (tr.120)
	Thể thao (tr.114)		Chân dung ban đêm (tr.121)
	Trẻ em (tr.115)		Chụp đêm cầm tay (tr.122)
	Lia máy (tr.116)		Chỉnh ngược sáng HDR (tr.123)



Vùng sáng tạo

Những chế độ sau giúp điều khiển máy ảnh tốt hơn khi chụp các chủ thể khác nhau theo mong muốn.

P : Phơi sáng tự động **P** (tr.236)

Tv : Tự động phơi sáng ưu tiên tốc độ màn trập (tr.238)

Av : Tự động phơi sáng ưu tiên khẩu độ (tr.240)

M : Phơi sáng chỉnh tay (tr.243)

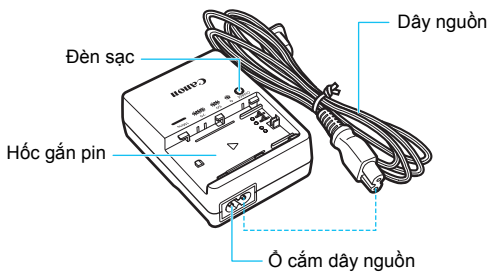
B : Bulb (tr.252)

Chế độ chụp tùy chỉnh

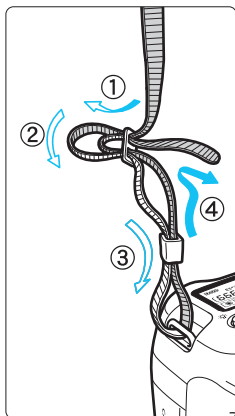
Bạn có thể đăng ký chế độ chụp (<**P**>, <**Tv**>, <**Av**>, <**M**> hoặc <**B**>), thao tác AF, thiết lập menu, v.v... cho các vị trí nút xoay chế độ <**1**> và <**2**> (tr.513).

Sạc pin LC-E6E

Sạc cho pin LP-E6N/LP-E6 (tr.40).



Gắn dây đeo



Luồn dây đeo từ dưới lên qua khe gắn dây đeo. Sau đó, kéo dây đeo qua khóa như hình minh họa. Kéo căng dây đeo để đảm bảo nút thắt không bị rơi lỏng.

- Dây đeo này cũng có gắn nắp thị kính (tr.272).

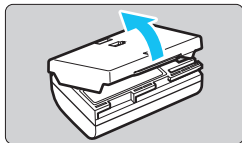


1

Hướng dẫn bắt đầu và thao tác máy ảnh cơ bản

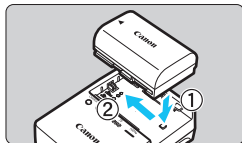
Chương này trình bày các bước chuẩn bị trước khi bắt đầu chụp và các thao tác máy ảnh cơ bản.

Sạc pin



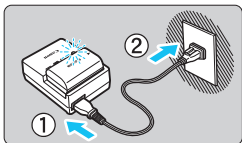
1 Tháo nắp bảo vệ.

- Tháo nắp bảo vệ đi kèm với pin.



2 Lắp pin.

- Lắp pin cố định vào sạc như hình minh họa.
- Để tháo pin, thực hiện theo các bước ngược lại với quy trình trên.



3 Sạc pin.

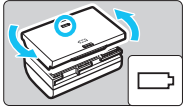
- Kết nối dây nguồn với sạc và cắm phích vào ổ điện.
- Quá trình sạc sẽ tự động bắt đầu và đèn sạc nhấp sáng màu cam.

Mức sạc	Đèn sạc	
	Màu	Hiện thị
0-49%	Màu cam	Nhấp sáng một lần/giây
50-74%		Nhấp sáng hai lần/giây
75% trở lên		Nhấp sáng ba lần/giây
Sạc đầy pin	Màu xanh lá	Bật

- Trong nhiệt độ phòng (23°C / 73°F), thời gian sạc đầy pin đã hết kéo dài khoảng 2 giờ 30 phút.** Thời gian sạc pin sẽ thay đổi phụ thuộc vào nhiệt độ môi trường và lượng pin còn lại.
- Vì lý do an toàn, ở nhiệt độ thấp (5°C - 10°C / 41°F - 50°F), thời gian sạc sẽ dài hơn (tối đa khoảng 4 giờ).



Gợi ý sử dụng pin và sạc

- **Khi mua máy ảnh, pin chưa được sạc đầy.**
Sạc pin trước khi sử dụng.
- **Sạc lại pin trước một ngày hoặc trong ngày sử dụng máy ảnh.**
Trong thời gian cất giữ, pin đã sạc cũng sẽ dần cạn và mất năng lượng.
- **Sau khi sạc pin, tháo pin và rút sạc khỏi ổ cắm điện.**
- **Bạn có thể lắp nắp theo các hướng khác nhau để biểu thị pin đã được sạc hay chưa.**
Nếu pin đã được sạc, lắp nắp bảo vệ sao cho hốc hình pin <  > thẳng hàng với miếng dán màu xanh trên pin. Nếu pin đã hết, lắp nắp bảo vệ theo hướng ngược lại. 
- **Tháo pin ra khi không sử dụng máy ảnh.**
Nếu lắp pin trong máy ảnh trong khoảng thời gian dài, pin sẽ liên tục giải phóng một lượng nhỏ năng lượng, dẫn đến pin phóng điện quá nhiều và làm giảm tuổi thọ pin. Bảo quản pin với nắp bảo vệ. Cất giữ pin khi đã sạc đầy có thể làm giảm hiệu suất pin.
- **Sạc pin có thể sử dụng ở nước ngoài.**
Sạc pin tương thích với nguồn điện 50/60 Hz 100 V AC đến 240 V AC. Nếu cần, cắm sạc pin thông qua bộ chuyển đổi phích cắm bán trên thị trường của quốc gia hoặc khu vực sử dụng tương ứng. Không cắm sạc pin vào bộ biến thể di động. Làm vậy có thể gây hỏng sạc pin.
- **Nếu pin nhanh hết ngay cả khi đã sạc đầy, tuổi thọ pin đã hết.**
Kiểm tra hiệu suất sạc của pin (tr.520) và mua pin mới.

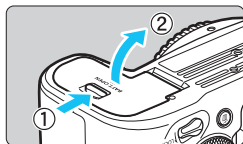


- Sau khi rút phích cắm điện của sạc, không chạm vào chân cắm trong ít nhất 10 giây.
- Nếu dung lượng còn lại của pin (tr.520) đạt 94% trở lên, không cần sạc lại pin.
- Không sử dụng sạc pin kèm theo với các loại pin khác ngoài Pin LP-E6N/LP-E6.

Lắp và tháo pin

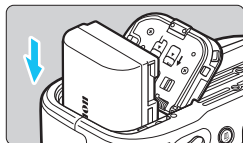
Lắp Pin LP-E6N (hoặc LP-E6) đã sạc đầy vào máy ảnh. **Khung ngắm của máy ảnh sẽ phát sáng khi lắp pin và trở nên tối dần khi tháo pin. Nếu chưa lắp pin, ảnh trong khung ngắm sẽ trở nên mờ và không thể lấy được nét.**

Lắp pin



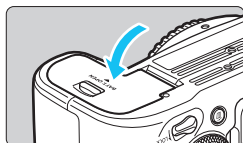
1 Mở nắp.

- Đẩy nút gạt theo hướng mũi tên và mở nắp.



2 Lắp pin.

- Lắp đầu có các điểm tiếp xúc điện vào.
- Lắp pin cho đến khi vào vị trí khóa.

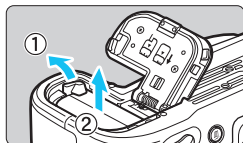


3 Đóng nắp.

- Nhấn nắp cho đến khi phát ra tiếng tách.

 Không thể sử dụng pin khác ngoài Pin LP-E6N hoặc LP-E6.

Tháo pin



Mở nắp và tháo pin.

- Nhấn nút gạt khóa pin theo hướng mũi tên và tháo pin.
- Để ngăn hiện tượng đoản mạch, đảm bảo gắn nắp bảo vệ kèm theo (tr.40) vào pin.

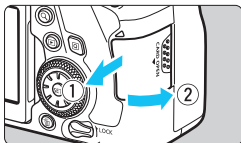
Lắp và tháo thẻ

Có thể sử dụng thẻ nhớ SD, SDHC hoặc SDXC (bản riêng) cho máy ảnh này. Ảnh chụp được ghi vào thẻ.

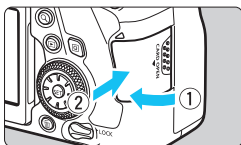
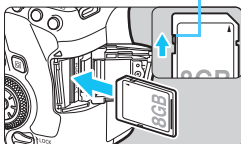


Đảm bảo mẫu chống ghi của thẻ được đẩy lên để có thể ghi và xóa.

Lắp thẻ



Mẫu chống ghi



Số ảnh có thể

1 Mở nắp.

- Đẩy nắp theo hướng mũi tên để mở.

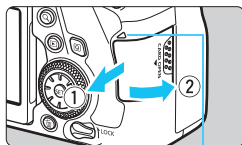
2 Lắp thẻ.

- Thực hiện như hình minh họa, quay mặt có nhãn thẻ về phía bạn và cắm thẻ vào cho đến khi phát ra tiếng tách.

3 Đóng nắp.

- Đóng nắp và trượt nắp theo hướng mũi tên cho đến khi phát ra tiếng tách.
- Khi đặt công tắc nguồn thành <ON>, số lượng ảnh có thể chụp sẽ hiển thị trên bảng điều khiển LCD.

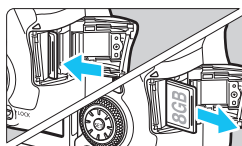
Tháo thẻ



Đèn truy cập

1 Mở nắp.

- Đặt công tắc nguồn thành <OFF>.
- Kiểm tra để đảm bảo đèn truy cập đã tắt, rồi mở nắp.
- Nếu [Recording... (Đang ghi...)] hiển thị trên màn hình LCD, hãy đóng nắp lại.



2 Tháo thẻ.

- Đẩy nhẹ thẻ vào trong, rồi thả tay để thẻ đẩy ra.
- Kéo thẳng thẻ ra, rồi đóng nắp lại.



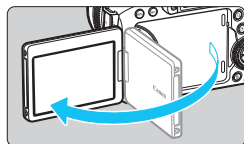
- Thẻ UHS-I SDHC hoặc SDXC cũng có thể được sử dụng.
- Số lượng ảnh có thể chụp sẽ khác nhau tùy thuộc vào dung lượng còn lại của thẻ, thiết lập chất lượng ghi ảnh, tốc độ ISO, v.v...
- Đặt [📷 1: Release shutter without card (Nhả màn trập khi không lắp thẻ)] thành [Disable (Tắt)] sẽ giúp bạn không quên lắp thẻ (tr.540).



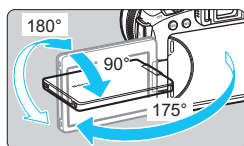
- **Đèn truy cập sáng hoặc nhấp nháy cho biết ảnh đang được ghi vào thẻ hoặc đọc trên thẻ, ảnh đang bị xóa hoặc dữ liệu đang truyền. Trong trường hợp này, không mở nắp khe cắm thẻ. Ngoài ra, khi đèn truy cập sáng hoặc nhấp nháy, tuyệt đối không thực hiện các thao tác sau. Nếu không, dữ liệu ảnh, thẻ hoặc máy ảnh có thể bị hỏng.**
 - Tháo thẻ.
 - Tháo pin.
 - Lắc hoặc đập máy ảnh.
 - **Cắm hoặc rút dây nguồn** (khi sử dụng phụ kiện kết nối ổ điện gia đình (bán riêng, tr.524)).
- Nếu thẻ đã chứa ảnh, số thứ tự ảnh có thể không bắt đầu từ 0001 (tr.213).
- Nếu thông báo lỗi liên quan đến thẻ hiển thị trên màn hình LCD, cần tháo và lắp lại thẻ. Nếu vẫn còn lỗi, nên sử dụng thẻ khác. Nếu có thể truyền ảnh trên thẻ vào máy tính, bạn nên truyền tất cả ảnh và sau đó thực hiện định dạng thẻ bằng máy ảnh (tr.70). Thẻ có thể khôi phục trạng thái bình thường.
- Không dùng ngón tay hoặc vật kim loại chạm vào các điểm tiếp xúc của thẻ. Không để bụi hoặc nước dính vào điểm tiếp xúc. Vết bẩn bám vào điểm tiếp xúc có thể khiến tiếp xúc thất bại.
- Không thể sử dụng thẻ đa phương tiện (MMC). (Lỗi thẻ sẽ hiển thị.)

Sử dụng màn hình LCD

Sau khi mở màn hình LCD, bạn có thể thiết lập chức năng menu, chụp Live View, quay phim hoặc xem lại ảnh và phim. Bạn có thể thay đổi hướng và góc của màn hình LCD.

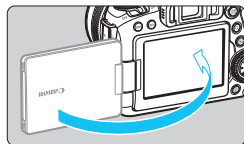


1 Mở màn hình LCD.



2 Xoay màn hình LCD.

- Khi màn hình LCD đang mở ra ngoài, bạn có thể xoay màn hình lên, xuống hoặc xoay 180° để hướng về phía chủ thể.
- Góc chỉ thị chỉ là tương đối.



3 Hướng màn hình về phía bạn.

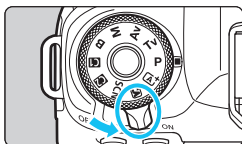
- Thông thường, sử dụng máy ảnh với màn hình LCD hướng về phía bạn.

- ⚠ Cần thận không dùng lực quá mạnh và làm vỡ bản lề khi xoay màn hình LCD.
- Khi kết nối cáp với cổng của máy ảnh, phạm vi góc xoay của màn hình LCD đã mở sẽ bị hạn chế.

- 🔋 Khi không sử dụng máy ảnh, đóng màn hình LCD và hướng vào bên trong để bảo vệ màn hình.
- Trong khi chụp Live View hoặc quay phim, hướng màn hình LCD về phía chủ thể để hiển thị ảnh ngược trên màn hình (ngược đảo trái/phải).

Bật nguồn

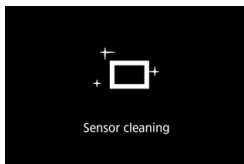
Khi bật công tắc nguồn và màn hình thiết lập ngày/giờ/múi giờ xuất hiện, tham khảo trang 49 để thiết lập ngày/giờ/múi giờ.



<ON> : Máy ảnh bật.

<OFF> : Máy ảnh tắt và không hoạt động. Đặt công tắc nguồn về vị trí này khi không sử dụng máy ảnh.

Làm sạch cảm biến tự động



- Khi đặt công tắc nguồn thành <ON> hoặc <OFF>, quá trình làm sạch cảm biến sẽ tự động thực hiện. (Máy ảnh có thể phát ra tiếng động nhỏ.) Trong khi làm sạch cảm biến, màn hình LCD sẽ hiển thị <[Sensor cleaning icon]>.

- Ngay cả trong khi làm sạch cảm biến, nếu bạn nhấn nửa chừng nút chụp (tr.56), thao tác làm sạch sẽ dừng và bạn có thể chụp ảnh ngay lập tức.
- Nếu liên tục xoay công tắc nguồn <ON>/<OFF> trong khoảng thời gian ngắn, biểu tượng <[Sensor cleaning icon]> có thể không hiển thị. Đây là hiện tượng bình thường và không phải vấn đề trực tiếp.

MENU Tự động tắt nguồn

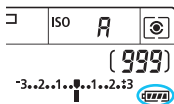
- Để tiết kiệm pin, máy ảnh sẽ tự động tắt sau khoảng 1 phút không hoạt động. Nhấn nửa chừng nút chụp để bật lại máy ảnh (tr.56).
- Bạn có thể thay đổi thời gian tự động tắt nguồn với [**2: Auto power off** (Tự động tắt nguồn)] (tr.73).



Nếu đặt công tắc nguồn thành <OFF> khi đang ghi ảnh vào thẻ, thông báo [Recording... (Đang ghi...)] sẽ hiển thị và nguồn sẽ tắt sau khi quá trình ghi ảnh kết thúc.

Thang đo mức pin

Khi công tắc nguồn đặt thành <ON>, mức pin sẽ hiển thị ở một trong sáu mức. Biểu tượng pin nhấp nháy < > cho biết sắp hết pin.



Hiển thị			
Mức (%)	100 - 70	69 - 50	49 - 20

Hiển thị			
Mức (%)	19 - 10	9 - 1	0

Số ảnh có thể chụp khi chụp qua khung ngắm

(Số lượng ảnh ước chừng)

Nhiệt độ	Nhiệt độ phòng (23°C / 73°F)	Nhiệt độ thấp (0°C / 32°F)
Số ảnh có thể chụp	1200	1100

- Các số liệu trên dựa trên điều kiện Pin LP-E6N được sạc đầy, không chụp Live View và theo tiêu chuẩn thử nghiệm của CIPA (Camera & Imaging Products Association).
- Với Bảng pin BG-E21 (bán riêng) có lắp hai Pin LP-E6N, số ảnh ước chừng có thể chụp sẽ gấp đôi.

- Thực hiện các thao tác sau sẽ khiến pin hết nhanh hơn:
 - Nhấn nửa chừng nút chụp trong một khoảng thời gian dài.
 - Thường xuyên kích hoạt lấy nét tự động mà không chụp ảnh.
 - Sử dụng hệ thống ổn định hình ảnh của ống kính.
 - Sử dụng màn hình LCD thường xuyên.
 - Sử dụng chức năng GPS, Wi-Fi hoặc Bluetooth.
- Số ảnh có thể chụp có thể giảm tùy thuộc vào điều kiện chụp thực tế.
- Pin máy ảnh cung cấp năng lượng cho ống kính hoạt động. Một số ống kính nhất định có thể tiêu thụ pin nhanh hơn các loại khác.
- Trong nhiệt độ môi trường thấp, máy ảnh có thể không chụp được ảnh ngay cả khi mức pin đủ.

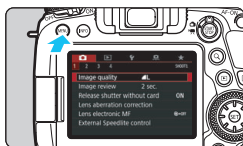
- Để tìm hiểu số ảnh có thể chụp trong chế độ chụp Live View, tham khảo trang 293.
- Tham khảo [**4: Battery info. (Thông tin pin)**] để kiểm tra tình trạng pin (tr.520).

MENU Thiết lập ngày, giờ và múi giờ

Khi bật nguồn lần đầu tiên hoặc nếu ngày/giờ/múi giờ bị mất, màn hình thiết lập ngày/giờ/múi giờ sẽ xuất hiện. Thực hiện theo các bước sau để thiết lập múi giờ trước.

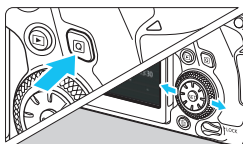
Nếu thiết lập đúng múi giờ địa phương hiện tại cho máy ảnh, khi bạn di chuyển, chỉ cần thay đổi thiết lập múi giờ cho điểm đến, máy ảnh sẽ tự động điều chỉnh ngày/giờ.

Lưu ý rằng ngày/giờ thêm vào ảnh sẽ căn cứ theo thiết lập ngày/giờ này. Hãy đảm bảo ngày/giờ được thiết lập chính xác.



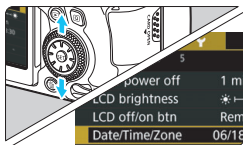
1 Hiện thị màn hình menu.

- Nhấn nút <MENU> để hiển thị màn hình menu.



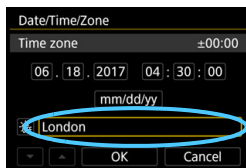
2 Trong tab [Q], chọn [Date/Time/Zone (Ngày/Giờ/Múi giờ)].

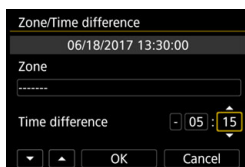
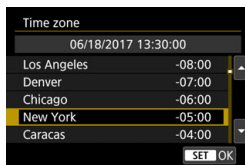
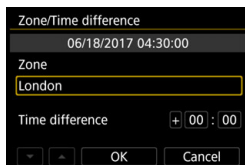
- Nhấn nút <Q> và chọn tab [Q].
- Nhấn các phím <◀> <▶> để chọn tab [Q2].
- Nhấn các phím <▲> <▼> để chọn [Date/Time/Zone (Ngày/Giờ/Múi giờ)], rồi nhấn <SET>.



3 Thiết lập múi giờ.

- Múi giờ [London] được cài đặt mặc định.
- Nhấn các phím <◀> <▶> để chọn [Time zone (Múi giờ)], rồi nhấn <SET>.

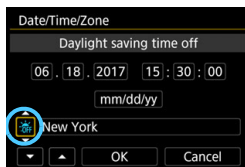




- Nhấn các phím <◀> <▶> để chọn [Zone (Múi giờ)], rồi nhấn <SET>.
- Nhấn các phím <▲> <▼> để chọn múi giờ, rồi nhấn <SET>.
- Nếu múi giờ của bạn không có trong danh sách, nhấn nút <MENU>, rồi tiến hành bước tiếp theo để đặt múi giờ (với giờ chênh lệch so với Giờ quốc tế phối hợp, UTC).
- Để đặt giờ chênh lệch so với giờ UTC, nhấn các phím <◀> <▶> để chọn một thông số (+/-giờ/phút) cho [Time difference (Giờ chênh lệch)].
- Nhấn <SET> để hiển thị <☐>.
- Nhấn các phím <▲> <▼> để đặt, rồi nhấn <SET>. (Trở lại <☐>.)
- Sau khi nhập múi giờ hoặc giờ chênh lệch, nhấn các phím <◀> <▶> để chọn [OK], rồi nhấn <SET>.

4 Thiết lập ngày và giờ.

- Nhấn các phím <◀> <▶> để chọn số.
- Nhấn <SET> để hiển thị <☐>.
- Nhấn các phím <▲> <▼> để đặt, rồi nhấn <SET>. (Trở lại <☐>.)



5 Thiết lập giờ mùa hè.

- Thiết lập khi cần thiết.
- Nhấn các phím <◀> <▶> để chọn [☀].
- Nhấn <SET> để hiển thị <☀>.
- Nhấn các phím <▲> <▼> để chọn [☀], rồi nhấn <SET>.
- Khi giờ mùa hè được đặt thành [☀], thời gian cài đặt ở bước 4 sẽ sớm hơn 1 giờ. Nếu đặt thành [☹], giờ mùa hè sẽ bị hủy và thời gian sẽ lùi lại 1 giờ.



6 Thoát thiết lập.

- Nhấn các phím <◀> <▶> để chọn [OK], rồi nhấn <SET>.
- ▶ Ngày, giờ, múi giờ và giờ mùa hè sẽ được thiết lập.

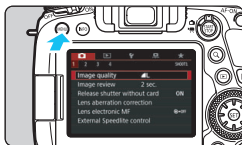


- Thiết lập ngày/giờ/múi giờ có thể bị mất khi cất giữ máy ảnh không lắp pin, khi pin hết hoặc khi máy ảnh được đặt ở dưới nhiệt độ đóng băng trong một khoảng thời gian dài. Trong trường hợp này, cần thiết lập lại ngày/giờ/múi giờ.
- Sau khi thay đổi [Zone/Time difference (Múi giờ/Giờ chênh lệch)], kiểm tra để đảm bảo ngày/giờ đã được thiết lập chính xác.



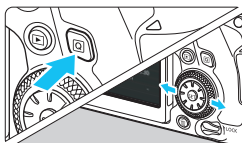
- Ngày/giờ đã thiết lập sẽ bắt đầu hiệu lực sau khi bạn nhấn [OK] ở bước 6.
- Ở bước 3, thời gian hiển thị trong [Time zone (Múi giờ)] là thời gian chênh lệch so với Giờ quốc tế phối hợp (Coordinated Universal Time - UTC).
- Ngay cả khi đặt [⚡2: Auto power off (Tự động tắt nguồn)] thành [1 min. (1 phút)], [2 min. (2 phút)] hoặc [4 min. (4 phút)], thời gian tự động tắt nguồn sẽ là khoảng 6 phút khi màn hình thiết lập [⚡2: Date/Time/Zone (Ngày/Giờ/Múi giờ)] hiển thị.
- Có thể cập nhật thời gian tự động với chức năng GPS (tr.229).

MENU Chọn ngôn ngữ giao diện



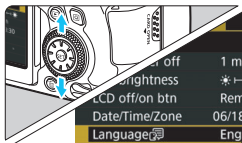
1 Hiện thị màn hình menu.

- Nhấn nút <MENU> để hiển thị màn hình menu.



2 Trong tab [F2], chọn [Language] (Ngôn ngữ).

- Nhấn nút <Q> và chọn tab [F2].
- Nhấn các phím <◀> <▶> để chọn tab [F2].
- Nhấn các phím <▲> <▼> để chọn [Language] (Ngôn ngữ), rồi nhấn <SET>.



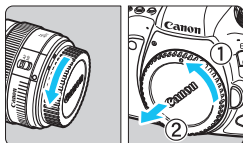
3 Thiết lập ngôn ngữ mong muốn.

- Nhấn các phím <▲> <▼> để chọn ngôn ngữ, rồi nhấn <SET>.
- ▶ Ngôn ngữ giao diện sẽ thay đổi.

Lắp và tháo ống kính

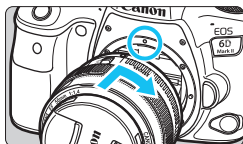
Máy ảnh tương thích với tất cả ống kính Canon EF. **Không thể sử dụng máy ảnh với ống kính EF-S hay EF-M.**

Lắp ống kính



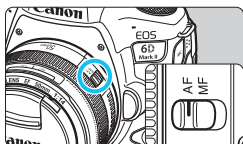
1 Tháo nắp.

- Tháo nắp sau của ống kính và nắp thân máy bằng cách xoay nắp theo hướng mũi tên.



2 Lắp ống kính.

- Điều chỉnh cho vạch đỏ của ống kính trùng với vạch đỏ trên máy ảnh rồi xoay ống kính theo hướng mũi tên cho đến khi phát ra tiếng tách.

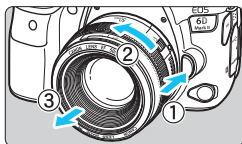


3 Đặt công tắc chế độ lấy nét của ống kính thành <AF>.

- <AF> là viết tắt của autofocus (lấy nét tự động).
- <MF> là viết tắt của manual focus (lấy nét tay). Lấy nét tự động sẽ không hoạt động.

4 Tháo nắp trước của ống kính.

Tháo ống kính



Khi nhấn nút tháo ống kính, xoay ống kính theo hướng mũi tên.

- Xoay ống kính cho đến khi dừng, rồi tháo ống kính.
- Lắp nắp sau của ống kính vào ống kính đã tháo.

- ⚠ Không nhìn trực tiếp vào ánh nắng mặt trời qua ống kính. Làm vậy có thể gây tổn thương thị lực.
- Khi lắp hoặc tháo ống kính, đặt công tắc nguồn của máy ảnh thành <OFF>.
- Nếu phần phía trước (vòng lấy nét) của ống kính xoay trong khi lấy nét tự động, chú ý không chạm vào phần xoay.

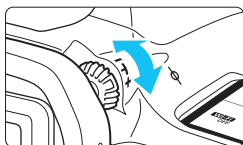
 Để tìm hiểu về cách sử dụng ống kính, tham khảo Hướng dẫn sử dụng ống kính (tr.4).

Gợi ý để tránh bụi và vết bẩn

- Thực hiện thay ống kính nhanh chóng ở nơi ít bụi.
- Khi cất giữ máy ảnh mà không lắp ống kính, đảm bảo đã lắp nắp thân máy vào máy ảnh.
- Loại bỏ bụi trên nắp thân máy trước khi lắp.

Thao tác chụp cơ bản

Điều chỉnh độ nét khung ngắm



Xoay nút điều chỉnh độ khúc xạ.

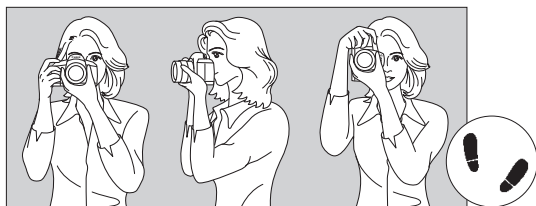
- Xoay nút sang trái hoặc sang phải cho đến khi nhìn rõ nét điểm AF trong khung ngắm.
- Tháo vành đỡ mắt nếu khó xoay nút (tr.272).



Nếu điều chỉnh độ khúc xạ của máy ảnh vẫn không làm ảnh trong khung ngắm sắc nét, nên sử dụng Thấu kính điều chỉnh độ khúc xạ sê-ri E (bán riêng).

Giữ máy ảnh

Để thu được ảnh sắc nét, giữ chắc máy ảnh để giảm thiểu rung máy.



Chụp ngang

Chụp dọc

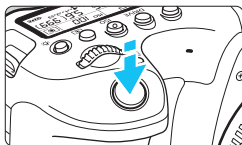
1. Tay phải nắm chắc báng cầm.
2. Tay trái giữ phía dưới ống kính.
3. Nhẹ nhàng đặt ngón trỏ tay phải lên nút chụp.
4. Cánh tay và khuỷu tay tỳ nhẹ vào thân người.
5. Để duy trì tư thế ổn định, bàn chân này đặt trước mũi bàn chân kia một khoảng cách.
6. Áp sát khuôn mặt vào máy ảnh và nhìn vào khung ngắm.



Để chụp trong khi xem màn hình LCD, tham khảo trang 291.

Nút chụp

Nút chụp có hai mức. Bạn có thể nhấn nửa chừng nút chụp. Sau đó, có thể nhấn hoàn toàn nút chụp.



Nhấn nửa chừng

Thao tác này kích hoạt lấy nét tự động và hệ thống phơi sáng tự động để thiết lập tốc độ màn trập và khẩu độ.

Thiết lập phơi sáng (tốc độ màn trập và khẩu độ) hiển thị trong khung ngắm và trên bảng điều khiển LCD trong khoảng 4 giây (hẹn giờ đo sáng/4).



Nhấn hoàn toàn

Màn trập được nhả và ảnh sẽ được chụp.

● Chống rung máy

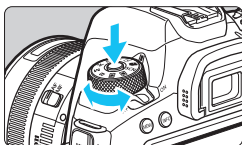
Chuyển động của máy ảnh cầm tay trong khi phơi sáng gọi là rung máy. Rung máy có thể làm mờ ảnh. Để chống rung máy, lưu ý những điều sau:

- Cầm và giữ chắc máy ảnh như hình minh họa ở trang trước.
- Nhấn nửa chừng nút chụp để lấy nét tự động, rồi từ từ nhấn hoàn toàn nút chụp.



- Trong chế độ vùng sáng tạo, nhấn nút <AF-ON> cũng tương tự như khi nhấn nửa chừng nút chụp.
- Nếu bạn nhấn hoàn toàn nút chụp mà không nhấn nửa chừng trước hoặc nếu bạn nhấn nửa chừng nút chụp rồi nhấn hoàn toàn nút chụp ngay, máy ảnh sẽ mất một khoảng thời gian trước khi chụp ảnh.
- Ngay cả trong khi hiển thị menu hoặc xem lại ảnh, bạn cũng có thể trở lại trạng thái chụp ảnh ngay bằng cách nhấn nửa chừng nút chụp.

Nút xoay chế độ

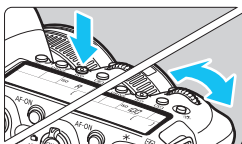


Xoay nút xoay khi nhấn giữ nút nhả khóa ở chính giữa nút xoay.

Sử dụng để cài đặt chế độ chụp.



Nút xoay chính

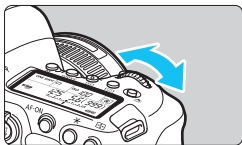


(1) Sau khi nhấn nút, xoay nút xoay < >.

Khi bạn nhấn một nút như <AF>, <DRIVE>, <ISO> hoặc <>, chức năng tương ứng vẫn có thể chọn được trong khoảng 6 giây (06). Trong khoảng thời gian này, bạn có thể xoay nút xoay <  > để thay đổi thiết lập.

Khi hẹn giờ kết thúc hoặc khi nhấn nửa chừng nút chụp, máy ảnh sẽ trở về trạng thái sẵn sàng chụp.

- Xoay nút xoay này để chọn thao tác AF, kiểu chụp, tốc độ ISO, chế độ đo sáng, điểm AF, v.v...



(2) Chỉ xoay nút xoay < >.

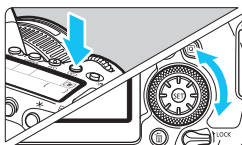
Nhìn vào khung ngắm hoặc bảng điều khiển LCD, xoay nút xoay <  >.

- Xoay nút xoay để thiết lập tốc độ màn trập, khẩu độ, v.v...



Thao tác ở (1) vẫn có thể thực hiện ngay cả khi công tắc <LOCK> được gạt lên (Khóa đa chức năng, tr.59).

Nút xoay điều khiển nhanh

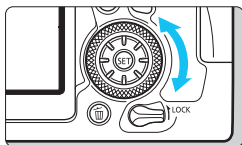


(1) Sau khi nhấn nút, xoay nút xoay < >.

Khi bạn nhấn một nút như <AF>, <ISO> hoặc <>, chức năng tương ứng vẫn có thể chọn được trong khoảng 6 giây ( 6). Trong khoảng thời gian này, bạn có thể xoay nút xoay <  > để thay đổi thiết lập.

Khi hẹn giờ kết thúc hoặc khi nhấn nửa chừng nút chụp, máy ảnh sẽ trở về trạng thái sẵn sàng chụp.

- Xoay nút xoay này để chọn thao tác AF, tốc độ ISO, chế độ đo sáng, điểm AF, v.v...



(2) Chỉ xoay nút xoay < >.

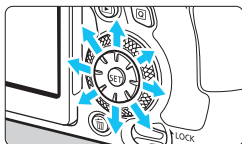
Nhìn vào khung ngắm hoặc bảng điều khiển LCD, xoay nút xoay <  >.

- Xoay nút xoay để đặt lượng bù trừ phơi sáng, thiết lập thông số khẩu độ cho phơi sáng chỉnh tay, v.v...

 Thao tác ở (1) vẫn có thể thực hiện ngay cả khi công tắc <LOCK> được gạt lên (Khóa đa chức năng, tr.59).

Điều khiển đa năng

Nút < > bao gồm một phím tám hướng.



- Sử dụng để chọn điểm AF, hiệu chỉnh cân bằng trắng, di chuyển điểm AF hoặc phóng to khung trong khi chụp Live View hoặc quay phim, thiết lập điều khiển nhanh, v.v...
- Bạn cũng có thể sử dụng nút này để chọn các mục menu.

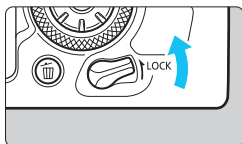


Có thể hiệu chỉnh cân bằng trắng và di chuyển khung phóng to trong khi xem lại ngay cả khi công tắc <LOCK> được gạt lên (Khóa đa chức năng).

LOCK Khóa đa chức năng

Khi đặt [**4: Multi function lock (Khóa đa chức năng)**] đồng thời gạt công tắc <LOCK> lên, bạn có thể tránh việc thay đổi các thiết lập ngoài ý muốn do vô tình thao tác nút xoay chính, nút xoay điều khiển nhanh hoặc nút điều khiển đa năng hay vô tình chạm vào màn hình cảm ứng.

Để tìm hiểu chi tiết về [**4: Multi function lock (Khóa đa chức năng)**], tham khảo trang 90.



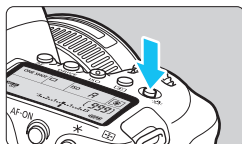
Gạt công tắc <LOCK> lên: Khóa

Gạt công tắc <LOCK> xuống: Nhả khóa



Theo mặc định, nút xoay < > sẽ bị khóa khi công tắc khóa đa chức năng ở vị trí khóa.

Phát sáng bằng điều khiển LCD



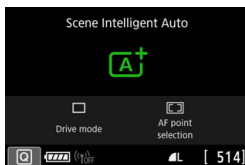
Bạn có thể phát sáng bằng điều khiển LCD bằng cách nhấn nút <:💡:>. Bật (💡) hoặc tắt tính năng phát sáng bằng điều khiển LCD bằng cách nhấn nút <:💡:>.

 Trong phơi sáng bulb, nhấn hoàn toàn nút chụp để tắt tính năng phát sáng bằng điều khiển LCD.

Hiện thị màn hình điều khiển nhanh

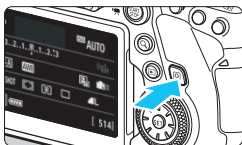
Sau khi nhấn nút <INFO> vài lần (tr.86), màn hình điều khiển nhanh (tr.88) sẽ hiển thị. Bạn có thể kiểm tra thiết lập chức năng chụp hiện tại. Nhấn nút <[Q]> sẽ khởi động tính năng điều khiển nhanh của thiết lập chức năng chụp (tr.61).

Sau đó có thể nhấn nút <INFO> để tắt màn hình (tr.86).



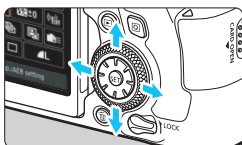
Q Điều khiển nhanh chức năng chụp

Bạn có thể sử dụng thao tác trực quan để chọn và thiết lập trực tiếp các chức năng chụp hiển thị trên màn hình LCD. Tính năng này được gọi là điều khiển nhanh.



1 Nhấn nút <Q> (10).

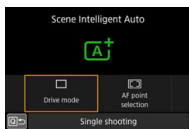
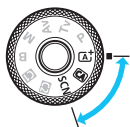
- ▶ Màn hình điều khiển nhanh sẽ xuất hiện.



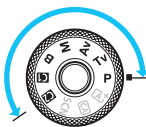
2 Thiết lập chức năng mong muốn.

- Nhấn các phím <▲> <▼> <◀> <▶> để chọn chức năng.
- ▶ Các thiết lập của chức năng đã chọn và hướng dẫn tính năng (tr.92) sẽ xuất hiện.
- Xoay nút xoay <☀> hoặc <☾> để thay đổi thiết lập.

● Chế độ vùng cơ bản



● Chế độ vùng sáng tạo



3 Chụp ảnh.

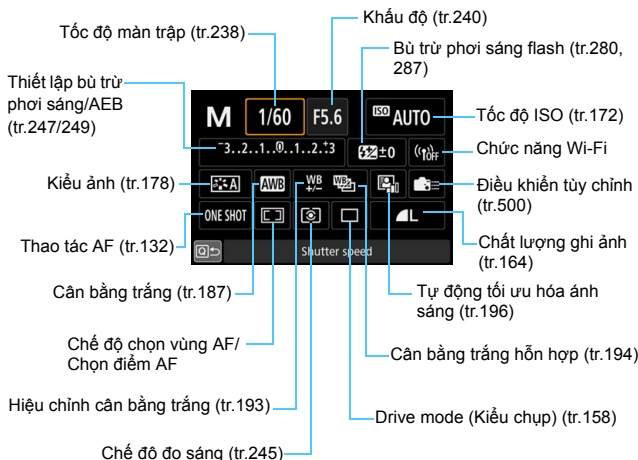
- Nhấn hoàn toàn nút chụp để chụp ảnh.
- ▶ Ảnh chụp sẽ hiển thị.



- Để tìm hiểu về các chức năng có thể thiết lập trong chế độ vùng cơ bản và quy trình thiết lập, tham khảo trang 128.
- Bạn cũng có thể chạm vào màn hình để thiết lập điều khiển nhanh (tr.67).

Chức năng có thể thiết lập với Điều khiển nhanh

● Chế độ vùng sáng tạo

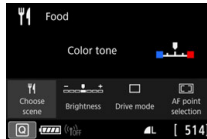
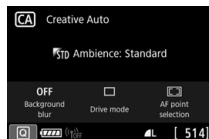


● Chế độ vùng cơ bản (Màn hình mẫu)

Chế độ <CA>

Chế độ <Panning>

Chế độ <Food>

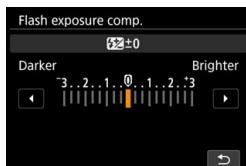


- Trong chế độ vùng cơ bản, chức năng điều khiển nhanh có thể thiết lập sẽ khác nhau tùy thuộc vào chế độ chụp (tr.129). Các chức năng điều khiển nhanh có thể thiết lập trong chế độ vùng cơ bản là **[Ambience-based shots (Chụp ảnh dựa trên môi trường)]**, **[Background blur (Làm mờ hậu cảnh)]**, **[Drive mode (Kiểu chụp)]**, **[AF point selection (Chọn điểm AF)]**, **[Effect (Hiệu ứng)]** (Lia máy), **[Brightness (Độ sáng)]** và **[Color tone (Tông màu)]**.
- Để tìm hiểu về màn hình điều khiển nhanh, tham khảo trang 88.

Điều khiển nhanh



↓ <SET>



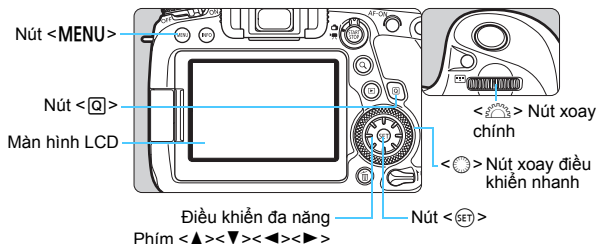
- Chọn chức năng mong muốn và nhấn <SET>. Màn hình thiết lập chức năng sẽ xuất hiện.
- Xoay nút xoay <🔧> hoặc <🕒>, rồi nhấn các phím <◀> <▶> để thay đổi thiết lập. Một số chức năng cũng có thể thiết lập bằng cách nhấn nút theo các thao tác này.
- Nhấn <SET> để hoàn tất thiết lập và quay lại màn hình trước đó.
- Khi chọn <📷⚙️> (tr.500), <📷> (tr.136) hoặc <📷> và nhấn nút <MENU> để thoát thiết lập.



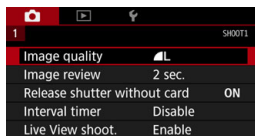
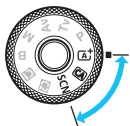
Để tìm hiểu chi tiết về chức năng Wi-Fi, tham khảo “Hướng dẫn sử dụng chức năng Wi-Fi (Giao tiếp không dây)” (tr.4).

MENU Thao tác và cấu hình của menu

Bạn có thể định cấu hình nhiều thiết lập với menu như chất lượng ghi ảnh, ngày/giờ, v.v...

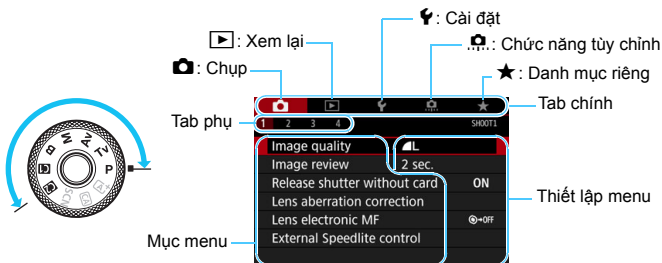


Màn hình menu chế độ vùng cơ bản

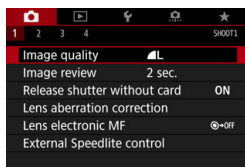


* Trong chế độ vùng cơ bản, một số tab và mục menu sẽ không xuất hiện.

Màn hình menu chế độ vùng sáng tạo



Quy trình thiết lập menu

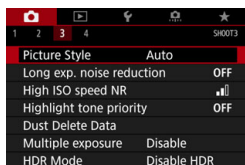


1 Hiển thị màn hình menu.

- Nhấn nút **<MENU>** để hiển thị màn hình menu.

2 Chọn tab.

- Mỗi lần nhấn nút **<Q>**, tab chính (nhóm chức năng) sẽ thay đổi.
- Nhấn các phím **<◀>** **<▶>** của nút điều khiển đa năng để chọn tab phụ.
- Ví dụ, tab [**3**] trong hướng dẫn này chỉ màn hình sẽ hiển thị khi chọn ô thứ ba [**3**] từ bên trái sang của tab **3** (Chụp ảnh).



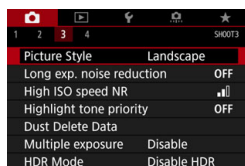
3 Chọn mục mong muốn.

- Nhấn các phím **<▲>** **<▼>** của nút điều khiển đa năng để chọn mục, rồi nhấn **<SET>**.



4 Chọn thiết lập.

- Nhấn các phím **<▲>** **<▼>** hoặc **<◀>** **<▶>** để chọn thiết lập mong muốn.
- Thiết lập hiện thời biểu thị bằng màu xanh da trời.



5 Đặt thiết lập.

- Nhấn **<SET>** để thiết lập.

6 Thoát thiết lập.

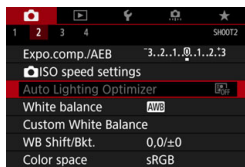
- Nhấn nút **<MENU>** để thoát menu và trở về trạng thái sẵn sàng chụp.



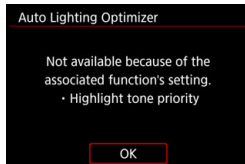
- Phần mô tả các chức năng menu sau đây giả định bạn đã nhấn nút **<MENU>** để hiển thị màn hình menu.
- Bạn cũng có thể chạm vào màn hình menu hoặc xoay nút xoay  hoặc  để thao tác menu.
- Để hủy thao tác, nhấn nút **<MENU>**.
- Để tìm hiểu chi tiết từng mục menu, tham khảo trang 538.

Các mục menu bị mờ

Ví dụ: Ưu tiên tông màu sáng



Những mục menu bị mờ sẽ không thể thiết lập. Những mục menu không chọn được do đang áp dụng thiết lập của một chức năng khác sẽ bị làm mờ.



Bạn có thể nhìn thấy chức năng hiện đang thiết lập đó bằng cách chọn mục menu bị mờ và nhấn **<SET>**. Nếu hủy thiết lập chức năng trên, mục menu bị mờ sẽ khả dụng trở lại.



Đối với một số mục menu bị mờ, bạn có thể không nhìn thấy chức năng hiện đang thiết lập.



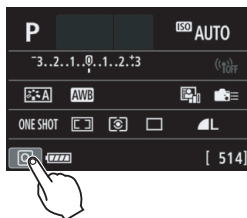
Với [**Y5: Clear all camera settings (Xóa tất cả thiết lập của máy ảnh)**], bạn có thể đặt lại các chức năng menu về thiết lập mặc định (tr.75).

Thao tác máy ảnh bằng màn hình cảm ứng

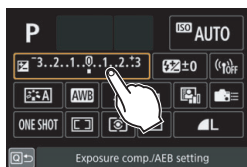
Bạn có thể chạm ngón tay vào màn hình LCD (bảng điều khiển cảm ứng) để thao tác với máy ảnh.

Chạm

Màn hình mẫu (Điều khiển nhanh)



- Dùng ngón tay để chạm (chạm nhẹ rồi nhả ra) trên màn hình LCD.
- Thao tác chạm cho phép bạn chọn menu, biểu tượng, v.v... hiển thị trên màn hình LCD.
- Ví dụ: khi chạm vào [>], màn hình điều khiển nhanh sẽ xuất hiện. Chạm vào [] để quay lại màn hình trước đó.



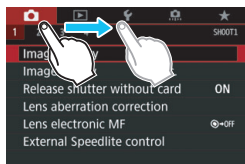
Ví dụ về thao tác có thể thực hiện bằng cách chạm vào màn hình

- Thiết lập chức năng menu sau khi nhấn nút <MENU>
- Quick Control (Điều khiển nhanh)
- Thiết lập chức năng sau khi nhấn nút <AF>, <DRIVE>, <ISO>, < > hoặc < >
- Chạm lấy nét khi chụp Live View và quay phim
- Chạm để chụp khi chụp Live View
- Thiết lập chức năng khi chụp Live View và quay phim
- Thao tác xem

 Nếu [ 4: Beep (Bíp)] được đặt thành [Touch  (Chạm )], máy ảnh sẽ không phát ra tiếng bíp khi thực hiện thao tác chạm (tr.73).

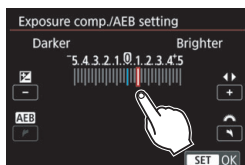
Kéo

Màn hình mẫu (Màn hình menu)



- Trượt ngón tay khi chạm vào màn hình LCD.

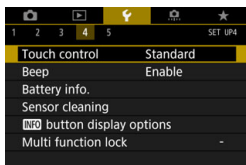
Màn hình mẫu (Hiển thị tỷ lệ)



Ví dụ về thao tác có thể thực hiện bằng cách kéo ngón tay trên màn hình

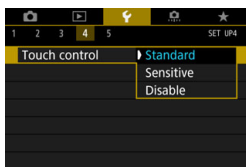
- Chọn tab menu hoặc mục sau khi nhấn nút <MENU>
- Thiết lập hiển thị tỷ lệ
- Quick Control (Điều khiển nhanh)
- Chọn điểm AF (ngoại trừ trường hợp chụp Live View)
- Thiết lập chức năng chụp/quay khi chụp Live View và quay phim
- Thao tác xem

MENU Thiết lập độ phản hồi cho điều khiển cảm ứng



1 Chọn [Touch control (Điều khiển cảm ứng)].

- Trong tab [4], chọn [Touch control (Điều khiển cảm ứng)], rồi nhấn .



2 Đặt thiết lập độ phản hồi cho điều khiển cảm ứng.

- Chọn thiết lập mong muốn, rồi nhấn .
- [Standard (Tiêu chuẩn)] là thiết lập thông thường.
- [Sensitive (Nhạy)] cho phản ứng chạm tốt hơn [Standard (Tiêu chuẩn)]. Thử cả hai thiết lập để chọn được thiết lập phù hợp.
- Để hủy thao tác với màn hình cảm ứng, chọn [Disable (Tắt)].



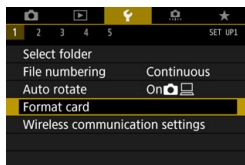
Thận trọng khi thực hiện các thao tác điều khiển cảm ứng

- Do màn hình LCD không nhạy với áp lực nên không được sử dụng bất kỳ vật sắc nhọn như móng tay, bút bi, v.v... để thực hiện thao tác chạm.
- Không dùng ngón tay ướt để thao tác với màn hình cảm ứng.
- Nếu màn hình LCD bị ẩm hoặc nếu ngón tay ướt, màn hình cảm ứng có thể không phản ứng hoặc gặp trục trặc. Trong trường hợp này, tắt nguồn và lau khô bằng vải.
- Gắn tấm hoặc miếng dán bảo vệ bán sẵn trên thị trường vào màn hình LCD có thể làm chậm phản hồi của thao tác chạm.
- Khi đặt [Sensitive (Nhạy)], thao tác chạm có thể phản ứng chậm hơn nếu thực hiện nhanh.

MENU Định dạng thẻ

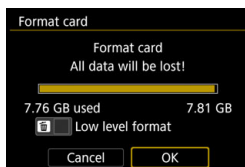
Định dạng thẻ mới hoặc thẻ đã định dạng trên máy ảnh hoặc máy tính khác bằng máy ảnh của bạn.

! Khi định dạng thẻ, tất cả ảnh và dữ liệu trong thẻ sẽ bị xóa. Ngay cả ảnh được bảo vệ chống xóa cũng sẽ bị xóa, do đó đảm bảo rằng bạn không cần giữ lại thông tin nào trên thẻ. Nếu cần, truyền ảnh và dữ liệu vào máy tính, v.v... trước khi định dạng thẻ.



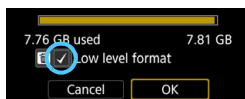
1 Chọn [Format card (Định dạng thẻ)].

- Trong tab [**1**], chọn [**Format card (Định dạng thẻ)**], rồi nhấn <SET>.



2 Định dạng thẻ nhớ.

- Chọn [**OK**], rồi nhấn <SET>.
- Thẻ sẽ được định dạng.



- Để định dạng mức thấp, nhấn nút <[icon]> để đánh dấu chọn <✓> vào [**Low level format (Định dạng mức thấp)**], rồi chọn [**OK**].

- Dung lượng thẻ hiển thị trên màn hình định dạng thẻ có thể nhỏ hơn dung lượng được ghi trên thẻ.
- Thiết bị này kết hợp công nghệ exFAT được cấp phép bởi Microsoft.



Định dạng thẻ trong các trường hợp sau:

- Thẻ mới.
- Thẻ đã định dạng trên máy ảnh hoặc máy tính khác.
- Thẻ chứa đầy ảnh hoặc dữ liệu.
- Hiện thị lỗi liên quan đến thẻ (tr.584).

Định dạng mức thấp

- Thực hiện định dạng ở mức thấp nếu tốc độ đọc hoặc ghi của thẻ chậm hoặc nếu bạn muốn xóa toàn bộ dữ liệu trong thẻ.
- Định dạng mức thấp sẽ định dạng tất cả phân khu có thể ghi trong thẻ, do vậy sẽ tốn nhiều thời gian hơn so với định dạng thông thường.
- Bạn có thể dừng định dạng mức thấp bằng cách chọn [**Cancel (Hủy)**]. Trong trường hợp này, định dạng thông thường vẫn được hoàn tất và bạn có thể sử dụng thẻ như bình thường.

● Định dạng tập tin của thẻ

Thẻ SD/SDHC sẽ được định dạng FAT32. Thẻ SDXC sẽ được định dạng exFAT.

Khi quay phim với thẻ đã định dạng exFAT, phim sẽ được ghi thành một tập tin (thay vì được chia thành nhiều tập tin) ngay cả khi vượt quá 4 GB. (Tập tin phim sẽ vượt quá 4 GB.)

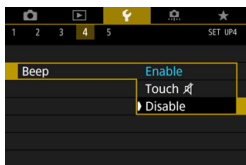


- Nếu bạn định dạng thẻ SDXC bằng máy ảnh này rồi lắp thẻ vào máy ảnh khác, máy có thể hiển thị lỗi và không sử dụng được thẻ. Một số hệ điều hành máy tính hoặc đầu đọc thẻ nhất định có thể không nhận dạng được thẻ ở định dạng exFAT.
- Khi định dạng thẻ hoặc xóa dữ liệu, chỉ có thông tin quản lý tập tin thay đổi. Dữ liệu thực không bị xóa hoàn toàn. Lưu ý điều này khi bán hoặc vứt bỏ thẻ. Khi vứt bỏ thẻ, thực hiện định dạng mức thấp hoặc hủy thẻ bằng cách đập vỡ, bẻ gãy, v.v... để ngăn chặn rò rỉ dữ liệu cá nhân.

Trước khi bắt đầu

MENU Tắt tiếng bíp

Bạn có thể tắt tiếng bíp phát ra khi lấy được nét trong quá trình chụp hẹn giờ hoặc thao tác chạm.



1 Chọn [Beep (Bíp)].

- Trong tab [4], chọn [Beep (Bíp)], rồi nhấn <SET>.

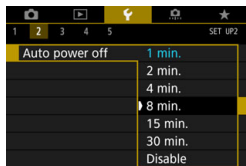
2 Chọn [Disable (Tắt)].

- Chọn [Disable (Tắt)], rồi nhấn <SET>.
- Máy sẽ không phát ra tiếng bíp.
- Nếu chọn [Touch (Chạm)], tiếng bíp sẽ chỉ tắt đối với các thao tác chạm.

MENU Thiết lập thời gian tắt nguồn/tự động tắt nguồn

Để tiết kiệm pin, máy ảnh sẽ tự động tắt khi kết thúc thời gian nghỉ đã đặt. Thiết lập mặc định là 1 phút, có thể thay đổi. Nếu bạn không muốn máy ảnh tự động tắt, đặt [Disable (Tắt)].

Sau khi tắt nguồn, nhấn nút chụp hoặc các nút khác để bật lại máy ảnh.



1 Chọn [Auto power off (Tự động tắt nguồn)].

- Trong tab [2], chọn [Auto power off (Tự động tắt nguồn)], rồi nhấn <SET>.

2 Thiết lập thời gian mong muốn.

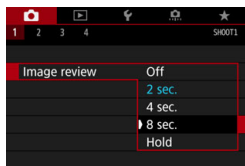
- Chọn thiết lập mong muốn, rồi nhấn <SET>.



Dù đặt [Disable (Tắt)], màn hình LCD vẫn sẽ tự động tắt sau khoảng 30 phút để tiết kiệm pin. (Máy ảnh không tắt nguồn.)

MENU Thiết lập thời gian xem lại ảnh

Bạn có thể đặt thời gian ảnh hiển thị trên màn hình LCD ngay sau mỗi lần chụp. Đặt **[Hold (Giữ)]** để hiển thị ảnh chụp. Đặt **[Off (Tắt)]** để không hiển thị ảnh chụp.



1 Chọn **[Image review (Xem lại ảnh)]**.

- Trong tab [**1**], chọn **[Image review (Xem lại ảnh)]**, rồi nhấn **<SET>**.

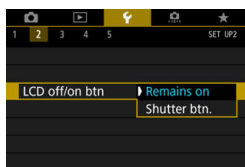
2 Thiết lập thời gian mong muốn.

- Chọn thiết lập mong muốn, rồi nhấn **<SET>**.

 Nếu đặt **[Hold (Giữ)]**, ảnh sẽ hiển thị cho đến khi hết thời gian tự động tắt nguồn.

MENU Bật/tắt màn hình LCD

Có thể thiết lập để bật hoặc tắt hiển thị màn hình điều khiển nhanh (tr.61) hoặc cân bằng điện tử (tr.82) khi nhấn nửa chừng nút chụp trong lúc chụp qua khung ngắm.



1 Chọn **[LCD off/on btn (Nút bật/tắt LCD)]**.

- Trong tab [**2**], chọn **[LCD off/on btn (Nút bật/tắt LCD)]**, rồi nhấn **<SET>**.

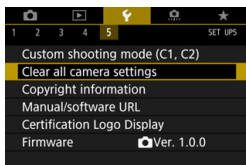
2 Cài đặt thiết lập mong muốn.

- Chọn thiết lập mong muốn, rồi nhấn **<SET>**.

- [Remains on (Luôn bật)]**: Hiển thị màn hình LCD không tắt ngay cả khi nhấn nửa chừng nút chụp. Để tắt màn hình LCD, nhấn nút **<INFO>**.
- [Shutter btn. (Nút chụp)]**: Khi nhấn nửa chừng nút chụp, hiển thị màn hình LCD sẽ tắt. Khi nhấn nút chụp, màn hình sẽ bật trở lại.

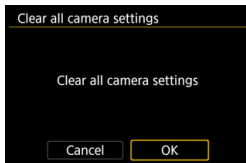
MENU Khôi phục thiết lập mặc định của máy ảnh ☆

Thiết lập chức năng chụp và thiết lập menu của máy ảnh có thể được khôi phục về thiết lập mặc định.



1 Chọn [Clear all camera settings (Xóa tất cả thiết lập của máy ảnh)].

- Trong tab [**5**], chọn [**Clear all camera settings (Xóa tất cả thiết lập của máy ảnh)**], rồi nhấn <SET>.



2 Chọn [OK].

- Thiết lập máy ảnh sẽ trở về mặc định như được trình bày ở các trang 76-80.



Để tìm hiểu cách xóa tất cả thiết lập chức năng tùy chỉnh, tham khảo trang 470.

Shooting Function Settings

EN	
AF operation	One-Shot AF
AF area selection mode	Automatic selection AF
Lens electronic MF	Disable after One-Shot AF
Metering mode	 (Evaluative metering)
 ISO speed settings	
ISO speed	Auto
ISO speed range	Minimum: 100 Maximum: 40000
Auto range	Minimum: 100 Maximum: 12800
Minimum shutter speed for auto	Auto
Drive mode	 (Single shooting)
Exposure compensation/AEB	Canceled
Flash exposure compensation	Canceled
Multiple exposure	Disable
HDR mode	Disable HDR
Interval timer	Disable
Bulb timer	Disable
Anti-flicker shooting	Disable
Mirror lockup	Disable
Viewfinder display	
Electronic level	Hide
Grid display	Hide
Show/hide in viewfinder	Only flicker detection selected
Custom Functions	Unchanged
External Speedlite control	
Flash firing	Enable

Thiết lập chức năng chụp

VI	
Thao tác AF	Lấy nét một lần
Chế độ chọn vùng AF	AF chọn tự động
Lấy nét tay điện tử của ống kính	Tắt sau khi lấy nét một lần
Metering mode (Chế độ đo sáng)	 (Đo sáng toàn khung ảnh)
 Thiết lập tốc độ ISO	
Tốc độ ISO	Tự động
Phạm vi tốc độ ISO	Tối thiểu: 100 Tối đa: 40000
Phạm vi tự động	Tối thiểu: 100 Tối đa: 12800
Tốc độ màn trập tối thiểu khi tự động	Tự động
Kiểu chụp	 (Chụp từng ảnh)
Bù trừ phơi sáng/AEB	Đã hủy
Bù trừ phơi sáng flash	Đã hủy
Ảnh ghép phơi sáng	Tắt
Chế độ HDR	Tắt HDR
Hẹn giờ ngắt quãng	Tắt
Hẹn giờ bulb	Tắt
Chụp chống nhấp nháy	Tắt
Khóa gương lật	Tắt
Hiển thị khung ngắm	
Cân bằng điện tử	Ẩn
Hiển thị khung lưới	Ẩn
Ẩn/hiện trong khung ngắm	Chỉ chọn nhận diện nhấp nháy
Chức năng tùy chỉnh	Không thay đổi
Điều khiển đèn Speedlite gắn ngoài	
Đánh sáng flash	Bật

E-TTL II flash metering	Evaluative flash metering
Flash sync. speed in Av mode	Auto

Đo sáng flash E-TTL II	Đo sáng flash toàn khung ảnh
Tốc độ đồng bộ flash trong chế độ Av	Tự động

Image Recording Settings

EN	
Image quality	L
Aspect ratio	3:2
Picture Style	Auto
Auto Lighting Optimizer	Standard
Lens aberration correction	
Peripheral illumination correction	Enable
Chromatic aberration correction	Enable
Distortion correction	Disable
Diffraction correction	Enable
White balance	(Ambience priority)
Custom White Balance	Canceled
White balance shift	Canceled
White balance bracketing	Canceled
Color space	sRGB
Long Exposure Noise Reduction	Disable
High ISO speed noise reduction	Standard
Highlight tone priority	Disable
File numbering	Continuous
Dust Delete Data	Erased

Thiết lập ghi ảnh

VI	
Chất lượng ảnh	L
Tỷ lệ khung ảnh	3:2
Kiểu ảnh	Tự động
Tự động tối ưu hóa ánh sáng	Tiêu chuẩn
Hiệu chỉnh quang sai của ống kính	
Hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi	Bật
Hiệu chỉnh sắc sai	Bật
Hiệu chỉnh méo hình	Tắt
Hiệu chỉnh nhiễu xạ	Bật
Cân bằng trắng	(Ưu tiên môi trường)
Cân bằng trắng tùy chỉnh	Đã hủy
Thay đổi cân bằng trắng	Đã hủy
Cân bằng trắng hỗn hợp	Đã hủy
Không gian màu	sRGB
Giảm nhiễu hạt do phơi sáng lâu	Tắt
Giảm nhiễu hạt ở tốc độ ISO cao	Tiêu chuẩn
Ưu tiên tông màu sáng	Tắt
Đánh số thứ tự tập tin	Kế tiếp
Dữ liệu xóa bụi	Đã xóa

Camera Settings

EN	
Image review time	2 sec.
Release shutter without card	Enable
Image jump w/ 	 (10 images)
Highlight alert	Disable
AF point display	Disable
Playback grid	Off
Histogram display	Brightness
Magnification (Approx.)	2x (magnify from center)
Control over HDMI	Disable
Vertical image auto rotation	On  
Wireless communication settings	
Wi-Fi	Disable
Bluetooth function	Disable
Auto power off	1 min.
LCD brightness	    
LCD off/on btn	Remains on
Date/Time/Zone	Unchanged
Language	Unchanged
GPS	Disable
Video system	Unchanged
Shooting mode guide	Enable
Feature guide	Enable
Help text size	Small
Touch control	Standard
Beep	Enable
Auto cleaning	Enable
 button display options	Select both
 button LV display options	Unchanged

Thiết lập máy ảnh

VI	
Thời gian xem lại ảnh	2 giây
Nhà màn trập khi không lắp thẻ	Bật
Nhảy ảnh với 	 (10 ảnh)
Cảnh báo vùng sáng	Tắt
Hiển thị điểm AF	Tắt
Khung lưới khi xem	Tắt
Hiển thị biểu đồ	Độ sáng
Hệ số phóng to (Ước chừng)	2x (phóng to từ trung tâm)
Điều khiển qua HDMI	Tắt
Tự động xoay ảnh dọc	Bật  
Thiết lập giao tiếp không dây	
Wi-Fi	Tắt
Chức năng Bluetooth	Tắt
Tự động tắt nguồn	1 phút
Độ sáng LCD	    
Nút bật/tắt LCD	Luôn hiển thị
Ngày/Giờ/Múi giờ	Không thay đổi
Ngôn ngữ	Không thay đổi
GPS	Tắt
Hệ thống video	Không thay đổi
Hướng dẫn chế độ chụp	Bật
Hướng dẫn tính năng	Bật
Kích cỡ phông chữ Trợ giúp	Nhỏ
Điều khiển cảm ứng	Tiêu chuẩn
Bíp	Bật
Tự động làm sạch	Bật
Tùy chọn hiển thị nút 	Chọn cả hai
Tùy chọn hiển thị khi nhấn nút  trong quá trình Live View	Không thay đổi

Multi function lock	 (Quick Control Dial)
Custom shooting mode	Unchanged
Copyright information	Unchanged
Configure: MY MENU	Unchanged
Menu display	Normal display

Khóa đa chức năng	 (Nút xoay điều khiển nhanh)
Chế độ chụp tùy chỉnh	Không thay đổi
Thông tin bản quyền	Không thay đổi
Định cấu hình: MY MENU	Không thay đổi
Hiển thị menu	Hiển thị bình thường

Live View Shooting Settings

EN	
Live View shooting	Enable
AF operation	One-Shot AF
AF method	 +Tracking
Touch Shutter	Disable
Metering timer	8 sec.
Grid display	Hide
Exposure simulation	Enable
Silent LV shooting	Mode 1

Thiết lập chụp Live View

VI	
Chụp Live View	Bật
Thao tác AF	Lấy nét một lần
Phương pháp AF	 +Theo dõi
Chạm để chụp	Tắt
Hẹn giờ đo sáng	8 giây
Hiển thị khung lưới	Ẩn
Mô phỏng phơi sáng	Bật
Chụp Live View ngắt tiếng	Chế độ 1

Movie Shooting Settings

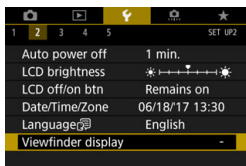
EN	
Movie recording size	NTSC: 29.97P PAL: 25.00P
Sound recording	Auto
Wind filter	Auto
Attenuator	Disable
ISO speed settings	
ISO speed	Auto
ISO speed range	Minimum: 100 Maximum: 25600
ISO Auto	Maximum 25600
ISO Auto	Maximum 12800
Movie Servo AF	Enable
AF method	+Tracking
Movie Servo AF track sensitivity	0
Movie Servo AF Speed	
When active	Always on
AF speed	0 (Standard)
Metering timer	8 sec.
Grid display	Hide
button function	AF/-
Video snapshot	Disable
Time-lapse movie	Disable
Movie digital IS	Disable
Remote control shooting	Disable

Thiết lập quay phim

VI	
Kích thước ghi phim	NTSC: 29.97P PAL: 25.00P
Ghi âm	Tự động
Lọc gió	Tự động
Bộ tiêu âm	Tắt
Thiết lập tốc độ ISO	
Tốc độ ISO	Tự động
Phạm vi tốc độ ISO	Tối thiểu: 100 Tối đa: 25600
ISO tự động	Tối đa 25600
ISO tự động	Tối đa 12800
Lấy nét Servo phim	Bật
Phương pháp AF	+Theo dõi
Độ nhạy theo dõi lấy nét Servo phim	0
Tốc độ lấy nét Servo phim	
Khi bật	Luôn bật
Tốc độ AF	0 (Tiêu chuẩn)
Hẹn giờ đo sáng	8 giây
Hiển thị khung lưới	Ẩn
Chức năng nút	AF/-
Video quay nhanh	Tắt
Phim time-lapse	Tắt
Chống rung khi quay phim	Tắt
Chụp điều khiển từ xa	Tắt

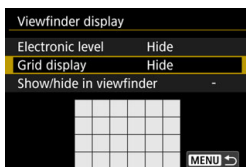
MENU Hiển thị khung lưới trong khung ngắm

Hiển thị khung lưới trong khung ngắm sẽ hỗ trợ bạn trong việc căn chỉnh độ nghiêng máy hoặc lấy bố cục ảnh chụp.

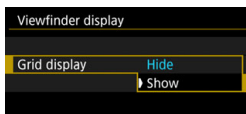


1 Chọn [Viewfinder display (Hiển thị khung ngắm)].

- Trong tab [F2], chọn [Viewfinder display (Hiển thị khung ngắm)], rồi nhấn <SET>.

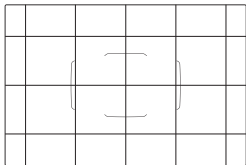


2 Chọn [Grid display (Hiển thị khung lưới)].



3 Chọn [Show (Hiện)].

- Khi thoát menu, khung lưới sẽ xuất hiện trong khung ngắm.

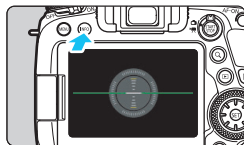


- Bạn có thể hiển thị khung lưới trên màn hình LCD trong khi chụp Live View và trước khi bắt đầu quay phim (tr.304, 379).
- Nếu thay đổi thiết lập mặc định của [F2: Viewfinder display (Hiển thị khung ngắm)], dấu sao “*” sẽ xuất hiện ở rìa phải của [F2: Viewfinder display (Hiển thị khung ngắm)].

MENU Hiển thị cân bằng điện tử

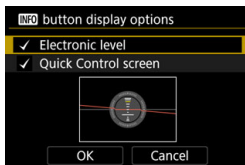
Bạn có thể hiển thị cân bằng điện tử trên màn hình LCD hoặc trong khung ngắm để chỉnh nghiêng máy.

Hiển thị cân bằng điện tử trên màn hình LCD



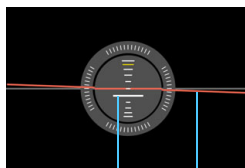
1 Nhấn nút <INFO>.

- Mỗi lần nhấn nút <INFO>, màn hình hiển thị sẽ thay đổi.
- Hiển thị cân bằng điện tử.
- Nếu cân bằng điện tử không xuất hiện, thiết lập [4: INFO button display options (Tùy chọn hiển thị nút INFO)] để hiển thị cân bằng điện tử (tr.86).



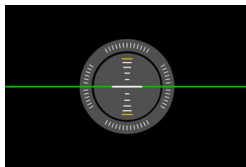
2 Kiểm tra nghiêng máy.

- Nghiêng máy theo hướng ngang và hướng dọc hiển thị ở mức tăng 1°.
- Đường màu đỏ chuyển sang màu xanh lá cây cho biết máy đã ở vị trí cân bằng.



Hướng dọc

Hướng ngang

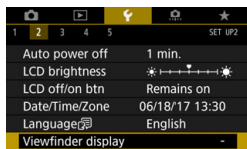


- Ngay cả khi máy đã ở vị trí cân bằng, vẫn có thể có sai số khoảng $\pm 1^\circ$.
- Nếu độ nghiêng của máy ảnh quá lớn, sai số của cân bằng điện tử sẽ lớn hơn.

Trong khi chụp Live View và trước khi quay phim (ngoại trừ với L+Theo dõi), bạn có thể hiển thị cân bằng điện tử như được trình bày phía trên.

MENU Hiển thị cân bằng điện tử trong khung ngắm

Cân bằng điện tử có thể hiển thị ở phía trên khung ngắm. Do biểu tượng này hiển thị trong quá trình chụp, bạn có thể kiểm tra nghiêng máy khi chụp.



1 Chọn [Viewfinder display (Hiển thị khung ngắm)].

- Trong tab [F2], chọn [Viewfinder display (Hiển thị khung ngắm)], rồi nhấn <SET>.



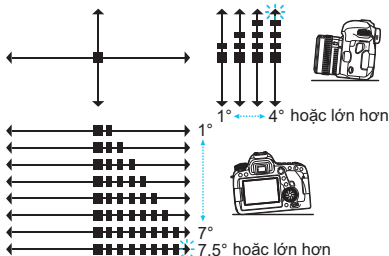
2 Chọn [Electronic level (Cân bằng điện tử)].



3 Chọn [Show (Hiện)].

4 Nhấn nửa chừng nút chụp.

- Cân bằng điện tử sẽ hiển thị ở phía trên khung ngắm.
- Cũng có thể sử dụng cân bằng này cả khi chụp ảnh dọc.



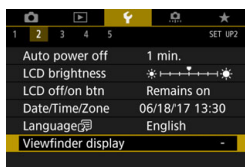
Ngay cả khi máy đã ở vị trí cân bằng, vẫn có thể có sai số khoảng $\pm 1^\circ$.

Nếu thay đổi thiết lập mặc định của [F2: Viewfinder display (Hiển thị khung ngắm)], dấu sao “*” sẽ xuất hiện ở rìa phải của [F2: Viewfinder display (Hiển thị khung ngắm)].

MENU Thiết lập hiển thị thông tin trong khung ngắm ☆

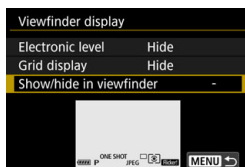
Có thể hiển thị các thiết lập chức năng chụp (Mức pin, Chế độ chụp, Thao tác AF, Chất lượng ảnh (loại ảnh), Kiểu chụp, Chế độ đo sáng, Nhận diện nhấp nháy) trong khung ngắm.

Mặc định chỉ có mục Nhận diện nhấp nháy được đánh dấu chọn [✓].

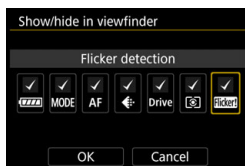


1 Chọn [Viewfinder display (Hiển thị khung ngắm)].

- Trong tab [2], chọn [Viewfinder display (Hiển thị khung ngắm)], rồi nhấn <SET>.



2 Chọn [Show/hide in viewfinder (Ẩn/hiện trong khung ngắm)].



3 Đánh dấu chọn [✓] thông tin sẽ hiển thị.

- Chọn thông tin muốn hiển thị rồi nhấn <SET> để thêm dấu chọn [✓].
- Lặp lại bước này để thêm dấu chọn [✓] cho tất cả thông tin muốn hiển thị. Rồi chọn [OK].
- ▶ Khi thoát menu, thông tin được đánh dấu chọn sẽ xuất hiện trong khung ngắm (tr.31).



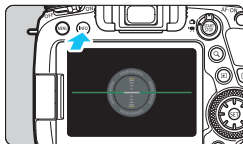


Nếu máy ảnh không cảm thẻ, thông tin chất lượng ghi ảnh (loại ảnh: JPEG/RAW) sẽ không hiển thị.

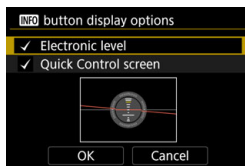


- Bất kể có được đánh dấu chọn hay không, thông tin tương ứng sẽ xuất hiện trong khung ngắm trong những trường hợp sau đây: khi thay đổi chế độ chụp, khi nhấn nút <AF>, <DRIVE> hoặc <Ⓢ>, khi thao tác công tắc chế độ lấy nét của ống kính và khi sử dụng ống kính có trang bị chức năng lấy nét tay điện tử đồng thời AF và MF chuyển khi xoay vòng lấy nét của ống kính (tr.157).
- Mặc dù [**Battery (Pin)**] không được đánh dấu chọn, biểu tượng mức pin (/) vẫn hiển thị trong khung ngắm khi pin yếu.
- Nếu thay đổi thiết lập mặc định của [**2: Viewfinder display (Hiển thị khung ngắm)**], dấu sao “*” sẽ xuất hiện ở rìa phải của [**2: Viewfinder display (Hiển thị khung ngắm)**].

Chức năng nút INFO

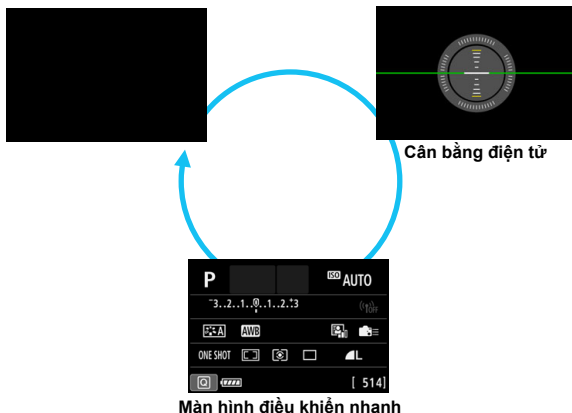


Trong quá trình chụp qua khung ngắm, nhấn nút <INFO> khi máy ảnh đã sẵn sàng chụp có thể chuyển giữa hiển thị cân bằng điện tử (tr.82) và màn hình điều khiển nhanh (tr.88).



[**INFO button display options** (Tùy chọn hiển thị khi nhấn nút z)] trong tab [**4**] cho phép lựa chọn các tùy chọn hiển thị khi nhấn nút <INFO>.

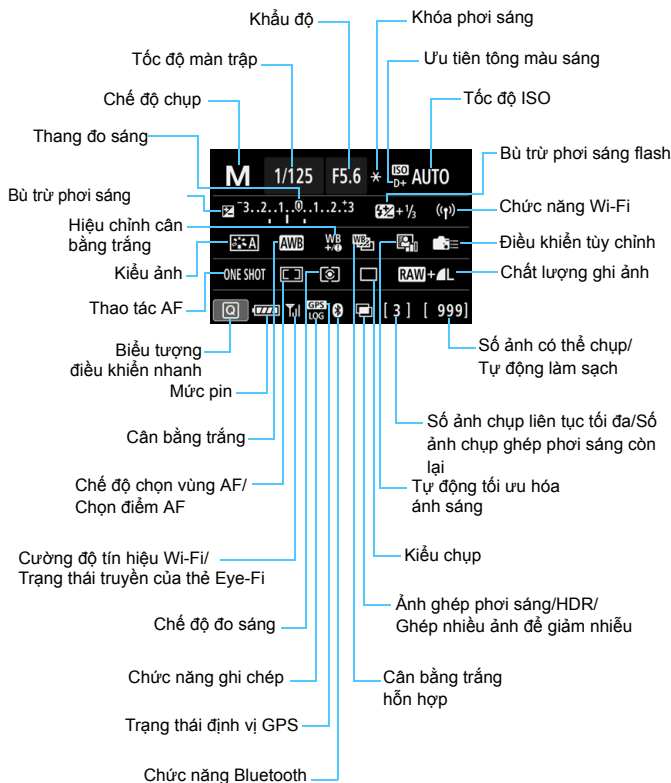
- Chọn tùy chọn hiển thị mong muốn, rồi nhấn <SET> để đánh dấu chọn <✓>.
- Sau đó chọn [**OK**] để đăng ký thiết lập.





- Nếu tắt nguồn trong khi cân bằng điện tử hoặc màn hình điều khiển nhanh đang hiển thị, các màn hình này sẽ xuất hiện lại khi bật nguồn. Để hủy chức năng này, nhấn nút <INFO> một lúc cho đến khi màn hình trống, rồi tắt công tắc nguồn.
- Bạn không thể bỏ dấu chọn khỏi cả hai tùy chọn hiển thị.
- Ngay cả khi bạn thiết lập để không hiển thị [**Electronic level (Cân bằng điện tử)**], nó vẫn sẽ xuất hiện khi chụp Live View và quay phim bằng cách nhấn nút <INFO>. Lưu ý rằng cân bằng điện tử có thể sẽ không hiển thị tùy thuộc vào thiết lập [**5: AF method (Phương pháp AF)**].
- Nhấn nút <Q> sẽ khởi động tính năng điều khiển nhanh (tr.61).
- Trong khi chụp Live View hoặc quay phim, mục hiển thị dưới tab [**4**] sẽ chuyển thành [**INFO button LV display options (Tùy chọn hiển thị khi nhấn nút INFO trong quá trình Live View)**] (tr.300).

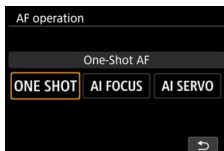
Màn hình điều khiển nhanh



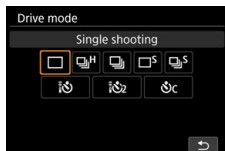
* Màn hình chỉ hiển thị thiết lập được áp dụng hiện thời.

Thao tác nút với màn hình điều khiển nhanh hiển thị

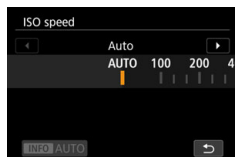
Khi nhấn nút <AF>, <DRIVE>, <ISO>, <[i]>, <[M]> hoặc <[S]>, màn hình thiết lập sẽ xuất hiện và bạn có thể đặt bằng nút <[S]>, <[M]>, <[i]> hoặc <[M]>.



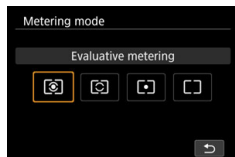
Thao tác AF



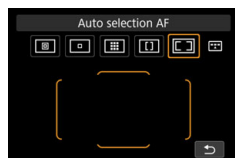
Kiểu chụp



Tốc độ ISO



Metering mode (Chế độ đo sáng)



Vùng AF/ Chọn điểm AF

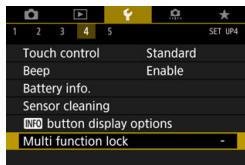


Nếu màn hình không hiển thị thông tin ngay cả khi bạn đã nhấn nút, nhấn <INFO> để hiển thị cân bằng điện tử hoặc màn hình điều khiển nhanh. Sau đó nhấn một trong các nút trên để hiển thị màn hình tương ứng.

LOCK Thiết lập khóa đa chức năng

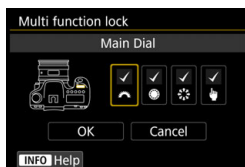
Khi gạt công tắc <LOCK> lên, bạn có thể tránh việc thay đổi các thiết lập ngoài ý muốn do vô tình thao tác nút xoay chính, nút xoay điều khiển nhanh hoặc nút điều khiển đa năng hay vô tình chạm vào màn hình cảm ứng.

Để tìm hiểu chi tiết về công tắc khóa đa chức năng, tham khảo trang 59.



1 Chọn [Multi function lock (Khóa đa chức năng)].

- Trong tab [4], chọn [Multi function lock (Khóa đa chức năng)], rồi nhấn <SET>.



2 Đánh dấu chọn [✓] vào tùy chọn điều khiển máy ảnh để khóa.

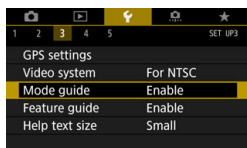
- Chọn tùy chọn điều khiển máy ảnh và nhấn <SET> để đánh dấu chọn [✓].
- Chọn [OK].
- Khi gạt công tắc <LOCK> lên, điều khiển máy ảnh được đánh dấu chọn [✓] sẽ bị khóa.



- Khi gạt công tắc <LOCK> lên và thao tác một trong các điều khiển máy ảnh đã bị khóa, biểu tượng <L> sẽ hiển thị trong khung ngắm và trên bảng điều khiển LCD. Trên màn hình điều khiển nhanh (tr.61), [LOCK] sẽ hiển thị. Trong khi chụp Live View hoặc quay phim, [LOCK] sẽ hiển thị trên màn hình chụp.
- Theo mặc định, nút xoay <⦿> sẽ bị khóa khi công tắc khóa đa chức năng ở vị trí khóa.
- Ở chế độ vùng cơ bản, chỉ có thể thiết lập [Touch control (Điều khiển cảm ứng)].
- Bạn có thể thao tác Điều khiển nhanh (tr.61) với mọi thiết lập khóa đa chức năng.
- Nếu thay đổi thiết lập mặc định, dấu sao "*" sẽ hiển thị ở rìa phải của [4: Multi function lock (Khóa đa chức năng)].

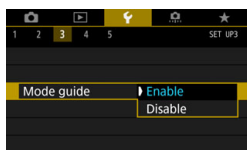
Thiết lập hướng dẫn chế độ chụp

Khi xoay nút xoay chế độ để chọn chế độ chụp, trên màn hình sẽ hiển thị phần mô tả ngắn về chế độ chụp (hướng dẫn chế độ chụp). Trong quá trình chụp qua khung ngắm, hướng dẫn chế độ xuất hiện khi màn hình điều khiển nhanh hoặc cân bằng điện tử hiển thị. Chế độ được đặt mặc định thành **[Enable (Bật)]**.



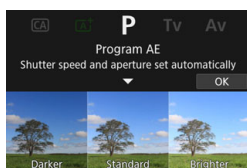
1 Chọn [Mode guide (Hướng dẫn chế độ)].

- Trong tab [**3**], chọn **[Mode guide (Hướng dẫn chế độ)]**, rồi nhấn **<SET>**.



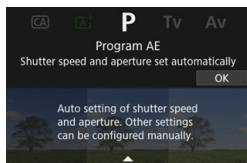
2 Chọn [Enable (Bật)].

- Nếu không muốn hướng dẫn chế độ hiển thị, chọn **[Disable (Tắt)]**.



3 Xoay nút xoay chế độ.

- Phần mô tả ngắn của chế độ chụp đã chọn sẽ xuất hiện.



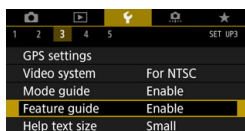
4 Nhấn phím <▼>.

- Phần mô tả chi tiết hơn sẽ xuất hiện.
- Để tắt hướng dẫn chế độ, nhấn **<SET>** hoặc nhấn nửa chừng nút chụp.

Trong chế độ **<SCN>**, nhấn **<SET>** ở bước 3 hoặc 4, rồi chọn chế độ chụp.

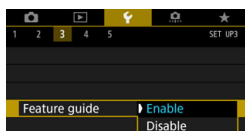
Thiết lập hướng dẫn tính năng

Khi sử dụng điều khiển nhanh, bạn có thể hiển thị phần mô tả ngắn (hướng dẫn tính năng) của chức năng đã chọn. Có thể hiển thị hướng dẫn tính năng trong khi chụp qua khung ngắm, chụp Live View và quay phim. Chế độ được đặt mặc định thành **[Enable (Bật)]**.



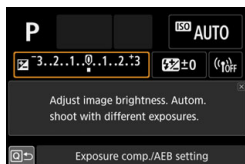
1 Chọn [Feature guide (Hướng dẫn tính năng)].

- Trong tab [F3], chọn **[Feature guide (Hướng dẫn tính năng)]**, rồi nhấn <SET>.



2 Chọn [Enable (Bật)].

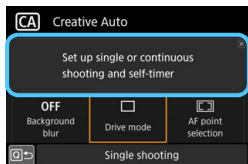
- Nếu bạn không muốn Hướng dẫn tính năng xuất hiện, chọn **[Disable (Tắt)]**.



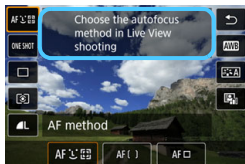
3 Khi máy ảnh đã sẵn sàng để chụp, nhấn nút <Q>.

- Thoát menu và nhấn nút <Q> khi máy ảnh ở trạng thái sẵn sàng chụp.
- Khi nhấn nút <Q> để chọn mục, hướng dẫn tính năng sẽ xuất hiện sau một lúc.

Chụp bằng khung ngắm



Chụp Live View/quay phim

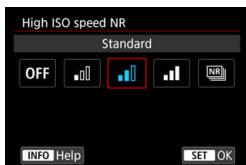


- Với một số tính năng nhất định, hướng dẫn tính năng cũng sẽ hiển thị dưới dạng màn hình thứ hai.
- Chạm vào hướng dẫn tính năng để tắt.

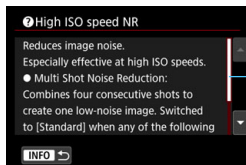
? Trợ giúp

Khi [**INFO Help (Trợ giúp)**] hiển thị ở phía dưới màn hình menu, mô tả tính năng (Trợ giúp) có thể hiển thị. Nhấn nút <INFO> để hiển thị trợ giúp. Nhấn lại nút để tắt hiển thị trợ giúp. Nếu phần trợ giúp không hiển thị hết trong màn hình, thanh cuộn sẽ xuất hiện ở rìa bên phải. Trong trường hợp này, nhấn các phím <▲> <▼> hoặc xoay nút xoay <🕒> để cuộn.

- Ví dụ: [**📷3: High ISO speed NR (Giảm nhiễu hạt ở tốc độ ISO cao)**]



INFO
➔

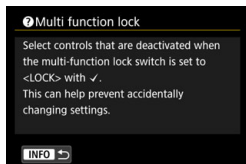


Thanh cuộn

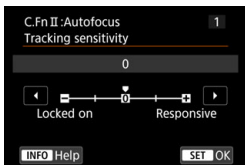
- Ví dụ: [**🔑4: Multi function lock (Khóa đa chức năng)**]



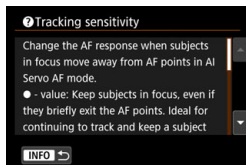
INFO
➔



- Ví dụ: [**📷C.Fn II-1: Tracking sensitivity (Độ nhạy theo dõi)**]

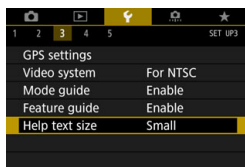


INFO
➔



Kích cỡ phông chữ của màn hình Trợ giúp

Bạn có thể chọn kích cỡ phông chữ cho màn hình Trợ giúp. Kích cỡ phông chữ được đặt mặc định thành **[Small (Nhỏ)]**.



1 Chọn [Help text size (Kích cỡ phông chữ Trợ giúp)].

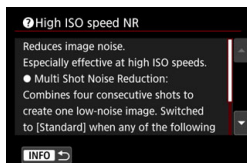
- Trong tab [4 3], chọn [Help text size (Kích cỡ phông chữ Trợ giúp)], rồi nhấn <SET>.



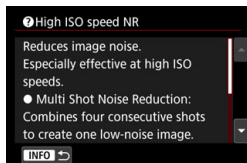
2 Thiết lập kích cỡ phông chữ.

- Chọn [Small (Nhỏ)] hoặc [Standard (Tiêu chuẩn)], rồi nhấn <SET>.

- Ví dụ: [📷3: High ISO speed NR (Giảm nhiễu hạt ở tốc độ ISO cao)]



Kích cỡ phông chữ: Nhỏ



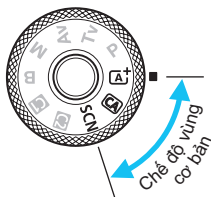
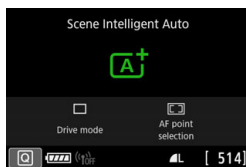
Kích cỡ phông chữ: Tiêu chuẩn

2

Chụp cơ bản

Chương này giới thiệu cách sử dụng chế độ vùng cơ bản trên nút xoay chế độ cho kết quả tốt nhất.

Với chế độ vùng cơ bản, bạn chỉ cần ngắm và chụp, máy ảnh sẽ tự động thiết lập các cài đặt (tr.129, 530). Ngoài ra, do các thiết lập chức năng chụp nâng cao không thể thay đổi, bạn có thể thoải mái chụp ảnh mà không cần lo làm hỏng ảnh bởi thao tác sai.



Trước khi chụp ở chế độ <SCN>

Khi sử dụng chế độ <SCN> để chụp trong lúc màn hình LCD tắt, nhấn nút <Q> hoặc <INFO> để kiểm tra chế độ đã thiết lập, rồi bắt đầu chụp.

[A⁺] Chụp hoàn toàn tự động (Tự động nhận cảnh thông minh)

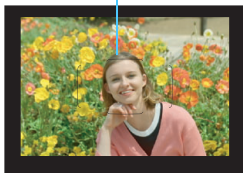
<[A⁺] > là chế độ tự động hoàn toàn. Máy ảnh phân tích cảnh và tự động đặt các thiết lập tối ưu. Chế độ này còn có thể tự động điều chỉnh lấy nét chủ thể tĩnh hoặc đang chuyển động bằng cách phát hiện chuyển động của chủ thể (tr.99).



1 Đặt nút xoay chế độ thành <[A⁺] >.

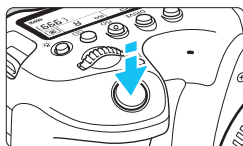
- Xoay nút xoay chế độ trong lúc nhấn giữ nút nhả khóa ở giữa.
- Khi phần mô tả chế độ chụp xuất hiện trên màn hình LCD, nhấn nút <SET> để ấn (tr.91).

Khung AF theo miền



2 Hướng khung AF theo miền vào chủ thể.

- Tất cả các điểm AF đều được sử dụng để lấy nét và máy ảnh sẽ lấy nét chủ thể gần nhất.
- Hướng trung tâm của khung AF theo miền vào chủ thể sẽ giúp lấy nét dễ dàng hơn.

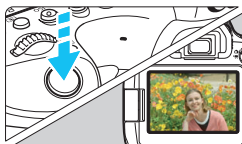


3 Lấy nét chủ thể.

- Nhấn nửa chừng nút chụp. Các tính năng của ống kính sẽ thay đổi để lấy nét.
- ▶ Khi lấy nét, điểm AF lấy được nét sẽ hiển thị. Đồng thời, máy phát ra tiếng bíp và đèn báo lấy nét <●> trong khung ngắm sẽ phát sáng.
- ▶ Trong điều kiện ánh sáng yếu, (các) điểm AF sẽ chớp sáng đỏ.



Đèn báo lấy nét



4 Chụp ảnh.

- Nhấn hoàn toàn nút chụp để chụp ảnh.
- ▶ Ảnh chụp sẽ hiển thị trong khoảng 2 giây trên màn hình LCD.



- Chế độ **[A⁺]** giúp màu sắc trong cảnh tự nhiên, ngoài trời và hoàng hôn trở nên ấn tượng hơn. Nếu bạn chưa đạt được tông màu mong muốn, chuyển sang chế độ vùng sáng tạo (tr.36) và chọn kiểu ảnh khác với **[A]**, rồi chụp lại (tr.178).
- Nhấn nút **[Q]** để sử dụng điều khiển nhanh cho **[Drive mode (Kiểu chụp)]** và **[AF point selection (Chọn điểm AF)]**. Tham khảo quy trình thiết lập cho chế độ **[CA]** được mô tả ở các trang 102-106.



Câu hỏi thường gặp

- **Đèn báo lấy nét <●> nhấp nháy và không lấy được nét.**
Hướng khung AF theo miền vào khu vực có độ tương phản tốt, rồi nhấn nửa chừng nút chụp (tr.56). Di chuyển ra xa và chụp lại nếu bạn ở quá gần chủ thể.
- **Ngay cả khi lấy được nét, điểm AF cũng không chớp sáng đỏ.**
Điểm AF chỉ chớp sáng đỏ khi lấy nét trong điều kiện ánh sáng yếu hoặc lấy nét chủ thể tối.
- **Nhiều điểm AF phát sáng đồng thời.**
Đã lấy được nét tại tất cả các điểm này. Bạn có thể chụp ảnh khi điểm AF bao quanh chủ thể đích vẫn phát sáng.

- **Tiếng bíp nhỏ phát ra liên tục. (Đèn báo lấy nét <●> không phát sáng.)**

Biểu thị máy ảnh đang lấy nét liên tục trên chủ thể chuyển động. (Đèn báo lấy nét <●> không phát sáng.) Bạn có thể chụp ảnh sắc nét với chủ thể chuyển động.

Lưu ý rằng khóa lấy nét (tr.99) không hoạt động trong trường hợp này.

- **Thao tác nhấn nửa chừng nút chụp sẽ không lấy nét chủ thể.**

Đặt công tắc chế độ lấy nét trên ống kính thành <AF> (lấy nét tự động) nếu đang ở chế độ <MF> (lấy nét tay).

- **Hiện thị thông số tốc độ màn trập nhấp nháy.**

Chụp ảnh trong điều kiện trời quá tối có thể bị mờ chủ thể do rung máy. Nên sử dụng chân máy hoặc đèn Speedlite Canon sê-ri EX (bán riêng, tr.280).

- **Khi sử dụng flash gắn ngoài, phần dưới của ảnh chụp bị tối một cách thiếu tự nhiên.**

Loa che nắng gắn trên ống kính có thể cản trở ánh sáng đèn flash. Khi chụp đối tượng gần, tháo loa trước khi chụp với flash.



Giảm thiểu ảnh mờ

- Chụp từng ảnh ngắt tiếng (tr.159), Chụp từng ảnh trong chế độ chụp Live View, v.v... sẽ giúp giảm mờ. Khóa gương lật (tr.267) cũng có hiệu lực khi đặt chế độ chụp thành một trong các chế độ vùng sáng tạo.
- Khi chụp liên tục, sử dụng chế độ chụp liên tục ngắt tiếng (tr.159) hoặc chụp liên tục Live View sẽ giúp giảm mờ.
- Sử dụng chân máy vững chắc có thể chịu được trọng lượng của thiết bị chụp. Gắn máy ảnh chắc chắn trên chân máy.
- Nên sử dụng công tắc điều khiển từ xa hoặc bộ điều khiển từ xa (tr.273, 275).

[A⁺] Kỹ thuật hoàn toàn tự động **(Tự động nhận cảnh thông minh)**

Bố cục lại ảnh



Tùy thuộc vào bối cảnh chụp, định vị chủ thể sang trái hoặc sang phải để lấy hậu cảnh cân bằng sẽ tạo được ảnh có phối cảnh tốt hơn.

Ở chế độ **[A⁺]**, khi nhấn nửa chừng nút chụp để lấy nét chủ thể tĩnh, lấy nét sẽ bị khóa. Bố cục lại ảnh trong khi nhấn giữ nửa chừng nút chụp, rồi nhấn xuống hoàn toàn để chụp ảnh. Thao tác này gọi là “khóa lấy nét”. Khóa lấy nét cũng có thể thực hiện ở các chế độ vùng cơ bản khác (ngoại trừ trong các chế độ **<SCN>** sau: **<P>**, **<S>**, **<A>**).

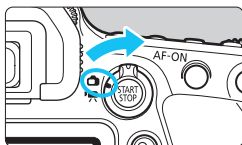
Chụp chủ thể chuyển động



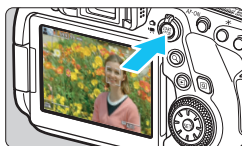
Ở chế độ **[A⁺]**, nếu chủ thể chuyển động (khoảng cách từ chủ thể tới máy ảnh thay đổi) trong khi hoặc sau khi bạn lấy nét, Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục sẽ thực hiện lấy nét liên tục. (Tiếng bíp nhỏ sẽ phát ra liên tục.) Chỉ cần bạn vẫn hướng khung AF theo miền vào chủ thể trong khi nhấn nửa chừng nút chụp, quá trình lấy nét sẽ tiếp tục. Tại thời điểm quyết định, nhấn hoàn toàn nút chụp để chụp ảnh.

Chụp Live View

Bạn có thể chụp trong khi xem ảnh trên màn hình LCD. Chức năng này được gọi là “Chụp Live View”. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo trang 291.



1 Đặt công tắc chụp Live View/quay phim thành .



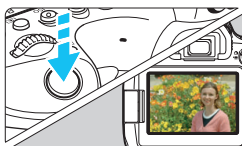
2 Hiện thị ảnh Live View trên màn hình LCD.

- Nhấn nút .
- ▶ Ảnh Live View sẽ xuất hiện trên màn hình LCD.



3 Lấy nét chủ thể.

- Nhấn nửa chừng nút chụp để lấy nét.
- ▶ Khi lấy được nét, điểm AF chuyển sang màu xanh lá cây và máy ảnh phát ra tiếng bíp.



4 Chụp ảnh.

- Nhấn hoàn toàn nút chụp.
- ▶ Ảnh sẽ được chụp và hiển thị trên màn hình LCD.
- ▶ Sau khi hiển thị xem lại kết thúc, máy ảnh sẽ tự động trở về chế độ chụp Live View.
- Nhấn nút  để thoát khỏi chế độ chụp Live View.

Bạn cũng có thể xoay màn hình LCD để chụp ở các góc độ khác nhau. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo trang 46.



Góc thường



Góc thấp



Góc cao

[CA] Chụp tự động sáng tạo

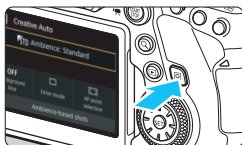
<[CA]> là chế độ chụp hoàn toàn tự động nâng cao hơn so với chế độ <[A+]>. Bạn có thể điều chỉnh trước môi trường ảnh, chức năng làm mờ hậu cảnh, v.v... trước khi chụp.

Nhấn nút <[Q]> để thiết lập 1. Chụp ảnh dựa trên môi trường, 2. Thiết lập hậu cảnh mờ, 3. Kiểu chụp và 4. Chọn điểm AF bằng tính năng điều khiển nhanh.

* <[CA]> là viết tắt của Creative Auto (Tự động sáng tạo).

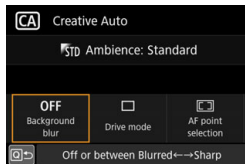


1 Đặt nút xoay chế độ thành <[CA]>.



2 Nhấn nút <[Q]> (♻️).

- ▶ Màn hình điều khiển nhanh (tr.128) sẽ xuất hiện.

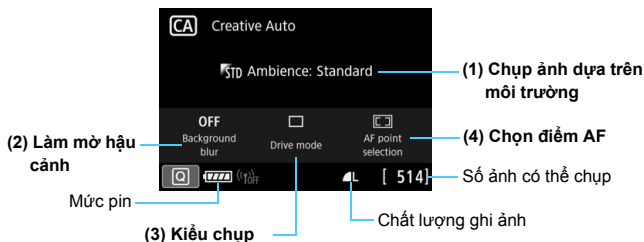


3 Thiết lập chức năng mong muốn.

- Nhấn các phím <▲> <▼> hoặc <◀> <▶> để chọn chức năng.
- ▶ Các thiết lập của chức năng đã chọn và hướng dẫn tính năng (tr.92) sẽ xuất hiện.
- Để tìm hiểu về quy trình thiết lập và chi tiết mỗi chức năng, tham khảo các trang 103-106.

4 Chụp ảnh.

- Nhấn hoàn toàn nút chụp để chụp ảnh.
- Khi bạn sử dụng chức năng Live View để xem kết quả hiệu ứng trên màn hình LCD trong lúc chụp, tham khảo trang 107.



(1) Chụp ảnh dựa trên môi trường



Bạn có thể chọn và chụp với môi trường muốn truyền tải vào trong ảnh. Xoay nút xoay <☀> hoặc <☾> để chọn môi trường. Khi chọn mục (1), nhấn <SET> để hiển thị màn hình bên trái. Sau đó, chọn môi trường từ danh sách hiển thị. Nhấn các phím <▲> <▼> để chọn môi trường mong muốn.

Lưu ý rằng bạn có thể xem trước kết quả hiệu ứng “Chụp ảnh dựa trên môi trường” trước khi chụp bằng cách nhấn nút <START STOP> và chuyển sang chụp Live View (tr.107).

Môi trường	Hiệu ứng môi trường
STD Ambience: Standard (Môi trường: Tiêu chuẩn)	Không có thiết lập
V Vivid (Rực rỡ)	Thấp / Tiêu chuẩn / Mạnh
S Soft (Mềm)	Thấp / Tiêu chuẩn / Mạnh
W Warm (Ấm)	Thấp / Tiêu chuẩn / Mạnh
I Intense (Sống động)	Thấp / Tiêu chuẩn / Mạnh
C Cool (Lạnh)	Thấp / Tiêu chuẩn / Mạnh
B Brighter (Sáng hơn)	Thấp / Trung bình / Cao
D Darker (Tối hơn)	Thấp / Trung bình / Cao
M Monochrome (Đơn sắc)	Xanh da trời / Đen trắng / Nâu đỏ

Thiết lập môi trường

STD Ambience: Standard (Môi trường: Tiêu chuẩn)

Thiết lập này cung cấp đặc tính ảnh tiêu chuẩn.

V Vivid (Rực rỡ)

Chủ thể trông sống động, sắc nét và rực rỡ. Giúp tạo ảnh ấn tượng hơn so với thiết lập [**STD Ambience: Standard (Môi trường: Tiêu chuẩn)**].

S Soft (Mềm)

Chủ thể không được quá nhấn mạnh, khiến ảnh dịu màu và xinh xắn hơn. Phù hợp với ảnh chân dung, vật nuôi, hoa, v.v...

W Warm (Ấm)

Chủ thể không được quá nhấn mạnh với sắc thái màu ấm hơn, khiến ảnh trông ấm và dịu dàng hơn. Phù hợp với ảnh chân dung, vật nuôi và các chủ thể bạn muốn đem lại cảm giác ấm áp.

I Intense (Sống động)

Trong khi độ sáng tổng thể bị giảm đi đôi chút, chủ thể được làm nổi bật để trông sống động hơn trong ảnh. Giúp người hoặc chủ thể sống thêm nổi bật.

C Cool (Lạnh)

Độ sáng tổng thể bị giảm đi đôi chút với sắc thái màu lạnh hơn trong ảnh. Giúp chủ thể trong bóng râm trông yên tĩnh và ấn tượng hơn.

B Brighter (Sáng hơn)

Ảnh trông sáng hơn.

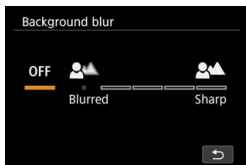
D Darker (Tối hơn)

Ảnh trông tối hơn.

M Monochrome (Đơn sắc)

Ảnh được hiển thị đơn sắc. Bạn có thể chọn màu đơn sắc là xanh da trời, đen trắng hoặc nâu đỏ.

(2) Làm mờ hậu cảnh



Bạn có thể điều chỉnh mức độ làm mờ hậu cảnh. Xoay nút xoay < > hoặc < > để thiết lập hiệu ứng.

Khi chọn mục (2) ở trang 103, nhấn < > để hiển thị màn hình bên trái. Khi nhìn vào thang đo, bạn có thể xoay nút xoay < > hoặc < > để đặt mức độ.

Lưu ý rằng bạn có thể xem trước kết quả hiệu ứng “Làm mờ hậu cảnh” trước khi chụp bằng cách nhấn nút < > và chuyển sang chụp Live View (tr.108).

OFF : Máy ảnh thiết lập khẩu độ tự động để phù hợp với độ sáng. Bạn có thể chụp với mức độ làm mờ hậu cảnh do máy ảnh đặt tự động.

Blurred (Mờ) : Đặt thanh màu cam càng gần phía bên trái (đầu Blurred), hậu cảnh của chủ thể trong ảnh sẽ càng mờ.

Sharp (Nét) : Đặt thanh màu cam càng gần phía bên phải (đầu Sharp), hậu cảnh của chủ thể trong ảnh sẽ càng nét.

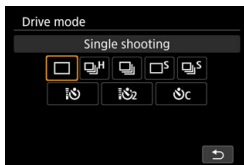


- Hậu cảnh trong ảnh có thể sẽ không đạt được độ mờ hoặc độ nét như mong muốn tùy thuộc vào điều kiện chụp và ống kính sử dụng.
- Tính năng này không thiết lập được khi sử dụng flash ngoài.
- Một số vị trí thiết lập nhất định có thể không chọn được tùy thuộc vào tốc độ của ống kính sử dụng (khẩu độ mở chỉ số khẩu độ f).



Nếu muốn làm mờ hậu cảnh, tham khảo phần “Gợi ý chụp ảnh” cho “Chụp chân dung” ở trang 111 để chụp.

(3) Kiểu chụp

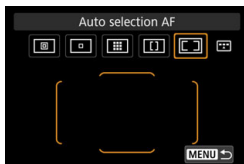


Bạn có thể chọn chụp từng ảnh, chụp liên tục hoặc chụp hẹn giờ. Xoay nút xoay < > hoặc < > để chọn chế độ chụp mong muốn.

Nhấn < > sẽ hiển thị màn hình bên trái. Xoay nút xoay < > để chọn thiết lập mong muốn.

Để tìm hiểu về kiểu chụp, tham khảo trang 158.

(4) Chọn điểm AF



Xoay nút xoay < > hoặc < > để chọn chế độ chọn vùng AF mong muốn. Nhấn < > sẽ hiển thị màn hình bên trái. Sau đó, bạn có thể chọn chế độ chọn vùng AF và điểm AF.

Nếu nhấn nút < > trong trạng thái này sau đó, bạn có thể chọn chế độ chọn vùng AF. Khi đặt chế độ chọn vùng AF thành tùy chọn khác với **[Auto selection AF (AF chọn tự động)]**, bạn có thể sử dụng nút < > để chọn điểm hoặc vùng AF.

Để tìm hiểu về chế độ chọn vùng AF, tham khảo các trang 136-138. Để tìm hiểu về thao tác chọn điểm AF, tham khảo trang 139.

Sử dụng chức năng xem trước hiệu ứng khi chụp Live View

Trong chế độ <CA>, khi chụp với thiết lập [Ambience-based shots (Chụp ảnh dựa trên môi trường)] hoặc [Background blur (Làm mờ hậu cảnh)], bạn nên kiểm tra kết quả hiệu ứng trên ảnh Live View.



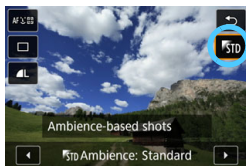
1 Hiện thị ảnh Live View.

- Đặt công tắc Live View/quay phim thành <ON>, rồi nhấn nút <START/STOP>.
- Nhấn nửa chừng nút chụp, rồi lấy nét vào chủ thể.



2 Nhấn nút <Q>.

- ▶ Màn hình điều khiển nhanh sẽ xuất hiện (tr.10).



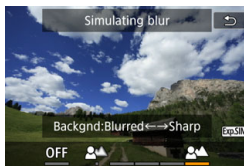
3 Chọn môi trường mong muốn.

- Nhấn các phím <▲> <▼> để chọn [Ambience-based shots (Chụp ảnh dựa trên môi trường)].
- Xoay nút xoay <gear> hoặc <clock> để chọn môi trường (tr.103).
- ▶ Màn hình LCD sẽ hiển thị ảnh với môi trường đã chọn.



4 Thiết lập hiệu ứng môi trường.

- Nhấn các phím <▲> <▼> để chọn [Effect (Hiệu ứng)].
- Xoay nút xoay <gear> hoặc <clock> để chọn mức độ mong muốn hoặc thiết lập của hiệu ứng.



5 Thiết lập [Background Blur (Hậu cảnh mờ)].

- Nhấn nút <[Q]> để thoát Điều khiển nhanh.
- Xoay nút xoay <[☀]> hoặc <[🕒]> để điều chỉnh độ mờ trong khi kiểm tra trên màn hình (tr.105). Khi bạn điều chỉnh, [Simulating blur (Giả lập làm mờ)] sẽ hiển thị.

6 Chụp ảnh.

- Nhấn hoàn toàn nút chụp.
- Để trở về chụp qua khung ngắm, trước tiên nhấn nút <START STOP> để thoát chế độ chụp Live View.

- ❗ Ảnh Live View hiển thị với thiết lập môi trường được chọn sẽ không giống hoàn toàn như ảnh chụp thực tế.
- Nếu biểu tượng <Exp.SIM> (tr.295) nhấp nháy trong quá trình [Simulating blur (Giả lập làm mờ)], hình ảnh giả lập hiển thị có thể nhiều hạt hơn hoặc tối hơn hình ảnh thực tế được ghi.
- Nếu sử dụng đèn flash ngoài, hiệu ứng môi trường có thể không rõ rệt.
- Ở ngoài trời sáng, ảnh Live View thấy trên màn hình LCD có thể không có độ sáng hoặc môi trường giống như ảnh chụp thực tế. Đặt độ sáng màn hình LCD ở mức “4” trong mục [🔧2: LCD brightness (Độ sáng LCD)] để tránh ảnh hưởng của độ sáng môi trường xung quanh đến mức có thể khi kiểm tra kết quả hiệu ứng.
- Nếu thay đổi chế độ chụp hoặc gạt công tắc nguồn sang <OFF>, các thiết lập [Ambience (Môi trường)], [Background blur (Làm mờ hậu cảnh)], [Drive mode (Kiểu chụp)] và [AF point selection (Chọn điểm AF)] sẽ trở về mặc định.

- 📄 [Brightness (Độ sáng)] và [Color tone (Tông màu)] trong chế độ <SCN>
Khi đặt nút xoay chế độ thành chế độ <SCN>, bạn có thể điều chỉnh [Brightness (Độ sáng)] và [Color tone (Tông màu)] với chế độ chụp. Ở bước 3, khi chọn [Brightness (Độ sáng)] hoặc [Color tone (Tông màu)], bạn có thể điều chỉnh [Brightness (Độ sáng)] thành Tối hơn/Sáng hơn (mỗi tùy chọn có 3 mức) hoặc [Color tone (Tông màu)] thành Tông lạnh/Tông ấm (mỗi tùy chọn có 2 mức) trong khi xem ảnh Live View.

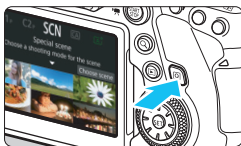
SCN: Chế độ cảnh đặc biệt

Máy ảnh sẽ tự động chọn thiết lập thích hợp khi bạn chọn chế độ chụp cho chủ thể hoặc cảnh.

* <SCN> là viết tắt của Special Scene (Cảnh đặc biệt).

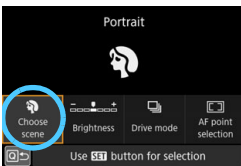


1 Đặt nút xoay chế độ thành <SCN>.



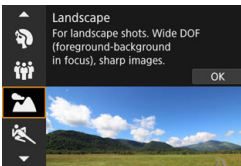
2 Nhấn nút <Q> (1/10).

▶ Màn hình điều khiển nhanh sẽ xuất hiện.



3 Chọn [Choose scene (Chọn cảnh)].

- Nhấn các phím <▲> <▼> hoặc <◀> <▶> để chọn [Choose scene (Chọn cảnh)], rồi nhấn <SET>.



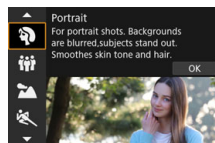
4 Chọn chế độ chụp.

- Nhấn các phím <▲> <▼> để chọn chế độ chụp, rồi nhấn <SET>.
- Bạn cũng có thể xoay nút xoay <1/10> hoặc <1/100> để chọn chế độ chụp.

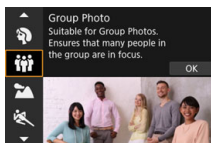


Các lưu ý về chế độ chụp được trình bày ở trang 124. Đọc kỹ lưu ý trước khi chụp.

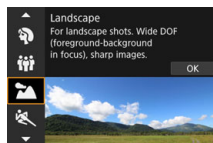
Chế độ SCN



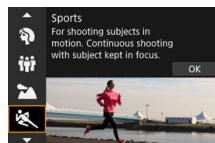
👤: Chân dung (tr.111)



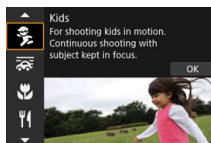
👥: Ảnh nhóm (tr.112)



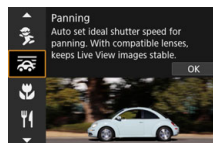
🏞️: Phong cảnh (tr.113)



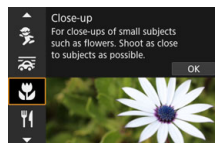
🏃: Thể thao (tr.114)



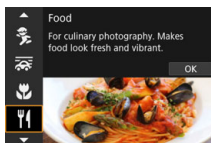
👧: Trẻ em (tr.115)



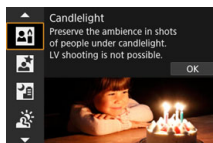
🚗: Lia máy (tr.116)



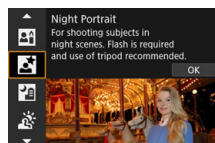
🌸: Cận cảnh (tr.118)



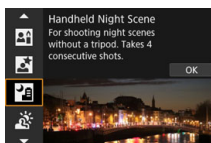
🍴: Đồ ăn (tr.119)



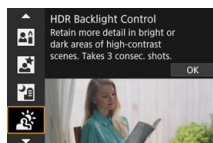
🕯️: Ánh nến (tr.120)



🌃: Chân dung ban đêm (tr.121)



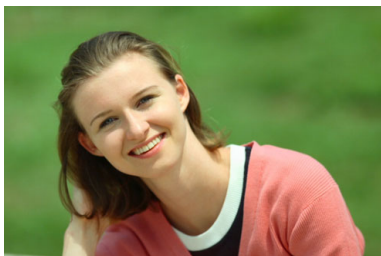
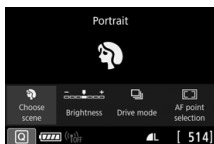
🌃: Chụp đêm cầm tay (tr.122)



🌟: Chính ngược sáng HDR (tr.123)

SCN: Chụp chân dung

Chế độ <> (Chân dung) sẽ làm mờ hậu cảnh để nổi bật chủ thể người. Chế độ này làm tông màu da và tóc dịu hơn.



Gợi ý chụp ảnh

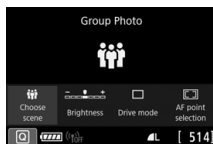
- **Chọn vị trí nơi khoảng cách giữa chủ thể và hậu cảnh là xa nhất.**
Khoảng cách giữa chủ thể và hậu cảnh càng xa, hậu cảnh sẽ trông càng mờ. Chủ thể sẽ nổi bật hơn khi ở trước hậu cảnh tối và đơn giản.
- **Sử dụng ống kính tele.**
Nếu bạn có ống kính zoom, sử dụng tiêu cự chụp xa để đưa phần thân trên của chủ thể vào khung hình. Di chuyển lại gần chủ thể hơn nếu cần.
- **Lấy nét khuôn mặt.**
Kiểm tra điểm AF bao quanh khuôn mặt đã phát sáng chưa. Lấy nét đôi mắt khi chụp cận cảnh khuôn mặt.



Thiết lập mặc định là <> (Chụp liên tục tốc độ thấp). Nếu nhấn giữ nút chụp, bạn có thể chụp liên tục (tối đa khoảng 3,0 ảnh/giây) để ghi lại các thay đổi trên biểu cảm khuôn mặt và tư thế của chủ thể.

SCN: Chụp ảnh nhóm

Sử dụng chế độ < > (Ảnh nhóm) để chụp ảnh nhóm. Bạn có thể chụp ảnh với người ở phía trước và phía sau đều được lấy nét.



Gợi ý chụp ảnh

- **Sử dụng ống kính góc rộng.**

Khi chụp bằng ống kính zoom, nên sử dụng tiêu cự góc rộng để dễ dàng lấy nét tất cả mọi người trong nhóm, từ hàng trước ra sau. Ngoài ra, nếu bạn đặt máy ảnh ra xa chủ thể một chút (để toàn bộ chủ thể hiển thị trong ảnh), phạm vi lấy nét sẽ tăng lên.

- **Chụp nhiều ảnh nhóm.**

Nên chụp nhiều ảnh nhằm tránh trường hợp có người nhắm mắt.



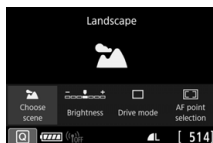
Tham khảo phần lưu ý ở trang 124.



- Khi chụp ảnh trong nhà hoặc dưới điều kiện ánh sáng yếu, giữ vững máy ảnh hoặc sử dụng chân máy để tránh rung máy.
- Nhấn nút < > và chọn [**Brightness (Độ sáng)**] để điều chỉnh độ sáng ảnh.

SCN: Chụp phong cảnh

Sử dụng chế độ < > (Phong cảnh) để chụp cảnh rộng hoặc lấy nét vật thể từ gần đến xa. Chế độ này làm nổi bật tông màu xanh da trời và xanh lá cây, đồng thời làm ảnh trong và sắc nét hơn.



Gợi ý chụp ảnh

- **Sử dụng tiêu cự góc rộng của ống kính zoom.**

Khi sử dụng ống kính zoom, xoay ống kính đến tiêu cự góc rộng để lấy nét vật thể gần và xa. Tiêu cự góc rộng giúp tăng thêm độ rộng cho cảnh.

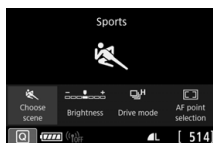
- **Chụp cảnh đêm.**

Hiện tượng rung máy có thể xảy ra khi chụp cầm tay ở chế độ < >. Bạn nên sử dụng chân máy.



SCN: Chụp chủ thể chuyển động

Sử dụng chế độ < > (Thể thao) để chụp chủ thể chuyển động như người đang chạy hay xe cộ di chuyển.



Gợi ý chụp ảnh

- **Sử dụng ống kính tele.**

Nên sử dụng ống kính tele khi chụp từ khoảng cách xa.

- **Theo dõi chủ thể với khung AF theo miền.**

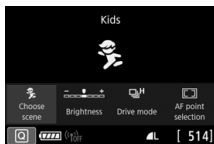
Hướng khung AF theo miền vào chủ thể, rồi nhấn nửa chừng nút chụp để bắt đầu lấy nét. Tiếng bíp nhỏ sẽ phát ra liên tục trong khi lấy nét tự động. Nếu không lấy được nét, đèn báo lấy nét <●> sẽ nhấp nháy.

- **Chụp liên tục.**

Thiết lập mặc định là < H> (Chụp liên tục tốc độ cao). Tại thời điểm quyết định, nhấn hoàn toàn nút chụp để chụp ảnh. Nếu nhấn giữ nút chụp, bạn có thể chụp liên tục trong khi duy trì lấy nét tự động để ghi lại các thay đổi trên chuyển động của chủ thể. (Chụp khung ngắm: tối đa khoảng 6,5 ảnh/giây, Chụp Live View: tối đa khoảng 4,0 ảnh/giây)

SCN: Chụp trẻ em

Để chụp ảnh trẻ em chạy nhảy xung quanh, sử dụng chế độ <> (Trẻ em). Tông màu da trông khỏe khoắn hơn.



Gợi ý chụp ảnh

- **Theo dõi chủ thể với khung AF theo miền.**

Hướng khung AF theo miền vào chủ thể, rồi nhấn nửa chừng nút chụp để bắt đầu lấy nét. Tiếng bíp nhỏ sẽ phát ra liên tục trong khi lấy nét tự động. Nếu không lấy được nét, đèn báo lấy nét <> sẽ nhấp nháy.

- **Chụp liên tục.**

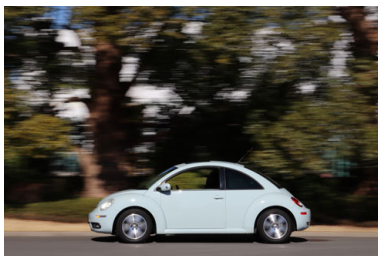
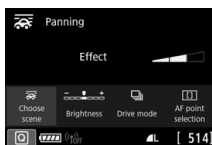
Thiết lập mặc định là <H> (Chụp liên tục tốc độ cao). Tại thời điểm quyết định, nhấn hoàn toàn nút chụp để chụp ảnh. Nếu nhấn giữ nút chụp, bạn có thể chụp liên tục trong khi duy trì lấy nét tự động để ghi lại các thay đổi trên biểu cảm khuôn mặt và chuyển động của chủ thể. (Chụp khung ngắm: tối đa khoảng 6,5 ảnh/giây, Chụp Live View: tối đa khoảng 4,0 ảnh/giây..)



Tham khảo phần lưu ý ở trang 124.

SCN: Lia máy

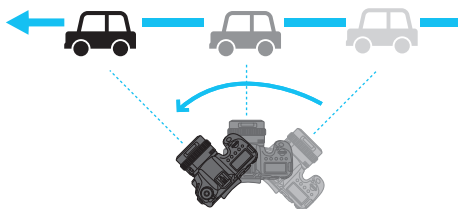
Nếu bạn muốn chụp ảnh đem lại cảm giác về tốc độ và tạo hiệu ứng chuyển động mờ trên hậu cảnh của chủ thể, hãy sử dụng < > (Lia máy). Khi chụp Live View, nếu sử dụng ống kính có hỗ trợ chế độ < >, hiện tượng mờ chủ thể sẽ được phát hiện, hiệu chỉnh và làm giảm.



Gợi ý chụp ảnh

- **Quay máy ảnh để dõi theo chủ thể chuyển động.**

Khi chụp, quay máy ảnh nhẹ nhàng trong lúc dõi theo chủ thể chuyển động. Hướng điểm AF vào chủ thể chuyển động ở phần bạn muốn lấy nét, rồi nhấn nửa chừng nút chụp và tiếp tục nhấn giữ trong khi quay máy ảnh cho khớp với tốc độ và chuyển động của chủ thể. Nhấn hoàn toàn nút chụp và di chuyển máy ảnh để chụp ảnh. Không ngừng dõi theo chủ thể bằng máy ảnh.



● Thiết lập độ mờ chuyển động của hậu cảnh.

Với [**Effect (Hiệu ứng)**], bạn có thể thiết lập độ mờ chuyển động của hậu cảnh. Thiết lập [**Max (Tối đa)**] sẽ đặt tốc độ màn trập chậm hơn để tăng độ mờ chuyển động của hậu cảnh quanh chủ thể. Nếu chủ thể bị mờ nghiêm trọng, đặt [**Effect (Hiệu ứng)**] thành [**Med (Trung bình)**] hoặc [**Min (Tối thiểu)**] để giảm mờ.



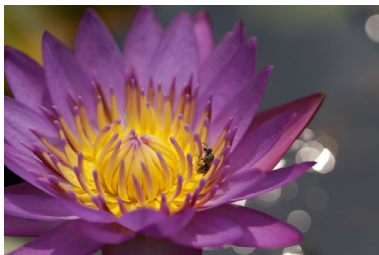
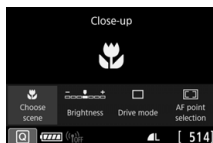
Tham khảo phần lưu ý ở trang 124.



- Để tìm hiểu về các ống kính có hỗ trợ chế độ < >, tham khảo trang web của Canon.
- Khi sử dụng ống kính có hỗ trợ chế độ < > trong khi chụp Live View, bạn có thể hiệu chỉnh độ mờ chủ thể và tốc độ màn trập sẽ được đặt tự động theo thiết lập của [**Effect (Hiệu ứng)**] mà không phụ thuộc vào thiết lập ổn định hình ảnh của ống kính.
- Khi chụp qua khung ngắm, thiết lập mặc định của chế độ chọn vùng AF là AF theo vùng lớn với “Vùng trung tâm” được chọn.
- Khi chụp Live View, [**2: AF method (Phương pháp AF)**] sẽ được đặt tự động thành [**Smooth zone (Vùng mượt)**].
- Để tránh hiện tượng rung máy, bạn nên giữ máy ảnh bằng cả hai tay, ép sát cánh tay với cơ thể và dõi theo chuyển động của chủ thể một cách nhẹ nhàng để chụp ảnh.
- Hiệu ứng này đạt kết quả tốt nhất khi chụp các chủ thể chuyển động theo một hướng với tốc độ ổn định như đoàn tàu, ô tô, v.v...
- Nên chụp thử ảnh hoặc xem lại ảnh ngay lập tức sau khi chụp để kiểm tra.
- Chế độ < > (Chụp liên tục tốc độ thấp) được đặt theo mặc định. Khi đến thời khắc quyết định, nhấn hoàn toàn nút chụp. Nếu bạn nhấn giữ nút chụp trong khi di chuyển máy ảnh theo chuyển động của chủ thể, bạn có thể chụp liên tục trong khi duy trì lấy nét tự động (Tối đa khoảng 4,3 ảnh/giây khi chụp qua khung ngắm và 2,7 ảnh/giây khi chụp Live View (ở tốc độ màn trập 1/30 giây với khẩu độ tối đa).)

SCN: Chụp cận cảnh

Khi chụp cận cảnh hoa hoặc vật thể nhỏ, bạn nên sử dụng chế độ < > (Cận cảnh). Sử dụng ống kính macro (bán riêng) để phóng to nhiều lần vật thể nhỏ.

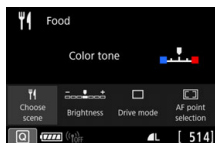


Gợi ý chụp ảnh

- **Sử dụng hậu cảnh đơn giản.**
Hậu cảnh đơn giản làm nổi bật vật thể nhỏ như bông hoa.
- **Di chuyển càng gần chủ thể càng tốt.**
Kiểm tra để biết khoảng cách lấy nét nhỏ nhất của ống kính. Khoảng cách lấy nét nhỏ nhất của ống kính được đo từ dấu < > (mặt phẳng tiêu cự) ở trên cùng máy ảnh đến chủ thể. Nếu ở quá gần chủ thể và không lấy được nét, đèn báo lấy nét < > sẽ nhấp nháy.
- **Sử dụng tiêu cự chụp xa của ống kính zoom.**
Nếu bạn có ống kính zoom, sử dụng tiêu cự chụp xa sẽ làm chủ thể trông lớn hơn.

SCN: 🍴 Chụp đồ ăn

Khi bạn muốn chụp ảnh đồ ăn, sử dụng chế độ <🍴> (Đồ ăn). Ảnh sẽ trông sáng và rực rỡ. Ngoài ra, tùy thuộc vào nguồn sáng, tông màu ánh đồ có thể bị thay đổi trong ảnh khi chụp dưới ánh đèn dây tóc, v.v...



Gợi ý chụp ảnh

- **Thay đổi tông màu.**

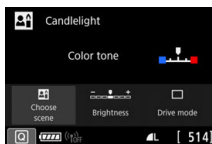
Bạn có thể thay đổi [**Color tone (Tông màu)**]. Để tăng tông màu ánh đỏ của đồ ăn, đặt tông màu thành [**Warm (Ấm)**]. Đặt tông màu về [**Cool (Lạnh)**] nếu màu quá đỏ.



Tham khảo phần lưu ý ở trang 125.

SCN: Chụp chân dung dưới ánh nến

Khi bạn muốn chụp ảnh người dưới ánh nến, sử dụng chế độ <> (Ánh nến). Không khí ánh nến được phản ánh thông qua tông màu ảnh.



Gợi ý chụp ảnh

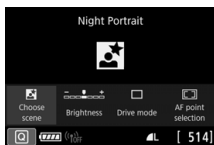
- **Sử dụng điểm AF trung tâm để lấy nét.**
Hướng điểm AF trung tâm trong khung ngắm vào chủ thể rồi chụp.
- **Tránh rung máy nếu thông số hiển thị (tốc độ màn trập) trong khung ngắm nhấp nháy.**
Trong điều kiện ánh sáng yếu, thông số tốc độ màn trập trên khung ngắm sẽ nhấp nháy. Hãy giữ chắc máy ảnh hoặc sử dụng chân máy. Khi chụp với ống kính zoom, bạn có thể giảm mờ do rung máy bằng cách xoay ống kính đến tiêu cự góc rộng nhất.
- **Thay đổi tông màu.**
Bạn có thể thay đổi [**Color tone (Tông màu)**]. Để tăng tông màu ánh đỏ của ánh nến, đặt tông màu thành [**Warm (Ấm)**]. Đặt tông màu về [**Cool (Lạnh)**] nếu màu quá đỏ.



- Không thể thực hiện chụp Live View.
- Tham khảo phần lưu ý ở trang 125.

SCN: Chụp chân dung ban đêm (Với chân máy)

Khi bạn muốn chụp người vào buổi tối với hậu cảnh ban đêm trông tự nhiên, hãy sử dụng chế độ < > (Chân dung ban đêm). **Lưu ý rằng cần sử dụng đèn Speedlite gắn ngoài khi chụp.** Bạn nên sử dụng chân máy.



Gợi ý chụp ảnh

- **Sử dụng ống kính góc rộng và chân máy.**

Khi chụp với ống kính zoom, hãy sử dụng tiêu cự góc rộng để có tầm nhìn cảnh đêm rộng hơn. Ngoài ra, do dễ xảy ra rung máy khi chụp cầm tay, bạn nên sử dụng chân máy.

- **Kiểm tra độ sáng của chủ thể.**

Lưu ý rằng nên xem lại ảnh tại nơi chụp để kiểm tra độ sáng của ảnh. Di chuyển lại gần chủ thể và chụp lại nếu chủ thể trông tối.

- **Cũng có thể chụp ở các chế độ khác.**

Do dễ xảy ra rung máy khi chụp cảnh đêm, bạn cũng nên chụp với chế độ < > và < >.



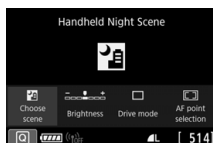
Tham khảo phần lưu ý ở trang 126.



Nếu sử dụng chụp hẹn giờ cùng với đèn Speedlite gắn ngoài, đèn chụp hẹn giờ sẽ nhấp sáng nhanh sau khi chụp ảnh.

SCN: Chụp cảnh đêm (Cầm tay)

Sử dụng chân máy khi chụp cảnh đêm để có kết quả tốt nhất. Tuy nhiên, với chế độ < > (Chụp đêm cầm tay), bạn có thể chụp cảnh đêm ngay cả khi cầm máy ảnh. Trong chế độ này, máy ảnh sẽ chụp liên tục bốn tấm ảnh cho mỗi hình, ảnh được ghi lại là ảnh kết hợp đã giảm rung máy.



Gợi ý chụp ảnh

- **Giữ chắc máy ảnh.**

Giữ chắc máy ảnh trong khi chụp. Ở chế độ này, bốn bức ảnh được căn chỉnh và kết hợp thành một ảnh đơn. Tuy nhiên, nếu bất kỳ ảnh nào trong bốn ảnh bị lệch quá nhiều do rung máy, ảnh kết hợp cuối cùng sẽ không được căn chỉnh chính xác.

- **Khi chụp chân dung, sử dụng đèn Speedlite gắn ngoài.**

Nếu bạn muốn chụp ảnh có người, hãy sử dụng đèn Speedlite gắn ngoài. Để chụp ảnh chân dung đẹp, flash sẽ được sử dụng ở ảnh đầu tiên. Đảm bảo chủ thể không di chuyển cho đến khi chụp xong bốn ảnh liên tiếp.

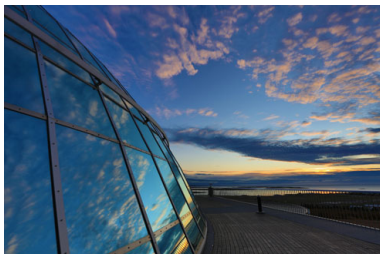
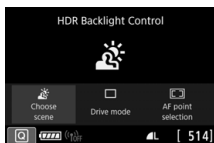


Tham khảo phần lưu ý ở trang 126.

SCN: Chụp cảnh ngược sáng

Khi chụp cảnh có cả vùng sáng và vùng tối, hãy sử dụng chế độ < > (Chỉnh ngược sáng HDR). Ở chế độ này, máy ảnh sẽ chụp liên tiếp ba tấm ảnh ở các độ phơi sáng khác nhau và kết hợp thành một ảnh. Ảnh thu được có phạm vi tông màu rộng, đồng thời giảm thiểu hiện tượng sấp bóng do ngược sáng.

* HDR là viết tắt của High Dynamic Range (Dải tương phản động cao).



Gợi ý chụp ảnh

- **Giữ chắc máy ảnh.**

Giữ chắc máy ảnh trong khi chụp. Ở chế độ này, ba bức ảnh được căn chỉnh và kết hợp thành một ảnh. Tuy nhiên, nếu bất kỳ ảnh nào trong ba ảnh bị lệch quá nhiều do rung máy, ảnh kết hợp cuối cùng sẽ không được căn chỉnh chính xác.



Tham khảo phần lưu ý ở trang 127.



Lưu ý về chế độ <SCN>

• <📷> Ảnh nhóm

- Khi áp dụng hiệu chỉnh méo hình, máy ảnh sẽ ghi lại ảnh có phạm vi hẹp hơn so với ảnh được nhìn qua khung ngắm. (Phần rìa ảnh sẽ bị cắt một chút và độ phân giải sẽ hơi giảm xuống.) Ngoài ra, trong khi chụp Live View, góc ngắm sẽ thay đổi đôi chút.
- Tùy thuộc vào điều kiện chụp, máy ảnh có thể không lấy được nét tất cả mọi người từ trước ra sau trong ảnh.

• <🌄> Phong cảnh

- Nếu bạn đang sử dụng đèn Speedlite gắn ngoài, đèn Speedlite sẽ đánh sáng.

• <🏊> Thể thao

- Trong điều kiện ánh sáng yếu và dễ xảy ra rung máy, thông số tốc độ màn trập ở phần dưới bên trái của khung ngắm sẽ nhấp nháy. Hãy giữ chắc máy và chụp.
- Trong khi chụp Live View, nếu công tắc chế độ lấy nét của ống kính đặt thành <AF>, bạn sẽ không thể chọn **M RAW** hoặc **S RAW**.
- Nếu bạn đang sử dụng đèn Speedlite gắn ngoài, đèn Speedlite sẽ đánh sáng.

• <👶> Trẻ em

- Trong khi chụp Live View, nếu công tắc chế độ lấy nét của ống kính đặt thành <AF>, bạn sẽ không thể chọn **M RAW** hoặc **S RAW**.
- Trong khi chụp Live View, sử dụng đèn Speedlite gắn ngoài sẽ làm giảm tốc độ chụp liên tục. Lưu ý rằng ngay cả khi đèn Speedlite gắn ngoài không đánh sáng, tốc độ chụp liên tục vẫn sẽ giảm.

• <📷> Lia máy

- Tốc độ màn trập sẽ trở nên chậm hơn. Do đó, chế độ này không phù hợp với các mục đích chụp khác ngoại trừ lia máy.
- Chế độ <📷> được đặt theo mặc định. Lưu ý rằng không thể chọn <📷H> hay <📷S>.
- Khi chụp Live View, bạn không thể chọn **M RAW** hay **S RAW**.
- Không thể sử dụng đèn Speedlite gắn ngoài. (Đèn sẽ không đánh sáng.)
- Nếu chụp Live View với ống kính có hỗ trợ chế độ <📷>, hiệu ứng ổn định hình ảnh của ống kính sẽ phản ánh trên ảnh được chụp. Tuy nhiên, bạn không thể xem hiệu ứng trên ảnh Live View trong khi chụp. (Chức năng ổn định hình ảnh và hiệu chỉnh độ mờ chủ thể chỉ hoạt động vào thời điểm ảnh được chụp mà không phụ thuộc vào thiết lập ổn định hình ảnh của ống kính.)



• <☰> **Lia máy** (tiếp theo)

- Nếu ống kính không hỗ trợ chế độ <☰>, chủ thể mờ sẽ không được hiệu chỉnh. Tuy nhiên, chức năng tự động điều chỉnh tốc độ màn trập sẽ hoạt động theo thiết lập của **[Effect (Hiệu ứng)]**.
- Khi chụp trong điều kiện ánh sáng chói ví dụ như chụp vào ngày hè nhiều nắng, có thể không thu được mức độ hiệu ứng lia máy đã đặt.
- Trong trường hợp chụp Live View và ống kính có hỗ trợ chế độ <☰>, chủ thể mờ có thể không được hiệu chỉnh đúng cách khi chụp các chủ thể hoặc chụp trong các điều kiện sau.
 - Chủ thể có độ tương phản rất thấp.
 - Chủ thể dưới ánh sáng yếu.
 - Chủ thể ngược sáng hoặc phản chiếu mạnh.
 - Chủ thể có dạng lặp đi lặp lại.
 - Chủ thể với ít hoa văn hoặc hoa văn đơn điệu.
 - Chủ thể phản chiếu (hình ảnh phản chiếu trong kính, v.v...).
 - Chủ thể nhỏ hơn so với khung AF theo vùng.
 - Khi có nhiều chủ thể chuyển động trong khung AF theo vùng.
 - Chủ thể chuyển động theo nhiều hướng hoặc với tốc độ không ổn định.
 - Chủ thể có một phần chuyển động không đều. (Ví dụ, chuyển động nhảy lên của người chạy.)
 - Chủ thể có tốc độ thay đổi đột ngột. (Ví dụ, ngay sau khi bắt đầu chuyển động hoặc lúc rẽ ở khúc quanh.)
 - Khi bạn di chuyển máy ảnh quá nhanh hoặc quá chậm.
 - Khi chuyển động của máy ảnh không khớp với chuyển động của chủ thể.

• <☷> **Đồ ăn**

- Sắc thái màu ẩm của chủ thể có thể bị nhạt.
- Tông ẩm của ảnh có thể sẽ không bị giảm khi cảnh có nhiều nguồn sáng.
- Nếu bạn sử dụng đèn Speedlite gắn ngoài, **[Color tone (Tông màu)]** sẽ được đặt thành Tiêu chuẩn.
- Nếu có người trong ảnh, tông màu da có thể trông không tự nhiên.

• <☒> **Ánh nền**

- Không thể sử dụng đèn Speedlite gắn ngoài. (Đèn sẽ không đánh sáng.)
- Nếu không lấy được nét với lấy nét tự động, hãy sử dụng tia giúp lấy nét của đèn Speedlite dành riêng cho máy EOS.



• <MF> Chân dung ban đêm

- Đảm bảo chủ thể đứng yên ngay cả sau khi flash đánh sáng.
- Trong khi chụp Live View, bạn có thể khó lấy nét khi mặt của chủ thể bị tối. Trong trường hợp này, đặt công tắc chế độ lấy nét của ống kính thành <MF> và lấy nét tay.
- Khi chụp cảnh đêm với Live View, máy ảnh có thể khó lấy được nét nếu nguồn sáng điểm được tìm thấy trong điểm AF. Trong trường hợp này, đặt công tắc chế độ lấy nét của ống kính thành <MF> và lấy nét tay.
- Ảnh Live View hiển thị sẽ không giống hoàn toàn như ảnh chụp thực tế.

• <P> Chụp đêm cầm tay

- So với các chế độ chụp khác, khu vực chụp ở chế độ này sẽ nhỏ hơn.
- Không thể thiết lập chất lượng ảnh RAW.
- Khi chụp cảnh đêm với Live View, máy ảnh có thể khó lấy được nét nếu nguồn sáng điểm được tìm thấy trong điểm AF. Trong trường hợp này, đặt công tắc chế độ lấy nét của ống kính thành <MF> và lấy nét tay (tr.156).
- Ảnh Live View hiển thị sẽ không giống hoàn toàn như ảnh chụp thực tế.
- Nếu sử dụng đèn Speedlite gắn ngoài và chủ thể ở gần, có thể dẫn đến ảnh bị dư sáng.
- Nếu sử dụng đèn Speedlite gắn ngoài để chụp cảnh đêm thiếu sáng, ảnh có thể không được căn chỉnh chính xác. Việc này có thể khiến ảnh bị mờ.
- Nếu sử dụng đèn Speedlite gắn ngoài và chủ thể người quá gần hậu cảnh được chiếu sáng bằng flash, ảnh có thể không được căn chỉnh chính xác. Việc này có thể khiến ảnh bị mờ. Ngoài ra, có thể xuất hiện các vùng tối không tự nhiên và các màu không hợp lý.
- Góc độ tầm tác dụng của flash khi sử dụng đèn Speedlite gắn ngoài:
 - Khi sử dụng đèn Speedlite với thiết lập tự động chỉnh tầm tác dụng của flash, vị trí zoom sẽ cố định ở tiêu cự góc rộng mà không phụ thuộc vào vị trí zoom của ống kính.
 - Khi sử dụng đèn Speedlite yêu cầu thiết lập chỉnh tay tầm tác dụng flash, đặt đầu flash đến vị trí thông thường.



• <📷> Chụp đêm cầm tay (tiếp theo)

- Nếu bạn chụp một chủ thể đang chuyển động, chuyển động của chủ thể có thể để lại bóng mờ trên ảnh hoặc vùng xung quanh chủ thể có thể bị tối.
- Đối với các ảnh có họa tiết lặp đi lặp lại (lưới, vân, v.v...), ảnh phẳng, ảnh đơn sắc hay ảnh bị lệch quá nhiều do rung máy, tính năng căn chỉnh ảnh có thể hoạt động không chính xác.
- Do ảnh được ghép sau khi chụp nên sẽ mất một khoảng thời gian để ghi ảnh vào thẻ. Trong khi xử lý ảnh, thông báo **"buSY"** sẽ hiển thị trong khung ngắm và trên bảng điều khiển LCD và bạn không thể chụp ảnh cho đến khi quá trình xử lý hoàn tất.

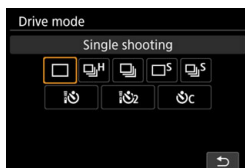
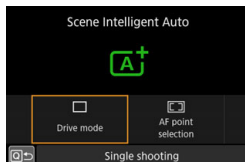
• <📷> Chỉnh ngược sáng HDR

- So với các chế độ chụp khác, khu vực chụp ở chế độ này sẽ nhỏ hơn.
- Không thể thiết lập chất lượng ảnh RAW.
- Không thể sử dụng đèn Speedlite gắn ngoài. (Đèn sẽ không đánh sáng.)
- Lưu ý rằng ảnh có thể không có độ chuyển tiếp màu mượt mà và có thể trông không đều hoặc nhiễu hạt.
- Chỉnh ngược sáng HDR có thể không hoạt động hiệu quả với cảnh ngược sáng quá mức hoặc cảnh có độ tương phản quá cao.
- Khi chụp chủ thể đủ sáng, ví dụ chụp các cảnh với ánh sáng thông thường, ảnh có thể trông không tự nhiên do áp dụng hiệu ứng HDR.
- Nếu bạn chụp một chủ thể đang chuyển động, chuyển động của chủ thể có thể để lại bóng mờ trên ảnh hoặc vùng xung quanh chủ thể có thể bị tối.
- Đối với các ảnh có họa tiết lặp đi lặp lại (lưới, vân, v.v...), ảnh phẳng, ảnh đơn sắc hay ảnh bị lệch quá nhiều do rung máy, tính năng căn chỉnh ảnh có thể hoạt động không chính xác.
- Do ảnh được ghép sau khi chụp nên sẽ mất một khoảng thời gian để ghi ảnh vào thẻ. Trong khi xử lý ảnh, thông báo **"buSY"** sẽ hiển thị trong khung ngắm và trên bảng điều khiển LCD, bạn không thể chụp ảnh cho đến khi quá trình xử lý hoàn tất.

Điều khiển nhanh

Trong chế độ vùng cơ bản, nhấn nút  > và sử dụng tính năng điều khiển nhanh để thiết lập các mục được liệt kê trong bảng ở trang tiếp theo.

Ví dụ: Chế độ <+>



1 Đặt nút xoay chế độ thành chế độ vùng cơ bản.

2 Nhấn nút < > (10).

▶ Màn hình điều khiển nhanh sẽ xuất hiện.

3 Thiết lập chức năng mong muốn.

- Nhấn các phím <▲> <▼> hoặc <◀> <▶> để chọn chức năng.
- ▶ Các thiết lập của chức năng đã chọn và hướng dẫn tính năng (tr.92) sẽ xuất hiện.
- Xoay nút xoay < > hoặc < > để thay đổi thiết lập.
- Bạn cũng có thể chọn từ danh sách bằng cách chọn một chức năng và nhấn < >.



Bạn cũng có thể chạm vào màn hình để thiết lập điều khiển nhanh.

Chức năng có thể thiết lập ở chế độ vùng cơ bản

●: Thiết lập mặc định*1 ○: Người dùng có thể chọn □: Không thể chọn

Chức năng		(A) ⁺	(CA)
Chụp ảnh dựa trên môi trường (tr.103)			○
Làm mờ hậu cảnh (tr.105)			○
Kiểu chụp (tr.158)	Chụp từng ảnh	●	●
	Chụp liên tục tốc độ cao	○	○
	Chụp liên tục tốc độ thấp	○	○
	Chụp từng ảnh ngắt tiếng*2	○	○
	Chụp liên tục ngắt tiếng*2	○	○
	Chụp hẹn giờ 10 giây/Điều khiển từ xa	○	○
	Chụp hẹn giờ 2 giây/Điều khiển từ xa	○	○
Chụp hẹn giờ: Chụp liên tục		○	○
Chọn điểm AF (tr.138, 139)		○	○

Chức năng		SCN					
Lia máy (tr.116)							○
Độ sáng (tr.108)		○	○	○	○	○	○
Kiểu chụp (tr.158)	Chụp từng ảnh	○	●	●	○	○	○
	Chụp liên tục tốc độ cao	○	○	○	●	●	□
	Chụp liên tục tốc độ thấp	●	○	○	○	○	●
	Chụp từng ảnh ngắt tiếng*2	○	○	○	○	○	○
	Chụp liên tục ngắt tiếng*2	○	○	○	○	○	□
	Chụp hẹn giờ 10 giây/Điều khiển từ xa	○	○	○	○	○	○
	Chụp hẹn giờ 2 giây/Điều khiển từ xa	○	○	○	○	○	○
Chụp hẹn giờ: Chụp liên tục		○	○	○	○	○	○
Chọn điểm AF (tr.138, 139)		○	○	○	○	○	○

*1: Nếu thay đổi chế độ chụp hoặc đặt công tắc nguồn thành <OFF>, tất cả các chức năng sẽ trở về thiết lập ban đầu (ngoại trừ chụp hẹn giờ).

*2: Chỉ có thể thiết lập khi chụp bằng khung ngắm.

● : Thiết lập mặc định*1 ○ : Người dùng có thể chọn □ : Không thể chọn

Chức năng		SCN					
Tổng màu (tr.108)			○	○			
Độ sáng (tr.108)		○	○	○	○	○	
Kiểu chụp (tr.158)	Chụp từng ảnh	●	●	●	●	●	●
	Chụp liên tục tốc độ cao	○	○	○	○	○	○
	Chụp liên tục tốc độ thấp	○	○	○	○	○	○
	Chụp từng ảnh ngắt tiếng*2	○	○	○	○	○	○
	Chụp liên tục ngắt tiếng*2	○	○	○	○	○	○
	Chụp hẹn giờ 10 giây/Điều khiển từ xa	○	○	○	○	○	○
	Chụp hẹn giờ 2 giây/Điều khiển từ xa	○	○	○	○	○	○
Chụp hẹn giờ: Chụp liên tục		○	○	○	○	○	○
Chọn điểm AF (tr.138, 139)		○	○		○	○	○

*1: Nếu thay đổi chế độ chụp hoặc đặt công tắc nguồn thành <OFF>, tất cả các chức năng sẽ trở về thiết lập ban đầu (ngoại trừ chụp hẹn giờ).

*2: Chỉ có thể thiết lập khi chụp bằng khung ngắm.

Điều chỉnh Chụp ảnh dựa trên môi trường, Hậu cảnh mờ, Độ sáng và Tổng màu

Nên sử dụng chụp Live View khi thiết lập [**Ambience-based shots (Chụp ảnh dựa trên môi trường)**], [**Background blur (Làm mờ hậu cảnh)**], [**Brightness (Độ sáng)**] hoặc [**Color tone (Tông màu)**].

Để tìm hiểu về quy trình thao tác chụp Live View, tham khảo phần “Sử dụng chức năng xem trước hiệu ứng khi chụp Live View” ở trang 107 và phần “[**Brightness (Độ sáng)**] và [**Color tone (Tông màu)**] trong chế độ <SCN>” ở trang 108. Bạn có thể điều chỉnh hiệu ứng trong khi xem ảnh Live View.

3

Thiết lập AF và kiểu chụp



Các điểm AF trong khung ngắm được sắp xếp để chụp AF phù hợp với nhiều cảnh và chủ thể.

Bạn cũng có thể chọn thao tác AF và kiểu chụp phù hợp nhất với điều kiện chụp và chủ thể.

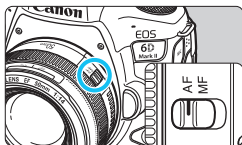
- Biểu tượng ☆ ở phía trên bên phải của tiêu đề trang biểu thị chỉ sử dụng được chức năng này ở chế độ vùng sáng tạo (<P>, <Tv>, <Av>, <M>,).
- Ở chế độ vùng cơ bản, thao tác AF được thiết lập tự động.



<AF> là viết tắt của autofocus (lấy nét tự động). <MF> là viết tắt của manual focus (lấy nét tay).

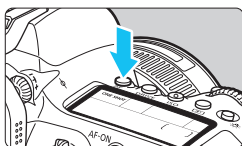
AF: Chọn thao tác AF ☆

Bạn có thể chọn đặc tính thao tác AF phù hợp với các điều kiện chụp hoặc chủ thể. Ở chế độ vùng cơ bản, thao tác AF tối ưu được tự động thiết lập cho chế độ chụp tương ứng.

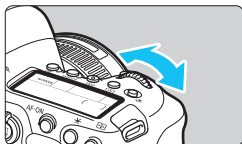


1 Đặt công tắc chế độ lấy nét của ống kính thành <AF>.

2 Xoay nút xoay chế độ thành chế độ vùng sáng tạo.



3 Nhấn nút <AF> (ⓘ6).



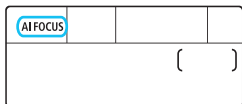
4 Chọn thao tác AF.

- Nhìn vào bảng điều khiển LCD hoặc khung ngắm, xoay nút xoay <ⓘ6> hoặc <ⓘ7>.

ONE SHOT : Lấy nét một lần

AI FOCUS : Lấy nét tự động AI

AI SERVO : Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục



Trong chế độ vùng sáng tạo, bạn cũng có thể nhấn nút <AF-ON> để lấy nét tự động.

Lấy nét một lần cho chủ thể tĩnh



Điểm AF

Đèn báo lấy nét



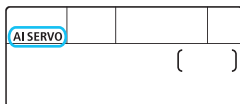
Thích hợp với chủ thể tĩnh. Khi nhấn nửa chừng nút chụp, máy ảnh sẽ chỉ lấy nét một lần.

- Điểm AF lấy được nét sẽ hiển thị và đèn báo lấy nét <●> trong khung ngắm cũng phát sáng.
- Khi máy ảnh ở thiết lập mặc định và chế độ đo sáng được đặt thành đo sáng toàn khung ảnh (tr.245), phơi sáng sẽ được thiết lập vào thời điểm máy ảnh lấy được nét.
- Trong khi nhấn giữ nửa chừng nút chụp, lấy nét sẽ bị khóa. Sau đó, bạn có thể bố cục lại ảnh nếu muốn.



- Nếu không lấy được nét, đèn báo lấy nét <●> trong khung ngắm sẽ nhấp nháy. Trong trường hợp này, không thể chụp ảnh ngay cả khi nhấn hoàn toàn nút chụp. Bố cục lại ảnh và lấy nét lại hoặc tham khảo phần “Khi Lấy nét tự động thất bại” (tr.155).
- Nếu đặt [**4: Beep (Bíp)**] thành [**Disable (Tắt)**], máy ảnh sẽ không phát ra tiếng bíp khi lấy được nét.
- Sau khi lấy được nét với Lấy nét một lần, bạn có thể khóa lấy nét trên chủ thể và bố cục lại ảnh. Thao tác này gọi là “khóa lấy nét”. Thao tác này hữu ích trong những trường hợp chẳng hạn như bạn muốn lấy nét chủ thể không nằm trong khung AF theo miền.
- Khi chụp bằng ống kính có trang bị tính năng lấy nét tay điện tử, đặt [**1: Lens electronic MF (Lấy nét tay điện tử của ống kính)**] thành [**Enable after One-Shot AF (Bật sau khi lấy nét một lần)**] sẽ cho phép bạn điều chỉnh lấy nét bằng tay sau khi máy ảnh lấy được nét với lấy nét tự động (tr.157).

Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục cho chủ thể chuyển động

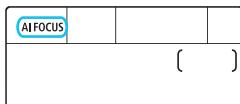


Thao tác AF này phù hợp để chụp các chủ thể chuyển động khi khoảng cách lấy nét luôn thay đổi. Trong khi nhấn giữ nửa chừng nút chụp, máy ảnh sẽ liên tục lấy nét chủ thể.

- Phơi sáng được thiết lập tại thời điểm chụp ảnh.
- Khi chế độ chọn vùng AF (tr.141) được đặt thành AF tự động chọn, quá trình theo dõi lấy nét vẫn tiếp tục khi chủ thể nằm trong khung AF theo miền.

Với Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục, tiếng bíp sẽ không phát ra ngay cả khi lấy được nét. Ngoài ra, đèn báo lấy nét <●> trong khung ngắm sẽ không phát sáng.

Lấy nét tự động AI để tự động chuyển đổi thao tác AF



Chế độ lấy nét tự động AI sẽ tự động chuyển thao tác AF từ lấy nét một lần sang lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục khi chủ thể tĩnh bắt đầu di chuyển.

- Sau khi chủ thể được lấy nét bằng thao tác lấy nét một lần, nếu chủ thể bắt đầu di chuyển, máy ảnh sẽ phát hiện chuyển động, tự động chuyển thao tác AF thành Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục và bắt đầu theo dõi chủ thể chuyển động.

Khi lấy được nét bằng Lấy nét tự động AI với thao tác Servo được kích hoạt, tiếng bíp nhỏ sẽ liên tục phát ra. Tuy nhiên, đèn báo lấy nét <●> trong khung ngắm sẽ không phát sáng. Lưu ý rằng không thể khóa lấy nét trong trường hợp này.

Điểm AF chớp sáng đỏ

Theo mặc định, điểm AF chớp sáng đỏ khi lấy nét trong điều kiện ánh sáng yếu hoặc khi chụp chủ thể tối. Trong chế độ vùng sáng tạo, bạn có thể thiết lập để khi lấy được nét điểm AF sẽ chớp sáng đỏ hay không (tr.491).

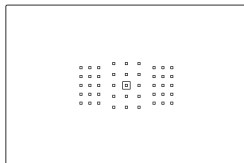
Chọn vùng và điểm AF

Máy ảnh có 45 điểm AF để lấy nét tự động. Bạn có thể chọn chế độ chọn vùng AF và (các) điểm AF phù hợp với cảnh hoặc chủ thể.

 Tùy thuộc vào ống kính được sử dụng, số lượng điểm AF khả dụng, mô hình điểm AF, hình dạng khung AF theo miền, v.v... sẽ khác nhau. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo phần “Ống kính và điểm AF khả dụng” ở trang 147.

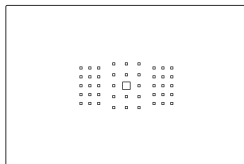
Chế độ chọn vùng AF

Bạn có thể chọn một trong năm chế độ chọn vùng AF. Để tìm hiểu về quy trình chọn, tham khảo trang 138.



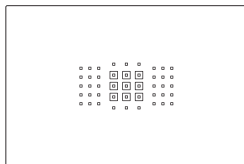
AF một chấm điểm (Chọn bằng tay)

Để xác định chính xác lấy nét.



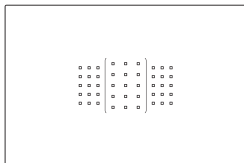
AF một điểm (Chọn bằng tay)

Chọn một điểm AF để lấy nét.



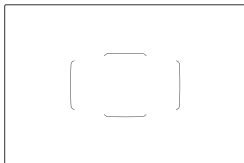
AF theo vùng (Chọn vùng bằng tay)

Khu vực AF được chia thành chín vùng để lấy nét.



AF theo vùng lớn (Chọn vùng bằng tay)

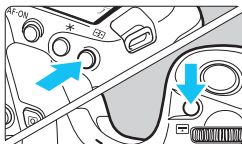
Khu vực AF được chia thành ba vùng (bên trái, trung tâm và bên phải) để lấy nét.



AF tự động chọn

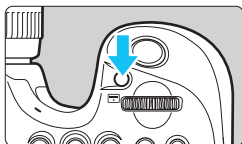
Khung AF theo miền (toàn bộ khu vực AF) sẽ được sử dụng để lấy nét.

Chọn chế độ chọn vùng AF



1 Nhấn nút hoặc (❶).

- Ngắm qua khung ngắm và nhấn nút  hoặc .



2 Nhấn nút .

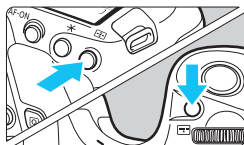
- Mỗi lần nhấn nút , chế độ chọn vùng AF sẽ thay đổi.

- ❗ Ở chế độ **<SCN: >**, bạn không thể chọn vùng AF. AF một điểm (có định ở trung tâm) sẽ được áp dụng khi chụp.
- Ở chế độ vùng cơ bản, thiết lập vùng và điểm AF sẽ chuyển về mặc định khi thực hiện bất kỳ thao tác nào sau đây.
 - Thay đổi chế độ chụp.
 - Đặt công tắc nguồn thành **<OFF>**.
 - Mở nắp ngăn chứa pin và nắp khe cắm thẻ.

-  Với [**C.Fn II-8: Select AF area selec. mode (Chọn chế độ chọn vùng AF)**], bạn có thể giới hạn các chế độ chọn vùng AF có thể chọn cho riêng những chế độ muốn sử dụng (tr.483).
- Nếu đặt [**C.Fn II-9: AF area selection method (Phương pháp lựa chọn vùng AF)**] thành [**1:  → Main Dial (Nút xoay chính)**], bạn có thể chọn chế độ chọn vùng AF bằng cách nhấn nút  hoặc , rồi xoay nút xoay  (tr.484).

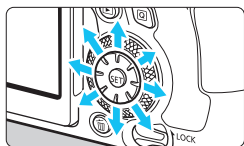
Chọn điểm AF bằng tay

Bạn có thể chọn điểm hoặc vùng AF bằng tay.



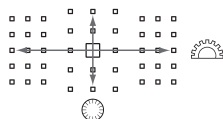
1 Nhấn nút <AF-ON> hoặc <AF-ASSIST> (⏏).

- ▶ Các điểm AF sẽ hiển thị trong khung ngắm.
- Trong chế độ AF theo vùng hoặc AF theo vùng lớn, vùng đã chọn sẽ được hiển thị.



2 Chọn điểm AF.

- Chọn điểm AF sẽ thay đổi theo hướng bạn nghiêng nút <AF-ON>. Nếu nhấn <SET>, điểm AF trung tâm (hoặc vùng trung tâm) sẽ được chọn.
- Bạn cũng có thể xoay nút xoay <AF-ON> để chọn điểm AF ngang và xoay nút xoay <AF-ON> để chọn điểm AF dọc.
- Trong chế độ AF theo vùng hoặc AF theo vùng lớn, xoay nút xoay <AF-ON> hoặc <AF-ON> sẽ thay đổi vùng (theo thứ tự vòng cho AF theo vùng).



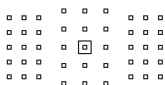
- Khi nhấn giữ nút <Q> và xoay nút xoay <AF-ON>, bạn có thể chọn điểm AF theo chiều dọc.
- Khi đặt [C.Fn II-11: Initial AF pt, AI Servo AF (Điểm AF ban đầu, Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục)] thành [Initial AF pt selected (Điểm AF đã chọn ban đầu)] (tr.486), bạn có thể sử dụng phương pháp này để chọn bằng tay vị trí lấy nét AI Servo ban đầu.
- Khi nhấn nút <AF-ON> hoặc <AF-ASSIST>, bảng điều khiển LCD sẽ hiển thị các mục sau:
 - AF một chấm điểm và AF một điểm: **SEL []** (Trung tâm), **SEL AF** (Ngoài trung tâm)
 - AF theo vùng, AF theo vùng lớn và AF tự động chọn: **[] AF**

Chỉ báo hiển thị điểm AF

Nhấn nút < > hoặc < > sẽ phát sáng các điểm AF chữ thập để lấy nét tự động đạt độ chính xác cao. Các điểm AF nhấp nháy nhay với đường ngang hoặc đường dọc. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo trang 145-150.

Chế độ chọn vùng AF

AF một chấm điểm (Chọn bằng tay)



Chế độ này dùng để xác định lấy nét chính xác trên một vùng hẹp hơn so với AF một điểm. Chọn một điểm AF <□> để lấy nét.

Hiệu quả khi cần lấy nét chính xác hoặc lấy nét các chủ thể chồng chéo nhau như động vật trong chuồng.

Do AF một chấm điểm bao trùm một vùng rất nhỏ, bạn có thể khó thực hiện lấy nét trong khi chụp cầm tay, chụp dưới ánh sáng yếu hoặc chụp chủ thể chuyển động.

AF một điểm (Chọn bằng tay)

Chọn một điểm AF <□> sẽ sử dụng để lấy nét.

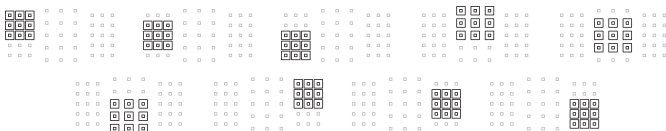


AF theo vùng (Chọn vùng bằng tay)

Khu vực AF được chia thành chín vùng để lấy nét. Tất cả điểm AF trong vùng đã chọn sẽ được sử dụng cho AF tự động chọn, do đó có ưu thế hơn so với AF một điểm trong việc theo dõi chủ thể và hiệu quả đối với chủ thể chuyển động.

Tuy nhiên, chế độ này có xu hướng lấy nét vào chủ thể gần nhất, nên việc lấy nét một mục tiêu cụ thể có thể khó khăn hơn.

(Các) điểm AF lấy được nét sẽ được hiển thị là <□>.



() AF theo vùng lớn (Chọn vùng bằng tay)

Khu vực AF được chia thành ba vùng (bên trái, trung tâm và bên phải) để lấy nét. Chế độ này có vùng lấy nét rộng hơn AF theo vùng và tất cả điểm AF trong vùng đã chọn sẽ được sử dụng cho AF tự động chọn, do đó có ưu thế hơn so với AF một điểm trong việc theo dõi chủ thể và hiệu quả đối với chủ thể chuyển động.

Tuy nhiên, chế độ này có xu hướng lấy nét vào chủ thể gần nhất, nên việc lấy nét một mục tiêu cụ thể có thể khó khăn hơn.

(Các) điểm AF lấy được nét sẽ được hiển thị là <□>.

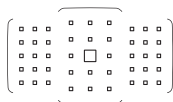


() AF tự động chọn

Khung AF theo miền (toàn bộ khu vực AF) sẽ được sử dụng để lấy nét. (Các) điểm AF lấy được nét sẽ được hiển thị là <□>.



Với Lấy nét một lần, nhấn nửa chừng nút chụp sẽ hiển thị (các) điểm AF <□> đã lấy được nét. Nếu nhiều điểm AF cùng hiển thị, điều đó có nghĩa là tất cả các điểm đó đều đã lấy được nét. Chế độ này ưu tiên lấy nét vào chủ thể gần nhất.



Với Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục, bạn có thể thiết lập vị trí lấy nét AI Servo ban đầu khi đặt

[**Fn II-11: Initial AF pt**, () **AI Servo AF** (Điểm AF ban đầu, () **Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục**)] thành [1: Initial () **AF pt selected** (Điểm AF () đã chọn ban đầu)] hoặc [2: **Manual □ AF pt** (Điểm AF □ bằng tay)] (tr.486). Miễn là khung AF theo miền có thể theo dõi chủ thể trong khi chụp, lấy nét sẽ tiếp tục.



- Khi chế độ lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục được đặt thành AF theo vùng, AF theo vùng lớn hoặc AF tự động chọn, điểm AF kích hoạt <□> sẽ liên tục di chuyển để theo dõi chủ thể. Tuy nhiên, trong một số điều kiện chụp (ví dụ khi chủ thể quá nhỏ), có thể không theo dõi được chủ thể.
- Với AF một chấm điểm, lấy nét bằng tia giúp lấy nét của đèn Speedlite gắn ngoài dành riêng cho máy EOS có thể gặp khó khăn.
- Nếu sử dụng điểm AF vùng ngoại vi hoặc ống kính góc rộng hay ống kính chụp xa, lấy nét có thể khó khăn với tia giúp lấy nét của đèn Speedlite gắn ngoài dành riêng cho máy EOS. Trong trường hợp này, sử dụng điểm AF trung tâm hoặc điểm AF gần trung tâm.
- Khi (các) điểm AF sáng lên, một phần hoặc toàn bộ khung ngắm có thể nhấp đỏ. Đây là một đặc tính của hiển thị điểm AF.
- Trong điều kiện nhiệt độ thấp, bạn có thể khó nhìn thấy điểm AF hoặc phản hồi theo dõi bị chậm hơn do đặc tính của thiết bị hiển thị điểm AF (sử dụng tinh thể lỏng).



Với [**C.Fn II-10: Orientation linked AF point (Điểm AF theo hướng chụp)**], bạn có thể thiết lập chế độ chọn vùng AF + điểm AF hoặc chỉ điểm AF riêng cho hướng ngang và hướng dọc (tr.485).

AF bằng cách theo dõi màu

Khi máy ảnh ở trạng thái mặc định, nếu đặt chế độ chọn vùng AF thành AF theo vùng (chọn vùng bằng tay), AF theo vùng lớn (chọn vùng bằng tay) hoặc AF chọn tự động, máy ảnh sẽ thực hiện AF bằng cách theo dõi màu và phát hiện các màu có thể so sánh với tông màu da người (ngoại trừ trong các chế độ <SCN:       >).

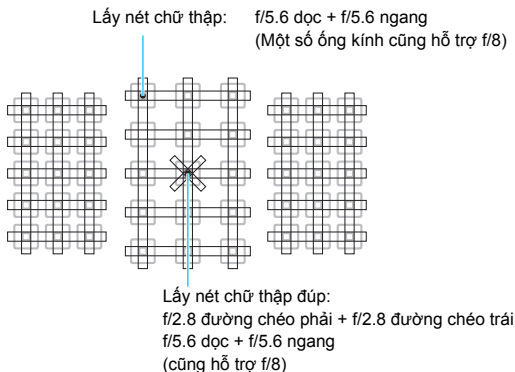
Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo [ **C.Fn I-12: Auto AF pt sel.:Color Tracking (Tự động chọn điểm AF:Theo dõi màu)**] ở trang 487.

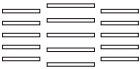
Cảm biến AF

Cảm biến AF của máy ảnh có 45 điểm AF. Hình bên dưới minh họa thể hiện mô hình cảm biến AF tương ứng với mỗi điểm AF. Khi sử dụng ống kính có khẩu độ tối đa $f/2.8$ hoặc lớn hơn, có thể thực hiện lấy nét tự động đạt độ chính xác cao với điểm AF trung tâm trong khung ngắm.

Tùy thuộc vào ống kính được sử dụng, số lượng điểm AF khả dụng, mô hình điểm AF, hình dạng khung AF theo miền, v.v... sẽ khác nhau. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo phần “Ống kính và điểm AF khả dụng” ở trang 147.

Biểu đồ



	Cảm biến lấy nét này được thiết kế để lấy nét đạt độ chính xác cao hơn đối với các ống kính có khẩu độ tối đa $f/2.8$ hoặc lớn hơn. Mô hình đường chéo giao nhau giúp dễ dàng lấy nét những chủ thể khó lấy nét. Mô hình này được áp dụng tại điểm AF trung tâm.
	Cảm biến lấy nét này được thiết kế cho các ống kính có khẩu độ tối đa $f/5.6$ hoặc lớn hơn (và một số ống kính hỗ trợ $f/8$). Với một mẫu đường ngang đã có, các đường dọc được nhận diện. Bao gồm tất cả 45 điểm AF.
	Cảm biến lấy nét này được thiết kế cho các ống kính có khẩu độ tối đa $f/5.6$ hoặc lớn hơn (và một số ống kính hỗ trợ $f/8$). Với một mẫu đường dọc đã có, các đường ngang được nhận diện. Bao gồm tất cả 45 điểm AF.

Ống kính và điểm AF khả dụng



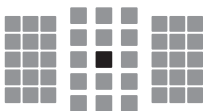
- Mặc dù máy ảnh có 45 điểm AF, số điểm AF khả dụng, các mô hình lấy nét và hình dạng khung AF theo miền sẽ khác nhau tùy thuộc vào ống kính. Các ống kính theo đó được xếp thành tám nhóm từ A đến H.
- Đối với ống kính trong nhóm từ E đến H, số điểm AF có thể sử dụng sẽ ít hơn.
- **Nhóm ống kính được liệt kê ở các trang 151-154. Kiểm tra xem ống kính của bạn thuộc nhóm nào.**



- Khi bạn nhấn nút <AF-ON> hoặc <AF-ON>, các điểm AF ở vị trí được đánh dấu □ sẽ nhấp nháy. (Các điểm AF ■/■ vẫn sáng.) Để tìm hiểu thêm về tín hiệu bật sáng hoặc nhấp nháy của điểm AF, tham khảo trang 140.
- Với những ống kính được đưa ra thị trường sau EOS 6D Mark II (trong nửa cuối năm 2017), tham khảo trang web của Canon để biết nhóm của ống kính.
- Một số ống kính có thể không có tại một vài quốc gia hoặc khu vực.

Nhóm A

Có thể lấy nét tự động với 45 điểm. Tất cả các chế độ chọn khu vực AF đều có thể lựa chọn.



- : Điểm AF chữ thập kép. Hiệu suất theo dõi chủ thể tốt hơn và lấy nét chính xác cao hơn các điểm AF khác.
- : Điểm AF chữ thập. Hiệu suất theo dõi chủ thể tốt hơn và lấy được nét chính xác cao.

Nhóm B

Có thể lấy nét tự động với 45 điểm. Tất cả các chế độ chọn khu vực AF đều có thể lựa chọn.



■ : Điểm AF chữ thập. Hiệu suất theo dõi chủ thể tốt hơn và lấy được nét chính xác cao.

Nhóm C

Có thể lấy nét tự động với 45 điểm. Tất cả các chế độ chọn khu vực AF đều có thể lựa chọn.

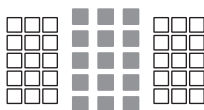


■ : Điểm AF chữ thập. Hiệu suất theo dõi chủ thể tốt hơn và lấy được nét chính xác cao.

□ : Các điểm AF nhạy với đường ngang.

Nhóm D

Có thể lấy nét tự động với 45 điểm. Tất cả các chế độ chọn khu vực AF đều có thể lựa chọn.

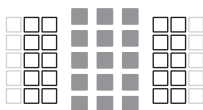


■ : Điểm AF chữ thập. Hiệu suất theo dõi chủ thể tốt hơn và lấy được nét chính xác cao.

□ : Các điểm AF nhạy với đường ngang.

Nhóm E

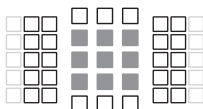
Có thể lấy nét tự động với 35 điểm. (Không thể sử dụng với tất cả 45 điểm AF.) Tất cả các chế độ chọn khu vực AF đều có thể lựa chọn. Trong khi chọn điểm AF tự động, khung phía ngoài đánh dấu vùng AF (Khung AF theo miền) sẽ khác so với AF 45 điểm tự động chọn.



- : Điểm AF chữ thập. Hiệu suất theo dõi chủ thể tốt hơn và lấy được nét chính xác cao.
- : Các điểm AF nhạy với đường ngang.
- : Các điểm AF không khả dụng (không hiển thị).

Nhóm F

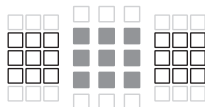
Có thể lấy nét tự động với 35 điểm. (Không thể sử dụng với tất cả 45 điểm AF.) Tất cả các chế độ chọn khu vực AF đều có thể lựa chọn. Trong khi chọn điểm AF tự động, khung phía ngoài đánh dấu vùng AF (Khung AF theo miền) sẽ khác so với AF 45 điểm tự động chọn.



- : Điểm AF chữ thập. Hiệu suất theo dõi chủ thể tốt hơn và lấy được nét chính xác cao.
- : Điểm AF nhạy với các đường kẻ dọc (điểm AF xếp theo hàng ngang ở phía trên cùng và dưới cùng) hoặc các đường kẻ ngang (điểm AF xếp theo hàng dọc ở bên trái và bên phải).
- : Các điểm AF không khả dụng (không hiển thị).

Nhóm G

Có thể lấy nét tự động với 27 điểm. (Không thể sử dụng với tất cả 45 điểm AF.) AF theo vùng lớn (chọn vùng bằng tay) không thể chọn trong chế độ chọn vùng AF. Trong khi chọn điểm AF tự động, khung phía ngoài đánh dấu vùng AF (Khung AF theo miền) sẽ khác so với AF 45 điểm tự động chọn.



- : Điểm AF chữ thập. Hiệu suất theo dõi chủ thể tốt hơn và lấy được nét chính xác cao.
- : Các điểm AF nhạy với đường ngang.
- : Các điểm AF không khả dụng (không hiển thị).

Nhóm H

Chỉ có thể lấy nét tự động với điểm AF trung tâm.



- : Điểm AF chữ thập. Hiệu suất theo dõi chủ thể tốt hơn và lấy được nét chính xác cao.
- : Các điểm AF không khả dụng (không hiển thị).



- Nếu khẩu độ tối đa nhỏ hơn $f/5.6$ (chỉ số khẩu độ lớn nhất trong khoảng $f/5.6$ đến $f/8$), có thể không lấy được nét với lấy nét tự động khi chụp chủ thể có độ tương phản thấp hoặc dưới ánh sáng yếu.
- Nếu khẩu độ tối đa nhỏ hơn $f/8$ (chỉ số khẩu độ lớn nhất vượt quá $f/8$), không thể thực hiện lấy nét tự động trong khi chụp bằng khung ngắm.

Danh sách nhóm ống kính

EF14mm f/2.8L USM	A	EF180mm f/3.5L Macro USM	B
EF14mm f/2.8L II USM	A	EF180mm f/3.5L Macro USM + Ống nối EF1.4x I/II/III	F
EF15mm f/2.8 Mắt cá	A	EF200mm f/1.8L USM	A
EF20mm f/2.8 USM	A	EF200mm f/1.8L USM + Ống nối EF1.4x I/II/III	A*
EF24mm f/1.4L USM	A	EF200mm f/1.8L USM + Ống nối EF2x I/II/III	B*
EF24mm f/1.4L II USM	A	EF200mm f/2L IS USM	A
EF24mm f/2.8	A	EF200mm f/2L IS USM + Ống nối EF1.4x I/II/III	A
EF24mm f/2.8 IS USM	A	EF200mm f/2L IS USM + Ống nối EF2x I/II/III	B
EF28mm f/1.8 USM	A	EF200mm f/2.8L USM	A
EF28mm f/2.8	A	EF200mm f/2.8L USM + Ống nối EF1.4x I/II/III	B
EF28mm f/2.8 IS USM	A	EF200mm f/2.8L IS USM	A
EF35mm f/1.4L USM	A	EF200mm f/2.8L IS USM + Ống nối EF2x I/II/III	B
EF35mm f/1.4L II USM	A	EF200mm f/2.8L IS USM + Ống nối EF1.4x I/II/III	B
EF35mm f/2	A	EF200mm f/2.8L IS USM + Ống nối EF2x I/II/III	B
EF35mm f/2 IS USM	A	EF200mm f/2.8L II USM	A
EF40mm f/2.8 STM	A	EF200mm f/2.8L II USM + Ống nối EF1.4x I/II/III	B
EF50mm f/1.0L USM	A	EF200mm f/2.8L II USM + Ống nối EF2x I/II/III	B
EF50mm f/1.2L USM	A	EF200mm f/2.8L II USM + Ống nối EF2x I/II/III	B
EF50mm f/1.4 USM	A	EF200mm f/2.8L II USM + Ống nối EF2x I/II/III	B
EF50mm f/1.8	A	EF200mm f/2.8L IS USM	A
EF50mm f/1.8 II	A	EF200mm f/2.8L IS USM + Ống nối EF1.4x I/II/III	B*
EF50mm f/1.8 STM	A	EF200mm f/2.8L IS USM + Ống nối EF2x I/II/III	B*
EF50mm f/2.5 Compact Macro	B	EF300mm f/2.8L USM	A
EF50mm f/2.5 Compact Macro + Bộ chuyển đổi LIFE SIZE	B	EF300mm f/2.8L USM + Ống nối EF1.4x I/II/III	B*
EF85mm f/1.2L USM	A	EF300mm f/2.8L IS USM	A
EF85mm f/1.2L II USM	A	EF300mm f/2.8L IS USM + Ống nối EF1.4x I/II/III	B
EF85mm f/1.8 USM	A	EF300mm f/2.8L IS USM + Ống nối EF2x I/II/III	B
EF100mm f/2 USM	A	EF300mm f/2.8L IS II USM	A
EF100mm f/2.8 Macro	B	EF300mm f/2.8L IS II USM + Ống nối EF1.4x I/II/III	B
EF100mm f/2.8 Macro USM	E	EF300mm f/2.8L IS II USM + Ống nối EF2x I/II/III	B
EF100mm f/2.8L Macro IS USM	B	EF300mm f/4L USM	B
EF135mm f/2L USM	A	EF300mm f/4L USM + Ống nối EF1.4x I/II/III	B
EF135mm f/2L USM + Ống nối EF1.4x I/II/III	A	EF300mm f/4L USM + Ống nối EF2x I/II/III	H (f/8)
EF135mm f/2L USM + Ống nối EF2x I/II/III	B		
EF135mm f/2L USM	B		
EF135mm f/2.8 (Lấy nét mềm)	A		

EF300mm f/4L IS USM	B	EF500mm f/4L IS II USM	
EF300mm f/4L IS USM + Ống nối EF1.4x I/II/III	B	+ Ống nối EF2x I/II/III	H (f/8)
EF300mm f/4L IS USM + Ống nối EF2x I/II/III	H (f/8)	EF500mm f/4.5L USM	B
EF400mm f/2.8L USM	A	EF500mm f/4.5L USM + Extender EF1.4x I/II/III	H (f/8)*
EF400mm f/2.8L USM + Ống nối EF1.4x I/II/III	B*	EF600mm f/4L USM	B
EF400mm f/2.8L USM + Ống nối EF2x I/II/III	B*	EF600mm f/4L USM + Ống nối EF1.4x I/II/III	B*
EF400mm f/2.8L II USM	A	EF600mm f/4L USM + Ống nối EF2x I/II/III	H (f/8)*
EF400mm f/2.8L II USM + Ống nối EF1.4x I/II/III	B*	EF600mm f/4L IS USM	B
EF400mm f/2.8L II USM + Ống nối EF2x I/II/III	B*	EF600mm f/4L IS USM + Ống nối EF1.4x I/II/III	B
EF400mm f/2.8L IS USM	A	EF600mm f/4L IS USM + Ống nối EF2x I/II/III	H (f/8)
EF400mm f/2.8L IS USM + Ống nối EF1.4x I/II/III	B	EF600mm f/4L IS II USM	B
EF400mm f/2.8L IS USM + Ống nối EF2x I/II/III	B	EF600mm f/4L IS II USM + Ống nối EF1.4x I/II/III	B
EF400mm f/2.8L IS II USM	A	EF600mm f/4L IS II USM + Ống nối EF2x I/II/III	H (f/8)
EF400mm f/2.8L IS II USM + Ống nối EF1.4x I/II/III	B	EF800mm f/5.6L IS USM	E
EF400mm f/2.8L IS II USM + Ống nối EF2x I/II/III	B	EF800mm f/5.6L IS USM + Ống nối EF1.4x I/II/III	H (f/8)
EF400mm f/4 DO IS USM	B	EF1200mm f/5.6L USM	E
EF400mm f/4 DO IS USM + Ống nối EF1.4x I/II/III	B	EF1200mm f/5.6L USM + Extender EF1.4x I/II/III	H (f/8)*
EF400mm f/4 DO IS USM + Ống nối EF2x I/II/III	H (f/8)	EF8-15mm f/4L Mắt cá USM	B
EF400mm f/4 DO IS II USM	B	EF11-24mm f/4L USM	C
EF400mm f/4 DO IS II USM + Ống nối EF1.4x I/II/III	B	EF16-35mm f/2.8L USM	A
EF400mm f/4 DO IS II USM + Ống nối EF2x I/II/III	H (f/8)	EF16-35mm f/2.8L II USM	A
EF400mm f/5.6L USM	B	EF16-35mm f/2.8L III USM	A
EF400mm f/5.6L USM + Ống nối EF1.4x I/II/III	H (f/8)	EF16-35mm f/4L IS USM	B
EF500mm f/4L IS USM	B	EF17-35mm f/2.8L USM	A
EF500mm f/4L IS USM + Ống nối EF1.4x I/II/III	B	EF17-40mm f/4L USM	B
EF500mm f/4L IS USM + Ống nối EF2x I/II/III	H (f/8)	EF20-35mm f/2.8L	A
EF500mm f/4L IS II USM	B	EF20-35mm f/3.5-4.5 USM	C
EF500mm f/4L IS II USM + Ống nối EF1.4x I/II/III	B	EF22-55mm f/4-5.6 USM	F
EF500mm f/4L IS II USM + Ống nối EF2x I/II/III	H (f/8)	EF24-70mm f/2.8L USM	A
EF500mm f/4L IS STM	B	EF24-70mm f/2.8L II USM	A
EF500mm f/4L IS II USM	B	EF24-70mm f/4L IS USM	B
EF500mm f/4L IS II USM + Ống nối EF1.4x I/II/III	B	EF24-85mm f/3.5-4.5 USM	D
		EF24-105mm f/3.5-5.6 IS STM	B
		EF24-105mm f/4L IS USM	B
		EF24-105mm f/4L IS II USM	B

EF28-70mm f/2.8L USM	A	EF55-200mm f/4.5-5.6 II USM	D
EF28-70mm f/3.5-4.5	E	EF70-200mm f/2.8L USM	A
EF28-70mm f/3.5-4.5 II	E	EF70-200mm f/2.8L USM + Ống nối EF1.4x I/II/III	B**
EF28-80mm f/2.8-4L USM	B	EF70-200mm f/2.8L USM + Ống nối EF2x I/II/III	B**
EF28-80mm f/3.5-5.6	E	EF70-200mm f/2.8L IS USM	A
EF28-80mm f/3.5-5.6 USM	E	EF70-200mm f/2.8L IS USM + Ống nối EF1.4x I/II/III	B
EF28-80mm f/3.5-5.6 II	E	EF70-200mm f/2.8L IS USM + Ống nối EF2x I/II/III	B
EF28-80mm f/3.5-5.6 II USM	E	EF70-200mm f/2.8L IS II USM	A
EF28-80mm f/3.5-5.6 III USM	E	EF70-200mm f/2.8L IS II USM + Ống nối EF1.4x I/II/III	B
EF28-80mm f/3.5-5.6 IV USM	E	EF70-200mm f/2.8L IS II USM + Ống nối EF2x I/II/III	B
EF28-80mm f/3.5-5.6 V USM	E	EF70-200mm f/4L USM	B
EF28-90mm f/4-5.6	B	EF70-200mm f/4L USM + Ống nối EF1.4x I/II/III	B
EF28-90mm f/4-5.6 USM	B	EF70-200mm f/4L IS USM	B
EF28-90mm f/4-5.6 II	B	EF70-200mm f/4L IS USM + Ống nối EF1.4x I/II/III	B
EF28-90mm f/4-5.6 II USM	B	EF70-200mm f/4L IS USM + Ống nối EF2x I/II/III	H (f/8)
EF28-90mm f/4-5.6 III	B	EF70-210mm f/3.5-4.5 USM	B
EF28-105mm f/3.5-4.5 USM	B	EF70-210mm f/4	B
EF28-105mm f/3.5-4.5 II USM	B	EF70-300mm f/4-5.6 IS USM	B
EF28-105mm f/4-5.6	F	EF70-300mm f/4-5.6 IS II USM	B
EF28-105mm f/4-5.6 USM	F	EF70-300mm f/4-5.6L IS USM	B
EF28-135mm f/3.5-5.6 IS USM	B	EF70-300mm f/4.5-5.6 DO IS USM	B
EF28-200mm f/3.5-5.6	B	EF75-300mm f/4-5.6	B
EF28-200mm f/3.5-5.6 USM	B	EF75-300mm f/4-5.6 USM	C
EF28-300mm f/3.5-5.6L IS USM	B	EF75-300mm f/4-5.6 II	B
EF35-70mm f/3.5-4.5	E	EF75-300mm f/4-5.6 II USM	B
EF35-70mm f/3.5-4.5A	E	EF75-300mm f/4-5.6 III	B
EF35-80mm f/4-5.6	F	EF75-300mm f/4-5.6 III USM	B
EF35-80mm f/4-5.6 PZ	E	EF75-300mm f/4-5.6 IS USM	B
EF35-80mm f/4-5.6 USM	F	EF80-200mm f/2.8L	A
EF35-80mm f/4-5.6 II	E	EF80-200mm f/4.5-5.6	D
EF35-80mm f/4-5.6 III	F	EF80-200mm f/4.5-5.6 USM	E
EF35-105mm f/3.5-4.5	B	EF80-200mm f/4.5-5.6 II	E
EF35-105mm f/4.5-5.6	H	EF90-300mm f/4.5-5.6	D
EF35-105mm f/4.5-5.6 USM	H		
EF35-135mm f/3.5-4.5	B		
EF35-135mm f/4-5.6 USM	C		
EF35-350mm f/3.5-5.6L USM	D		
EF38-76mm f/4.5-5.6	E		
EF50-200mm f/3.5-4.5	B		
EF50-200mm f/3.5-4.5L	B		
EF55-200mm f/4.5-5.6 USM	D		

Ống kính và điểm AF khả dụng

EF90-300mm f/4.5-5.6 USM	D	EF200-400mm f/4L IS USM	
EF100-200mm f/4.5A	B	Ống nối 1,4x: Sử dụng ống nối tích hợp 1,4x	B
EF100-300mm f/4.5-5.6 USM	C	EF200-400mm f/4L IS USM	
EF100-300mm f/5.6	B	Ống nối 1,4x + Ống nối EF1.4x I/II/III	B
EF100-300mm f/5.6L	B	EF200-400mm f/4L IS USM	
EF100-400mm f/4.5-5.6L IS USM	B	Ống nối 1,4x: Sử dụng ống nối tích hợp 1,4x + Ống nối EF1.4x I/II/III	H (f/8)
EF100-400mm f/4.5-5.6L IS USM + Ống nối EF1.4x I/II/III	H (f/8)	EF200-400mm f/4L IS USM	
EF100-400mm f/4.5-5.6L IS II USM	B	Ống nối 1,4x + Ống nối EF2x I/II	H (f/8)
EF100-400mm f/4.5-5.6L IS II USM + Ống nối EF1.4x I/II	H (f/8)	EF200-400mm f/4L IS USM	
EF100-400mm f/4.5-5.6L IS II USM + Ống nối EF1.4x III	G (f/8)	Ống nối 1,4x + Ống nối EF2x III	G (f/8)
EF200-400mm f/4L IS USM		TS-E17mm f/4L	B
Ống nối 1,4x	B	TS-E24mm f/3.5L	B
		TS-E24mm f/3.5L II	B
		TS-E45mm f/2.8	A
		TS-E90mm f/2.8	A



- Khi lắp Ống nối EF2x (I/II/III) vào ống kính EF180mm f/3.5L Macro USM, không thể thực hiện lấy nét tự động.
- Khi sử dụng kết hợp ống kính và Ống nối EF1.4x III/EF2x III được đánh dấu sao (*) hoặc kết hợp ống kính và ống nối thì đánh hai sao (**), có thể không lấy được nét chính xác với Lấy nét tự động. Trong trường hợp này, tham khảo hướng dẫn sử dụng ống kính hoặc ống nối được sử dụng.



Nếu bạn sử dụng ống kính TS-E, cần sử dụng lấy nét tay. Thiết kế nhóm ống kính TS-E chỉ áp dụng khi bạn không sử dụng chức năng nghiêng hoặc dịch chuyển.

Khi Lấy nét tự động thất bại

Lấy nét tự động có thể không lấy được nét (đèn báo lấy nét <●> trong khung ngắm nhấp nháy) đối với các chủ thể đặc biệt như sau:

Chủ thể khó lấy nét

- Chủ thể có độ tương phản rất thấp
(Ví dụ: Bầu trời xanh, mặt phẳng đồng màu, v.v...)
- Chủ thể trong điều kiện ánh sáng rất yếu
- Chủ thể ngược sáng hoặc phản chiếu mạnh
(Ví dụ: Ô tô với thân xe có độ phản chiếu cao, v.v...)
- Chủ thể gần và xa ở vị trí gần điểm AF
(Ví dụ: Động vật trong chuồng, v.v...)
- Nguồn sáng như các chấm sáng ở vị trí gần điểm AF (Ví dụ: Cảnh đêm, v.v...)
- Chủ thể có dạng lặp đi lặp lại
(Ví dụ: Cửa sổ của tòa nhà cao tầng, bàn phím máy tính, v.v...)
- Chủ thể có dạng nhỏ hơn điểm AF
(Ví dụ: Khuôn mặt hay bông hoa bằng hoặc nhỏ hơn điểm AF, v.v...)

Trong những trường hợp như vậy, lấy nét bằng cách thực hiện một trong hai thao tác sau.

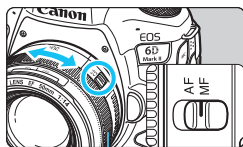
- (1) Đối với Lấy nét một lần, nên lấy nét vật thể ở cùng khoảng cách với chủ thể và khóa lấy nét, rồi bố cục lại ảnh (tr.133).
- (2) Đặt công tắc chế độ lấy nét của ống kính thành <MF> và lấy nét tay (tr.156).



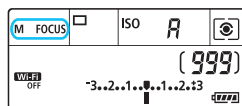
- Tùy thuộc vào chủ thể, có thể lấy được nét bằng cách bố cục lại ảnh một chút và thực hiện lại thao tác AF.
- Để tìm hiểu về các điều kiện khiến máy khó lấy nét với AF trong khi chụp Live View hoặc quay phim, tham khảo trang 318.

MF: Lấy nét tay

Nếu không lấy được nét bằng lấy nét tự động, thực hiện theo quy trình dưới đây để lấy nét tay.



Vòng lấy nét



1 Đặt công tắc chế độ lấy nét của ống kính thành <MF>.

- ▶ Biểu tượng <M FOCUS> sẽ hiển thị trên bảng điều khiển LCD.

2 Lấy nét chủ thể.

- Xoay vòng lấy nét của ống kính cho đến khi chủ thể trong khung ngắm trở nên sắc nét.



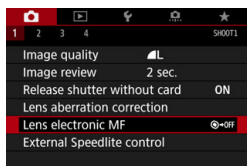
- Nếu bạn nhấn nửa chừng nút chụp trong khi lấy nét tay, điểm AF đã lấy được nét sẽ hiển thị và đèn báo lấy nét <●> sẽ phát sáng trong khung ngắm.
- Với AF tự động chọn, khi điểm AF trung tâm lấy được nét, đèn báo lấy nét <●> sẽ phát sáng.

MENU Thiết lập lấy nét tay điện tử của ống kính☆

Với các ống kính USM và STM sau được trang bị chức năng lấy nét tay điện tử, bạn có thể đặt có hoặc không sử dụng lấy nét tay điện tử sau khi lấy nét tự động trong chế độ lấy nét một lần.

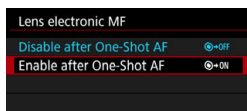
Thiết lập mặc định là **[Disable after One-Shot AF (Tắt sau khi lấy nét một lần)]**.

EF50mm f/1.0L USM	EF300mm f/2.8L USM	EF600mm f/4L USM
EF85mm f/1.2L USM	EF400mm f/2.8L USM	EF1200mm f/5.6L USM
EF85mm f/1.2L II USM	EF400mm f/2.8L II USM	EF28-80mm f/2.8-4L USM
EF200mm f/1.8L USM	EF500mm f/4.5L USM	EF70-300mm f/4-5.6 IS II USM
EF40mm f/2.8 STM	EF50mm f/1.8 STM	EF24-105mm f/3.5-5.6 IS STM



1 Chọn [Lens electronic MF (Lấy nét tay điện tử của ống kính)].

- Trong tab [1], chọn [Lens electronic MF (Lấy nét tay điện tử của ống kính)], rồi nhấn <SET>.



2 Cài đặt thiết lập mong muốn.

- Chọn tùy chọn sẽ đặt, rồi nhấn <SET>.

● OFF: Disable after One-Shot AF (Tắt sau khi lấy nét một lần)

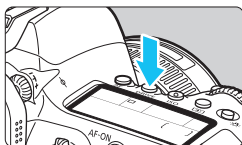
Điều chỉnh lấy nét tay sau thao tác AF sẽ bị tắt.

● ON: Enable after One-Shot AF (Bật sau khi lấy nét một lần)

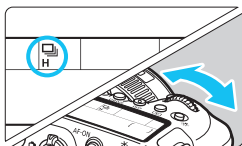
Bạn có thể điều chỉnh lấy nét tay sau thao tác AF nếu vẫn nhấn giữ nửa chừng nút chụp.

Chọn kiểu chụp

Máy ảnh cung cấp chế độ chụp từng ảnh và chụp liên tục. Bạn có thể chọn kiểu chụp phù hợp với cảnh hoặc chủ thể.



1 Nhấn nút <DRIVE> (⓪6).



2 Chọn kiểu chụp.

- Nhìn vào bảng điều khiển LCD hoặc khung ngắm, xoay nút xoay <  >.

: Single shooting (Chụp từng ảnh)

Khi bạn nhấn hoàn toàn nút chụp, máy ảnh chỉ chụp một ảnh đơn.

H : High-speed continuous shooting (Chụp liên tục tốc độ cao)

Trong khi nhấn giữ hoàn toàn nút chụp, bạn có thể chụp liên tục tối đa khoảng 6,5 ảnh/giây.

Tuy nhiên, tốc độ chụp liên tục tối đa có thể trở nên chậm đi trong các điều kiện sau:

- **Khi chụp chống nhấp nháy:**

Tốc độ chụp liên tục tối đa sẽ khoảng 5,6 ảnh/giây.

- **Chụp Live View:**

Khi đặt [AF operation (Thao tác AF)] thành [One-Shot AF (Lấy nét một lần)] hoặc thiết lập [Manual Focus (Lấy nét tay)], tốc độ chụp liên tục tối đa sẽ khoảng 6,5 ảnh/giây.

Khi đặt [AF operation (Thao tác AF)] thành [Servo AF (Lấy nét Servo)], tốc độ chụp liên tục tối đa khoảng 4,0 ảnh/giây sẽ được ưu tiên.

Lưu ý rằng nếu sử dụng đèn Speedlite sê-ri EX khi chụp Live View, tốc độ chụp liên tục tối đa sẽ khoảng 1,7 ảnh/giây.

-  : **Low-speed continuous shooting (Chụp liên tục tốc độ thấp)**
 Trong khi nhấn giữ hoàn toàn nút chụp, bạn có thể chụp liên tục **tối đa khoảng 3,0 ảnh/giây**. (ngoại trừ chế độ <  >).
 Lưu ý rằng trong quá trình chụp Live View, nếu đặt [AF operation (Thao tác AF)] thành [Servo AF (Lấy nét Servo)], máy ảnh sẽ ưu tiên theo dõi chủ thể ở tốc độ chụp liên tục **tối đa khoảng 3,0 ảnh/giây** (ngoại trừ chế độ <  >).
-  S : **Silent single shooting (Chụp từng ảnh ngắt tiếng)**
 Bạn có thể chụp từng ảnh đồng thời ngăn tiếng máy phát ra trong quá trình chụp qua khung ngắm. Không thể đặt chức năng này khi chụp Live View.
-  S : **Silent continuous shooting (Chụp liên tục ngắt tiếng)**
 Bạn có thể chụp liên tục **tối đa khoảng 3,0 ảnh/giây** đồng thời ngăn tiếng máy phát ra trong quá trình chụp qua khung ngắm (so với thiết lập <  >). Không thể đặt chức năng này khi chụp Live View.
-  : **10-sec. self-timer/remote control (Chụp hẹn giờ 10 giây/điều khiển từ xa)**
-  2 : **2-sec. self-timer/remote control (Chụp hẹn giờ 2 giây/điều khiển từ xa)**
-  C : **Self-timer: Continuous (Chụp hẹn giờ: Liên tục)**
 Để tìm hiểu về chụp hẹn giờ, tham khảo trang 161. Để tìm hiểu về chụp điều khiển từ xa, tham khảo trang 273.



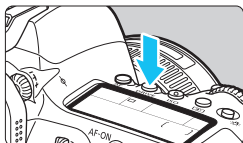
- Trong quá trình chụp liên tục tốc độ cao <  H >, tốc độ chụp liên tục tối đa khác nhau tùy thuộc vào điều kiện chụp. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo trang tiếp theo.
- Tốc độ chụp liên tục trong chế độ <  > Lیا máy được trình bày ở trang 117.



- Máy ảnh sẽ đạt được tốc độ chụp liên tục tốc độ cao <H> (tr.158) tối đa khoảng 6,5 ảnh/giây trong các điều kiện sau: Pin sạc đầy, tốc độ màn trập 1/500 giây hoặc nhanh hơn, khẩu độ tối đa (tùy thuộc vào ống kính), ở nhiệt độ phòng (23°C / 73°F), tắt giảm nhấp nháy và chụp Live View với chế độ lấy nét một lần*.
 - * Với chế độ AF được đặt thành lấy nét một lần và tắt hệ thống ổn định hình ảnh khi sử dụng các ống kính sau: EF300mm f/4L IS USM, EF28-135mm f/3.5-5.6 IS USM, EF75-300mm f/4-5.6 IS USM, EF100-400mm f/4.5-5.6L IS USM.
- Tốc độ chụp khi chụp liên tục tốc độ cao <H> có thể giảm tùy thuộc vào nhiệt độ, mức pin, chức năng giảm nhấp nháy, tốc độ màn trập, khẩu độ, điều kiện chủ thể, độ sáng, thao tác AF, ống kính, chụp Live View, sử dụng flash, thiết lập chức năng chụp, v.v...
- Khi đặt [4: **Anti-flicker shoot. (Chụp chống nhấp nháy)**] thành [**Enable (Bật)**] (tr.208), chụp dưới ánh sáng nhấp nháy sẽ giảm tốc độ chụp liên tục tối đa. Ngoài ra, quãng chụp liên tục có thể trở nên không đều và thời gian trễ nhả màn trập có thể dài hơn.
- Khi chụp Live View, nếu đặt [**AF operation (Thao tác AF)**] thành [**Servo AF (Lấy nét Servo)**] (tr.307), tốc độ chụp liên tục tối đa sẽ giảm.
- Với Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục, tốc độ chụp liên tục tối đa có thể trở nên chậm hơn tùy thuộc vào điều kiện chủ thể và ống kính được sử dụng.
- Sử dụng đèn Speedlite sê-ri EX sẽ làm giảm tốc độ chụp liên tục tối đa.
- Nếu nhiệt độ pin thấp do nhiệt độ môi trường xung quanh thấp, tốc độ chụp liên tục tối đa có thể sẽ giảm.
- Nếu đặt <S> hoặc <S>, thời gian trễ từ lúc nhấn hoàn toàn nút chụp đến khi nhả màn trập sẽ lâu hơn bình thường.
- Khi bộ nhớ trong đầy trong khi chụp liên tục, tốc độ chụp liên tục có thể giảm do tạm thời bị dừng chụp (tr.169).
- Trong [1: **Wireless communication settings (Thiết lập giao tiếp không dây)**], nếu đặt [**Bluetooth function (Chức năng Bluetooth)**] thành [**Smartphone**], bạn sẽ không thể thực hiện chụp điều khiển từ xa. (Biểu tượng điều khiển từ xa <i> sẽ không hiển thị.)

📷 Sử dụng chế độ chụp hẹn giờ

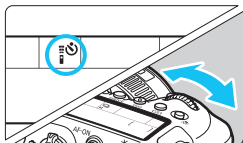
Sử dụng chế độ chụp hẹn giờ khi bạn muốn có mặt trong hình như ảnh kỷ niệm.



1 Nhấn nút <DRIVE> (📷).

2 Chọn chế độ chụp hẹn giờ.

- Nhìn vào bảng điều khiển LCD hoặc khung ngắm, xoay nút xoay <🔍>.



- 📷 : **Chụp sau khoảng 10 giây**
Ảnh sẽ được chụp sau khoảng 10 giây từ khi nhấn nút chụp. Bạn cũng có thể chụp điều khiển từ xa (tr.273).

📷₂ : Chụp sau khoảng 2 giây

Ảnh sẽ được chụp sau 2 giây từ khi nhấn nút chụp. Bạn cũng có thể chụp điều khiển từ xa.

📷_c : Hẹn giờ 10 giây và chụp liên tục

Xoay nút xoay <🔍> để thiết lập số ảnh chụp liên tục (2 đến 10 ảnh) khi chụp hẹn giờ. Ảnh sẽ được chụp sau 10 giây từ khi nhấn nút chụp. Bạn không thể chụp điều khiển từ xa (tr.273).



3 Chụp ảnh.

- Nhìn qua khung ngắm, lấy nét chủ thể, rồi nhấn hoàn toàn nút chụp.
- ▶ Bạn có thể kiểm tra thao tác hẹn giờ bằng đèn chụp hẹn giờ, tiếng bíp và hiển thị đếm ngược (bằng giây) trên bảng điều khiển LCD.
- ▶ 2 giây trước khi chụp ảnh, đèn chụp hẹn giờ sẽ sáng lên và tiếng bíp phát ra nhanh hơn.



- Nếu không nhìn qua khung ngắm khi nhấn nút chụp, nên đẩy nắp thị kính lại (tr.272). Ánh sáng lọt vào khung ngắm khi chụp có thể làm sai giá trị phơi sáng.
- Với <☺>, khoảng thời gian giữa các lần chụp có thể kéo dài hơn tùy thuộc vào điều kiện chụp ví dụ như chất lượng ghi ảnh hoặc sử dụng đèn flash ngoài.



- Chế độ <☺☺> cho phép bạn chụp mà không cần chạm vào máy ảnh khi được gắn trên chân máy. Điều này giúp máy ảnh tránh bị rung khi chụp tĩnh vật hoặc phơi sáng lâu.
- Sau khi chụp ảnh hẹn giờ, nên xem lại ảnh (tr.390) để kiểm tra lấy nét và phơi sáng.
- Khi sử dụng chụp hẹn giờ để tự chụp, bạn nên sử dụng khóa lấy nét (tr.99) cho vật thể ở cùng khoảng cách với vị trí bạn sẽ đứng.
- Để hủy chế độ chụp hẹn giờ sau khi đã khởi động, chạm vào màn hình LCD hoặc nhấn nút <DRIVE>.
- Nếu bật chế độ chụp điều khiển từ xa, thời gian tự động tắt nguồn sẽ là khoảng 2 phút ngay cả khi [**☹2: Auto power off (Tự động tắt nguồn)**] được đặt thành [**1 min. (1 phút)**].
- Nếu đặt [**☼4: Bulb timer (Hẹn giờ bulb)**] thành [**Enable (Bật)**], không thể chọn <☺> ([**Self-timer: Continuous (Hẹn giờ: Liên tục)**]).

4

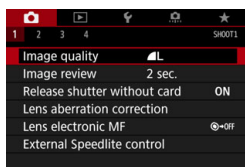
Thiết lập ảnh

Phần này mô tả các chức năng liên quan đến ảnh: chất lượng ghi ảnh, tỷ lệ khung ảnh, tốc độ ISO, kiểu ảnh, cân bằng trắng, tự động tối ưu hóa ánh sáng, giảm nhiễu hạt, ưu tiên tông màu sáng, hiệu chỉnh quang sai của ống kính, chụp chống nhấp nháy và các chức năng khác.

- Biểu tượng ☆ ở phía trên bên phải của tiêu đề trang biểu thị chỉ sử dụng được chức năng này ở chế độ vùng sáng tạo (<P>, <Tv>, <Av>, <M>,).

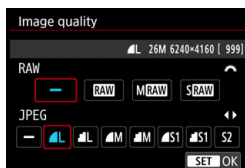
MENU Thiết lập chất lượng ghi ảnh

Bạn có thể chọn độ phân giải và chất lượng ảnh. Bây giờ thiết lập chất lượng ảnh JPEG bao gồm: **L**, **L**, **M**, **M**, **S1**, **S1** và **S2**. Ba thiết lập chất lượng ảnh RAW bao gồm: **RAW**, **M RAW** và **S RAW** (tr.168).



1 Chọn [Image quality (Chất lượng ảnh)].

- Trong tab [**1**], chọn [Image quality (Chất lượng ảnh)], rồi nhấn <SET>.



2 Đặt chất lượng ghi ảnh.

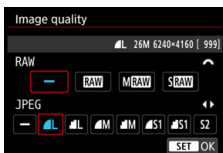
- Để chọn thiết lập RAW, xoay nút xoay <DIAL>. Để chọn thiết lập JPEG, nhấn phím <◀> hoặc <▶>.
- Ở phía trên bên phải, số “**M (megapixel) ****x****” biểu thị độ phân giải được ghi và [***] là số ảnh có thể chụp (hiển thị lên tới 9999).
- Nhấn <SET> để thiết lập.

! Cỡ ảnh [****x****] và số ảnh có thể chụp [****] hiển thị trên màn hình thiết lập chất lượng ghi ảnh luôn áp dụng cho thiết lập [3:2] với mọi thiết lập [**4: Aspect ratio (Tỷ lệ khung ảnh)**] (tr.170).

! Nếu đặt [-] cho cả ảnh RAW và ảnh JPEG, máy ảnh sẽ tự động đặt thành **L**.

Ví dụ về thiết lập chất lượng ghi ảnh

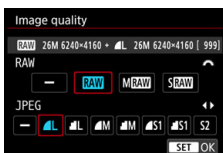
Chỉ **L**



Chỉ **RAW**



RAW + **L**



S RAW + **M**



Hướng dẫn thiết lập chất lượng ghi ảnh

(Ước chừng)

Chất lượng ảnh	Độ phân giải được ghi	Kích cỡ in	Kích thước tập tin (MB)	Số ảnh có thể chụp	Số ảnh chụp liên tục tối đa	
					Standard (Tiêu chuẩn)	Tốc độ cao
JPEG						
L	26M	A2	7,5	1000	110	150
L			3,8	1950	150	150
M	12M	A3	4,0	1870	150	150
M			2,1	3570	150	150
S1	6,5M	A4	2,6	2820	150	150
S1			1,4	5310	150	150
S2	(3,8M)	A5	1,8	4170	150	150
RAW						
RAW	26M	A2	32,6	200	18	21
M RAW	15M	A3	25,3	250	21	23
S RAW	6,5M	A4	17,4	340	25	25
RAW+JPEG						
RAW L	26M 26M	A2 A2	32.6 + 7.5	160	17	19
M RAW L	15M 26M	A3 A2	25.3 + 7.5	200	18	18
S RAW L	6,5M 26M	A4 A2	17.4 + 7.5	250	19	19

- Số lượng ảnh có thể chụp dựa trên các tiêu chuẩn thử nghiệm của Canon và thẻ 8 GB.
- Số ảnh chụp liên tục tối đa dựa trên thẻ SD thử nghiệm (Tiêu chuẩn: 8 GB, Tốc độ cao: UHS-I 16 GB) và tiêu chuẩn thử nghiệm của Canon (<  H > Chụp liên tục tốc độ cao, tỷ lệ khung ảnh 3:2, ISO 100, Kiểu ảnh tiêu chuẩn).
- **Kích thước tập tin, số lượng ảnh có thể chụp và số ảnh chụp liên tục tối đa sẽ khác nhau tùy thuộc vào chủ thể, thương hiệu thẻ, tốc độ ISO, kiểu ảnh, chức năng tùy chỉnh và các thiết lập khác.**



- Đền báo số ảnh chụp liên tục tối đa sẽ không thay đổi ngay cả khi bạn sử dụng thẻ SD tốc độ cao. Số ảnh chụp liên tục tối đa ghi trong bảng ở trang trước sẽ được áp dụng thay thế.
- Nếu bạn chọn cả RAW và JPEG, ở mỗi lần chụp, ảnh sẽ được ghi lại đồng thời trên thẻ ở cả hai định dạng RAW và JPEG với chất lượng ghi ảnh đã được thiết lập trước đó. Hai ảnh sẽ được ghi lại với cùng số thứ tự tập tin (đuôi tập tin: .JPG cho JPEG và .CR2 cho RAW).
- Biểu tượng chất lượng ghi ảnh hiển thị như sau: **RAW** (RAW), **M RAW** (Ảnh RAW trung bình), **S RAW** (Ảnh RAW cỡ nhỏ), JPEG(JPEG),  (Đẹp),  (Bình thường), **L** (Lớn), **M** (Vừa), **S** (Nhỏ).

Ảnh RAW

Ảnh RAW là dữ liệu thô có được bằng cách chuyển đổi dữ liệu từ cảm biến ảnh sang dữ liệu số. Ảnh được ghi nguyên bản vào thẻ nhớ và bạn có thể chọn chất lượng ảnh như sau: **RAW**, **M RAW** hoặc **S RAW**.

Ảnh **RAW** có thể được xử lý với [ **1: RAW image processing (Xử lý ảnh RAW)**] (tr.440) và được lưu dưới dạng ảnh JPEG. (Ảnh **M RAW** và **S RAW** không xử lý được trên máy ảnh.) Do ảnh RAW không bị thay đổi, bạn có thể xử lý ảnh RAW để tạo nhiều ảnh JPEG theo các điều kiện xử lý khác nhau.

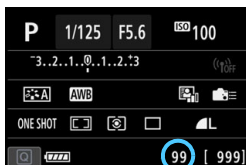
Bạn có thể sử dụng Digital Photo Professional (Phần mềm EOS, tr.610) để xử lý ảnh RAW. Bạn có thể thực hiện các điều chỉnh ảnh khác nhau tùy theo mục đích sử dụng và có thể tạo ảnh JPEG, TIFF hoặc các loại ảnh khác phản ánh hiệu quả của các thay đổi này.



Phần mềm xử lý ảnh RAW

- Để hiển thị ảnh RAW trên máy tính, nên sử dụng Digital Photo Professional (DPP, phần mềm EOS).
- Phiên bản cũ DPP 4.x không thể xử lý ảnh RAW chụp bằng máy ảnh này. Nếu máy tính cài đặt phiên bản DPP 4.x cũ, tải và cài đặt phiên bản DPP mới nhất từ trang web của Canon để cập nhật (tr.612). (Phiên bản trước sẽ bị ghi đè.) Chú ý rằng phiên bản DPP 3.x hoặc cũ hơn không thể xử lý ảnh RAW chụp từ máy ảnh này.
- Phần mềm được bán trên thị trường có thể không hiển thị được ảnh RAW chụp bằng máy ảnh này. Để tìm hiểu thông tin về tính tương thích, vui lòng liên hệ với nhà sản xuất phần mềm.

Số ảnh chụp liên tục tối đa



Số ảnh chụp liên tục tối đa ước tính hiển thị ở phía dưới cùng bên phải của khung ngắm và màn hình điều khiển nhanh. Nếu số ảnh chụp liên tục tối đa đạt tới 99 hoặc cao hơn, “99” sẽ được hiển thị.



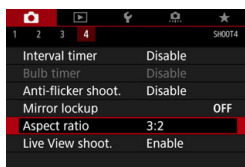
Số ảnh chụp liên tục tối đa hiển thị kể cả khi thẻ nhớ không được lắp vào máy ảnh. Đảm bảo thẻ nhớ được lắp trước khi chụp.



Số ảnh chụp liên tục tối đa được hiển thị là “99”, biểu thị bạn có thể chụp liên tục 99 ảnh hoặc nhiều hơn. Nếu số ảnh chụp liên tục tối đa giảm xuống còn 98 ảnh hoặc ít hơn và bộ nhớ đệm bên trong đầy, thông báo “**buSY**” sẽ hiển thị trong khung ngắm và trên bảng điều khiển LCD. Tạm thời bạn sẽ không chụp được ảnh. Nếu bạn dừng chụp liên tục, số ảnh chụp liên tục tối đa sẽ tăng. Sau khi tất cả ảnh chụp được ghi vào thẻ nhớ, bạn có thể tiếp tục chụp với số ảnh chụp liên tục tối đa được liệt kê trong bảng ở trang 166.

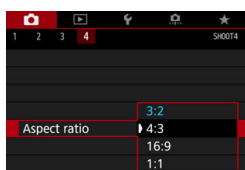
MENU Thiết lập tỷ lệ khung ảnh ☆

Bạn có thể thay đổi tỷ lệ khung ảnh. [3:2] được cài đặt mặc định. Khi đặt [4:3], [16:9] hoặc [1:1], đường khung biểu thị khu vực ảnh sẽ hiển thị trong khung ngắm. Trong khi chụp Live View, khu vực xung quanh ảnh trên màn hình LCD sẽ được che bằng màu đen.



1 Chọn tỷ lệ khung ảnh.

- Trong tab [4], chọn [Aspect ratio (Tỷ lệ khung ảnh)], rồi nhấn <SET>.



2 Đặt tỷ lệ khung ảnh.

- Chọn tỷ lệ khung ảnh, rồi nhấn <SET>.

● Ảnh JPEG

Ảnh sẽ được ghi với tỷ lệ khung ảnh đã đặt.

● Ảnh RAW

Ảnh sẽ luôn được ghi ở tỷ lệ khung ảnh [3:2]. Thông tin tỷ lệ khung ảnh đã chọn sẽ được thêm vào tập tin ảnh RAW. Khi xử lý ảnh RAW bằng Digital Photo Professional (phần mềm EOS), ảnh được tạo sẽ có tỷ lệ khung ảnh giống với khi chụp.

	Tỷ lệ khung ảnh		
	4:3	16:9	1:1
Chụp qua khung ngắm			
Chụp Live View			

Chất lượng ảnh	Tỷ lệ khung ảnh và độ phân giải (Ước chừng)			
	3:2	4:3	16:9	1:1
L	6240x4160 (26,0 megapixel)	5536x4160* (23,0 megapixel)	6240x3504* (21,9 megapixel)	4160x4160 (17,3 megapixel)
M	4160x2768* (11,5 megapixel)	3680x2768* (10,2 megapixel)	4160x2336* (9,7 megapixel)	2768x2768 (7,7 megapixel)
S1	3120x2080 (6,5 megapixel)	2768x2080* (5,8 megapixel)	3120x1752* (5,5 megapixel)	2080x2080 (4,3 megapixel)
S2	2400x1600 (3,8 megapixel)	2112x1600* (3,4 megapixel)	2400x1344* (3,2 megapixel)	1600x1600 (2,6 megapixel)

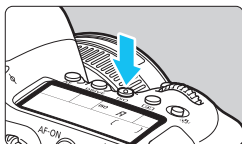
- Tỷ lệ khung ảnh thực và tỷ lệ được nêu trong bảng của các cỡ ảnh đánh dấu “*” sẽ có sự khác biệt.
- Đối với tỷ lệ khung ảnh đánh dấu sao “*”, khu vực ảnh hiển thị sẽ khác đôi chút so với khu vực chụp thực tế. Kiểm tra ảnh trên màn hình LCD khi chụp.
- Ảnh sẽ được chụp ở thiết lập tỷ lệ khung ảnh [3:2] đối với ảnh ghép phơi sáng.

 Khi xem lại ảnh RAW chụp ở tỷ lệ khung ảnh [4:3], [16:9] hoặc [1:1], ảnh sẽ hiển thị với các đường biểu thị tỷ lệ khung ảnh tương ứng. (Các đường này không được ghi vào ảnh.)

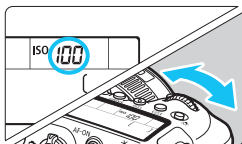
ISO: Thiết lập tốc độ ISO khi chụp ảnh ☆

Thiết lập tốc độ ISO (độ nhạy sáng của cảm biến ảnh) phù hợp với mức ánh sáng xung quanh. Ở chế độ vùng cơ bản, tốc độ ISO được thiết lập tự động (tr.174).

Về tốc độ ISO khi quay phim, tham khảo các trang 329 và 333.



1 Nhấn nút <ISO> (🕒).



2 Thiết lập tốc độ ISO.

- Nhìn vào bảng điều khiển LCD hoặc khung ngắm, xoay nút xoay <🔍> hoặc <🕒>.
- Có thể thiết lập tốc độ ISO trong khoảng ISO 100 - ISO 40000 với mức tăng 1/3 điểm dừng.
- “A” biểu thị ISO tự động. Tốc độ ISO sẽ được tự động thiết lập (tr.174).

Hướng dẫn về tốc độ ISO

Tốc độ ISO	Tình huống chụp (Không sử dụng flash)	Phạm vi flash
L (50), ISO 100 - ISO 400	Ngoài trời nắng	Tốc độ ISO càng cao, phạm vi flash hiệu dụng càng mở rộng.
ISO 400 - ISO 1600	Bầu trời u ám hoặc buổi tối	
ISO 1600 - ISO 40000, H1 (51200), H2 (102400)	Trong nhà tối hoặc ban đêm	

* Tốc độ ISO cao sẽ làm ảnh bị nhiễu hạt nhiều hơn.



Bạn cũng có thể thiết lập tốc độ ISO với màn hình [ISO speed (Tốc độ ISO)] của menu [📷2: 📷ISO speed settings (📷Thiết lập tốc độ ISO)].

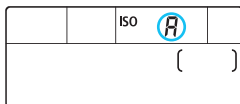


- Do H1 (tương đương ISO 51200) và H2 (tương đương ISO 102400) là thiết lập tốc độ ISO mở rộng, nhiều (điểm sáng, dải, v.v...) và các màu không đồng đều trông sẽ rõ hơn và độ phân giải sẽ thấp hơn tiêu chuẩn.
- Do L (tương đương ISO 50) là thiết lập tốc độ ISO mở rộng, dải tương phản động sẽ hẹp hơn thiết lập tiêu chuẩn.
- Nếu đặt [**3: Highlight tone priority (Ưu tiên tông màu sáng)**] thành [**Enable (Bật)**] (tr.201), bạn không thể chọn L (tương đương ISO 50), ISO 100/125/160, H1 (tương đương ISO 51200) và H2 (tương đương ISO 102400).
- Khi chụp với tốc độ ISO cao, nhiệt độ cao, phơi sáng lâu hoặc ghép phơi sáng, có thể thấy rõ nhiễu ảnh (hạt thô, điểm sáng, dải, v.v...), màu không đồng đều hoặc chuyển màu.
- Khi chụp ảnh trong điều kiện có thể gây ra nhiễu ảnh, chẳng hạn như chụp ở cả tốc độ ISO cao, nhiệt độ cao và phơi sáng lâu, ảnh có thể không được ghi chính xác.
- Sử dụng tốc độ ISO cao và flash để chụp chủ thể gần, có thể dẫn đến ảnh bị dư sáng.



Với tùy chọn [**ISO speed range (Phạm vi tốc độ ISO)**] trong [**2: ISO speed settings (Thiết lập tốc độ ISO)**], bạn có thể mở rộng phạm vi tốc độ ISO có thể đặt từ L (tương đương ISO 50) đến H1 (tương đương ISO 51200) hoặc H2 (tương đương ISO 102400) (tr.175).

ISO tự động



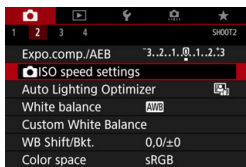
Nếu đặt tốc độ ISO thành “A” (Tự động), tốc độ ISO thực tế được thiết lập sẽ hiển thị khi nhấn nửa chừng nút chụp. Như hướng dẫn dưới đây, tốc độ ISO sẽ được tự động thiết lập phù hợp với chế độ chụp.

Chế độ chụp	Tốc độ ISO	
	Không sử dụng flash	Sử dụng flash
A⁺ / CA	ISO 100 - ISO 12800	ISO 100 - ISO 1600
SCN	Thiết lập tự động (Khác nhau tùy thuộc vào chế độ chụp SCN)	
P / Tv / Av / M	ISO 100 - ISO 40000*	ISO 100 - ISO 1600*
B	ISO 400	ISO 400

* Phạm vi tốc độ ISO thực tế tùy thuộc vào thiết lập [**Minimum (Tối thiểu)**] và [**Maximum (Tối đa)**] đặt với [**Auto range (Phạm vi tự động)**].

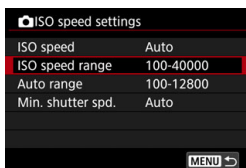
MENU Thiết lập phạm vi tốc độ ISO có thể chỉnh tay

Bạn có thể thiết lập phạm vi tốc độ ISO bằng tay (mức thấp nhất và mức cao nhất). Bạn có thể đặt giới hạn thấp nhất trong khoảng L (tương đương ISO 50) đến H1 (tương đương ISO 51200) và giới hạn cao nhất trong khoảng ISO 100 đến H2 (tương đương ISO 102400).



1 Chọn [ISO speed settings (Thiết lập tốc độ ISO)].

- Trong tab [2], chọn [ISO speed settings (Thiết lập tốc độ ISO)], rồi nhấn <SET>.

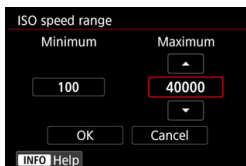


2 Chọn [ISO speed range (Phạm vi tốc độ ISO)].



3 Đặt giới hạn thấp nhất.

- Chọn ô mức thấp nhất, rồi nhấn <SET>.
- Chọn tốc độ ISO, rồi nhấn <SET>.



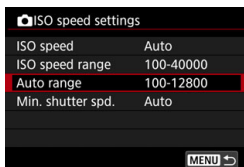
4 Đặt giới hạn cao nhất.

- Chọn ô mức cao nhất, rồi nhấn <SET>.
- Chọn tốc độ ISO, rồi nhấn <SET>.

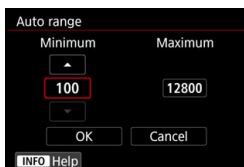
5 Chọn [OK].

MENU Thiết lập phạm vi tốc độ ISO cho ISO tự động

Bạn có thể thiết lập phạm vi tốc độ ISO tự động trong khoảng ISO 100 - ISO 40000. Bạn có thể thiết lập mức thấp nhất trong khoảng ISO 100 - ISO 25600 và mức cao nhất trong khoảng ISO 200 - ISO 40000.

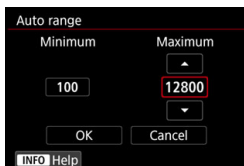


1 Chọn [Auto range (Phạm vi tự động)].



2 Đặt giới hạn thấp nhất.

- Chọn ô mức thấp nhất, rồi nhấn **<SET>**.
- Chọn tốc độ ISO, rồi nhấn **<SET>**.



3 Đặt giới hạn cao nhất.

- Chọn ô mức cao nhất, rồi nhấn **<SET>**.
- Chọn tốc độ ISO, rồi nhấn **<SET>**.

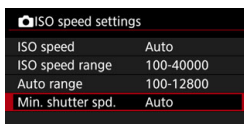
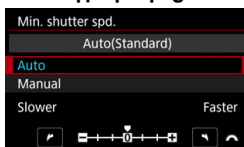
4 Chọn [OK].

Thiết lập [Minimum (Tối thiểu)] và [Maximum (Tối đa)] cũng sẽ hoạt động như tốc độ ISO tối thiểu và tối đa đối với chuyển an toàn (tr.475).

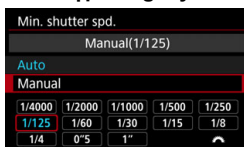
MENU Thiết lập tốc độ màn trập tối thiểu cho ISO tự động

Bạn có thể đặt tốc độ màn trập tối thiểu để khi thiết lập ISO tự động, tốc độ màn trập được thiết lập tự động sẽ không quá thấp.

Thiết lập này rất hiệu quả trong các chế độ <P> và <Av> khi bạn sử dụng ống kính góc rộng để chụp chủ thể đang chuyển động hoặc khi sử dụng ống kính tele. Điều này giúp giảm rung máy ảnh và mờ chủ thể.

**1 Chọn [Min. shutter spd. (Tốc độ màn trập tối thiểu)].****Thiết lập tự động****2 Thiết lập tốc độ màn trập tối thiểu mong muốn.**

- Chọn [**Auto (Tự động)**] hoặc [**Manual (Chỉnh tay)**].
- Nếu chọn [**Auto (Tự động)**], xoay nút xoay < > để thiết lập tốc độ mong muốn (chậm hơn hoặc nhanh hơn) so với tốc độ chuẩn, rồi nhấn < (SET) >.
- Nếu chọn [**Manual (Chỉnh tay)**], xoay nút xoay < > để chọn tốc độ màn trập, rồi nhấn < (SET) >.

Thiết lập bằng tay

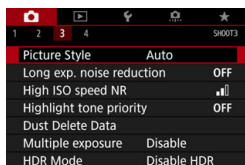
- Nếu không thể đạt độ phơi sáng chính xác với giới hạn tốc độ ISO tối đa được thiết lập với [**Auto range (Phạm vi tự động)**], tốc độ màn trập chậm hơn [**Min. shutter spd. (Tốc độ màn trập tối thiểu)**] sẽ được thiết lập để đạt phơi sáng chuẩn.
- Chức năng này không áp dụng cho chụp ảnh với đèn flash và chế độ quay phim.



Khi đặt [**Auto (Tự động): 0**], tốc độ màn trập tối thiểu sẽ tỷ lệ nghịch với độ dài tiêu cự ống kính. Mỗi bước chuyển từ [**Slower (Chậm hơn)**] sang [**Faster (Nhanh hơn)**] tương đương với một điểm dừng của tốc độ màn trập.

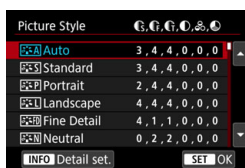
MENU Chọn kiểu ảnh ☆

Chỉ cần chọn kiểu ảnh đã đặt trước, bạn có thể đạt được đặc tính ảnh phù hợp với chủ thể hoặc sắc thái ảnh khi chụp một cách hiệu quả. Trong chế độ vùng cơ bản, [**Picture Style**] (Tự động) được tự động thiết lập.



1 Chọn [Picture Style (Kiểu ảnh)].

- Trong tab [**3**], chọn [**Picture Style (Kiểu ảnh)**], rồi nhấn <**SET**>.
- Màn hình chọn kiểu ảnh sẽ xuất hiện.



2 Chọn kiểu ảnh.

- Chọn kiểu ảnh, rồi nhấn <**SET**>.
- Kiểu ảnh sẽ được thiết lập.

Đặc tính của kiểu ảnh

Auto (Tự động)

Tổng màu được điều chỉnh tự động phù hợp với cảnh. Màu sắc trông rực rỡ đối với bầu trời xanh, cây cỏ và cảnh mặt trời lặn, đặc biệt là những cảnh tự nhiên, ngoài trời và lúc hoàng hôn.



Thay đổi kiểu ảnh nếu không đạt được tông màu mong muốn với [**Auto (Tự động)**].

Standard (Tiêu chuẩn)

Hình ảnh trông rực rỡ, sắc nét và sinh động. Đây là kiểu ảnh đa năng phù hợp với hầu hết các cảnh.

Portrait (Chân dung)

Làm tông màu da đẹp. Ảnh trông mềm mại hơn. Phù hợp để chụp chân dung cận cảnh.

Thay đổi [**Color tone (Tông màu)**] (tr.183) để điều chỉnh tông màu da.

Landscape (Phong cảnh)

Chế độ này làm nổi bật tông màu xanh da trời và xanh lá cây, đồng thời làm ảnh trong và sắc nét hơn. Hiệu quả cho phong cảnh ấn tượng.

Fine Detail (Chi tiết nhỏ)

Phù hợp khi mô tả chi tiết đường viền và kết cấu mảnh của chủ thể. Màu sẽ trông rực rỡ hơn.

Neutral (Trung tính)

Thích hợp để xử lý ảnh trên máy tính. Cho màu tự nhiên, ảnh dịu với độ sáng và bão hòa màu vừa phải.

Faithful (Chân thực)

Thích hợp để xử lý ảnh trên máy tính. Màu sắc của chủ thể được chụp trong ánh nắng mặt trời ở nhiệt độ màu 5200K sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với thang màu của chủ thể. Cho ảnh dịu với độ sáng và bão hòa màu vừa phải.

Monochrome (Đơn sắc)

Tạo ảnh đen trắng.

 **Cẩn thận không bật thiết lập [Monochrome (Đơn sắc)]** khi bạn muốn chụp màu lại. Không thể khôi phục màu cho ảnh đen trắng chụp ở định dạng JPEG.

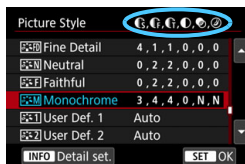
 Máy ảnh có thể được thiết lập để hiển thị <  > trong khung ngắm và trên bảng điều khiển LCD khi bạn đặt **[Monochrome (Đơn sắc)]** (tr.492).

User Defined 1-3 (Người dùng xác định 1-3)

Bạn có thể đăng ký kiểu ảnh cơ bản như **[Portrait (Chân dung)]**, **[Landscape (Phong cảnh)]**, tập tin kiểu ảnh, v.v... và tùy ý điều chỉnh (tr.185). Khi chưa đặt bất kỳ kiểu ảnh người dùng xác định nào, ảnh sẽ được chụp với thiết lập đặc tính giống như thiết lập mặc định **[Auto (Tự động)]**.

Ký hiệu

Màn hình lựa chọn kiểu ảnh gồm các biểu tượng cho **[Strength (Mạnh)]**, **[Fineness (Độ mịn)]** hoặc **[Threshold (Ngưỡng)]** của **[Sharpness (Độ sắc nét)]**, **[Contrast (Độ tương phản)]** và các thông số khác. Các số biểu thị giá trị cho các thông số được đặt cho kiểu ảnh tương ứng.



Ký hiệu

	Độ sắc nét	
		Mạnh
		Độ mịn
		Ngưỡng
	Độ tương phản	
	Bảo hòa màu	
	Tông màu	
	Hiệu ứng bộ lọc (Đơn sắc)	
	Hiệu ứng tông màu (Đơn sắc)	

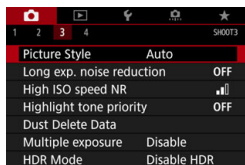
Trong quá trình quay phim, dấu sao “★” sẽ hiển thị cho cả **[Fineness (Độ mịn)]** và **[Threshold (Ngưỡng)]** của **[Sharpness (Độ sắc nét)]**. **[Fineness (Độ mịn)]** và **[Threshold (Ngưỡng)]** không áp dụng cho quay phim.

MENU Tùy chỉnh kiểu ảnh ☆

Bạn có thể tùy chỉnh kiểu ảnh. Có thể thay đổi hoặc điều chỉnh các thiết lập thông số của kiểu ảnh như **[Strength (Mạnh)]**, **[Fineness (Độ mịn)]** hoặc **[Threshold (Ngưỡng)]** của **[Sharpness (Độ sắc nét)]**, **[Contrast (Độ tương phản)]** và các thông số khác từ thiết lập mặc định. Chụp thử vài ảnh để xem kết quả hiệu ứng. Để tùy chỉnh **[Monochrome (Đơn sắc)]**, tham khảo trang 184.

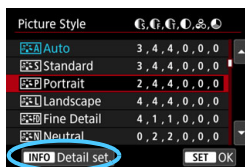
1 Chọn [Picture Style (Kiểu ảnh)].

- Trong tab [**3**], chọn **[Picture Style (Kiểu ảnh)]**, rồi nhấn **<SET>**.
- Màn hình chọn kiểu ảnh sẽ xuất hiện.



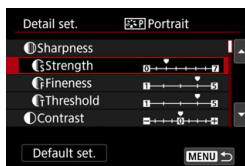
2 Chọn kiểu ảnh.

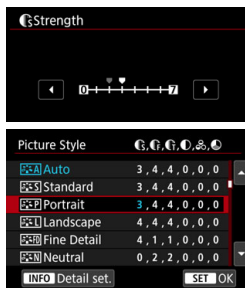
- Chọn kiểu ảnh cần điều chỉnh, rồi nhấn nút **<INFO>**.



3 Chọn thông số.

- Chọn thông số (ví dụ như **[Strength (Mạnh)]** của **[Sharpness (Độ sắc nét)]**) cần đặt, rồi nhấn **<SET>**.
- Tham khảo trang tiếp theo để tìm hiểu về thiết lập và hiệu ứng.





4 Thiết lập thông số.

- Nhấn các phím <◀> <▶> để điều chỉnh thông số, rồi nhấn <SET>.
- Nhấn nút <MENU> để lưu các thiết lập thông số đã điều chỉnh. Màn hình chọn kiểu ảnh sẽ xuất hiện lại.
- ▶ Giá trị của các thiết lập thông số không phải mặc định sẽ hiển thị bằng màu xanh da trời.

Thiết lập thông số và hiệu ứng

	Độ sắc nét		
●	A Mạnh	0: Nhấn mạnh đường viền yếu	7: Nhấn mạnh đường viền mạnh
	B Độ mịn* ¹	1: Mịn	5: Nhiều hạt
	C Ngưỡng* ²	1: Thấp	5: Cao
◐	Độ tương phản	-4: Độ tương phản thấp	+4: Độ tương phản cao
◑	Bão hòa màu	-4: Bão hòa màu thấp	+4: Bão hòa màu cao
◒	Tông màu	-4: Tông màu đỏ nhạt	+4: Tông màu vàng nhạt

*1: Biểu thị độ mịn của đường viền được nhấn mạnh. Giá trị số càng nhỏ, đường viền được nhấn mạnh càng mịn.

*2: Đặt số lượng đường viền được nhấn mạnh dựa trên chênh lệch tương phản giữa chủ thể và khu vực xung quanh. Số càng nhỏ, càng nhiều đường viền được nhấn mạnh khi chênh lệch tương phản thấp. Tuy nhiên, nhiều hạt sẽ có xu hướng rõ hơn khi đặt số thấp.

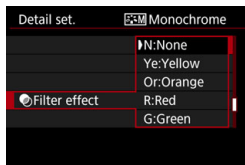


- Khi quay phim, không thể thiết lập [Fineness (Độ mịn)] và [Threshold (Ngưỡng)] cho [Sharpness (Độ sắc nét)] (không hiển thị).
- Bằng cách chọn [Default set. (Thiết lập mặc định)] ở bước 3, bạn có thể chuyển các thiết lập thông số của kiểu ảnh tương ứng trở về thiết lập mặc định.
- Để chụp ảnh với kiểu ảnh đã điều chỉnh, đầu tiên chọn kiểu ảnh đã điều chỉnh, rồi chụp.

Điều chỉnh đơn sắc

Ngoài các hiệu ứng được mô tả ở trang trước như **[Contrast (Độ tương phản)]** hoặc **[Strength (Mạnh)]**, **[Fineness (Độ mịn)]** và **[Threshold (Ngưỡng)]** của **[Sharpness (Độ sắc nét)]**, bạn cũng có thể thiết lập **[Filter effect (Hiệu ứng bộ lọc)]** và **[Toning effect (Hiệu ứng tông màu)]**.

Filter effect (Hiệu ứng bộ lọc)

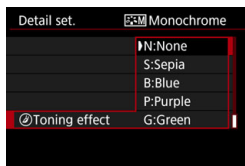


Với hiệu ứng bộ lọc áp dụng cho ảnh đơn sắc, mây trắng hoặc cây xanh trông sẽ nổi bật hơn.

Bộ lọc	Hiệu ứng mẫu
N: None (Không)	Ảnh đen trắng thông thường không có hiệu ứng bộ lọc.
Ye: Yellow (Vàng)	Bầu trời xanh trông sẽ tự nhiên hơn và mây trắng trông sẽ sống động hơn.
Or: Orange (Cam)	Bầu trời xanh trông sẽ tối hơn một chút. Hoàng hôn trông sẽ rực rỡ hơn.
R: Red (Đỏ)	Bầu trời xanh trông sẽ khá tối. Lá rơi trông sẽ sống động và sáng hơn.
G: Green (Xanh lá cây)	Tông màu da và môi sẽ trầm hơn. Lá cây xanh trông sẽ sống động và sáng hơn.

 Tăng **[Contrast (Độ tương phản)]** sẽ làm cho hiệu ứng bộ lọc rõ ràng hơn.

Toning effect (Hiệu ứng tông màu)

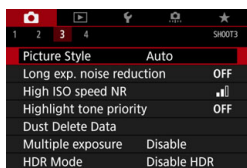


Áp dụng hiệu ứng tông màu có thể tạo ảnh đơn sắc với màu được chọn. Hiệu quả khi muốn tạo ảnh ấn tượng hơn. Có thể chọn những thiết lập sau: **[N:None (Không)]**, **[S:Sepia (Nâu đỏ)]**, **[B:Blue (Xanh da trời)]**, **[P:Purple (Tím)]** hoặc **[G:Green (Xanh lá cây)]**.

MENU Đăng ký kiểu ảnh ☆

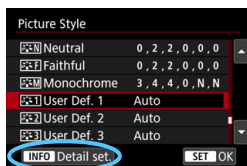
Bạn có thể chọn kiểu ảnh cơ bản như **[Portrait (Chân dung)]** hoặc **[Landscape (Phong cảnh)]**, điều chỉnh thông số như mong muốn và đăng ký với **[User Def. 1 (Người dùng xác định 1)]**, **[User Def. 2 (Người dùng xác định 2)]** hoặc **[User Def. 3 (Người dùng xác định 3)]**. Chức năng này hữu ích khi bạn muốn đặt trước nhiều kiểu ảnh với các thiết lập khác nhau.

Bạn cũng có thể điều chỉnh thông số kiểu ảnh đã đăng ký cho máy ảnh với EOS Utility (phần mềm EOS, tr.610) ở đây.



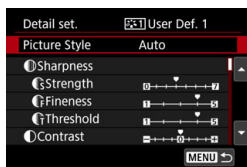
1 Chọn **[Picture Style (Kiểu ảnh)]**.

- Trong tab **[3]**, chọn **[Picture Style (Kiểu ảnh)]**, rồi nhấn **<SET>**.
- Màn hình chọn kiểu ảnh sẽ xuất hiện.



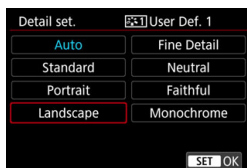
2 Chọn **[User Def. * (Người dùng xác định *)]**.

- Chọn **[User Def. * (Người dùng xác định *)]**, rồi nhấn nút **<INFO>**.



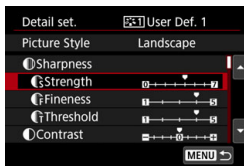
3 Nhấn **<SET>**.

- Chọn **[Picture Style (Kiểu ảnh)]**, rồi nhấn **<SET>**.



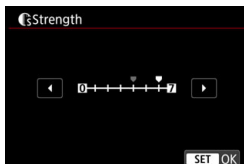
4 Chọn kiểu ảnh cơ bản.

- Chọn kiểu ảnh cơ bản, rồi nhấn **<SET>**.
- Để điều chỉnh thông số kiểu ảnh đã đăng ký cho máy ảnh với EOS Utility (phần mềm EOS), chọn kiểu ảnh ở đây.



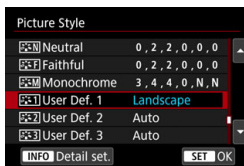
5 Chọn thông số.

- Chọn thông số (ví dụ như [**Strength (Mạnh)**] của [**Sharpness (Độ sắc nét)**]) cần đặt, rồi nhấn <SET>.



6 Thiết lập thông số.

- Điều chỉnh mức hiệu ứng của thông số, rồi nhấn <SET>. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo phần “Tùy chỉnh kiểu ảnh” (tr.182).
- Nhấn nút <MENU> để đăng ký các thiết lập thông số đã điều chỉnh. Sau đó, màn hình chọn kiểu ảnh sẽ xuất hiện lại.
- Kiểu ảnh cơ bản sẽ hiển thị ở bên phải của [**User Def. * (Người dùng xác định *)**].
- Nếu đã chuyển thiết lập thông số trong kiểu ảnh đăng ký dưới mục [**User Def. * (Người dùng xác định *)**] khác với mặc định, tên của kiểu ảnh sẽ hiển thị bằng màu xanh da trời.



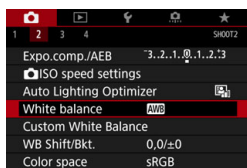
- ⚠ Nếu đã đăng ký kiểu ảnh trong [**User Def. * (Người dùng xác định *)**], việc thay đổi kiểu ảnh cơ bản ở bước 4 sẽ xoá thiết lập thông số của kiểu ảnh người dùng xác định đã đăng ký trước đó.
- Nếu thực hiện [**5:Clear all camera settings (Xóa tất cả thiết lập của máy ảnh)**] (tr.75), tất cả thiết lập [**User Def. * (Người dùng xác định *)**] sẽ trở về mặc định.

- 📷 Để chụp với kiểu ảnh đã đăng ký, chọn [**User Def. * (Người dùng xác định *)**] đã đăng ký, rồi chụp.
- Để tìm hiểu quy trình đăng ký tập tin kiểu ảnh vào máy ảnh, tham khảo Hướng dẫn sử dụng EOS Utility (tr.612).

WB: Thiết lập cân bằng trắng ☆

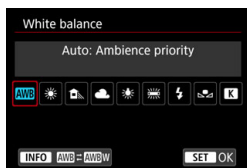
Cân bằng trắng (WB) được dùng để làm trắng các vùng trắng trong ảnh. Thông thường thiết lập Tự động [AWB] (Ưu tiên môi trường) hoặc [AWB w] (Ưu tiên màu trắng) sẽ thu được cân bằng trắng chính xác. Nếu không thu được màu tự nhiên với Tự động, bạn có thể chọn cân bằng trắng phù hợp với nguồn sáng hoặc thiết lập bằng tay bằng cách chụp một vật màu trắng.

Trong chế độ vùng cơ bản, [AWB] (Ưu tiên môi trường) sẽ được thiết lập tự động. (Trong chế độ <P>, [AWB w] (Ưu tiên màu trắng) được thiết lập.)



1 Chọn [White balance (Cân bằng trắng)].

- Trong tab [2], chọn [White balance (Cân bằng trắng)], rồi nhấn <SET>.



2 Chọn thiết lập cân bằng trắng.

- Chọn thiết lập mong muốn, rồi nhấn <SET>.

(Ước chừng)

Hiện thị	Chế độ	Nhiệt độ màu (K: Kelvin)
AWB	Tự động (Ưu tiên môi trường, tr.189)	3000 - 7000
AWB w	Tự động (Ưu tiên màu trắng, tr.189)	
	Ban ngày	5200
	Bóng râm	7000
	Nhiều mây, chạng vạng, hoàng hôn	6000
	Đèn dây tóc	3200
	Đèn huỳnh quang trắng	4000
	Sử dụng flash	Thiết lập tự động*
	Tùy chỉnh (tr.190)	2000 - 10000
K	Nhiệt độ màu (tr.192)	2500 - 10000

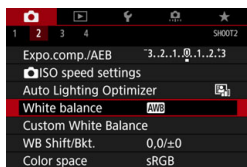
* Áp dụng với đèn Speedlite có chức năng truyền nhiệt độ màu. Nếu không, nhiệt độ màu được cố định ở khoảng 6000 K.

White Balance (Cân bằng trắng)

Đối với mắt người, vật màu trắng trông sẽ có màu trắng mà không phụ thuộc vào loại ánh sáng. Khi sử dụng máy ảnh kỹ thuật số, màu trắng dùng làm cơ sở hiệu chỉnh màu sẽ được quyết định tùy thuộc vào nhiệt độ màu của nguồn sáng, sau đó màu được điều chỉnh bằng phần mềm để làm trắng khu vực trắng. Sử dụng chức năng này, bạn có thể chụp ảnh với tông màu tự nhiên.

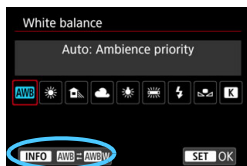
AWB Tự động cân bằng trắng

Với [AWB] (Ưu tiên môi trường), bạn có thể tăng cường độ của sắc thái màu ấm khi chụp ảnh dưới ánh đèn dây tóc. Nếu bạn chọn [AWB w] (Ưu tiên màu trắng), có thể giảm cường độ sắc thái màu ấm của ảnh. Nếu muốn tự động cân bằng trắng giống như các model máy ảnh EOS DIGITAL trước kia, chọn [AWB] (Ưu tiên môi trường).



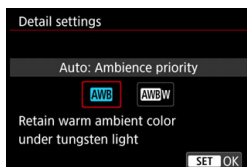
1 Chọn [White balance (Cân bằng trắng)].

- Trong tab [2], chọn [White balance (Cân bằng trắng)], rồi nhấn <SET>.



2 Chọn [AWB].

- Với [AWB] được chọn, nhấn nút <INFO>.



3 Chọn mục mong muốn.

- Chọn [Auto: Ambience priority (Tự động: Ưu tiên môi trường)] hoặc [Auto: White priority (Tự động: Ưu tiên màu trắng)], rồi nhấn <SET>.

AWB : Tự động: Ưu tiên môi trường

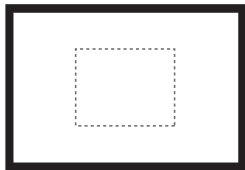
AWB w : Tự động: Ưu tiên màu trắng

Thận trọng khi thiết lập [AWB w] (Ưu tiên màu trắng)

- Sắc thái màu ấm của chủ thể có thể bị nhạt.
- Sắc thái màu ấm của ảnh có thể sẽ không bị giảm khi cảnh có nhiều nguồn sáng.
- Khi sử dụng flash, tông màu sẽ tương tự như sử dụng [AWB] (Ưu tiên môi trường).

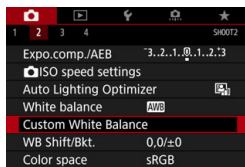
Cân bằng trắng tùy chỉnh

Với cân bằng trắng tùy chỉnh, bạn có thể thiết lập cân bằng trắng bằng tay đối với nguồn sáng đặc biệt tại vị trí chụp ảnh. Đảm bảo thực hiện quy trình này dưới nguồn sáng của địa điểm chụp ảnh thực tế.



1 Chụp vật màu trắng.

- Ngắm qua khung ngắm và hướng toàn bộ ô đường chấm (hiển thị trong hình minh họa) vào vật trắng đơn giản.
- Lấy nét tay và chụp với mức phơi sáng chuẩn thiết lập cho chủ thể màu trắng.
- Bạn có thể sử dụng bất kỳ thiết lập cân bằng trắng nào.



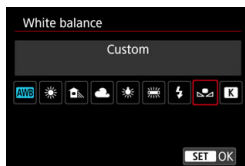
2 Chọn [Custom White Balance (Cân bằng trắng tùy chỉnh)].

- Trong tab [ 2], chọn [**Custom White Balance (Cân bằng trắng tùy chỉnh)**], rồi nhấn <SET>.
- ▶ Màn hình chọn cân bằng trắng tùy chỉnh sẽ xuất hiện.



3 Nhập dữ liệu cân bằng trắng.

- Xoay nút xoay < > để chọn ảnh được chụp trong bước 1, rồi nhấn <SET>.
- ▶ Trên màn hình hộp thoại xuất hiện, chọn [OK] và dữ liệu sẽ được nhập.
- Nhấn nút <MENU> để thoát menu.



4 Chọn [White balance (Cân bằng trắng)].

- Trong tab [📷2], chọn [White balance (Cân bằng trắng)], rồi nhấn < (SET) >.

5 Chọn cân bằng trắng tùy chỉnh.

- Chọn [📷], rồi nhấn < (SET) >.



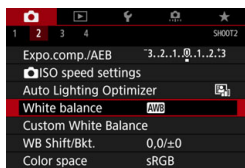
- Nếu độ phơi sáng thu được ở bước 1 khác nhiều so với phơi sáng chuẩn, có thể không đạt được cân bằng trắng chính xác.
- Ở bước 3, không thể chọn những ảnh sau: Ảnh chụp với kiểu ảnh được đặt thành [Monochrome (Đơn sắc)], ảnh ghép phơi sáng, ảnh đã cắt và ảnh chụp bằng máy ảnh khác.



Thay vì chụp chủ thể màu trắng, bạn cũng có thể chụp biểu đồ màu xám hoặc tấm đo cân bằng trắng màu xám 18% tiêu chuẩn (bán sẵn trên thị trường).

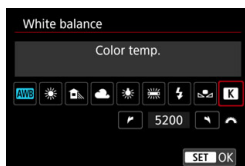
K Thiết lập nhiệt độ màu

Bạn có thể thiết lập nhiệt độ màu của cân bằng trắng theo giá trị số. Đây là tính năng dành cho người dùng chuyên nghiệp.



1 Chọn [White balance (Cân bằng trắng)].

- Trong tab [2], chọn [White balance (Cân bằng trắng)], rồi nhấn <SET>.



2 Thiết lập nhiệt độ màu.

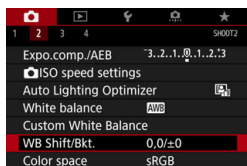
- Chọn [K].
- Xoay nút xoay <[K]> để thiết lập nhiệt độ màu, rồi nhấn <SET>.
- Có thể thiết lập nhiệt độ màu từ khoảng 2500 K đến 10000 K trong mức tăng 100 K.

- Khi đặt nhiệt độ màu cho nguồn sáng nhân tạo, thiết lập hiệu chỉnh cân bằng trắng (thiên về sắc đỏ tím hoặc xanh lá cây) nếu cần thiết.
- Nếu bạn thiết lập [K] tới chỉ số đo bằng bộ đo nhiệt độ màu bán sẵn trên thị trường, hãy chụp thử vài ảnh và điều chỉnh thiết lập để bù trừ chênh lệch số đo nhiệt độ màu giữa bộ đo nhiệt độ màu và máy ảnh.

WB Hiệu chỉnh cân bằng trắng ☆

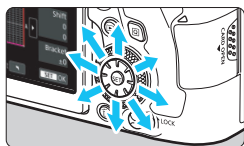
Bạn có thể sửa mức cân bằng trắng đã được thiết lập. Điều chỉnh này sẽ có cùng hiệu ứng như sử dụng bộ lọc chuyển đổi nhiệt độ màu hoặc bộ lọc bù màu có bán sẵn. Mỗi màu có thể được chỉnh thành một trong chín mức. Chức năng này dành cho người dùng chuyên nghiệp, đặc biệt là người dùng hiểu rõ cách sử dụng bộ lọc bù màu và chuyển đổi nhiệt độ màu cũng như hiệu ứng của bộ lọc.

Hiệu chỉnh cân bằng trắng

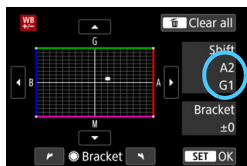


1 Chọn [WB Shift/Bkt. (Thay đổi cân bằng trắng/Cân bằng trắng hỗn hợp)].

- Trong tab [2], chọn [WB Shift/Bkt. (Thay đổi cân bằng trắng/Cân bằng trắng hỗn hợp)], rồi nhấn <SET>.



Thiết lập mẫu: A2, G1



2 Thiết lập hiệu chỉnh cân bằng trắng.

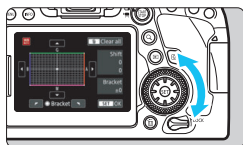
- Sử dụng nút <+> để di chuyển dấu “■” đến vị trí thích hợp.
- B là màu xanh da trời, A là màu hổ phách, M là màu đỏ tía và G là màu xanh lá cây. Cân bằng màu của ảnh sẽ được điều chỉnh về phía màu đang di chuyển đến.
- Ở bên phải màn hình, “Shift (Thay đổi)” lần lượt biểu thị hướng và lượng chỉnh sửa.
- Nhấn nút <+> sẽ hủy tất cả thiết lập [WB Shift/Bkt. (Thay đổi cân bằng trắng/Cân bằng trắng hỗn hợp)].
- Nhấn <SET> để thoát thiết lập.



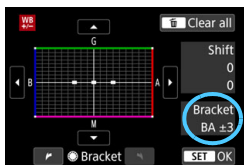
- Máy ảnh có thể được thiết lập để hiển thị <+> trong khung ngắm và trên bảng điều khiển LCD khi bạn đã đặt cân bằng trắng (tr.492).
- Một mức chỉnh màu xanh da trời/màu hổ phách tương ứng với khoảng 5 mired trong bộ lọc chuyển đổi nhiệt độ màu. (Mired: Đơn vị đo lường cho nhiệt độ màu được sử dụng biểu thị mật độ của bộ lọc chuyển đổi nhiệt độ màu.)

Tự động cân bằng trắng hỗn hợp

Chỉ với một lần chụp, có thể ghi đồng thời 3 ảnh có tông màu khác nhau. Dựa trên nhiệt độ màu của thiết lập cân bằng trắng hiện tại, ảnh sẽ được ghép hỗn hợp với sắc xanh da trời/hồ phách và sắc đỏ tía/xanh lá cây. Tính năng này được gọi là cân bằng trắng hỗn hợp (WB Bkt.). Có thể thực hiện cân bằng trắng hỗn hợp lên tới ± 3 mức trong tăng giảm mức đơn.



Mức độ chênh lệch B/A



Thiết lập lượng cân bằng trắng hỗn hợp.

- Ở bước 2 trong phần “Hiệu chỉnh cân bằng trắng”, khi xoay nút xoay $\langle \odot \rangle$, dấu “■” trên màn hình sẽ chuyển thành “■■■” (3 điểm).

Xoay nút xoay theo chiều kim đồng hồ để thiết lập B/A hỗn hợp (Xanh da trời/Hồ phách) và xoay nút xoay ngược chiều kim đồng hồ để thiết lập M/G hỗn hợp (Đỏ tía/Xanh lá cây).

- Ở bên phải, “**Bracket (Hỗn hợp)**” biểu thị hướng chỉnh hỗn hợp và lượng hiệu chỉnh.
- Nhấn nút $\langle \text{WB Shift/Bkt.} \rangle$ sẽ hủy tất cả thiết lập [WB Shift/Bkt. (Thay đổi cân bằng trắng/Cân bằng trắng hỗn hợp)].
- Nhấn $\langle \text{SET} \rangle$ để thoát thiết lập.

Thứ tự phơi sáng hỗn hợp

Ảnh sẽ được phơi sáng hỗn hợp theo thứ tự sau: 1. Cân bằng trắng chuẩn, 2. Thiên về sắc xanh da trời (B) và 3. Thiên về sắc hồ phách (A) hoặc 1. Cân bằng trắng chuẩn, 2. Thiên về sắc đỏ tía (M) và 3. Thiên về sắc xanh lá cây (G).



- Trong khi cân bằng trắng hỗn hợp, số ảnh chụp liên tục tối đa sẽ giảm.
- Vì có ba ảnh được ghi trong một lần chụp nên việc ghi ảnh vào thẻ sẽ mất thời gian lâu hơn.

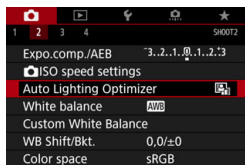


- Bạn cũng có thể thiết lập hiệu chỉnh cân bằng trắng và AEB đồng thời với cân bằng trắng hỗn hợp. Nếu thiết lập AEB kết hợp với cân bằng trắng hỗn hợp, mỗi lần chụp sẽ ghi tổng số chín ảnh.
- Trong khi chụp Live View và đặt cân bằng trắng hỗn hợp, biểu tượng cân bằng trắng sẽ nhấp nháy.
- Bạn có thể thay đổi thứ tự (tr.474) và số lượng ảnh (tr.474) cho cân bằng trắng hỗn hợp.
- “**Bkt.**” là viết tắt của bracketing (thực hiện hỗn hợp với các giá trị bao quanh).

MENU Tự động hiệu chỉnh độ sáng và độ tương phản ☆

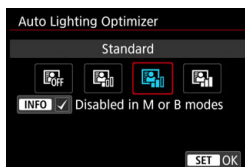
Nếu ảnh tối hoặc có độ tương phản thấp, độ sáng và độ tương phản sẽ được tự động điều chỉnh. Chức năng này được gọi là Tự động tối ưu hóa ánh sáng. Thiết lập mặc định là **[Standard (Tiêu chuẩn)]**. Đối với ảnh JPEG, hiệu chỉnh được áp dụng khi chụp ảnh.

Ở chế độ vùng cơ bản, **[Standard (Tiêu chuẩn)]** được tự động thiết lập.



1 Chọn [Auto Lighting Optimizer (Tự động tối ưu hóa ánh sáng)].

- Trong tab [2], chọn **[Auto Lighting Optimizer (Tự động tối ưu hóa ánh sáng)]**, rồi nhấn <SET>.



2 Chọn thiết lập.

- Chọn thiết lập mong muốn, rồi nhấn <SET>.

3 Chụp ảnh.

- Ảnh sẽ được ghi với độ sáng và độ tương phản đã chỉnh khi cần.



- Tùy thuộc vào điều kiện chụp, ảnh có thể nhiễu hạt hơn.
- Nếu hiệu ứng Tự động tối ưu hóa ánh sáng quá mạnh và ảnh quá sáng, hãy đặt **[Low (Thấp)]** hoặc **[Disable (Tắt)]**.
- Nếu cài đặt thiết lập khác với **[Disable (Tắt)]** và sử dụng bù trừ phơi sáng hoặc bù trừ phơi sáng flash để làm tối phơi sáng, ảnh vẫn có thể bị sáng. Nếu muốn giảm phơi sáng, đặt chức năng này thành **[Disable (Tắt)]**.
- Khi bạn thiết lập ảnh ghép phơi sáng (tr.260), chế độ HDR (tr.255) hoặc ưu tiên tông màu sáng (tr.201), [2: Auto Lighting Optimizer (Tự động tối ưu hóa ánh sáng)] sẽ được tự động đặt thành **[Disable (Tắt)]**.

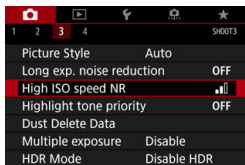


Ở bước 2, nếu nhấn nút <INFO> và bỏ dấu chọn [✓] khỏi thiết lập **[Disabled in M or B modes (Tắt trong chế độ M hoặc B)]**, bạn có thể đặt [2: Auto Lighting Optimizer (Tự động tối ưu hóa ánh sáng)] ngay cả trong các chế độ <M> và .

MENU Thiết lập giảm nhiễu hạt ☆

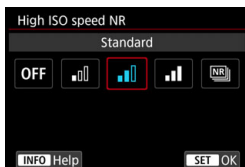
Giảm nhiễu hạt ở tốc độ ISO cao

Chức năng này làm giảm nhiễu hạt trên ảnh. Mặc dù giảm nhiễu hạt áp dụng cho tất cả tốc độ ISO nhưng hiệu quả nhất là ở tốc độ ISO cao. Khi chụp ở tốc độ ISO thấp, nhiễu ảnh ở các phần tối hơn trên ảnh (vùng tối) sẽ giảm nhiều hơn.



1 Chọn [High ISO speed NR (Giảm nhiễu hạt ở tốc độ ISO cao)].

- Trong tab [3], chọn [High ISO speed NR (Giảm nhiễu hạt ở tốc độ ISO cao)], rồi nhấn <SET>.



2 Thiết lập mức độ.

- Chọn mức độ giảm nhiễu hạt mong muốn, rồi nhấn <SET>.

● [NR] : Ghép nhiều ảnh để giảm nhiễu

Áp dụng giảm nhiễu hạt với chất lượng ảnh cao hơn [High (Cao)]. Với mỗi tấm ảnh, bốn ảnh sẽ được chụp liên tiếp và tự động ghép lại thành một ảnh JPEG.

Bạn không thể thiết lập [Multi Shot Noise Reduction (Ghép nhiều ảnh để giảm nhiễu)] nếu chất lượng ghi ảnh được đặt thành RAW hoặc RAW+JPEG.

3 Chụp ảnh.

- Ảnh sẽ được ghi với hiệu ứng giảm nhiễu hạt.



Máy ảnh có thể được thiết lập để hiển thị <I> trong khung ngắm và trên bảng điều khiển LCD khi bạn đặt ghép nhiều ảnh để giảm nhiễu (tr.492).

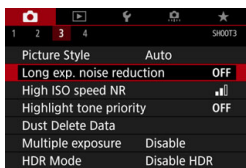


Các lưu ý khi thiết lập ghép nhiều ảnh để giảm nhiễu

- Nếu ảnh bị lệch đáng kể do rung máy, hiệu ứng giảm nhiễu hạt có thể bị giảm thiểu.
- Nếu cầm máy ảnh bằng tay, giữ vững máy để tránh rung máy. Bạn nên sử dụng chân máy.
- Nếu chụp một chủ thể đang di chuyển, chủ thể chuyển động đó có thể để lại bóng mờ trên ảnh.
- Đối với các ảnh có hoạ tiết lặp đi lặp lại (lưới, vằn, v.v...) hay ảnh phẳng đơn sắc, tính năng chỉnh lệch ảnh có thể không hoạt động chính xác.
- Nếu độ sáng của chủ thể thay đổi khi chụp bốn ảnh liên tiếp, có thể gây ra hiện tượng phơi sáng không đều trên ảnh.
- Sau khi chụp, máy ảnh cần một khoảng thời gian để ghi ảnh vào thẻ sau khi thực hiện giảm nhiễu hạt và hợp nhất ảnh. Trong khi xử lý ảnh, thông báo **"buSY"** sẽ hiển thị trong khung ngắm và trên bảng điều khiển LCD và bạn không thể chụp ảnh cho đến khi quá trình xử lý hoàn tất.
- Bạn không thể sử dụng AEB và cân bằng trắng hỗn hợp.
- Nếu đặt [**3: Long exp. noise reduction (Giảm nhiễu hạt do phơi sáng lâu)**], [**3: Multiple exposure (Ảnh ghép phơi sáng)**], [**3: HDR Mode (Chế độ HDR)**], chụp AEB, cân bằng trắng hỗn hợp hoặc chụp Live View với Lấy nét Servo, bạn không thể thiết lập [**Multi Shot Noise Reduction (Ghép nhiều ảnh để giảm nhiễu)**].
- Không thể thiết lập chức năng này khi chụp bulb.
- Không thể chụp với đèn flash. Lưu ý rằng tia giúp lấy nét của đèn Speedlite gắn ngoài dành riêng cho máy ảnh EOS sẽ phát sáng theo thiết lập [**C.Fn II-6: AF-assist beam firing (Đánh sáng tia giúp lấy nét)**].
- [**Standard (Tiêu chuẩn)**] sẽ được đặt tự động nếu bạn thực hiện bất kỳ thao tác nào sau đây: Đặt công tắc nguồn thành **<OFF>**, thay pin, thay thẻ, thiết lập chế độ chụp thành chế độ khác ngoài **<P>**, **<Tv>**, **<Av>** hoặc **<M>** hoặc chuyển sang quay phim.

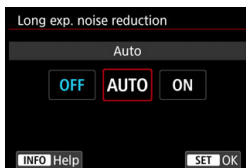
Giảm nhiễu hạt do phơi sáng lâu

Đối với ảnh được phơi sáng trong 1 giây hoặc lâu hơn, nhiễu hạt (điểm sáng và dải) đặc trưng của phơi sáng lâu có thể giảm.



1 Chọn [Long exp. noise reduction (Giảm nhiễu hạt do phơi sáng lâu)].

- Trong tab [📷3], chọn [Long exp. noise reduction (Giảm nhiễu hạt do phơi sáng lâu)], rồi nhấn <SET>.



2 Cài đặt thiết lập mong muốn.

- Chọn thiết lập mong muốn, rồi nhấn <SET>.

• Tự động

Với phơi sáng 1 giây hoặc lâu hơn, nếu máy ảnh phát hiện nhiễu hạt đặc trưng của phơi sáng lâu, giảm nhiễu hạt sẽ tự động thực hiện. Thiết lập [**Auto (Tự động)**] này có đủ hiệu quả trong hầu hết các trường hợp.

• Bật

Giảm nhiễu hạt áp dụng cho tất cả phơi sáng 1 giây hoặc phơi sáng lâu hơn. Thiết lập [**Enable (Bật)**] có thể giảm nhiễu hạt mà thiết lập [**Auto (Tự động)**] không thể phát hiện được.

3 Chụp ảnh.

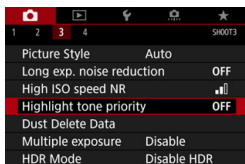
- Ảnh sẽ được ghi với hiệu ứng giảm nhiễu hạt.



- Khi đặt [**Auto (Tự động)**] hoặc [**Enable (Bật)**], quá trình giảm nhiễu hạt sau khi chụp ảnh có thể mất thời gian tương tự như quá trình phơi sáng. Tuy nhiên, ngay cả khi đang thực hiện quá trình giảm nhiễu hạt, bạn cũng có thể tiếp tục chụp ảnh, miễn là đèn báo số ảnh chụp liên tục tối đa trong khung ngắm hiển thị số “1” hoặc lớn hơn.
- Thiết lập [**Enable (Bật)**] có thể làm ảnh chụp ở tốc độ ISO cao trông bị nhiễu hạt nhiều hơn so với thiết lập [**Disable (Tắt)**] hoặc [**Auto (Tự động)**].
- Khi đặt [**Auto (Tự động)**] hoặc [**Enable (Bật)**], nếu sử dụng phơi sáng lâu với ảnh Live View hiển thị, thông báo “**BUSY**” sẽ xuất hiện trong suốt quá trình giảm nhiễu hạt. Hiển thị Live View sẽ không xuất hiện cho đến khi quá trình giảm nhiễu hạt hoàn tất. (Không thể chụp ảnh khác.)

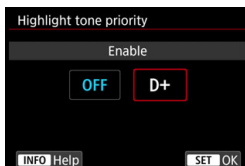
MENU Ưu tiên tông màu sáng ☆

Bạn có thể giảm thiểu các khu vực dư sáng.



1 Chọn [Highlight tone priority (Ưu tiên tông màu sáng)].

- Trong tab [📷3], chọn [Highlight tone priority (Ưu tiên tông màu sáng)], rồi nhấn <SET>.



2 Chọn [Enable (Bật)].

- Chi tiết vùng sáng được cải thiện. Dải tương phản động sẽ mở rộng từ xám 18% tiêu chuẩn đến các màu sáng tươi. Độ chuyển màu giữa màu xám và màu sáng sẽ trở nên mượt hơn.

3 Chụp ảnh.

- Ảnh sẽ được ghi với hiệu ứng ưu tiên tông màu sáng.



- Khi đặt [Enable (Bật)], hiện tượng nhiễu hạt có thể tăng nhẹ.
- Khi đặt [Enable (Bật)], phạm vi tốc độ ISO có thể thiết lập sẽ bắt đầu từ ISO 200. Không thể đặt tốc độ ISO mở rộng.
- Khi bạn thiết lập ảnh ghép phơi sáng (tr.260) hoặc chế độ HDR (tr.255), [📷3: Highlight tone priority (Ưu tiên tông màu sáng)] sẽ được tự động đặt thành [Disable (Tắt)].



Nếu đặt tông màu sáng, biểu tượng <D+> sẽ hiển thị trong khung ngắm và trên bảng điều khiển LCD.

MENU Hiệu chỉnh quang sai của ống kính do đặc tính quang học☆

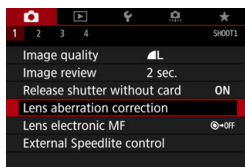
Do đặc tính quang học của ống kính, hiện tượng ánh sáng vùng ngoại vi giảm xuống làm cho các góc ảnh trông tối hơn. Màu bao quanh dọc theo đường viền của chủ thể được gọi là sắc sai. Hiện tượng méo hình do đặc tính quang học của ống kính được gọi là méo hình. Độ sắc nét của ảnh giảm do khẩu độ được gọi là hiện tượng nhiễu xạ. Có thể hiệu chỉnh hiện tượng quang sai của ống kính.

Theo mặc định, [Peripheral illum corr (Hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi)], [Chromatic aberr corr (Hiệu chỉnh sắc sai)] và [Diffraction correction (Hiệu chỉnh nhiễu xạ)] được đặt thành [Enable (Bật)] và [Distortion correction (Hiệu chỉnh méo hình)] được đặt thành [Disable (Tắt)].

Nếu dữ liệu sửa ống kính được đăng ký (lưu) trong máy ảnh, hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi, hiệu chỉnh sắc sai và hiệu chỉnh nhiễu xạ sẽ được áp dụng ngay cả trong các chế độ vùng cơ bản. (Trong chế độ <ii>, hiệu chỉnh méo hình cũng được áp dụng.)

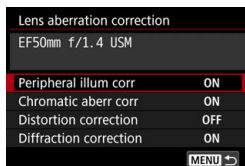
Nếu màn hình thiết lập hiển thị thông báo [Correction data not available (Không có dữ liệu chỉnh)] hoặc biểu tượng [📷], điều đó có nghĩa là dữ liệu chỉnh cho ống kính tương ứng không được đăng ký trong máy ảnh. Tham khảo phần “Dữ liệu chỉnh ống kính” ở trang 206.

Hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi

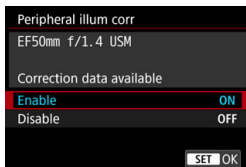


1 Chọn [Lens aberration correction (Hiệu chỉnh quang sai của ống kính)].

- Trong tab [1], chọn [Lens aberration correction (Hiệu chỉnh quang sai của ống kính)], rồi nhấn <SET>.



2 Chọn [Peripheral illum corr (Hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi)].



3 Chọn [Enable (Bật)].

- Kiểm tra [Correction data available (Có dữ liệu chỉnh)] có hiển thị cho ống kính đã lắp không.
- Chọn [Enable (Bật)], rồi nhấn <0>.

4 Chụp ảnh.

- Ảnh sẽ được ghi với ánh sáng vùng ngoại vi đã hiệu chỉnh.

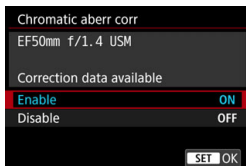


- Tùy thuộc vào điều kiện chụp, nhiễu hạt có thể xuất hiện trên vùng ngoại vi ảnh.
- Tốc độ ISO càng cao thì lượng hiệu chỉnh sẽ càng thấp.



Lượng hiệu chỉnh được áp dụng sẽ thấp hơn lượng hiệu chỉnh tối đa có thể áp dụng với Digital Photo Professional (Phần mềm EOS, tr.610).

Hiệu chỉnh sắc sai



1 Chọn [Chromatic aberr corr (Hiệu chỉnh sắc sai)].

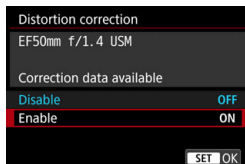
2 Chọn [Enable (Bật)].

- Kiểm tra [Correction data available (Có dữ liệu chỉnh)] có hiển thị cho ống kính đã lắp không.
- Chọn [Enable (Bật)], rồi nhấn <SET>.

3 Chụp ảnh.

- Ảnh sẽ được ghi với sắc sai đã hiệu chỉnh.

Hiệu chỉnh méo hình



1 Chọn [**Distortion correction** (**Hiệu chỉnh méo hình**)].

2 Chọn [**Enable** (**Bật**)].

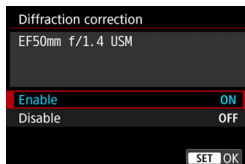
- Kiểm tra [**Correction data available** (**Có dữ liệu chỉnh**)] có hiển thị cho ống kính đã lắp không.
- Chọn [**Enable** (**Bật**)], rồi nhấn < **SET** >.

3 Chụp ảnh.

- Ảnh sẽ được ghi với méo hình đã hiệu chỉnh.

- !**
- Khi áp dụng hiệu chỉnh méo hình, máy ảnh sẽ ghi lại ảnh có phạm vi hẹp hơn so với ảnh được nhìn qua khung ngắm. (Phần rìa ảnh sẽ bị cắt một chút và độ phân giải sẽ hơi giảm xuống.)
 - Không thể xem kết quả của hiệu chỉnh méo hình trong khung ngắm.
 - Trong khi quay phim, [**Distortion correction** (**Hiệu chỉnh méo hình**)] sẽ không hiển thị (không thể hiệu chỉnh).
 - Sử dụng hiệu chỉnh méo hình trong khi chụp Live View sẽ ảnh hưởng đôi chút đến góc ngắm.
 - Nếu phóng to ảnh trong khi chụp Live View, hiệu chỉnh méo hình sẽ không áp dụng cho ảnh hiển thị. Do đó, phóng to phần rìa ảnh có thể làm hiển thị phần ảnh sẽ không được ghi.
 - Ảnh có áp dụng hiệu chỉnh méo hình sẽ không được thêm dữ liệu xóa bụi (tr.454). Ngoài ra, (các) điểm AF sẽ không hiển thị (tr.399) cho xem lại ảnh.

Hiệu chỉnh nhiễu xạ



1 Chọn [Diffraction correction (Hiệu chỉnh nhiễu xạ)].

2 Chọn [Enable (Bật)].

- Chọn [Enable (Bật)], rồi nhấn <SET>.

3 Chụp ảnh.

- Ảnh sẽ được ghi với nhiễu xạ đã hiệu chỉnh.



- Tùy thuộc vào điều kiện chụp, nhiễu hạt có thể nghiêm trọng hơn do ảnh hưởng của việc hiệu chỉnh.
- Tốc độ ISO càng cao thì lượng hiệu chỉnh sẽ càng thấp.
- Khi quay phim, [Diffraction correction (Hiệu chỉnh nhiễu xạ)] sẽ không xuất hiện. (Không thể hiệu chỉnh.)



Với chức năng “Hiệu chỉnh nhiễu xạ”, hiện tượng nhiễu xạ và độ phân giải bị giảm do bộ lọc thông thấp sẽ được hiệu chỉnh. Do đó, hiệu chỉnh hiệu quả ngay cả khi chụp ảnh ở khẩu độ gần với khẩu độ mờ.

Dữ liệu chỉnh ống kính

Dữ liệu hiệu chỉnh ống kính cho hiệu chỉnh quang sai được đăng ký (lưu giữ) trong máy ảnh. Khi chọn [**Enable (Bật)**], hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi, hiệu chỉnh sắc sai, hiệu chỉnh méo hình và hiệu chỉnh nhiễu xạ sẽ được tự động áp dụng.

Với EOS Utility (phần mềm EOS, tr.610), bạn có thể kiểm tra xem ống kính nào đã đăng ký dữ liệu chỉnh trong máy ảnh. Bạn cũng có thể đăng ký dữ liệu chỉnh cho ống kính chưa đăng ký. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo Hướng dẫn sử dụng EOS Utility.

Với những ống kính tích hợp dữ liệu chỉnh, không cần đăng ký dữ liệu chỉnh vào máy ảnh.



Các lưu ý chung về chức năng hiệu chỉnh quang sai của ống kính

- Không thể áp dụng hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi, hiệu chỉnh sắc sai, hiệu chỉnh méo hình và hiệu chỉnh nhiễu xạ với các ảnh JPEG đã chụp.
- Khi sử dụng ống kính không phải của Canon, nên đặt các hiệu chỉnh thành **[Disable (Tắt)]** ngay cả khi hiển thị **[Correction data available (Có dữ liệu chỉnh)]**.
- Nếu bạn sử dụng xem phóng to trong khi chụp Live View, hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi và hiệu chỉnh sắc sai sẽ không phản ánh trong ảnh hiển thị trên màn hình.
- Trong khi chụp Live View, phóng to phần rìa ảnh có thể sẽ làm hiển thị phần ảnh không được ghi.
- Lượng hiệu chỉnh sẽ ít hơn (ngoại trừ đối với hiệu chỉnh nhiễu xạ) nếu

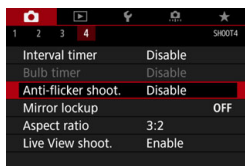


Các chú ý chung về chức năng hiệu chỉnh quang sai của ống kính

- Tính năng hiệu chỉnh quang sai của ống kính có hiệu quả khác nhau tùy thuộc vào điều kiện chụp và ống kính sử dụng. Ngoài ra, hiệu ứng cũng có thể khó thấy rõ tùy thuộc vào ống kính sử dụng, điều kiện chụp, v.v...
- Nếu kết quả hiệu chỉnh khó thấy rõ, bạn nên phóng to ảnh để xem sau khi chụp.
- Có thể áp dụng hiệu chỉnh ngay cả khi lắp ống nối hoặc bộ chuyển đổi kích thước thực.
- Nếu dữ liệu chỉnh cho ống kính đã lắp không được đăng ký vào máy ảnh, kết quả sẽ giống như khi đặt hiệu chỉnh thành **[Disable (Tắt)]** (ngoại trừ đối với hiệu chỉnh nhiễu xạ).

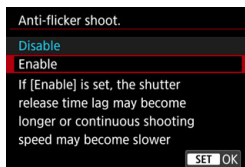
MENU Giảm nhấp nháy ☆

Khi chụp với tốc độ màn trập nhanh dưới nguồn sáng như đèn huỳnh quang, hiện tượng nhấp nháy của nguồn sáng gây ra những đường sọc và có thể xuất hiện trên ảnh chụp. Nếu chụp liên tục dưới điều kiện này, ảnh chụp có thể không chuẩn màu hoặc phơi sáng. Nếu sử dụng tính năng này trong khi chụp qua khung ngắm, máy ảnh sẽ nhận diện tần số nhấp nháy của nguồn sáng và chụp ảnh khi phơi sáng hoặc tông màu ít bị ảnh hưởng bởi hiện tượng nhấp nháy hơn.



1 Chọn [Anti-flicker shoot. (Chụp chống nhấp nháy)].

- Trong tab [4], chọn [Anti-flicker shoot. (Chụp chống nhấp nháy)], rồi nhấn <SET>.



2 Chọn [Enable (Bật)].

3 Chụp ảnh.

- Ảnh sẽ được chụp với phơi sáng và tông màu đã giảm thiểu ảnh hưởng của hiện tượng nhấp nháy.

- ⚠ Khi đặt [Enable (Bật)] và chụp dưới nguồn sáng nhấp nháy, thời gian trễ nhả màn trập có thể dài hơn. Ngoài ra, tốc độ chụp liên tục có thể chậm hơn và quãng chụp có thể không đều.
- Chức năng này không hoạt động với khóa gương lật, chế độ chụp Live View hoặc quay phim.
- Trong chế độ <P> hoặc <Av>, nếu tốc độ màn trập thay đổi khi chụp liên tục hoặc nếu bạn chụp nhiều ảnh của cùng một cảnh ở các tốc độ màn trập khác nhau, tông màu có thể không đồng đều. Để tránh tông màu không đồng đều, hãy sử dụng chế độ <Tv> hoặc <M> ở tốc độ màn trập cố định.



- Tổng màu của ảnh chụp khi đặt [**4: Anti-flicker shoot. (Chụp chống nhấp nháy)**] thành [**Enable (Bật)**] có thể trông khác so với khi đặt thành [**Disable (Tắt)**].
- Máy không thể phát hiện ánh sáng nhấp nháy ở tần số khác với 100 Hz hoặc 120 Hz. Ngoài ra, nếu tần số nhấp nháy của nguồn sáng thay đổi khi chụp liên tục, không thể giảm được hiệu ứng nhấp nháy.
- Nếu chủ thể ở trước hậu cảnh tối hoặc có nguồn sáng mạnh trong ảnh, máy có thể không phát hiện chính xác ánh sáng nhấp nháy.
- Dưới một số kiểu ánh sáng đặc biệt, máy ảnh có thể không giảm được ảnh hưởng của ánh sáng nhấp nháy ngay cả khi biểu tượng < **Flicker!** > hiển thị trong khung ngắm.
- Tùy thuộc vào nguồn sáng, có thể không phát hiện được ánh sáng nhấp nháy chính xác.
- Nếu bạn bố cục lại ảnh, biểu tượng < **Flicker!** > có thể xuất hiện và biến mất chập chờn.
- Tùy thuộc vào nguồn sáng và điều kiện chụp ảnh, có thể không đạt được kết quả mong muốn ngay cả khi bạn sử dụng chức năng này.



- Nên chụp thử trước vài ảnh.
- Nếu biểu tượng < **Flicker!** > không hiển thị trong khung ngắm, hãy thêm dấu chọn [X] vào tùy chọn [**Flicker detection (Nhận diện nhấp nháy)**] trong [**Show/hide in viewfinder (Ẩn/hiện trong khung ngắm)**] (tr.84). Khi chụp với chức năng giảm nhấp nháy, biểu tượng < **Flicker!** > sẽ phát sáng. Dưới nguồn sáng không nhấp nháy hoặc không phát hiện được ánh sáng nhấp nháy, biểu tượng < **Flicker!** > sẽ không hiển thị.
- Nếu thêm dấu chọn [X] vào [**Flicker detection (Nhận diện nhấp nháy)**] và đặt chế độ [**4: Anti-flicker shoot. (Chụp chống nhấp nháy)**] thành [**Disable (Tắt)**], đo sáng dưới nguồn sáng nhấp nháy sẽ khiến biểu tượng < **Flicker!** > nhấp nháy trong khung ngắm để cảnh báo. Bạn nên thiết lập chế độ này thành [**Enable (Bật)**] trước khi chụp ảnh.
- Trong chế độ vùng cơ bản, biểu tượng < **Flicker!** > sẽ không hiển thị nhưng ảnh hưởng của ánh sáng nhấp nháy sẽ giảm khi bạn chụp.
- Tính năng giảm nhấp nháy cũng hoạt động khi chụp với đèn flash. Tuy nhiên, máy ảnh có thể không đạt được kết quả mong muốn khi chụp ảnh với đèn flash không dây.

MENU Thiết lập không gian màu ☆

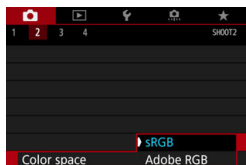
Phạm vi màu sắc có thể được tái tạo gọi là “không gian màu”. Với máy ảnh này, bạn có thể thiết lập không gian màu cho ảnh chụp thành sRGB hoặc Adobe RGB. Khi chụp thông thường, nên sử dụng sRGB. Trong chế độ vùng cơ bản, [sRGB] được tự động thiết lập.

1 Chọn [Color space (Không gian màu)].

- Trong tab [2], chọn [Color space (Không gian màu)], rồi nhấn <SET>.

2 Thiết lập không gian màu mong muốn.

- Chọn [sRGB] hoặc [Adobe RGB], rồi nhấn <SET>.



Adobe RGB

Không gian màu này chủ yếu sử dụng trong in thương mại và các mục đích công nghiệp khác. Không nên sử dụng thiết lập này nếu bạn không quen với xử lý ảnh, Adobe RGB và quy tắc thiết kế cho hệ thống tập tin máy ảnh (Design rule for Camera File system) 2.0 (Exif 2.21 hoặc cao hơn). Ảnh trông sẽ rất trầm trong môi trường máy tính sRGB và với máy in không tương thích với quy tắc thiết kế cho hệ thống tập tin máy ảnh (Design rule for Camera File system) 2.0 (Exif 2.21 hoặc cao hơn). Do đó, bắt buộc phải xử lý hậu kỳ ảnh bằng phần mềm máy tính.



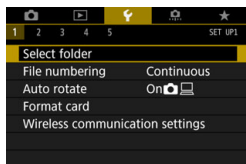
- Nếu ảnh được chụp ở không gian màu Adobe RGB, ký tự đầu tiên trong tên tập tin sẽ là dấu gạch dưới “_”.
- Cấu hình ICC không được cung cấp kèm. Để tìm hiểu phần mô tả về cấu hình ICC, tham khảo Hướng dẫn sử dụng Digital Photo Professional (phần mềm EOS, tr.612).

MENU Tạo và chọn thư mục

Bạn có thể tùy ý tạo và chọn thư mục để lưu ảnh đã chụp.

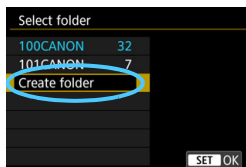
Thao tác này là tùy chọn, vì máy ảnh sẽ tự động tạo thư mục để lưu ảnh đã chụp.

Tạo thư mục

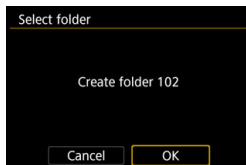


1 Chọn [Select folder (Chọn thư mục)].

- Trong tab [1], chọn [Select folder (Chọn thư mục)], rồi nhấn <SET>.



2 Chọn [Create folder (Tạo thư mục)].



3 Chọn [OK].

- Thư mục mới với số thư mục tăng thêm một đơn vị sẽ được tạo.

Chọn thư mục



- Chọn một thư mục trên màn hình chọn thư mục, rồi nhấn **<SET>**.
- ▶ Thư mục sẽ lưu ảnh đã chụp được chọn.
- Ảnh chụp sau đó sẽ được ghi vào thư mục đã chọn.



Thư mục

Lấy **"100CANON"** làm ví dụ, tên thư mục bắt đầu bằng ba chữ số (số thư mục), theo sau là năm ký tự chữ và số. Thư mục có thể chứa tối đa 9999 ảnh (số tập tin 0001 - 9999). Khi thư mục đầy, thư mục mới với số thư mục tăng thêm một đơn vị sẽ được tạo tự động. Ngoài ra, nếu đặt lại bằng tay (tr.215), thư mục mới sẽ được tạo tự động. Bạn có thể tạo thư mục được đánh số thứ tự từ 100 đến 999.

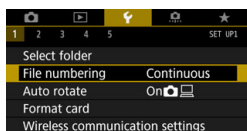
Tạo thư mục bằng máy tính

Mở thẻ trên màn hình và tạo thư mục mới có tên **"DCIM"**. Mở thư mục DCIM và tạo số lượng thư mục cần để lưu và quản lý ảnh. Tên thư mục phải theo định dạng **"100ABC_D"**. Ba chữ số trước là số thư mục từ 100 đến 999. Năm ký tự cuối có thể là kết hợp từ bất kỳ chữ viết hoa và viết thường từ A đến Z, số và dấu gạch dưới **"_"** nào. Tên thư mục không được bao gồm dấu cách. Ngoài ra, lưu ý rằng tên hai thư mục không thể có ba chữ số của số thư mục giống nhau (ví dụ: **"100ABC_D"** và **"100W_XYZ"**) kể cả khi năm ký tự còn lại trong mỗi tên khác nhau.

MENU Phương pháp đánh số thứ tự tập tin

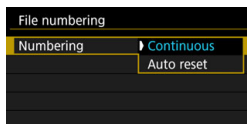
Các ảnh chụp được chỉ định số tập tin là số bốn chữ số liên tiếp từ 0001 đến 9999 (Ví dụ) **IMG_0001.JPG** và được lưu vào một thư mục. Bạn có thể thay đổi cách chỉ định số tập tin.

Số tập tin



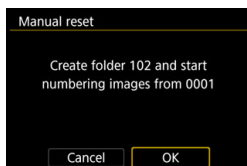
1 Chọn [File numbering (Đánh số thứ tự tập tin)].

- Trong tab [1], chọn **[File numbering (Đánh số thứ tự tập tin)]**, rồi nhấn <SET>.



2 Thiết lập phương pháp đánh số thứ tự tập tin.

- Chọn **[Numbering (Đánh số)]**, rồi nhấn <SET>.
- Chọn **[Continuous (Kế tiếp)]** hoặc **[Auto reset (Tự động đặt lại)]**, rồi nhấn <SET>.
- Nếu muốn đặt lại số thứ tự tập tin, chọn **[Manual reset (Đặt lại bằng tay)]**.
- Chọn **[OK]** để tạo thư mục mới, và số thứ tự tập tin sẽ bắt đầu từ 0001.



⚠ Nếu số tập tin trong thư mục 999 đạt đến 9999, bạn sẽ không thể chụp ảnh ngay cả khi thẻ vẫn còn dung lượng lưu trữ. Màn hình LCD sẽ hiển thị thông báo cho biết cần thay thẻ. Vui lòng thay thẻ mới.



- Đối với ảnh JPEG và ảnh RAW, tên tập tin đều bắt đầu bằng "IMG_". Tên tập tin phim sẽ bắt đầu với "MVI_".
- Đuôi tập tin sẽ là ".JPG" cho ảnh JPEG, ".CR2" cho ảnh RAW, ".MP4" cho phim và ".MOV" cho phim time-lapse.

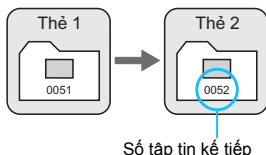
Kế tiếp

Khi bạn muốn tiếp tục đánh số thứ tự tập tin ngay cả sau khi thay thẻ nhớ hoặc tạo thư mục mới.

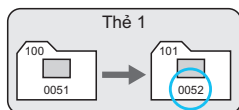
Ngay cả sau khi bạn thay thẻ nhớ hoặc tạo thư mục mới, số tập tin vẫn tiếp tục theo thứ tự cho đến 9999. Thiết lập này giúp lưu tất cả ảnh được đánh số từ 0001 đến 9999 trên nhiều thẻ hoặc trong nhiều thư mục vào cùng một thư mục trên máy tính.

Nếu thẻ thay thế hoặc thư mục hiện có đã chứa ảnh được ghi từ trước, ảnh mới có thể được đánh số tiếp tục theo số thứ tự tập tin của ảnh hiện có trong thẻ hoặc thư mục. Sử dụng thẻ mới định dạng mỗi lần bạn muốn đánh số thứ tự tập tin kế tiếp.

Đánh số thứ tự tập tin sau khi thay thẻ nhớ



Đánh số thứ tự tập tin sau khi tạo thư mục mới



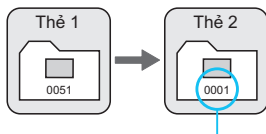
Tự động đặt lại

Khi bạn muốn bắt đầu đánh số thứ tự tập tin lại từ 0001 mỗi lần thay thẻ nhớ hoặc tạo thư mục mới.

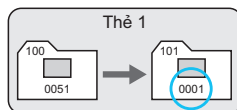
Khi thay thẻ nhớ hoặc tạo thư mục mới, số thứ tự tập tin sẽ bắt đầu lại từ 0001 cho ảnh mới được lưu. Thiết lập này giúp quản lý ảnh theo thẻ hoặc thư mục.

Nếu thẻ thay thế hoặc thư mục hiện có đã chứa ảnh được ghi từ trước, ảnh mới có thể được đánh số tiếp tục theo số thứ tự tập tin của ảnh hiện có trong thẻ hoặc thư mục. Sử dụng thẻ mới đã định dạng mỗi lần muốn lưu ảnh với số thứ tự tập tin bắt đầu từ 0001.

Đánh số thứ tự tập tin sau khi thay thẻ nhớ



Đánh số thứ tự tập tin sau khi tạo thư mục mới



Đánh số thứ tự tập tin được đặt lại

Đặt lại bằng tay

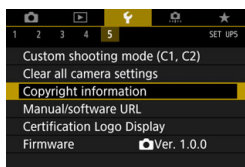
Khi bạn muốn đặt lại số thứ tự tập tin thành 0001 hoặc bắt đầu đánh số thứ tự tập tin từ 0001 trong thư mục mới.

Khi đặt lại số thứ tự tập tin bằng tay, thư mục mới sẽ được tạo tự động và số thứ tự tập tin của ảnh được lưu vào thư mục đó sẽ bắt đầu từ 0001.

Thiết lập này hữu ích trong nhiều trường hợp, chẳng hạn như nếu bạn muốn sử dụng thư mục khác nhau cho ảnh chụp ngày hôm qua và ảnh chụp ngày hôm nay.

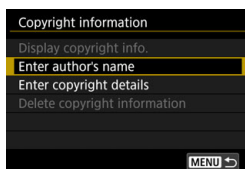
MENU Thiết lập thông tin bản quyền ☆

Sau khi thiết lập, thông tin bản quyền sẽ được ghi vào ảnh dưới dạng thông tin Exif.



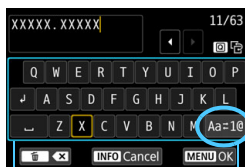
1 Chọn [Copyright information (Thông tin bản quyền)].

- Trong tab [5], chọn [Copyright information (Thông tin bản quyền)], rồi nhấn <SET>.



2 Chọn mục cần thiết lập.

- Chọn [Enter author's name (Nhập tên tác giả)] hoặc [Enter copyright details (Nhập chi tiết bản quyền)], rồi nhấn <SET>.



3 Nhập văn bản.

- Thao tác các phím <▲> <▼> <◀> <▶> hoặc xoay nút xoay <☀> hoặc <☺> để di chuyển khung □ và chọn ký tự mong muốn. Sau đó nhấn <SET> để nhập ký tự.
- Bạn có thể nhập tối đa 63 ký tự.
- Để xóa ký tự, nhấn nút <☒>.
- Bạn có thể chọn [Aa↔1@] để thay đổi chế độ nhập.
- Để hủy chế độ nhập văn bản, nhấn nút <INFO>, rồi chọn [OK].

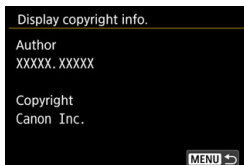
Khung ký tự

Chế độ nhập

4 Thoát thiết lập.

- Sau khi nhập văn bản, nhấn nút <MENU>, rồi chọn [OK].
- Thông tin thiết lập đã được lưu.

Kiểm tra thông tin bản quyền



Khi chọn [**Display copyright info. (Hiển thị thông tin bản quyền)**] ở bước 2, bạn có thể kiểm tra thông tin đã nhập về [**Author (Tác giả)**] và [**Copyright (Bản quyền)**].

Xóa thông tin bản quyền

Khi chọn [**Delete copyright information (Xóa thông tin bản quyền)**] ở bước 2, bạn có thể xóa thông tin về [**Author (Tác giả)**] và [**Copyright (Bản quyền)**].

 Mục “Tác giả” hoặc “Bản quyền” nếu nhập quá dài sẽ không thể hiển thị đầy đủ khi chọn [**Display copyright info. (Hiển thị thông tin bản quyền)**].

-  • Nếu không thể nhập văn bản ở bước 3, nhấn nút <[Q]> và sử dụng khung ký tự khi khung màu xanh da trời xuất hiện.
- Bạn cũng có thể nhập hoặc kiểm tra thông tin bản quyền bằng EOS Utility (phần mềm EOS, tr.610).

[illegible]

5

Thiết lập GPS

Chương này mô tả thiết lập GPS tích hợp của máy ảnh. Máy ảnh EOS 6D Mark II có thể thu tín hiệu định vị vệ tinh từ vệ tinh GPS (Hoa Kỳ), vệ tinh GLONASS (Nga) và Hệ thống vệ tinh Quasi-Zenith (QZSS) “Michibiki” (Nhật Bản).

- Chức năng GPS được đặt thành **[Disable (Tắt)]** theo mặc định.
- Hướng dẫn này sử dụng thuật ngữ “GPS” để chỉ chức năng định vị vệ tinh.

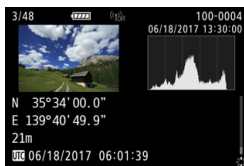
Khi đặt **[GPS]** thành **[Mode 1 (Chế độ 1)]** (tr.223), máy ảnh sẽ tiếp tục thu tín hiệu GPS định kỳ ngay cả sau khi đặt công tắc nguồn thành **<OFF>**. Do đó, pin sẽ tiêu hao nhanh hơn và số lượng ảnh có thể chụp sẽ giảm. Khi không sử dụng GPS, bạn nên đặt **[GPS]** thành **[Disable (Tắt)]** hoặc **[Mode 2 (Chế độ 2)]**.



Khi sử dụng chức năng GPS, đảm bảo kiểm tra quốc gia và khu vực được phép sử dụng và sử dụng chức năng theo luật và quy định của quốc gia hoặc khu vực đó. Hãy đặc biệt thận trọng khi sử dụng GPS bên ngoài quốc gia sở tại.

Tính năng GPS

Định vị ảnh



- Có thể thêm thông tin định vị^{*1} (vĩ độ, kinh độ, độ cao) và giờ quốc tế phối hợp^{*2} vào ảnh.
- Có thể hiển thị các vị trí chụp của ảnh đã định vị trên bản đồ trong máy tính.

*1: Một số điều kiện di chuyển hoặc thiết lập GPS nhất định có thể khiến thông tin định vị không chính xác được thêm vào ảnh.

*2: Giờ quốc tế phối hợp, viết tắt là UTC, về bản chất giống như Giờ chuẩn Greenwich.

Ghi chép lộ trình đã đi

Bạn có thể sử dụng chức năng ghi chép bằng GPS để tự động ghi lại lộ trình di chuyển của máy ảnh bằng cách ghi chép thông tin vị trí vào các khoảng thời gian đã đặt. Bạn có thể xem thông tin vị trí cho lộ trình máy ảnh đã di chuyển trên bản đồ hiển thị trên máy tính.

* Một số điều kiện di chuyển, vị trí hoặc thiết lập GPS nhất định có thể khiến thông tin định vị không chính xác được thêm vào ảnh.

Thiết lập thời gian của máy ảnh

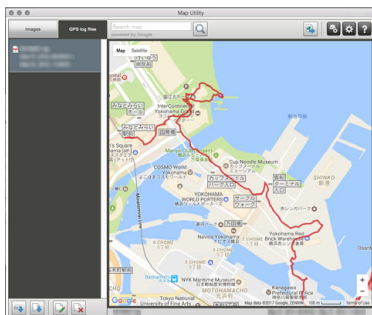
Bạn có thể thiết lập thông tin thời gian nhận được từ tín hiệu GPS trên máy ảnh.



Thông tin GPS ghi lại trên ảnh và phim có thể bao gồm thông tin nhận dạng cá nhân của bạn. Do đó, hãy thận trọng khi gửi cho người khác hoặc hiển thị trực tuyến ở chế độ công khai ảnh hoặc phim đã định vị.

Xem ảnh và thông tin trên bản đồ ảo

Với Map Utility (phần mềm EOS, tr.611), bạn có thể xem các vị trí chụp và lộ trình đã di chuyển trên bản đồ hiển thị trên máy tính.



Dữ liệu bản đồ ©2017 ZENRIN

Những điều cần chú ý khi sử dụng GPS

■ Quốc gia và khu vực cho phép sử dụng chức năng GPS

Một số quốc gia và khu vực hạn chế sử dụng chức năng GPS, việc sử dụng trái phép có thể sẽ bị phạt theo quy định của quốc gia và khu vực đó. Để tránh vi phạm các quy định về chức năng GPS, truy cập trang web của Canon để tìm hiểu về nơi được phép sử dụng.

Lưu ý rằng Canon không chịu trách nhiệm cho bất kỳ vấn đề phát sinh do sử dụng chức năng GPS ở các quốc gia và khu vực khác.

■ Số model

EOS 6D Mark II : DS126631

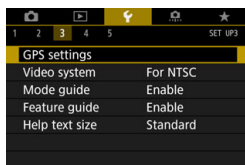
(bao gồm model mô-đun GPS: ES300)

- Ở một số quốc gia và khu vực nhất định, việc sử dụng chức năng GPS có thể bị hạn chế. Do đó, đảm bảo sử dụng chức năng GPS theo luật và quy định tại quốc gia hoặc khu vực của bạn. Hãy đặc biệt thận trọng khi sử dụng chức năng GPS bên ngoài quốc gia sở tại.
- Hãy thận trọng khi sử dụng chức năng GPS tại nơi hạn chế sử dụng thiết bị điện tử.
- Những người khác có thể xác định vị trí hoặc nhận diện bạn thông qua dữ liệu vị trí trong ảnh hoặc phim được định vị của bạn. Hãy thận trọng khi chia sẻ ảnh và phim được định vị hoặc tập tin hành trình GPS với người khác, ví dụ như khi đăng lên mạng nơi nhiều người có thể xem.
- Việc tiếp nhận tín hiệu GPS có thể mất nhiều thời gian hơn trong một số trường hợp.

Thu tín hiệu GPS

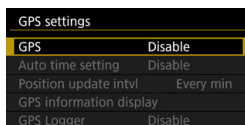
Để thu tín hiệu GPS, hãy đưa máy ảnh ra ngoài trời nơi không có vật cản. Hướng phần trên của máy ảnh lên trời và không bị chắn bởi tay của bạn hay các vật thể khác.

Trong điều kiện thu tín hiệu tốt, máy ảnh sẽ mất khoảng 30 đến 60 giây để thu tín hiệu vệ tinh GPS sau khi bạn đặt **[GPS]** thành **[Mode 1 (Chế độ 1)]** hoặc **[Mode 2 (Chế độ 2)]**. Kiểm tra để đảm bảo biểu tượng **[GPS]** đã hiển thị trên màn hình LCD, rồi chụp.

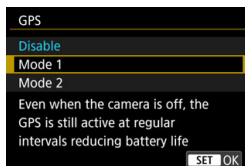


1 Chọn **[GPS settings (Thiết lập GPS)]**.

- Trong tab **[3]**, chọn **[GPS settings (Thiết lập GPS)]**, rồi nhấn **<SET>**.



2 Chọn **[GPS]**.



3 Chọn chế độ.

- Chọn **[Mode 1 (Chế độ 1)]** hoặc **[Mode 2 (Chế độ 2)]**.
- Biểu tượng **[GPS]** sẽ hiển thị trên bảng điều khiển LCD.

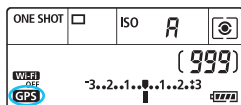
● Chế độ 1

Máy ảnh sẽ tiếp tục nhận tín hiệu GPS định kỳ ngay cả khi đặt công tắc nguồn thành **<ON>** hoặc **<OFF>**.

● Chế độ 2

Khi đặt công tắc nguồn thành **<ON>**, máy ảnh sẽ nhận tín hiệu GPS. Khi đặt công tắc nguồn thành **<OFF>**, chức năng GPS cũng sẽ tắt. Tuy nhiên, nếu chức năng tự động tắt nguồn đang bật, máy ảnh sẽ tiếp tục nhận tín hiệu GPS định kỳ.

Trạng thái nhận tín hiệu GPS



Trạng thái nhận tín hiệu GPS được biểu thị bằng biểu tượng [**GPS**] hiển thị trên bảng điều khiển LCD của máy ảnh.

GPS không đổi: Đã thu được tín hiệu
GPS nhấp nháy: Chưa thu được tín hiệu



Nếu bạn chụp khi biểu tượng [**GPS**] hiển thị liên tục, ảnh sẽ được định vị.

- ❗ Khi đặt [**Mode 1 (Chế độ 1)**], máy ảnh sẽ tiếp tục thu tín hiệu GPS định kỳ ngay cả khi đặt công tắc nguồn thành <OFF>. Thiết lập này sẽ khiến pin hết nhanh hơn và chụp được ít ảnh hơn. Nếu bạn không sử dụng máy ảnh trong một thời gian dài, hãy đặt thành [**Disable (Tắt)**].
- Khi đặt [**Mode 2 (Chế độ 2)**], máy ảnh sẽ tiếp tục thu tín hiệu GPS định kỳ ngay cả khi đang tự động tắt nguồn. Do đó, nếu thời gian tự động tắt nguồn kéo dài, pin sẽ tiêu hao nhanh hơn và số lượng ảnh có thể chụp sẽ ít hơn. Nếu bạn không sử dụng máy ảnh trong thời gian dài, hãy đặt công tắc nguồn thành <OFF>.
- Khi nhìn từ phía sau máy ảnh, ăng-ten GPS tích hợp được đặt ở trước ngàm gắn bên phải (tr.28). Lưu ý rằng có thể thu tín hiệu GPS ngay cả khi đèn Speedlite ngoài được gắn với ngàm gắn, tuy nhiên độ nhạy thu tín hiệu sẽ giảm đôi chút.
- Không thể sử dụng Bộ thu GPS GP-E2 (bán riêng).



Phạm vi phủ sóng tín hiệu GPS kém

Không thể thu được tín hiệu vệ tinh GPS như thông thường trong các điều kiện dưới đây. Do đó, máy sẽ không thể ghi lại thông tin định vị hoặc ghi thông tin không chính xác.

- Trong nhà, dưới mặt đất, trong hầm hoặc rừng, giữa các tòa nhà hoặc trong thung lũng.
- Gần các đường dây điện cao thế hoặc điện thoại di động hoạt động trên băng tần 1,5 GHz.
- Khi máy ảnh được để trong túi, v.v...
- Khi di chuyển một quãng đường dài.
- Khi di chuyển qua các môi trường khác nhau.
- Do vệ tinh GPS di chuyển theo thời gian nên chuyển động của vệ tinh có thể gây nhiễu định vị và khiến thông tin định vị bị thiếu hoặc không chính xác ngay cả trong các điều kiện khác với các điều kiện nêu trên. Ngoài ra, thông tin định vị cũng có thể bao gồm thông tin vị trí khác ngoài lộ trình đã đi, ngay cả khi máy ảnh chỉ được sử dụng tại một vị trí.

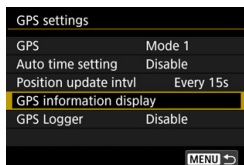


- Mức pin có thể thấp khi bạn bắt đầu sử dụng máy ảnh do ảnh hưởng của chức năng GPS. Sạc lại pin hoặc chuẩn bị pin dự phòng (bán riêng) đã sạc nếu cần.
- Máy ảnh có thể thu tín hiệu GPS ngay cả khi chụp dọc.

Xem thông tin GPS

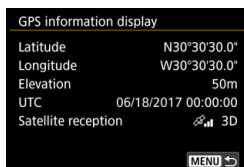
1 Kiểm tra thiết lập [GPS].

- Kiểm tra để đảm bảo [GPS] được đặt thành [Mode 1 (Chế độ 1)] hoặc [Mode 2 (Chế độ 2)].



2 Chọn [GPS information display] (Hiển thị thông tin GPS).

- ▶ Thông tin GPS sẽ hiển thị.



3 Chụp ảnh.

- Nếu bạn chụp sau khi thu tín hiệu GPS, ảnh sẽ được định vị.

ⓘ Thông thường, độ cao không được chính xác như vĩ độ và kinh độ do bản chất của GPS.

- Biểu tượng <📶,📶,📶> biểu thị trạng thái tín hiệu. Khi <3D> hiển thị, độ cao cũng được ghi lại. Lưu ý rằng không thể ghi lại độ cao khi <2D> hiển thị.
- UTC (Giờ quốc tế phối hợp) về bản chất giống như Giờ chuẩn Greenwich.

Thông tin định vị

Xem ảnh và nhấn nút <INFO> để hiển thị màn hình thông tin chụp (tr.394). Sau đó nghiêng <⬅> lên hoặc xuống để kiểm tra thông tin định vị.



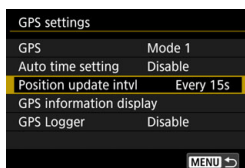
- Khi quay phim, máy sẽ ghi lại thông tin GPS thu được tại thời điểm bắt đầu quay. Lưu ý rằng các điều kiện tiếp nhận tín hiệu không được ghi lại.
- Có thể xem địa điểm chụp trên bản đồ hiển thị trên máy tính bằng cách sử dụng Map Utility (phần mềm EOS, tr.611).

Thiết lập khoảng thời gian định vị

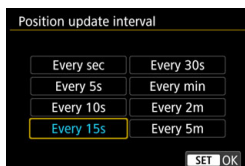
Có thể thiết lập khoảng thời gian định kỳ giữa các lần cập nhật thông tin định vị. Mặc dù việc cập nhật thông tin định vị vào các khoảng thời gian ngắn hơn sẽ ghi lại thông tin định vị chính xác hơn, tuy nhiên điều này sẽ làm giảm số lượng ảnh có thể chụp vì pin tiêu hao nhanh hơn.

1 Kiểm tra thiết lập [GPS].

- Kiểm tra để đảm bảo [GPS] được đặt thành [Mode 1 (Chế độ 1)] hoặc [Mode 2 (Chế độ 2)].



2 Chọn [Position update intvl (Khoảng thời gian cập nhật vị trí)].



3 Thiết lập khoảng thời gian cập nhật mong muốn.

- Chọn tùy chọn sẽ đặt, rồi nhấn < (SET) >.



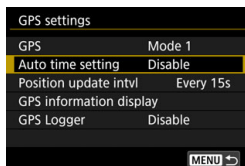
- Nếu bạn đang ở vị trí mà điều kiện thu tín hiệu GPS không tốt, số lượng ảnh có thể chụp sẽ giảm.
- Bản chất của GPS đôi lúc có thể dẫn đến khoảng thời gian cập nhật không đồng đều.

Thiết lập thời gian thu được từ GPS trên máy ảnh

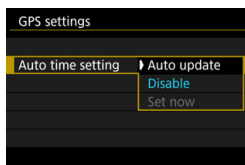
Bạn có thể thiết lập thông tin thời gian nhận được từ tín hiệu GPS trên máy ảnh. Độ chênh lệch khoảng ± 1 giây.

1 Kiểm tra thiết lập [GPS].

- Kiểm tra để đảm bảo **[GPS]** được đặt thành **[Mode 1 (Chế độ 1)]** hoặc **[Mode 2 (Chế độ 2)]**.



2 Chọn **[Auto time setting (Tự động thiết lập thời gian)]**.



3 Chọn thiết lập mong muốn.

- Chọn **[Auto update (Tự động cập nhật)]** hoặc **[Set now (Thiết lập ngay)]**, rồi nhấn **< (SET) >**.
- [Auto update (Tự động cập nhật)]** sẽ cập nhật thời gian khi máy ảnh bật và nhận tín hiệu GPS.



- Nếu không thu được tín hiệu từ ít nhất năm vệ tinh GPS, máy sẽ không thể tự động cập nhật thời gian. **[Set now (Thiết lập ngay)]** sẽ bị tô xám và không chọn được.
- Ngay cả khi có thể chọn **[Set now (Thiết lập ngay)]**, cập nhật thời gian có thể không thực hiện được do thời gian thu tín hiệu GPS không phù hợp.
- Khi đặt **[Auto time setting (Tự động thiết lập thời gian)]** thành **[Auto update (Tự động cập nhật)]**, không thể đặt ngày hoặc giờ bằng tay với **[⏏2: Date/Time/Zone (Ngày/Giờ/Múi giờ)]**.

Ghi chép lộ trình đã đi



Dữ liệu bản đồ ©2017 ZENRIN

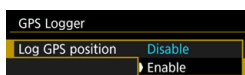
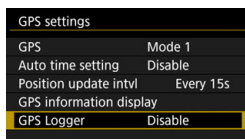
Khi sử dụng chức năng ghi chép GPS, thông tin định vị của lộ trình máy ảnh di chuyển sẽ tự động được ghi vào bộ nhớ trong của máy ảnh.

Với Map Utility (phần mềm EOS, tr.611), bạn có thể xem các vị trí chụp và lộ trình đã di chuyển trên bản đồ hiển thị trên máy tính.

1 Kiểm tra thiết lập [GPS].

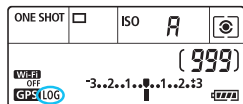
- Kiểm tra để đảm bảo [GPS] được đặt thành [Mode 1 (Chế độ 1)] hoặc [Mode 2 (Chế độ 2)].

2 Chọn [GPS Logger (Bộ ghi chép GPS)].



3 Đặt [Log GPS position (Ghi chép vị trí GPS)] thành [Enable (Bật)].

- Chọn [Log GPS position (Ghi chép vị trí GPS)], rồi nhấn <SET>.
- Chọn [Enable (Bật)], rồi nhấn <SET>.
- ▶ Biểu tượng [LOG] sẽ hiển thị trên bảng điều khiển LCD.



- Khi đặt [GPS] thành [Mode 1 (Chế độ 1)], chức năng ghi chép GPS sẽ tiếp tục hoạt động ngay cả khi đặt công tắc nguồn thành <OFF>.
- Khi [Mode 2 (Chế độ 2)] được thiết lập, đặt công tắc nguồn thành <OFF> cũng sẽ tắt chức năng ghi chép GPS. Tuy nhiên, chức năng ghi chép GPS sẽ tiếp tục hoạt động khi tự động tắt nguồn.

Ghi chép thông tin định vị

Thông tin định vị cho tuyến đường máy ảnh di chuyển được ghi lại vào các khoảng thời gian đã đặt trong [**Position update intvl (Khoảng thời gian cập nhật vị trí)**] (tr.228). Dữ liệu ghi chép được lưu vào bộ nhớ trong của máy ảnh theo ngày. Bảng bên dưới cho biết số ngày dữ liệu có thể được lưu.

Lượng dữ liệu ghi chép theo khoảng thời gian định vị (Ước chừng)

Khoảng thời gian cập nhật	Dữ liệu ghi chép	Khoảng thời gian cập nhật	Dữ liệu ghi chép
Mỗi 1 giây	4,1 ngày	Mỗi 30 giây	100 ngày
Mỗi 5 giây	20 ngày	Mỗi 1 phút	100 ngày
Mỗi 10 giây	41 ngày	Mỗi 2 phút	100 ngày
Mỗi 15 giây	61 ngày	Mỗi 5 phút	100 ngày

* Khi ghi dữ liệu ghi chép tám tiếng một ngày.

- Có thể truyền dữ liệu ghi chép đã lưu vào bộ nhớ trong sang thẻ dưới dạng tập tin ghi chép (tr.232).
- Tên tập tin ghi chép bao gồm ngày và số (ví dụ: 17051800). Tập tin ghi chép được tạo cho từng ngày. Nếu múi giờ thay đổi (tr.49), tập tin ghi chép mới sẽ được tạo.
- Nếu bộ nhớ trong của máy ảnh đầy, dữ liệu ghi chép cũ nhất sẽ bị xóa và dữ liệu ghi chép mới nhất sẽ được lưu.

Tiêu hao pin trong khi ghi chép

Khi đặt [**GPS**] thành [**Mode 1 (Chế độ 1)**], máy ảnh sẽ tiếp tục thu tín hiệu GPS định kỳ ngay cả khi đã đặt công tắc nguồn của máy ảnh thành <OFF>. Khi đặt [**Mode 2 (Chế độ 2)**], máy ảnh sẽ tiếp tục thu tín hiệu GPS định kỳ ngay cả khi đang tự động tắt nguồn. Do đó, pin sẽ tiêu hao nhanh hơn và số lượng ảnh có thể chụp sẽ giảm. Ngoài ra, khi đặt [**Log GPS position (Ghi chép vị trí GPS)**] thành [**Enable (Bật)**], các khoảng thời gian cập nhật ngắn hơn sẽ làm pin tiêu hao nhanh hơn.

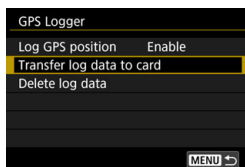
Khi bạn không di chuyển hoặc khi tín hiệu GPS yếu, nên đặt [**GPS**] thành [**Disable (Tắt)**].

Tải dữ liệu ghi chép xuống máy tính

Có thể tải dữ liệu ghi chép từ bộ nhớ trong của máy ảnh xuống máy tính bằng EOS Utility (phần mềm EOS, tr.610) hoặc tải xuống từ thẻ sau khi truyền dữ liệu vào thẻ.

Khi sử dụng Map Utility (phần mềm EOS, tr.611) để mở tập tin ghi chép được lưu trên máy tính, lộ trình di chuyển của máy ảnh sẽ hiển thị trên bản đồ.

● Truyền dữ liệu ghi chép vào thẻ để tải xuống



- Khi chọn [**Transfer log data to card (Truyền dữ liệu ghi chép vào thẻ)**], bạn có thể truyền dữ liệu ghi chép dưới dạng tập tin ghi chép từ bộ nhớ trong sang thẻ.

Lưu ý rằng khi tập tin ghi chép được truyền vào thẻ, dữ liệu ghi chép đó sẽ bị xóa khỏi bộ nhớ trong của máy ảnh.

- Tập tin ghi chép đã nhập vào thẻ sẽ được lưu trong thư mục “GPS” thuộc thư mục “MISC”. Đuôi tập tin là “.LOG”.
- Chọn [**Delete log data (Xóa dữ liệu ghi chép)**] sẽ xóa dữ liệu ghi chép lưu trong bộ nhớ trong. Quá trình xóa dữ liệu có thể mất khoảng một phút.

● Nhập dữ liệu ghi chép bằng phần mềm EOS

Khi máy ảnh được kết nối với máy tính qua cáp nối (bán riêng), bạn có thể tải dữ liệu ghi chép xuống máy tính bằng EOS Utility (phần mềm EOS). Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo Hướng dẫn sử dụng EOS Utility (tr.612).

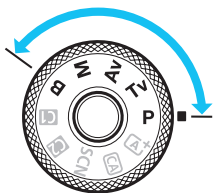


- Ăng-ten GPS nằm ở phía trên thân máy ảnh. Vì lý do này, ngay cả khi mang theo máy ảnh, chẳng hạn như để trong túi, hãy cố gắng giữ cho đầu máy ảnh hướng lên và không đặt bất kỳ vật gì lên trên.
- Đặt thời gian và ngày của máy ảnh càng chính xác càng tốt. Ngoài ra, đặt múi giờ và giờ mùa hè chính xác cho vị trí chụp.

[illegible]

6

Thao tác nâng cao cho hiệu ứng ảnh



Ở chế độ vùng sáng tạo, bạn có thể thay đổi các thiết lập khác nhau của máy ảnh như mong muốn để có được nhiều kết quả chụp bằng cách chọn tốc độ màn trập và/hoặc khẩu độ, điều chỉnh phơi sáng theo ý thích, v.v...

- Biểu tượng ☆ ở phía trên bên phải của tiêu đề trang biểu thị chỉ sử dụng được chức năng này ở chế độ vùng sáng tạo (<P>, <Tv>, <Av>, <M>,).
- Sau khi nhấn nửa chừng nút chụp và nhả ra, các thiết lập phơi sáng sẽ vẫn hiển thị trong khung ngắm và trên bảng điều khiển LCD khoảng 4 giây (4) theo chức năng hẹn giờ đo sáng.
- Để tìm hiểu các chức năng có thể thiết lập trong mỗi chế độ chụp, tham khảo trang 530.



Gạt công tắc <LOCK> xuống.

P: Phơi sáng tự động P

Máy ảnh sẽ tự động thiết lập tốc độ màn trập và khẩu độ thích hợp với độ sáng chủ thể. Chức năng này gọi là Program AE (Phơi sáng tự động P).

* <P> là viết tắt của Program (Chương trình).

* AE là viết tắt của Auto Exposure (Tự động phơi sáng).



1 Đặt nút xoay chế độ thành <P>.



2 Lấy nét chủ thể.

- Nhìn qua khung ngắm và hướng điểm AF vào chủ thể. Sau đó, nhấn nửa chừng nút chụp.
- ▶ Khi lấy được nét, đèn báo lấy nét <●> trong khung ngắm sẽ phát sáng (trong chế độ lấy nét một lần).
- ▶ Tốc độ màn trập và khẩu độ sẽ được tự động thiết lập và hiển thị trong khung ngắm và trên bảng điều khiển LCD.



3 Kiểm tra hiển thị.

- Khi thông số tốc độ màn trập và khẩu độ không nhấp nháy, máy ảnh đã đạt được độ phơi sáng chuẩn.



4 Chụp ảnh.

- Lấy bố cục ảnh và nhấn hoàn toàn nút chụp.

 Nếu phần mô tả của chế độ chụp xuất hiện trên màn hình LCD khi bạn thực hiện bước 1, nhấn <SET> để ẩn (tr.91).



- Tốc độ màn trập hiển thị ở "30" và chỉ số khẩu độ f ở mức nhỏ nhất nhấp nháy thể hiện ảnh bị thiếu sáng. Hãy tăng tốc độ ISO hoặc sử dụng đèn flash.



- Tốc độ màn trập hiển thị ở "4000" và chỉ số khẩu độ f ở mức lớn nhất nhấp nháy thể hiện ảnh bị dư sáng. Hãy giảm tốc độ ISO hoặc sử dụng bộ lọc ND (bán riêng) để giảm lượng ánh sáng đi vào ống kính.



Sự khác biệt giữa chế độ <P> và <A+>

Ở chế độ <A+>, nhiều chức năng như thao tác AF và chế độ đo sáng được thiết lập tự động để tránh làm hỏng ảnh. Các chức năng có thể thay đổi bị hạn chế. Mặt khác, ở chế độ <P>, chỉ có tốc độ màn trập và khẩu độ được tự động thiết lập. Bạn có thể tùy ý thiết lập thao tác AF, chế độ đo sáng và các chức năng khác (tr.530).

Thay đổi chương trình

- Ở chế độ phơi sáng tự động P, bạn có thể tùy ý thay đổi tổ hợp (Chương trình) tốc độ màn trập và khẩu độ do máy ảnh đặt tự động mà vẫn giữ nguyên độ phơi sáng. Chức năng này được gọi là Program shift (Thay đổi chương trình).
- Để thay đổi chương trình, nhấn nửa chừng nút chụp, rồi xoay nút xoay <> cho tới khi hiển thị tốc độ màn trập hoặc khẩu độ mong muốn.
- Thay đổi chương trình sẽ tự động hủy khi hẹn giờ đo sáng (⌚4) kết thúc (hiển thị thiết lập phơi sáng tắt).
- Không thể sử dụng chức năng thay đổi chương trình với đèn flash.

Tv: Tự động phơi sáng ưu tiên tốc độ màn trập

Trong chế độ này, bạn đặt tốc độ màn trập và máy ảnh sẽ tự động thiết lập khẩu độ để đạt được phơi sáng chuẩn phù hợp với độ sáng của chủ thể. Chế độ này được gọi là tự động phơi sáng ưu tiên tốc độ màn trập. Tốc độ màn trập nhanh hơn có thể chụp rõ nét từng chuyển động của chủ thể đang di chuyển. Tốc độ màn trập chậm hơn có thể tạo ra hiệu ứng mờ và cho ấn tượng chung về chuyển động.

* <Tv> là viết tắt của Time value (Giá trị thời gian).



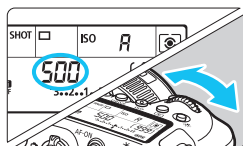
Chuyển động mờ
(Tốc độ màn trập chậm: 1/30 giây)



Chuyển động rõ nét
(Tốc độ màn trập nhanh: 1/2000 giây)



1 Đặt nút xoay chế độ thành <Tv>.



2 Thiết lập tốc độ màn trập mong muốn.

- Trong khi xem bảng điều khiển LCD hoặc khung ngắm, xoay nút xoay < >.

3 Lấy nét chủ thể.

- Nhấn nửa chừng nút chụp.
- Khẩu độ được thiết lập tự động.



4 Kiểm tra hiển thị trong khung ngắm rồi chụp.

- Phơi sáng chuẩn sẽ đạt được khi thông số khẩu độ không nhấp nháy.



- Chỉ số khẩu độ f ở mức nhỏ nhất nhấp nháy thể hiện ảnh bị thiếu sáng.
Xoay nút xoay <  > để đặt tốc độ màn trập chậm hơn cho tới khi khẩu độ dừng nhấp nháy hoặc đặt tốc độ ISO cao hơn.



- Chỉ số khẩu độ f ở mức lớn nhất nhấp nháy thể hiện ảnh bị dư sáng.
Xoay nút xoay <  > để đặt tốc độ màn trập nhanh hơn cho tới khi khẩu độ dừng nhấp nháy hoặc đặt tốc độ ISO thấp hơn.



Hiển thị tốc độ màn trập

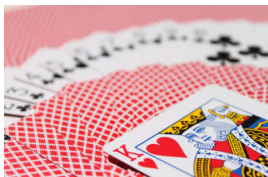
Tốc độ màn trập từ **“4000”** đến **“4”** biểu thị mẫu số của phân số tốc độ màn trập. Ví dụ: **“125”** biểu thị 1/125 giây, **“0”5”** biểu thị 0,5 giây và **“15”** là 15 giây.

Av: Tự động phơi sáng ưu tiên khẩu độ

Trong chế độ này, bạn đặt khẩu độ mong muốn và máy ảnh sẽ tự động thiết lập tốc độ màn trập để đạt được phơi sáng chuẩn phù hợp với độ sáng của chủ thể. Chế độ này được gọi là tự động phơi sáng ưu tiên khẩu độ. Chỉ số khẩu độ f lớn hơn (độ mở khẩu độ nhỏ hơn) sẽ làm cho tiền cảnh và hậu cảnh rõ nét hơn trong phạm vi lấy nét hợp lý.

Ngược lại, chỉ số khẩu độ f nhỏ hơn (độ mở khẩu độ lớn hơn) sẽ làm cho tiền cảnh và hậu cảnh ít rõ nét hơn trong phạm vi lấy nét hợp lý.

* <Av> là viết tắt của Aperture value (Giá trị khẩu độ) (độ mở của khẩu độ).



Hậu cảnh mờ

(Với chỉ số khẩu độ f nhỏ: $f/5.6$)

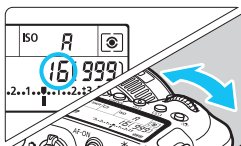


Tiền cảnh và hậu cảnh sắc nét

(Với chỉ số khẩu độ f lớn: $f/32$)



1 Đặt nút xoay chế độ thành <Av>.



2 Thiết lập khẩu độ mong muốn.

- Trong khi xem bảng điều khiển LCD hoặc khung ngắm, xoay nút xoay < >.

3 Lấy nét chủ thể.

- Nhấn nửa chừng nút chụp.
- Tốc độ màn trập được thiết lập tự động.



4 Kiểm tra hiển thị trong khung ngắm rồi chụp.

- Phơi sáng chuẩn sẽ đạt được khi thông số tốc độ màn trập không nhấp nháy.



- Tốc độ màn trập **"30"** nhấp nháy thể hiện ảnh bị thiếu sáng.
Xoay nút xoay <  > để thiết lập khẩu độ lớn hơn (chỉ số khẩu độ f nhỏ hơn) cho tới khi tốc độ màn trập dừng nhấp nháy hoặc đặt tốc độ ISO cao hơn.
- Tốc độ màn trập **"4000"** nhấp nháy thể hiện ảnh bị dư sáng.
Xoay nút xoay <  > để thiết lập khẩu độ nhỏ hơn (chỉ số khẩu độ f lớn hơn) cho tới khi tốc độ màn trập dừng nhấp nháy hoặc đặt tốc độ ISO thấp hơn.

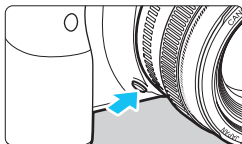


Hiển thị giá trị khẩu độ

Chỉ số khẩu độ f càng lớn, thì độ mở của khẩu độ sẽ càng nhỏ. Chỉ số khẩu độ f khác nhau tùy thuộc vào ống kính. Nếu không gắn ống kính nào vào máy ảnh, khẩu độ sẽ hiển thị **"00"**.

Xem trước độ sâu trường ảnh ☆

Độ mở của khẩu độ (lá khẩu) chỉ thay đổi tại thời điểm chụp ảnh. Còn lại, khẩu độ vẫn sẽ mở hoàn toàn. Do đó, khi bạn ngắm cảnh qua khung ngắm hoặc trên màn hình LCD, độ sâu trường ảnh trông sẽ hẹp.



Nhấn nút xem trước độ sâu trường ảnh để thu hẹp khẩu độ về thiết lập khẩu độ hiện thời và kiểm tra độ sâu trường ảnh (phạm vi lấy nét hợp lý).

⚠ Khi sử dụng đèn Speedlite gắn ngoài, nhấn nút xem trước độ sâu trường ảnh sẽ đánh sáng flash mẫu. (Xem trước độ sâu trường ảnh sẽ không hoạt động.)

- 📄 Chỉ số khẩu độ f càng lớn sẽ làm cho tiền cảnh và hậu cảnh rõ nét hơn trong phạm vi lấy nét hợp lý. Tuy nhiên, khung ngắm sẽ tối hơn.
- Có thể thấy rõ hiệu quả của độ sâu trường ảnh trên ảnh Live View khi thay đổi khẩu độ và nhấn nút xem trước độ sâu trường ảnh (tr.292).
- Phơi sáng sẽ bị khóa (khóa phơi sáng) trong khi nhấn nút xem trước độ sâu trường ảnh.

M: Phơi sáng chỉnh tay

Trong chế độ này, bạn có thể thiết lập tốc độ màn trập và khẩu độ theo mong muốn. Để xác định phơi sáng, có thể tham khảo thang đo sáng trong khung ngắm hoặc sử dụng thang đo độ phơi sáng bán sẵn trên thị trường. Phương pháp này được gọi là phơi sáng chỉnh tay.

* <M> là viết tắt của Manual (Chỉnh tay).



1 Đặt nút xoay chế độ thành <M>.

2 Thiết lập tốc độ ISO (tr.172).

Tốc độ màn trập



Khẩu độ

3 Thiết lập tốc độ màn trập và khẩu độ.

- Để thiết lập tốc độ màn trập, xoay nút xoay <⚙>. Để thiết lập khẩu độ, xoay nút xoay <⦿>.
- Nếu không thể thiết lập, gạt công tắc <LOCK> xuống, rồi xoay nút xoay <⚙> hoặc <⦿>.

Chỉ số phơi sáng chuẩn



Kim đo sáng

4 Lấy nét chủ thể.

- Nhấn nửa chừng nút chụp.
- ▶ Thiết lập phơi sáng sẽ được hiển thị trong khung ngắm và trên bảng điều khiển LCD.
- Kiểm tra kim đo sáng <⬆> để biết khoảng cách mức phơi sáng hiện tại so với mức phơi sáng chuẩn.

Chỉ số phơi sáng chuẩn



Kim đo sáng

5 Thiết lập phơi sáng và chụp ảnh.

- Kiểm tra thang đo sáng và thiết lập tốc độ màn trập và khẩu độ mong muốn.
- Nếu mức phơi sáng vượt quá phơi sáng chuẩn ± 3 điểm dừng, đầu của thang đo sáng sẽ hiển thị <◀> hoặc <▶>.



Bù trừ phơi sáng với ISO tự động

Nếu tốc độ ISO được đặt thành **A** (AUTO) khi chụp phơi sáng chỉnh tay, bạn có thể thiết lập bù trừ phơi sáng (tr.247) như sau:

- [2: Expo.comp./AEB (Bù trừ phơi sáng/AEB)]
- Trong [C.Fn III-4: Custom Controls (Điều khiển tùy chỉnh)], với [2: Expo comp (hold btn, turn) (Bù trừ phơi sáng (giữ nút, xoay) (tr.505).
- Điều khiển nhanh (tr.61)



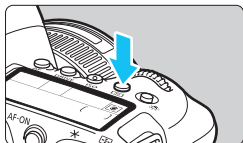
- Nếu đặt ISO tự động, thiết lập tốc độ ISO sẽ thay đổi để đạt phơi sáng chuẩn với tốc độ màn trập và khẩu độ đã thiết lập. Do đó, có thể không thu được hiệu ứng phơi sáng mong muốn. Trong trường hợp này, hãy thiết lập bù trừ phơi sáng.
- Giá trị phơi sáng đã thiết lập sẽ không áp dụng cho quay phim.



- Trong [2: Auto Lighting Optimizer (Tự động tối ưu hóa ánh sáng)], nếu bỏ dấu [] trong [Disabled in M or B modes (Tắt trong chế độ M hoặc B)] thì vẫn có thể thiết lập Tự động tối ưu hóa ánh sáng ngay cả trong chế độ <M> (tr.196).
- Khi đặt máy ảnh thành chế độ <M> + ISO tự động + <> (Đo sáng toàn khung ảnh) và [C.Fn I-8: Meter. mode, AE locked after focus (Chế độ đo sáng, phơi sáng khóa sau khi lấy nét)] được đặt ở thiết lập mặc định (tr.476), giữ nửa chừng nút chụp sẽ khóa tốc độ ISO sau khi máy ảnh lấy được nét với Lấy nét một lần.
- Khi đặt ISO tự động, bạn có thể nhấn nút <> để khóa tốc độ ISO.
- Nếu nhấn nút <> và bố cục lại ảnh, bạn có thể thấy sự khác biệt về độ phơi sáng trên thang đo sáng so với khi nhấn nút <>.
- Nếu áp dụng bù trừ phơi sáng (tr.247) ở chế độ <P>, <Tv> hoặc <Av>, lượng bù trừ phơi sáng thiết lập trước đó sẽ vẫn được duy trì khi chuyển chế độ chụp thành <M> với ISO tự động được thiết lập.
- Khi đặt ISO tự động và đặt [C.Fn I-1: Exposure level increments (Mức tăng phơi sáng)] thành [1/2-stop (1/2 điểm dừng)], máy sẽ thực hiện bù trừ phơi sáng 1/2 điểm dừng bất kỳ cho tốc độ ISO (1/3 điểm dừng) và tốc độ màn trập. Tuy nhiên, tốc độ màn trập hiển thị sẽ không thay đổi.

Chọn chế độ đo sáng ☆

Bạn có thể chọn một trong bốn phương pháp để đo độ sáng của chủ thể. Trong chế độ vùng cơ bản, đo sáng toàn khung ảnh được tự động thiết lập. (Ở chế độ <SCN: >, đo sáng trung bình trung tâm được tự động thiết lập.)



1 Nhấn nút < > (♻️).



2 Chọn chế độ đo sáng.

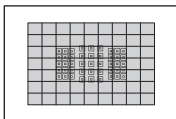
- Nhìn vào bảng điều khiển LCD hoặc khung ngắm, xoay nút xoay < > hoặc < >.

 : Đo sáng toàn khung ảnh

 : Đo sáng từng phần

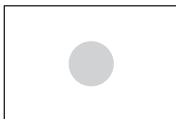
 : Đo sáng điểm

 : Đo sáng trung bình trung tâm



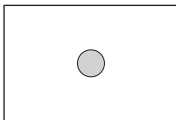
 : **Đo sáng toàn khung ảnh**

Chế độ đo sáng đa năng phù hợp với cả các chủ thể ngược sáng. Máy ảnh sẽ tự động điều chỉnh phơi sáng để phù hợp với cảnh.



 **Partial metering (Đo sáng từng phần)**

Đo sáng từng phần có tác dụng khi hậu cảnh sáng hơn nhiều so với chủ thể do ngược sáng, v.v... Đo sáng từng phần bao phủ khoảng 6,5% trung tâm khu vực khung ngắm.



Đo sáng điểm

Hiệu quả khi đo sáng từng phần cụ thể của chủ thể hoặc cảnh. Đo sáng điểm bao trùm khoảng 3,2% trung tâm khu vực khung ngắm. Vòng đo sáng điểm sẽ hiển thị trong khung ngắm.



Center-weighted average metering (Đo sáng trung bình trung tâm)

Đo sáng lấy trung bình cho toàn cảnh với trung tâm khung ngắm được đo sáng nhiều hơn.



- Theo mặc định, máy ảnh sẽ thiết lập phơi sáng như sau. Với  (Đo sáng toàn khung ảnh), giữ nửa chừng nút chụp sẽ khóa thiết lập phơi sáng (Khóa phơi sáng) sau khi máy ảnh lấy được nét với Lấy nét một lần. Trong các chế độ  (Đo sáng từng phần),  (Đo sáng điểm) và  (Đo sáng trung bình trung tâm), phơi sáng sẽ được thiết lập tại thời điểm chụp ảnh. (Nhấn nửa chừng nút chụp sẽ không khóa phơi sáng.)
- Với [ **C.Fn I-8: Meter. mode, AE locked after focus (Chế độ đo sáng, phơi sáng khóa sau khi lấy nét)**], bạn có thể đặt có hoặc không khóa phơi sáng khi máy ảnh lấy được nét với Lấy nét một lần (tr.476).

📷 Thiết lập bù trừ phơi sáng mong muốn ☆

Bù trừ phơi sáng có thể làm sáng hơn (tăng phơi sáng) hoặc làm tối (giảm phơi sáng) phơi sáng chuẩn thiết lập bằng máy ảnh.

Có thể thiết lập bù trừ phơi sáng trong các chế độ chụp <P>, <Tv> và <Av>. Mặc dù bạn có thể thiết lập bù trừ phơi sáng tối đa ± 5 điểm dừng với mức tăng 1/3 điểm dừng khi chụp qua khung ngắm, nhưng thang đo sáng trong khung ngắm và trên bảng điều khiển LCD chỉ có thể hiển thị thiết lập tối đa ± 3 điểm dừng. Nếu bạn muốn đặt thiết lập bù trừ phơi sáng vượt quá ± 3 điểm dừng, hãy sử dụng điều khiển nhanh (tr.61) hoặc làm theo hướng dẫn dành cho [📷2: Expo.comp./AEB (Bù trừ phơi sáng/AEB)] ở trang 249.

Nếu đặt cả hai chế độ <M> và ISO tự động, tham khảo trang 244 để thiết lập bù trừ phơi sáng.

1 Kiểm tra phơi sáng.

- Nhấn nửa chừng nút chụp (📷) và kiểm tra thang đo sáng.

Tăng phơi sáng giúp ảnh sáng hơn



Giảm phơi sáng giúp ảnh tối hơn



2 Đặt lượng bù trừ phơi sáng.

- Nhìn vào khung ngắm hoặc bảng điều khiển LCD, xoay nút xoay <🔍>.
- Nếu không thể thiết lập, gạt công tắc <LOCK> xuống, rồi xoay nút xoay <🔍>.
- ▶ Biểu tượng <📷> sẽ hiển thị trong khung ngắm và trên bảng điều khiển LCD để thiết lập bù trừ phơi sáng.

3 Chụp ảnh.

- Để hủy bù trừ phơi sáng, đặt thang đo sáng <1/1> ở chỉ số phơi sáng chuẩn (<📷/📷>).



- Trong khi chụp Live View và quay phim, bạn chỉ có thể thiết lập bù trừ phơi sáng tối đa ± 3 điểm dừng.
- Nếu đặt [**2: Auto Lighting Optimizer (Tự động tối ưu hóa ánh sáng)**] (tr.196) thành bất kỳ thiết lập nào ngoài [**Disable (Tắt)**], ảnh trông vẫn sáng ngay cả khi đã thiết lập lượng bù trừ phơi sáng giảm cho hình ảnh tối hơn.
- Mức bù trừ phơi sáng đã thiết lập sẽ không áp dụng cho quay phim.

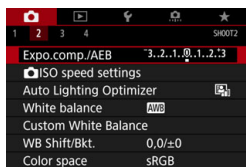


- Lượng bù trừ phơi sáng sẽ vẫn còn hiệu lực ngay cả sau khi bạn đặt công tắc nguồn thành <OFF>.
- Sau khi thiết lập lượng bù trừ phơi sáng, bạn có thể gạt công tắc <LOCK> lên trên để ngăn lượng bù trừ phơi sáng vô tình thay đổi.
- Nếu lượng bù trừ phơi sáng vượt quá ± 3 điểm dừng, đầu thang đo sáng sẽ hiển thị <◀> hoặc <▶>.
- Với [**C.Fn I-7: Exposure comp. auto cancel (Tự động hủy bù trừ phơi sáng)**], bạn có thể đặt có hoặc không hủy thiết lập bù trừ phơi sáng khi đặt công tắc nguồn thành <OFF> (tr.476).

Tự động phơi sáng hỗn hợp (AEB) ☆

Bằng cách tự động thay đổi tốc độ màn trập, khẩu độ hoặc tốc độ ISO, bạn có thể sử dụng phơi sáng hỗn hợp lên tới ± 3 điểm dừng với mức tăng 1/3 điểm dừng cho ba lần chụp liên tiếp. Chức năng này được gọi là AEB.

* AEB là viết tắt của Auto Exposure Bracketing (Tự động phơi sáng hỗn hợp).



1 Chọn [Expo.comp./AEB (Bù trừ phơi sáng/AEB)].

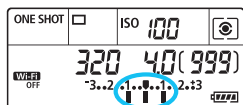
- Trong tab [ 2], chọn [Expo.comp./AEB (Bù trừ phơi sáng/AEB)], rồi nhấn <SET>.



Phạm vi AEB

2 Thiết lập phạm vi AEB.

- Xoay nút xoay < > để thiết lập phạm vi AEB. Nhấn các phím <◀> <▶> để thiết lập lượng bù trừ phơi sáng.
- Nhấn <SET> để thiết lập.
- ▶ Khi bạn thoát khỏi menu, phạm vi AEB sẽ hiển thị trên bảng điều khiển LCD.



3 Chụp ảnh.

- Ba ảnh bù trừ sáng sẽ được chụp tương ứng với kiểu chụp thiết lập trong thứ tự này: Phơi sáng chuẩn, giảm phơi sáng và tăng phơi sáng.
- Tự động phơi sáng hỗn hợp sẽ không tự động hủy. Để hủy tự động phơi sáng hỗn hợp, thực hiện theo bước 2 để tắt hiển thị phạm vi AEB.

Phơi sáng chuẩn



Giảm phơi sáng



Tăng phơi sáng



 Nếu đặt [ **2: Auto Lighting Optimizer (Tự động tối ưu hóa ánh sáng)**] (tr.196) thành thiết lập khác với [**Disable (Tắt)**] có thể làm giảm thiểu hiệu ứng của AEB.

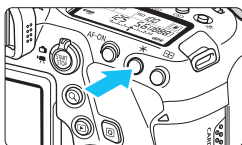
- 
- Trong quá trình chụp AEB, biểu tượng < > sẽ nhấp nháy trong khung ngắm.
 - Nếu kiểu chụp được đặt thành < > hoặc < S>, nhấn nút chụp ba lần cho mỗi lần chụp. Khi đặt < H>, < > hoặc < S> và nhấn giữ hoàn toàn nút chụp, máy ảnh sẽ chụp liên tục ba ảnh bù trừ sáng rồi tự động dừng chụp. Khi đặt < 1> hoặc < 2>, máy ảnh sẽ chụp liên tục ba ảnh bù trừ sáng sau thời gian trì hoãn 10 giây hoặc 2 giây. Khi đặt < C>, số ảnh thiết lập với [**Self-timer: Continuous (Hẹn giờ: Liên tục)**] sẽ được chụp liên tiếp sau thời gian trì hoãn 10 giây (mỗi lần chụp bao gồm ba ảnh bù trừ sáng).
 - Bạn có thể thiết lập tự động phơi sáng hỗn hợp kết hợp với bù trừ phơi sáng.
 - Nếu phạm vi AEB vượt quá ± 3 điểm dừng, đầu thang đo sáng sẽ hiển thị < > hoặc < >.
 - AEB không dùng được với đèn flash, phơi sáng bulb hoặc khi đặt chế độ HDR hoặc ghép nhiều ảnh để giảm nhiễu.
 - AEB sẽ tự động hủy nếu bạn thực hiện bất kỳ thao tác nào sau đây: Đặt công tắc nguồn thành <**OFF**>, chuyển sang quay phim hoặc khi flash được nạp đầy.

✱ Khóa phơi sáng để chụp (Khóa phơi sáng) ☆

Bạn có thể khóa phơi sáng khi muốn đặt chế độ lấy nét và phơi sáng riêng biệt hoặc khi bạn muốn chụp nhiều ảnh với cùng thiết lập phơi sáng. Nhấn nút <✱> để khóa phơi sáng, sau đó bố cục lại ảnh và chụp. Chức năng này được gọi là khóa phơi sáng. Chức năng này có hiệu quả khi chụp các chủ thể ngược sáng, v.v...

1 Lấy nét chủ thể.

- Nhấn nửa chừng nút chụp.
- ▶ Thiết lập phơi sáng sẽ hiển thị.



2 Nhấn nút <✱> (❶).

- ▶ Biểu tượng <✱> phát sáng trong khung ngắm biểu thị đã khóa thiết lập phơi sáng (Khóa phơi sáng).
- Mỗi lần bạn nhấn nút <✱>, thiết lập phơi sáng hiện tại sẽ khóa.



3 Bố cục lại ảnh và chụp.

- Khi muốn chụp nhiều ảnh hơn trong khi giữ nguyên khóa phơi sáng, nhấn giữ nút <✱> và nhấn nút chụp để chụp ảnh khác.

Hiệu ứng khóa phơi sáng

Chế độ đo sáng (tr.245)	Phương pháp chọn điểm AF (tr.138, 139)	
	Chọn tự động	Chọn bằng tay
	Khóa phơi sáng áp dụng tại điểm AF lấy được nét.	Khóa phơi sáng áp dụng tại điểm AF đã chọn.
	Khóa phơi sáng áp dụng tại điểm AF trung tâm.	

* Khi thiết lập chế độ <☉> và đặt công tắc chế độ lấy nét của ống kính thành <MF>, khóa phơi sáng được áp dụng với phơi sáng đo ở điểm AF trung tâm.



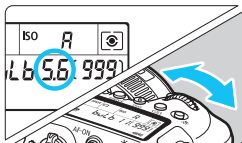
Không thể khóa phơi sáng với phơi sáng bulb.

B: Phơi sáng lâu (Bulb)

Trong chế độ này, màn trập vẫn mở khi bạn nhấn giữ hoàn toàn nút chụp, và đóng lại khi bạn nhả nút chụp. Kỹ thuật chụp ảnh này được gọi là “phơi sáng bulb”. Sử dụng chế độ phơi sáng bulb để chụp cảnh ban đêm, pháo hoa, bầu trời và các chủ thể khác cần phơi sáng lâu.

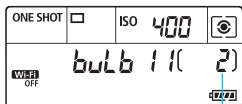


1 Đặt nút xoay chế độ thành .



2 Thiết lập khẩu độ mong muốn.

- Nhìn vào bảng điều khiển LCD hoặc khung ngắm, xoay nút xoay <  > hoặc <  >.



Thời gian đã phơi sáng

3 Chụp ảnh.

- Phơi sáng sẽ tiếp tục trong khi bạn vẫn nhấn hoàn toàn nút chụp.
- ▶ Thời gian đã phơi sáng sẽ hiển thị trên bảng điều khiển LCD.

- ❗ Không hướng máy ảnh về phía nguồn sáng mạnh, ví dụ mặt trời hoặc nguồn sáng nhân tạo mạnh. Làm như vậy có thể gây hỏng cảm biến hình ảnh hoặc các bộ phận bên trong máy ảnh.
- Phơi sáng lâu bulb cho ảnh có nhiều hạt nhiễu hơn bình thường.
- Nếu đặt ISO tự động, ISO 400 sẽ được thiết lập (tr.174).
- Khi chụp phơi sáng bulb mà không sử dụng chức năng hẹn giờ bulb, nếu bạn sử dụng cả chụp hẹn giờ và khóa gương lật, hãy nhấn giữ hoàn toàn nút chụp (trong thời gian hẹn giờ chụp + thời gian phơi sáng bulb). Nếu nhả nút chụp trong thời gian đếm ngược của chụp hẹn giờ, máy ảnh sẽ phát ra âm thanh nhả màn trập nhưng không có ảnh nào được chụp. Nếu sử dụng hẹn giờ bulb trong các điều kiện chụp tương tự, không cần nhấn giữ hoàn toàn nút chụp.

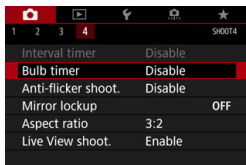


- Với [**3: Long exp. noise reduction (Giảm nhiễu hạt do phơi sáng lâu)**], bạn có thể giảm độ nhiễu tạo ra trong thời gian dài phơi sáng (tr.199).
- Để phơi sáng bulb, nên sử dụng chân máy ảnh và hẹn giờ bulb. Bạn cũng có thể sử dụng kết hợp cùng gương lật (tr.267).
- Bạn cũng có thể chụp phơi sáng bulb bằng cách sử dụng Công tắc điều khiển từ xa RS-80N3 (bán riêng) hoặc Bộ điều khiển hẹn giờ từ xa TC-80N3 (bán riêng, tr.278).
- Bạn cũng có thể sử dụng Bộ điều khiển từ xa RC-6 (bán riêng, tr.273) hoặc Điều khiển từ xa không dây BR-E1 (bán riêng, tr.275) cho phơi sáng bulb. Khi nhấn nút truyền của bộ điều khiển từ xa, phơi sáng bulb sẽ bắt đầu ngay lập tức hoặc 2 giây sau đó. Nhấn lại nút này để dừng phơi sáng bulb.

TIMER Hẹn giờ bulb ☆

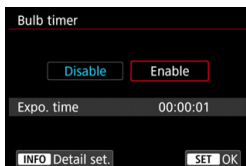
Bạn có thể thiết lập sẵn thời gian phơi sáng của chế độ phơi sáng bulb. Với chức năng hẹn giờ bulb, bạn không cần nhấn giữ nút chụp trong quá trình phơi sáng bulb. Điều này giúp giảm rung máy ảnh.

Chức năng hẹn giờ bulb chỉ có thể được thiết lập trong chế độ (phơi sáng bulb). Chức năng này không thể thiết lập (hoặc sẽ không hoạt động) trong bất kỳ chế độ nào khác.



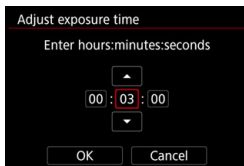
1 Chọn [Bulb timer (Hẹn giờ bulb)].

- Trong tab [**4**] chọn [**Bulb timer (Hẹn giờ bulb)**], rồi nhấn <SET>.



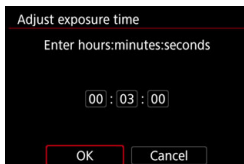
2 Chọn [Enable (Bật)].

- Chọn [**Enable (Bật)**], rồi nhấn nút <INFO>.



3 Thiết lập thời gian phơi sáng mong muốn.

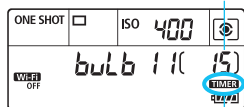
- Chọn giờ, phút hoặc giây.
- Nhấn <SET> để hiển thị <☑>.
- Chọn số mong muốn, rồi nhấn <SET>.
(Trở lại <□>.)



4 Chọn [OK].

- ▶ Thời gian đã thiết lập sẽ được hiển thị trên màn hình menu.
- ▶ Khi bạn thoát khỏi menu, biểu tượng <TIMER> sẽ hiển thị trên bảng điều khiển LCD.

Thời gian đã phơi sáng



Hẹn giờ bulb

5 Chụp ảnh.

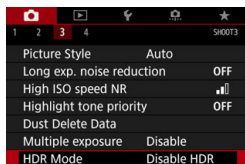
- ▶ Nhấn hoàn toàn nút chụp và quá trình phơi sáng bulb sẽ bắt đầu và tiếp tục cho đến khi hết thời gian thiết lập.
- Trong khi chụp hẹn giờ bulb, biểu tượng <TIMER> sẽ nhấp nháy.
- Để hủy thiết lập hẹn giờ, đặt [Disable (Tắt)] ở bước 2.

- ❗ Trong quá trình thao tác với hẹn giờ bulb, nếu nhấn hoàn toàn nút chụp rồi nhả ra, phơi sáng bulb sẽ dừng.
- Nếu tiếp tục nhấn hoàn toàn nút chụp sau khi phơi sáng bắt đầu, phơi sáng bulb sẽ tiếp tục ngay cả khi hết thời gian phơi sáng đã đặt. (Phơi sáng bulb sẽ không tự động dừng khi hết thời gian phơi sáng đã đặt.)
- Nếu đặt kiểu chụp thành <☑> (Hẹn giờ: Liên tục), không thể thiết lập hẹn giờ bulb.
- Thực hiện bất kỳ thao tác nào sau đây sẽ hủy hẹn giờ bulb (chuyển thành [Disable (Tắt)]): Đặt công tắc nguồn thành <OFF>, thay pin, thay thẻ, chuyển sang quay phim hoặc thay đổi chế độ chụp thành chế độ khác với .

HDR: Chụp HDR (Dải tương phản động cao) ☆

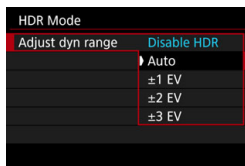
Bạn có thể chụp ảnh có các khu vực dư sáng và thiếu sáng được giảm để tạo các dải tương phản động cao ngay cả với các cảnh có độ tương phản cao. Chụp HDR khá hiệu quả đối với ảnh phong cảnh và tĩnh vật. **Với chụp HDR, máy sẽ chụp liên tiếp ba ảnh có độ phơi sáng khác nhau (phơi sáng chuẩn, thiếu sáng và dư sáng) cho mỗi lần bấm rồi tự động ghép lại với nhau. Ảnh HDR được ghi lại dưới dạng ảnh JPEG.**

HDR là viết tắt của High Dynamic Range (Dải tương phản động cao).



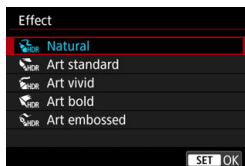
1 Chọn [HDR Mode (Chế độ HDR)].

- Trong tab [3], chọn [HDR Mode (Chế độ HDR)], rồi nhấn <SET>.



2 Thiết lập [Adjust dyn range (Điều chỉnh dải tương phản động)].

- Chọn thiết lập dải tương phản động mong muốn rồi nhấn <SET>.
- Chọn [Auto (Tự động)] sẽ thiết lập tự động dải tương phản động tùy thuộc vào phạm vi tông màu tổng thể của ảnh.
- Số càng cao thì dải tương phản động sẽ càng rộng.
- Để thoát chế độ chụp HDR, chọn [Disable HDR (Tắt HDR)].



3 Đặt [Effect (Hiệu ứng)].

- Chọn hiệu ứng mong muốn, rồi nhấn <SET>.

Hiệu ứng

📷_{HDR} : Tự nhiên

Giúp hình ảnh giữ được phạm vi tông màu rộng ở khu vực dễ gây mất chi tiết tại vùng dư sáng và vùng thiếu sáng. Khu vực dư sáng và thiếu sáng sẽ được giảm thiểu.

📷_{HDR} : Tiêu chuẩn nghệ thuật

Do khu vực dư sáng và thiếu sáng được giảm nhiều hơn so với **[Natural (Tự nhiên)]**, độ tương phản sẽ thấp hơn và hiệu ứng chuyển màu sẽ làm cho bức ảnh trông giống tranh vẽ. Đường nét của chủ thể sẽ có cạnh sáng (hoặc tối).

📷_{HDR} : Rực rỡ nghệ thuật

Bảo hòa màu cao hơn so với **[Art standard (Tiêu chuẩn nghệ thuật)]**, độ tương phản thấp và hiệu ứng chuyển màu giúp ảnh mang phong cách đồ họa nghệ thuật.

📷_{HDR} : In đậm nghệ thuật

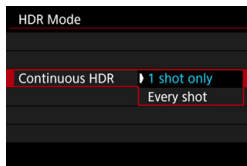
Màu sắc bảo hòa nhất, khiến cho chủ thể nổi bật lên và ảnh trông giống tranh sơn dầu.

📷_{HDR} : Chạm nổi nghệ thuật

Độ bảo hòa màu sắc, độ sáng, độ tương phản và độ chuyển màu được giảm xuống để khiến bức ảnh trông phẳng. Bức ảnh trông mờ và cũ. Đường nét của chủ thể sẽ có cạnh sáng (hoặc tối).

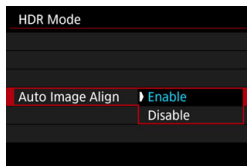
	Tiêu chuẩn nghệ thuật	Rực rỡ nghệ thuật	In đậm nghệ thuật	Chạm nổi nghệ thuật
Bảo hòa màu	Tiêu chuẩn	Cao	Cao hơn	Thấp
Nhấn mạnh đường viền	Tiêu chuẩn	Yếu	Mạnh	Mạnh hơn
Độ sáng	Tiêu chuẩn	Tiêu chuẩn	Tiêu chuẩn	Tối
Tông màu	Phẳng	Phẳng	Phẳng	Phẳng hơn

📷 Mỗi hiệu ứng sẽ được áp dụng dựa trên đặc tính của kiểu ảnh đã được thiết lập (tr.178).



4 Thiết lập [Continuous HDR (HDR liên tục)].

- Chọn [**1 shot only (Chỉ 1 ảnh)**] hoặc [**Every shot (Mọi ảnh)**], rồi nhấn < **SET** >.
- Với chế độ [**1 shot only (Chỉ 1 ảnh)**], chụp HDR sẽ tự động bị hủy sau khi quá trình chụp kết thúc.
- Với chế độ [**Every shot (Mọi ảnh)**], chụp HDR sẽ tiếp tục cho tới khi thiết lập ở bước 2 được đặt thành [**Disable HDR (Tắt HDR)**].



5 Thiết lập [Auto Image Align (Tự động căn chỉnh ảnh)].

- Để chụp cầm tay, chọn [**Enable (Bật)**]. Khi sử dụng chân máy, chọn [**Disable (Tắt)**], rồi nhấn < **SET** >.

6 Chụp ảnh.

- Có thể chụp HDR với chụp qua khung ngắm và chụp Live View.
- Khi bạn nhấn hoàn toàn nút chụp, ba ảnh liên tiếp được chụp và ảnh HDR sẽ được ghi vào thẻ nhớ.

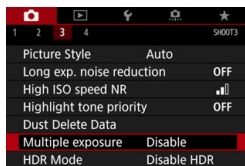
- Không thể chọn chất lượng ảnh RAW hoặc RAW+JPEG. Không thể thiết lập chế độ HDR nếu đặt RAW hoặc RAW+JPEG.
- Không thể chụp HDR với tốc độ ISO mở rộng (L, H1, H2). Có thể chụp HDR trong khoảng ISO 100 - ISO 40000 (thay đổi tùy theo thiết lập của **[Minimum (Tối thiểu)]** và **[Maximum (Tối đa)]** trong **[ISO speed range (Phạm vi tốc độ ISO)]**).
- Đèn flash sẽ không nháy sáng trong khi chụp HDR.
- Chụp HDR sẽ tự động đặt các chức năng sau thành **[Disable (Tắt)]**: **[Distortion correction (Hiệu chỉnh méo hình)]** trong **[📷1: Lens aberration correction (Hiệu chỉnh quang sai của ống kính)]**, **[📷2: Auto Lighting Optimizer (Tự động tối ưu hóa ánh sáng)]** và **[📷3: Highlight tone priority (Ưu tiên tông màu sáng)]**.
- Không thể sử dụng AEB.
- Nếu chụp một chủ thể đang di chuyển, chủ thể chuyển động đó có thể để lại bóng mờ trên ảnh.
- Trong chế độ chụp HDR, máy sẽ chụp 3 hình ảnh với tốc độ màn trập khác nhau được thiết lập tự động. Vì thế, ngay cả trong các chế độ chụp **<Tv>** và **<M>**, tốc độ màn trập sẽ thay đổi dựa trên tốc độ màn trập đã thiết lập.
- Để tránh rung máy, có thể đặt tốc độ ISO cao.
- Máy ảnh có thể được thiết lập để hiển thị **[📷]** trong khung ngắm và trên bảng điều khiển LCD khi bạn đặt chế độ HDR (tr.492).



- Khi chụp ảnh HDR với [**Auto Image Align (Tự động căn chỉnh ảnh)**] đặt thành [**Enable (Bật)**], Thông tin hiển thị điểm AF (tr.399) và Dữ liệu xóa bụi (tr.454) sẽ không được thêm vào ảnh.
- Nếu thực hiện chụp HDR cầm tay trong khi đặt [**Auto Image Align (Tự động căn chỉnh ảnh)**] thành [**Enable (Bật)**], phần rìa ảnh sẽ bị cắt một chút và độ phân giải sẽ hơi giảm xuống. Ngoài ra, nếu không thể căn chỉnh ảnh chính xác do máy ảnh rung, v.v..., chức năng tự động căn chỉnh ảnh có thể không hoạt động. Lưu ý khi chụp với thiết lập phơi sáng quá sáng hoặc quá tối, chức năng tự động căn chỉnh ảnh có thể không hoạt động chính xác.
- Nếu thực hiện chụp HDR cầm tay trong khi đặt [**Auto Image Align (Tự động căn chỉnh ảnh)**] thành [**Disable (Tắt)**], ba ảnh có thể không được căn chỉnh chính xác và làm giảm thiểu hiệu ứng HDR. Bạn nên sử dụng chân máy.
- Đối với các ảnh có họa tiết lặp đi lặp lại (lưới, vân, v.v...) hay ảnh phẳng đơn sắc, tính năng chỉnh lệch ảnh có thể không hoạt động chính xác.
- Độ chuyển màu của bầu trời hoặc tường trắng có thể không được tái hiện chính xác. Màu sắc bất thường, phơi sáng không đều hoặc nhiễu hạt có thể xuất hiện.
- Màu ảnh khu vực được chiếu sáng không tự nhiên khi chụp HDR dưới ánh đèn huỳnh quang hoặc đèn LED.
- Với chụp HDR, máy ảnh có thể mất một khoảng thời gian để kết hợp ảnh và lưu vào thẻ nhớ. Trong khi xử lý ảnh, thông báo “**buSY**” sẽ hiển thị trong khung ngắm và trên bảng điều khiển LCD và bạn không thể chụp ảnh cho đến khi quá trình xử lý hoàn tất.
- Nếu bạn đặt chế độ chụp HDR rồi chuyển sang chế độ quay phim, thiết lập chụp HDR có thể bị hủy (thiết lập [**Adjust dyn range (Điều chỉnh dải tương phản động)**] có thể sẽ chuyển thành [**Disable HDR (Tắt HDR)**]).

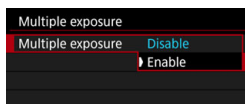
Ảnh ghép phơi sáng ☆

Bạn có thể chụp hai đến chín ảnh để ghép vào một ảnh. Với chế độ chụp Live View (tr.291), bạn có thể trực tiếp xem cách phơi sáng được ghép khi chụp ảnh ghép phơi sáng.



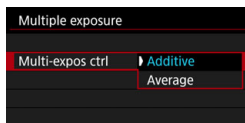
1 Chọn [Multiple exposure (Ảnh ghép phơi sáng)].

- Trong tab [3], chọn [Multiple exposure (Ảnh ghép phơi sáng)], rồi nhấn <SET>.



2 Đặt [Multiple exposure (Ảnh ghép phơi sáng)].

- Chọn [Enable (Bật)], rồi nhấn <SET>.
- Để thoát chế độ chụp ảnh ghép phơi sáng, chọn [Disable (Tắt)].



3 Đặt [Multi-expos ctrl (Điều khiển cách ghép ảnh)].

- Chọn phương pháp điều khiển ghép ảnh mong muốn, rồi nhấn <SET>.

● Additive (Thêm)

Độ phơi sáng của mỗi ảnh chụp được tích lũy dần. Dựa trên [No. of exposures (Số lượng ảnh)], thiết lập bù trừ phơi sáng âm. Thực hiện theo hướng dẫn cơ bản bên dưới để thiết lập lượng bù trừ phơi sáng.

Hướng dẫn thiết lập bù trừ phơi sáng theo số ảnh

Hai ảnh: -1 điểm dừng, ba ảnh: -1,5 điểm dừng, bốn ảnh: -2 điểm dừng

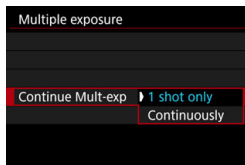
● Average (Trung bình)

Dựa trên [No. of exposures (Số lượng ảnh)], bù trừ phơi sáng âm được tự động thiết lập khi bạn chụp ảnh ghép phơi sáng. Nếu bạn chụp nhiều ảnh ghép phơi sáng của cùng một cảnh, độ phơi sáng hậu cảnh của chủ thể sẽ tự động được điều chỉnh để đạt phơi sáng chuẩn.



4 Đặt [No. of exposures (Số lượng ảnh)].

- Chọn số lượng ảnh, rồi nhấn <SET>.
- Có thể thiết lập từ 2 đến 9 ảnh.



5 Đặt [Continue Mult-exp (Chụp ảnh ghép phơi sáng liên tục)].

- Chọn [1 shot only (Chỉ 1 ảnh)] hoặc [Continuously (Liên tục)], rồi nhấn <SET>.
- Với chế độ [1 shot only (Chỉ 1 ảnh)], chụp ảnh ghép phơi sáng sẽ tự động bị hủy sau khi quá trình chụp kết thúc.
- Với chế độ [Continuously (Liên tục)], chụp ảnh ghép phơi sáng sẽ tiếp tục đến khi thiết lập ở bước 2 được đặt thành [Disable (Tắt)].



Số lượng ảnh còn lại

6 Chụp ảnh đầu tiên.

- ▶ Ảnh chụp sẽ hiển thị.
- ▶ Biểu tượng <[Battery Icon]> sẽ nhấp nháy.
- Bạn có thể kiểm tra số ảnh còn lại ở dấu ngoặc vuông [] hiển thị trong khung ngắm hoặc trên màn hình.
- Nhấn nút <[Play Icon]> để xem ảnh đã chụp (tr.265).

7 Chụp các ảnh tiếp theo.

- ▶ Màn hình sẽ hiển thị ảnh kết hợp các ảnh ghép phơi sáng đã chụp.
- Khi thực hiện chụp Live View, các ảnh đã ghép phơi sáng sẽ hiển thị. Nhấn nút <INFO> để chỉ hiển thị ảnh Live View.
- Quá trình chụp ảnh ghép phơi sáng sẽ dừng lại khi máy chụp hết số ảnh đã thiết lập. Với chế độ chụp liên tục, nếu bạn nhấn giữ nút chụp, máy sẽ ngừng chụp sau khi chụp hết số ảnh đã thiết lập.



- Trong quá trình chụp, bạn có thể nhấn nút < > để kiểm tra các ảnh ghép phơi sáng đã tạo hoặc xóa ảnh đơn cuối cùng (tr.265).
- Thông tin chụp cho ảnh cuối cùng sẽ được ghi lại và thêm vào ảnh ghép phơi sáng.



- Chỉ có ảnh ghép phơi sáng được lưu lại. Ảnh ghép phơi sáng đã chụp ở bước 6 và 7 sẽ không được lưu.
- Trong quá trình chụp liên tục, tốc độ chụp liên tục sẽ giảm đáng kể.
- Chất lượng ghi ảnh, tốc độ ISO, Kiểu ảnh, giảm nhiễu hạt ở tốc độ ISO cao, không gian màu, v.v... được đặt cho ảnh ghép phơi sáng đầu tiên cũng sẽ áp dụng cho các ảnh tiếp theo.
- Bạn không thể đặt tỷ lệ khung ảnh khi chụp ảnh ghép phơi sáng. Ảnh sẽ được chụp với tỷ lệ khung ảnh 3:2.

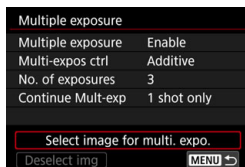


- Trong quá trình chụp ảnh ghép phơi sáng, các thiết lập của tất cả các mục [**1: Lens aberration correction (Hiệu chỉnh quang sai của ống kính)**], [**2: Auto Lighting Optimizer (Tự động tối ưu hóa ánh sáng)**] và [**3: Highlight tone priority (Ưu tiên tông màu sáng)**] sẽ tự động chuyển thành [**Disable (Tắt)**].
- Nếu [**3: Picture Style (Kiểu ảnh)**] được đặt thành [**Auto (Tự động)**], [**Standard (Tiêu chuẩn)**] sẽ được áp dụng để chụp ảnh.
- Khi đặt [**Additive (Thêm)**], nhiễu hạt, màu sắc không đồng đều, dải, v.v... trên ảnh hiển thị trong khi chụp có thể trông khác với ảnh ghép phơi sáng cuối cùng được ghi.
- Đối với ảnh ghép phơi sáng, ảnh càng nhiều, nhiễu hạt, nhiễu sắc độ và dải sẽ càng hiện rõ.
- Nếu đặt [**Additive (Thêm)**], máy sẽ cần thời gian để xử lý ảnh ghép phơi sáng sau khi chụp. (Đèn truy cập sẽ sáng lâu hơn.)
- Nếu bạn thực hiện chụp Live View trong khi đặt [**Additive (Thêm)**], chức năng Live View sẽ tự động dừng sau khi quá trình chụp ảnh ghép phơi sáng kết thúc.
- Nếu số ảnh ghép phơi sáng ít hơn số ảnh chụp liên tục đã đặt với <C> (Hẹn giờ: Liên tục), máy sẽ dừng chụp ảnh ghép phơi sáng sau khi chụp hết số ảnh đã đặt với [**No. of exposures (Số lượng ảnh)**].
- Ở bước 7, độ sáng và nhiễu hạt của ảnh ghép phơi sáng hiển thị trong quá trình chụp Live View sẽ khác với ảnh ghép phơi sáng cuối cùng được ghi.
- Thực hiện một trong các thao tác sau sẽ hủy chế độ chụp ảnh ghép phơi sáng: Đặt công tắc nguồn thành <OFF>, thay pin, thay thẻ nhớ hoặc chuyển sang quay phim.
- Trong khi chụp ảnh ghép phơi sáng, không thể chọn [**Clean now (Làm sạch ngay)**]  or [**Clean manually (Làm sạch bằng tay)**] under [**4: Sensor cleaning (Làm sạch cảm biến)**].
- Trong khi chụp, nếu bạn chuyển sang chế độ vùng cơ bản hoặc chế độ <C1> hoặc <C2>, máy sẽ dừng chụp ảnh ghép phơi sáng.
- Nếu kết nối máy ảnh với máy tính, bạn sẽ không thể chụp ảnh ghép phơi sáng. Nếu kết nối máy ảnh với máy tính trong khi chụp, chế độ chụp ảnh ghép phơi sáng sẽ dừng lại.

Ghép ảnh với ảnh đã ghi trên thẻ

Bạn có thể chọn một ảnh **RAW** được ghi trên thẻ làm ảnh đơn phơi sáng đầu tiên. Dữ liệu ảnh của ảnh **RAW** đã chọn sẽ không đổi.

Chỉ có thể chọn RAW ảnh. Không thể chọn ảnh **M RAW/S RAW** hoặc ảnh JPEG.



1 Chọn [Select image for multi. expo. (Chọn ảnh để ghép phơi sáng)].

▶ Ảnh trên thẻ sẽ được hiển thị.

2 Chọn ảnh đầu tiên.

- Xoay nút xoay <⦿> để chọn ảnh được sử dụng làm ảnh đơn phơi sáng đầu tiên, rồi nhấn <Ⓢ>.
- Chọn [OK].
- ▶ Số thứ tự tập tin ảnh được chọn sẽ hiển thị ở cuối màn hình.

3 Chụp ảnh.

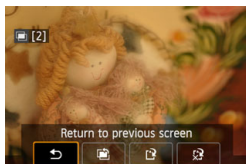
- Khi chọn ảnh đầu tiên, số lượng ảnh còn lại khi được đặt với [No. of exposures (Số lượng ảnh)] sẽ giảm đi 1 ảnh. Ví dụ, nếu [No. of exposures (Số lượng ảnh)] là 3, bạn chỉ có thể chụp được 2 ảnh.

- ❗ Không thể chọn những ảnh sau làm ảnh ghép phơi sáng đầu tiên: Ảnh chụp với [📷3: Highlight tone priority (Ưu tiên tông màu sáng)] được đặt thành [Enable (Bật)] hoặc ảnh với [📷4: Aspect ratio (Tỷ lệ khung ảnh)] được đặt khác với [3:2] (tr.170).
- [Disable (Tắt)] áp dụng cho [📷1: Lens aberration correction (Hiệu chỉnh quang sai của ống kính)] và [📷2: Auto Lighting Optimizer (Tự động tối ưu hóa ánh sáng)] không phụ thuộc vào thiết lập của ảnh **RAW** được chọn làm ảnh đơn phơi sáng đầu tiên.
- Tốc độ ISO, kiểu ảnh, giảm nhiễu hạt ở tốc độ ISO cao, không gian màu, v.v... được thiết lập cho ảnh **RAW** đầu tiên cũng sẽ được áp dụng cho các ảnh tiếp theo.
- Nếu kiểu ảnh của ảnh **RAW** chọn làm ảnh **RAW** đầu tiên được đặt thành [Auto (Tự động)], chế độ [Standard (Tiêu chuẩn)] sẽ được áp dụng để chụp ảnh.
- Không thể chọn ảnh được chụp bằng máy ảnh khác.



- Cũng có thể chọn một ảnh ghép phơi sáng **RAW** làm ảnh đơn đầu tiên.
- Nếu chọn [**Deselect img (Bỏ chọn ảnh)**], thao tác chọn ảnh cho ảnh đầu tiên sẽ bị hủy.

Kiểm tra và xóa ảnh trong quá trình chụp



Trước khi chụp hết số ảnh đã thiết lập, bạn có thể nhấn nút <[▶]> để kiểm tra mức phơi sáng hiện tại, căn chỉnh chông ảnh và hiệu ứng tổng thể của ảnh đã ghép.

Nhấn nút <[🗑]> sẽ hiển thị các thao tác có thể thực hiện trong khi chụp ảnh ghép phơi sáng.

Operation (Thao tác)	Mô tả
↩ Return to previous screen (↩ Trở về màn hình trước đó)	Màn hình trước khi bạn nhấn nút <[🗑]> sẽ xuất hiện lại.
🗑 Undo last image (🗑 Xóa ảnh cuối cùng)	Xóa ảnh được chụp cuối cùng (chụp ảnh khác). Số lượng ảnh còn lại sẽ tăng thêm 1 ảnh.
📁 Save and exit (📁 Lưu và thoát)	Các ảnh đã chụp sẽ được lưu dưới dạng ảnh ghép phơi sáng và máy sẽ dừng chụp.
🗑 Exit without saving (🗑 Thoát không lưu)	Quá trình chụp ảnh ghép phơi sáng sẽ kết thúc mà không lưu ảnh.



Trong quá trình chụp ảnh ghép phơi sáng, chỉ có thể xem lại các ảnh được chụp ở chế độ này.

? Câu hỏi thường gặp

● Có giới hạn nào cho chất lượng ghi ảnh không?

Tất cả thiết lập chất lượng ghi ảnh JPEG đều có thể được chọn. Nếu đặt **M RAW** hoặc **S RAW**, ảnh đã ghép sẽ được lưu thành ảnh **RAW**.

Thiết lập chất lượng ảnh	Ảnh đã ghép phơi sáng
JPEG	JPEG
RAW	RAW
M RAW / S RAW	RAW
RAW + JPEG	RAW + JPEG
M RAW / S RAW + JPEG	RAW + JPEG

● Tôi có thể ghép các ảnh được ghi trên thẻ không?

Với chế độ [**Select image for multi. expo. (Chọn ảnh để ghép phơi sáng)**], bạn có thể chọn ảnh đơn phơi sáng đầu tiên từ các ảnh được ghi trên thẻ (tr.264). Lưu ý rằng bạn không thể ghép những ảnh đã được ghi trên thẻ.

● Có thể dùng Live View để chụp ảnh ghép phơi sáng không?

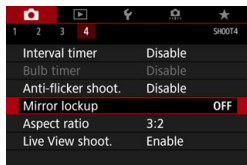
Bạn có thể chụp ảnh ghép phơi sáng với chế độ chụp Live View (tr.291).

● Chế độ tự động tắt nguồn có hiệu quả trong quá trình chụp ảnh ghép phơi sáng không?

Khi [**2: Auto power off (Tự động tắt nguồn)**] được đặt thành thiết lập khác với [**Disable (Tắt)**], máy ảnh sẽ tự động tắt nguồn sau khoảng 30 phút. Nếu tự động tắt nguồn có hiệu lực, chụp ảnh ghép phơi sáng sẽ kết thúc và thiết lập ảnh ghép phơi sáng sẽ bị hủy. Trước khi bắt đầu chế độ chụp ảnh ghép phơi sáng, chức năng tự động tắt nguồn sẽ hoạt động vào thời gian được thiết lập trên máy ảnh và thiết lập chụp ảnh ghép phơi sáng sẽ bị hủy.

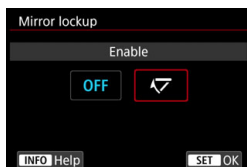
🔍 Khóa gương lật ☆

Máy ảnh rung do hoạt động của gương lật khi chụp ảnh được gọi là “rung gương”. Khóa gương lật giữ cho gương lật hướng lên trước và trong khi phơi sáng để giảm mờ ảnh do rung máy. Phù hợp với chụp cận cảnh (ảnh macro), sử dụng ống kính chụp siêu xa và chụp ảnh với tốc độ màn trập chậm, v.v...



1 Chọn [Mirror lockup (Khóa gương lật)].

- Trong tab [4], chọn [Mirror lockup (Khóa gương lật)], rồi nhấn <SET>.



2 Chọn [Enable (Bật)].

3 Lấy nét vào chủ thể, rồi nhấn hoàn toàn nút chụp.

- ▶ Gương sẽ nâng lên.

4 Nhấn lại hoàn toàn nút chụp.

- Ảnh được chụp và gương hạ xuống.



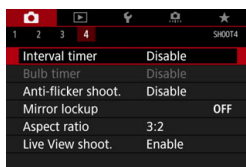
- Không hướng máy ảnh về phía nguồn sáng mạnh, ví dụ mặt trời hoặc nguồn sáng nhân tạo mạnh. Làm như vậy có thể gây hỏng cảm biến hình ảnh hoặc các bộ phận bên trong máy ảnh.
- Trong môi trường rất sáng như ở bãi biển hoặc dốc trượt tuyết vào ngày nắng, chụp ngay sau khi gương được khóa ổn định.
- Trong quá trình khóa gương lật, các thiết lập chức năng chụp và thao tác menu sẽ bị tắt.



- Khi đặt **[Enable (Bật)]**, chụp từng ảnh sẽ vẫn có hiệu lực ngay cả khi đã đặt kiểu chụp là chụp liên tục.
- Bạn cũng có thể hẹn giờ khóa gương lật.
- Sau khi được khóa khoảng 30 giây, gương lật sẽ tự động hạ xuống. Nhấn hoàn toàn nút chụp để khóa gương lật lần nữa.
- Khi chụp với khóa gương lật, nên sử dụng chân máy ảnh và Công tắc điều khiển từ xa RS-80N3 (bán riêng) hoặc Bộ điều khiển hẹn giờ từ xa TC-80N3 (bán riêng) (tr.278).
- Bạn cũng có thể sử dụng Bộ điều khiển từ xa RC-6 (bán riêng, tr.273) hoặc Điều khiển từ xa không dây BR-E1 (bán riêng, tr.275) cho khóa gương lật. Nên hẹn giờ bộ điều khiển từ xa thành 2 giây.

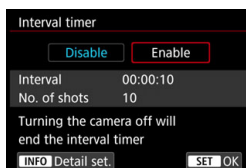
TIMER Chụp hẹn giờ ngắt quãng

Với chế độ hẹn giờ ngắt quãng, bạn có thể thiết lập quãng chụp và số lượng ảnh. Máy ảnh sẽ tự động lặp lại việc chụp một ảnh với quãng thời gian đã đặt cho đến khi chụp hết số lượng ảnh đã thiết lập.



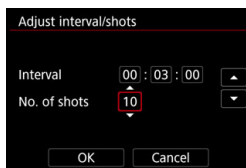
1 Chọn [Interval timer (Hẹn giờ ngắt quãng)].

- Trong tab [CAM4] (tab [CAM1] trong chế độ vùng cơ bản), chọn [Interval timer (Hẹn giờ ngắt quãng)], rồi nhấn <SET>.



2 Chọn [Enable (Bật)].

- Chọn [Enable (Bật)], rồi nhấn nút <INFO>.



3 Thiết lập quãng chụp và số lượng ảnh.

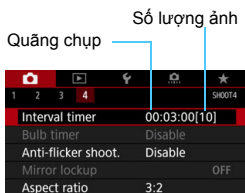
- Chọn mục để cài đặt (giờ: phút: giây / số lượng ảnh).
- Nhấn <SET> để hiển thị <⏱>.
- Chọn số mong muốn, rồi nhấn <SET>. (Trở lại <□>.)

● Quãng chụp

Có thể thiết lập trong phạm vi từ [00:00:01] đến [99:59:59].

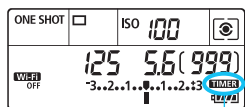
● Số lượng ảnh

Có thể thiết lập trong phạm vi từ [01] đến [99]. Nếu bạn đặt [00], máy ảnh sẽ chụp liên tục với số lượng ảnh không giới hạn cho đến khi bạn dừng chế độ hẹn giờ ngắt quãng.



4 Chọn [OK].

- ▶ Thiết lập cho hẹn giờ ngắt quãng sẽ hiển thị trên màn hình menu.
- ▶ Khi bạn thoát khỏi menu, biểu tượng < **TIMER** > sẽ hiển thị trên bảng điều khiển LCD.



5 Chụp ảnh.

- ▶ Máy ảnh sẽ chụp tám ảnh đầu tiên rồi tiếp tục chụp dựa trên thiết lập hẹn giờ ngắt quãng.
- Trong khi chụp hẹn giờ ngắt quãng, biểu tượng < **TIMER** > sẽ nhấp nháy.
- Sau khi chụp xong số lượng ảnh đã thiết lập, chế độ chụp hẹn giờ ngắt quãng sẽ dừng và tự động hủy.



- Bạn nên sử dụng chân máy.
- Nên chụp thử trước vài ảnh.
- Sau khi bắt đầu chụp hẹn giờ ngắt quãng, bạn vẫn có thể nhấn hoàn toàn nút chụp để chụp ảnh như bình thường. Tuy nhiên, ước chừng 5 giây trước lần chụp hẹn giờ ngắt quãng tiếp theo, thiết lập chức năng chụp, thao tác menu, xem ảnh và các thao tác khác sẽ bị ngừng và máy ảnh sẽ quay lại trạng thái sẵn sàng chụp.
- Nếu bạn chụp ảnh hoặc xử lý ảnh trong lần chụp tiếp theo được đặt bằng hẹn giờ ngắt quãng, lần chụp đó sẽ bị bỏ qua. Vì thế máy ảnh sẽ chụp được ít ảnh hơn số lượng ảnh đã thiết lập cho chế độ chụp hẹn giờ ngắt quãng.
- Ở chế độ hẹn giờ ngắt quãng, chức năng tự động tắt nguồn sẽ có hiệu lực sau khoảng 8 giây không thao tác mà không phụ thuộc vào thiết lập [**42: Auto power off (Tự động tắt nguồn)**]. Khoảng 1 phút trước khi chụp tám tiếp theo, nguồn sẽ tự động bật.
- Bạn có thể kết hợp chụp hẹn giờ ngắt quãng với AEB, cân bằng trắng hỗn hợp, ảnh ghép phơi sáng và chế độ HDR.
- Bạn có thể chọn [**Disable (Tắt)**] hoặc chuyển công tắc nguồn về <2> để dừng chụp hẹn giờ ngắt quãng đang thực hiện.

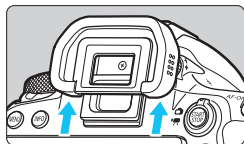


- Không hướng máy ảnh về phía nguồn sáng mạnh, ví dụ mặt trời hoặc nguồn sáng nhân tạo mạnh. Làm như vậy có thể gây hỏng cảm biến hình ảnh hoặc các bộ phận bên trong máy ảnh.
- Nếu như công tắc chế độ lấy nét của ống kính đặt thành **<AF>**, máy ảnh sẽ không chụp khi chưa lấy được nét. Nên đặt công tắc thành **<MF>** và lấy nét tay trước khi chụp.
- Không thể thực hiện chụp hẹn giờ ngắt quãng với chế độ chụp Live View, quay phim hoặc phơi sáng bulb.
- Nếu quay trong thời gian dài, bạn nên sử dụng phụ kiện kết nối ổ điện gia đình (bán riêng, tr.524).
- Nếu thiết lập tốc độ màn trập lâu hơn quãng chụp, chẳng hạn như chụp phơi sáng lâu, máy ảnh không thể chụp với quãng chụp đã đặt. Vì thế máy ảnh sẽ chụp được ít ảnh hơn số lượng ảnh đã thiết lập cho chế độ chụp hẹn giờ ngắt quãng. Ngoài ra, khi tốc độ màn trập và quãng chụp gần như bằng nhau, số lượng ảnh có thể giảm đi.
- Nếu thời gian để ghi vào thẻ lớn hơn thời gian ngắt quãng giữa các ảnh do chức năng chụp hoặc hiệu suất của thẻ, một vài ảnh có thể không được chụp theo quãng chụp đã thiết lập.
- Nếu bạn sử dụng đèn flash với chế độ chụp hẹn giờ ngắt quãng, hãy đặt quãng chụp lâu hơn thời gian sạc của đèn flash. Đèn flash có thể không đánh sáng khi quãng chụp quá ngắn.
- Nếu quãng chụp quá ngắn, máy ảnh có thể không chụp ảnh hoặc có thể chụp ảnh mà không lấy nét tự động.
- Chế độ chụp hẹn giờ ngắt quãng sẽ bị hủy và đặt lại thành **[Disable (Tắt)]** nếu bạn thực hiện bất kỳ thao tác nào sau đây: Đặt công tắc nguồn thành **<OFF>**, hiển thị màn hình chụp Live View hoặc màn hình quay phim, đặt chế độ chụp thành ****, **<CL>** hoặc **<Q2>** hay sử dụng EOS Utility (phần mềm EOS, tr.610).
- Sau khi bắt đầu chụp hẹn giờ ngắt quãng, bạn không thể sử dụng chế độ chụp điều khiển từ xa (tr.273) hoặc nhả chụp từ xa với đèn Speedlite gắn ngoài dành riêng cho máy EOS.
- Nếu rời mắt khỏi thị kính của khung ngắm trong khi chụp hẹn giờ ngắt quãng, đóng nắp thị kính lại (tr.272). Ánh sáng lọt vào khung ngắm khi chụp có thể làm sai giá trị phơi sáng.

Sử dụng nắp thị kính

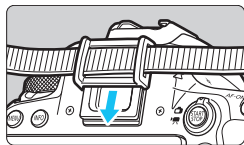
Khi chụp ảnh không nhìn qua khung ngắm, chẳng hạn như khi chụp hẹn giờ, phơi sáng bulb hoặc chụp với công tắc điều khiển từ xa, ánh sáng khuếch tán đi vào khung ngắm có thể làm cho ảnh bị tối (thiếu sáng). Để tránh hiện tượng này xảy ra, nên sử dụng nắp thị kính (tr.38) được gắn vào dây đeo máy ảnh.

Lưu ý rằng không cần lắp nắp thị kính khi chụp Live View hoặc quay phim.



1 Tháo vành đỡ mắt.

- Đẩy phần đáy vành đỡ mắt để tháo ra.



2 Lắp nắp thị kính.

- Trượt nắp thị kính xuống vào rãnh thị kính để lắp nắp.
- Sau khi chụp ảnh, tháo nắp thị kính và gắn vành đỡ mắt vào.

Chụp điều khiển từ xa

Có thể sử dụng Bộ điều khiển từ xa RC-6 (có chức năng điều khiển hồng ngoại, bán riêng) hoặc Điều khiển từ xa không dây BR-E1 (có chức năng Bluetooth, bán riêng) để chụp điều khiển từ xa.

Bộ điều khiển từ xa RC-6 (Bán riêng)

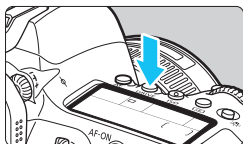


Có thể chụp từ xa ở vị trí cách máy ảnh tối đa khoảng 5 m/16,4 ft. Có thể chụp ngay hoặc chụp sau 2 giây.

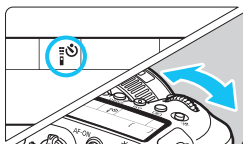
1 Lấy nét chủ thể.

2 Đặt công tắc chế độ lấy nét của ống kính thành <MF>.

- Bạn cũng có thể chụp với <AF>.

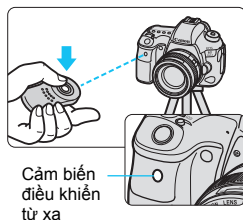


3 Nhấn nút <DRIVE> (⏏).



4 Chọn chụp hẹn giờ/điều khiển từ xa.

- Nhìn vào bảng điều khiển LCD hoặc khung ngắm và xoay nút xoay <⏏> để chọn <⏏> hoặc <⏏2>.



5 Nhấn nút truyền của bộ điều khiển từ xa.

- Hướng điều khiển từ xa về phía cảm biến điều khiển từ xa của máy ảnh, rồi nhấn nút truyền.
- ▶ Đèn chụp hẹn giờ/điều khiển từ xa phát sáng và ảnh được chụp.

- ❗ Nếu chọn <📶> ở bước 4, bạn không thể thực hiện chụp điều khiển từ xa.
- Trong [**🔧 1: Wireless communication settings (Thiết lập giao tiếp không dây)**], nếu đặt [**Bluetooth function (Chức năng Bluetooth)**] thành [**Smartphone**] hoặc [**Remote (Từ xa)**], bạn không thể sử dụng bộ điều khiển từ xa hồng ngoại như RC-6 để chụp điều khiển từ xa.
- Đèn huỳnh quang hoặc đèn LED có thể gây ra trục trặc cho máy ảnh do vô tình kích hoạt màn trập. Cố gắng giữ máy ảnh xa những nguồn sáng này.
- Nếu bạn hướng bộ điều khiển từ xa của TV vào máy ảnh và thao tác, có thể khiến thao tác máy ảnh bị lỗi khi vô tình kích hoạt màn trập.
- Nếu có nguồn sáng đèn flash từ một máy ảnh khác gần đó phát sáng, thao tác máy ảnh có thể bị lỗi do màn trập vô tình bị kích hoạt. Không hướng cảm biến điều khiển từ xa vào nguồn sáng flash từ máy ảnh khác.

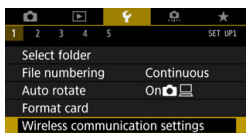
- 📄 Bạn cũng có thể sử dụng Bộ điều khiển từ xa RC-1 và RC-5 (bộ điều khiển từ xa hồng ngoại).
- Cũng có thể chụp điều khiển từ xa với các thiết bị như đèn Speedlite seri EX có trang bị chức năng nhả màn trập từ xa (bán riêng).
- Nếu bật chế độ chụp điều khiển từ xa, thời gian tự động tắt nguồn sẽ là khoảng 2 phút ngay cả khi [**🔧 2: Auto power off (Tự động tắt nguồn)**] được đặt thành [**1 min. (1 phút)**].
- Điều khiển từ xa cũng có thể sử dụng khi quay phim (tr.384).

Điều khiển từ xa không dây BR-E1 (Bán riêng)

Điều khiển từ xa không dây BR-E1 (bán riêng) tương thích với công nghệ năng lượng thấp Bluetooth®, cho phép chụp điều khiển từ xa ở vị trí cách máy ảnh tối đa 5 m/16,4 ft.

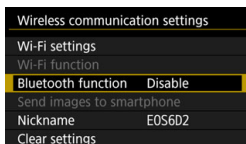
Để sử dụng BR-E1, bạn cần ghép đôi máy ảnh với bộ điều khiển từ xa trước để các thiết bị có thể nhận diện được nhau.

Kết nối

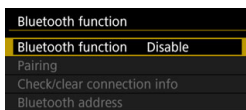


1 Chọn [Wireless communication settings (Thiết lập giao tiếp không dây)].

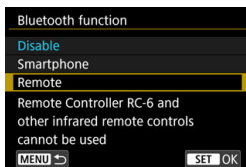
- Trong tab [1], chọn [Wireless communication settings (Thiết lập giao tiếp không dây)], rồi nhấn <SET>.



2 Chọn [Bluetooth function (Chức năng Bluetooth)].

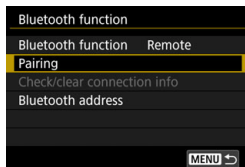


3 Chọn [Bluetooth function (Chức năng Bluetooth)].



4 Chọn [Remote (Từ xa)].

- Nếu thông báo “Register a nickname to identify the camera. (Đăng ký tên để nhận dạng máy ảnh.)” xuất hiện, nhấn <SET> và đăng ký tên. Để tìm hiểu quy trình đăng ký tên, tham khảo trang 13 của “Hướng dẫn sử dụng chức năng Wi-Fi (Giao tiếp không dây)”.



5 Chọn [Pairing (Ghép đôi)].

- Chọn [**Pairing (Ghép đôi)**], rồi nhấn <SET>.
- Nhấn và giữ đồng thời nút <W> và <T> trên BR-E1 trong 3 giây hoặc hơn.
- ▶ Bắt đầu ghép đôi.
- Để tìm hiểu về hướng dẫn sau khi hoàn tất ghép đôi, tham khảo Hướng dẫn sử dụng của BR-E1.
- ▶ Khi hoàn tất ghép đôi, bộ điều khiển từ xa sẽ được đăng ký trong máy ảnh và màn hình bên trái xuất hiện.

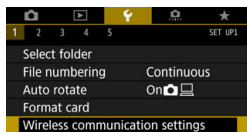


- !
- Ngay cả trong trường hợp máy ảnh tắt bằng chức năng tự động tắt nguồn, pin trong máy vẫn bị tiêu hao khi kết nối Bluetooth được thiết lập.
 - Nếu đã chọn [**Smartphone**] hoặc [**Remote (Từ xa)**] ở bước 4, không thể sử dụng thiết bị điều khiển từ xa hồng ngoại như Bộ điều khiển từ xa RC-6 (bán riêng).

- 📄
- Khi không sử dụng chức năng Bluetooth, bạn nên đặt thành [**Disable (Tắt)**] ở bước 4. Để sử dụng lại bộ điều khiển từ xa, chỉ cần chọn [**Remote (Từ xa)**] để tự động kết nối lại với máy ảnh.
 - If remote control shooting is enabled, it will take approx. 2 min. for auto power off to take effect even if [**2: Auto power off**] is set to [**1 min.**].
 - Bạn cũng có thể sử dụng bộ điều khiển từ xa để quay phim (tr.384).
 - Trong khi chụp, đèn chụp hẹn giờ/điều khiển từ xa của máy ảnh sẽ nhấp sáng nhanh.
 - Để tìm hiểu về chỉ thị kết nối Bluetooth, tham khảo phần “Hướng dẫn sử dụng chức năng Wi-Fi (Giao tiếp không dây)” (tr.4).

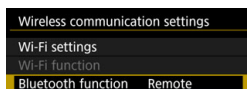
Hủy ghép đôi

Để ghép đôi máy ảnh với Điều khiển từ xa không dây BR-E1 (bán riêng) khác, xóa ghép đôi (đăng ký) với bộ điều khiển từ xa hiện tại. Bạn có thể kiểm tra trạng thái kết nối của máy ảnh và bộ điều khiển từ xa trên màn hình [**Check/clear connection info (Kiểm tra/xóa thông tin kết nối)**] ở bước 4.

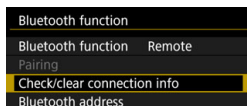


1 Chọn [**Wireless communication settings (Thiết lập giao tiếp không dây)**].

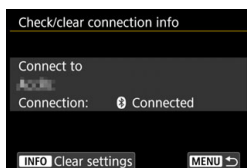
- Trong tab [1], chọn [**Wireless communication settings (Thiết lập giao tiếp không dây)**], rồi nhấn <SET>.



2 Chọn [**Bluetooth function (Chức năng Bluetooth)**].

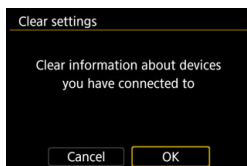


3 Chọn [**Check/clear connection info (Kiểm tra/xóa thông tin kết nối)**].



4 Kiểm tra hiển thị.

- Địa chỉ Bluetooth của BR-E1 được chỉ định bằng [**Connect to (Kết nối với)**].
- Nếu không sử dụng bộ điều khiển từ xa, [**Connecting... (Đang kết nối...)**] sẽ hiển thị cho [**Connection (Kết nối)**].



5 Nhấn nút <INFO>.

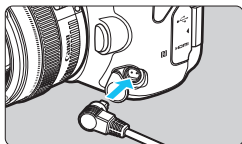
6 Xóa thông tin kết nối.

- Chọn [**OK**].
- ▶ Ghép đôi với bộ điều khiển từ xa (đăng ký của bộ điều khiển từ xa) sẽ bị xóa.

Sử dụng công tắc điều khiển từ xa

Bạn không thể kết nối bất kỳ phụ kiện EOS nào được trang bị cổng kết nối loại N3, chẳng hạn như Công tắc điều khiển từ xa RS-80N3 hoặc Bộ điều khiển hẹn giờ từ xa TC-80N3 (cả hai đều bán riêng) để chụp ảnh với máy ảnh (tr.519).

Để sử dụng phụ kiện, hãy tham khảo Hướng dẫn sử dụng.



1 Mở nắp cổng kết nối.

2 Kết nối đầu cắm với cổng kết nối điều khiển từ xa.

- Kết nối đầu cắm như hình minh họa.
- Để ngắt kết nối đầu cắm, nắm lấy phần bằng bạc và kéo ra.

7

Chụp ảnh với đèn flash

Chương này mô tả cách chụp ảnh với đèn Speedlite gắn ngoài sê-ri EX (bán riêng) và cách thiết lập đèn Speedlite trên màn hình menu của máy ảnh.

⚡ Chụp ảnh với đèn flash

Đèn speedlite sê-ri EX dành riêng cho máy ảnh EOS

Với đèn Speedlite sê-ri EX (bán riêng), bạn có thể dễ dàng chụp kiểu ảnh có flash.

Để tìm hiểu quy trình thao tác, tham khảo Hướng dẫn sử dụng của đèn Speedlite sê-ri EX. Máy ảnh này là máy ảnh Kiểu A, có thể sử dụng tất cả các tính năng của đèn Speedlite sê-ri EX.

Để thiết lập chức năng flash và chức năng tùy chỉnh flash trên màn hình menu của máy ảnh, tham khảo các trang 283-289.



Đèn Speedlite có đế gắn



Đèn Macro

- **Bù trừ phơi sáng flash**

Bạn có thể sử dụng chức năng điều khiển nhanh (tr.61) hoặc **[Flash function settings (Thiết lập chức năng flash)]** trong **[📷 1: External Speedlite control (Điều khiển đèn Speedlite gắn ngoài)]** (tr.285) để điều chỉnh công suất flash (bù trừ phơi sáng flash). Bạn có thể thiết lập bù trừ phơi sáng flash tối đa ± 3 điểm dừng với mức tăng 1/3 điểm dừng.

- **Khóa phơi sáng flash**

Điều này cho phép bạn có được phơi sáng flash thích hợp cho một phần cụ thể của chủ thể. Hướng trung tâm của khung ngắm vào chủ thể, nhấn nút **<✳>** trên máy ảnh, rồi bố cục ảnh và chụp.



Nếu không đặt [**2: Auto Lighting Optimizer (Tự động tối ưu hóa ánh sáng)**] (tr.196) thành [**Disable (Tắt)**], ảnh trông vẫn sáng ngay cả khi đã giảm bù trừ phơi sáng cho ảnh tối hơn.



Khi lấy nét bằng chức năng lấy nét tự động gặp khó khăn, đèn Speedlite gắn ngoài dành riêng cho máy EOS sẽ tự động phát ra tia giúp lấy nét khi

Đèn Speedlite Canon không phải sê-ri EX

- Với đèn Speedlite sê-ri EZ/E/EG/ML/TL được thiết lập thành chế độ flash tự động A-TTL hoặc TTL, flash chỉ có thể đánh sáng với công suất tối đa.
Đặt chế độ chụp của máy ảnh thành phơi sáng chỉnh tay <**M**> hoặc tự động phơi sáng ưu tiên khẩu độ <**Av**> và điều chỉnh thiết lập khẩu độ trước khi chụp.
- Nếu đèn Speedlite có trang bị chế độ flash chỉnh tay, nên chụp ở chế độ flash chỉnh tay.

Thiết bị flash không phải của Canon

● Tốc độ đồng bộ

Máy ảnh có thể đồng bộ với thiết bị flash cỡ nhỏ không phải của Canon ở tốc độ 1/180 giây trở xuống. Với các thiết bị flash lớn dành cho phòng chụp, thời lượng phát flash dài hơn so với thiết bị flash cỡ nhỏ và khác nhau tùy thuộc vào model. Kiểm tra trước khi chụp để đảm bảo đồng bộ flash được thực hiện chính xác bằng cách chụp thử với tốc độ đồng bộ khoảng 1/60 giây đến 1/30 giây.

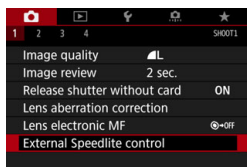
● Thận trọng trong khi chụp Live View

Nếu bạn sử dụng thiết bị flash không phải của Canon để chụp Live View, đặt [ **5: Silent LV shoot. (Chụp Live View ngắt tiếng)**] thành [**Disable (Tắt)**] (tr.305). Đèn flash sẽ không đánh sáng nếu được đặt thành [**Mode 1 (Chế độ 1)**] hoặc [**Mode 2 (Chế độ 2)**].

-  Nếu sử dụng máy ảnh với thiết bị flash hoặc phụ kiện flash dành riêng cho thương hiệu máy ảnh khác, máy có thể hoạt động không chính xác hoặc gặp trục trặc.
- Không lắp thiết bị flash điện áp cao vào ngàm gắn của máy ảnh. Đèn flash có thể không đánh sáng.

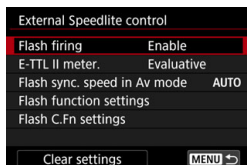
MENU Thiết lập chức năng flash ☆

Với đèn Speedlite sê-ri EX có thiết lập chức năng flash tương thích, bạn có thể sử dụng màn hình menu của máy ảnh để thiết lập các chức năng của đèn Speedlite và các chức năng tùy chỉnh. **Gắn đèn Speedlite vào máy ảnh và bật đèn Speedlite trước khi thiết lập chức năng flash.** Để biết chi tiết về chức năng của đèn Speedlite, tham khảo Hướng dẫn sử dụng đèn Speedlite.



1 Chọn [External Speedlite control (Điều khiển đèn Speedlite gắn ngoài)].

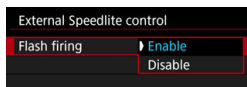
- Trong tab [1], chọn [External Speedlite control (Điều khiển đèn Speedlite gắn ngoài)], rồi nhấn <SET>.
- Màn hình điều khiển đèn Speedlite gắn ngoài sẽ xuất hiện.



2 Chọn mục mong muốn.

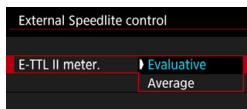
- Chọn tùy chọn menu sẽ đặt, rồi nhấn <SET>.

Đánh sáng flash



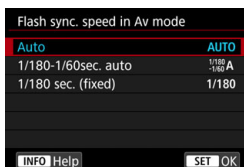
Để bật chụp ảnh với đèn flash, thiết lập [Enable (Bật)]. Để chỉ bật tia giúp lấy nét, thiết lập [Disable (Tắt)].

Đo sáng flash E-TTL II



Đối với phơi sáng thông thường, đặt thành [Evaluative (Toàn khung ảnh)]. Nếu [Average (Trung bình)] được thiết lập, phơi sáng sẽ được lấy trung bình cho toàn cảnh được đo sáng. Tùy thuộc vào cảnh, có thể cần bù trừ phơi sáng flash. Thiết lập này dành cho người dùng chuyên nghiệp.

Tốc độ đồng bộ flash trong chế độ Av



Bạn có thể thiết lập tốc độ đồng bộ flash để chụp ảnh với đèn flash ở chế độ tự động phơi sáng ưu tiên khẩu độ < **Av** >.

- **AUTO: Auto (Tự động)**

Tốc độ đồng bộ flash được đặt tự động trong phạm vi từ 1/180 giây đến 30 giây để phù hợp với độ sáng của cảnh. Đồng bộ tốc độ cao cũng có thể thực hiện.

- **1/180-1/60 A: 1/180-1/60sec. auto (1/200-1/60 giây tự động)**

Không cho phép thiết lập tốc độ màn trập chậm trong điều kiện ánh sáng yếu. Thiết lập này giúp tránh làm mờ chủ thể và rung máy. Tuy nhiên, mặc dù chủ thể được phơi sáng chuẩn bằng flash, hậu cảnh có thể tối hơn.

- **1/180: 1/180 sec. (fixed) (1/200 giây (cố định))**

Tốc độ đồng bộ flash cố định ở 1/180 giây. Thiết lập này giúp tránh chủ thể mờ và rung máy hiệu quả hơn so với [**1/180-1/60sec. auto (1/180-1/60 giây tự động)**]. Tuy nhiên, trong điều kiện ánh sáng yếu, hậu cảnh của chủ thể sẽ tối hơn so với [**1/180-1/60sec. auto (1/180-1/60 giây tự động)**].

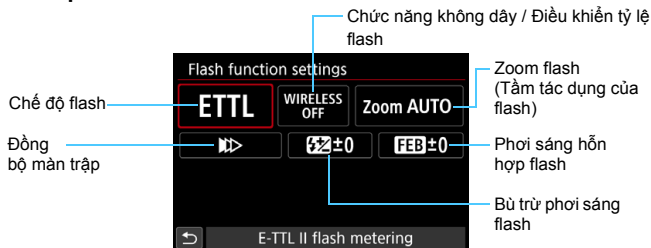
ⓘ Nếu đặt thành [**1/180-1/60sec. auto (1/180-1/60 giây tự động)**] hoặc [**1/180 sec. (fixed) (1/180 giây (cố định))**], đồng bộ tốc độ cao sẽ không thể thực hiện ở chế độ < **Av** >.

Thiết lập chức năng flash

Hiện thị màn hình và tùy chọn thiết lập sẽ khác nhau tùy vào model đèn Speedlite, chế độ flash hiện tại, thiết lập chức năng tùy chỉnh của đèn Speedlite, v.v...

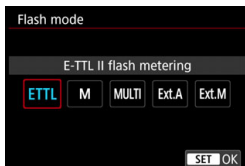
Để biết chi tiết về chức năng của đèn Speedlite, tham khảo Hướng dẫn sử dụng đèn Speedlite.

Hiện thị mẫu



● Chế độ flash

Bạn có thể chọn chế độ flash phù hợp với kiểu chụp flash mong muốn.



[E-TTL II flash metering (Đo sáng flash E-TTL II)] là chế độ tiêu chuẩn của đèn Speedlite sê-ri EX dành cho chụp ảnh với đèn flash tự động.

[Manual flash (Flash chỉnh tay)] dùng để tự thiết lập **[Flash output level (Mức công suất flash)]**.

Về các chế độ flash khác, tham khảo Hướng dẫn sử dụng của đèn Speedlite tương thích với chế độ flash tương ứng.

● Chức năng không dây / Điều khiển tỷ lệ flash



Có thể chụp flash không dây (đa điểm) với hệ thống truyền vô tuyến hoặc truyền quang.

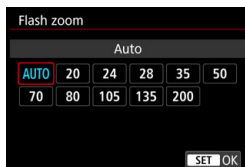
Để tìm hiểu chi tiết về flash không dây, tham khảo Hướng dẫn sử dụng của đèn Speedlite tương thích với chế độ chụp flash không dây.



Với đèn flash cỡ lớn (MR-14EX II, v.v...) tương thích với các thiết lập chức năng flash, bạn có thể đặt tỷ lệ giữa các đèn flash hoặc giữa các nhóm flash A và B, hoặc sử dụng đèn flash không dây với thiết bị thu khác.

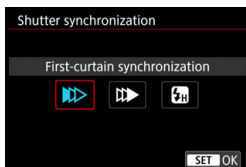
Để tìm hiểu chi tiết về điều khiển tỷ lệ flash, tham khảo Hướng dẫn sử dụng của đèn flash cỡ lớn.

● Zoom flash (Tầm tác dụng của flash)



Với đèn Speedlite có đầu flash zoom, bạn có thể đặt tầm tác dụng của flash. Thông thường, đặt thiết lập này thành **[AUTO]** để máy ảnh tự động thiết lập tầm tác dụng của flash phù hợp với tiêu cự ống kính.

● Đồng bộ màn trập

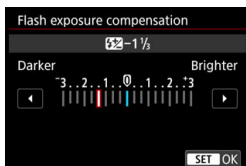


Thông thường, đặt thiết lập này thành **[First-curtain synchronization (Đồng bộ màn trập 1)]** để flash đánh sáng ngay sau khi phơi sáng bắt đầu.

Nếu đặt **[Second-curtain synchronization (Đồng bộ màn trập 2)]**, flash sẽ đánh sáng ngay trước khi màn trập đóng. Khi kết hợp với tốc độ màn trập chậm, bạn có thể tạo ra vết sáng giống như từ đèn pha ô tô vào ban đêm với cảm giác tự nhiên hơn. Khi thiết lập đồng thời đồng bộ màn trập 2 với **[E-TTL II flash metering (Đo sáng flash E-TTL II)]**, flash sẽ đánh sáng hai lần liên tiếp: một lần khi bạn nhấn hoàn toàn nút chụp và một lần ngay trước khi phơi sáng kết thúc.

Nếu đặt **[High-speed synchronization (Đồng bộ tốc độ cao)]**, flash có thể được sử dụng ở tất cả các tốc độ của màn trập. Tính năng này có hiệu quả khi bạn muốn chụp với hậu cảnh mờ (mở khẩu độ) trong tình huống ví dụ như ngoài trời vào ban ngày.

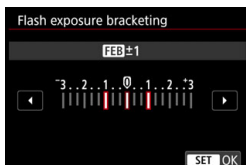
● Bù trừ phơi sáng flash



Bạn có thể thiết lập bù trừ phơi sáng flash tối đa ± 3 điểm dừng với mức tăng 1/3 điểm dừng.

Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo Hướng dẫn sử dụng của đèn Speedlite.

● Phơi sáng hỗn hợp flash



Ba ảnh sẽ được chụp với công suất flash thay đổi.

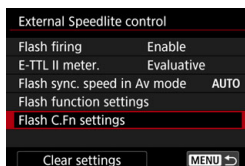
Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo Hướng dẫn sử dụng của đèn Speedlite có trang bị phơi sáng hỗn hợp flash.

! Khi sử dụng đồng bộ màn trập 2, đặt tốc độ màn trập từ 1/25 giây hoặc chậm hơn. Nếu tốc độ màn trập là 1/30 giây hoặc nhanh hơn, đồng bộ màn trập 1 sẽ được áp dụng tự động ngay cả khi đặt **[Second-curtain synchronization (Đồng bộ màn trập 2)]**.

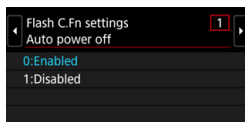
- Với đèn Speedlite sê-ri EX không tương thích với thiết lập chức năng flash, bạn chỉ có thể đặt các thiết lập sau: **[Flash firing (Đánh sáng flash)]**, **[E-TTL II meter. (Đo sáng E-TTL II)]** và **[Flash exposure compensation (Bù trừ phơi sáng flash)]** trong **[Flash function settings (Thiết lập chức năng flash)]**. (Chức năng **[Shutter synchronization (Đồng bộ màn trập)]** cũng có thể được thiết lập cho một số đèn Speedlite sê-ri EX.)
- Nếu thiết lập bù trừ phơi sáng flash với đèn Speedlite, không thể thiết lập bù trừ phơi sáng flash trên máy ảnh. Nếu bù trừ phơi sáng được thiết lập cho cả máy ảnh và đèn Speedlite, thiết lập của đèn Speedlite sẽ vô hiệu hóa thiết lập của máy ảnh.

Thiết lập chức năng tùy chỉnh flash

Để tìm hiểu chi tiết về chức năng tùy chỉnh của đèn Speedlite, tham khảo Hướng dẫn sử dụng đèn Speedlite (bán riêng).



1 Chọn **[Flash C.Fn setting (Thiết lập chức năng tùy chỉnh flash)]**.

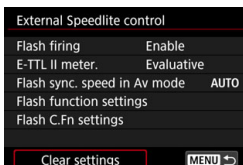


2 Thiết lập chức năng mong muốn.

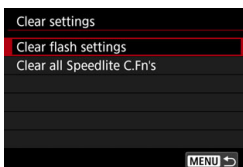
- Chọn số lượng, rồi nhấn **< (SET) >**.
- Chọn thiết lập, rồi nhấn **< (SET) >**.

! Với đèn Speedlite sê-ri EX, đèn Speedlite sẽ luôn đánh sáng ở công suất tối đa nếu đặt Chức năng tùy chỉnh **[Flash metering mode (Chế độ đo sáng flash)]** thành **[TTL]** (tự động flash).

Xóa thiết lập chức năng flash / Thiết lập chức năng tùy chỉnh flash



1 Chọn [Clear settings (Xóa thiết lập)].



2 Chọn thiết lập cần xóa.

- Chọn [Clear flash settings (Xóa thiết lập flash)] hoặc [Clear all Speedlite C.Fn's (Xóa tất cả chức năng tùy chỉnh Speedlite)], rồi nhấn <SET>.
- Trên hộp thoại xác nhận, chọn [OK]. Sau đó tất cả các thiết lập flash hay thiết lập chức năng tùy chỉnh sẽ bị xóa.

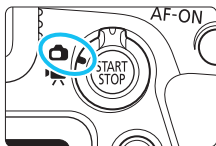


Không thể thiết lập hoặc hủy chức năng riêng của đèn Speedlite (P.Fn) trên màn hình [📷 1: External Speedlite control (Điều khiển đèn Speedlite gắn ngoài)] của máy ảnh. Thiết lập trực tiếp chức năng trên đèn Speedlite.

This image shows a single sheet of white paper with horizontal ruling lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page. There are no margins, text, or other markings on the paper.

8

Chụp với màn hình LCD (Chụp Live View)



Bạn có thể chụp khi đang xem ảnh trên màn hình LCD của máy ảnh. Chức năng này được gọi là “Chụp Live View”.

Bật chế độ chụp Live View bằng cách đặt công tắc chụp Live View/Quay phim thành <📷>.

- Nếu bạn cầm máy ảnh và chụp khi đang xem màn hình LCD, máy ảnh rung có thể làm mờ ảnh. Bạn nên sử dụng chân máy trong những trường hợp này.
- Để tìm hiểu hướng dẫn về cách cầm máy ảnh, tham khảo trang 101.



Chụp Live View từ xa

Với EOS Utility (phần mềm, tr.610) cài đặt trên máy tính, bạn có thể kết nối máy ảnh với máy tính và chụp từ xa khi đang xem trên màn hình máy tính. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo Hướng dẫn sử dụng EOS Utility (tr.612).

Chụp với màn hình LCD



1 Đặt công tắc chụp Live View/quay phim thành < >.

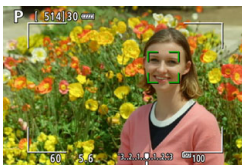


2 Hiện thị ảnh Live View.

- Nhấn nút < >.
- ▶ Ảnh Live View sẽ xuất hiện trên màn hình LCD.
- Ảnh Live View sẽ hiển thị ở độ sáng gần khớp với độ sáng của ảnh chụp thực tế.

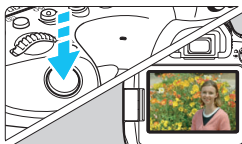
3 Chọn chế độ chụp.

- Xoay nút xoay chế độ để chọn chế độ chụp.



4 Lấy nét chủ thể.

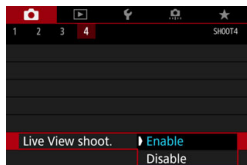
- Khi nhấn nửa chừng nút chụp, máy ảnh sẽ lấy nét theo phương pháp AF đang được thiết lập (tr.310).
- Bạn có thể chạm vào màn hình để chọn khuôn mặt hoặc chủ thể (tr.321).



5 Chụp ảnh.

- Nhấn hoàn toàn nút chụp.
- ▶ Ảnh sẽ được chụp và hiển thị trên màn hình LCD.
- ▶ Sau khi hiển thị xem lại kết thúc, máy ảnh sẽ tự động trở về chế độ chụp Live View.
- Nhấn nút < > để thoát khỏi chế độ chụp Live View.

Bật chế độ chụp Live View



Đặt [**4**: Live View shoot. (Chụp Live View)] (dưới tab [**1**] trong chế độ vùng cơ bản) thành [**Enable (Bật)**].

Số ảnh có thể chụp ở chế độ chụp Live View

(Số lượng ảnh ước chừng)

Nhiệt độ	Nhiệt độ phòng (23°C / 73°F)	Nhiệt độ thấp (0°C / 32°F)
Số ảnh có thể chụp	380	340

- Số liệu trên dựa trên điều kiện Pin LP-E6N được sạc đầy và tiêu chuẩn thử nghiệm CIPA (Camera & Imaging Products Association).
- Với Bảng pin BG-E21 (bán riêng) có lắp hai Pin LP-E6N, số ảnh ước chừng có thể chụp sẽ gấp đôi.
- Với Pin LP-E6N được sạc đầy, thời gian chụp Live View liên tục sẽ như sau: Ở nhiệt độ phòng (23°C/73°F): Khoảng 3 giờ 10 phút, ở nhiệt độ thấp (0°C/32°F): Khoảng 2 giờ 50 phút.

Hiện thị chụp liên tục

Khi chụp liên tục tốc độ cao <[**H**] hoặc chụp liên tục tốc độ thấp <[**L**] trong quá trình chụp Live View và đặt chất lượng ghi ảnh thành JPEG hoặc **RAW** (ngoại trừ **M RAW** và **S RAW**), nhấn giữ nút chụp sẽ hiển thị (xem lại) ảnh chụp liên tiếp. Khi chụp liên tục kết thúc (nút chụp trở về vị trí nửa chừng), ảnh Live View sẽ hiển thị.

Tùy thuộc vào điều kiện chụp, ví dụ như khi chụp phơi sáng lâu, ảnh chụp có thể không hiển thị (xem lại) liên tiếp.



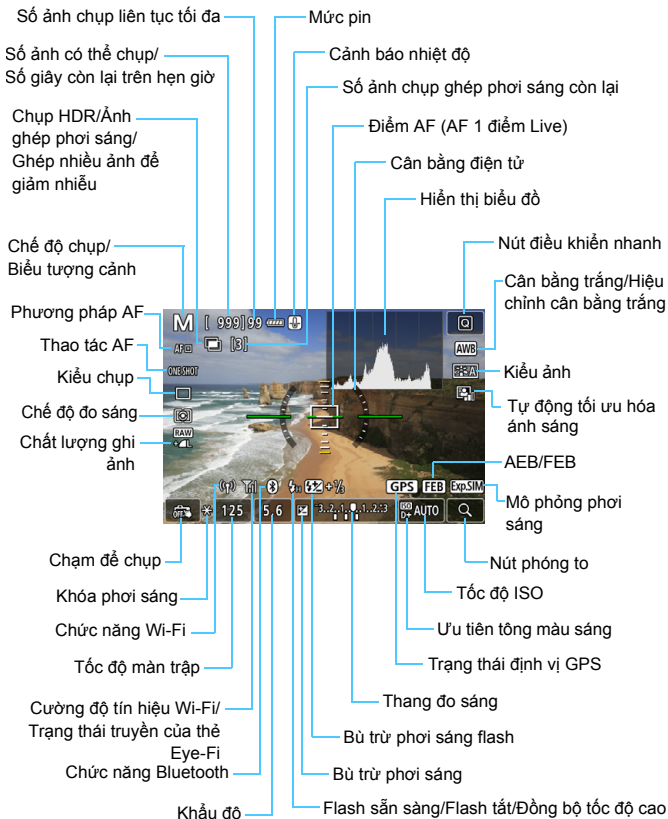
- Không hướng máy ảnh về phía nguồn sáng mạnh, ví dụ mặt trời hoặc nguồn sáng nhân tạo mạnh. Làm như vậy có thể gây hỏng cảm biến hình ảnh hoặc các bộ phận bên trong máy ảnh.
- Ở chế độ <SCN: >, không thể thực hiện chụp Live View.
- Ở chế độ <SCN: >, do đã áp dụng hiệu chỉnh méo hình, góc ngắm sẽ thay đổi đôi chút khi chụp Live View.
- Ở chế độ <SCN:  > hoặc khi thiết lập [ 3: **HDR Mode (Chế độ HDR)**], khu vực chụp sẽ trở nên nhỏ hơn.
- “Các lưu ý chung khi chụp Live View” nằm ở trang 325-326.



- Phạm vi trường nhìn của ảnh là khoảng 100% (với chất lượng ghi ảnh được đặt thành JPEG  và tỷ lệ khung ảnh được đặt thành 3:2).
- Bạn có thể thiết lập bù trừ phơi sáng tối đa ± 3 điểm dừng bằng cách gạt công tắc <LOCK> xuống và xoay nút xoay <> (ngoại trừ trong chế độ vùng cơ bản).
- Để kiểm tra độ sâu trường ảnh, nhấn nút xem trước độ sâu trường ảnh.
- Nếu chụp với chất lượng ghi ảnh được đặt thành **M RAW** hoặc **S RAW**, thông báo “BUSY” sẽ hiển thị và tạm thời không chụp được ảnh.
- Bạn cũng có thể lấy nét bằng cách nhấn nút <AF-ON>.
- Khi sử dụng flash, tiếng màn trập sẽ phát ra hai lần, nhưng chỉ có một ảnh được chụp. Ngoài ra, thời gian chuẩn bị để chụp ảnh sau khi nhấn hoàn toàn nút chụp sẽ hơi lâu hơn so với chụp bằng khung ngắm.
- Nếu máy ảnh không hoạt động trong thời gian dài, nguồn sẽ tự động tắt sau khi hết thời gian thiết lập trong [ 2: **Auto power off (Tự động tắt nguồn)**] (tr.73). Nếu đặt [ 2: **Auto power off (Tự động tắt nguồn)**] thành [**Disable (Tắt)**], chụp Live View sẽ tự động kết thúc sau khoảng 30 phút (nguồn máy ảnh vẫn bật).
- Sử dụng Cáp HDMI HTC-100 (bán riêng) để hiển thị ảnh Live View trên TV (tr.429). Lưu ý rằng không có âm thanh đầu ra. Nếu hình ảnh không xuất hiện trên màn hình TV, kiểm tra để đảm bảo [ 3: **Video system (Hệ thống video)**] được đặt chính xác thành [**For NTSC (Đối với NTSC)**] hoặc [**For PAL (Đối với PAL)**] (tùy thuộc vào hệ thống video của TV).
- Bạn cũng có thể sử dụng bộ điều khiển từ xa (bán riêng, tr.273) để chụp Live View.

Hiển thị thông tin

Mỗi lần nhấn nút <INFO>, hiển thị thông tin sẽ thay đổi.



- Màn hình chỉ hiển thị thiết lập được áp dụng hiện thời.

Cảnh báo

Không nên giữ máy ảnh ở một vị trí trong thời gian dài.

Ngay cả khi máy ảnh không tỏa nhiệt nhiều, tiếp xúc lâu với một bộ phận của máy có thể gây đỏ da, rộp da do bỏng tiếp xúc ở nhiệt độ thấp. Nên sử dụng chân máy khi chụp ảnh hoặc quay phim ở nơi có nhiệt độ cao hoặc khi bạn có vấn đề về tuần hoàn máu hay da kém nhạy cảm.



- Biểu đồ có thể hiển thị khi đặt [ **5: Expo. simulation (Mô phỏng phơi sáng)**] thành [**Enable (Bật)**] (tr.305).
- Bạn có thể nhấn nút <INFO> để hiển thị cân bằng điện tử (tr.82). Lưu ý rằng nếu phương pháp AF được đặt thành [ **+Tracking** ( **+Theo dõi**)] hoặc máy ảnh được kết nối với TV qua cáp HDMI, cân bằng điện tử không thể hiển thị.
- Biểu tượng < > hiển thị màu trắng cho biết ảnh Live View hiển thị ở độ sáng gần khớp với độ sáng của ảnh thực tế cần chụp.
- Biểu tượng < > nhấp nháy cho biết ảnh Live View có độ sáng khác với ảnh chụp thực tế do điều kiện ánh sáng yếu hoặc ánh sáng chói. Tuy nhiên, ảnh chụp thực tế sẽ phản ánh thiết lập phơi sáng. Lưu ý rằng ảnh chụp sẽ thấy rõ nhiều hạt hơn ảnh thực tế.
- Mô phỏng phơi sáng (tr.305) sẽ không hoạt động khi đặt chế độ <**SCN**:  >, chụp với phơi sáng bulb, chụp ảnh với đèn flash, ghép nhiều ảnh để giảm nhiễu hoặc chế độ HDR. Biểu tượng < > và biểu đồ sẽ hiển thị màu xám. Ảnh sẽ hiển thị trên màn hình LCD ở độ sáng tiêu chuẩn. Trong điều kiện ánh sáng yếu hoặc ánh sáng chói, biểu đồ có thể không hiển thị chính xác.

Biểu tượng cảnh

Trong chế độ chụp <A⁺>, máy ảnh tự động phát hiện kiểu cảnh và thiết lập các cài đặt phù hợp với cảnh. Kiểu cảnh được nhận dạng sẽ hiển thị ở góc trên bên trái màn hình.

Chủ thể		Chân dung ^{*1}		Không phải chân dung			Màu nền
Nền		Chuyển động	Cảnh thiên nhiên và ngoài trời	Chuyển động	Cận cảnh ^{*2}		
Nền sáng						Màu xám	
Ngược sáng							
Nền bao gồm bầu trời xanh						Màu xanh da trời nhạt	
Ngược sáng							
Hoàng hôn	*3				*3	Màu cam	
Đèn spotlight						Màu xanh da trời đậm	
Tối							
Sử dụng chân máy		*3		*3			

*1: Chỉ hiển thị khi phương pháp AF được đặt thành [L + Tracking (L + Theo dõi)]. Nếu thiết lập phương pháp AF khác, biểu tượng "Không phải chân dung" sẽ hiển thị ngay cả khi phát hiện được chủ thể người.

*2: Hiển thị khi ống kính được lắp có thông tin khoảng cách. Đối với ống nối hoặc ống kính cận cảnh, biểu tượng hiển thị có thể không khớp với cảnh thực.

Đối với một số cảnh hoặc điều kiện chụp nhất định, biểu tượng hiển thị có thể không khớp với cảnh thực.

*3: Biểu tượng của cảnh được chọn từ các cảnh có thể phát hiện sẽ hiển thị.

*4: Hiển thị khi phù hợp tất cả các điều kiện sau:

Cảnh chụp tối, cảnh ban đêm và máy ảnh được gắn lên chân máy.

*5: Hiển thị với tất cả các loại ống kính sau:

EF300mm f/2.8L IS II USM

EF400mm f/2.8L IS II USM

EF500mm f/4L IS II USM

EF600mm f/4L IS II USM

Ống kính có hệ thống ổn định hình ảnh được bán từ năm 2012.

*4+*5: Nếu phù hợp cả hai điều kiện *4 và *5, tốc độ màn trập sẽ trở nên chậm.

Mô phỏng hình ảnh cuối cùng

Mô phỏng hình ảnh cuối cùng là chức năng hiển thị ảnh Live View có áp dụng hiệu ứng của các thiết lập hiện tại về kiểu ảnh, cân bằng trắng và các chức năng chụp khác.

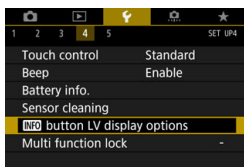
Ảnh Live View sẽ tự động phản ánh các thiết lập chức năng được liệt kê bên dưới. Tuy nhiên, ảnh hiển thị có thể hơi khác so với ảnh kết quả.

Mô phỏng hình ảnh cuối cùng trong khi chụp Live View

- Kiểu ảnh
 - * Độ sắc nét (Mạnh), độ tương phản, bão hòa màu và tông màu sẽ được phản ánh.
- Cân bằng trắng
- Hiệu chỉnh cân bằng trắng
- Chụp ảnh dựa trên môi trường (ở chế độ <[CA]>)
- Hạng cảnh mờ (trong chế độ <[CA]>)
 - * Bạn chỉ có thể kiểm tra hiệu ứng trong quá trình thiết lập (khi [Simulating blur (Giả lập làm mờ)] hiển thị).
- Tông màu (ở chế độ <[P]>)
- Độ sáng
- Chế độ đo sáng
- Phơi sáng (khi đặt [ 5: Expo. simulation: Enable (Mô phỏng phơi sáng: Bật)])
- Độ sâu trường ảnh (với nút xem trước độ sâu trường ảnh ở chế độ BẬT)
- Tự động tối ưu hóa ánh sáng
- Hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi
- Hiệu chỉnh sắc sai
- Hiệu chỉnh méo hình
- Ưu tiên tông màu sáng
- Tỷ lệ khung ảnh (Xác nhận khu vực ảnh)

Tùy chọn hiển thị khi nhấn nút INFO

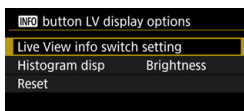
Bạn có thể thiết lập thông tin hiển thị trên ảnh khi nhấn nút <INFO> trong quá trình chụp Live View hoặc quay phim.



Chọn [INFO button LV display options (Tùy chọn hiển thị khi nhấn nút INFO trong quá trình Live View)].

- Trong tab [4], chọn [INFO button LV display options (Tùy chọn hiển thị nút INFO khi LV)], rồi nhấn <SET>.

- Live View info switch setting (Thiết lập chuyển thông tin Live View)**



1 Chọn [Live View info switch setting (Thiết lập chuyển thông tin Live View)].

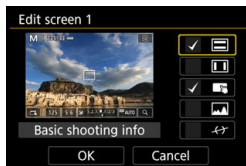
2 Chọn một số.



- Số từ 1 đến 4 biểu thị số lần nhấn nút <INFO> để hiển thị thông tin tương ứng, bắt đầu với màn hình không hiển thị thông tin.
- Chọn số cho thông tin hiển thị cần thay đổi, rồi nhấn nút <INFO>.
- Nhấn <SET> để bỏ dấu chọn [✓] cho số. Lưu ý rằng không thể bỏ dấu [✓] cho cả bốn tùy chọn hiển thị.

Thiết lập mặc định được trình bày dưới đây.

Thông tin / Số		1	2	3	4
	Thông tin chụp cơ bản	☐	☐	☐	—
	Thông tin chụp chi tiết	—	☐	☐	—
	Nút trên màn hình	☐	☐	☐	—
	Biểu đồ	—	—	☐	—
	Cân bằng điện tử	—	—	☐	—



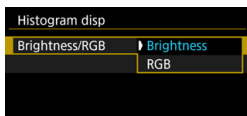
3 Chỉnh sửa tùy chọn.

- Chọn thông tin muốn hiển thị và nhấn **<SET>** để đánh dấu chọn **<✓>**.
- Đối với thông tin không muốn hiển thị, nhấn **<SET>** để xóa dấu chọn **<✓>**.
- Sau đó chọn **[OK]** để đăng ký thiết lập.
- Lặp lại bước 2 và 3 nếu cần.

• Hiển thị biểu đồ

• Brightness/RGB (Độ sáng/RGB)

Biểu đồ (tr.400) hiển thị khi nhấn nút **<INFO>** có thể là biểu đồ **[Brightness (Độ sáng)]** hoặc **[RGB]**.



Trong **[Histogram disp (Hiển thị biểu đồ)]**, chọn **[Brightness/RGB (Độ sáng/RGB)]** rồi chọn **[Brightness (Độ sáng)]** hoặc **[RGB]**.

• Display size (Kích cỡ hiển thị)

Bạn có thể thay đổi kích cỡ hiển thị của biểu đồ.



Trong **[Histogram disp (Hiển thị biểu đồ)]**, chọn **[Display size (Kích cỡ hiển thị)]** rồi chọn **[Large (Lớn)]** hoặc **[Small (Nhỏ)]**.

• Đặt lại

Ở bước 1, nếu chọn **[Reset (Đặt lại)]**, thiết lập **[4: INFO button LV display options (Tùy chọn hiển thị khi nhấn nút INFO trong quá trình Live View)]** sẽ bị xóa.

Thiết lập chức năng chụp

Thiết lập AF/DRIVE/ISO/

Khi hiển thị ảnh Live View, nếu nhấn nút <AF>, <DRIVE>, <ISO> hoặc <>, màn hình thiết lập sẽ xuất hiện trên màn hình LCD và bạn có thể xoay nút xoay <> hoặc <> để thiết lập chức năng chụp tương ứng.

- Sau khi nhấn nút <AF>, bạn có thể xoay nút xoay <> để đặt phương pháp AF (tr.310) hoặc nhấn các phím <◀> <▶> để thiết lập thao tác AF (tr.307).

 Khi chụp Live View, không thể đặt kiểu chụp <S> hoặc <S>. Ngoài ra, chế độ chụp liên tục được đặt để chụp qua khung ngắm sẽ không được áp dụng khi chụp Live View.

 Khi thiết lập <> (Đo sáng từng phần) hoặc <> (Đo sáng điểm), vòng đo sáng sẽ hiển thị ở giữa màn hình.

Q Điều khiển nhanh

Khi ảnh hiển thị trên màn hình LCD, bạn có thể nhấn nút <Q> và thiết lập các chức năng sau đây.

Trong chế độ vùng sáng tạo, có thể thiết lập các chức năng sau:

Phương pháp AF, Thao tác AF, Kiểu chụp, Chế độ đo sáng, Chất lượng ảnh, Cân bằng trắng, Kiểu ảnh và Tự động tối ưu hóa ánh sáng.
Trong chế độ vùng cơ bản, bạn có thể thiết lập các chức năng in đậm phía trên và các chức năng liệt kê trong bảng ở trang 129 (ngoại trừ chức năng làm mờ hậu cảnh).



1 Nhấn nút <Q> (10).

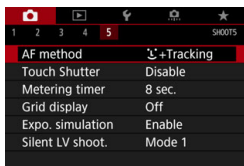
- ▶ Các chức năng có thể cài đặt sẽ hiển thị.

2 Chọn và thiết lập chức năng.

- Nhấn các phím <▲> <▼> để chọn chức năng.
- ▶ Các thiết lập của chức năng đã chọn và hướng dẫn tính năng sẽ xuất hiện trên màn hình.
- Xoay nút xoay <☀> hoặc <☾> để cài đặt.
- Nhấn nút <INFO> để thực hiện các thao tác sau: Thiết lập chất lượng ghi ảnh RAW, <☺> của kiểu chụp, thay đổi cân bằng trắng/cân bằng trắng hỗn hợp hoặc thiết lập thông số kiểu ảnh.
- Để thiết lập cân bằng trắng tự động, chọn [AWB] (hoặc [AWB w]), rồi nhấn <SET>.
- Nhấn lại nút <SET> hoặc <Q> để trở về chế độ chụp Live View.
- Bạn cũng có thể chọn [↶] để quay lại chụp Live View.

⚠ Khi đặt [AF operation (Thao tác AF)] thành [Servo AF (Lấy nét Servo)], bạn không thể chọn **M RAW** hoặc **S RAW** khi thiết lập chất lượng cho ảnh RAW bằng [Image quality (Chất lượng ảnh)].

MENU Thiết lập chức năng menu



Với chế độ chụp Live View, các tùy chọn menu ngoại trừ chụp Live View sẽ xuất hiện dưới tab [📷 5] (tab [📷 2] trong chế độ vùng cơ bản).

Các chức năng có thể cài đặt trên màn hình menu bên trái chỉ áp dụng cho chụp Live View. Không thể sử dụng các chức năng này khi chụp qua khung ngắm (thiết lập sẽ bị tắt).

- **Phương pháp AF**

Bạn có thể chọn [Tracking (Theo dõi)], [Smooth zone (Vùng mượt)] hoặc [Live 1-point AF (AF 1 điểm Live)]. Để tìm hiểu về phương pháp AF, tham khảo các trang 310-316.

- **Chạm để chụp**

Bạn có thể đặt Chạm để chụp thành [Disable (Tắt)] hoặc [Enable (Bật)]. Chỉ cần chạm vào màn hình LCD, bạn có thể lấy nét và chụp ảnh tự động. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo trang 321.

- **Hẹn giờ đo sáng[☆]**

Bạn có thể thay đổi thời gian hiển thị thiết lập phơi sáng (thời gian khóa phơi sáng).

- **Hiển thị khung lưới**

Khi đặt thành [3x3] hoặc [6x4], đường lưới sẽ hiển thị giúp cân bằng máy ảnh theo chiều dọc hoặc chiều ngang khi chụp. Ngoài ra, khi đặt thành [3x3+diag] hoặc [3x3+chéo], khung lưới sẽ hiển thị với các đường chéo giúp bạn tạo cân bằng tốt hơn cho bố cục ảnh bằng cách căn chỉnh các đường giao nhau lên chủ thể.

● Mô phỏng phơi sáng [☆]

Mô phỏng phơi sáng sẽ mô phỏng và hiển thị độ sáng (phơi sáng) của ảnh thực tế.

• Enable (Bật) (Exp.SIM)

Độ sáng của ảnh hiển thị sẽ gần giống độ sáng thực tế (phơi sáng) của ảnh kết quả. Nếu thiết lập bù trừ phơi sáng, độ sáng của ảnh sẽ thay đổi tương ứng.

• During (Trong khi)

Thông thường, ảnh sẽ hiển thị ở độ sáng chuẩn để làm cho ảnh Live View dễ nhìn (DISP). Ảnh hiển thị chỉ có độ sáng (phơi sáng) gần với độ sáng của ảnh chụp thực tế khi nhấn giữ nút xem trước độ sâu trường ảnh (Exp.SIM).

• Disable (Tắt) (DISP)

Ảnh được hiển thị ở độ sáng chuẩn để làm cho ảnh Live View dễ nhìn. Ngay cả khi đặt bù trừ phơi sáng, ảnh sẽ được hiển thị ở độ sáng chuẩn.

● Chụp Live View ngắt tiếng [☆]

• Mode 1 (Chế độ 1)

Tiếng ồn máy ảnh phát ra sẽ nhỏ hơn so với chụp qua khung ngắm. Cũng có thể chụp liên tục.

• Mode 2 (Chế độ 2)

Khi bạn nhấn hoàn toàn nút chụp, máy sẽ chỉ chụp một ảnh đơn. Trong khi bạn nhấn và giữ nút chụp, hoạt động của máy ảnh sẽ bị dừng. Sau đó, khi quay lại vị trí nửa chừng nút chụp, máy ảnh sẽ tiếp tục hoạt động. Do đó, tiếng nhả màn trập tại thời điểm chụp có thể được giảm đến mức tối thiểu. Ngay cả khi đặt chụp liên tục, máy sẽ chỉ chụp một ảnh đơn.

• Tắt

Đảm bảo đặt ở chế độ **[Disable (Tắt)]** nếu bạn sử dụng ống kính TS-E (trừ các loại được liệt kê trong phần ) để di chuyển hoặc nghiêng ống kính hoặc trong trường hợp sử dụng ống nổi. Nếu đặt **[Mode 1 (Chế độ 1)]** hoặc **[Mode 2 (Chế độ 2)]**, phơi sáng có thể không đạt chuẩn hoặc không đồng đều.



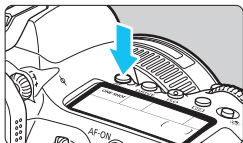
- Khi đặt **[Mode 2 (Chế độ 2)]**, chức năng chụp liên tục sẽ không hoạt động ngay cả khi kiểu chụp được đặt thành H> hoặc <H>.
- Nếu sử dụng flash với chế độ flash được đặt thành flash tự động E-TTL II/E-TTL, máy sẽ thực hiện nhả màn trập theo cơ chế hoạt động bên trong tương tự như khi chụp qua khung ngắm. Do đó, không thể chụp mà ngăn được tiếng ồn hoạt động của máy ảnh phát ra (không phụ thuộc vào thiết lập **[Silent LV shoot (Chụp Live View ngắt tiếng)]**).
- Khi sử dụng thiết bị flash không phải của Canon, đặt ở chế độ **[Disable (Tắt)]**. Đèn flash sẽ không đánh sáng nếu được đặt thành **[Mode 1 (Chế độ 1)]** hoặc **[Mode 2 (Chế độ 2)]**.
- Nếu đặt **[Mode 2 (Chế độ 2)]** và sử dụng bộ điều khiển từ xa (tr.273), thao tác sẽ giống như **[Mode 1 (Chế độ 1)]**.
- Quá trình chụp Live View sẽ dừng khi chọn **[3: Dust delete data (Dữ liệu xóa bụi)]** hoặc **[Clean manually (Làm sạch bằng tay)]** hoặc **[Clean now ( (Làm sạch ngay ())** trong **[4: Sensor cleaning (Làm sạch cảm biến)]**. Nhấn nút  để tiếp tục chụp Live View.



Với ống kính TS-E17mm f/4L hoặc TS-E24mm f/3.5L II, bạn có thể sử dụng **[Mode 1 (Chế độ 1)]** hoặc **[Mode 2 (Chế độ 2)]**.

Chọn thao tác AF ☆

Bạn có thể chọn đặc tính thao tác AF phù hợp với các điều kiện chụp hoặc chủ thể. Ở chế độ vùng cơ bản, thao tác AF tối ưu được tự động thiết lập cho chế độ chụp tương ứng.



1 Nhấn nút <AF>.



2 Chọn thao tác AF.

- Nhấn các phím <◀> <▶> để chọn thao tác AF mong muốn, rồi nhấn <SET>.

ONE SHOT : Lấy nét một lần

SERVO : Lấy nét Servo

3 Lấy nét chủ thể.

- Hướng điểm AF vào chủ thể và nhấn nửa chừng nút chụp. Sau đó, máy ảnh sẽ tự động lấy nét bằng thao tác AF đã chọn.



- Chỉ có thể thiết lập khi chụp Live View (không thể thiết lập khi quay phim).
- Nếu không lấy được nét, điểm AF sẽ chuyển sang màu cam. Trong trường hợp này, không thể chụp ảnh ngay cả khi nhấn hoàn toàn nút chụp. Bố cục lại ảnh và thử lấy nét lại. Hoặc tham khảo phần “Các điều kiện chụp khó lấy nét” (tr.318).

Lấy nét một lần cho chủ thể tĩnh

Thích hợp với chủ thể tĩnh. Khi nhấn nửa chừng nút chụp, máy ảnh sẽ chỉ lấy nét một lần.

- Khi lấy được nét, điểm AF chuyển sang màu xanh lá cây và máy ảnh phát ra tiếng bíp.
- Trong khi bạn nhấn nửa chừng nút chụp, máy ảnh sẽ tiếp tục khóa lấy nét để bạn có thể bố cục lại ảnh trước khi chụp ảnh.
- Khi đặt kiểu chụp thành H> để **chụp liên tục tốc độ cao**, tốc độ chụp liên tục tối đa vào **khoảng 6,5 ảnh/giây**.
- Khi đặt kiểu chụp thành > để **chụp liên tục tốc độ thấp**, tốc độ chụp liên tục tối đa vào **khoảng 3,0 ảnh/giây**.
- **Khi sử dụng đèn Speedlite gắn ngoài**, tốc độ chụp liên tục sẽ trở nên chậm hơn. Tốc độ chụp liên tục tối đa sẽ là **khoảng 1,7 ảnh/giây** mà không phụ thuộc vào thiết lập H> và >.

 Nếu đặt [**4: Beep (Bíp)**] thành [**Disable (Tắt)**], máy ảnh sẽ không phát ra tiếng bíp khi lấy được nét.

Lấy nét Servo cho chủ thể chuyển động

Thao tác AF này phù hợp để chụp các chủ thể chuyển động. Trong khi nhấn giữ nửa chừng nút chụp, máy ảnh sẽ liên tục lấy nét chủ thể.

- Nếu lấy được nét, điểm AF sẽ chuyển sang màu xanh da trời.
- Phơi sáng được thiết lập tại thời điểm chụp ảnh.
- Khi đặt [**5: AF method (Phương pháp AF)**] thành [**┐+Tracking (┐+Theo dõi)**] hoặc [**Smooth zone (Vùng mượt)**], máy ảnh sẽ liên tục lấy nét khi khung AF theo miền hoặc khung AF theo vùng không ngừng theo dõi chủ thể.
- Khi đặt kiểu chụp thành <[**□H**] > để **chụp liên tục tốc độ cao**, tốc độ chụp liên tục tối đa vào **khoảng 4,0 ảnh/giây**. Máy sẽ chụp ảnh với ưu tiên tốc độ chụp liên tục.
- Khi đặt kiểu chụp thành <[**□**] > để **chụp liên tục tốc độ thấp**, tốc độ chụp liên tục tối đa vào **khoảng 3,0 ảnh/giây**. Máy sẽ chụp ảnh với ưu tiên theo dõi chủ thể.
- Khi sử dụng đèn Speedlite gắn ngoài, tốc độ chụp liên tục sẽ trở nên chậm hơn. Tốc độ chụp liên tục tối đa sẽ là **khoảng 1,7 ảnh/giây** mà không phụ thuộc vào thiết lập <[**□H**] > và <[**□**] >.



- Tùy thuộc vào ống kính sử dụng, khoảng cách đến chủ thể và tốc độ của chủ thể, máy ảnh có thể không lấy được nét chính xác.
- Zoom trong khi chụp liên tục có thể làm mất nét. Zoom trước, rồi bố cục lại và chụp ảnh.
- Khi đặt [**Servo AF (Lấy nét Servo)**], bạn không thể đặt chất lượng ghi ảnh thành **M RAW** hoặc **S RAW**. Nếu đặt thành **M RAW** hoặc **S RAW**, ảnh sẽ được ghi ở chất lượng **RAW**.
- Khi đặt [**Servo AF (Lấy nét Servo)**] và đặt [**Multi Shot Noise Reduction (Ghép nhiều ảnh để giảm nhiễu)**] (tr.197), [**High ISO speed NR (Giảm nhiễu hạt ở tốc độ ISO cao)**] sẽ tự động chuyển thành [**Standard (Tiêu chuẩn)**].

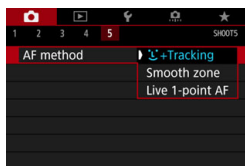


Với Lấy nét Servo, máy ảnh sẽ không phát ra tiếng bíp ngay cả khi lấy được nét (ngoại trừ trong chế độ <**SCN**:  >).

Lấy nét với Lấy nét tự động (Phương pháp AF) ■

Chọn phương pháp AF

Bạn có thể đặt phương pháp AF thành [**MF**+Tracking (**MF**+Theo dõi)] (tr.311), [**Smooth zone (Vùng mượt)**] (tr.313) hoặc [**Live 1-point AF (AF 1 điểm Live)**] (tr.315) để phù hợp với điều kiện chụp và chủ thể. Để lấy nét tay, đặt công tắc chế độ lấy nét của ống kính thành <**MF**>, phóng to ảnh và thực hiện lấy nét tay (tr.323).



Chọn phương pháp AF.

- Trong tab [**5**], chọn [**AF method (Phương pháp AF)**]. (Ở chế độ quay phim, chức năng này nằm trong tab [**4**]. Ở chế độ vùng cơ bản, chức năng này nằm trong tab [**2**].)
- Chọn phương pháp AF mong muốn, rồi nhấn <**SET**>.
- Trong khi ảnh Live View hiển thị, bạn cũng có thể chọn phương pháp AF bằng cách nhấn nút <**AF**> và xoay nút xoay <>.



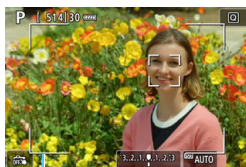
- Phần mô tả ở các trang 311-316 giả định rằng [**AF operation (Thao tác AF)**] được đặt thành [**One Shot AF (Lấy nét một lần)**] (tr.307). Khi đặt [**Servo AF (Lấy nét Servo)**] (tr.309), điểm AF sẽ chuyển sang màu xanh da trời nếu lấy được nét.
- Để tìm hiểu về chức năng chậm để chụp (AF và nhả màn trập bằng thao tác chậm), tham khảo trang 321.

☺(khuôn mặt)+Theo dõi: AF☺☺☺

Máy ảnh phát hiện và lấy nét khuôn mặt của chủ thể người. Nếu chủ thể chuyển động, điểm AF <☺> cũng di chuyển để theo dõi lấy nét khuôn mặt.

1 Hiện thị ảnh Live View.

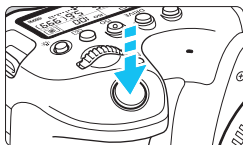
- Nhấn nút <START/STOP>.
- ▶ Ảnh Live View sẽ xuất hiện trên màn hình LCD.
- ▶ Khung AF theo miền sẽ xuất hiện.



Khung AF theo miền

2 Kiểm tra điểm AF.

- Khi phát hiện khuôn mặt, khung <☺> sẽ xuất hiện trên khuôn mặt để lấy nét.
- Khung <☺> hiển thị trong trường hợp nhiều khuôn mặt được phát hiện. Sử dụng nút <☺> để di chuyển khung <☺> đến khuôn mặt muốn lấy nét.
- Bạn có thể chạm vào màn hình LCD để chọn khuôn mặt hoặc chủ thể. Nếu chạm vào chủ thể không phải khuôn mặt người, điểm AF sẽ chuyển thành <☺☺>.



3 Lấy nét chủ thể.

- Nhấn nửa chừng nút chụp để lấy nét.
- ▶ Nếu không có khuôn mặt nào được phát hiện hoặc nếu bạn không chạm vào bất kỳ vị trí nào trên màn hình, máy ảnh sẽ lấy nét trong khung AF theo miền.
- ▶ Khi lấy được nét, điểm AF chuyển sang màu xanh lá cây và máy ảnh phát ra tiếng bíp.
- ▶ Nếu không lấy được nét, điểm AF sẽ chuyển sang màu cam.



4 Chụp ảnh.

- Kiểm tra lấy nét và phơi sáng, rồi nhấn hoàn toàn nút chụp để chụp ảnh (tr.292).

• Lấy nét chủ thể không phải là khuôn mặt người

- Chạm vào chủ thể (hoặc điểm) nơi muốn lấy nét.
- Nhấn nút **<SET>** hoặc **<⏏>** và điểm AF **<AF-ON>** sẽ hiển thị trên màn hình, sau đó có thể di chuyển điểm AF bằng nút **<AF-ON>**.
- Khi lấy được nét, điểm AF **<AF-ON>** cũng sẽ di chuyển để theo dõi chủ thể nếu bạn thay đổi bố cục hoặc nếu chủ thể di chuyển.



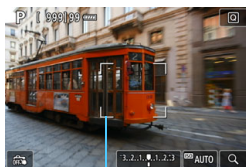
- Tính năng nhận diện khuôn mặt sẽ không hoạt động nếu khuôn mặt của chủ thể bị mất nét nghiêm trọng. Điều chỉnh lấy nét tay (tr.323) để khuôn mặt được nhận diện, rồi thực hiện lấy nét tự động.
- Máy ảnh có thể nhận diện nhầm các chủ thể khác thành khuôn mặt người.
- Tính năng nhận diện khuôn mặt sẽ không hoạt động nếu khuôn mặt quá nhỏ/quá lớn trong ảnh, quá sáng/quá tối hoặc bị che khuất một phần.
- Khung **<AF-ON>** có thể chỉ bao quanh một phần chứ không phải toàn bộ khuôn mặt.



- Không thể lấy nét trên khuôn mặt hoặc chủ thể ở ngoài rìa (bên ngoài khung AF theo miền). Hướng khung AF theo miền vào chủ thể để lấy nét.
- Kích cỡ của điểm AF thay đổi tùy thuộc vào chủ thể.

Vùng mượt: AF ()

Có thể lấy nét theo vùng rộng hơn (khung AF theo vùng) so với điểm AF của [Live 1-point AF (AF 1 điểm Live)] (tr.315).



Khung AF theo vùng

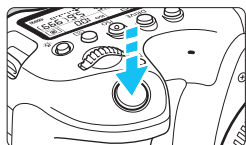


1 Hiện thị ảnh Live View.

- Nhấn nút <  >.
- ▶ Ảnh Live View sẽ xuất hiện trên màn hình LCD.
- ▶ Khung AF theo vùng sẽ xuất hiện.

2 Chọn điểm AF.

- Sử dụng nút <  > để di chuyển khung AF theo vùng đến vị trí muốn lấy nét. (Không thể di chuyển điểm AF đến phần rìa của màn hình.)
- Nhấn nút <  > hoặc <  > sẽ đưa khung AF theo vùng về trung tâm màn hình.
- Bạn cũng có thể chạm vào màn hình LCD để di chuyển khung AF theo vùng.



3 Lấy nét chủ thể.

- Hướng khung AF theo vùng vào chủ thể và nhấn nửa chừng nút chụp.
- ▶ Khi lấy được nét, điểm AF lấy được nét sẽ chuyển sang màu xanh lá cây và máy ảnh phát ra tiếng bíp.
- ▶ Nếu không lấy được nét, khung AF theo vùng sẽ chuyển sang màu cam.



4 Chụp ảnh.

- Kiểm tra lấy nét và phơi sáng, rồi nhấn hoàn toàn nút chụp để chụp ảnh (tr.292).

ⓘ Nếu máy ảnh không lấy nét vào chủ thể đích, chuyển sang [**Live 1-point AF (AF 1 điểm Live)**] (tr.315) và lấy lại nét.

AF 1 điểm Live: AF □

Máy ảnh sử dụng một điểm AF để lấy nét. Tính năng này giúp lấy nét một chủ thể cụ thể.



Điểm AF

1 Hiện thị ảnh Live View.

- Nhấn nút <  >.
- ▶ Ảnh Live View sẽ xuất hiện trên màn hình LCD.
- ▶ Điểm AF <  > xuất hiện.



2 Di chuyển điểm AF.

- Sử dụng nút <  > để di chuyển điểm AF đến vị trí muốn lấy nét. (Không thể di chuyển điểm AF đến phần rìa của màn hình.)
- Nhấn nút <  > hoặc <  > sẽ đưa điểm AF về trung tâm màn hình.
- Bạn cũng có thể chạm vào màn hình LCD để di chuyển điểm AF.



3 Lấy nét chủ thể.

- Hướng điểm AF vào chủ thể và nhấn nửa chừng nút chụp.
- ▶ Khi lấy được nét, điểm AF chuyển sang màu xanh lá cây và máy ảnh phát ra tiếng bíp.
- ▶ Nếu không lấy được nét, điểm AF sẽ chuyển sang màu cam.



4 Chụp ảnh.

- Kiểm tra lấy nét và phơi sáng, rồi nhấn hoàn toàn nút chụp để chụp ảnh (tr.292).

 Khi đang quay phim, nếu đặt [ **4: Movie Servo AF (Lấy nét Servo phim)**] thành [**Enable (Bật)**], điểm AF sẽ hiển thị ở kích thước lớn hơn trong bước 1.

Lưu ý khi Lấy nét tự động

Thao tác AF

- Ngay cả khi đã lấy được nét, bạn có thể lấy nét lại bằng cách nhấn nửa chừng nút chụp.
- Độ sáng của ảnh có thể thay đổi trong và sau thao tác AF.
- Tùy thuộc vào chủ thể và điều kiện chụp, máy ảnh có thể tốn nhiều thời gian hơn để lấy nét hoặc tốc độ chụp liên tục có thể bị giảm.
- Nếu nguồn sáng thay đổi khi ảnh Live View hiển thị, màn hình có thể nhấp nháy và khó thực hiện lấy nét hơn. Trong trường hợp này, thoát chụp Live View và thực hiện lấy nét tự động dưới nguồn sáng thực mà bạn đang chụp.

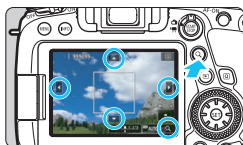


- Nếu không thể lấy được nét với AF, đặt công tắc chế độ lấy nét của ống kính thành <MF> rồi lấy nét tay (tr.323).
- Nếu bạn chụp chủ thể ở ngoài rìa và hơi mất nét, bố cục lại ảnh để di chuyển chủ thể (hoặc điểm AF hoặc khung AF theo vùng) về trung tâm màn hình, lấy nét lại, rồi chụp ảnh.
- Đèn Speedlite gắn ngoài sẽ không phát tia giúp lấy nét. Tuy nhiên, nếu sử dụng đèn Speedlite sê-ri EX (bán riêng) được trang bị đèn LED, đèn LED sẽ bật để hỗ trợ lấy nét nếu cần.
- Đối với một số ống kính nhất định, máy có thể mất nhiều thời gian hơn để lấy nét bằng chức năng lấy nét tự động, hoặc có thể sẽ không lấy được nét chính xác.

Các điều kiện chụp khó lấy nét

- Chủ thể có độ tương phản thấp, ví dụ bầu trời xanh, bề mặt phẳng có màu đồng nhất hoặc khi mất các chi tiết vùng sáng hoặc vùng tối.
- Chủ thể dưới ánh sáng yếu.
- Sọc vằn và các họa tiết chỉ có độ tương phản theo hướng ngang.
- Chủ thể có họa tiết lặp đi lặp lại (Ví dụ: Cửa sổ của tòa nhà cao tầng, bàn phím máy tính, v.v...).
- Đường mảnh và đường viền của chủ thể.
- Chủ thể dưới nguồn sáng có độ sáng, màu sắc hoặc hình dạng luôn thay đổi.
- Cảnh ban đêm hoặc các đốm sáng.
- Ảnh nhấp nháy dưới ánh đèn huỳnh quang hoặc đèn LED.
- Chủ thể cực nhỏ.
- Chủ thể ở phần rìa của màn hình.
- Các chủ thể ngược sáng mạnh hoặc phản chiếu (Ví dụ: Thân xe ô tô có độ phản chiếu cao, v.v...).
- Chủ thể ở gần và xa được bao trùm bởi điểm AF (Ví dụ: Động vật trong chuồng, v.v...).
- Chủ thể liên tục di chuyển trong phạm vi điểm AF và không thể giữ nguyên hình do rung máy hoặc chủ thể bị mờ.
- Thực hiện lấy nét tự động khi chủ thể mất nét nghiêm trọng.
- Áp dụng hiệu ứng lấy nét mềm với ống kính lấy nét mềm.
- Áp dụng bộ lọc hiệu ứng đặc biệt.
- Nhiều hạt (điểm sáng, dải, v.v...) xuất hiện trên màn hình trong khi lấy nét tự động.

Xem phóng to



Khi phương pháp AF là [**Smooth zone (Vùng mượt)**] hoặc [**Live 1-point AF (AF 1 điểm Live)**], nhấn nút **<Q>** hoặc chạm vào biểu tượng [**Q**] hiển thị ở phía dưới bên phải của màn hình. Bạn có thể phóng to hình ảnh lên khoảng 5x hoặc 10x và kiểm tra lấy nét. Không thể xem phóng to với [**┐+Tracking (┐+Theo dõi)**].

- Để di chuyển điểm AF hoặc khung AF theo vùng, sử dụng nút **<⬆>** hoặc chạm vào điểm bạn muốn phóng to.
- Nhấn nút **<Q>** hoặc chạm vào [**Q**] để phóng to hình ảnh. Mỗi lần nhấn nút hoặc chạm, tỷ lệ phóng to sẽ thay đổi.
- Khi đặt [**Smooth zone (Vùng mượt)**], ảnh sẽ được phóng to ở trung tâm của khung AF theo vùng. Khi đặt [**Live 1-point AF (AF 1 điểm Live)**], ảnh sẽ được phóng to ở vị trí quanh điểm AF.
- Ở mức phóng to 100% (khoảng 1x), sử dụng nút **<⬆>** hoặc chạm vào màn hình để di chuyển khung phóng to. Nhấn nút **<SET>** hoặc **<⏏>** sẽ đưa khung phóng to về trung tâm màn hình.
- Nhấn nút **<Q>** hoặc chạm vào [**Q**] để phóng to khu vực trong khung phóng.
- Khi hình ảnh được phóng to lên khoảng 5x hoặc 10x, có thể di chuyển khu vực phóng bằng cách sử dụng nút **<⬆>** hoặc chạm vào tam giác ở phía trên, phía dưới, bên trái hoặc bên phải của màn hình.
- Trong chế độ [**Smooth zone (Vùng mượt)**], khi nhấn nửa chừng nút chụp, máy ảnh sẽ trở về xem bình thường. Trong chế độ [**Live 1-point AF (AF 1 điểm Live)**], máy ảnh sẽ tiếp tục lấy nét tự động với xem phóng to.
- Khi lấy nét Servo, nếu bạn nhấn nửa chừng nút chụp ở chế độ xem phóng to, máy ảnh sẽ trở về màn hình bình thường để lấy nét.

- Nếu khó lấy nét ở chế độ xem phóng to, bạn có thể trở về màn hình thường và thực hiện lấy nét tự động.
- Nếu thực hiện lấy nét tự động ở chế độ xem bình thường và sau đó ở chế độ xem phóng to, máy ảnh có thể không lấy được nét chính xác.
- Tốc độ AF sẽ khác nhau giữa chế độ xem bình thường và chế độ xem phóng to.
- Khi ở chế độ xem phóng to, Lấy nét Servo phim (tr.375) sẽ không hoạt động.
- Khi ở chế độ xem phóng to, máy ảnh rất khó lấy được nét do rung máy. Bạn nên sử dụng chân máy.

Chụp với Chạm để chụp

Chỉ cần chạm vào màn hình LCD, bạn có thể lấy nét và chụp ảnh tự động.



1 Hiện thị ảnh Live View.

- Nhấn nút < START/STOP >.
- ▶ Ảnh Live View sẽ xuất hiện trên màn hình LCD.



2 Bật chức năng chạm để chụp.

- Chạm vào biểu tượng [>] ở phía dưới bên trái màn hình. Mỗi lần chạm vào biểu tượng này, biểu tượng sẽ chuyển giữa [>] và [>].
- [>] (Chạm để chụp: Bật)
Máy ảnh sẽ lấy nét vào điểm bạn chạm, rồi chụp ảnh.
- [>] (Chạm để chụp: Tắt)
Bạn có thể chạm vào một điểm để thực hiện lấy nét trên điểm. Nhấn hoàn toàn nút chụp để chụp ảnh.



3 Chạm vào màn hình để chụp.

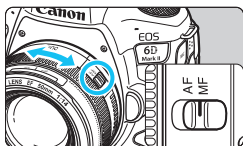
- Chạm vào khuôn mặt hoặc chủ thể trên màn hình.
- ▶ Tại vị trí chạm, máy ảnh sẽ lấy nét (Chạm lấy nét) bằng phương pháp AF đã đặt (tr.310-316).
- ▶ Khi đặt [>], điểm AF chuyển thành màu xanh lá cây khi lấy được nét, rồi máy ảnh tự động chụp ảnh.
- ▶ Nếu không lấy được nét, điểm AF chuyển thành màu cam và ảnh không được chụp. Chạm lại vào khuôn mặt hoặc chủ thể trên màn hình.

- Ngay cả khi đặt kiểu chụp thành <H> hoặc <>, máy ảnh vẫn chụp ở chế độ chụp từng ảnh.
- Ngay cả khi đặt **[AF operation (Thao tác AF)]** thành **[Servo AF (Lấy nét Servo)]**, chạm vào màn hình sẽ lấy nét trên ảnh với chế độ **[One-Shot AF (Lấy nét một lần)]**.
- Chạm vào màn hình ở chế độ xem phóng to sẽ không lấy nét hoặc chụp ảnh.
- Nếu chụp ảnh bằng cách chạm vào màn hình khi đặt [ **1: Image review (Xem lại ảnh)**] thành **[Hold (Giữ)]**, bạn có thể nhấn nửa chừng nút chụp để chụp ảnh tiếp theo.
- Nếu sử dụng [ **C.Fn III-4: Custom Controls (Điều khiển tùy chỉnh)**] để gán **[ONE SHOT ↔ AI SERVO/SERVO]** hoặc chức năng kích hoạt hẹn giờ đo sáng (tr.500) cho một nút, khi bạn nhấn giữ nút đó, chức năng chạm để chụp sẽ không hoạt động.

- Bạn cũng có thể thiết lập chức năng chạm để chụp với [ **5: Touch Shutter (Chạm để chụp)**] (tab [ **2**] trong chế độ vùng cơ bản).
- Khi đặt [ **5: AF method (Phương pháp AF)**] thành **[Smooth zone (Vùng mượt)]** và đặt [] (Chạm để chụp: Bật), thao tác chạm vào màn hình sẽ khiến máy ảnh lấy nét bằng **[Live 1-point AF (AF 1 điểm Live)]** và chụp ảnh.
- Để chụp với phơi sáng bulb, chạm vào màn hình hai lần. Chạm lần đầu tiên trên màn hình để bắt đầu phơi sáng bulb. Chạm lại để dừng phơi sáng bulb. Cần thận tránh làm rung máy khi chạm vào màn hình.

MF: Lấy nét tay

Bạn có thể phóng to ảnh và lấy nét chính xác với MF (lấy nét tay).



1 Đặt công tắc chế độ lấy nét của ống kính thành <MF>.

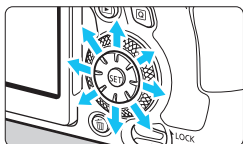
- Xoay vòng lấy nét của ống kính để lấy nét thô.



2 Hiện thị khung phóng to.

- Nhấn nút <Q> hoặc chạm vào [Q] ở phía dưới bên phải của màn hình.
- ▶ Khung phóng to sẽ xuất hiện.

Khung phóng to



3 Di chuyển khung phóng to.

- Thao tác nút <SET> hoặc chạm vào điểm muốn phóng to để di chuyển khung phóng to tới nơi muốn lấy nét.
- Nhấn nút <SET> hoặc <T> sẽ đưa khung phóng to về trung tâm màn hình.



Khóa phơi sáng

Vị trí khu vực phóng to

Hệ số phóng to (Ước chừng)

4 Phóng to ảnh.

- Mỗi lần nhấn nút <Q> hoặc chạm vào biểu tượng [Q] ở phía dưới bên phải của màn hình, màn hình sẽ thay đổi theo thứ tự sau:

→ Xem bình thường → 1x → 5x → 10x

- Khi xem phóng to, bạn có thể sử dụng nút <SET> hoặc chạm vào tam giác ở phía trên, phía dưới, bên trái và bên phải của màn hình để di chuyển quanh ảnh phóng to.

5 Lấy nét tay.

- Khi xem ảnh phóng to, xoay vòng lấy nét của ống kính để lấy nét.
- Sau khi lấy được nét, nhấn nút <Q> để trở về chế độ xem bình thường.

6 Chụp ảnh.

- Kiểm tra phơi sáng, rồi nhấn hoàn toàn nút chụp để chụp ảnh (tr.292).



- Trong chế độ xem phóng to, phơi sáng sẽ bị khóa. (Thông số tốc độ màn trập và khẩu độ sẽ hiển thị bằng màu đỏ.)
- Ngay cả khi lấy nét tay, bạn vẫn có thể chụp ảnh bằng Chạm để chụp.



Các lưu ý chung khi chụp Live View

Chất lượng ảnh

- Khi chụp ở tốc độ ISO cao, có thể thấy rõ nhiễu hạt trên ảnh (ví dụ như điểm sáng và dải).
- Chụp ở nhiệt độ cao có thể gây nhiễu ảnh và màu trong ảnh không đều.
- Sử dụng chụp Live View liên tục trong thời gian dài có thể làm nhiệt độ bên trong máy ảnh tăng lên và chất lượng ảnh xấu đi. Thoát chụp Live View khi không sử dụng.
- Chụp phơi sáng lâu khi nhiệt độ bên trong máy ảnh cao có thể làm chất lượng ảnh xấu đi. Thoát chụp Live View và đợi vài phút trước khi chụp lại.

Biểu tượng cảnh báo nhiệt độ bên trong máy ảnh < > màu trắng và < > màu đỏ

- Nếu nhiệt độ bên trong máy ảnh tăng do nhiệt độ xung quanh cao hoặc chụp Live View trong thời gian dài, biểu tượng <  > màu trắng hoặc <  > màu đỏ sẽ xuất hiện.
- Biểu tượng <  > màu trắng cho biết chất lượng ảnh sẽ xấu đi. Bạn nên tạm thời thoát chế độ chụp Live View để nhiệt độ bên trong máy ảnh giảm xuống trước khi chụp lại.
- Biểu tượng <  > màu đỏ cho biết chụp Live View sẽ nhanh chóng tự động tắt. Trong trường hợp này, không thể tiếp tục chụp cho đến khi nhiệt độ bên trong máy ảnh giảm xuống. Tạm thời thoát chụp Live View hoặc tắt nguồn và để máy ảnh dừng hoạt động trong chốc lát.
- Sử dụng chụp Live View ở nhiệt độ cao trong thời gian dài có thể làm cho các biểu tượng <  > màu trắng và <  > màu đỏ xuất hiện sớm hơn. Luôn tắt máy ảnh khi không chụp.
- Nếu nhiệt độ bên trong máy ảnh cao, chất lượng của ảnh chụp với tốc độ ISO cao hoặc phơi sáng lâu có thể giảm sút ngay cả trước khi biểu tượng <  > màu trắng hiển thị.

Kết quả chụp

- Ở chế độ xem phóng to, thông số tốc độ màn trập và khẩu độ sẽ hiển thị bằng màu đỏ. Nếu chụp ảnh ở chế độ xem phóng to, phơi sáng có thể không đạt được hiệu quả mong muốn. Trở về chế độ xem bình thường trước khi chụp ảnh.
- Ngay cả khi chụp ảnh ở chế độ xem phóng to, ảnh vẫn được chụp với khu vực ảnh ở chế độ xem bình thường.

Các lưu ý chung khi chụp Live View

Ảnh Live View

- Trong điều kiện ánh sáng yếu hoặc ánh sáng chói, ảnh Live View có thể không phản ánh được độ sáng của ảnh chụp.
- Ngay cả khi đặt tốc độ ISO thấp, nhiều hạt có thể thấy rõ trên ảnh Live View dưới ánh sáng yếu. Tuy nhiên, khi chụp, ảnh ghi lại sẽ ít nhiễu hơn. (Chất lượng ảnh của ảnh Live View khác so với chất lượng ảnh của ảnh được ghi.)
- Nếu nguồn sáng trong ảnh thay đổi, màn hình có thể nhấp nháy. Trong trường hợp này, thoát chụp Live View và tiếp tục chụp Live View dưới nguồn sáng thực.
- Hướng máy ảnh theo hướng khác có thể làm mất độ sáng chính xác của ảnh Live View trong giây lát. Chờ mức độ sáng ổn định rồi tiến hành chụp.
- Nếu xuất hiện nguồn sáng rất chói trong ảnh, khu vực sáng có thể hiển thị thành màu đen trên màn hình LCD. Tuy nhiên, ảnh chụp thực tế sẽ hiển thị chính xác khu vực sáng.
- Trong điều kiện ánh sáng yếu, nếu đặt [**2: LCD brightness (Độ sáng LCD)**] ở một mức độ sáng nhất định, ảnh Live View có thể xuất hiện nhiều hạt hoặc màu không đều. Tuy nhiên, nhiều hạt hoặc màu không đều sẽ không bị ghi lại trong ảnh chụp.
- Khi phóng to ảnh, độ sắc nét của ảnh có thể trông rõ ràng hơn trong ảnh thực.

Chức năng tùy chỉnh

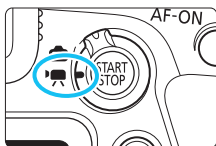
- Trong khi chụp Live View, một số chức năng tùy chỉnh sẽ không hoạt động (một số thiết lập nhất định không có hiệu lực). Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo trang 471.

Ống kính và Flash

- Nếu ống kính được lắp có hệ thống ổn định hình ảnh và công tắc ổn định hình ảnh (IS) đặt thành <ON>, hệ thống ổn định hình ảnh sẽ luôn hoạt động ngay cả khi không nhấn nửa chừng nút chụp. Hệ thống ổn định hình ảnh tiêu tốn năng lượng pin và có thể giảm số lượng ảnh có thể chụp tùy thuộc vào điều kiện chụp. Khi không cần sử dụng hệ thống ổn định hình ảnh, chẳng hạn như khi chụp với chân máy, nên đặt công tắc IS thành <OFF>.
- Chức năng lấy nét được thiết lập sẵn cho chụp Live View chỉ có thể thực hiện nếu sử dụng ống kính chụp (siêu) xa có trang bị chức năng lấy nét đặt trước. Loại ống kính này được bán trên thị trường từ nửa cuối năm 2011.
- Khóa phơi sáng flash và đánh sáng flash mẫu sẽ không hoạt động với đèn Speedlite gắn ngoài.

9

Quay phim



Chế độ quay phim được bật bằng cách đặt công tắc chụp Live View/quay phim sang <  >.

- Trước khi quay phim, tham khảo trang 345 và đảm bảo thẻ có thể ghi phim ở thiết lập chất lượng ghi phim mong muốn.
- Nếu bạn cầm máy ảnh và quay phim, phim có thể bị mờ do rung máy. Bạn nên sử dụng chân máy trong những trường hợp này.
- Để tìm hiểu hướng dẫn về cách cầm máy ảnh, tham khảo trang 101.



Full HD 1080

Full HD 1080 biểu thị tính tương thích với độ phân giải cao có 1080 điểm ảnh dọc (đường quét).



Quay phim

Quay phim phơi sáng tự động

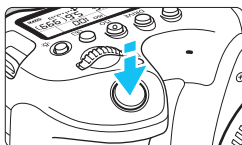
Khi chế độ quay phim được đặt thành $\langle A^+ \rangle$, $\langle CA \rangle$, $\langle P \rangle$, $\langle Tv \rangle$, $\langle Av \rangle$ hoặc $\langle B \rangle$, điều khiển phơi sáng tự động sẽ hoạt động để phù hợp với độ sáng hiện tại của cảnh.



1 Đặt công tắc chụp Live View/quay phim thành $\langle \text{icon} \rangle$.

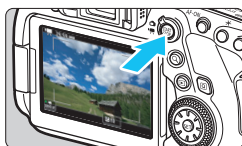
- ▶ Ảnh Live View sẽ xuất hiện trên màn hình LCD.

2 Đặt nút xoay chế độ thành $\langle A^+ \rangle$, $\langle CA \rangle$, $\langle P \rangle$, $\langle Tv \rangle$, $\langle Av \rangle$ hoặc $\langle B \rangle$.



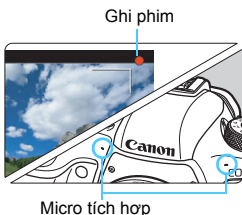
3 Lấy nét chủ thể.

- Trước khi quay phim, thực hiện lấy nét tự động hoặc lấy nét tay (tr.310, 323).
- Theo mặc định, [4: Movie Servo AF (Lấy nét Servo phim)] được đặt thành [Enable (Bật)] để máy ảnh không ngừng lấy nét (tr.375).
- Khi nhấn nửa chừng nút chụp, máy ảnh sẽ lấy nét theo phương pháp AF hiện tại.



4 Quay phim.

- Nhấn nút $\langle \text{START STOP} \rangle$ để bắt đầu quay phim.
- ▶ Trong khi đang quay phim, dấu “●” sẽ hiển thị ở phía trên bên phải màn hình.
- ▶ Âm thanh được ghi dưới dạng âm thanh stereo bằng micro tích hợp.
- Để dừng quay phim, nhấn lại nút $\langle \text{START STOP} \rangle$.



Tốc độ ISO trong các chế độ <A⁺> và <CA>

- Tốc độ ISO sẽ được tự động thiết lập trong phạm vi ISO 100 - ISO 25600.

Tốc độ ISO trong chế độ <P>, <Tv>, <Av> và

- Tốc độ ISO sẽ được tự động thiết lập trong phạm vi ISO 100 - ISO 25600.
- Trong [ 2:  ISO speed settings ( Thiết lập tốc độ ISO)], nếu đặt [ISO Auto (ISO tự động)] thành [Max.:H2 (102400) (Tối đa:H2 (102400)))] (tr.374), mức cao nhất của phạm vi thiết lập tốc độ ISO tự động sẽ được mở rộng đến H2 (tương đương ISO 102400). Nếu chọn [Max.:6400 (Tối đa:6400)] hoặc [Max.:12800 (Tối đa:12800)], bạn có thể thu hẹp phạm vi thiết lập tốc độ ISO tự động (mức cao nhất giảm xuống).
- Nếu đặt [ 3: Highlight tone priority (Ưu tiên tông màu sáng)] thành [Enable (Bật)] (tr.201), mức thấp nhất của phạm vi thiết lập tốc độ ISO tự động sẽ là ISO 200. Ngoài ra, ngay cả khi đặt [ISO Auto (ISO tự động)] thành [Max. : H1 (51200) (Tối đa: H1 (51200)))] hoặc [Max.: H2 (102400) (Tối đa: H2 (102400))], mức cao nhất sẽ không được mở rộng.



- Khi đặt chế độ <SCN>, chức năng quay phim HDR sẽ hoạt động (tr.350).
- Nếu đặt chế độ <Tv> hoặc <Av>, không thể thực hiện quay phim với ưu tiên tốc độ màn trập hoặc khẩu độ. Quay phim phơi sáng tự động có hiệu lực trong chế độ <P>.
- Khi quay phim, không thể mở rộng tốc độ ISO đến L (tương đương ISO 50).
- Khi chuyển từ chụp ảnh sang quay phim, kiểm tra lại thiết lập máy ảnh trước khi quay.
- Để tìm hiểu về tốc độ ISO khi quay phim time-lapse, tham khảo trang 356 và 374.



Lưu ý về các chế độ <A⁺>, <CA>, <P>, <Tv>, <Av> và

- Ở các chế độ <A⁺> và <CA>, biểu tượng của cảnh được máy ảnh phát hiện sẽ hiển thị ở góc trên bên trái màn hình (tr.331).
- Bạn có thể khóa phơi sáng bằng cách nhấn nút <★> (ngoại trừ trong các chế độ <A⁺>, <CA> và <SCN>, tr.251). Nếu thực hiện khóa phơi sáng khi đang quay phim, bạn có thể hủy khóa phơi sáng bằng cách nhấn nút <⏏>. (Thiết lập khóa phơi sáng được lưu giữ cho đến khi nhấn nút <⏏>.)
- Bạn có thể thiết lập bù trừ phơi sáng tối đa ±3 điểm dừng bằng cách gạt công tắc <LOCK> xuống và xoay nút xoay <⦿> (ngoại trừ trong các chế độ <A⁺>, <CA> và <SCN>).
- Thông số tốc độ ISO, tốc độ màn trập và khẩu độ sẽ không được ghi trong thông tin Exif của phim.
- Khi quay phim phơi sáng tự động (ngoại trừ trong chế độ quay phim time-lapse), máy ảnh này hỗ trợ chức năng tự động bật đèn LED của đèn Speedlite trong điều kiện ánh sáng yếu. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo Hướng dẫn sử dụng đèn Speedlite sê-ri EX có trang bị đèn LED.

Biểu tượng cảnh

Trong các chế độ chụp <A⁺> và <CA>, máy ảnh tự động phát hiện kiểu cảnh và thiết lập các cài đặt phù hợp với cảnh. Kiểu cảnh được nhận dạng sẽ hiển thị ở góc trên bên trái màn hình.

Chủ thể Nền	Chân dung ^{*1}	Không phải chân dung		Màu nền
		Cảnh thiên nhiên và ngoài trời	Cận cảnh ^{*2}	
Nền sáng				Màu xám
Ngược sáng				
Nền bao gồm bầu trời xanh				Màu xanh da trời nhạt
Ngược sáng				
Hoàng hôn	*3		*3	Màu cam
Đèn spotlight				Màu xanh da trời đậm
Tối				

*1: Chỉ hiển thị khi phương pháp AF được đặt thành [**L**+Tracking (**L**+Theo dõi)].

Nếu thiết lập phương pháp AF khác, biểu tượng “Không phải chân dung” sẽ hiển thị ngay cả khi phát hiện được chủ thể người.

Trong khi quay phim time-lapse, biểu tượng “Không phải chân dung” sẽ hiển thị ngay cả khi phát hiện chủ thể người.

*2: Hiển thị khi ống kính được lắp có thông tin khoảng cách. Đối với ống nối hoặc ống kính cận cảnh, biểu tượng hiển thị có thể không khớp với cảnh thực.

*3: Biểu tượng của cảnh được chọn từ các cảnh có thể phát hiện sẽ hiển thị.



Đối với một số cảnh hoặc điều kiện chụp nhất định, biểu tượng hiển thị có thể không khớp với cảnh thực.

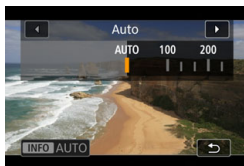
Quay phim phơi sáng chỉnh tay

Bạn có thể thiết lập bằng tay tốc độ màn trập, khẩu độ và tốc độ ISO để quay phim. Quay phim với phơi sáng chỉnh tay dành cho người dùng chuyên nghiệp.

1 Đặt công tắc chụp Live View/quay phim thành <[icon]>.



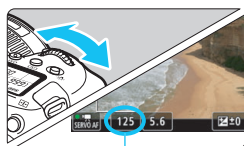
2 Đặt nút xoay chế độ thành <M>.



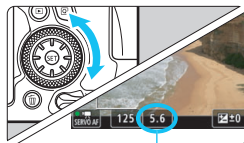
3 Thiết lập tốc độ ISO.

- Nhấn nút <ISO>.
- ▶ Màn hình thiết lập tốc độ ISO sẽ xuất hiện trên màn hình LCD.
- Xoay nút xoay <[icon]> hoặc <[icon]> để cài đặt.
- Để tìm hiểu chi tiết về tốc độ ISO, tham khảo trang tiếp theo.

4 Thiết lập tốc độ màn trập và khẩu độ.



Tốc độ màn trập



Khẩu độ

5 Lấy nét và quay phim.

- Quy trình lấy nét và quay phim tương tự bước 3 và 4 trong phần “Quay phim phơi sáng tự động” (tr.328).

Tốc độ ISO trong chế độ <M>

- Ở chế độ **[AUTO] (A)**, tốc độ ISO được tự động thiết lập trong phạm vi ISO 100 - ISO 25600. Trong [**2: ' ISO speed settings (' Thiết lập tốc độ ISO)**], nếu đặt **[ISO Auto (ISO tự động)]** thành **[Max.:H2 (102400) (Tối đa:H2 (102400))]** (tr.374), giới hạn tối đa của phạm vi thiết lập tốc độ ISO tự động sẽ được mở rộng đến H2 (tương đương ISO 102400). Nếu chọn **[Max.:6400 (Tối đa:6400)]** hoặc **[Max.:12800 (Tối đa:12800)]**, bạn có thể thu hẹp phạm vi thiết lập tốc độ ISO tự động (mức cao nhất giảm xuống).
- Tốc độ ISO có thể thiết lập bằng tay trong phạm vi ISO 100 - ISO 25600 ở mức tăng 1/3 điểm dừng. Trong [**2: ' ISO speed settings (' Thiết lập tốc độ ISO)**], nếu đặt **[Maximum (Tối đa)]** thành **[H2 (102400)]** cho **[ISO speed range (Phạm vi tốc độ ISO)]** (tr.374), mức cao nhất của phạm vi thiết lập tốc độ ISO bằng tay sẽ được mở rộng đến H2 (tương đương ISO 102400). Lưu ý rằng bạn cũng có thể đặt **[Maximum (Tối đa)]** và **[Minimum (Tối thiểu)]** trong phạm vi hẹp hơn phạm vi mặc định (ISO 100 - ISO 25600).
- Nếu đặt [**3: Highlight tone priority (Ưu tiên tông màu sáng)]** thành **[Enable (Bật)]** (tr.201), mức thấp nhất của phạm vi thiết lập tốc độ ISO bằng tay và tự động sẽ là ISO 200. Ngoài ra, mức cao nhất của tốc độ ISO sẽ không được mở rộng ngay cả khi đặt thành **[H1 (ISO 51200)]** hoặc **[H2 (ISO 102400)]**, .



- Khi quay phim, không thể mở rộng tốc độ ISO đến L (tương đương ISO 50).
- Khi chuyển từ chụp ảnh sang quay phim, kiểm tra lại thiết lập máy ảnh trước khi quay.
- Trong khi quay phim, tránh thay đổi tốc độ màn trập hoặc khẩu độ. Làm như vậy có thể ghi lại thay đổi trong phơi sáng hoặc tạo thêm nhiễu hạt ở tốc độ ISO cao.
- Bạn nên sử dụng tốc độ màn trập khoảng 1/25 giây đến 1/125 giây để quay phim chủ thể đang chuyển động. Tốc độ màn trập càng nhanh, chuyển động của chủ thể trông càng kém mượt.
- Nếu thay đổi tốc độ màn trập khi đang quay phim dưới ánh đèn huỳnh quang hoặc đèn LED, hiện tượng nhấp nháy có thể bị ghi lại.
- Để tìm hiểu về tốc độ ISO khi quay phim time-lapse, tham khảo trang 356.



- Ở bước 4, nếu không thể thiết lập tốc độ màn trập hoặc khẩu độ, gạt công tắc <LOCK> xuống và xoay nút xoay < > hoặc < >.
- Trong [ **C.Fn III-4: Custom Controls (Điều khiển tùy chỉnh)**], nếu đặt [ **Expo comp (hold btn, turn ) (Bù trừ phơi sáng (giữ nút, xoay ))**] (tr.505), bạn có thể thiết lập bù trừ phơi sáng với ISO tự động thiết lập.
- Khi đặt ISO tự động, bạn có thể nhấn nút < > để khóa tốc độ ISO. Sau khi khóa tốc độ ISO khi đang quay phim, bạn có thể hủy khóa phơi sáng bằng cách nhấn nút < >. (Khóa tốc độ ISO được giữ nguyên cho đến khi nhấn nút < >.)
- Nếu nhấn nút < > và bố cục lại ảnh, bạn có thể thấy sự khác biệt về độ phơi sáng trên thang đo sáng so với khi nhấn nút < >.
- Khi máy ảnh sẵn sàng để quay trong chế độ <**M**>, bạn có thể hiển thị biểu đồ bằng cách nhấn nút <INFO>.

Tốc độ màn trập có thể thiết lập

Tốc độ màn trập có thể thiết lập trong chế độ quay phim sáng chỉnh tay **<M>** khác nhau tùy vào tốc độ khung hình của chất lượng ghi phim.
(giây)

Tốc độ khung hình	Tốc độ màn trập
59.94P	1/4000 - 1/60
50.00P	1/4000 - 1/50
29.97P	1/4000 - 1/30
25.00P 23.98P	1/4000 - 1/25

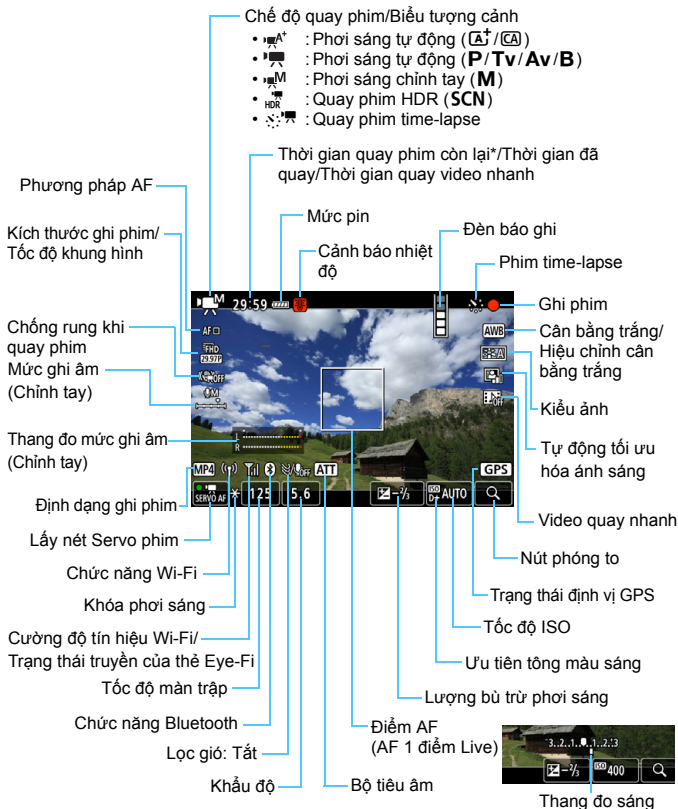
 Tốc độ màn trập có thể thiết lập sẽ khác nhau đối với quay phim time-lapse (tr.351).

Chụp ảnh trong khi quay phim

Ảnh không chụp được trong khi quay phim. Để chụp ảnh, dừng quay phim và thực hiện chụp qua khung ngắm hoặc chụp Live View.

Hiển thị thông tin

Mỗi lần nhấn nút <INFO>, hiển thị thông tin sẽ thay đổi.



* Áp dụng cho từng clip phim.

• Màn hình chỉ hiển thị thiết lập được áp dụng hiện thời.



- Khi [**4: AF method (Phương pháp AF)**] là [**Smooth zone (Vùng mượt)**] hoặc [**Live 1-point AF (AF 1 điểm Live)**], bạn có thể nhấn nút <INFO> để hiển thị cân bằng điện tử (tr.82).
- Bạn có thể thiết lập thông tin hiển thị khi nhấn nút <INFO> (tr.300).
- Nếu đặt [**4: AF method (Phương pháp AF)**] thành [**+Tracking (+Theo dõi)**] hoặc kết nối máy ảnh với TV qua cáp HDMI, không thể hiển thị cân bằng điện tử.
- Cân bằng điện tử, đường lưới hoặc biểu đồ không hiển thị khi đang quay phim. (Hiển thị sẽ biến mất khi bắt đầu quay phim.)
- Khi bắt đầu quay phim, thời gian quay phim còn lại sẽ chuyển thành thời gian đã quay.



Thận trọng khi quay phim

- Không hướng máy ảnh về phía nguồn sáng mạnh, ví dụ mặt trời hoặc nguồn sáng nhân tạo mạnh. Làm như vậy có thể gây hỏng cảm biến hình ảnh hoặc các bộ phận bên trong máy ảnh.
- Nếu bạn muốn chụp chủ thể có chi tiết nhỏ, có thể xảy ra hiệu ứng vân sọc hoặc sai lệch màu.
- Nếu đặt thành <AWB> hoặc <AWB w> và thay đổi tốc độ ISO hoặc khẩu độ khi quay phim, cân bằng trắng cũng có thể bị thay đổi.
- Nếu quay phim dưới ánh đèn huỳnh quang hoặc đèn LED, hình ảnh trên phim có thể bị nhấp nháy.
- Nếu thực hiện lấy nét tự động với ống kính USM khi quay phim trong điều kiện ánh sáng yếu, nhiều theo dõi ngang có thể bị ghi lại trong phim. Loại nhiễu tương tự có thể xảy ra nếu bạn lấy nét bằng tay với một số ống kính nhất định được trang bị vòng lấy nét điện tử.
- Bạn nên quay thử một vài đoạn phim nếu muốn thực hiện zoom trong quá trình quay phim. Zoom trong khi quay phim có thể dẫn tới thay đổi độ phơi sáng, tiếng ồn thao tác ống kính hoặc hình ảnh có thể bị mất nét.
- Trong khi quay phim, nếu thực hiện lấy nét tự động, có thể xảy ra một số tình trạng như sau: Lấy nét tạm thời bị chệch, thay đổi trong độ sáng phim bị ghi lại, ghi phim dừng trong giây lát và âm thanh hoạt động của ống kính bị ghi vào phim.
- Trong khi quay phim, không thể phóng to ảnh ngay cả khi nhấn nút <Q>.
- Cần thận không để ngón tay, v.v... che lấp micro tích hợp (tr.328).
- Quá trình quay phim sẽ kết thúc nếu kết nối hoặc ngắt kết nối cáp HDMI trong khi quay phim.
- **“Các lưu ý chung khi quay phim” nằm ở trang 385-386.**
- **Nếu cần, tham khảo thêm phần “Các lưu ý chung khi chụp Live View” ở các trang 325-326.**

Cảnh báo

Không nên giữ máy ảnh ở một vị trí trong thời gian dài.

Ngay cả khi máy ảnh không tỏa nhiệt nhiều, tiếp xúc lâu với một bộ phận của máy có thể gây đỏ da, rộp da do bỏng tiếp xúc ở nhiệt độ thấp. Nên sử dụng chân máy khi chụp ảnh hoặc quay phim ở nơi có nhiệt độ cao hoặc khi bạn có vấn đề về tuần hoàn máu hay da kém nhạy cảm.



Lưu ý khi quay phim

- Tập phim mới sẽ được tạo trên thẻ mỗi lần quay phim.
- Phạm vi trường nhìn của phim khi quay phim HD và Full HD là khoảng 100%.
- Bạn cũng có thể lấy nét bằng cách nhấn nút <AF-ON>.
- Khi chọn [/AF] hoặc [/] trong [4:  **btn function (Chức năng nút **)], bạn có thể nhấn hoàn toàn nút chụp để bắt đầu hoặc dừng quay phim (tr.380, trong tab [2] ở chế độ vùng cơ bản).
- Âm thanh được ghi dưới dạng âm thanh stereo bằng micro tích hợp của máy ảnh (tr.328).
- Nếu kết nối Micro thu âm stereo định hướng DM-E1 (bán riêng) với ngõ vào micro ngoài của máy ảnh (tr.29), micro ngoài sẽ được ưu tiên (tr.349).
- Bạn có thể sử dụng hầu hết các loại micro ngoài với chân cắm nhỏ đường kính 3,5 mm.
- Với Pin LP-E6N được sạc đầy, thời gian có thể quay phim sẽ như sau: khoảng 2 giờ 40 phút ở nhiệt độ phòng (23°C / 73°F) và khoảng 2 giờ 20 phút ở nhiệt độ thấp (0°C / 32°F) (khi đặt [1: **Movie rec. size (Kích thước ghi phim)**]:  **29.97P**    và [4: **Movie Servo AF: Disable (Lấy nét Servo phim: Tắt)**]).
- Có thể sử dụng chức năng lấy nét được thiết lập sẵn khi quay phim với ống kính chụp (siêu) xa có trang bị chức năng lấy nét đặt trước. Loại ống kính này được bán trên thị trường từ nửa cuối năm 2011.
- Mẫu màu được ghi sẽ là YCbCr 4:2:0 (8 bit) và ma trận màu được ghi sẽ là Rec. ITU-R BT.709.

Mô phỏng hình ảnh cuối cùng

Mô phỏng hình ảnh cuối cùng là chức năng hiển thị phim có áp dụng các thiết lập hiện tại về kiểu ảnh, cân bằng trắng và các chức năng quay khác.

Trong khi quay, hình ảnh phim sẽ tự động phản ánh các thiết lập chức năng được liệt kê bên dưới. Tuy nhiên, ảnh hiển thị có thể hơi khác so với ảnh kết quả.

Mô phỏng hình ảnh cuối cùng cho quay phim

- Kiểu ảnh
 - * Độ sắc nét (Mạnh), độ tương phản, bão hòa màu và tông màu sẽ được phản ánh.
- Cân bằng trắng
- Hiệu chỉnh cân bằng trắng
- Exposure (Phơi sáng)
- Độ sâu trường ảnh (ngoại trừ khi quay phim time-lapse)
- Tự động tối ưu hóa ánh sáng
- Hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi
- Hiệu chỉnh sắc sai
- Ưu tiên tông màu sáng
- Phim HDR

Trong quá trình quay phim time-lapse, nếu phơi sáng không được mô phỏng chính xác, biểu tượng <Exp.SIM> sẽ nhấp nháy.

Thiết lập chức năng chụp

Thiết lập AF/ISO

Khi hiển thị hình ảnh trên màn hình LCD, nếu nhấn nút <AF> hoặc <ISO>, màn hình thiết lập sẽ xuất hiện trên màn hình LCD và bạn có thể xoay nút xoay <🌀> để thiết lập chức năng tương ứng.

- Trong khi chụp phơi sáng chỉnh tay (tr.332), bạn có thể nhấn nút <ISO> để thiết lập tốc độ ISO.
- Không thể thiết lập thao tác AF, kiểu chụp hoặc chế độ đo sáng.

Q Điều khiển nhanh

Khi ảnh hiển thị trên màn hình LCD, bạn có thể nhấn nút <Q> để thiết lập các chức năng sau đây.

Trong chế độ vùng sáng tạo, bạn có thể thiết lập các chức năng sau:

Phương pháp AF, Kích thước ghi phim, Chống rung khi quay phim, Mức ghi âm (chỉ khi thiết lập bằng tay), **Cân bằng trắng, Kiểu ảnh, Tự động tối ưu hóa ánh sáng và Video quay nhanh.**

Trong chế độ <A+> hoặc <CA>, chỉ thiết lập được các chức năng in đậm nêu trên. Đối với chế độ <SCN>, chỉ có thể thiết lập phương pháp AF.



1 Nhấn nút <Q> (🕒).

- ▶ Các chức năng có thể cài đặt sẽ hiển thị.

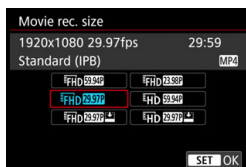
2 Chọn và thiết lập chức năng.

- Nhấn các phím <▲> <▼> để chọn chức năng.
- ▶ Các thiết lập của chức năng đã chọn và hướng dẫn tính năng sẽ xuất hiện trên màn hình.
- Xoay nút xoay <🔍> hoặc <🕒> để cài đặt.
- Để thiết lập hiệu chỉnh cân bằng trắng hoặc thông số kiểu ảnh, nhấn nút <INFO>.
- Để thiết lập cân bằng trắng tự động, chọn [**AWB**] (hoặc [**AWB w**]), rồi nhấn <SET>.
- Nhấn nút <SET> hoặc <Q> để trở lại chế độ quay phim.
- Bạn có thể chọn [<↶>] để trở về quay phim.

ⓘ Khi đặt [**📷1: Sound recording (Ghi âm)**] thành [**Manual (Chỉnh tay)**] và đặt [**📷5: Time-lapse movies (Phim time-lapse)**] thành [**Enable (Bật)**], nhấn nút <Q> sẽ không làm hiển thị mức ghi âm (chỉ khi đặt bằng tay).

📷 Trong khi quay phim, bạn có thể nhấn nút <Q> để thiết lập mức ghi âm (chỉ khi đặt bằng tay).

MENU Thiết lập chất lượng ghi phim



Với [**1: Movie rec. size (Kích thước ghi phim)**], bạn có thể thiết lập chất lượng ghi phim (cỡ ảnh, tốc độ khung hình và phương pháp nén).

Phim sẽ được ghi dưới dạng tập tin MP4.

Tốc độ khung hình hiển thị trên màn hình [**1: Movie rec. size (Kích thước ghi phim)**] sẽ chuyển tự động tùy thuộc vào thiết lập [**3: Video system (Hệ thống video)**] (tr.554).

! Yêu cầu tốc độ đọc và ghi của thẻ cho việc ghi phim sẽ khác nhau tùy vào chất lượng ghi phim. Trước khi quay phim, tham khảo trang 345 để kiểm tra yêu cầu hiệu suất của thẻ.

Kích thước ghi phim

● Cỡ ảnh

FHD 1920x1080

Phim sẽ được ghi ở chất lượng độ phân giải cao (Full HD). Tỷ lệ khung ảnh sẽ là 16:9.

FHD 1280x720

Phim sẽ được ghi ở chất lượng độ phân giải cao (HD). Tỷ lệ khung ảnh sẽ là 16:9.

- !**
- Nếu bạn thay đổi thiết lập [**3: Video system (Hệ thống video)**], hãy đặt lại [**1: Movie rec. size (Kích thước ghi phim)**].
 - Bạn không thể quay phim độ phân giải thường (VGA).

- **Tốc độ khung hình** (fps: số khung hình trên giây)

59.94P 59,94fps / 29.97P 29,97fps

Dành cho khu vực có hệ thống TV là NTSC (Bắc Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Mê-xi-cô, v.v...).

50.00P 50,00 fps / 25.00P 25,00 fps

Dành cho khu vực có hệ thống TV là PAL (Châu Âu, Nga, Trung Quốc, Ô-xtrây-lia, v.v...).

23.98P 23,98 fps

Có thể chọn khi đặt [**4 3: Video system (Hệ thống video)**] thành [**For NTSC (Đối với NTSC)**]. Chủ yếu dành cho phim hoạt hình.

- **Compression method (Phương pháp nén)**

IPB (Tiêu chuẩn)

Nén nhiều khung hiệu quả trong một lần để ghi.

IPB (Nhẹ)

Do phim được ghi ở tốc độ bit thấp hơn IPB (Tiêu chuẩn), kích thước tập tin sẽ nhỏ hơn IPB (Tiêu chuẩn) và độ tương thích phát lại sẽ cao hơn. Thiết lập này giúp quay được lâu hơn so với IPB (Tiêu chuẩn) (trong trường hợp thẻ có cùng dung lượng).

- **Định dạng ghi phim**

MP4 **MP4**

Phim sẽ được ghi ở định dạng MP4 (đuôi tập tin: ".MP4"). Khi xem lại, định dạng này cho khả năng tương thích cao hơn so với MOV.

Những thẻ có thể ghi phim

Khi quay phim, sử dụng thẻ nhớ có dung lượng lớn với tốc độ ghi/đọc (hiệu suất thẻ yêu cầu) như trình bày trong bảng dưới đây hoặc cao hơn thông số tiêu chuẩn. Kiểm tra thẻ bằng cách quay vài phim ở chất lượng mong muốn (tr.343) và đảm bảo thẻ có thể ghi phim chính xác.

Chất lượng ghi phim				Thẻ SD	
Phim thường					
	 			SD Speed Class 10 hoặc cao hơn	
	   Phim HDR			SD Speed Class 6 hoặc cao hơn	
	 	 		SD Speed Class 4 hoặc cao hơn	
	 			SD Speed Class 6 hoặc cao hơn	
	 	 		SD Speed Class 4 hoặc cao hơn	
Phim time-lapse (tr.351)					
	 			UHS-I 90 MB/giây hoặc nhanh hơn	
				UHS-I Speed Class 3 hoặc cao hơn	

* Hiệu suất thẻ yêu cầu đối với phim time-lapse áp dụng cho tốc độ đọc.



- Nếu sử dụng thẻ có tốc độ ghi chậm khi quay phim, phim có thể không được ghi chính xác. Ngoài ra, nếu phát lại phim trên thẻ có tốc độ đọc chậm, phim có thể không được phát lại chính xác.
- Khi không thể ghi phim bình thường, hãy định dạng thẻ và thử lại. Nếu việc định dạng thẻ không giúp giải quyết được vấn đề, tham khảo trang web của nhà sản xuất thẻ, v.v...
- Máy ảnh không tương thích với các thẻ UHS-II, tiêu chuẩn truyền tốc độ cực cao của SDHC/SDXC. (Tương thích với UHS-I.) Với thẻ tương thích UHS-II, truyền tốc độ cao qua UHS-I có thể không thực hiện được tùy theo thông số của thẻ.

- Để có được hiệu suất thẻ tốt hơn, bạn nên định dạng thẻ với máy ảnh trước khi quay phim (tr.75).
- Để kiểm tra tốc độ đọc/ghi của thẻ, tham khảo trang web của nhà sản xuất thẻ, v.v...
- Để tìm hiểu về tỷ lệ bit, tham khảo trang 591.

Tổng thời gian quay phim và kích thước tập tin trên phút

● Phim thường (Ước chừng)

Chất lượng ghi phim	Tổng thời gian có thể ghi phim trên thẻ			Kích thước tập tin	
	8 GB	32 GB	128 GB		
FHD : Phim Full HD					
59.94P 50.00P	IPB	17 phút	70 phút	283 phút	431 MB/phút
29.97P 25.00P 23.98P		35 phút	140 phút	563 phút	216 MB/phút
Phim HDR		35 phút	140 phút	563 phút	216 MB/phút
29.97P 25.00P	IPB	86 phút	347 phút	1391 phút	87 MB/phút
HD : Phim HD					
59.94P 50.00P	IPB	40 phút.	162 phút	649 phút	184 MB/phút
29.97P 25.00P	IPB	250 phút	1001 phút	4004 phút	30 MB/phút

● Phim time-lapse (Ước chừng)

Chất lượng ghi phim	Tổng thời gian có thể ghi phim trên thẻ			Kích thước tập tin	
	8 GB	32 GB	128 GB		
4K : Phim time-lapse 4K					
29.97P 25.00P	MJPG	2 phút	8 phút	34 phút	3576 MB/phút
FHD : Phim time-lapse Full HD					
29.97P 25.00P	W	11 phút	47 phút	189 phút	643 MB/phút

* Đối với thời gian ghi phim (thời lượng phát lại) cho quay phim time-lapse, tham khảo trang 353.

⚠ Nhiệt độ bên trong máy ảnh tăng lên có thể khiến quá trình quay phim kết thúc trước tổng thời gian ghi tối đa được trình bày ở bảng trên (tr.385).

Tập tin phim vượt quá 4 GB

Ngay cả khi tập tin phim vượt quá 4 GB, bạn vẫn có thể tiếp tục quay mà không bị gián đoạn (ngoại trừ quay phim time-lapse).

- **Sử dụng thẻ SD/SDHC đã định dạng bằng máy ảnh**

Nếu sử dụng máy ảnh để định dạng thẻ SD/SDHC, thẻ sẽ được định dạng FAT32.

Với thẻ được định dạng FAT32, nếu bạn quay phim và kích thước tập tin vượt quá 4 GB, tập tin phim mới sẽ tự động được tạo.

Khi xem lại phim, bạn sẽ phải xem riêng từng tập tin phim. Không thể tự động phát lại tập tin phim theo thứ tự liên tục. Sau khi kết thúc phát lại phim, chọn tập tin phim tiếp theo để tiếp tục phát.

- **Sử dụng thẻ SDXC đã định dạng bằng máy ảnh**

Nếu sử dụng máy ảnh để định dạng thẻ SDXC, thẻ sẽ được định dạng exFAT.

Khi sử dụng thẻ định dạng exFAT, ngay cả khi kích thước tập tin vượt quá 4 GB khi quay phim, phim sẽ được lưu thành một tập tin đơn (thay vì được chia thành nhiều tập tin).

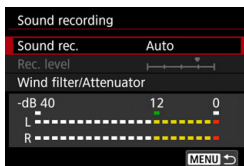
Giới hạn thời gian quay phim

Thời gian ghi tối đa của một clip phim là 29 phút 59 giây. Nếu thời gian quay phim đạt đến 29 phút 59 giây, máy ảnh sẽ tự động dừng quay phim. Nhấn nút <0> để tiếp tục quay phim. (Phim sẽ được ghi dưới dạng tập tin phim mới.)



- Sử dụng EOS Utility (tr.610) hoặc đầu đọc thẻ (tr.615) để tải tập tin phim vượt quá 4 GB về máy tính. Không thể tải xuống tập tin phim vượt quá 4 GB nếu bạn thực hiện tải ảnh bằng hệ điều hành của máy tính.
- Khi quay phim time-lapse 4K (tr.352), nên sử dụng thẻ SDXC.

MENU Thiết lập ghi âm



Bạn có thể quay phim trong khi đang ghi âm bằng micro stereo tích hợp hoặc micro stereo ngoài. Bạn cũng có thể tùy ý điều chỉnh mức ghi âm.

Sử dụng [**1: Sound recording (Ghi âm)**] để thiết lập chức năng ghi âm.

Ghi âm/Mức ghi âm

Auto (Tự động) : Mức ghi âm được điều chỉnh tự động. Điều khiển mức tự động sẽ hoạt động tùy theo mức âm thanh.

Manual (Chỉnh tay): Dành cho người dùng chuyên nghiệp. Bạn có thể điều chỉnh mức ghi âm theo 64 mức.

Chọn [**Rec. level (Mức ghi âm)**] và nhấn các phím <◀> <▶> khi nhìn vào thước đo để điều chỉnh mức ghi âm. Nhìn vào mức cao nhất trên thang đo và điều chỉnh sao cho mức đo nháy sáng ở bên phải dấu “12” (-12dB) để đạt âm thanh to nhất. Nếu vượt quá “0”, âm thanh sẽ bị méo.

Disable (Tắt) : Máy sẽ không ghi lại âm thanh.

Lọc gió

Đặt lọc gió thành [**Auto (Tự động)**] sẽ giúp giảm tiếng ồn của gió khi ở ngoài trời. Tính năng này chỉ hoạt động khi bạn sử dụng micro tích hợp để quay phim. Khi chức năng lọc gió hoạt động, một phần âm thanh trầm cũng sẽ giảm.

Bộ tiêu âm

Tự động ngăn chặn âm thanh biến dạng do tiếng ồn lớn. Ngay cả khi đặt [**Sound rec. (Ghi âm)**] thành [**Auto (Tự động)**] hay [**Manual (Chỉnh tay)**] cho quay phim, âm thanh quá to vẫn có thể dẫn đến méo tiếng. Trong trường hợp này, đặt tính năng này thành [**Enable (Bật)**].

● Sử dụng micro

Thông thường, micro tích hợp ghi âm dưới dạng âm thanh stereo. Nếu kết nối micro stereo ngoài có trang bị chân cắm stereo nhỏ (đường kính 3,5 mm) với ngõ vào micro ngoài của máy ảnh (tr.29), micro gắn ngoài sẽ được ưu tiên. Bạn nên sử dụng Micro thu âm stereo định hướng DM-E1 (bán riêng).



- Nếu bạn sử dụng chức năng Wi-Fi (giao tiếp không dây) với micro ngoài, tiếng ồn có thể bị ghi lại. Trong khi ghi âm, bạn không nên sử dụng chức năng giao tiếp không dây.
- Micro tích hợp của máy ảnh cũng sẽ ghi lại âm thanh thao tác và tiếng ồn của máy ảnh trong khi quay. Sử dụng Micro thu âm stereo định hướng DM-E1 (bán riêng) có thể làm giảm các âm thanh này trong phim.
- Khi kết nối micro ngoài với máy ảnh, đảm bảo đã cắm hết đầu cắm.
- Chỉ được kết nối micro gắn ngoài vào cổng IN micro ngoài của máy ảnh.



- Ở chế độ vùng cơ bản, thiết lập sẵn có của [**Sound recording (Ghi âm)**] sẽ là [**On (Bật)**] hoặc [**Off (Tắt)**]. Nếu đặt [**On (Bật)**], mức ghi âm sẽ được điều chỉnh tự động (giống như với [**Auto (Tự động)**]), và chức năng lọc gió sẽ hoạt động.
- Không thể điều chỉnh cân bằng âm lượng giữa L (trái) và R (phải).
- Âm thanh ghi ở tỷ lệ mẫu 48 kHz/16 bit.

Quay phim HDR

Nếu đặt nút xoay chế độ thành <SCN>, bạn có thể quay phim với khu vực dư sáng được giảm thiểu để có các dải tương phản động cao ngay cả với các cảnh có độ tương phản lớn.

Phim HDR sẽ được ghi vào **FHD 29.97P IPB** (NTSC) hoặc **FHD 25.00P IPB** (PAL).

HDR là viết tắt của High Dynamic Range (Dải tương phản động cao).



1 Đặt nút xoay chế độ thành <SCN>.



2 Quay phim HDR.

- Quay phim theo cách giống như quay phim thông thường.

Do nhiều khung hình được ghép lại để tạo phim HDR, một số phần của phim có thể trông bị méo. Trong khi quay phim cầm tay, máy bị rung có thể khiến méo hình trông rõ hơn. Bạn nên sử dụng chân máy. Lưu ý rằng, kể cả khi quay phim sử dụng chân máy, bóng mờ và nhiễu hạt vẫn có thể trở nên rõ hơn so với phát lại thông thường nếu phát lại phim theo từng khung hình hoặc chuyển động chậm.

Quay phim time-lapse

Ảnh chụp ở quãng chụp đã đặt có thể tự động ghép lại với nhau để tạo thành phim time-lapse 4K hoặc Full HD. Phim time-lapse cho thấy chủ thể đã chụp thay đổi như thế nào trong khoảng thời gian ngắn hơn nhiều so với thời gian thực. Loại phim này hiệu quả khi ghi lại sự thay đổi của cảnh vật tại một điểm quan sát cố định chẳng hạn như sự trưởng thành của cây cối, sự chuyển động của bầu trời, v.v...

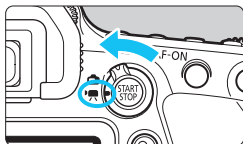
Phim time-lapse sẽ được ghi ở định dạng MOV với chất lượng sau:

4K 29.97P [MPG] (NTSC) / 4K 25.00P [MPG] (PAL) đối với 4K và **FHD 29.97P [ALL-I] (NTSC) / FHD 25.00P [ALL-I] (PAL)** đối với Full HD.

Lưu ý rằng tốc độ khung hình sẽ tự động thay đổi tùy thuộc vào thiết lập [**3: Video system (Hệ thống video)**] (tr.554).

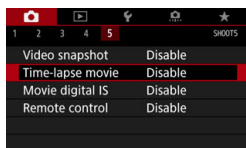
1 Chọn chế độ chụp.

- Trong các chế độ <**A⁺**>, <**CA**>, <**P**>, <**Tv**>, <**Av**> và <**B**>, quay phim phơi sáng tự động sẽ hoạt động như với quay phim bình thường. Trong chế độ <**M**>, quay phim phơi sáng chỉnh tay sẽ hoạt động.



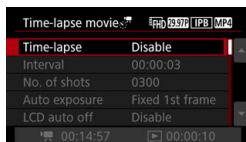
2 Đặt công tắc chụp Live View/quay phim thành <**📹**>.

- Ảnh Live View sẽ xuất hiện trên màn hình LCD.



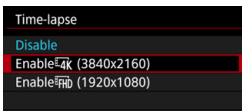
3 Chọn [Time-lapse movie (Phim time-lapse)].

- Trong tab [**5**] (tab [**3**] trong các chế độ <**A⁺**> và <**CA**>), chọn [Time-lapse movie (Phim time-lapse)], rồi nhấn <**SET**>.



4 Chọn [Time-lapse].

⚠ Nếu đặt chế độ <**Tv**> hoặc <**Av**>, không thể thực hiện quay phim time-lapse với ưu tiên tốc độ màn trập hoặc khẩu độ. Quay phim phơi sáng tự động có hiệu lực trong chế độ <**P**>.



5 Chọn kích thước ghi phim mong muốn.

- Chọn [**Enable 4K (3840x2160) (Bật 4K (3840x2160))**] hoặc [**Enable FHD (1920x1080) (Bật FHD (1920x1080))**].

● **Enable 4K (3840x2160) (Bật 4K (3840x2160))**

Phim được ghi ở chất lượng 4K. Tỷ lệ khung ảnh sẽ là 16:9. Phim được ghi ở tốc độ khung hình 29,97fps (**29.97P**) đối với NTSC và 25,00fps (**25.00P**) đối với PAL, định dạng ghi phim là Motion JPEG (**MJPG**) và định dạng tập tin phim là MOV (**MOV**).

● **Enable FHD (1920x1080) (Bật FHD (1920x1080))**

Phim được ghi ở chất lượng độ phân giải cao (Full HD). Tỷ lệ khung ảnh sẽ là 16:9. Phim được ghi ở tốc độ khung hình 29,97fps (**29.97P**) đối với NTSC và 25,00fps (**25.00P**) đối với PAL, định dạng ghi phim là ALL-I (**ALL-I**) và định dạng tập tin phim là MOV (**MOV**).

● Phương pháp ghi phim / Tỷ lệ nén

MJPG MJPG

Mỗi lần nén một khung hình và ghi. Tỷ lệ nén thấp, tuy nhiên bạn sẽ dễ dàng chỉnh sửa phim hơn.

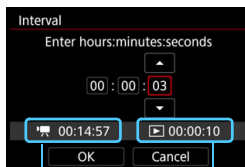
ALL-I (Để chỉnh sửa/I-only)

Mỗi lần nén một khung hình và ghi. Tỷ lệ nén thấp, tuy nhiên bạn sẽ dễ dàng chỉnh sửa phim hơn so với IPB.

● Định dạng ghi phim

MOV MOV

Phim được ghi ở định dạng MOV (đuôi tập tin “.MOV”).

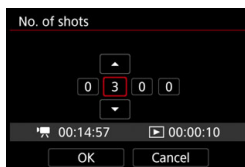


Thời gian cần Thời lượng xem

6 Thiết lập quãng chụp.

- Chọn [Interval (Quãng chụp)].
- Kiểm tra [: Time required (Thời gian cần)] và [: Playback time (Thời lượng xem lại)] hiển thị ở phía dưới màn hình để thiết lập tùy chọn.
- Chọn giờ, phút hoặc giây.
- Nhấn <SET> để hiển thị <>.

- Chọn số mong muốn, rồi nhấn <SET>. (Trở lại <□>.)
- Có thể thiết lập trong phạm vi từ [00:00:01] đến [99:59:59].
- Chọn [OK] để thiết lập quãng chụp.



7 Thiết lập số lượng ảnh.

- Chọn [No. of shots (Số lượng ảnh)].
- Kiểm tra [: Time required (Thời gian cần)] và [: Playback time (Thời lượng xem lại)] hiển thị ở phía dưới màn hình để thiết lập tùy chọn.
- Chọn số.

- Nhấn <SET> để hiển thị <>.
- Chọn số mong muốn, rồi nhấn <SET>. (Trở lại <□>.)
- Có thể thiết lập trong phạm vi từ [0002] đến [3600].
- Kiểm tra để đảm bảo [: Playback time (Thời lượng xem lại)] không hiển thị màu đỏ.
- Chọn [OK] để thiết lập số lượng ảnh.



- Để tìm hiểu về thẻ nhớ có thể ghi phim time-lapse (yêu cầu hiệu suất thẻ), tham khảo trang 345.
- Nếu đặt số lượng ảnh là 3600, phim time-lapse sẽ khoảng 2 phút đối với NTSC và 2 phút 24 giây đối với PAL.



8 Chọn phương thức thiết lập phơi sáng.

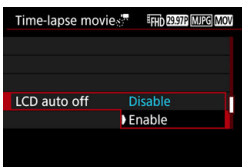
- Chọn [**Auto exposure (Phơi sáng tự động)**].

• Fixed 1st frame (Khung hình đầu tiên được cố định)

Khi chụp ảnh đầu tiên, máy ảnh sẽ thực hiện đo sáng để thiết lập phơi sáng tự động cho khớp với độ sáng. Thiết lập phơi sáng cho ảnh đầu tiên sẽ được áp dụng cho các ảnh tiếp theo. Các thiết lập chụp khác cho ảnh đầu tiên sẽ được áp dụng cho các ảnh tiếp theo.

• Each frame (Mỗi khung hình)

Máy ảnh sẽ thực hiện đo sáng cho từng ảnh tiếp theo để thiết lập phơi sáng tự động cho khớp với độ sáng. Lưu ý rằng nếu đặt các chức năng chẳng hạn như kiểu ảnh và cân bằng trắng thành [**Auto (Tự động)**], các chức năng này sẽ được tự động thiết lập cho từng ảnh tiếp theo.



9 Thiết lập có hoặc không hiển thị ảnh.

- Chọn [**LCD auto off (Tự động tắt LCD)**].

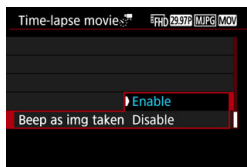
• Disable (Tắt)

Ngay cả khi đang quay phim time-lapse, ảnh vẫn sẽ được hiển thị. (Màn hình LCD chỉ tắt vào thời điểm quay.) Lưu ý rằng màn hình LCD sẽ tắt sau khi bắt đầu quay phim khoảng 30 phút.

• Bật

Màn hình LCD sẽ tắt sau khi bắt đầu quay phim khoảng 10 giây.

Trong quá trình quay phim time-lapse, bạn có thể nhấn nút <INFO> để bật/tắt màn hình LCD.



10 Thiết lập tiếng bíp.

- Chọn [**Beep as img taken (Bíp khi chụp ảnh)**].
- Nếu đặt [**Disable (Tắt)**], tiếng bíp sẽ không phát ra âm thanh khi quay phim.



11 Kiểm tra thiết lập.

Thời gian cần

Thời lượng
xem lại

• Time required (Thời gian cần)

Hiển thị thời gian yêu cầu để chụp được số lượng ảnh với quãng chụp đã thiết lập. Nếu đạt đến 24 giờ, “*** ngày” sẽ hiển thị.

• Playback time (Thời lượng xem lại)

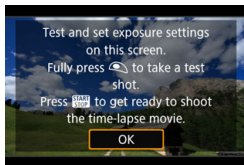
Biểu thị thời gian ghi phim (thời gian cần để phát lại phim) khi tạo phim time-lapse 4K hoặc Full HD từ ảnh được chụp với quãng đã đặt.

12 Thoát menu.

- Nhấn nút <**MENU**> để tắt màn hình menu.



Nếu [**4: Beep (Bíp)**] được đặt thành [**Disable (Tắt)**], bạn không thể cài đặt thiết lập ở bước 10.



13 Đọc thông báo.

- Đọc thông báo và chọn [OK].

14 Chụp thử.

- Thiết lập phơi sáng và các chức năng quay, rồi nhấn nửa chừng nút chụp để lấy nét, tương tự như với chụp Live View.
- Nhấn hoàn toàn nút chụp để chụp thử ảnh. Ảnh chụp sẽ được ghi vào thẻ.
- Nếu không có vấn đề gì với ảnh chụp thử, chuyển sang bước tiếp theo.
- Chụp thử lại, lặp lại bước này.



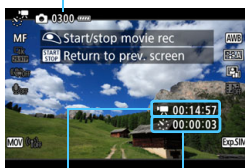
- Ảnh chụp thử được ghi với thiết lập [**1: Movie rec. size (Kích thước ghi phim)**].
- Ở chế độ <M>, bạn có thể đặt tốc độ màn trập trong phạm vi từ 1/4000 giây đến 30 giây.
- Khi quay phim phơi sáng tự động (ngoại trừ đối với các chế độ <A> và <CA>) hoặc quay phơi sáng chỉnh tay với ISO tự động, có thể sử dụng tùy chọn [**ISO Auto (ISO tự động)**] trong [**2: ISO speed settings (Thiết lập tốc độ ISO)**] để thiết lập mức cao nhất của tốc độ ISO đặt tự động (tr.374).
- Khi quay phim phơi sáng chỉnh tay, nếu bạn đặt [**Maximum (Tối đa)**] cho [**ISO speed range (Phạm vi tốc độ ISO)**] thành [**H2(102400)**] ở [**2: ISO speed settings (Thiết lập tốc độ ISO)**], mức cao nhất của phạm vi thiết lập bằng tay sẽ được mở rộng đến H2 (tương đương ISO 102400).



15 Nhấn nút <START STOP>.

- ▶ Máy ảnh sẽ sẵn sàng để bắt đầu quay phim time-lapse.
- Để trở về bước 13, nhấn lại nút <START STOP>.

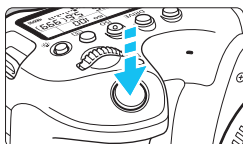
Số lượng ảnh



Thời gian cần Quãng chụp

16 Quay phim time-lapse.

- Nhấn nút <INFO> và kiểm tra lại “Thời gian cần” và “Quãng chụp” hiển thị trên màn hình.
- Nhấn nửa chừng nút chụp để kiểm tra nét và phơi sáng.
- **Nhấn hoàn toàn nút chụp để bắt đầu quay phim time-lapse.**
- Lấy nét tự động sẽ không hoạt động trong khi quay phim time-lapse.
- Trong khi quay phim time-lapse, biểu tượng <[icon]> sẽ nhấp nháy trên bảng điều khiển LCD. Ngoài ra, biểu tượng <[icon]> sẽ xuất hiện ở phía bên trái của “●”.
- Do màn trập điện tử được sử dụng trong khi quay phim time-lapse, gương lật và màn trập sẽ không gây tiếng ồn thao tác máy ảnh.
- ▶ Sau khi chụp xong số lượng ảnh đã thiết lập, quá trình quay phim time-lapse sẽ kết thúc.
- ▶ Chế độ quay phim time-lapse sẽ tự động hủy.



Số lượng ảnh còn lại



Phim time-lapse





- Bạn nên sử dụng chân máy.
- Bạn nên chụp thử ảnh như trong bước 14 và quay thử phim time-lapse trước.
- Với mọi thiết lập [📷 1: **Movie rec. size (Kích thước ghi phim)**], phim time-lapse 4K được ghi ở định dạng 4K 29.97P MJPG (NTSC)/ 4K 25.00P MJPG (PAL), phim time-lapse Full HD được ghi ở định dạng FHD 29.97P ALL-I (NTSC)/ FHD 25.00P ALL-I (PAL).
- Phạm vi trường nhìn của phim khi quay phim 4K và Full HD là khoảng 100%.
- Để hủy khi đang quay phim time-lapse, nhấn hoàn toàn nút chụp hoặc nhấn nút <START STOP> (đặt thành [Disable (Tắt)]). Phim time-lapse sẽ được ghi vào thẻ.
- Nếu thời gian cần quay trên 24 giờ và không quá 48 giờ, số ngày sẽ hiển thị là “2 ngày”. Nếu cần từ 3 ngày hoặc nhiều hơn, số ngày sẽ hiển thị với mức tăng 24 giờ.
- Ngay cả khi thời lượng xem lại phim time-lapse ít hơn 1 giây, tập tin phim sẽ vẫn được tạo. Đối với [Playback time (Thời lượng xem lại)], “00:00:00” sẽ hiển thị.
- Nếu quay trong thời gian dài, bạn nên sử dụng phụ kiện kết nối ổ điện gia đình (bán riêng, tr.524).
- Ở các chế độ <CA+> và <CA>, biểu tượng của cảnh được máy ảnh phát hiện sẽ hiển thị ở góc trên bên trái màn hình (tr.331).
- Mẫu màu được ghi sẽ là YCbCr 4:2:2 (8 bit) đối với phim time-lapse 4K, và YCbCr 4:2:0 (8 bit) đối với phim time-lapse Full HD. Ma trận màu được ghi sẽ là Rec. ITU-R BT.601 đối với phim time-lapse 4K, và Rec. ITU-R BT.709 đối với phim time-lapse Full HD.



- Nếu thẻ không có đủ dung lượng trống để ghi số lượng ảnh đã thiết lập, [Playback time (Thời lượng xem lại)] (tr.355) sẽ hiển thị màu đỏ. Mặc dù máy ảnh có thể tiếp tục chụp, quay phim sẽ dừng lại khi thẻ đầy.
- Khi thẻ không đủ dung lượng trống, “Số lượng ảnh” (tr.357) sẽ hiển thị là “0000” bằng màu đỏ, và bạn sẽ không thể chụp.
- Nếu kích thước tập tin phim vượt quá 4 GB với thiết lập [No. of shots (Số lượng ảnh)] và thẻ không được định dạng exFAT (tr.71), [Play time (Thời gian phát)] sẽ hiển thị màu đỏ (tr.355). Nếu bạn tiếp tục chụp trong tình trạng này và kích thước tập tin phim đạt đến 4 GB, quá trình quay phim time-lapse sẽ dừng.



- Không hướng máy ảnh về phía nguồn sáng mạnh, ví dụ mặt trời hoặc nguồn sáng nhân tạo mạnh. Làm như vậy có thể gây hỏng cảm biến hình ảnh hoặc các bộ phận bên trong máy ảnh.
- Nếu máy ảnh đã kết nối với máy tính qua cáp nối (bán riêng) hoặc nếu cáp HDMI đã được kết nối với máy ảnh, bạn sẽ không thể chọn **[Enable (Bật)]**.
- Lấy nét Servo phim sẽ không có tác dụng.
- Nếu tốc độ màn trập là 1/30 giây hoặc chậm hơn, độ phơi sáng của phim có thể không hiển thị đúng (có thể sẽ khác với độ phơi sáng của phim kết quả).
- Không thao tác zoom ống kính khi đang quay phim time-lapse. Zoom ống kính có thể gây mất nét, thay đổi phơi sáng hoặc tính năng hiệu chỉnh quang sai của ống kính không hoạt động chính xác.
- Khi quay phim time-lapse dưới ánh đèn nhấp nháy, hiện tượng ảnh nhấp nháy, đường sọc ngang (nhiều) hoặc phơi sáng không đều có thể bị ghi lại.
- Ảnh hiển thị trong khi quay phim time-lapse và thành phẩm có thể trông khác nhau (do yếu tố nhấp nháy, độ sâu trường ảnh, v.v...).
- Khi quay phim time-lapse dưới ánh sáng yếu, ảnh hiển thị trong suốt quá trình quay có thể trông khác so với ảnh được ghi thực tế trong phim. Trong trường hợp này, biểu tượng <Exp.SIM> sẽ nhấp nháy.
- Nếu di chuyển máy ảnh từ trái sang phải (lĩa máy) hoặc chụp chủ thể đang di chuyển trong khi quay phim time-lapse, ảnh có thể bị méo hình nghiêm trọng.
- Tự động tắt nguồn sẽ không có hiệu lực trong khi quay phim time-lapse. Đồng thời, bạn không thể điều chỉnh các thiết lập chức năng chụp và chức năng menu, xem lại ảnh, v.v...
- Âm thanh sẽ không được ghi đối với phim time-lapse.
- Khi quay phim time-lapse, bạn có thể nhấn hoàn toàn nút chụp để bắt đầu hoặc dừng quay phim mà không phụ thuộc vào thiết lập [ **btn function (Chức năng nút )**].
- Khi đặt **[Interval (Quãng chụp)]** ít hơn 3 giây và đặt **[Auto exposure (Phơi sáng tự động)]** thành **[Each frame (Mỗi khung hình)]**, nếu độ sáng khác nhiều so với ảnh trước, máy ảnh sẽ không chụp với quãng chụp đã thiết lập.



- Nếu tốc độ màn trập lâu hơn quãng chụp, chẳng hạn như khi thiết lập phơi sáng lâu hoặc nếu tốc độ màn trập chậm được đặt tự động, máy ảnh có thể không chụp được ở quãng chụp đã đặt. Ngoài ra, có thể không chụp được khi đặt tốc độ màn trập và quãng chụp gần như bằng nhau.
- Ảnh sẽ tự nhảy, nếu ảnh dự định sẽ chụp kế tiếp không chụp được. Điều này có thể sẽ rút ngắn thời gian quay phim time-lapse.
- Ngay cả khi đặt **[LCD auto off (Tự động tắt LCD)]** thành **[Disable (Tắt)]**, màn hình LCD vẫn sẽ tắt trong khi phơi sáng. Ngoài ra, nếu quãng chụp là 1 giây, ảnh sẽ không hiển thị.
- Ngay cả khi đặt **[LCD auto off (Tự động tắt LCD)]** thành **[Disable (Tắt)]**, ảnh có thể không hiển thị trước lần chụp tiếp theo cho quãng chụp ngắn.
- Nếu thời gian để ghi vào thẻ lớn hơn quãng chụp do ảnh hưởng của chức năng chụp đã đặt hoặc hiệu suất của thẻ, một vài ảnh có thể không được chụp theo quãng chụp đã thiết lập.
- Các ảnh chụp không được ghi như ảnh thông thường. Ngay cả khi bạn hủy quay phim time-lapse sau khi chỉ chụp một ảnh, tập tin phim vẫn được ghi lại.
- Nếu bạn kết nối máy ảnh với máy tính thông qua cáp nối (bán riêng) và sử dụng EOS Utility (phần mềm EOS), đặt **[ 5: Time-lapse movie (Phim time-lapse)]** thành **[Disable (Tắt)]**. Nếu đặt thành **[Enable (Bật)]**, máy ảnh sẽ không thể giao tiếp với máy tính.
- Trong khi quay phim time-lapse, hệ thống ổn định hình ảnh của ống kính sẽ không hoạt động.
- Nếu đặt công tắc nguồn thành **<OFF>** hoặc thao tác công tắc chụp Live View/quay phim, v.v..., quay phim time-lapse sẽ dừng và thiết lập được chuyển thành **[Disable (Tắt)]**.
- Flash sẽ không đánh sáng ngay cả khi được sử dụng.
- Trạng thái sẵn sàng quay phim time-lapse sẽ bị hủy và thiết lập sẽ chuyển thành **[Disable (Tắt)]** khi thực hiện các thao tác sau đây:
 - Chọn **[Clean manually (Làm sạch bằng tay)]** hoặc **[Clean now  (Làm sạch ngay )]** trong **[ 4: Sensor cleaning (Làm sạch cảm biến)]** hoặc chọn **[ 5: Clear all camera settings (Xóa tất cả thiết lập của máy ảnh)]**.
 - Chọn chế độ chụp **<SCN>**, **< >** hoặc **< >**.



- Khi phim time-lapse kết thúc, các thiết lập sẽ được xóa tự động và máy ảnh trở về chế độ quay phim thông thường. Lưu ý rằng nếu bạn thiết lập tốc độ màn trập chậm cho quay phim time-lapse và các thiết lập bị xóa tự động, tốc độ màn trập có thể sẽ tự động được đổi thành tốc độ trong phạm vi có thể thiết lập cho quay phim thông thường.
- Nếu bạn bắt đầu quay phim time-lapse trong khi biểu tượng cảnh báo nhiệt độ <s> màu trắng (tr.336) hiển thị, chất lượng ảnh của phim time-lapse có thể bị xấu đi. Bạn nên bắt đầu quay phim time-lapse sau khi biểu tượng <s> màu trắng biến mất (nhiệt độ bên trong máy ảnh giảm).
- Nếu xem lại phim time-lapse 4K bằng máy ảnh hoặc chọn [**Slow motion (Chuyển động chậm)**] và đặt tốc độ nhanh nhất (bằng cách xoay nút <⦿> hết cỡ sang bên phải) (tr.422), các khung hình khác sẽ bị bỏ qua khi xem lại.
- Bạn không thể chụp khung hình của phim time-lapse 4K trong khi xem lại (không trang bị tính năng chụp khung hình 4K).
- Khi quay với [**Auto Exposure (Phơi sáng tự động)**] được đặt thành [**Each frame (Mỗi khung hình)**], các thông số sau đây sẽ không được ghi trong thông tin Exif của phim time-lapse.
 - Quay phim phơi sáng tự động: Tốc độ màn trập, Khẩu độ



Thời lượng phim time-lapse ước chừng khi quay với Pin LP-E6N sạc đầy được đề cập trong bảng dưới đây (tính từ khi bắt đầu chụp đến khi hết pin). Thời gian có thể quay phim sẽ khác nhau tùy thuộc vào điều kiện chụp.

Tổng thời gian có thể quay phim time-lapse

(Ước chừng)

Quay phim time-lapse		Nhiệt độ phòng (23°C / 73°F)	Nhiệt độ thấp (0°C / 32°F)
Quăng chụp	Màn hình LCD		
1 giây	Bật	5 giờ 10 phút	4 giờ 30 phút
	Tắt		
10 giây	Bật	3 giờ 10 phút	2 giờ 50 phút.
	Tắt	7 giờ 00 phút	6 giờ 20 phút

 Bạn có thể sử dụng Bộ điều khiển từ xa RC-6 (bán riêng, p.273) hoặc Điều khiển từ xa không dây BR-E1 (bán riêng, tr.275) để bắt đầu và dừng quay phim time-lapse. Đặt [ **5: Remote control (Điều khiển từ xa)**] thành [**Enable (Bật)**] trước.

• Với Bộ điều khiển từ xa RC-6

Thiết lập trạng thái máy ảnh/ điều khiển từ xa	<2> (Trì hoãn 2 giây)	<●> (Nhả ngay lập tức)
Màn hình chụp thử	Sẵn sàng để chụp	Chụp ảnh
Sẵn sàng chụp	Màn hình chụp thử	Bắt đầu chụp
Trong khi quay phim time-lapse	Kết thúc chụp	Kết thúc chụp

• Với Điều khiển từ xa không dây BR-E1

- Trước tiên ghép đôi Điều khiển từ xa không dây BR-E1 với máy ảnh (tr.275).
- Chụp thử ảnh, sau đó khi máy ảnh ở trạng thái sẵn sàng để chụp (như trong bước 15 ở trang 357), đặt công tắc nhả chế độ/quay phim của BR-E1 thành <●> (nhả ngay lập tức) hoặc <2> (nhả sau 2 giây).
- Nếu đã đặt công tắc của bộ điều khiển từ xa thành <📹>, quay phim time-lapse không thể bắt đầu.

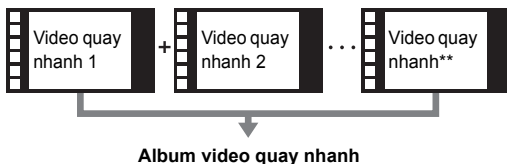
Thiết lập trạng thái máy ảnh/ điều khiển từ xa	<2> (Trì hoãn 2 giây) <●> (Nhả ngay lập tức)	<📹> (Quay phim)
Màn hình chụp thử	Chụp ảnh	Sẵn sàng để chụp
Sẵn sàng chụp	Bắt đầu chụp	Màn hình chụp thử
Trong khi quay phim time-lapse	Kết thúc chụp	Kết thúc chụp

MENU Quay video quay nhanh

Video quay nhanh là sê-ri các clip phim ngắn được quay liên tiếp với thời lượng khoảng 2 giây, 4 giây hoặc 8 giây. Nhiều video quay nhanh có thể được nối lại thành một clip phim và được gọi là album video quay nhanh. Từ đó, bạn có thể trình chiếu nhanh chóng một sự kiện hoặc chuyến du lịch tuyệt vời.

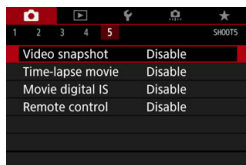
Album video quay nhanh có thể được phát cùng với nhạc nền (tr.370, 428).

Khái niệm về album video quay nhanh



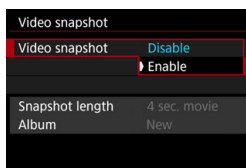
Thiết lập thời lượng video quay nhanh

1 Đặt nút xoay chế độ thành chế độ khác với <SCN>.

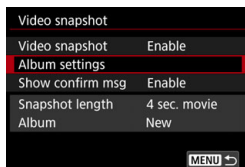


2 Chọn [Video snapshot (Video quay nhanh)].

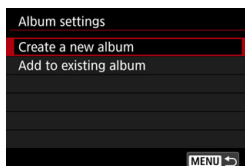
- Trong tab [5] (tab [3] trong chế độ vùng cơ bản), chọn [Video snapshot (Video quay nhanh)], rồi nhấn <SET>.



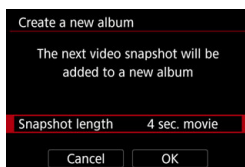
3 Chọn [Enable (Bật)].



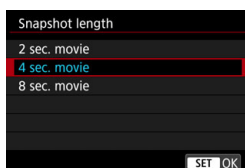
4 Chọn [Album settings (Thiết lập album)].



5 Chọn [Create a new album (Tạo album mới)].



6 Chọn [Snapshot length (Thời lượng cho video quay nhanh)].



7 Đặt thời lượng cho video quay nhanh.

- Chọn thời lượng mong muốn, rồi nhấn <SET>.
- Chọn [OK].



Thời lượng quay

8 Thoát menu.

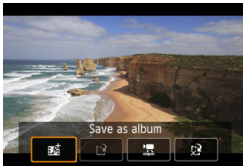
- Nhấn nút <MENU> để thoát menu.
- ▶ Thanh màu xanh da trời xuất hiện cho biết thời lượng của video quay nhanh.
- Chuyển đến phần “Tạo album video quay nhanh” (tr.365).

Tạo album video quay nhanh



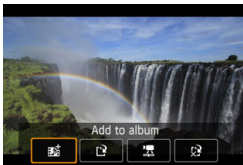
9 Quay video quay nhanh đầu tiên.

- Nhấn nút < ^{START}_{STOP} >, rồi quay phim.
- ▶ Thanh màu xanh da trời biểu thị thời lượng quay sẽ giảm dần. Sau khi hết thời lượng quay đã đặt, quá trình quay sẽ dừng lại tự động.
- ▶ Màn hình xác nhận sẽ xuất hiện (tr.366-367).



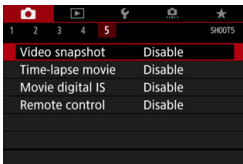
10 Lưu thành album video quay nhanh.

- Chọn [**Save as album (Lưu thành album)**], rồi nhấn < (SET) >.
- ▶ Clip phim sẽ được lưu thành video đầu tiên của album video quay nhanh.



11 Tiếp tục quay các video quay nhanh khác.

- Lặp lại bước 9 để quay video quay nhanh tiếp theo.
- Chọn [**Add to album (Thêm vào album)**], rồi nhấn < (SET) >.
- Để tạo album video quay nhanh khác, chọn [**Save as a new album (Lưu thành album mới)**].
- Lặp lại bước 11 nếu cần.



12 Thoát quay video quay nhanh.

- Đặt [**Video snapshot (Video quay nhanh)**] thành [**Disable (Tắt)**]. Để trở về chế độ quay phim thông thường, đảm bảo đã đặt thành [Disable (Tắt)].
- Nhấn nút < MENU > để thoát menu và trở về chế độ quay phim thông thường.

Tùy chọn ở bước 10 và 11

Chức năng	Mô tả
 Save as album (Lưu thành album) (Bước 10)	Clip phim sẽ được lưu thành video đầu tiên của album video quay nhanh.
 Add to album (Thêm vào album) (Bước 11)	Video quay nhanh vừa ghi sẽ được thêm vào album được ghi ngay trước đó.
 Save as a new album (Lưu thành album mới) (Bước 11)	Album video quay nhanh mới được tạo và clip phim được lưu thành video đầu tiên. Album mới là một tập tin khác với album trước đó.
 Playback video snapshot (Phát lại video quay nhanh) (Bước 10 và 11)	Video quay nhanh vừa ghi sẽ được phát lại. Để tìm hiểu về thao tác xem lại, tham khảo bảng ở trang tiếp theo.
 Do not save to album (Không lưu vào album) (Bước 10)  Delete without saving to album (Xóa và không lưu vào album) (Bước 11)	Video quay nhanh vừa ghi sẽ bị xóa thay vì được lưu vào album. Chọn [OK] trên hộp thoại xác nhận.

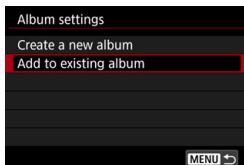
 Để tiếp tục quay video quay nhanh ngay sau một video quay nhanh, đặt **[Disable (Tắt)]** cho **[Show confirm msg (Hiển thị thông báo xác nhận)]** trong **[5: Video snapshot (Video quay nhanh)]**. Thiết lập này cho phép quay video tiếp theo ngay lập tức mà không hiển thị màn hình xác nhận sau mỗi lần quay.

Thao tác [Playback video snapshot (Phát lại video quay nhanh)] ở các bước 10 và 11

Chức năng	Mô tả phát lại
► Play (Phát)	Nhấn <  > để phát hoặc tạm dừng video quay nhanh vừa ghi.
⏮ First frame (Khung hình đầu tiên)	Hiển thị cảnh đầu tiên của video quay nhanh thứ nhất trong album.
⏮ Skip backward (Tua về trước)*	Mỗi lần nhấn <  >, video quay nhanh sẽ được tua về trước vài giây.
⏮ Previous frame (Khung hình trước)	Mỗi lần bạn nhấn <  >, máy ảnh sẽ hiển thị khung hình trước đó. Nhấn giữ <  > để tua lại phim.
⏭ Next frame (Khung hình tiếp theo)	Mỗi lần bạn nhấn <  >, máy ảnh sẽ phát phim từng khung hình một. Nhấn giữ <  > để tua đi phim.
⏭ Skip forward (Tua về sau)*	Mỗi lần nhấn <  >, video quay nhanh sẽ được tua về sau vài giây.
⏭ Last frame (Khung hình cuối)	Hiển thị cảnh cuối của video quay nhanh cuối cùng trong album.
	Vị trí xem lại
mm' ss" (phút' giây")	Thời lượng xem lại (phút:giây)
🔊 Volume (Âm lượng)	Xoay nút xoay <  > để điều chỉnh âm lượng của loa tích hợp (tr.421).
MENU ↶	Nhấn nút <MENU> để trở về màn hình trước đó.

* Đối với [Skip backward (Tua về trước)] và [Skip forward (Tua về sau)], thời lượng tua sẽ tương ứng với số giây được đặt trong [Video snapshot (Video quay nhanh)] (khoảng 2 giây, 4 giây hoặc 8 giây).

Thêm vào album hiện có



1 Chọn [Add to existing album (Thêm vào album hiện có)].

- Thực hiện theo bước 5 ở trang 364 để chọn [Add to existing album (Thêm vào album hiện có)], rồi nhấn <SET>.



2 Chọn album hiện tại.

- Xoay nút xoay <DISP> để chọn album hiện tại, rồi nhấn <SET>.
- Chọn [OK], rồi nhấn <SET>.
- ▶ Một số thiết lập video quay nhanh sẽ thay đổi để phù hợp với thiết lập của album hiện tại.

3 Thoát menu.

- Nhấn nút <MENU> để thoát menu.
- ▶ Màn hình quay video quay nhanh sẽ xuất hiện.

4 Quay video quay nhanh.

- Tham khảo phần “Tạo album video quay nhanh” (tr.365) để quay video quay nhanh.



Không thể chọn album được quay bằng máy ảnh khác.



Thận trọng khi quay video quay nhanh

- Bạn chỉ có thể thêm vào album các video có cùng thời lượng (mỗi video khoảng 2 giây, 4 giây hoặc 8 giây).
- Lưu ý rằng khi đang quay video quay nhanh nếu thực hiện các thao tác dưới đây, album mới sẽ được tạo cho các video quay nhanh tiếp theo.
 - Thay đổi thiết lập [**1: Movie rec. size (Kích thước ghi phim)**].
 - Thay đổi thiết lập [**Sound rec. (Ghi âm)**] từ [**Auto (Tự động)**] hoặc [**Manual (Chỉnh tay)**] thành [**Disable (Tắt)**] hoặc từ [**Disable (Tắt)**] thành [**Auto (Tự động)**] hoặc [**Manual (Chỉnh tay)**].
 - Cập nhật firmware.
- Thời lượng quay của video quay nhanh chỉ là ước chừng. Tùy thuộc vào tốc độ khung hình, thời lượng quay hiển thị trong thời gian phát lại có thể không chính xác.

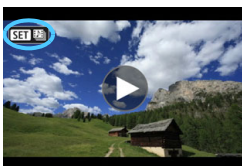
Xem lại album

Bạn có thể xem lại một album video quay nhanh tương tự như xem phim bình thường (tr.421).



1 Phát lại phim.

- Nhấn nút **<▶>** để hiển thị ảnh.



2 Chọn album.

- Trên màn hình hiển thị từng ảnh, biểu tượng **[SET]** hiển thị ở phía trên bên trái màn hình biểu thị cho album video quay nhanh.
- Xoay nút xoay **<◉>** để chọn một album.



3 Xem lại album.

- Nhấn **<SET>**.
- Trên bảng phát lại phim được hiển thị, chọn **[▶]** (Phát), rồi nhấn **<SET>**.



Nhạc nền

- Bạn có thể phát nhạc nền khi xem lại album, phim bình thường và trình chiếu trên máy ảnh (tr.422, 428). Để phát nhạc nền, trước tiên bạn phải sao chép nhạc nền vào thẻ bằng EOS Utility (phần mềm EOS). Để tìm hiểu về cách sao chép nhạc nền, tham khảo Hướng dẫn sử dụng EOS Utility (tr.612).
- Nhạc được ghi trên thẻ nhớ chỉ sử dụng cho mục đích giải trí cá nhân. Không thực hiện hành vi vi phạm quyền lợi của người giữ bản quyền.

Chỉnh sửa album

Sau khi quay, bạn có thể sắp xếp lại, xóa hoặc phát lại video quay nhanh trong album.



1 Chọn [X].

- Trên bảng xem lại phim được hiển thị, chọn [X] (Chỉnh sửa), rồi nhấn <SET>.
- Màn hình chỉnh sửa sẽ hiển thị.



2 Chọn thao tác chỉnh sửa.

- Chọn tùy chọn chỉnh sửa, rồi nhấn <SET>.

Chức năng	Mô tả
↔ Move snapshot (↔ Di chuyển video quay nhanh)	Nhấn phím <◀> <▶> để chọn video quay nhanh bạn muốn di chuyển, rồi nhấn <SET>. Nhấn các phím <◀> <▶> để di chuyển video quay nhanh, rồi nhấn <SET>.
🗑 Delete snapshot (🗑 Xóa video quay nhanh)	Nhấn các phím <◀> <▶> để chọn video quay nhanh cần xóa, rồi nhấn <SET>. Biểu tượng [🗑] sẽ hiển thị trên video quay nhanh được chọn. Nhấn lại <SET> để hủy lựa chọn và biểu tượng [🗑] sẽ biến mất.
▶ Play snapshot (▶ Phát video quay nhanh)	Nhấn các phím <◀> <▶> để chọn video quay nhanh bạn muốn xem lại, rồi nhấn <SET>.



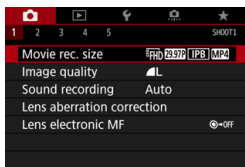
3 Lưu album đã chỉnh sửa.

- Nhấn nút <MENU> để quay lại bảng chỉnh sửa ở cuối màn hình.
- Chọn [] (Lưu), rồi nhấn <(SET)>.
- ▶ Màn hình lưu sẽ xuất hiện.
- Để lưu thành album mới, chọn [**New file (Tập tin mới)**]. Để lưu album đã chỉnh sửa và ghi đè album gốc, chọn [**Overwrite (Ghi đè)**], rồi nhấn <(SET)>.

- Nếu thẻ không có đủ dung lượng trống, không thể thiết lập [**New file (Tập tin mới)**].
- Khi mức pin yếu, bạn không thể thực hiện chỉnh sửa album. Hãy sử dụng pin đã sạc đầy.

MENU Thiết lập chức năng menu

☑1



Khi đặt công tắc chụp Live View/quay phim thành <☑1>, một vài tùy chọn menu trong tab [☑1] sẽ chuyển thành tùy chọn quay phim.

- **Kích thước ghi phim**

Bạn có thể thiết lập chất lượng ghi phim (kích thước khung hình, tốc độ khung hình và phương pháp nén). Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo trang 343-344.

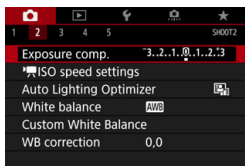
- **Sound recording (Ghi âm)**

Bạn có thể thiết lập chức năng ghi âm. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo trang 348.



Để tìm hiểu thông tin về các mục trong tab [☑1], tham khảo các trang sau đây: [Image quality (Chất lượng ảnh)] ở trang 164, [Lens aberration correction (Hiệu chỉnh quang sai của ống kính)] ở trang 202 và [Lens electronic MF (Lấy nét tay điện tử của ống kính)] ở trang 157.

☑2



Khi đặt công tắc chụp Live View/quay phim thành <☑2>, tùy chọn menu cho thiết lập tốc độ ISO sẽ chuyển thành [☑2: ISO speed settings (Thiết lập tốc độ ISO)]. (Ở chế độ vùng cơ bản, [ISO speed settings (Thiết lập tốc độ ISO)] sẽ không hiển thị.)



Để tìm hiểu thông tin về các mục trong tab [☑2] tham khảo các trang sau đây: [Exposure compensation (Bù trừ phơi sáng)] ở trang 247, [Auto Lighting Optimizer (Tự động tối ưu hóa ánh sáng)] ở trang 196, [White balance (Cân bằng trắng)] ở trang 187, [Custom White Balance (Cân bằng trắng tùy chỉnh)] ở trang 190 và [WB Shift/Bkt. (Thay đổi cân bằng trắng/Cân bằng trắng hỗn hợp)] ở trang 193.

● **ISO speed settings (Thiết lập tốc độ ISO) ***

● **Tốc độ ISO**

Ở chế độ **<M>**, bạn có thể đặt tốc độ ISO bằng tay. Bạn cũng có thể chọn ISO tự động. Bạn cũng có thể sử dụng nút **<ISO>** cho các thiết lập này.

● **Phạm vi tốc độ ISO**

Khi quay phim, bạn có thể đặt bằng tay phạm vi thiết lập tốc độ ISO (mức thấp nhất và cao nhất). Phạm vi được đặt mặc định thành ISO 100 - ISO 25600. Bạn có thể thiết lập mức thấp nhất trong khoảng ISO 100 đến H1 (tương đương ISO 51200) và mức cao nhất trong khoảng ISO 200 đến H2 (tương đương ISO 102400).

● **ISO tự động**

Trong các chế độ **<P>**, **<Tv>**, **<Av>** và **** hoặc với chế độ **<M>** + thiết lập ISO tự động, bạn có thể đặt mức cao nhất cho tốc độ ISO để tự động thiết lập cho quay phim. Thiết lập được đặt mặc định là **[Max.:25600 (Tối đa:25600)]**. Bạn có thể đặt mức cao nhất trong phạm vi từ **[Max.:6400 (Tối đa:6400)]** đến **[Max.:H2 (102400) (Tối đa:H2 (102400))]**.

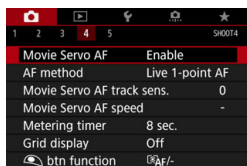
● **ISO tự động**

Trong các chế độ **<P>**, **<Tv>**, **<Av>** và **** hoặc với chế độ **<M>** + thiết lập ISO tự động, bạn có thể đặt mức cao nhất cho tốc độ ISO để tự động thiết lập cho quay phim time-lapse. Thiết lập mặc định là **[Max.:12800 (Tối đa:12800)]**. Bạn có thể đặt mức cao nhất trong phạm vi từ **[Max.:400 (Tối đa:400)]** đến **[Max.:25600 (Tối đa:25600)]**.



- Khi quay phim, tốc độ ISO mở rộng là ISO 32000 và ISO 40000. Khi thiết lập các tốc độ ISO này, **[H]** sẽ hiển thị.
- Để tìm hiểu về **[2: ISO speed settings (Thiết lập tốc độ ISO)]** khi chụp ảnh (chụp qua khung ngắm hoặc chụp Live View), tham khảo các trang 172-176.

4



Khi đặt công tắc chụp Live View/quay phim thành <[]>, tab [4] sẽ hiển thị dưới dạng tùy chọn menu ngoại trừ chế độ quay phim. (Ở chế độ vùng cơ bản, tab [2] sẽ hiển thị.)

● Lấy nét Servo phim

Khi bật chức năng này, máy ảnh sẽ liên tục lấy nét vào chủ thể trong quá trình quay phim. Thiết lập mặc định là **[Enable (Bật)]**.

Khi đặt thành **[Enable (Bật)]**:

- Máy ảnh sẽ liên tục lấy nét chủ thể ngay cả khi không nhấn nửa chừng nút chụp.
- Nếu muốn tiếp tục lấy nét ở một điểm nhất định hoặc không muốn ghi lại tiếng ồn thao tác ống kính, bạn có thể tạm dừng lấy nét Servo phim như sau.
 - Chạm vào biểu tượng [] ở phía dưới bên trái màn hình.
 - Nếu gán [**Pause Movie Servo AF (Tạm dừng lấy nét Servo phim)**] (tr.503) cho nút <[]>, trong [**C.Fn III-4: Custom controls (Điều khiển tùy chỉnh)**], bạn có thể nhấn <[]> để tạm dừng lấy nét Servo phim. Khi nhấn lại nút <[]>, quá trình lấy nét Servo phim sẽ tiếp tục.
 - Nếu gán [**AF stop (Dừng AF)**] (tr.503) cho một nút nào đó, bạn có thể tạm dừng lấy nét Servo phim trong khi nhấn giữ nút này. Khi nhả nút ra, quá trình lấy nét Servo phim sẽ tiếp tục.
- Khi Lấy nét Servo phim đang tạm dừng, nếu bạn trở lại chế độ quay phim sau khi thực hiện các thao tác như nhấn nút <[**MENU**]> hoặc <[]>, hay thay đổi phương pháp AF, Lấy nét Servo phim sẽ tiếp tục.

Khi đặt thành [Disable (Tắt)]:

- Nhấn nửa chừng nút chụp hoặc nhấn nút <AF-ON> để lấy nét.



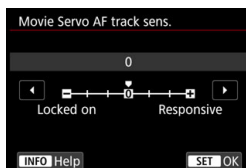
Các lưu ý khi đặt [Movie Servo AF (Lấy nét Servo phim)] thành [Enable (Bật)]

- **Các điều kiện chụp khó lấy nét**
 - Chủ thể chuyển động nhanh đang di chuyển đến gần hoặc ra xa khỏi máy ảnh.
 - Chủ thể chuyển động ở khoảng cách gần máy ảnh.
 - Khi chụp với chỉ số khẩu độ f lớn hơn.
 - Tham khảo phần “Các điều kiện chụp khó lấy nét” ở trang 318.
- Do điều khiển ống kính liên tục và tiêu hao năng lượng pin, thời gian có thể quay phim (tr.346) sẽ giảm.
- Với một số loại ống kính, tiếng ồn thao tác ống kính khi lấy nét có thể bị ghi lại. Sử dụng Micro thu âm stereo định hướng DM-E1 (bán riêng) có thể làm giảm các âm thanh này trong phim.
- Lấy nét Servo phim sẽ tạm dừng trong chế độ xem phóng to hoặc khi đang zoom.
- Trong khi quay phim, nếu chủ thể đang di chuyển đến gần hoặc ra xa, hoặc nếu di chuyển máy ảnh theo chiều dọc hoặc chiều ngang (lĩa máy), hình ảnh phim được ghi có thể mở rộng hoặc co lại (thay đổi hệ số phóng to ảnh) trong giây lát.
- Trong khi lấy nét Servo phim, nếu muốn đặt công tắc chế độ lấy nét của ống kính thành <MF>, trước tiên đặt công tắc chụp Live View/quay phim thành <📷>.

● **Phương pháp AF**

Bạn có thể chọn [**👁️+Tracking (👁️+Theo dõi)**], [**Smooth zone (Vùng mượt)**] hoặc [**Live 1-point AF (AF 1 điểm Live)**]. Để tìm hiểu về phương pháp AF, tham khảo các trang 310-316.

● Độ nhạy theo dõi lấy nét Servo phim ^{*}



Bạn có thể thay đổi độ nhạy theo dõi lấy nét Servo phim với một trong bảy mức. Thay đổi sẽ ảnh hưởng đến tốc độ phản ứng của độ nhạy theo dõi lấy nét khi chủ thể chệch khỏi điểm AF, ví dụ như khi lia máy hoặc khi có chướng ngại vật chắn giữa điểm AF.

Có thể thiết lập chức năng này khi đặt

[4: Movie Servo AF (Lấy nét Servo phim)] thành **[Enable (Bật)]** và đặt **[4: AF method (Phương pháp AF)]** thành **[Live 1-point AF (AF 1 điểm Live)]**.

Locked on (Khóa): -3/-2/-1

Thiết lập này tránh cho máy ảnh theo dõi chủ thể khác nếu điểm AF làm mất dấu chủ thể ban đầu. Càng thiết lập về gần dấu trừ (-), máy ảnh sẽ càng ít theo dõi chủ thể khác. Có hiệu quả khi bạn muốn ngăn điểm AF theo dõi vật không phải chủ thể mục tiêu trong khi lia máy hoặc khi chướng ngại vật vụt qua điểm AF.

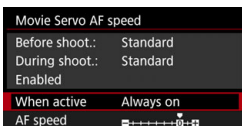
Responsive (Phản ứng): +1/+2/+3

Thiết lập này giúp máy ảnh phản ứng nhạy hơn khi theo dõi chủ thể nằm trong điểm AF. Càng thiết lập về gần dấu cộng (+), máy ảnh sẽ càng nhạy hơn. Hiệu quả khi bạn muốn giữ theo dõi chủ thể chuyển động do khoảng cách từ chủ thể đến máy ảnh thay đổi hoặc để lấy nét nhanh vào chủ thể khác.



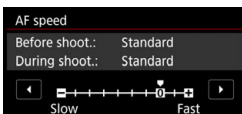
Đặt **[4: AF method (Phương pháp AF)]** thành **[‘+’ Tracking (‘+’ Theo dõi)]** hoặc **[Smooth zone (Vùng mượt)]** sẽ cho kết quả hiệu ứng giống như khi đặt **[0]**.

● Movie Servo AF Speed (Tốc độ lấy nét Servo phim) *



Bạn có thể thiết lập tốc độ AF của chức năng lấy nét Servo phim và các điều kiện hoạt động của chức năng này.

Có thể thiết lập chức năng này khi đặt [📷4: Movie Servo AF (Lấy nét Servo phim)] thành [Enable (Bật)] và đặt [📷4: AF method (Phương pháp AF)] thành [Live 1-point AF (AF 1 điểm Live)]. Ngoài ra, chức năng này được bật khi sử dụng ống kính hỗ trợ tính năng chuyển lấy nét chậm trong khi quay phim*.



When active (Khi bật):

Bạn có thể đặt [Always on (Luôn bật)] để tốc độ AF luôn hoạt động khi quay phim (trước và trong quá trình quay) hoặc đặt [During shooting (Trong khi quay)] để tốc độ AF chỉ hoạt động trong khi quay phim.

AF speed (Tốc độ AF):

Bạn có thể điều chỉnh tốc độ AF (tốc độ chuyển lấy nét) từ tốc độ chuẩn (0) sang chậm (một trong bảy mức) hoặc nhanh (một trong hai mức) để có được hiệu ứng mong muốn cho phim.

* Ống kính hỗ trợ tính năng chuyển lấy nét chậm trong khi quay phim

Ống kính tương thích là các ống kính USM và STM bán trên thị trường từ năm 2009. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo trang web của Canon.



Đối với một số ống kính nhất định, tốc độ AF có thể sẽ không thay đổi ngay cả khi được điều chỉnh.



- Đặt [📷4: AF method (Phương pháp AF)] thành [📷+ Tracking (📷+Theo dõi)] hoặc [Smooth zone (Vùng mượt)] sẽ cho kết quả hiệu ứng giống như khi đặt [AF speed (Tốc độ AF)] thành [Standard (0) (Tiêu chuẩn (0))].
- Nếu thay đổi thiết lập [📷4: Movie Servo AF Speed (Tốc độ lấy nét Servo phim)] khỏi mặc định, dấu sao "*" sẽ hiển thị ở phía bên phải của [📷4: Movie Servo AF Speed (Tốc độ lấy nét Servo phim)].

- **Hẹn giờ đo sáng** [☆]

Bạn có thể thay đổi thời gian hiển thị thiết lập phơi sáng (thời gian khóa phơi sáng).

- **Hiển thị khung lưới**

Khi đặt thành [3x3 

Lưu ý rằng khung lưới sẽ không hiển thị trên màn hình LCD trong khi quay phim.

● Chức năng nút



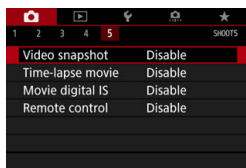
Bạn có thể thiết lập chức năng bằng cách nhấn nửa chừng hoặc hoàn toàn nút chụp trong khi quay phim.

Thiết lập	Nhấn nửa chừng	Nhấn hoàn toàn
 AF/-	Đo sáng và AF	Không có chức năng
 /-	Chỉ đo sáng	Không có chức năng
 AF/ 	Đo sáng và AF	Bắt đầu/dừng quay phim
 / 	Chỉ đo sáng	Bắt đầu/dừng quay phim

Nếu đã đặt [ AF/] hoặc [ /], ngoài việc nhấn nút < >, bạn có thể bắt đầu hoặc dừng quay phim bằng cách nhấn hoàn toàn nút chụp hay sử dụng Công tắc điều khiển từ xa RS-80N3 (bán riêng, tr.278), Bộ điều khiển hẹn giờ từ xa TC-80N3 (bán riêng, tr.278) hoặc Điều khiển từ xa không dây BR-E1 (bán riêng, tr.275).

- Ngay cả khi đặt [ 4:  btn function (Chức năng nút )] thành [ AF/-] hoặc [ /-], nhấn hoàn toàn nút chụp trong khi quay phim time-lapse sẽ bắt đầu hoặc dừng quay phim time-lapse.
- Trong khi quay phim, thiết lập [ 4:  btn function (Chức năng nút )] sẽ vô hiệu hóa tất cả chức năng được gán cho nút chụp trong [].

5



Khi đặt công tắc chụp Live View/quay phim thành <>, tab [ 5] sẽ hiển thị dưới dạng tùy chọn menu ngoại trừ chế độ quay phim. (Ở chế độ vùng cơ bản, tab [ 3] sẽ hiển thị.)

● Video quay nhanh

Bạn có thể quay video quay nhanh. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo trang 363.

● Phim time-lapse

Bạn có thể quay phim time-lapse. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo trang 351.

● **Chống rung khi quay phim**

Chức năng ổn định hình ảnh tích hợp trong máy ảnh sẽ hiệu chỉnh rung máy trong khi quay phim bằng điện tử. Chức năng này gọi là “Chống rung khi quay phim”. Khi sử dụng chống rung khi quay phim, ảnh có thể được ổn định ngay cả khi sử dụng ống kính không có hệ thống ổn định hình ảnh. Khi sử dụng ống kính có hệ thống ổn định hình ảnh quang học tích hợp, Chống rung khi quay phim sẽ hoạt động khi công tắc hệ thống ổn định hình ảnh của ống kính được đặt thành <ON>.

Disable (Tắt) ( OFF) : Chức năng ổn định hình ảnh với Chống rung khi quay phim tắt.

Enable (Bật) () : Hiện tượng rung máy được hiệu chỉnh. Ảnh sẽ được phóng to một chút.

Enhanced (Mạnh) () : So với khi đặt thành **[Enable (Bật)]**, máy ảnh có thể hiệu chỉnh hiện tượng rung máy mạnh hơn. Ảnh sẽ được phóng to thêm.



- Chống rung khi quay phim sẽ không hoạt động khi công tắc hệ thống ổn định hình ảnh quang học của ống kính được đặt thành <OFF> ( ).
- Khi sử dụng ống kính có tiêu cự lớn hơn 800 mm, Chống rung khi quay phim sẽ không hoạt động.
- Không thể đặt chống rung khi quay phim trong khi quay phim HDR (khi đặt chế độ SCN) hoặc quay phim time-lapse.
- Góc ngắm càng rộng (góc rộng), chức năng ổn định hình ảnh càng hiệu quả hơn. Góc ngắm càng hẹp (chụp xa), chức năng ổn định hình ảnh càng kém hiệu quả.
- Khi sử dụng chân máy, bạn nên đặt chống rung khi quay phim thành **[Disable (Tắt)]**.
- Tùy thuộc vào chủ thể và điều kiện chụp, chủ thể có thể bị mờ đáng kể (chủ thể mất nét trong giấy lát) do hiệu ứng của chống rung khi quay phim.
- Khi sử dụng ống kính TS-E, ống kính mắt cá hoặc ống kính không phải của Canon, bạn nên đặt Chống rung khi quay phim thành **[Disable (Tắt)]**.
- Hiệu ứng của chức năng chống rung khi quay phim sẽ không được phản ánh trong tất cả các ảnh phóng to.
- Do chức năng chống rung khi quay phim làm phóng to ảnh, nên ảnh nhìn trông nhiều hạt hơn. Nhiều hạt, các điểm sáng, v.v... cũng sẽ dễ nhận thấy hơn.
- Khi đặt chống rung khi quay phim, kích thước điểm AF cũng sẽ thay đổi.
- Một số loại ống kính không hỗ trợ chức năng chống rung khi quay phim. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo trang web của Canon.

- **Chụp điều khiển từ xa**

Khi đặt [**Enable (Bật)**], bạn có thể bắt đầu hoặc dừng quay phim bằng cách sử dụng Bộ điều khiển từ xa RC-6 (bán riêng, tr.273) hoặc Điều khiển từ xa không dây BR-E1 (bán riêng, tr.275).

- **Khi sử dụng Bộ điều khiển từ xa RC-6**

Đặt công tắc đến vị trí <2>, rồi nhấn nút truyền. Nếu đặt công tắc thành <●> (nhả ngay lập tức), thiết lập [ 4:  **btn function** (**Chức năng nút **)] sẽ hoạt động.

- **Với Điều khiển từ xa không dây BR-E1**

Đặt công tắc nhả chế độ/quay phim đến vị trí <'📷'>, rồi nhấn nút nhả.

Để tìm hiểu về chức năng quay phim time-lapse, tham khảo trang 362.



Các lưu ý chung khi quay phim

Biểu tượng <🔥> màu đỏ cảnh báo nhiệt độ bên trong máy ảnh

- Nếu nhiệt độ bên trong máy ảnh tăng lên do quay phim trong thời gian dài hoặc điều kiện nhiệt độ xung quanh cao, biểu tượng <🔥> màu đỏ sẽ xuất hiện.
- Biểu tượng <🔥> màu đỏ cho biết quá trình quay phim sẽ sớm dừng tự động. Trong trường hợp này, không thể tiếp tục chụp cho đến khi nhiệt độ bên trong máy ảnh giảm xuống. Tắt nguồn và để máy ảnh tạm dừng hoạt động trong chốc lát.
- Quay phim ở nhiệt độ cao trong thời gian dài sẽ làm cho biểu tượng <🔥> màu đỏ xuất hiện sớm hơn. Luôn tắt máy ảnh khi không chụp.

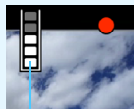
Ghi phim và chất lượng ảnh

- Nếu ống kính được lắp có hệ thống ổn định hình ảnh và công tắc ổn định hình ảnh (IS) đặt thành <ON>, hệ thống ổn định hình ảnh sẽ luôn hoạt động ngay cả khi không nhấn nửa chừng nút chụp. Hệ thống ổn định hình ảnh tiêu tốn năng lượng pin và có thể làm rút ngắn tổng thời gian quay phim tùy thuộc vào điều kiện chụp. Khi không cần sử dụng hệ thống ổn định hình ảnh, chẳng hạn như khi chụp với chân máy, nên đặt công tắc IS thành <OFF>.
- Nếu độ sáng thay đổi trong khi quay phim phơi sáng tự động, phim có thể tạm thời bị dừng hình. Trong trường hợp này, thực hiện quay phim với phơi sáng chỉnh tay.
- Nếu xuất hiện nguồn sáng rất chói trong ảnh, khu vực sáng có thể hiển thị thành màu đen trên màn hình LCD. Phim sẽ được ghi gần như chính xác như hình hiển thị trên màn hình LCD.
- Trong điều kiện ánh sáng yếu, hình ảnh có thể xuất hiện nhiều hạt hoặc không đều màu. Phim sẽ được ghi gần như chính xác như hình hiển thị trên màn hình LCD.
- Nếu phát lại phim trên thiết bị khác, chất lượng hình ảnh hoặc âm thanh có thể xấu đi hoặc không thể xem (ngay cả khi thiết bị đó hỗ trợ định dạng MP4/MOV).

Các lưu ý chung khi quay phim

Ghi phim và chất lượng ảnh

- Nếu sử dụng thẻ có tốc độ ghi chậm, thang đo năm mức sẽ xuất hiện ở bên phải màn hình trong khi quay phim. Thang đo này cho biết lượng dữ liệu chưa được ghi vào thẻ (dung lượng còn lại của bộ nhớ đệm bên trong). Thẻ có tốc độ ghi càng chậm, thang đo tăng lên càng nhanh. Nếu thang đo ở mức cao nhất, quá trình quay phim sẽ tự động dừng lại.



Thang đo

Nếu thẻ có tốc độ ghi nhanh, thang đo sẽ không xuất hiện hoặc mức thang (nếu hiển thị) sẽ ít tăng lên. Trước tiên, quay thử một vài đoạn phim để kiểm tra tốc độ ghi của thẻ.

- Nếu thang đo cho thấy thẻ nhớ đã đầy và tự động dừng quay phim, âm thanh gần cuối phim có thể không được ghi lại hoàn toàn.
- Nếu tốc độ ghi của thẻ chậm (do phân mảnh) và thang đo xuất hiện, định dạng thẻ có thể giúp tốc độ ghi nhanh hơn.

Phát lại và kết nối TV

- Nếu kết nối máy ảnh với TV (tr.429) và quay phim, TV sẽ không phát ra âm thanh khi đang quay. Tuy nhiên, âm thanh vẫn sẽ được ghi lại chính xác.

Các hạn chế đối với phim định dạng MP4

Lưu ý rằng thông thường phim định dạng MP4 có các hạn chế sau.

- Âm thanh sẽ không được ghi cho khoảng hai khung hình cuối cùng.
- Khi xem phim trên Windows, hình ảnh và âm thanh phim có thể hơi lệch.

[illegible]

This image shows a single sheet of white paper with horizontal ruling lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page. There are no margins, text, or other markings on the paper.

10

Xem lại ảnh

Chương này mô tả cách xem lại và xóa ảnh/phim đã chụp/quay, cách xem lại trên màn hình TV và các chức năng liên quan khác.

Ảnh được chụp và lưu lại bằng thiết bị khác

Máy ảnh có thể không hiển thị chính xác ảnh được chụp bằng máy ảnh khác, ảnh được chỉnh sửa bằng máy tính hoặc khi tập tin ảnh đã bị đổi tên.

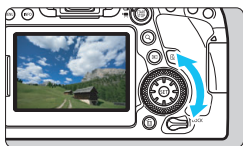
▶ Xem lại ảnh

Hiển thị từng ảnh



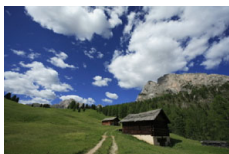
1 Xem lại ảnh.

- Nhấn nút <▶>.
- ▶ Ảnh chụp sau cùng hoặc ảnh xem sau cùng sẽ xuất hiện.



2 Chọn ảnh.

- Để xem lại ảnh bắt đầu từ ảnh chụp cuối cùng, xoay nút xoay <◉> ngược chiều kim đồng hồ. Để xem lại ảnh bắt đầu từ ảnh chụp đầu tiên, xoay nút xoay theo chiều kim đồng hồ.
- Mỗi lần nhấn nút <INFO>, hiển thị sẽ thay đổi.



Không có thông tin



Hiển thị thông tin cơ bản



Hiển thị thông tin chụp

3 Thoát xem lại ảnh.

- Nhấn nút <▶> để thoát xem lại ảnh và quay lại trạng thái sẵn sàng chụp.



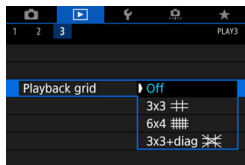
- Khi xem lại ảnh RAW chụp với [**4: Aspect ratio (Tỷ lệ khung ảnh)**] không phải [**3:2**] (tr.170), đường viền khung biểu thị khu vực ảnh sẽ hiển thị.
- Nếu đã đặt điều kiện tìm kiếm với [**2: Set image search conditions (Thiết lập điều kiện tìm kiếm ảnh)**] (tr.404), màn hình sẽ chỉ hiển thị các ảnh tìm thấy.

Hiển thị thông tin chụp

Khi hiển thị màn hình thông tin chụp (tr.390), bạn có thể nhấn các phím <▲> <▼> để thay đổi thông tin chụp hiển thị ở dưới cùng màn hình như sau. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo trang 394-397.



MENU Hiển thị khung lưới



Trong chế độ hiển thị ảnh đơn, bạn có thể hiển thị khung lưới trên ảnh đang xem.

Với [**▶ 3: Playback grid (Khung lưới khi xem)**], có thể chọn [**3x3** , [**6x4** ] hoặc [**3x3+diag** ] (**3x3+chéo** )].

Đây là chức năng tiện lợi để kiểm tra độ nghiêng theo chiều ngang và dọc, cũng như bố cục ảnh.

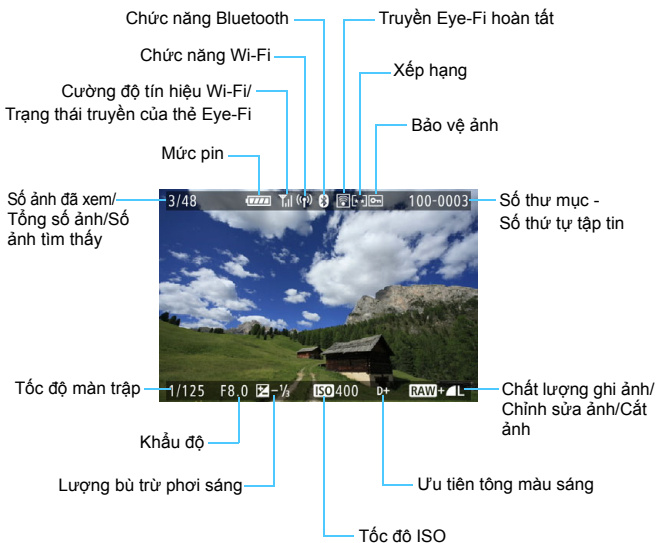


Khung lưới không được hiển thị khi phát lại phim.

INFO: **Hiện thị thông tin chụp**

Thông tin mẫu cho ảnh

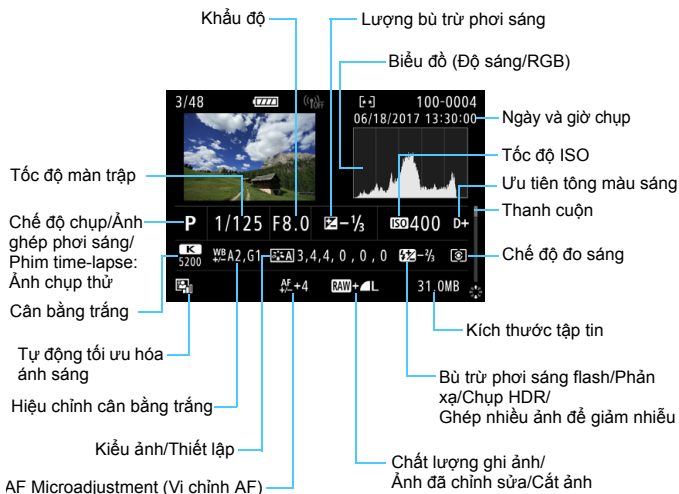
● **Hiện thị thông tin cơ bản**



- Một số thông tin chụp có thể sẽ không hiển thị nếu ảnh được chụp bằng máy ảnh khác.
- Ảnh chụp với máy ảnh này có thể không xem lại được trên máy ảnh khác.

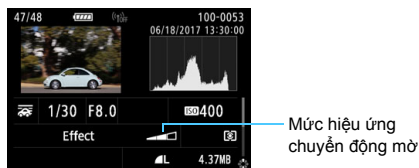
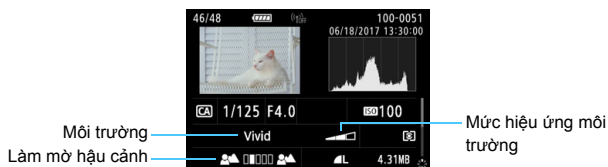
● Hiển thị thông tin chụp

• Thông tin chi tiết cho ảnh chụp với chế độ vùng sáng tạo



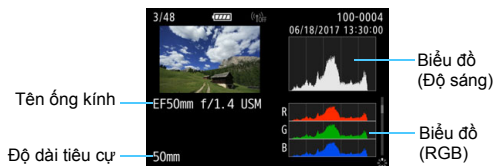
- * Khi chụp với chất lượng ảnh RAW+JPEG, kích thước tập tin ảnh RAW sẽ được hiển thị.
- * Các đường biểu thị khu vực ảnh sẽ hiển thị cho ảnh chụp được đặt tỷ lệ khung ảnh (tr.170) và cho chất lượng ảnh được đặt thành RAW hoặc RAW+JPEG.
- * Trong quá trình chụp ảnh có đèn flash mà không bù trừ phơi sáng flash, biểu tượng <⚡> sẽ hiển thị.
- * Biểu tượng <⚡> sẽ hiển thị cho ảnh được chụp ở chế độ chụp ảnh với đèn flash phản xạ.
- * Biểu tượng cho hiệu ứng (tr.256) và lượng điều chỉnh dải tương phản động sẽ hiển thị đối với ảnh được chụp ở chế độ HDR.
- * Biểu tượng <⚡> sẽ hiển thị đối với ảnh được chụp ghép phơi sáng.
- * Biểu tượng <⚡> sẽ hiển thị đối với ảnh được chụp với ghép nhiều ảnh để giảm nhiễu.
- * Biểu tượng <⚡> sẽ hiển thị đối với ảnh chụp thử khi quay phim time-lapse.
- * Biểu tượng <⚡> sẽ hiển thị đối với ảnh được tạo và lưu sau khi thực hiện xử lý ảnh RAW, thay đổi cỡ ảnh hoặc cắt ảnh.
- * Biểu tượng <⚡> sẽ hiển thị đối với ảnh được cắt rồi lưu.

- Thông tin chi tiết cho ảnh chụp với chế độ vùng cơ bản

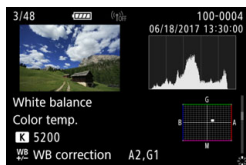


* Thang đo **[Brightness (Độ sáng)]** hiển thị đối với ảnh đã điều chỉnh độ sáng để chụp.

- Thông tin ống kính / biểu đồ



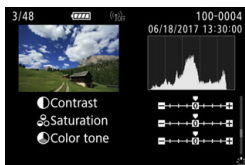
- Thông tin cân bằng trắng



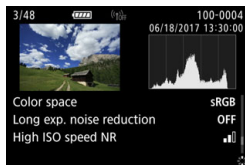
- Thông tin kiểu ảnh 1



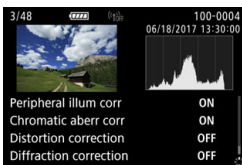
- Thông tin kiểu ảnh 2



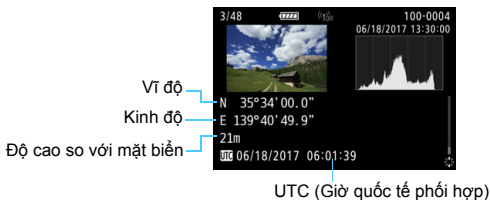
- **Không gian màu / Thông tin giảm nhiễu hạt**



- **Thông tin hiệu chỉnh quang sai của ống kính**



- **Thông tin GPS**



- Màn hình thông tin GPS sẽ không hiển thị khi ảnh không ghi thông tin GPS.
- Ngay cả khi bạn sử dụng máy ảnh này để xem ảnh có ghi thông tin GPS chụp bằng máy ảnh khác, thông tin GPS cũng sẽ không hiển thị.

Hiển thị thông tin phim mẫu



- <A/ / HDR / >: Tốc độ màn trập, khẩu độ và tốc độ ISO sẽ không hiển thị.
- <M> + ISO tự động: Tốc độ ISO sẽ không hiển thị.
- Biểu tượng < >, < > hoặc < > sẽ hiển thị đối với phim time-lapse. Lưu ý rằng “Tốc độ màn trập”, “Khẩu độ” hoặc “Tốc độ ISO” sẽ không hiển thị cho phim time-lapse khi thực hiện “Quay phim phơi sáng tự động” với **[Each frame (Mỗi khung hình)]** được đặt cho **[Auto exposure (Phơi sáng tự động)]** trong **[5: Time-lapse movie (Phim time-lapse)]**. “Tốc độ ISO” sẽ không hiển thị cho phim time-lapse quay bằng “Quay phim phơi sáng chỉnh tay”.
- Biểu tượng < > sẽ hiển thị cho video quay nhanh.
- Biểu tượng < > hoặc < > sẽ hiển thị cho phim được hiệu chỉnh rung máy bằng chức năng chống rung khi quay phim.

Trong khi xem lại phim, “*,” sẽ hiển thị cho **[Fineness (Độ mịn)]** và **[Threshold (Ngưỡng)]** của **[Sharpness (Độ sắc nét)]** của **[Picture Style (Kiểu ảnh)]**.

- **Cảnh báo vùng sáng**

Khi đặt [ **3: Highlight alert (Cảnh báo vùng sáng)**] thành [**Enable (Bật)**], vùng dư sáng sẽ nhấp nháy. Để thu được hiệu ứng chuyển màu chi tiết hơn ở khu vực nhấp nháy mà bạn muốn tái tạo hiệu ứng chuyển màu một cách chân thực, thiết lập bù trừ phơi sáng sang âm rồi chụp lại sẽ cho kết quả tốt hơn.

- **Hiển thị điểm AF**

Khi [ **3: AF point disp. (Hiển thị điểm AF)**] được đặt thành [**Enable (Bật)**], điểm AF lấy được nét sẽ hiển thị bằng màu đỏ. Nếu đặt chọn điểm AF tự động, máy ảnh có thể sẽ hiển thị nhiều điểm AF.

● Biểu đồ

Biểu đồ độ sáng hiển thị phân phối mức phơi sáng và độ sáng tổng thể. Biểu đồ RGB để kiểm tra độ bão hòa màu và độ chuyển màu. Có thể thay đổi hiển thị với [▶ 3: Histogram disp. (Hiện thị biểu đồ)].

● Hiện thị [Brightness (Độ sáng)]

Biểu đồ này là đồ thị hiển thị phân phối mức độ sáng của ảnh. Trục ngang biểu thị mức độ sáng (tối hơn ở bên trái và sáng hơn ở bên phải) và trục dọc biểu thị số lượng điểm ảnh ở mỗi mức độ sáng. Càng nhiều điểm ảnh về phía bên trái, ảnh càng tối. Càng nhiều điểm ảnh về phía bên phải, ảnh càng sáng. Nếu có quá nhiều điểm ảnh ở bên trái, chi tiết vùng tối sẽ mất. Nếu có quá nhiều điểm ảnh ở bên phải, chi tiết vùng sáng sẽ mất. Độ chuyển màu ở khoảng giữa sẽ được tái tạo. Kiểm tra ảnh và biểu đồ độ sáng có thể biết được xu hướng của mức phơi sáng và độ chuyển màu tổng thể.

Biểu đồ mẫu



Ảnh tối



Độ sáng bình thường



Ảnh sáng

● Hiện thị [RGB]

Biểu đồ này là đồ thị hiển thị phân phối mức độ sáng của mỗi màu chính trong ảnh (RGB hoặc đỏ, xanh lá cây và xanh da trời). Trục ngang biểu thị mức độ sáng của màu (tối hơn ở bên trái và sáng hơn ở bên phải), và trục dọc biểu thị số lượng điểm ảnh ở mỗi mức độ sáng của màu. Càng nhiều điểm ảnh về phía bên trái, ảnh càng tối và độ ẩm màu càng ít. Càng nhiều điểm ảnh về phía bên phải, ảnh càng sáng và màu càng đậm hơn. Nếu có quá nhiều điểm ảnh ở bên trái, thông tin màu tương ứng sẽ bị thiếu. Nếu có quá nhiều điểm ảnh ở bên phải, màu sẽ quá bão hòa và không có độ chuyển màu. Kiểm tra biểu đồ RGB của ảnh có thể biết được độ chuyển màu và tình trạng bão hòa của màu, cũng như xu hướng cân bằng trắng.

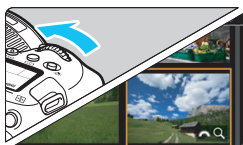
Hiển thị bảng kê (Hiển thị nhiều ảnh)

Tìm kiếm ảnh nhanh chóng với hiển thị bảng kê 4, 9, 36 hoặc 100 ảnh trên một màn hình.



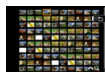
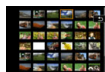
1 Nhấn nút <Q>.

- Trong khi xem lại ảnh hoặc khi máy ảnh đã sẵn sàng chụp, nhấn nút <Q>.
- [ Q] sẽ hiển thị ở phía dưới bên phải màn hình.



2 Chuyển sang hiển thị bảng kê.

- Xoay nút xoay < > ngược chiều kim đồng hồ.
- Hiển thị bảng kê 4 ảnh sẽ xuất hiện. Ảnh đã chọn được đánh dấu bằng khung màu cam.
- Tiếp tục xoay nút xoay < > ngược chiều kim đồng hồ sẽ chuyển từ hiển thị bảng kê 9 ảnh sang 36 ảnh, rồi sang 100 ảnh. Nếu xoay nút xoay theo chiều kim đồng hồ, sẽ chuyển từ hiển thị bảng kê 100 ảnh, 36 ảnh, 9 ảnh, 4 ảnh sang 1 ảnh.



3 Chọn ảnh.

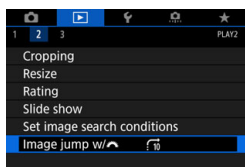
- Thao tác nút xoay < > hoặc < > để di chuyển khung màu cam và chọn ảnh.
- Nhấn nút <Q> để tắt biểu tượng [ Q], rồi xoay nút xoay < > để hiển thị ảnh trên màn hình kế tiếp hoặc trước đó.
- Nhấn < > trong hiển thị bảng kê để hiển thị ảnh đã chọn theo kiểu hiển thị từng ảnh.



Nếu đã đặt điều kiện tìm kiếm với [▶ 2: Set image search conditions (Thiết lập điều kiện tìm kiếm ảnh)] (tr.404), màn hình sẽ chỉ hiển thị các ảnh tìm thấy.

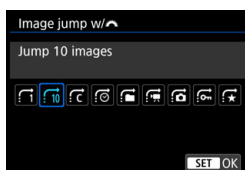
Hiện thị nhảy ảnh (Nhảy qua các ảnh)

Với hiện thị từng ảnh, bạn có thể xoay nút xoay < > để nhảy qua các ảnh về phía trước hoặc phía sau theo kiểu nhảy ảnh đã thiết lập.



1 Chọn [Image jump w/] (Nhảy ảnh với).

- Trong tab [ 2], chọn [Image jump w/ ] (Nhảy ảnh với ), rồi nhấn < >.



2 Chọn kiểu nhảy ảnh.

- Chọn kiểu nhảy ảnh, rồi nhấn < >.

: Hiện thị từng ảnh

: Nhảy 10 ảnh

: Nhảy ảnh theo số ảnh chỉ định

: Hiện thị theo ngày

: Hiện thị theo thư mục

: Chỉ hiện thị phim

: Chỉ hiện thị ảnh

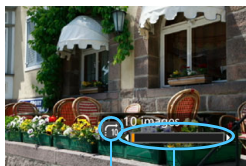
: Chỉ hiện thị ảnh được bảo vệ

: Hiện thị theo xếp hạng ảnh

(tr.414)



- Khi đặt thành [Jump images by the specified number (Nhảy ảnh theo số ảnh chỉ định)], bạn có thể xoay nút xoay < > để chọn số ảnh muốn nhảy (từ 1 đến 100).
- Khi chọn [Display by image rating (Hiện thị theo xếp hạng ảnh)], xoay nút xoay < > để chỉ định xếp hạng. Nếu bạn duyệt ảnh đã đánh dấu ★, máy sẽ hiện thị tất cả ảnh đã xếp hạng.



Kiểu nhảy ảnh

Vị trí xem lại

3 Duyệt ảnh với chức năng nhảy ảnh.

- Nhấn nút <  > để xem lại ảnh.
- Trên hiển thị từng ảnh, xoay nút xoay <  >.
- ▶ Bạn có thể duyệt ảnh với kiểu nhảy được thiết lập.

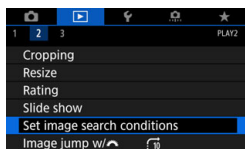


- Để tìm kiếm ảnh theo ngày chụp, chọn [ : **Date (Ngày tháng)**].
- Để tìm kiếm ảnh theo thư mục, chọn [ : **Folder (Thư mục)**].
- Nếu thẻ có chứa cả phim và ảnh, chọn [ : **Movies (Phim)**] hoặc [ : **Stills (Ảnh)**] để hiển thị một trong hai loại.
- Nếu đặt kiểu nhảy ảnh thành [ : **Protect (Bảo vệ)**] hoặc [ : **Rating (Xếp hạng)**] nhưng ảnh chưa được thiết lập bảo vệ hay xếp hạng, thì không thể sử dụng nút xoay <  > để duyệt qua các ảnh.
- Nếu đặt điều kiện tìm kiếm với [ **2: Set image search conditions (Thiết lập điều kiện tìm kiếm ảnh)**] (tr.404), hiển thị nhảy ảnh chỉ thực hiện đối với các ảnh tìm thấy.

Lọc ảnh để xem lại

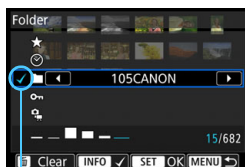
Bạn có thể xem ảnh đã lọc theo điều kiện tìm kiếm. Sau khi thiết lập điều kiện tìm kiếm, bạn có thể xem và chỉ hiển thị các ảnh được tìm thấy.

Lưu ý rằng bạn có thể thực hiện các thao tác sau đối với ảnh tìm thấy: Chống xóa, xếp hạng, trình chiếu, xóa, đặt lệnh in và lập sách ảnh. Tính năng này giúp bạn có thể nhanh chóng thực hiện cùng lúc một tác vụ cụ thể trên các ảnh được tìm thấy.



1 Chọn [Set image search conditions] (Thiết lập điều kiện tìm kiếm ảnh).

- Trong tab [▶ 2], chọn [Set image search conditions (Thiết lập điều kiện tìm kiếm ảnh)], rồi nhấn <[SET]>.



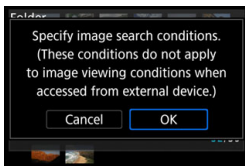
2 Thiết lập điều kiện tìm kiếm.

- Nhấn các phím <▲> <▼> để chọn mục.
- Nhấn các phím <◀> <▶> để đặt thiết lập.
- ▶ Dấu chọn [✓] sẽ được thêm vào bên trái của mục. (Được chỉ định làm điều kiện tìm kiếm.)

Dấu chọn

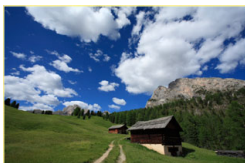
- Nếu bạn chọn mục và nhấn nút <[INFO]>, dấu chọn [✓] sẽ bị xóa. (Hủy điều kiện tìm kiếm.)

Mục	Thiết lập
★ Rating (Xếp hạng)	Máy ảnh sẽ hiển thị ảnh có điều kiện (xếp hạng) đã chọn.
☺ Date (Ngày tháng)	Máy ảnh sẽ hiển thị ảnh chụp vào ngày chụp đã chọn.
📁 Folder (Thư mục)	Máy ảnh sẽ hiển thị ảnh trong thư mục được chọn.
🔒 Protect (Bảo vệ)	Máy ảnh sẽ hiển thị ảnh có điều kiện (bảo vệ) đã chọn.
📁 Type of file (Loại tập tin)	Hiển thị ảnh với loại tập tin được chọn. Có thể thiết lập các định dạng tập tin sau: [📷 Stills (Ảnh)], [📷 (RAW)], [📷 (RAW,RAW+JPEG)], [📷 (RAW+JPEG)], [📷 (RAW+JPEG, JPEG)], [📷 (JPEG)] và [🎬 Movies (Phim)].



3 Thực hiện điều kiện tìm kiếm.

- Đọc thông báo hiển thị.
- Chọn **[OK]**, rồi nhấn **<SET>**.
- ▶ Điều kiện tìm kiếm được chỉ định.



Khung màu vàng

4 Hiển thị ảnh đã tìm thấy.

- Nhấn nút **<▶>** để xem lại ảnh.
- ▶ Màn hình sẽ chỉ hiển thị các ảnh khớp với điều kiện đã đặt (được lọc).
- ▶ Khi ảnh được lọc, màn hình sẽ xuất hiện khung viền màu vàng.

Xóa điều kiện tìm kiếm

Hiển thị màn hình ở bước 2, rồi nhấn nút **<⏏>** để xóa tất cả dấu chọn **[✓]**. Nhấn nút **<SET>**, rồi chọn **[OK]** để xóa điều kiện tìm kiếm.



Nếu không có ảnh khớp với điều kiện tìm kiếm, nhấn **<SET>** trên màn hình ở bước 2 sẽ không bật **[OK]**. (Không thể tiếp tục sang bước 3.)



- Ngay cả khi đặt [**2: Auto power off (Tự động tắt nguồn)**] thành [1 min. (1 phút)], [2 min. (2 phút)] hoặc [4 min. (4 phút)], thời gian tự động tắt nguồn sẽ là khoảng 6 phút khi màn hình [**2: Set image search conditions (Thiết lập điều kiện tìm kiếm ảnh)**] hiển thị.
- Thực hiện bất kỳ thao tác nào sau đây sẽ xóa điều kiện tìm kiếm và chế độ hiển thị lọc sẽ kết thúc. (Thông báo **[Image search canceled (Đã hủy điều kiện tìm kiếm)]** có thể sẽ xuất hiện trên màn hình.)
 - Thực hiện chụp.
 - Tự động tắt nguồn hoạt động.
 - Đặt công tắc nguồn thành **<OFF>**.
 - Định dạng thẻ.
 - Mở nắp ngăn chứa pin và nắp khe cắm thẻ.
 - Thêm ảnh (xử lý ảnh RAW, thay đổi cỡ ảnh, cắt ảnh, v.v...).
 - Khi không còn bất cứ ảnh nào khớp với các điều kiện tìm kiếm.
 - Xóa tất cả thiết lập máy ảnh.

🔍 Phóng to ảnh

Bạn có thể phóng to ảnh đã chụp khoảng 1,5x đến 10x trên màn hình LCD.

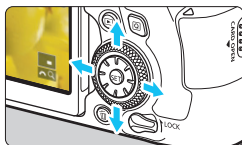


1 Phóng to ảnh.

- Ảnh có thể được phóng to trong các trường hợp sau: 1. Trong khi xem lại ảnh, 2. Trong khi xem lại ảnh sau khi chụp, và 3. Từ trạng thái sẵn sàng chụp.
- Nhấn nút <Q>.
- Xem phóng to sẽ xuất hiện. Vị trí khu vực phóng to và [🔍 Q] sẽ hiển thị ở phía dưới bên phải màn hình.
- Hệ số phóng to ảnh sẽ tăng khi xoay nút xoay <🔍> ngược chiều kim đồng hồ. Bạn có thể phóng to ảnh tối đa khoảng 10x.
- Hệ số phóng to ảnh sẽ giảm khi xoay nút xoay <🔍> ngược chiều kim đồng hồ. Chỉ trong trường hợp 1 và 3, tiếp tục xoay nút xoay sẽ chuyển sang hiển thị bảng kê (tr.401).

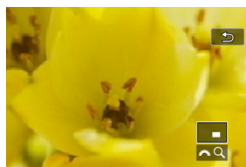


Vị trí khu vực phóng to



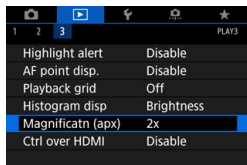
2 Di chuyển quanh ảnh.

- Sử dụng nút <🔍> để di chuyển quanh ảnh phóng to.
- Nhấn nút <Q> hoặc <▶> để thoát chế độ xem phóng to.

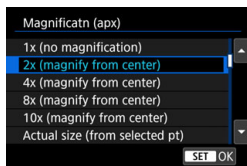


- Trong trường hợp 1 và 3, bạn có thể xoay nút xoay <🔍> để xem ảnh khác trong khi giữ nguyên chế độ phóng to.
- Không thể phóng to phim.

MENU Thiết lập tỷ lệ và vị trí phóng to ban đầu



Trong tab [3], khi chọn [**Magnificatn (apx)** (**Hệ số phóng to (ước chừng)**)], bạn có thể thiết lập tỷ lệ và vị trí phóng to ban đầu cho chế độ hiển thị phóng to.



- **1x (no magnification) (1x (không phóng to))**
Ảnh không được phóng to. Hiển thị phóng to sẽ bắt đầu với ảnh đơn.
- **2x, 4x, 8x, 10x (magnify from center) (2x, 4x, 8x, 10x (phóng to từ trung tâm))**
Hiển thị phóng to bắt đầu ở trung tâm ảnh tại mức phóng to đã chọn.
- **Actual size (from selected point) (Kích thước thực tế (từ điểm được chọn))**
Điểm ảnh được ghi sẽ hiển thị ở mức xấp xỉ 100%. Hiển thị phóng to bắt đầu tại điểm AF được lấy nét. Nếu ảnh được chụp ở chế độ lấy nét tay, hiển thị phóng to sẽ bắt đầu ở trung tâm ảnh.
- **Same as last magnification (from center) (Giống như lần phóng to gần nhất (từ trung tâm))**
Mức phóng to sẽ giống như lần gần nhất bạn thoát hiển thị phóng to bằng nút < > hoặc < Q >. Hiển thị phóng to bắt đầu ở trung tâm ảnh.



Đối với ảnh chụp khi đặt [**Live 1-point AF (AF 1 điểm Live)**] (tr.315) hoặc [**Distortion correction (Hiệu chỉnh méo hình)**] thành [**Enable (Bật)**] (tr.204), xem phóng to sẽ bắt đầu từ giữa ảnh ngay cả khi đã đặt [**Actual size (from selected pt) (Kích thước thực tế (từ điểm được chọn))**].



Xem lại bằng màn hình cảm ứng

Màn hình LCD là bảng điều khiển cảm ứng cho phép bạn thao tác bằng ngón tay khi xem lại ảnh. **Trước tiên, nhấn nút <▶> để xem lại ảnh.**

Duyệt ảnh



Lướt bằng một ngón tay.

- Trong hiển thị từng ảnh, sử dụng **một ngón tay** để thao tác trên màn hình LCD. Lướt ngón tay về bên trái hoặc bên phải để duyệt ảnh trước hoặc ảnh tiếp theo.

Lướt sang trái để xem ảnh tiếp theo (mới hơn) hoặc lướt sang phải để xem ảnh trước (cũ hơn).

- Khi hiển thị bằng kê, sử dụng **một ngón tay** để thao tác trên màn hình LCD. Lướt ngón tay lên trên hoặc xuống dưới để duyệt màn hình trước hoặc màn hình tiếp theo.

Lướt lên trên để xem ảnh tiếp theo (mới hơn) hoặc lướt xuống dưới để xem ảnh trước (cũ hơn).

Khung màu cam sẽ xuất hiện khi chọn ảnh. Chạm lại vào ảnh để hiển thị từng ảnh.

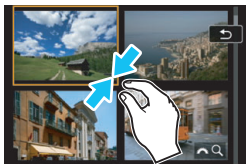
Nhảy qua các ảnh (Hiển thị nhảy ảnh)



Lướt bằng hai ngón tay.

Sử dụng **hai ngón tay** để thao tác trên màn hình LCD. Khi lướt hai ngón tay sang trái hoặc sang phải trên màn hình, bạn có thể nhảy qua các ảnh bằng kiểu nhảy thiết lập trong **[Image jump w/ ** (**Nhảy ảnh với **)] trong tab [].

Thu nhỏ ảnh (Hiện thị bảng kê)

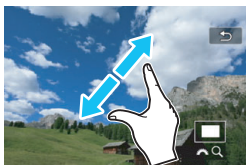


Kẹp hai ngón tay.

Chạm vào màn hình bằng hai ngón tay mở rộng và kẹp hai ngón tay lại trên màn hình.

- Mỗi lần kẹp hai ngón tay lại, ảnh sẽ thu nhỏ. Kẹp hai ngón tay trên màn hình hiển thị từng ảnh sẽ chuyển thành hiển thị bảng kê 4 ảnh.
- Khung màu cam sẽ xuất hiện khi chọn ảnh. Chạm lại vào ảnh để hiển thị từng ảnh.

Phóng to ảnh



Mở rộng hai ngón tay sang hai bên.

Chạm vào màn hình bằng hai ngón tay chụm vào, rồi mở rộng ngón tay sang hai bên.

- Khi mở rộng các ngón tay, ảnh sẽ được phóng to.
- Ảnh có thể được phóng to tối đa khoảng 10x.
- Để thu nhỏ ảnh, kẹp ngón tay lại trên màn hình.
- Nếu mở rộng hai ngón tay trên hiển thị bảng kê 4 ảnh, màn hình sẽ chuyển thành hiển thị từng ảnh.

Chạm đúp.

Có thể phóng to ảnh bằng cách dùng một ngón tay chạm nhanh hai lần (chạm đúp) vào màn hình LCD. Ảnh sẽ được phóng to tại điểm bạn chạm. Để trở lại chế độ hiển thị từng ảnh, chạm đúp lại vào ảnh.

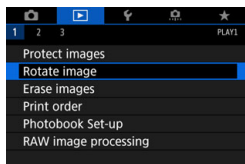
- Để di chuyển quanh vị trí phóng to trong chế độ xem phóng to, chạm vào màn hình LCD bằng một ngón tay và di chuyển xung quanh.



- Bạn không thể phóng to ảnh bằng cách chạm đúp khi đang ở chế độ hiển thị bảng kê.
- Bạn cũng có thể thực hiện thao tác chạm trên màn hình LCD của máy ảnh khi xem ảnh trên TV đã kết nối với máy ảnh (tr.429).

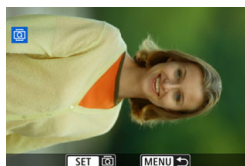
Xoay ảnh

Bạn có thể xoay ảnh hiển thị theo hướng mong muốn.



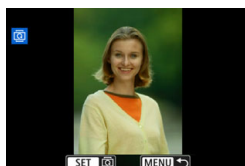
1 Chọn [Rotate image (Xoay ảnh)].

- Trong tab [ 1], chọn [Rotate image (Xoay ảnh)], rồi nhấn < >.



2 Chọn ảnh.

- Xoay nút xoay < > để chọn ảnh cần xoay.
- Bạn cũng có thể chọn ảnh trên hiển thị bằng kê (tr.401).



3 Xoay ảnh.

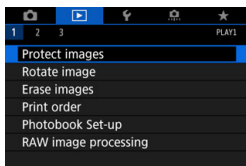
- Mỗi lần nhấn < >, ảnh sẽ xoay theo chiều kim đồng hồ như sau: 90° → 270° → 0°.
- Để xoay ảnh khác, lặp lại bước 2 và 3.

-  Nếu đặt [ 1: Auto rotate (Tự động xoay)] thành [  (Bật  )]
- (tr.437) trước khi chụp ảnh dọc, không cần xoay ảnh như thao tác trên.
- Nếu ảnh đã xoay không hiển thị theo hướng thiết lập trong khi xem lại ảnh, đặt [ 1: Auto rotate (Tự động xoay)] thành [  (Bật  )]
- Không thể xoay phim.
- Nếu đã đặt điều kiện tìm kiếm với [ 2: Set image search conditions (Thiết lập điều kiện tìm kiếm ảnh)] (tr.404), màn hình sẽ chỉ hiển thị các ảnh tìm thấy.

Bảo vệ ảnh

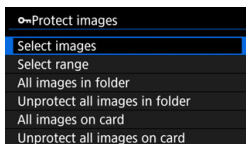
Bạn có thể bảo vệ ảnh khỏi vô tình bị xóa.

MENU Bảo vệ từng ảnh



1 Chọn [Protect images (Bảo vệ ảnh)].

- Trong tab [ 1], chọn [Protect images (Bảo vệ ảnh)], rồi nhấn < >.



2 Chọn [Select images (Chọn ảnh)].

- Ảnh sẽ hiển thị.

Biểu tượng bảo vệ ảnh



3 Chọn ảnh muốn bảo vệ.

- Xoay nút xoay < > để chọn ảnh sẽ bảo vệ.

4 Bảo vệ ảnh.

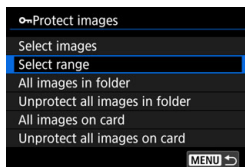
- Nhấn < > để bảo vệ ảnh đã chọn. Biểu tượng < > sẽ xuất hiện ở phía trên cùng của màn hình.
- Để hủy bảo vệ ảnh, nhấn lại < >. Biểu tượng < > sẽ biến mất.
- Để bảo vệ ảnh khác, lặp lại bước 3 và 4.



Nếu đã đặt điều kiện tìm kiếm với [ 2: Set image search conditions (Thiết lập điều kiện tìm kiếm ảnh)] (tr.404), màn hình sẽ chỉ hiển thị các ảnh tìm thấy.

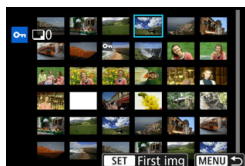
MENU Chỉ định phạm vi ảnh muốn bảo vệ

Trong khi xem ảnh ở chế độ hiển thị bảng kê, bạn có thể chỉ định ảnh đầu tiên và ảnh cuối cùng trong phạm vi để thiết lập bảo vệ cùng lúc tất cả các ảnh được chỉ định.



1 Chọn [Select range (Chọn phạm vi)].

- Trong [ **1: Protect images (Bảo vệ ảnh)**], chọn [**Select range (Chọn phạm vi)**] và nhấn < >.



2 Chỉ định phạm vi ảnh.

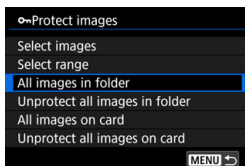
- Chọn ảnh đầu tiên (điểm bắt đầu), rồi nhấn < >.
- Tiếp theo, chọn ảnh cuối cùng (điểm kết thúc), rồi nhấn < >.
- ▶ Các ảnh trong phạm vi chỉ định sẽ được bảo vệ và biểu tượng < > sẽ xuất hiện.
- Để chọn ảnh khác cần bảo vệ, lặp lại bước 2.



- Nếu đã đặt điều kiện tìm kiếm với [ **2: Set image search conditions (Thiết lập điều kiện tìm kiếm ảnh)**] (tr.404), màn hình sẽ chỉ hiển thị các ảnh tìm thấy.
- Nếu chỉ định ảnh đã thiết lập bảo vệ làm ảnh đầu tiên trong phạm vi, tất cả các ảnh trong phạm vi (từ ảnh đầu tiên đến ảnh cuối cùng) sẽ bị hủy bảo vệ. (Thiết lập bảo vệ sẽ bị hủy trong phạm vi chỉ định.)

MENU Bảo vệ tất cả ảnh trong thư mục hoặc trên thẻ

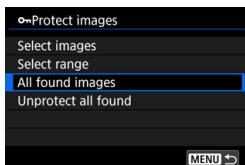
Bạn có thể bảo vệ tất cả ảnh trong thư mục hoặc trên thẻ cùng một lúc.



Khi chọn **[All images in folder (Tất cả ảnh trong thư mục)]** hoặc **[All images on card (Tất cả ảnh trên thẻ)]** trong **[▶ 1: Protect images (Bảo vệ ảnh)]**, tất cả ảnh trong thư mục hoặc trên thẻ sẽ được bảo vệ.

Để bỏ chọn, chọn **[Unprotect all images in folder (Hủy bảo vệ tất cả ảnh trong thư mục)]** hoặc **[Unprotect all images on card (Hủy bảo vệ tất cả ảnh trên thẻ)]**.

Nếu đã đặt điều kiện tìm kiếm với **[▶ 2: Set image search conditions (Thiết lập điều kiện tìm kiếm ảnh)]** (tr.404), màn hình sẽ chuyển thành **[All found images (Tất cả ảnh tìm thấy)]** và **[Unprotect all found (Hủy bảo vệ tất cả ảnh tìm thấy)]**.



Nếu chọn **[All found images (Tất cả ảnh tìm thấy)]**, tất cả ảnh tìm thấy sẽ được bảo vệ.

Nếu chọn **[Unprotect all found (Hủy bảo vệ tất cả ảnh tìm thấy)]**, tất cả ảnh tìm thấy sẽ bị hủy bảo vệ.

! Nếu định dạng thẻ (tr.70), các ảnh được bảo vệ cũng sẽ bị xóa.

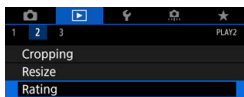


- Bạn cũng có thể đặt bảo vệ phim.
- Không thể xóa ảnh đã bảo vệ bằng chức năng xóa của máy ảnh. Để xóa ảnh đã bảo vệ, trước tiên phải hủy bảo vệ ảnh.
- Nếu bạn xóa tất cả ảnh (tr.435), sẽ chỉ còn lại ảnh đã bảo vệ. Tính năng này giúp xóa tất cả ảnh không cần thiết cùng một lúc.

☆☆ Thiết lập xếp hạng

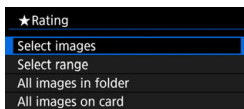
Bạn có thể xếp hạng ảnh và phim với một trong năm dấu xếp hạng: [★]/[★★]/[★★★]/[★★★★]/[★★★★★]. Chức năng này được gọi là xếp hạng.

MENU Xếp hạng từng ảnh



1 Chọn [Rating (Xếp hạng)].

- Trong tab [▶ 2], chọn [Rating (Xếp hạng)], rồi nhấn <SET>.



2 Chọn [Select images (Chọn ảnh)].

- Ảnh sẽ hiển thị.



3 Chọn ảnh muốn xếp hạng.

- Xoay nút xoay <☉> để chọn ảnh cần xếp hạng.
- Nếu nhấn nút <Q> và xoay nút xoay <☉> ngược chiều kim đồng hồ, bạn có thể chọn ảnh từ chế độ hiển thị ba ảnh. Để trở lại chế độ hiển thị từng ảnh, xoay nút xoay theo chiều kim đồng hồ.



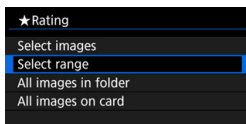
4 Xếp hạng ảnh.

- Nhấn <SET> và khung tô sáng màu xanh da trời sẽ xuất hiện như minh họa trên màn hình bên trái.
- Nhấn các phím <▲> <▼> để chọn dấu xếp hạng, rồi nhấn <SET>.
- Khi thêm dấu xếp hạng cho ảnh, số bên cạnh xếp hạng đã đặt sẽ tăng theo mức một đơn vị.
- Để xếp hạng ảnh khác, lặp lại các bước 3 và 4.

📄 Nếu đã đặt điều kiện tìm kiếm với [▶ 2: Set image search conditions (Thiết lập điều kiện tìm kiếm ảnh)] (tr.404), màn hình sẽ chỉ hiển thị các ảnh tìm thấy.

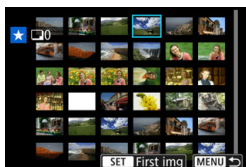
MENU Xếp hạng bằng cách chỉ định phạm vi

Trong khi xem ảnh ở chế độ hiển thị bảng kê, bạn có thể chỉ định ảnh đầu tiên và ảnh cuối cùng trong phạm vi để thiết lập xếp hạng cùng lúc tất cả các ảnh được chỉ định.



1 Chọn [Select range (Chọn phạm vi)].

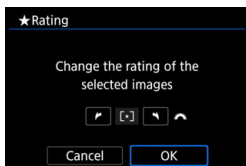
- Chọn [Select range (Chọn phạm vi)] trong [▶ 2: Rating (Xếp hạng)], rồi nhấn <SET>.



2 Chỉ định phạm vi.

- Chọn ảnh đầu tiên (điểm bắt đầu), rồi nhấn <SET>.
- Tiếp theo, chọn ảnh cuối cùng (điểm kết thúc), rồi nhấn <SET>.
- ▶ Dấu chọn [✓] sẽ được thêm vào tất cả ảnh trong phạm vi giữa ảnh đầu tiên và ảnh cuối cùng.

3 Nhấn nút <Q>.



4 Xếp hạng ảnh.

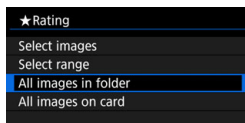
- Xoay nút xoay <⚙> để chọn dấu xếp hạng, rồi chọn [OK].
- ▶ Tất cả ảnh trong phạm vi chỉ định sẽ được xếp hạng (đồng hạng) cùng lúc.



Nếu đã đặt điều kiện tìm kiếm với [▶ 2: Set image search conditions (Thiết lập điều kiện tìm kiếm ảnh)] (tr.404), màn hình sẽ chỉ hiển thị các ảnh tìm thấy.

MENU Xếp hạng tất cả ảnh trong thư mục hoặc trên thẻ

Bạn có thể xếp hạng tất cả ảnh trong thư mục hoặc trên thẻ cùng một lúc.



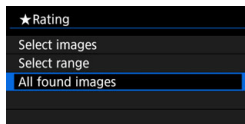
Trong mục [▶️2: Rating (Xếp hạng)], khi chọn [All images in folder (Tất cả ảnh trong thư mục)] hoặc [All images on card (Tất cả ảnh trên thẻ)], tất cả ảnh trong thư mục hoặc trên thẻ sẽ được xếp hạng.

Xoay nút xoay <🌀> để chọn xếp hạng, rồi chọn [OK].

Khi bạn không xếp hạng ảnh hoặc muốn hủy xếp hạng, chọn [OFF].



Nếu đã đặt điều kiện tìm kiếm với [▶️2: Set image search conditions (Thiết lập điều kiện tìm kiếm ảnh)] (tr.404), màn hình sẽ chuyển thành [All found images (Tất cả ảnh tìm thấy)].



Nếu chọn [All found images (Tất cả ảnh tìm thấy)], tất cả ảnh tìm thấy do lọc theo điều kiện tìm kiếm sẽ được xếp hạng như chỉ định.

📄 Trên màn hình bước 4 ở trang 414, số bên cạnh dấu xếp hạng sẽ chỉ hiển thị nhiều nhất ba chữ số (tối đa là 999). Nếu có 1000 ảnh trở lên được xếp hạng, biểu tượng "####" sẽ hiển thị.

📄 Lợi ích của xếp hạng ảnh

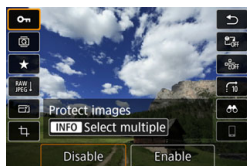
- Với [▶️2: Set image search conditions (Thiết lập điều kiện tìm kiếm ảnh)] và [▶️2: Image jump w/ 🌀 (Nhảy ảnh với 🌀)], bạn chỉ có thể hiển thị các ảnh được xếp hạng cụ thể.
- Tùy thuộc vào hệ điều hành máy tính, bạn có thể xem xếp hạng của mỗi tập tin trong hiển thị thông tin của tập tin hoặc trong trình xem ảnh tiêu chuẩn đi kèm (chỉ với ảnh JPEG).

Q Điều khiển nhanh trong khi xem lại

Trong khi xem lại, bạn có thể nhấn nút <Q> để thiết lập các chức năng sau: [O: **Protect images (Bảo vệ ảnh)**], [Q: **Rotate image (Xoay ảnh)**], [★: **Rating (Xếp hạng)**], [RAW/PEG: **RAW image processing (Xử lý ảnh RAW (Chỉ ảnh RAW))**], [PEG: **Resize (JPEG image only) (Thay đổi cỡ ảnh (Chỉ ảnh JPEG))**], [T: **Cropping (JPEG images only) (Cắt ảnh (Chỉ ảnh JPEG))**], [BELL: **Highlight alert (Cảnh báo vùng sáng)**], [AF ON: **AF point display (Hiển thị điểm AF)**], [T: **Image jump w/ (Nhảy ảnh với)**], [M: **Image search (Tìm kiếm ảnh)**] và [S: **Send images to smartphone (Gửi ảnh tới smartphone)***].

Đối với phim, chỉ có thể thiết lập các chức năng được in đậm ở trên.

* Không chọn được nếu đặt [Wi-Fi] thành [Disable (Tắt)] trong [Wi-Fi setting (Thiết lập Wi-Fi)] dưới [4:1: Wireless communication settings (Thiết lập giao tiếp không dây)].



1 Nhấn nút <Q>.

- Trong khi xem lại ảnh, nhấn nút <Q>.
- Tùy chọn điều khiển nhanh sẽ xuất hiện.



2 Chọn một mục và thiết lập.

- Nhấn các phím <▲> <▼> để chọn chức năng.
- Thiết lập của chức năng đã chọn sẽ hiển thị ở cuối màn hình.
- Xoay nút xoay <Gears> hoặc <Clock> để cài đặt.
- Đối với Bảo vệ ảnh (tr.411) và Xếp hạng (tr.414), nhấn <INFO> để thiết lập.
- Đối với Xử lý ảnh RAW (tr.440), Thay đổi cỡ ảnh (tr.446), Cắt ảnh (tr.448), Tìm kiếm ảnh (tr.404) và Gửi ảnh đến smartphone, nhấn <SET> để thiết lập.
- Để hủy, nhấn nút <MENU>.

3 Thoát thiết lập.

- Nhấn nút < > để thoát Điều khiển nhanh.

 Để xoay ảnh, đặt [**1: Auto rotate (Tự động xoay)**] thành [**On**   (**Bật** )] (tr.437). Nếu đặt [**1: Auto rotate (Tự động xoay)**] thành [**On**  (**Bật** )] hoặc [**Off (Tắt)**], thiết lập [ **Rotate image (Xoay ảnh)**] sẽ được áp dụng cho ảnh, nhưng máy ảnh sẽ không hiển thị xoay ảnh.

- 
- Nhấn nút < > trong khi hiển thị bảng kê sẽ chuyển sang hiển thị từng ảnh, và màn hình điều khiển nhanh sẽ xuất hiện. Nhấn lại nút < > để trở về hiển thị bảng kê.
 - Đối với ảnh chụp bằng máy ảnh khác, các chức năng có thể chọn sẽ bị hạn chế.

Thường thức phim

Bạn có thể phát lại và thường thức phim theo ba cách chính như sau:

Phát lại trên TV (tr.429)



Kết nối máy ảnh với TV bằng cáp HDMI để xem lại ảnh và phim của máy ảnh trên TV. Nên sử dụng Cáp HDMI HTC-100 (bán riêng).



- Ngay cả khi kết nối máy ảnh với TV qua cáp HDMI và phát lại phim time-lapse 4K, phim sẽ được phát lại ở chất lượng Full HD. (Không thể phát lại ở chất lượng 4K.)
- Do máy ghi đĩa cứng không có cổng HDMI IN, máy ảnh không thể kết nối với máy ghi đĩa cứng bằng cáp HDMI.
- Ngay cả khi kết nối máy ảnh với máy ghi đĩa cứng bằng cáp USB, bạn cũng không thể phát lại hay lưu phim và ảnh.

Phát lại trên màn hình LCD của máy ảnh (tr.421)



Bạn có thể xem lại phim trên màn hình LCD của máy ảnh.

Bạn cũng có thể cắt phim để chỉnh sửa cảnh đầu tiên và cảnh cuối cùng của phim và xem lại ảnh hoặc phim trên thẻ ở chế độ trình chiếu tự động.



Phim đã chỉnh sửa bằng máy tính không thể ghi lại vào thẻ và phát lại trên máy ảnh.

Phát lại và chỉnh sửa phim trên máy tính



Bạn có thể truyền tập tin phim ghi trên thẻ tới máy tính và phát lại hoặc chỉnh sửa với phần mềm cài sẵn hoặc phần mềm đa năng tương thích với định dạng ghi phim.

- Để phát lại hoặc chỉnh sửa phim với phần mềm bán sẵn trên thị trường, sử dụng phần mềm tương thích với định dạng phim MP4 và MOV. Để tìm hiểu chi tiết về các phần mềm này, liên hệ với nhà sản xuất phần mềm.
- Bạn có thể xem lại phim time-lapse 4K bằng EOS MOVIE Utility (tr.611).

Phát lại phim

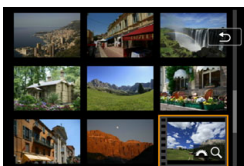
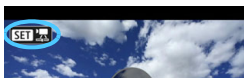


1 Xem lại ảnh.

- Nhấn nút <▶> để xem lại ảnh.

2 Chọn phim.

- Xoay nút xoay <◉> để chọn phim cần xem lại.
- Ở chế độ hiển thị từng ảnh, biểu tượng <SET [ảnh]> ở phía trên bên trái biểu thị cho phim. Nếu phim là video quay nhanh, biểu tượng <SET [ảnh]> sẽ hiển thị.
- Ở chế độ hiển thị bảng kê, lỗ rỗng cửa ở rìa bên trái ảnh thu nhỏ biểu thị tập tin phim. **Do không thể phát lại phim khi hiển thị bảng kê, nhấn <SET> để chuyển sang hiển thị từng ảnh.**



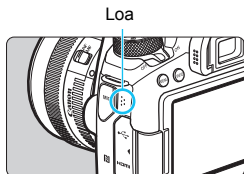
3 Trong màn hình hiển thị từng ảnh, nhấn <SET>.

- ▶ Bảng điều khiển phát lại phim sẽ xuất hiện ở cuối màn hình.



4 Phát lại phim.

- Chọn [▶] (Phát), rồi nhấn <SET>.
- ▶ Phim sẽ bắt đầu phát.
- Nhấn <SET> để tạm dừng phát lại. Nhấn lại nút để tiếp tục phát lại.
- Bạn có thể xoay nút xoay <◉> để điều chỉnh âm lượng ngay cả khi đang phát lại phim.
- Để tìm hiểu chi tiết về quy trình phát lại, tham khảo trang tiếp theo.



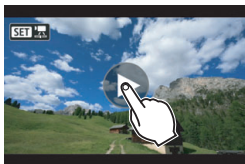
 Nếu đã đặt điều kiện tìm kiếm với [▶2: Set image search conditions (Thiết lập điều kiện tìm kiếm ảnh)] (tr.404), màn hình sẽ chỉ hiển thị các ảnh được lọc ở bước 2.

Bảng điều khiển phát lại phim

Operation (Thao tác)	Mô tả phát lại
▶ Play (Phát)*	Nhấn <⏮> để chuyển giữa phát và tạm dừng phim.
▶ Slow motion (Chuyển động chậm)	Điều chỉnh tốc độ chuyển động chậm bằng cách xoay nút xoay <⏮>. Thông số tốc độ chuyển động chậm hiển thị ở phía trên bên phải màn hình.
⏮ First frame (Khung hình đầu tiên)	Hiển thị khung hình đầu tiên của phim.
⏮ Previous frame (Khung hình trước)	Mỗi lần bạn nhấn <⏮>, máy ảnh sẽ hiển thị khung hình trước đó. Nhấn giữ <⏮> để tua lại phim.
⏭ Next frame (Khung hình tiếp theo)	Mỗi lần bạn nhấn <⏭>, máy ảnh sẽ phát phim từng khung hình một. Nhấn giữ <⏭> để tua đi phim.
⏭ Last frame (Khung hình cuối)	Hiển thị khung hình cuối của phim.
🎵 Background music (Nhạc nền)	Xem lại phim với nhạc nền đã chọn (tr.428).
✂ Edit (Chỉnh sửa)	Hiển thị màn hình chỉnh sửa (tr.424).
	Vị trí xem lại
mm' ss" (phút' giây")	Thời lượng xem lại (phút:giây)
🔊 Volume (Âm lượng)	Xoay nút xoay <🔊> để điều chỉnh âm lượng của loa tích hợp (tr.421).
MENU ⏮	Trở lại chế độ hiển thị từng ảnh khi nhấn nút <MENU>.

* Khi xem lại phim time-lapse 4K, tên mục sẽ là **[Play (Frame skip) (Phát (Bỏ qua khung hình))]**.

Xem lại bằng màn hình cảm ứng



Chạm vào [▶] ở giữa màn hình.

- ▶ Phim sẽ bắt đầu phát.
- Để hiển thị bảng điều khiển phát lại phim, chạm vào biểu tượng <SET [▶]> hoặc <SET [⏮]> ở phía trên bên trái màn hình.
- Chạm vào màn hình để tạm dừng phim đang phát. Bảng điều khiển phát lại phim cũng sẽ xuất hiện.



- Nếu xem lại phim time-lapse 4K trên máy ảnh, độ phân giải sẽ tương đương với phim Full HD xem trên máy ảnh.
- Nếu xem lại phim time-lapse 4K bằng máy ảnh hoặc chọn [**Slow motion (Chuyển động chậm)**] và đặt tốc độ nhanh nhất (bằng cách xoay nút <⏮> hết cỡ sang bên phải), các khung hình khác sẽ bị bỏ qua trong khi xem lại.
- Máy ảnh không thể phát lại phim được quay bằng máy ảnh khác.
- Khi kết nối máy ảnh với TV để phát lại phim (tr.429), có thể điều chỉnh âm lượng của phim bằng TV. (Không thể thay đổi âm lượng của phim bằng cách xoay nút xoay <⏮>.)
- Trong khi phát lại phim, nếu bạn tháo/lắp ống kính, tốc độ ghi của thẻ chậm hoặc tập tin phim có chứa khung hình lỗi, máy ảnh sẽ dừng phát lại phim.
- Nếu thiết lập [**Background music (Nhạc nền)**], âm thanh ghi trong phim sẽ không được phát trong khi xem lại phim.



- Đối với phim time-lapse 4K, khi bạn chọn [▶] trên bảng điều khiển phát lại phim, [**Play (Frame skip) (Phát (Bỏ qua khung hình))**] sẽ hiển thị.
- Với Pin LP-E6N được sạc đầy, thời lượng phát lại liên tục ở nhiệt độ phòng (23°C/73°F) đạt khoảng 4 giờ. 40 phút (khi đặt FHD/HD).

✂ Chỉnh sửa cảnh đầu tiên và cuối cùng của phim

Bạn có thể cắt đi cảnh đầu tiên và cảnh cuối cùng của phim ở mức tăng khoảng 1 giây.



1 Trên màn hình phát lại phim, chọn [✂].

- ▶ Bảng điều khiển chỉnh sửa phim sẽ xuất hiện ở cuối màn hình.



2 Chỉ định đoạn phim sẽ cắt.

- Chọn [⏮] (Cắt đoạn đầu) hoặc [⏭] (Cắt đoạn cuối), rồi nhấn <SET>.
- Nhấn các phím <◀> <▶> để xem các khung hình trước hoặc sau. Nhấn giữ phím để tua đi hoặc tua lại các khung hình. Xoay nút xoay <⌚> để phát lại từng khung hình một.
- Sau khi quyết định đoạn phim sẽ cắt, nhấn <SET>. Phần được đánh dấu bằng màu trắng ở phía trên màn hình là phần sẽ được giữ lại.



3 Kiểm tra phim đã chỉnh sửa.

- Chọn [▶] và nhấn <SET> để phát lại phim đã chỉnh sửa.
- Để thay đổi phần đã chỉnh sửa, quay lại bước 2.
- Để hủy chỉnh sửa, nhấn nút <MENU>, rồi chọn [OK] trên hộp thoại xác nhận.





4 Lưu lại phim đã chỉnh sửa.

- Chọn [**ⓧ**], rồi nhấn < **SET** >.
- ▶ Màn hình lưu sẽ xuất hiện.
- Để lưu phim đã chỉnh sửa thành đoạn phim mới, chọn [**New file (Tập tin mới)**]. Để lưu và ghi đè tập tin phim gốc, chọn [**Overwrite (Ghi đè)**], rồi nhấn < **SET** >.
- Trên hộp thoại xác nhận, chọn [**OK**] để lưu lại phim đã chỉnh sửa và trở về màn hình phát lại phim.



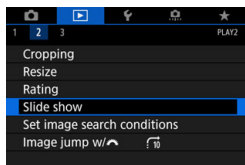
- Do phim được chỉnh sửa với mức tăng khoảng 1 giây (vị trí chỉnh sửa được đánh dấu bằng biểu tượng [**✕**] ở trên cùng màn hình), vị trí chính xác của phim được chỉnh sửa có thể khác so với vị trí mà bạn chỉ định.
- Nếu thẻ không có đủ dung lượng trống, không thể thiết lập [**New file (Tập tin mới)**].
- Khi mức pin yếu, bạn không thể chỉnh sửa phim. Hãy sử dụng pin đã sạc đầy.
- Không thể sử dụng máy ảnh này để chỉnh sửa các phim quay bằng máy ảnh khác.
- Không thể chỉnh sửa phim khi kết nối máy ảnh với máy tính.

MENU Trình chiếu (Tự động phát)

Bạn có thể xem lại ảnh trên thẻ dưới dạng trình chiếu tự động.

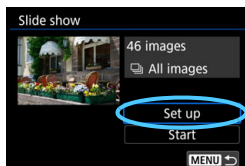
1 Chỉ định ảnh muốn xem lại.

- Để xem lại tất cả ảnh trên thẻ, chuyển sang bước 2.
- Nếu bạn muốn chỉ định ảnh để phát dưới dạng trình chiếu, lọc ảnh với **[Set image search conditions (Thiết lập điều kiện tìm kiếm ảnh)]** trong tab **[▶2]** (tr.404).



2 Chọn [Slide show (Trình chiếu)].

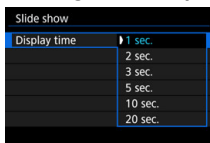
- Trong tab **[▶2]**, chọn **[Slide show (Trình chiếu)]**, rồi nhấn **<SET>**.



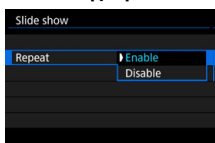
3 Đặt chế độ phát lại mong muốn.

- Chọn **[Set up (Cài đặt)]**, rồi nhấn **<SET>**.
- Thiết lập **[Display time (Thời gian hiển thị)]**, **[Repeat (Lặp lại)]** (xem lặp lại), **[Transition effect (Hiệu ứng chuyển)]** (hiệu ứng khi chuyển ảnh) và **[Background music (Nhạc nền)]** cho ảnh.
- Để tìm hiểu về **[Background music (Nhạc nền)]**, tham khảo trang 428.
- Sau khi hoàn tất thiết lập, nhấn nút **<MENU>**.

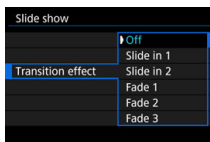
Thời gian hiển thị



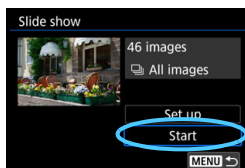
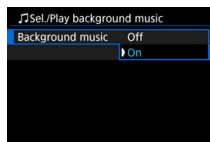
Lặp lại



Hiệu ứng chuyển



Nhạc nền



4 Bắt đầu trình chiếu.

- Chọn **[Start (Bắt đầu)]**, rồi nhấn **<SET>**.
- ▶ Sau khi **[Loading image... (Đang tải ảnh...)]** hiển thị, trình chiếu sẽ bắt đầu.

5 Thoát trình chiếu.

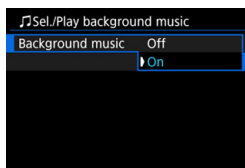
- Để thoát trình chiếu và quay lại màn hình thiết lập, nhấn nút **<MENU>**.



- Khi ảnh để xem lại đã được lọc (đã đặt điều kiện tìm kiếm) với **[▶2: Set image search conditions (Thiết lập điều kiện tìm kiếm ảnh)]**, ảnh khớp với điều kiện tìm kiếm sẽ được phát dưới dạng trình chiếu.
- Nhấn **<SET>** để tạm dừng trình chiếu. Trong khi tạm dừng, biểu tượng **[II]** sẽ hiển thị ở phía trên bên trái ảnh. Nhấn lại **<SET>** để tiếp tục trình chiếu. Bạn cũng có thể tạm dừng trình chiếu bằng cách chạm vào màn hình.
- Trong khi tự động xem lại ảnh, nhấn nút **<INFO>** để chuyển định dạng hiển thị ảnh (tr.390).
- Trong khi phát lại phim, điều chỉnh âm lượng bằng cách xoay nút xoay **<VOLUME>**.
- Trong khi tự động phát hoặc tạm dừng, bạn có thể xoay nút xoay **<◀▶>** để xem ảnh khác.
- Trong khi tự động phát, tính năng tự động tắt nguồn sẽ không hoạt động.
- Thời gian hiển thị có thể khác nhau tùy thuộc vào ảnh.
- Để xem trình chiếu trên TV, tham khảo trang 429.

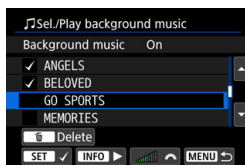
Chọn nhạc nền

Nếu sử dụng EOS Utility (phần mềm EOS, tr.610) để sao chép các bản nhạc nền vào thẻ, bạn có thể phát nhạc nền trong khi trình chiếu.



1 Chọn [Background music (Nhạc nền)].

- Đặt [Background music (Nhạc nền)] thành [On (Bật)], rồi nhấn <SET>.
- Không thể thực hiện bước 2 nếu thẻ không có nhạc nền.



2 Chọn nhạc nền.

- Nhấn các phím <▲> <▼> để chọn nhạc nền mong muốn.
- Để nghe bản nhạc nền mẫu, nhấn nút <INFO>. Trong khi phát, nhấn các phím <▲> <▼> để bật bản nhạc nền khác. Nhấn lại nút <INFO> để dừng phát nhạc nền.
- Điều chỉnh âm lượng bằng cách xoay nút xoay <🔊>.
- Chọn nhạc nền và nhấn <SET> để đánh dấu chọn [✓]. Bạn cũng có thể chọn nhiều bản nhạc nền.
- Bản nhạc nền đánh dấu [✓] sẽ được phát khi trình chiếu.

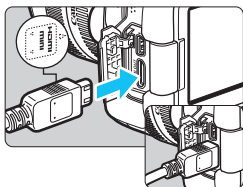


- Khi mới mua, máy ảnh không chứa sẵn nhạc nền. Để tìm hiểu quy trình lưu (sao chép) nhạc nền vào thẻ, tham khảo Hướng dẫn sử dụng EOS Utility (tr.612).
- Để xóa các bản nhạc nền đã lưu trên thẻ, nhấn nút <🗑> ở bước 2.

Xem ảnh trên TV

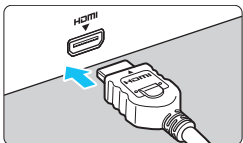
Kết nối máy ảnh với TV bằng cáp HDMI để xem lại ảnh và phim của máy ảnh trên TV. Đối với cáp HDMI, bạn nên sử dụng Cáp HDMI HTC-100 (bán riêng).

Nếu hình ảnh không xuất hiện trên màn hình TV, kiểm tra để đảm bảo **[Y 3: Video system (Hệ thống video)]** được đặt chính xác thành **[For NTSC (Đối với NTSC)]** hoặc **[For PAL (Đối với PAL)]** (tùy thuộc vào hệ thống video của TV).



1 Kết nối cáp HDMI với máy ảnh.

- Quay logo <▲ HDMI MINI> của đầu cắm về phía trước máy ảnh, rồi cắm đầu cắm vào cổng <HDMI OUT>.

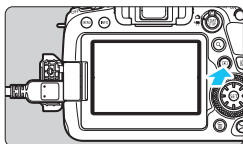


2 Kết nối cáp HDMI với TV.

- Kết nối cáp HDMI với cổng HDMI IN của TV.

3 Bật TV và chuyển ngõ vào video của TV để chọn cổng đã kết nối.

4 Đặt công tắc nguồn của máy ảnh thành <ON>.



5 Nhấn nút <▶>.

- ▶ Ảnh sẽ xuất hiện trên màn hình TV. (Màn hình LCD của máy ảnh không hiển thị thông tin.)
- Ảnh sẽ tự động hiển thị ở độ phân giải tối ưu phù hợp với TV kết nối.
- Nhấn nút <INFO> để thay đổi định dạng hiển thị.
- Để phát lại phim, tham khảo trang 421.

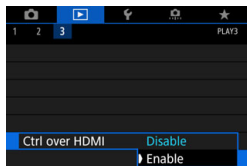


- Khi kết nối máy ảnh với TV bằng cáp HDMI, phim time-lapse 4K sẽ được phát ở chất lượng Full HD (không thể phát ở chất lượng 4K).
- Điều chỉnh âm lượng của phim bằng TV. Không thể điều chỉnh âm lượng của phim bằng máy ảnh.
- Tắt máy ảnh và TV trước khi kết nối hoặc ngắt kết nối cáp giữa máy ảnh và TV.
- Tùy thuộc vào từng TV, phần ảnh hiển thị có thể bị cắt bớt.
- Không kết nối đầu ra của bất kỳ thiết bị nào khác tới cổng <HDMI OUT> của máy ảnh. Làm vậy có thể gây trục trặc cho máy ảnh.
- Một số TV nhất định có thể không hiển thị ảnh do không tương thích.

Sử dụng TV HDMI CEC

Nếu TV được kết nối tới máy ảnh bằng cáp HDMI tương thích với HDMI CEC*, bạn có thể sử dụng điều khiển từ xa của TV để thực hiện thao tác xem lại.

* Chức năng tiêu chuẩn HDMI cho phép các thiết bị HDMI điều khiển lẫn nhau để bạn có thể điều khiển các thiết bị này bằng bộ điều khiển từ xa.



1 Chọn [Ctrl over HDMI (Điều khiển qua HDMI)].

- Trong tab [▶ 3], chọn [Ctrl over HDMI (Điều khiển qua HDMI)], rồi nhấn <SET>.

2 Chọn [Enable (Bật)].

3 Kết nối máy ảnh với TV.

- Sử dụng cáp HDMI để kết nối máy ảnh với TV.
- ▶ Đầu vào của TV sẽ tự động chuyển sang cổng HDMI được kết nối với máy ảnh. Nếu không chuyển tự động, sử dụng điều khiển từ xa của TV để chọn cổng HDMI IN sẽ kết nối cáp.

4 Nhấn nút <[]> trên máy ảnh.

- Ảnh sẽ xuất hiện trên màn hình TV và bạn có thể sử dụng điều khiển từ xa của TV để xem lại ảnh.

5 Chọn ảnh.

- Hướng điều khiển từ xa về phía TV và nhấn nút ←/→ để chọn ảnh.

6 Nhấn nút Enter của điều khiển từ xa.

- Menu xuất hiện và bạn có thể thực hiện các thao tác xem lại được trình bày ở bên trái.
- Nhấn nút ←/→ của điều khiển từ xa để chọn tùy chọn mong muốn, rồi nhấn nút Enter.
- Nếu chọn **[Return (Quay lại)]** và nhấn nút Enter, menu sẽ biến mất và bạn có thể sử dụng nút ←/→ của điều khiển từ xa để chọn ảnh.

Menu xem lại ảnh



Menu phát lại phim



- : Quay lại
- : Bảng kê 9 ảnh
- : Phát lại phim
- : Trình chiếu
- INFO** : Hiển thị thông tin chụp
- : Xoay ảnh



- Một số TV nhất định yêu cầu bạn phải bật kết nối HDMI CEC trước. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo Hướng dẫn sử dụng của TV.
- Một số TV nhất định có thể không hoạt động chính xác mặc dù tương thích với HDMI CEC. Trong trường hợp này, đặt **[>] 3: Ctrl over HDMI (Điều khiển qua HDMI)]** thành **[Disable (Tắt)]**, rồi sử dụng máy ảnh để điều khiển thao tác xem lại.
- Bạn có thể thiết lập ảnh để xem lại khi đã chọn **[Slide show (Trình chiếu)]** với **[>] 2: Set image search conditions (Thiết lập điều kiện tìm kiếm ảnh)]**.

Xóa ảnh

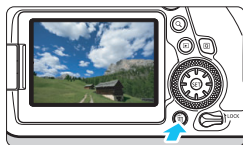
Bạn có thể chọn và xóa từng ảnh hoặc xóa nhiều ảnh cùng một lúc. Ảnh được bảo vệ (tr.411) sẽ không bị xóa.

 Không thể khôi phục được ảnh đã bị xóa. Đảm bảo chỉ xóa những ảnh không cần thiết. Thực hiện bảo vệ ảnh để ngăn những ảnh quan trọng khỏi vô tình bị xóa. Lưu ý rằng tính năng xóa ảnh RAW+JPEG sẽ xóa cả ảnh RAW và ảnh JPEG.

Xóa từng ảnh

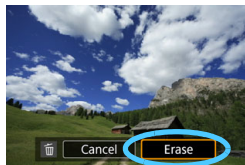
1 Chọn ảnh muốn xóa.

- Nhấn nút <  > để xem lại ảnh.
- Xoay nút xoay <  > để chọn ảnh cần xóa.



2 Nhấn nút < >.

- ▶ Menu xóa sẽ xuất hiện.



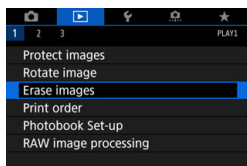
3 Xóa ảnh.

- Chọn [**Erase (Xóa)**], rồi nhấn <  >. Ảnh đang hiển thị sẽ bị xóa.

 Nếu đã đặt điều kiện tìm kiếm với [**2: Set image search conditions (Thiết lập điều kiện tìm kiếm ảnh)**] (tr.404), màn hình sẽ chỉ hiển thị các ảnh tìm thấy.

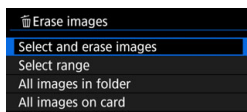
MENU Đánh dấu [✓] vào ảnh để xóa cùng một lúc

Đánh dấu <✓> vào ảnh cần xóa để xóa cùng lúc tất cả các ảnh này.



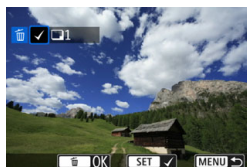
1 Chọn [Erase images (Xóa ảnh)].

- Trong tab [1], chọn [Erase images (Xóa ảnh)], rồi nhấn <SET>.



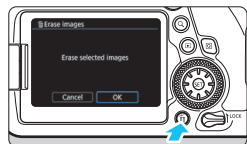
2 Chọn [Select and erase images (Chọn và xóa ảnh)].

- Ảnh sẽ hiển thị.



3 Chọn ảnh muốn xóa.

- Xoay nút xoay <Q> để chọn ảnh cần xóa, rồi nhấn <SET>.
- Dấu chọn [✓] hiển thị ở phía trên bên trái màn hình.
- Nếu nhấn nút <Q> và xoay nút xoay <Q> ngược chiều kim đồng hồ, bạn có thể chọn ảnh từ chế độ hiển thị ba ảnh. Để trở lại chế độ hiển thị từng ảnh, xoay nút xoay theo chiều kim đồng hồ.
- Để chọn ảnh khác cần xóa, lặp lại bước 3.



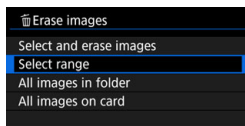
4 Xóa ảnh.

- Nhấn nút <Q>, rồi nhấn [OK].
- Ảnh đã chọn sẽ bị xóa cùng một lúc.

Trong [2: Set image search conditions (Thiết lập điều kiện tìm kiếm ảnh)], nếu đặt [Protect (Bảo vệ)] thành [Enable (Bật)], bạn sẽ không thể chọn [1: Erase images (Xóa ảnh)].

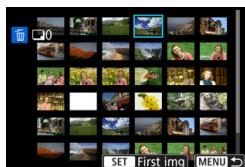
MENU Chỉ định phạm vi ảnh muốn xóa

Trong khi xem ảnh ở chế độ hiển thị bằng kê, bạn có thể chỉ định ảnh đầu tiên và ảnh cuối cùng trong phạm vi để thiết lập xóa cùng lúc tất cả các ảnh được chỉ định.



1 Chọn [Select range (Chọn phạm vi)].

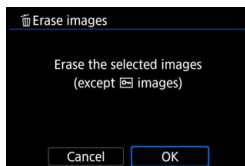
- Chọn [**Select range (Chọn phạm vi)**] trong [**1: Erase images (Xóa ảnh)**], rồi nhấn <**SET**>.



2 Chỉ định phạm vi ảnh.

- Chọn ảnh đầu tiên (điểm bắt đầu), rồi nhấn <**SET**>.
- Tiếp theo, chọn ảnh cuối cùng (điểm kết thúc), rồi nhấn <**SET**>.
- ▶ Dấu chọn [✓] sẽ được thêm vào tất cả ảnh trong phạm vi chỉ định.

3 Nhấn nút < >.



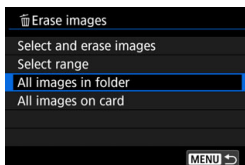
4 Xóa ảnh.

- Chọn [**OK**].
- ▶ Các ảnh trong phạm vi chỉ định sẽ bị xóa.

Nếu đã đặt điều kiện tìm kiếm với [**2: Set image search conditions (Thiết lập điều kiện tìm kiếm ảnh)**] (tr.404), màn hình sẽ chỉ hiển thị các ảnh tìm thấy.

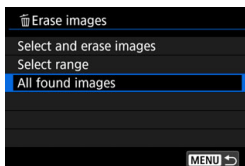
MENU Xóa tất cả ảnh trong thư mục hoặc trên thẻ

Bạn có thể xóa tất cả ảnh trong thư mục hoặc trên thẻ cùng một lúc.



Khi đặt [▶ 1: **Erase images (Xóa ảnh)**] thành [**All images in folder (Tất cả ảnh trong thư mục)**] hoặc [**All images on card (Tất cả ảnh trên thẻ)**], tất cả ảnh trong thư mục hoặc trên thẻ sẽ bị xóa.

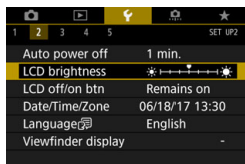
Nếu đã đặt điều kiện tìm kiếm với [▶ 2: **Set image search conditions (Thiết lập điều kiện tìm kiếm ảnh)**] (tr.404), màn hình sẽ chuyển thành [**All found images (Tất cả ảnh tìm thấy)**].



Nếu chọn [**All found images (Tất cả ảnh tìm thấy)**], tất cả ảnh tìm thấy sẽ bị xóa theo chỉ định.

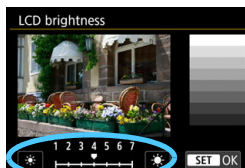
MENU Điều chỉnh độ sáng màn hình LCD

Bạn có thể điều chỉnh độ sáng màn hình LCD để giúp dễ xem hơn.



1 Chọn [LCD brightness (Độ sáng LCD)].

- Trong tab [2], chọn [LCD brightness (Độ sáng LCD)], rồi nhấn <SET>.



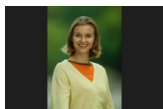
2 Điều chỉnh độ sáng.

- Tham khảo biểu đồ màu xám, nhấn các phím <◀> <▶> để điều chỉnh độ sáng, rồi nhấn <SET>.

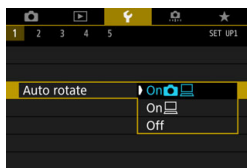


- Để kiểm tra độ phơi sáng ảnh, khuyến cáo tham khảo biểu đồ (tr.400).
- Ảnh cuối cùng được xem lại sẽ hiển thị trên màn hình ở bước 2.

MENU Thiết lập tự động xoay ảnh dọc



Ảnh chụp ở hướng dọc được xoay tự động sang hướng xem phù hợp, do đó ảnh sẽ không hiển thị theo hướng ngang khi xem trên màn hình LCD của máy ảnh hoặc trên màn hình máy tính. Bạn có thể thay đổi thiết lập của tính năng này.



1 Chọn [Auto rotate (Tự động xoay)].

- Trong tab [1], chọn [Auto rotate (Tự động xoay)], rồi nhấn <SET>.

2 Thiết lập hướng hiển thị.

- Chọn thiết lập mong muốn, rồi nhấn <SET>.

● On (Bật)

Ảnh dọc được xoay tự động trong quá trình xem lại trên màn hình LCD của máy ảnh và trên máy tính.

● On (Bật)

Ảnh dọc chỉ được xoay tự động trên máy tính.

● Tắt

Ảnh dọc không được xoay tự động.



Ảnh chụp với chức năng tự động xoay được đặt thành [Off (Tắt)] sẽ không xoay khi xem lại ngay cả trong trường hợp bạn thiết lập tự động xoay thành [On (Bật)] sau đó.



- Ảnh hiển thị ngay lập tức sau khi chụp sẽ không tự động xoay.
- Nếu chụp ảnh trong khi máy ảnh hướng lên hoặc hướng xuống, ảnh có thể sẽ không tự động xoay để phù hợp với hướng xem.
- Nếu ảnh dọc không xoay tự động trên màn hình máy tính tức là phần mềm bạn đang sử dụng không hỗ trợ hiển thị xoay ảnh. Nên sử dụng phần mềm EOS.

This image shows a single sheet of white paper with horizontal ruling lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page. There are no margins, text, or other markings on the paper.

11

Xử lý hậu kỳ ảnh

Chương này mô tả cách xử lý ảnh RAW, thay đổi cỡ ảnh JPEG và cắt ảnh JPEG.

- Biểu tượng ☆ ở phía trên bên phải của tiêu đề trang biểu thị chỉ sử dụng được chức năng này ở chế độ vùng sáng tạo (<**P**>, <**Tv**>, <**Av**>, <**M**>, <**B**>).

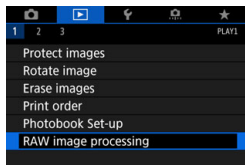


- Máy ảnh không thể xử lý ảnh được chụp bằng máy ảnh khác.
- Thao tác xử lý hậu kỳ ảnh trình bày trong chương này không thể thực hiện khi máy ảnh được kết nối với máy tính bằng cáp nối (bán riêng).

RAW↓ JPEG↓ Xử lý ảnh RAW trên máy ảnh ☆

Bạn có thể xử lý ảnh **RAW** trên máy ảnh và lưu thành ảnh JPEG. Do ảnh RAW không bị thay đổi, bạn có thể xử lý ảnh RAW theo các điều kiện khác nhau để tạo nhiều ảnh JPEG từ ảnh RAW đó.

Lưu ý rằng ảnh M RAW và S RAW không xử lý được trên máy ảnh.
Sử dụng phần mềm Digital Photo Professional (phần mềm EOS, tr.610) để xử lý những ảnh này.



1 Chọn [RAW image processing (Xử lý ảnh RAW)].

- Trong tab [▶ 1], chọn [RAW image processing (Xử lý ảnh RAW)], rồi nhấn <SET>.
- Ảnh **RAW** sẽ hiển thị.



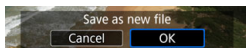
2 Chọn ảnh muốn xử lý.

- Xoay nút xoay <◁/▷> để chọn ảnh.
- Nếu nhấn nút <Q> và xoay nút xoay <◁/▷> ngược chiều kim đồng hồ, có thể chọn ảnh từ chế độ hiển thị bảng kê.



3 Thiết lập điều kiện xử lý mong muốn.

- Nhấn <SET> và chờ cho đến khi tùy chọn xử lý ảnh RAW xuất hiện (tr.443).
- Sử dụng nút <◁/▷> để chọn tùy chọn, rồi xoay nút xoay <◁/▷> hoặc <◁/▷> để chuyển thiết lập.
- Ảnh hiển thị sẽ phản ánh các thiết lập như "Điều chỉnh độ sáng", "Cân bằng trắng", v.v...
- Nhấn nút <INFO> để trở về thiết lập cho ảnh khi chụp.



Hiển thị màn hình thiết lập

- Nhấn <SET> để hiển thị màn hình thiết lập chức năng đã chọn. Xoay nút xoay <MENU> hoặc <DISP> để thay đổi thiết lập. Nhấn <SET> để hoàn tất thiết lập và quay lại màn hình trước đó.

4 Lưu ảnh.

- Chọn [L] (Lưu), rồi nhấn <SET>.
- Khi bạn chọn [OK], ảnh JPEG tạo ra sau khi xử lý sẽ được lưu vào thẻ.
- Kiểm tra thư mục đích và số tập tin ảnh, rồi chọn [OK].
- Để xử lý ảnh khác, lặp lại từ bước 2 đến bước 4.

Xem phóng to

Nhấn nút <Q> ở bước 3 để phóng to ảnh. Độ phóng sẽ khác nhau tùy theo thiết lập [**Image quality (Chất lượng ảnh)**] trong [**▶ 1: RAW image processing (Xử lý ảnh RAW)**]. Với nút <⏏>, bạn có thể di chuyển quanh ảnh phóng to.
Để hủy hiển thị phóng to, nhấn lại nút <Q>.

Ảnh với thiết lập tỷ lệ khung ảnh

Khi đặt [**📷 4: Aspect ratio (Tỷ lệ khung ảnh)**] (tr.170) thành tùy chọn khác ngoài [**3:2**], các đường viền khung biểu thị khu vực ảnh sẽ hiển thị trên ảnh **RAW** đã chụp. Ảnh JPEG tạo từ ảnh **RAW** sẽ được lưu lại với tỷ lệ khung ảnh đã đặt.

❗ Khi xử lý ảnh **RAW** ghép phơi sáng, một số thiết lập sẽ không thể thay đổi được.

Lựa chọn xử lý ảnh RAW

- **Điều chỉnh độ sáng**

Bạn có thể điều chỉnh độ sáng tối đa ± 1 điểm dừng với mức tăng 1/3 điểm dừng. Ảnh hiển thị phản ánh hiệu quả của các thiết lập đã đặt.

- **Cân bằng trắng** (tr.187)

Bạn có thể chọn cân bằng trắng. Nếu chọn [**AWB**] và nhấn nút <INFO>, có thể chọn [**Auto: Ambience priority (Tự động: Ưu tiên môi trường)**] hoặc [**Auto: White priority (Tự động: Ưu tiên màu trắng)**]. Nếu chọn [**K**] và nhấn nút <INFO>, bạn có thể thiết lập nhiệt độ màu. Ảnh hiển thị phản ánh hiệu quả của các thiết lập đã đặt.

- **Kiểu ảnh** (tr.178)

Bạn có thể chọn kiểu ảnh. Nhấn nút <INFO> để điều chỉnh độ sắc nét, độ tương phản và các thông số khác. Ảnh hiển thị phản ánh hiệu quả của các thiết lập đã đặt.

- **Tự động tối ưu hóa ánh sáng** (tr.196)

Bạn có thể thiết lập chức năng tự động tối ưu hóa ánh sáng. Ảnh hiển thị phản ánh hiệu quả của các thiết lập đã đặt.

- **Giảm nhiễu hạt ở tốc độ ISO cao** (tr.197)

Bạn có thể thiết lập chức năng xử lý giảm nhiễu hạt ở tốc độ ISO cao. Ảnh hiển thị phản ánh hiệu quả của các thiết lập đã đặt. Phóng to ảnh (tr.442) nếu không nhìn thấy rõ các hiệu ứng.

- **L Chất lượng ảnh** (tr.164)

Bạn có thể thiết lập chất lượng ảnh khi tạo ảnh JPEG.

- sRGB **Không gian màu** (tr.210)

Bạn có thể chọn không gian màu sRGB hoặc Adobe RGB. Do màn hình LCD của máy ảnh không tương thích với Adobe RGB, cho dù thiết lập không gian màu là sRGB hay Adobe RGB, ảnh hiển thị trông hầu như không khác gì.

- **Hiệu chỉnh quang sai của ống kính**

- **Hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi** (tr.202)

Bạn có thể hiệu chỉnh hiện tượng các góc ảnh trông tối hơn do đặc tính của ống kính. Khi đặt thành **[Enable (Bật)]**, ảnh đã chỉnh sửa sẽ hiển thị. Nếu không nhìn thấy rõ các hiệu ứng, bạn có thể phóng to ảnh (tr.442) và kiểm tra bốn góc màn hình. Sử dụng máy ảnh để thực hiện hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi sẽ không đạt hiệu quả rõ rệt như khi áp dụng lượng hiệu chỉnh tối đa với Digital Photo Professional (phần mềm EOS, tr.610). Nếu hiệu chỉnh không đạt hiệu quả rõ rệt, sử dụng Digital Photo Professional để thực hiện hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi.

- **Hiệu chỉnh méo hình** (tr.204)

Có thể hiệu chỉnh hiện tượng méo hình do đặc tính của ống kính. Khi đặt thành **[Enable (Bật)]**, ảnh đã chỉnh sửa sẽ hiển thị. Vùng ngoại vi ảnh sẽ bị cắt trong ảnh chỉnh sửa.

Do độ phân giải của ảnh có thể trông kém rõ nét hơn, điều chỉnh thông số độ sắc nét với **[Sharpness (Độ sắc nét)]** của kiểu ảnh nếu cần.

- **Hiệu chỉnh sắc sai** (tr.203)

Có thể thực hiện hiệu chỉnh sắc sai (màu bao quanh dọc theo đường viền của chủ thể) do đặc tính của ống kính. Khi đặt thành **[Enable (Bật)]**, ảnh đã chỉnh sửa sẽ hiển thị. Phóng to ảnh (tr.442) nếu không nhìn thấy rõ các hiệu ứng.

● OFF **Hiệu chỉnh nhiễu xạ** (tr.205)

Bạn có thể hiệu chỉnh hiện tượng nhiễu xạ gây ra do khẩu độ ống kính làm giảm độ sắc nét của ảnh. Khi đặt thành **[Enable (Bật)]**, ảnh đã chỉnh sửa sẽ hiển thị. Phóng to ảnh (tr.442) nếu không nhìn thấy rõ các hiệu ứng.



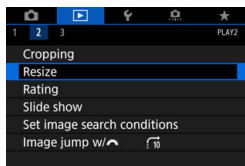
- Xử lý ảnh RAW trên máy ảnh sẽ có hiệu quả khác với xử lý ảnh RAW bằng phần mềm Digital Photo Professional (phần mềm EOS).
- Nếu bạn thực hiện **[Brightness adjustment (Điều chỉnh độ sáng)]**, nhiễu hạt, dải, v.v... có thể nghiêm trọng hơn do ảnh hưởng của việc hiệu chỉnh.
- Khi xử lý ảnh với **[Distortion correction (Hiệu chỉnh méo hình)]** đặt thành **[Enable (Bật)]**, Thông tin hiển thị điểm AF (tr.399) hoặc Dữ liệu xóa bụi (tr.454) sẽ không được thêm vào ảnh.
- Tính năng hiệu chỉnh quang sai của ống kính có hiệu quả khác nhau tùy thuộc vào điều kiện chụp và ống kính sử dụng. Ngoài ra, hiệu ứng cũng có thể khó thấy rõ tùy thuộc vào ống kính sử dụng, điều kiện chụp, v.v...



Dữ liệu hiệu chỉnh ống kính cho hiệu chỉnh quang sai được đăng ký (lưu giữ) trong máy ảnh.

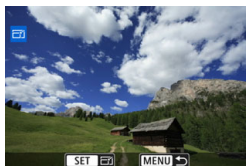
Thay đổi cỡ ảnh JPEG

Bạn có thể thay đổi cỡ ảnh JPEG để giảm độ phân giải và lưu thành ảnh mới. Chức năng thay đổi cỡ ảnh chỉ có thể thực hiện với ảnh JPEG L, M và S1. Không thể thay đổi cỡ ảnh JPEG S2 và RAW.



1 Chọn [Resize (Thay đổi cỡ ảnh)].

- Trong tab [2], chọn [Resize (Thay đổi cỡ ảnh)], rồi nhấn <SET>.
- Ảnh sẽ hiển thị.



2 Chọn ảnh.

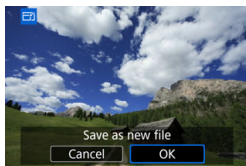
- Xoay nút xoay <DISP> để chọn ảnh muốn thay đổi cỡ.
- Nếu nhấn nút <Q> và xoay nút xoay <DISP> ngược chiều kim đồng hồ, có thể chọn ảnh từ chế độ hiển thị bằng kẻ.



Cỡ ảnh mục tiêu

3 Chọn cỡ ảnh mong muốn.

- Nhấn <SET> để hiển thị cỡ ảnh.
- Chọn cỡ ảnh mong muốn, rồi nhấn <SET>.



4 Lưu ảnh.

- Chọn [OK] để lưu ảnh đã thay đổi kích cỡ.
- Kiểm tra thư mục đích và số tập tin ảnh, rồi chọn [OK].
- Để thay đổi cỡ cho ảnh khác, lặp lại các bước từ 2 đến 4.

Tùy chọn thay đổi cỡ ảnh theo chất lượng ảnh gốc

Chất lượng ảnh gốc	Thiết lập thay đổi cỡ ảnh có sẵn		
	M	S1	S2
L	☐	☐	☐
M	☐	☐	☐
S1	☐	☐	☐

Cỡ ảnh

Bảng kích cỡ để thay đổi cỡ ảnh.

(Độ phân giải ước chừng)

Chất lượng ảnh	Toàn khung hình (3:2)	4:3 (tỷ lệ cỡ ảnh)
M	4160x2768* (11,5 megapixel)	3680x2768* (10,2 megapixel)
S1	3120x2080 (6,5 megapixel)	2768x2080* (5,8 megapixel)
S2	2400x1600 (3,8 megapixel)	2112x1600* (3,4 megapixel)

Chất lượng ảnh	16:9 (tỷ lệ cỡ ảnh)	1:1 (tỷ lệ cỡ ảnh)
M	4160x2336* (9,7 megapixel)	2768x2768 (7,7 megapixel)
S1	3120x1752* (5,5 megapixel)	2080x2080 (4,3 megapixel)
S2	2400x1344* (3,2 megapixel)	1600x1600 (2,6 megapixel)

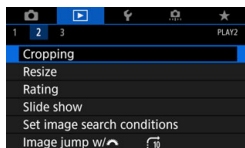


- Tỷ lệ khung ảnh thực và tỷ lệ được nêu trong bảng của các cỡ ảnh đánh dấu “*” sẽ có sự khác biệt.
- Hình ảnh có thể bị cắt một chút tùy thuộc vào điều kiện thay đổi cỡ ảnh.

Cắt ảnh JPEG

Bạn có thể cắt ảnh JPEG đã chụp và lưu lại thành ảnh khác. Chức năng cắt ảnh chỉ có thể thực hiện với ảnh JPEG **L**, **M**, **S1** và **S2**.

Không thể cắt ảnh chụp RAW.



1 Chọn [Cropping (Cắt ảnh)].

- Trong tab [2], chọn [Cropping (Cắt ảnh)], rồi nhấn <SET>.
- Ảnh sẽ hiển thị.



2 Chọn ảnh.

- Xoay nút xoay <Q> để chọn ảnh muốn cắt.
- Nếu nhấn nút <Q> và xoay nút xoay <Q> ngược chiều kim đồng hồ, có thể chọn ảnh từ chế độ hiển thị bằng kê.



3 Thiết lập khung cắt ảnh.

- Nhấn <SET> để hiển thị khung cắt ảnh.
- Khu vực nằm trong khung cắt ảnh sẽ được cắt.

Thay đổi kích thước khung cắt ảnh

Xoay nút xoay <Q> để thay đổi kích thước khung cắt ảnh. Kích thước khung cắt ảnh càng nhỏ, hệ số phóng to của ảnh cắt sẽ càng lớn.

Thay đổi tỷ lệ khung ảnh và hướng

Xoay nút xoay <Q> để thay đổi tỷ lệ cỡ ảnh của khung cắt ảnh. Bạn có thể chọn các tỷ lệ cỡ ảnh như sau: [3:2], [16:9], [4:3] hoặc [1:1]. Xoay nút xoay <Q> để thay đổi hướng của khung cắt ảnh. Nếu chọn [2:3], [9:16] hoặc [3:4], bạn có thể cắt ảnh ngang để ảnh trông như được chụp theo hướng dọc.

● Di chuyển khung cắt ảnh

Sử dụng nút <⇐> để di chuyển khung trên ảnh theo chiều dọc hoặc chiều ngang. Di chuyển cho đến khi khung cắt ảnh bao trùm khu vực mong muốn.

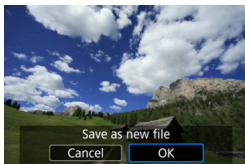
● Chỉnh độ nghiêng

Bạn có thể hiệu chỉnh nghiêng ảnh theo $\pm 10^\circ$. Nhấn nút <INFO>, rồi vừa kiểm tra độ nghiêng của ảnh so với khung lưới, rồi vừa xoay nút xoay <☉> (mức tăng 0,1°) hoặc chạm vào mũi tên trái hoặc phải (ở mức tăng 0,5°) ở phía trên bên trái của màn hình để hiệu chỉnh nghiêng ảnh. Nhấn <SET> sau khi hoàn tất hiệu chỉnh nghiêng ảnh.



4 Kiểm tra khu vực ảnh cắt.

- Nhấn nút <[Q]>.
- ▶ Khu vực ảnh cắt sẽ hiển thị.
- Để trở về hiển thị ban đầu, nhấn lại nút <[Q]>.



5 Lưu ảnh.

- Nhấn <SET> rồi chọn [OK] để lưu ảnh đã cắt.
- Kiểm tra thư mục đích và số tập tin ảnh, rồi chọn [OK].
- Để tiếp tục cắt ảnh khác, lặp lại các bước từ 2 tới 5.



- Vị trí và kích thước của khung cắt ảnh có thể thay đổi tùy thuộc vào góc được đặt để chỉnh độ nghiêng.
- Không thể thay đổi cỡ hoặc cắt lại ảnh cắt đã lưu.
- Thông tin hiển thị điểm AF (tr.399) và Dữ liệu xóa bụi (tr.454) sẽ không được đính kèm vào ảnh đã cắt.

This image shows a single sheet of white paper with horizontal ruling lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page. There are no margins, text, or other markings on the paper.

12

Làm sạch cảm biến

Máy ảnh được trang bị thiết bị tự làm sạch cảm biến để tự động giữ sạch bụi bám vào mặt trước của cảm biến (bộ lọc thông thấp).

Dữ liệu xóa bụi cũng được lưu trong ảnh để các chấm bụi còn sót lại sẽ được xóa tự động bằng Digital Photo Professional (phần mềm EOS, tr.610).

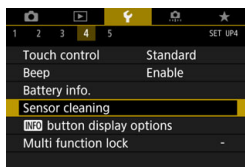
Đối với vết bẩn bám vào mặt trước của cảm biến

Ngoài việc bụi bên ngoài rơi vào trong máy ảnh, trong một số ít trường hợp, dầu bôi trơn của các bộ phận bên trong máy ảnh có thể bám vào mặt trước cảm biến. Nếu vết bẩn vẫn còn sau khi làm sạch cảm biến tự động, bạn nên mang máy đến Trung tâm bảo hành của Canon để làm sạch cảm biến.

Làm sạch cảm biến tự động

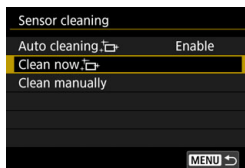
Bất cứ khi nào đặt công tắc nguồn thành <ON> hoặc <OFF>, thiết bị tự làm sạch cảm biến sẽ tự động giữ sạch bụi trên mặt trước của cảm biến. Thông thường, không cần chú ý tới hoạt động này. Tuy nhiên, bạn có thể thực hiện làm sạch cảm biến bằng tay hoặc tắt thiết bị này như dưới đây.

Kích hoạt làm sạch cảm biến bằng tay



1 Chọn [Sensor cleaning (Làm sạch cảm biến)].

- Trong tab [**4**], chọn [Sensor cleaning (Làm sạch cảm biến)], rồi nhấn <SET>.



2 Chọn [Clean now] (Làm sạch ngay)].

- Chọn [Clean now ] (Làm sạch ngay )], rồi nhấn <SET>.
- Chọn [OK].

- Màn hình sẽ cho biết cảm biến đang được làm sạch. (Máy ảnh có thể phát ra tiếng động nhỏ.) Mặc dù màn trập phát ra âm thanh trong quá trình làm sạch cảm biến, ảnh sẽ không được lưu vào thẻ nhớ.
- Sau khi hoàn tất làm sạch cảm biến, máy ảnh sẽ tự động khởi động lại (tắt rồi bật lại).



- Để có kết quả tốt nhất, thực hiện làm sạch cảm biến khi máy ảnh được đặt thẳng đứng và ổn định trên bàn hoặc bề mặt phẳng khác.
- Ngay cả khi làm sạch lại cảm biến, kết quả sẽ không cải thiện nhiều. Khi quá trình làm sạch cảm biến hoàn tất, tùy chọn **[Clean now] (Làm sạch ngay)** sẽ tiếp tục ở trạng thái tạm tắt.
- Các điểm sáng có thể xuất hiện trên ảnh nếu cảm biến bị ảnh hưởng bởi bức xạ vũ trụ, v.v... Việc chọn **[Clean now] (Làm sạch ngay)** có thể giúp giảm thiểu các điểm này (tr.582).

Tắt làm sạch cảm biến tự động

- Ở bước 2, chọn **[Auto cleaning] (Tự động làm sạch)** và đặt thành **[Disable] (Tắt)**.
- ▶ Khi đặt công tắc nguồn thành <ON> hoặc <OFF>, làm sạch cảm biến sẽ dừng hoạt động.

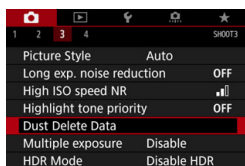
MENU Thêm dữ liệu xóa bụi ☆

Thông thường, thiết bị tự động làm sạch cảm biến sẽ loại bỏ hầu hết bụi có thể nhìn thấy trên ảnh chụp. Tuy nhiên, trong trường hợp vẫn nhìn thấy bụi, bạn có thể thêm dữ liệu xóa bụi vào ảnh để xóa các chấm bụi này sau. Dữ liệu xóa bụi được Digital Photo Professional (phần mềm EOS, tr.610) sử dụng để xóa tự động các chấm bụi.

Chuẩn bị

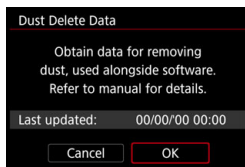
- Chuẩn bị vật màu trắng đồng nhất, ví dụ như một tờ giấy.
- Đặt tiêu cự ống kính từ 50 mm trở lên.
- Đặt công tắc chế độ lấy nét của ống kính thành <MF> và đặt lấy nét thành vô cực (∞). Nếu ống kính không có thước đo khoảng cách, xoay máy ảnh hướng về phía bạn và xoay vòng lấy nét theo chiều kim đồng hồ.

Lấy dữ liệu xóa bụi



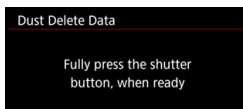
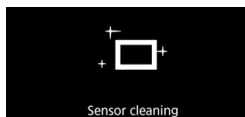
1 Chọn [Dust Delete Data (Dữ liệu xóa bụi)].

- Trong tab [**3**], chọn [**Dust Delete Data (Dữ liệu xóa bụi)**], rồi nhấn <SET>.



2 Chọn [OK].

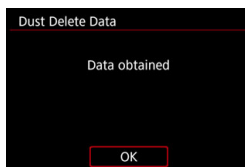
- ▶ Thông báo sẽ xuất hiện sau khi quá trình tự động làm sạch cảm biến kết thúc. Mặc dù màn trập phát ra âm thanh trong quá trình làm sạch, nhưng ảnh sẽ không được chụp.





3 Chụp vật màu trắng đồng nhất.

- Ở khoảng cách 20 cm - 30 cm (0,7 ft. - 1,0 ft.), lấp đầy khung ngắm với vật thể có màu trắng đồng nhất và không có hoa văn, rồi chụp ảnh.
- ▶ Ảnh sẽ được chụp ở chế độ tự động phơi sáng ưu tiên khẩu độ với khẩu độ f/22.
- Do ảnh sẽ không được lưu, nên máy ảnh vẫn lấy được dữ liệu ngay cả khi không có thẻ.
- ▶ Khi chụp xong ảnh, máy ảnh sẽ bắt đầu thu thập dữ liệu xóa bụi. Khi có được dữ liệu xóa bụi, thông báo sẽ xuất hiện.
- Nếu không lấy dữ liệu thành công, thông báo lỗi sẽ xuất hiện. Thực hiện theo quy trình “Chuẩn bị” ở trang trước, rồi chọn [OK]. Chụp lại ảnh.



Dữ liệu xóa bụi

Sau khi có được dữ liệu xóa bụi, dữ liệu được thêm vào tất cả các ảnh JPEG và RAW chụp sau đó. Trước khi chụp ảnh quan trọng nào đó, bạn nên cập nhật dữ liệu xóa bụi bằng cách lấy lại dữ liệu.

Để tìm hiểu chi tiết về cách sử dụng Digital Photo Professional (phần mềm EOS, tr.610) để xóa chấm bụi tự động, tham khảo Hướng dẫn sử dụng Digital Photo Professional (tr.612).

Dữ liệu xóa bụi được thêm vào ảnh quá nhỏ nên hầu như không ảnh hưởng đến kích thước tập tin ảnh.

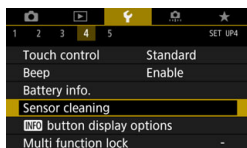


Đảm bảo sử dụng vật màu trắng đồng nhất ví dụ như tờ giấy trắng mới. Họa tiết và thiết kế trên vật thể có thể bị nhận dạng thành dữ liệu bụi và ảnh hưởng đến tính chính xác của việc xóa bụi bằng Digital Photo Professional (phần mềm EOS).

MENU Làm sạch cảm biến bằng tay ☆

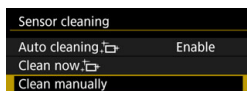
Bụi không loại bỏ được bằng chức năng tự động làm sạch cảm biến có thể được loại bỏ bằng tay với bóng thổi có bán sẵn, v.v... Trước khi làm sạch cảm biến, tháo ống kính khỏi máy ảnh.

Cảm biến ảnh rất mỏng manh. Nếu cần làm sạch trực tiếp trên cảm biến, vui lòng đưa máy ảnh đến Trung tâm bảo hành của Canon.



1 Chọn [Sensor cleaning (Làm sạch cảm biến)].

- Trong tab [4], chọn [Sensor cleaning (Làm sạch cảm biến)], rồi nhấn <SET>.



2 Chọn [Clean manually (Làm sạch bằng tay)].



3 Chọn [OK].

- Trong giây lát, gương lật sẽ được lật lên và màn trập sẽ mở.
- Thông báo “CLn” sẽ nhấp nháy trên bảng điều khiển LCD.

4 Làm sạch cảm biến.

5 Kết thúc làm sạch cảm biến.

- Đặt công tắc nguồn thành <OFF>.



Nếu bạn dự định làm sạch cảm biến bằng tay, đảm bảo pin máy ảnh đã sạc đầy.



Bạn nên sử dụng phụ kiện kết nối ổ điện gia đình (bán riêng, tr.524).



- **Khi đang làm sạch cảm biến, tuyệt đối không thực hiện các thao tác sau đây. Nếu tắt nguồn, màn trập sẽ đóng và gương lật sẽ hạ xuống. Điều này có thể gây hư hại cho cảm biến ảnh, màn trập và gương lật.**
 - **Đặt công tắc nguồn thành <OFF>.**
 - **Tháo hoặc lắp pin.**
- Bề mặt của cảm biến ảnh rất mỏng manh. Cần thận khi làm sạch cảm biến.
- Sử dụng bóng thổi không kèm chổi. Chổi có thể làm xước cảm biến.
- Không đưa đầu bóng thổi vào trong ngàm ống kính của máy ảnh. Nếu tắt nguồn, màn trập sẽ đóng và có thể gây hư hại cho màn trập hoặc gương lật.
- Tuyệt đối không sử dụng bình xịt không khí hoặc khí nén để làm sạch cảm biến. Áp lực khí nén có thể gây hư hại cảm biến, bụi khí có thể đóng băng trên cảm biến và làm xước cảm biến.
- Khi đang làm sạch cảm biến, nếu mức pin yếu, tiếng bíp sẽ phát ra để cảnh báo. Tạm dừng làm sạch cảm biến.
- Nếu vẫn còn vết bẩn không thể loại bỏ bằng bóng thổi, vui lòng mang máy ảnh đến Trung tâm bảo hành của Canon để làm sạch cảm biến.

13

Đặt lệnh in và lập sách ảnh

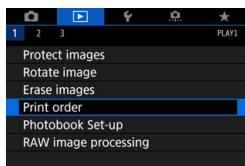
- **Định dạng lệnh in kỹ thuật số (DPOF) (tr.460)**
Bạn có thể chỉ định chỉ thị in như chọn ảnh, số lượng bản in, v.v... cho ảnh đã ghi trên thẻ.
- **Chỉ định ảnh cho sách ảnh (tr.466)**
Bạn có thể chỉ định từ các ảnh đã lưu trên thẻ để in dưới dạng sách ảnh.

Định dạng lệnh in kỹ thuật số (DPOF)

DPOF (Digital Print Order Format - Định dạng lệnh in kỹ thuật số) cho phép in ảnh đã ghi trong thẻ theo các chỉ thị in bao gồm chọn ảnh, số lượng in, v.v... Bạn có thể in nhiều ảnh cùng một lúc hoặc đặt lệnh in cho tiệm rửa ảnh.

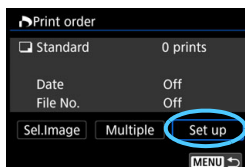
Bạn có thể đặt thiết lập in như kiểu in, in ngày, in số tập tin, v.v... Thiết lập in sẽ được áp dụng cho tất cả ảnh chỉ định để in. (Không thể thiết lập các cài đặt này riêng cho từng ảnh.)

MENU Thiết lập tùy chọn in



1 Chọn [Print order (Lệnh in)].

- Trong tab [1], chọn [Print order (Lệnh in)], rồi nhấn <SET>.

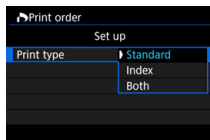


2 Chọn [Set up (Cài đặt)].

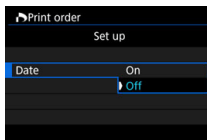
3 Đặt tùy chọn mong muốn.

- Đặt [Print type (Kiểu in)], [Date (Ngày tháng)] và [File No. (Số tập tin)].
- Chọn tùy chọn sẽ đặt, rồi nhấn <SET>. Chọn thiết lập mong muốn, rồi nhấn <SET>.

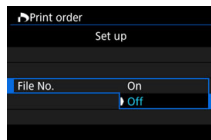
Print type (Kiểu in)



Date (Ngày tháng)



File number (Số tập tin)



Print type (Kiểu in)		Standard (Tiêu chuẩn)	In một ảnh trên một trang.
		Index (Bảng kê)	Nhiều ảnh thu nhỏ được in trên một trang.
		Both (Cả hai)	Cả định dạng tiêu chuẩn và định dạng bảng kê đều được in.
Date (Ngày tháng)	On (Bật)	[On (Bật)] sẽ in ngày chụp ảnh.	
	Off (Tắt)		
File number (Số tập tin)	On (Bật)	[On (Bật)] sẽ in số tập tin.	
	Off (Tắt)		

4 Thoát thiết lập.

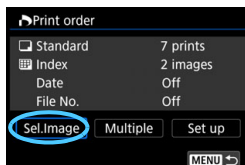
- Nhấn nút <MENU>.
- ▶ Màn hình lệnh in sẽ xuất hiện lại.
- Tiếp theo, chọn [**Sel.Image (Chọn ảnh)**] hoặc [**Multiple (Nhiều ảnh)**] để đặt lệnh in cho ảnh.

-  Không thể chỉ định ảnh RAW hoặc phim để in.
- Nếu bạn in ảnh với cỡ lớn sử dụng thiết lập [**Index (Bảng kê)**] hoặc [**Both (Cả hai)**] (tr.460), một vài máy in nhất định có thể không in được bảng kê. Trong trường hợp đó, thay đổi cỡ ảnh (tr.446), rồi in bảng kê.
- Ngay cả khi đặt [**Date (Ngày tháng)**] và [**File No. (Số tập tin)**] thành [**On (Bật)**], ngày hoặc số tập tin có thể sẽ không được in, tùy thuộc vào thiết lập kiểu in và máy in.
- Với kiểu in [**Index (Bảng kê)**], không thể đặt [**Date (Ngày tháng)**] và [**File No. (Số tập tin)**] thành [**On (Bật)**] cùng một lúc.
- Khi in với DPOF, nên sử dụng thẻ đã cài đặt thông số kỹ thuật lệnh in. Không thể in với lệnh in đã chỉ định nếu bạn xuất ảnh khỏi thẻ để in.
- Một số máy in tương thích DPOF và tiệm rửa ảnh có thể không in được ảnh như bạn chỉ định. Tham khảo hướng dẫn sử dụng của máy in trước khi in hoặc kiểm tra với tiệm rửa ảnh về tính tương thích khi đặt lệnh in.
- Khi truyền ảnh vào máy ảnh này, không chỉ định lệnh in mới cho các ảnh đã được thiết lập lệnh in trên máy ảnh khác. Tất cả lệnh in có thể sẽ vô tình bị ghi đè. Ngoài ra, lệnh in có thể không thực hiện được, tùy thuộc vào loại ảnh.

 Bạn có thể gửi ảnh trên máy ảnh qua Wi-Fi đến máy in tương thích PictBridge (Mạng LAN không dây) và in (in trực tiếp). Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo “Hướng dẫn sử dụng chức năng Wi-Fi (Giao tiếp không dây)” (tr.4).

MENU Chỉ định ảnh để in

• Selecting Images (Chọn ảnh)



Chọn và chỉ định từng ảnh.

Nếu nhấn nút <Q> và xoay nút xoay <⬆️> ngược chiều kim đồng hồ, bạn có thể chọn ảnh từ chế độ hiển thị ba ảnh. Để trở lại chế độ hiển thị từng ảnh, xoay nút xoay theo chiều kim đồng hồ. Nhấn nút <MENU> để lưu lệnh in vào thẻ.

• Standard (Tiêu chuẩn) / Both (Cả hai)

Nhấn <SET> để in ảnh hiển thị. Nhấn các phím <▲> <▼> để đặt số lượng bản in, tối đa 99 bản.

• Index (Bảng kê)

Nhấn <SET> để đánh dấu chọn vào ô [✓]. Ảnh sẽ được gộp vào in bảng kê.



Số lượng

Tổng số ảnh được chọn



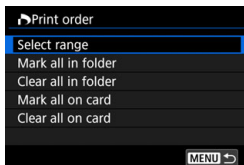
Dấu chọn

Biểu tượng bảng kê



Nếu đã đặt điều kiện tìm kiếm với [▶️ 2: Set image search conditions (Thiết lập điều kiện tìm kiếm ảnh)] (tr.404), màn hình sẽ chỉ hiển thị các ảnh tìm thấy.

● Chọn nhiều ảnh



● Chọn phạm vi

Trong mục [**Multiple (Nhiều ảnh)**], chọn [**Select range (Chọn phạm vi)**]. Chọn ảnh đầu tiên và ảnh cuối cùng trong phạm vi mong muốn, sau đó tất cả các ảnh trong phạm vi sẽ được đánh dấu chọn [✓]. Lệnh in một bản sao của mỗi ảnh sẽ được thiết lập. Nếu đặt một ảnh đánh dấu [✓] làm ảnh đầu tiên, các ảnh có dấu [✓] trong phạm vi từ ảnh đầu tiên đến ảnh cuối cùng sẽ bị hủy. (Phạm vi chỉ định sẽ không có dấu [✓].)

● Tất cả ảnh trong thư mục

Chọn [**Mark all in folder (Đánh dấu tất cả trong thư mục)**] và chọn thư mục. Lệnh in một bản sao của tất cả ảnh trong thư mục sẽ được chỉ định.

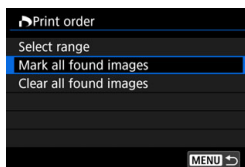
Nếu chọn [**Clear all in folder (Xóa tất cả trong thư mục)**] và chọn thư mục, lệnh in cho tất cả ảnh trong thư mục đó sẽ bị hủy.

● Tất cả ảnh trên thẻ

Nếu bạn chọn [**Mark all on card (Đánh dấu tất cả trên thẻ)**], một bản sao của tất cả ảnh trong thẻ sẽ được chỉ định để in.

Nếu chọn [**Clear all on card (Xóa tất cả trên thẻ)**], lệnh in sẽ được xóa cho tất cả ảnh trong thẻ.

Nếu đã đặt điều kiện tìm kiếm với [▶ 2: Set image search conditions (Thiết lập điều kiện tìm kiếm ảnh)] (tr.404) và chọn [Multiple (Nhiều ảnh)], màn hình sẽ chuyển thành [Mark all found images (Đánh dấu tất cả ảnh tìm thấy)] và [Clear all found images (Xóa tất cả ảnh tìm thấy)].



● Tất cả ảnh tìm thấy

Nếu bạn chọn [Mark all found images (Đánh dấu tất cả ảnh tìm thấy)], lệnh in một bản sao của tất cả ảnh đã lọc bằng điều kiện tìm kiếm sẽ được thiết lập.

Nếu chọn [Clear all found images (Xóa tất cả ảnh tìm thấy)], lệnh in sẽ được xóa cho tất cả ảnh tìm thấy.

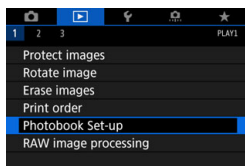


- Không thể chỉ định ảnh RAW hoặc phim để in. Lưu ý rằng ảnh RAW hay phim sẽ không được chỉ định để in ngay cả khi bạn chỉ định tất cả ảnh với [Multiple (Nhiều ảnh)].
- Khi sử dụng máy in tương thích PictBridge, không chỉ định nhiều hơn 400 ảnh cho một lệnh in. Nếu bạn chỉ định nhiều hơn số lượng này, ảnh có thể sẽ không được in hết.

Chỉ định ảnh cho sách ảnh

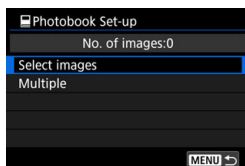
Bạn có thể chỉ định tối đa 998 ảnh để in trong sách ảnh. Khi sử dụng EOS Utility (phần mềm EOS) để truyền ảnh vào máy tính, các ảnh chỉ định cho sách ảnh sẽ được sao chép vào thư mục riêng. Chức năng này thích hợp để đặt sách ảnh online.

MENU Chỉ định một ảnh mỗi lần

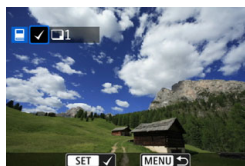


1 Chọn [Photobook Set-up (Lập sách ảnh)].

- Trong tab [ 1], chọn [Photobook Set-up (Lập sách ảnh)], rồi nhấn .



2 Chọn [Select images (Chọn ảnh)].

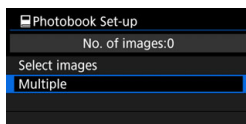


3 Chọn ảnh muốn chỉ định.

- Xoay nút xoay  để chọn ảnh sẽ chỉ định cho sách ảnh, rồi nhấn .
- Nếu nhấn nút  và xoay nút xoay  ngược chiều kim đồng hồ, bạn có thể chọn ảnh từ chế độ hiển thị ba ảnh. Để trở lại chế độ hiển thị từng ảnh, xoay nút xoay theo chiều kim đồng hồ.
- Để chọn ảnh khác cần chỉ định cho sách ảnh, lặp lại bước 3.

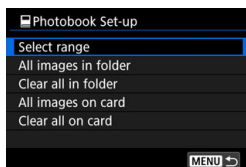
MENU Chỉ định phạm vi ảnh cho sách ảnh

Trong khi xem ảnh ở chế độ hiển thị bảng kê, bạn có thể chỉ định ảnh đầu tiên và ảnh cuối cùng trong phạm vi cho tất cả các ảnh được chỉ định cùng lúc.

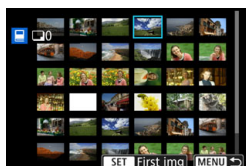


1 Chọn [Multiple (Nhiều ảnh)].

- Trong mục [▶ 1: Photobook set-up (Lập sách ảnh)], chọn [Multiple (Nhiều ảnh)], rồi nhấn <SET>.



2 Chọn [Select range (Chọn phạm vi)].



3 Chỉ định phạm vi ảnh.

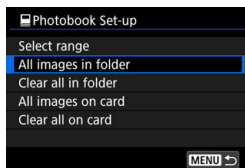
- Chọn ảnh đầu tiên (điểm bắt đầu), rồi nhấn <SET>.
- Tiếp theo, chọn ảnh cuối cùng (điểm kết thúc), rồi nhấn <SET>.
- ▶ Dấu chọn [✓] sẽ được thêm vào tất cả ảnh trong phạm vi chỉ định.
- Để chọn ảnh khác cần chỉ định cho sách ảnh, lặp lại bước 3.



- Nếu đã đặt điều kiện tìm kiếm với [▶ 2: Set image search conditions (Thiết lập điều kiện tìm kiếm ảnh)] (tr.404), màn hình sẽ chỉ hiển thị các ảnh tìm thấy.
- Nếu đặt một ảnh được đánh dấu [✓] làm ảnh đầu tiên, các ảnh có dấu [✓] trong phạm vi từ ảnh đầu tiên đến ảnh cuối cùng sẽ bị hủy. (Phạm vi chỉ định sẽ không có dấu [✓].)

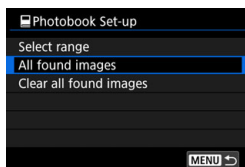
MENU Chỉ định tất cả ảnh trong thư mục hoặc trên thẻ

Bạn có thể chỉ định cho sách ảnh tất cả ảnh trong thư mục hoặc trên thẻ cùng một lúc.



Trong mục [**1: Photobook Set-up (Lập sách ảnh)**], bạn có thể đặt [**Multiple (Nhiều ảnh)**] thành [**All images in folder (Tất cả ảnh trong thư mục)**] hoặc [**All images on card (Tất cả ảnh trên thẻ)**] để chỉ định cho sách ảnh tất cả ảnh trong thư mục hoặc trên thẻ. Để hủy chọn, chọn [**Clear all in folder (Xóa tất cả trong thư mục)**] hoặc [**Clear all on card (Xóa tất cả trên thẻ)**].

Nếu đã đặt điều kiện tìm kiếm với [**2: Set image search conditions (Thiết lập điều kiện tìm kiếm ảnh)**] (tr.404) và chọn [**Multiple (Nhiều ảnh)**], màn hình sẽ chuyển thành [**All found images (Tất cả ảnh tìm thấy)**] và [**Clear all found images (Xóa tất cả ảnh tìm thấy)**].



Nếu chọn [**All found images (Tất cả ảnh tìm thấy)**], tất cả ảnh tìm thấy sẽ được chỉ định cho sách ảnh. Nếu chọn [**Clear all found images (Xóa tất cả ảnh tìm thấy)**], tất cả ảnh tìm thấy sẽ bị xóa cho sách ảnh.

- ❗ Không thể chỉ định ảnh RAW hoặc phim cho sách ảnh. Lưu ý rằng ảnh RAW hay phim sẽ không được chỉ định cho sách ảnh ngay cả khi bạn chỉ định tất cả ảnh với [**Multiple (Nhiều ảnh)**].
- Không dùng các ảnh đã chỉ định cho sách ảnh ở máy ảnh khác để chỉ định cho sách ảnh ở máy ảnh này. Tất cả thiết lập cho sách ảnh có thể sẽ vô tình bị ghi đè.

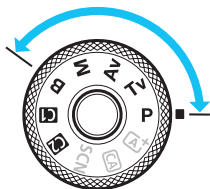
14

Tùy chỉnh máy ảnh

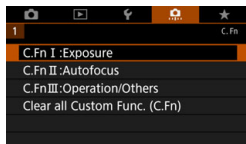
Thông qua chức năng tùy chỉnh và điều khiển tùy chỉnh, bạn có thể tinh chỉnh các chức năng máy ảnh khác nhau và thay đổi chức năng của các nút và nút xoay để phù hợp với sở thích chụp ảnh.

Bạn cũng có thể lưu các cài đặt hiện tại của máy ảnh vào các chế độ <C1> và <C2>.

Chức năng mô tả ở chương này có thể thiết lập và sử dụng được trong chế độ vùng sáng tạo.



MENU Thiết lập chức năng tùy chỉnh ☆

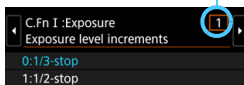


1 Chọn tab [].

2 Chọn nhóm mong muốn.

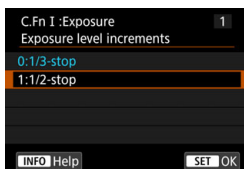
- Chọn [**C.Fn I: Exposure (Phơi sáng)**], [**C.Fn II: Autofocus (Lấy nét tự động)**] hoặc [**C.Fn III: Operation/Others (Thao tác/Khác)**], rồi nhấn <SET>.

Số chức năng tùy chỉnh



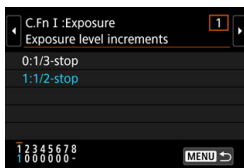
3 Chọn số chức năng tùy chỉnh.

- Nhấn các phím <◀> <▶> để chọn số của chức năng tùy chỉnh, rồi nhấn <SET>.



4 Thay đổi thiết lập theo ý muốn.

- Nhấn các phím <▲> <▼> để chọn thiết lập mong muốn (số), rồi nhấn <SET>.
- Lặp lại các bước 2 đến 4 nếu muốn đặt chức năng tùy chỉnh khác.
- Ở cuối màn hình, các thiết lập chức năng tùy chỉnh hiện tại được hiển thị bên dưới số của chức năng tương ứng.



5 Thoát thiết lập.

- Nhấn nút <MENU>.
- ▶ Màn hình ở bước 2 sẽ xuất hiện lại.

Xóa tất cả chức năng tùy chỉnh

Ở bước 2, chọn [**Clear all Custom Func. (C.Fn)** (Xóa tất cả chức năng tùy chỉnh (C.Fn))] sẽ xóa tất cả thiết lập chức năng tùy chỉnh.

Ngay cả khi thực hiện [**Clear all Custom Func.(C.Fn)** (Xóa tất cả chức năng tùy chỉnh (C.Fn))], thiết lập cho [**C.Fn III-4: Custom Controls** (Điều khiển tùy chỉnh)] sẽ không bị xóa.

MENU Chức năng tùy chỉnh ☆

C.Fn I: Phơi sáng

			 Chụp Live View	 Quay phim
1	Mức tăng phơi sáng	tr.473	☐	☐
2	Mức tăng thiết lập tốc độ ISO		☐	Ờ M
3	Tự động hủy phơi sáng hỗn hợp		☐	
4	Thứ tự phơi sáng hỗn hợp	tr.474	☐	
5	Số ảnh bù trừ phơi sáng		☐	
6	Chuyển an toàn	tr.475	☐	
7	Tự động hủy bù trừ phơi sáng	tr.476	☐	☐
8	Chế độ đo sáng, phơi sáng khóa sau khi lấy nét		☐	

C.Fn II: AF (Lấy nét tự động)

			 Chụp Live View	 Quay phim
1	Độ nhạy theo dõi	tr.477		
2	Tăng/giảm tốc độ theo dõi	tr.478		
3	Tự động chuyển đổi điểm AF	tr.479		
4	Ưu tiên AI Servo ảnh đầu tiên	tr.480		
5	Ưu tiên AI Servo ảnh thứ hai	tr.481		
6	Đánh sáng tia giúp lấy nét	tr.482	*1	*1*2
7	Điều khiển ống kính khi không thể lấy nét tự động	tr.483		
8	Chọn chế độ lựa chọn vùng AF			

*1: Nếu sử dụng đèn Speedlite sê-ri EX (bán riêng) được trang bị đèn LED, tia giúp lấy nét sẽ bật khi cần.

*2: Chỉ bật khi quay phim time-lapse.



Các chức năng tùy chỉnh bị tô đen sẽ không hoạt động khi chụp Live View (LV) hoặc quay phim. (Thiết lập bị tắt.)

C.Fn II: AF (Lấy nét tự động)

			 Chụp Live View	 Quay phim
9	Phương pháp chọn vùng AF	tr.484		
10	Điểm AF theo hướng chụp	tr.485		
11	Initial AF point, () AI Servo AF	tr.486		
12	Tự động chọn điểm AF: Theo dõi màu	tr.487		
13	Chuyển động chọn điểm AF	tr.488		
14	Điểm AF hiển thị trong khi lấy nét	tr.489		
15	Phát sáng hiển thị trong khung ngắm	tr.491		
16	Vi chỉnh AF			

C.Fn III: Thao tác/Khác

			 Chụp Live View	 Quay phim
1	Cảnh báo  trong khung ngắm	tr.492		
2	Hướng xoay nút xoay trong Tv/Av	tr.493		
3	Thu ống kính khi tắt nguồn			
4	Điều khiển tùy chỉnh		Tùy thuộc vào thiết lập	

MENU Thiết lập chức năng tùy chỉnh ☆

C.Fn I: Phơi sáng

C.Fn I-1 Mức tăng phơi sáng

0: 1/3-stop (1/3 điểm dừng)

1: 1/2-stop (1/2 điểm dừng)

Đặt mức tăng 1/2 điểm dừng cho tốc độ màn trập, khẩu độ, bù trừ phơi sáng, AEB, bù trừ phơi sáng flash, v.v...



Khi đặt [1:1/2-stop (1/2 điểm dừng)], màn hình sẽ hiển thị như bên dưới.



C.Fn I-2 Mức tăng thiết lập tốc độ ISO

0: 1/3-stop (1/3 điểm dừng)

1: 1-stop (1 điểm dừng)

Bạn có thể thay đổi mức tăng thiết lập tốc độ ISO chỉnh tay đến 1 điểm dừng.



- Ngay cả khi đặt [1: 1-stop (1 điểm dừng)], máy vẫn tự động thiết lập tốc độ ISO ở mức tăng 1/3 điểm dừng nếu đặt ISO tự động.
- Ngay cả khi đặt [1: 1-stop (1 điểm dừng)], bạn vẫn có thể đặt ISO 40000 (khi chụp ảnh).

C.Fn I-3 Tự động hủy phơi sáng hỗn hợp

0: Enable (Bật)

Nếu đặt công tắc nguồn thành <OFF>, AEB và cân bằng trắng hỗn hợp sẽ bị hủy bỏ. Thiết lập AEB cũng sẽ bị hủy bỏ nếu đèn flash đã sẵn sàng đánh sáng hoặc nếu bạn chuyển sang chế độ quay phim.

1: Disable (Tắt)

AEB và cân bằng trắng hỗn hợp sẽ không bị hủy bỏ ngay cả khi đặt công tắc nguồn thành <OFF>. (Nếu đèn flash đã sẵn sàng đánh sáng hoặc nếu bạn chuyển sang quay phim, AEB sẽ tạm thời bị hủy bỏ, nhưng phạm vi AEB vẫn được giữ lại.)

C.Fn I-4 Thự tự phơi sáng hỗn hợp

Có thể thay đổi thự tự chụp AEB và thự tự cân bằng trắng hỗn hợp.

0: 0 → - → +

1: - → 0 → +

2: + → 0 → -

AEB	Cân bằng trắng hỗn hợp	
	Hướng B/A	Hướng M/G
0 : Phơi sáng chuẩn	0 : Cân bằng trắng chuẩn	0 : Cân bằng trắng chuẩn
- : Giảm phơi sáng	- : Thiên về sắc xanh da trời	- : Thiên về sắc đỏ tía
+ : Tăng phơi sáng	+ : Thiên về sắc hổ phách	+ : Thiên về sắc xanh lá cây

C.Fn I-5 Số ảnh bù trừ phơi sáng

Số ảnh chụp với AEB và cân bằng trắng hỗn hợp có thể được thay đổi từ 3 ảnh mặc định thành 2 ảnh, 5 ảnh hoặc 7 ảnh.

Khi đặt [**C.Fn I-4: Bracketing sequence (Thự tự phơi sáng hỗn hợp)**] thành [0, -, +], các ảnh bù trừ phơi sáng sẽ được chụp như trong bảng sau.

0: 3 shots (3 ảnh)

2: 5 shots (5 ảnh)

1: 2 shots (2 ảnh)

3: 7 shots (7 ảnh)

(Mức tăng 1 điểm dừng)

	Ảnh đầu tiên	Ảnh thứ 2	Ảnh thứ 3	Ảnh thứ 4	Ảnh thứ 5	Ảnh thứ 6	Ảnh thứ 7
3: 3 ảnh	Tiêu chuẩn (0)	-1	+1				
2: 2 ảnh	Tiêu chuẩn (0)	±1					
5: 5 ảnh	Tiêu chuẩn (0)	-2	-1	+1	+2		
7: 7 ảnh	Tiêu chuẩn (0)	-3	-2	-1	+1	+2	+3

 Nếu đặt [1: 2 shots (2 ảnh)], bạn có thể chọn phía + hoặc - khi thiết lập phạm vi AEB. Với cân bằng trắng hỗn hợp, ảnh thứ 2 sẽ được điều chỉnh về phía sắc màu B/A hoặc M/G.

C.Fn I-6

Chuyển an toàn

0: Disable (Tắt)

1: Shutter speed/Aperture (Tốc độ màn trập/Khẩu độ)

Có hiệu lực trong chế độ <Tv> tự động phơi sáng ưu tiên tốc độ màn trập và <Av> tự động phơi sáng ưu tiên khẩu độ. Nếu độ sáng của chủ thể thay đổi và không thể đạt được phơi sáng chuẩn trong phạm vi phơi sáng tự động, máy ảnh sẽ tự động thay đổi những thiết lập được chọn bằng tay để đạt phơi sáng chuẩn.

2: ISO speed (Tốc độ ISO)

Hoạt động trong các chế độ <P> Phơi sáng tự động P, <Tv> tự động phơi sáng ưu tiên tốc độ màn trập và <Av> tự động phơi sáng ưu tiên khẩu độ. Nếu độ sáng của chủ thể thay đổi và không thể đạt phơi sáng chuẩn trong phạm vi phơi sáng tự động, máy ảnh sẽ tự động thay đổi tốc độ ISO đã được thiết lập bằng tay để đạt phơi sáng chuẩn.



- Trong [**2: ISO speed settings (Thiết lập tốc độ ISO)**], ngay cả khi [**ISO speed range (Phạm vi tốc độ ISO)**] hoặc [**Min. shutter spd. (Tốc độ màn trập tối thiểu)**] không còn là thiết lập mặc định, chuyển an toàn sẽ hoạt động nếu không đạt được phơi sáng chuẩn.
- Mức thấp nhất và mức cao nhất cho chuyển an toàn với tốc độ ISO sẽ do [**Auto range (Phạm vi tự động)**] trong [**2: ISO speed settings (Thiết lập tốc độ ISO)**] quyết định (tr.176). Tuy nhiên, nếu tốc độ ISO được thiết lập bằng tay nằm ngoài [**Auto range (Phạm vi tự động)**], chuyển an toàn sẽ tác động tăng hoặc giảm lên tốc độ ISO đặt bằng tay.
- Chuyển an toàn sẽ hoạt động khi cần thiết ngay cả trong trường hợp sử dụng flash.

C.Fn I-7

Tự động hủy bù trừ phơi sáng

0: Disable (Tắt)

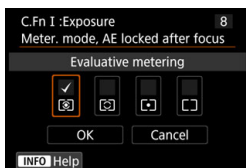
Thiết lập bù trừ phơi sáng sẽ không bị hủy ngay cả khi bạn đặt công tắc nguồn thành <OFF>.

1: Enable (Bật)

Nếu đặt công tắc nguồn thành <OFF>, thiết lập bù trừ phơi sáng sẽ bị hủy.

C.Fn I-8

Chế độ đo sáng, phơi sáng khóa sau khi lấy nét



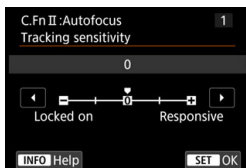
Đối với mỗi chế độ đo sáng, bạn có thể đặt khóa hoặc không khóa phơi sáng sau khi lấy được nét với Lấy nét một lần bằng cách nhấn nửa chừng nút chụp. Phơi sáng sẽ bị khóa trong khi nhấn giữ nửa chừng nút chụp.

Đánh dấu chọn [✓] vào chế độ đo sáng cần áp dụng khóa phơi sáng. Chọn chế độ đo sáng [☉]/[☐]/[●]/[□], rồi nhấn <SET> để thêm dấu chọn [✓]. Chọn [OK] để đăng ký thiết lập.

C.Fn II: AF (Lấy nét tự động)

C.Fn II-1

Độ nhạy theo dõi



Bạn có thể thiết lập độ nhạy theo dõi chủ thể trong khi Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục, khi chương ngại vật cắt ngang điểm AF hoặc khi các điểm AF chệch khỏi chủ thể.

0

Thiết lập mặc định. Thích hợp với chủ thể đang di chuyển bình thường.

Locked on: -2 (Khóa: -2) / Locked on: -1 (Khóa: -1)

Máy ảnh sẽ tiếp tục lấy nét chủ thể khi chương ngại vật vụt qua điểm AF hoặc khi các điểm AF chệch khỏi chủ thể. Thiết lập -2 khiến máy ảnh theo dõi chủ thể đích lâu hơn so với thiết lập -1. Tuy nhiên, nếu máy ảnh lấy nét sai chủ thể, sẽ tốn nhiều thời gian hơn để chuyển và lấy nét chủ thể đích.

Responsive: +2 (Phản ứng: +2) / Responsive: +1 (Phản ứng: +1)

Máy ảnh có thể lấy nét nhiều chủ thể liên tục ở những khoảng cách khác nhau được điểm AF bao trùm. Chức năng này cũng có hiệu lực nếu muốn luôn lấy nét chủ thể gần nhất. Thiết lập +2 nhạy hơn thiết lập +1 khi lấy nét chủ thể tiếp theo.

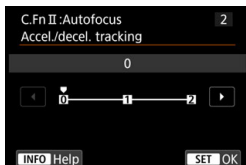
Tuy nhiên, máy ảnh sẽ dễ bị lấy nét nhầm chủ thể hơn.



[] **C.Fn II-1: Tracking sensitivity (Độ nhạy theo dõi)** là tính năng tương tự như [**AI Servo tracking sensitivity (Độ nhạy theo dõi AI Servo)**] ở máy ảnh EOS-1D Mark III/IV, EOS-1Ds Mark III và EOS 7D.

C.Fn II-2

Tăng/giảm tốc độ theo dõi



Chức năng này thiết lập độ nhạy theo dõi cho chủ thể thay đổi tốc độ ngay tức thì khi di chuyển hoặc dừng lại đột ngột, v.v...

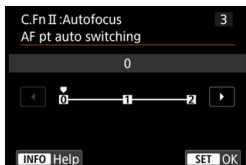
0

Thích hợp với chủ thể di chuyển ở tốc độ ổn định (thay đổi nhỏ trong tốc độ di chuyển).

+2 / +1

Phù hợp với chủ thể có những chuyển động, tăng/giảm tốc hoặc dừng đột ngột. Ngay cả khi tốc độ di chuyển của chủ thể thay đổi đột ngột đáng kể, máy ảnh vẫn tiếp tục lấy nét chủ thể đích. Ví dụ, với chủ thể đang tiến lại gần, máy ảnh sẽ hạn chế lấy nét phía sau chủ thể để tránh làm mờ chủ thể. Với chủ thể dừng đột ngột, máy ảnh sẽ hạn chế lấy nét phía trước chủ thể. Thiết lập +2 theo dõi những thay đổi tốc độ đột ngột của chủ thể đang chuyển động nhanh hơn so với thiết lập +1.

Tuy nhiên, do máy ảnh nhạy với cả những chuyển động nhỏ của chủ thể nên đôi lúc việc lấy nét trở nên không ổn định.

C.Fn II-3**Tự động chuyển đổi điểm AF**

Chức năng này cài đặt độ nhạy chuyển đổi của điểm AF khi theo dõi chủ thể đang di chuyển đáng kể lên trên, xuống dưới, sang trái hoặc sang phải.

Thiết lập này hoạt động khi chế độ chọn vùng AF được đặt thành AF theo vùng, AF theo vùng lớn hoặc AF tự động chọn.

0

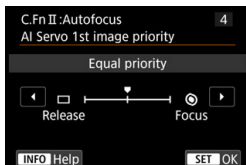
Thiết lập tiêu chuẩn cho chuyển đổi dần điểm AF.

+2 / +1

Ngay cả khi chủ thể đích di chuyển đáng kể lên trên, xuống dưới, sang trái hoặc sang phải và ra xa khỏi điểm AF, máy ảnh chuyển lấy nét sang điểm AF lân cận để tiếp tục lấy nét chủ thể. Máy ảnh chuyển sang điểm AF được coi là dễ lấy nét chủ thể nhất dựa trên chuyển động liên tiếp, độ tương phản, v.v... của chủ thể. Thiết lập +2 sẽ giúp máy ảnh dễ chuyển đổi điểm AF hơn so với thiết lập +1. Tuy nhiên, nếu sử dụng ống kính góc rộng có độ sâu trường ảnh rộng hoặc nếu chủ thể quá nhỏ trong khung lấy nét, máy ảnh có thể chọn nhầm điểm AF để lấy nét.

C.Fn II-4

Ưu tiên AI Servo ảnh đầu tiên



Bạn có thể thiết lập các đặc tính của thao tác AF và thời điểm nhả màn trập cho ảnh chụp đầu tiên với Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục.

Equal priority (Ưu tiên ngang nhau)

Lấy nét và nhả màn trập được ưu tiên ngang nhau.

☐: Release priority (Ưu tiên nhả màn trập)

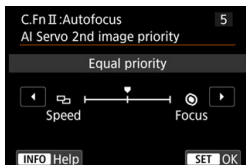
Ảnh sẽ được chụp ngay khi nhấn nút chụp ngay cả khi chưa lấy được nét. Có lợi thế khi bạn muốn ưu tiên chụp ảnh tại thời điểm quyết định hơn việc lấy nét.

⦿: Focus priority (Ưu tiên lấy nét)

Mặc dù nhấn nút chụp, máy ảnh cũng sẽ không chụp ảnh cho đến khi lấy được nét. Hữu ích khi bạn muốn lấy nét trước khi chụp ảnh.

C.Fn II-5

Ưu tiên AI Servo ảnh thứ hai



Khi chụp liên tục với Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục, bạn có thể thiết lập sẵn các đặc tính thao tác AF và thời gian nhả màn trập cho ảnh chụp tiếp theo sau ảnh đầu tiên trong quá trình chụp liên tục.

Equal priority (Ưu tiên ngang nhau)

Lấy nét và tốc độ chụp liên tục được ưu tiên ngang nhau. Trong điều kiện ánh sáng yếu hoặc chủ thể có độ tương phản thấp, tốc độ chụp liên tục có thể giảm.

📷: Shooting speed priority (Ưu tiên tốc độ chụp)

Ưu tiên tốc độ chụp liên tục hơn việc lấy nét.

🎯: Focus priority (Ưu tiên lấy nét)

Ưu tiên lấy nét hơn tốc độ chụp liên tục. Ảnh sẽ không được chụp cho đến khi lấy được nét.



Ngay cả khi đặt [**Shooting speed priority (Ưu tiên tốc độ chụp)**] trong các điều kiện chụp kích hoạt tính năng giảm nhấp nháy (tr.208), tốc độ chụp liên tục có thể trở nên chậm hơn hoặc quăng chụp có thể không đều.



Nếu không thể lấy được nét trong điều kiện ánh sáng yếu khi đặt [**Equal priority (Ưu tiên ngang nhau)**], thiết lập [**Focus priority (Ưu tiên lấy nét)**] có thể mang lại kết quả tốt hơn.

C.Fn II-6 Đánh sáng tia giúp lấy nét

Bật hoặc tắt tia giúp lấy nét của đèn Speedlite gắn ngoài dành riêng cho máy EOS.

0: Enable (Bật)

Đèn Speedlite gắn ngoài sẽ phát ra tia giúp lấy nét khi cần thiết.

1: Disable (Tắt)

Đèn Speedlite gắn ngoài sẽ không phát tia giúp lấy nét. Việc này ngăn tia giúp lấy nét khỏi ảnh hưởng tới người xung quanh.

2: IR AF assist beam only (Chỉ dùng tia giúp lấy nét hồng ngoại)

Nếu có đèn Speedlite gắn ngoài, chỉ những đèn có tia giúp lấy nét hồng ngoại mới phát ra tia giúp lấy nét. Hữu ích khi bạn không muốn tia giúp lấy nét phát ra một loạt tia flash nhỏ (Phương pháp flash gián đoạn).

Với đèn Speedlite sê-ri EX có trang bị đèn LED, đèn LED sẽ không tự động bật làm tia giúp lấy nét.

 Nếu đặt chức năng tùy chỉnh **[AF-assist beam firing (Đánh sáng tia giúp lấy nét)]** của đèn Speedlite gắn ngoài thành **[Disable (Tắt)]**, thiết lập của chức năng này sẽ được bỏ qua và đèn Speedlite sẽ không phát ra tia giúp lấy nét.

C.Fn II-7**Điều khiển ống kính khi không thể lấy nét tự động**

Khi không lấy được nét với lấy nét tự động, bạn có thể điều khiển ống kính tiếp tục hoặc dừng tìm kiếm lấy nét chính xác.

0: Continue focus search (Tiếp tục tìm kiếm lấy nét)

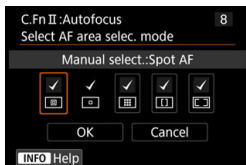
Nếu không lấy được nét bằng lấy nét tự động, máy ảnh sẽ điều khiển ống kính để tìm kiếm lấy nét chính xác.

1: Stop focus search (Dừng tìm kiếm lấy nét)

Nếu lấy nét tự động bắt đầu và không lấy được nét hoặc chủ thể ở ngoài vùng lấy nét, ống kính sẽ dừng thao tác. Điều này ngăn ống kính bị mất nét nghiêm trọng khi tìm kiếm lấy nét.



Khi sử dụng ống kính chụp siêu xa hoặc ống kính có phạm vi điều khiển lấy nét rộng để tìm kiếm lấy nét, ống kính có thể bị mất nét nghiêm trọng và lần lấy nét sau có thể tốn nhiều thời gian hơn. Nên đặt [1: Stop focus search (Dừng tìm kiếm lấy nét)].

C.Fn II-8**Chọn chế độ lựa chọn vùng AF**

Bạn có thể hạn chế các chế độ chọn vùng AF có thể chọn cho phù hợp với sở thích chụp của mình. Chọn chế độ lựa chọn vùng AF mong muốn rồi nhấn <SET> để đánh dấu chọn [✓]. Sau đó chọn [OK] để đăng ký thiết lập.

Chế độ lựa chọn vùng AF được mô tả ở các trang 136-137.

- : Manual select.:Spot AF (Chọn bằng tay:AF chấm điểm)
- : Manual selection:1 pt AF (Chọn bằng tay:AF một điểm)
- : Manual select.:Zone AF (Chọn bằng tay:AF theo vùng)
- : Manual select.:Large Zone AF (Chọn bằng tay:AF theo vùng lớn)
- : Auto selection AF (AF chọn tự động)



- Không thể xóa dấu chọn [✓] khỏi **[Manual selection:1 pt AF (Chọn bằng tay: AF một điểm)]**.
- Nếu lắp ống kính thuộc nhóm G hoặc H, bạn sẽ không thể sử dụng một số chế độ chọn vùng AF nhất định ngay cả khi đánh dấu [✓] vào tùy chọn **[Select AF area selec. mode (Chọn chế độ chọn vùng AF)]**.

C.Fn II-9

Phương pháp chọn vùng AF

Bạn có thể thiết lập phương pháp thay đổi chế độ chọn vùng AF.

0: → **AF area selection button (Nút chọn vùng AF)**

Sau khi nhấn nút hoặc , nhấn nút sẽ thay đổi chế độ chọn vùng AF.

1: → **Main Dial (Nút xoay chính)**

Sau khi nhấn nút hoặc , xoay nút xoay sẽ thay đổi chế độ chọn vùng AF.

Khi đặt **1: → Main Dial (Nút xoay chính)**, sử dụng nút để di chuyển điểm AF theo chiều ngang.

C.Fn II-10**Điểm AF theo hướng chụp**

Bạn có thể thiết lập điểm AF hoặc chế độ chọn vùng AF + điểm AF riêng cho chụp dọc và chụp ngang.

0: Same for both vert/horiz (Giống nhau với chụp ngang/chụp dọc)

Một chế độ chọn vùng AF và chọn điểm (vùng) AF bằng tay được áp dụng cho cả chụp ngang và chụp dọc.

1: Separate AF pts: Area+pt (Điểm AF riêng biệt: Vùng+điểm)

Có thể đặt chế độ chọn vùng AF và điểm (hoặc vùng) AF riêng cho mỗi hướng của máy ảnh (1. Hướng ngang, 2. Hướng dọc với báng cầm ở bên trên, 3. Hướng dọc với báng cầm ở bên dưới).

Khi chọn chế độ chọn vùng AF và điểm (vùng) AF bằng tay cho một trong ba hướng của máy ảnh, chúng sẽ được đăng ký cho từng hướng tương ứng. Khi bạn thay đổi hướng của máy ảnh trong khi chụp, máy ảnh sẽ chuyển về chế độ chọn vùng AF và điểm (hoặc vùng) AF được chọn bằng tay sẽ được đặt cho hướng đó.

2: Separate AF pts: Pt only (Điểm AF riêng biệt: Chỉ điểm)

Có thể đặt điểm AF riêng cho mỗi hướng của máy ảnh (1. Hướng ngang, 2. Hướng dọc với báng cầm ở bên trên, 3. Hướng dọc với báng cầm ở bên dưới). Trong khi sử dụng cùng một chế độ chọn vùng AF, điểm AF sẽ tự động chuyển cho hướng tương ứng của máy ảnh.

Khi chọn điểm AF bằng tay cho mỗi hướng trong ba hướng của máy ảnh, điểm AF sẽ được đăng ký cho từng hướng tương ứng. Trong khi chụp, điểm AF sẽ chuyển thành điểm AF được chọn bằng tay theo hướng máy ảnh. Thay đổi chế độ chọn vùng AF thành AF một chấm điểm hoặc AF một điểm sẽ giữ nguyên điểm AF được thiết lập cho hướng tương ứng.

Nếu bạn thay đổi chế độ chọn vùng AF thành AF theo vùng hoặc AF theo vùng lớn, vùng sẽ chuyển sang vùng được chọn bằng tay cho hướng tương ứng của máy ảnh.



- Nếu chọn [Fn: Clear all Custom Func. (C.Fn) (Xóa tất cả chức năng tùy chỉnh (C.Fn))] (tr.470), các thiết lập cho hướng 1., 2. và 3. sẽ bị xóa.
- Nếu bạn đặt chức năng này và sau đó lắp ống kính từ nhóm AF khác (tr.147-150, đặc biệt là Nhóm H), thiết lập có thể bị xóa.

C.Fn II-11

Điểm AF ban đầu, () Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục

Bạn có thể đặt điểm AF bắt đầu của Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục khi chế độ chọn vùng AF được đặt thành AF tự động chọn.

0: Auto (Tự động)

Điểm AF mà máy bắt đầu Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục được đặt tự động cho phù hợp với các điều kiện chụp.

1: Initial () AF pt selected (Điểm AF () đã chọn ban đầu)

Khi thao tác AF được đặt thành Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục và chế độ chọn vùng AF được đặt thành AF tự động chọn, lấy nét liên tục sẽ bắt đầu từ điểm AF được chọn bằng tay.

2: Manual () AF pt (Điểm AF () bằng tay)

Nếu bạn chuyển từ AF một chấm điểm hoặc AF một điểm sang AF tự động chọn, Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục sẽ bắt đầu từ điểm AF được chọn bằng tay trước khi chuyển. Việc này hữu ích nếu bạn muốn Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục bắt đầu từ điểm AF đã chọn trước khi chế độ chọn vùng AF chuyển sang AF tự động chọn.



Khi đặt [2: Manual () AF pt (Điểm AF () bằng tay)], Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục sẽ bắt đầu với vùng tương ứng với điểm AF được chọn bằng tay, ngay cả khi chuyển chế độ chọn vùng AF thành AF theo vùng hoặc AF theo vùng lớn.

C.Fn II-12 Tự động chọn điểm AF: Theo dõi màu

Sử dụng chức năng này để lấy nét tự động bằng cách nhận biết các màu tương đồng với tông màu da. Chức năng này hoạt động khi chế độ chọn khu vực AF được đặt thành AF theo vùng (chọn vùng bằng tay), AF theo vùng lớn (chọn vùng bằng tay) hoặc AF tự động chọn.

0: Enable (Bật)

Máy ảnh tự động chọn điểm AF dựa trên thông tin AF và thông tin về màu tương đồng với tông màu da.

Trong chế độ lấy nét một lần, máy sẽ dễ dàng lấy nét vào chủ thể người tĩnh trong vùng AF hơn.

Trong chế độ lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục, máy sẽ dễ dàng lấy nét vào chủ thể người trong khu vực AF hơn. Nếu không phát hiện thấy tông màu da, máy ảnh sẽ lấy nét vào chủ thể gần nhất. Khi đã lấy được nét, máy ảnh sẽ tự động chọn điểm AF để tiếp tục lấy nét vào màu của khu vực lấy nét ban đầu.

1: Disable (Tắt)

Các điểm AF được chọn tự động chỉ dựa trên thông tin AF.



- Với thiết lập [0: Enable (Bật)], việc lấy nét sẽ chậm hơn đôi chút so với thiết lập [1: Disable (Tắt)].
- Ngay cả với thiết lập [0: Enable (Bật)], kết quả mong muốn có thể không đạt được tùy thuộc vào các điều kiện chụp và chủ thể.
- Khi ánh sáng quá yếu và đèn Speedlite gắn ngoài dành riêng cho máy EOS tự động phát ra tia giúp lấy nét, các điểm AF được tự động chọn dựa theo thông tin AF. (Thông tin về tông màu da người không được sử dụng để lấy nét tự động.)

C.Fn II-13

Chuyển động chọn điểm AF

Khi chọn điểm AF bằng tay, việc lựa chọn có thể dừng ở rìa ngoài hoặc có thể xoay vòng sang điểm phía đối diện.

0: Stops at AF area edges (Dừng ở rìa vùng AF)

Hữu ích khi bạn thường xuyên sử dụng điểm AF ở vùng ngoại vi.

1: Continuous (Liên tục)

Thay vì dừng ở rìa ngoài, việc lựa chọn điểm AF tiếp tục ở phía đối diện.



Với [C.Fn II-11: Initial AF pt, AI Servo AF (Điểm AF ban đầu, Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục)] được đặt thành [1: Initial AF pt selected (Điểm AF đã chọn ban đầu)], thiết lập trên cũng sẽ hoạt động khi bạn chọn điểm AF ban đầu cho Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục.

C.Fn II-14 Điểm AF hiển thị trong khi lấy nét

Bạn có thể thiết lập có hoặc không hiển thị (các) điểm AF vào các thời điểm sau: trước khi bắt đầu AF (sẵn sàng chụp), khi bắt đầu AF, trong quá trình AF, khi lấy được nét và khi hẹn giờ đo sáng hoạt động sau khi lấy được nét.

0 : Selected (constant) (Đã chọn (không đổi))

1 : All (constant) (Tất cả (không đổi))

2 : Selected (pre-AF,focused) (Đã chọn (trước AF,lấy được nét))

3 : Selected AF pt (focused) (Điểm AF đã chọn (lấy được nét))

4 : Disable display (Tắt hiển thị)

○: Hiển thị, ×: Không hiển thị

AF point display during focus (Điểm AF hiển thị trong khi lấy nét)	Với điểm AF được chọn	Trước khi bắt đầu AF (sẵn sàng chụp)	Khi bắt đầu AF
0: Selected (constant) (Đã chọn (không đổi))	○	○	○
1: All (constant) (Tất cả (không đổi))	○	○	○
2: Selected (pre-AF,focused) (Đã chọn (trước AF,lấy được nét))	○	○	○
3: Selected AF pt (focused) (Điểm AF đã chọn (lấy được nét))	○	×	○
4: Disable display (Tắt hiển thị)	○	×	×

AF point display during focus (Điểm AF hiển thị trong khi lấy nét)	Trong khi lấy nét	Lấy được nét	Đo sáng hoạt động sau khi lấy được nét
0: Selected (constant) (Đã chọn (không đổi))	○	○	○
1: All (constant) (Tất cả (không đổi))	○	○	○
2: Selected (pre-AF,focused) (Đã chọn (trước AF,lấy được nét))	×	○	○
3: Selected AF pt (focused) (Điểm AF đã chọn (lấy được nét))	×	○	×
4: Disable display (Tắt hiển thị)	×	×	×

C.Fn II-15 Phát sáng hiển thị trong khung ngắm

Bạn có thể thiết lập để điểm AF trong khung ngắm có hay không chớp sáng đỏ khi lấy được nét.

0: Auto (Tự động)

Các điểm AF đang lấy nét chủ thể tối hoặc trong điều kiện ánh sáng yếu sẽ tự động chớp sáng đỏ.

1: Enable (Bật)

Điểm AF chớp sáng đỏ với mọi mức ánh sáng bao quanh.

2: Disable (Tắt)

Điểm AF không chớp sáng đỏ.

AF point during AI Servo AF	
Non illuminated	OFF
Illuminated	ON

Khi đặt **[Auto (Tự động)]** hoặc **[Enable (Bật)]**, bạn có thể thiết lập để điểm AF có hoặc không chớp sáng đỏ khi nhấn nút **<Q>** trong quá trình lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục.

OFF (TẮT): Non illuminated (Không phát sáng)

Điểm AF sẽ không chớp sáng đỏ trong khi lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục.

ON (BẬT): Illuminated (Phát sáng)

Các điểm AF được sử dụng để lấy nét chớp sáng đỏ trong khi lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục. Các điểm AF cũng chớp sáng đỏ trong quá trình lấy nét liên tục.

Nếu đặt thành **[2: Disable (Tắt)]**, chức năng này sẽ không hoạt động.



- Khi nhấn nút **<AF-ON>** hoặc **<Q>**, các điểm AF sẽ phát sáng đỏ mà không phụ thuộc vào thiết lập này.
- Đường tỷ lệ khung ảnh, cân bằng điện tử, khung lưới trong khung ngắm và thông tin được đặt với **[Show/hide in viewfinder (Ẩn/hiện trong khung ngắm)]** (tr.84) cũng sẽ phát sáng đỏ.

C.Fn II-16 Vi chỉnh AF

Bạn có thể thực hiện tinh chỉnh điểm lấy nét tự động. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo trang 494.

C.Fn III: Thao tác/Khác

C.Fn III-1 Cảnh báo trong khung ngắm

Khi thiết lập một trong các chức năng sau đây, biểu tượng < > có thể xuất hiện trong khung ngắm và trên bảng điều khiển LCD (tr.31). Chọn chức năng bạn muốn biểu tượng cảnh báo xuất hiện, rồi nhấn < > để đánh dấu chọn [✓]. Sau đó chọn [OK] để đăng ký thiết lập.

Khi đặt đơn sắc

Nếu đặt [ 3: **Picture Style (Kiểu ảnh)**] thành [**Monochrome (Đơn sắc)**] (tr.180), biểu tượng cảnh báo sẽ xuất hiện.

Khi hiệu chỉnh cân bằng trắng

Nếu đặt hiệu chỉnh cân bằng trắng (tr.193), biểu tượng cảnh báo sẽ xuất hiện.

Khi đặt

Nếu đặt [ 3: **High ISO speed NR (Giảm nhiễu hạt ở tốc độ ISO cao)**] thành [**Multi Shot Noise Reduction (Ghép nhiều ảnh để giảm nhiễu)**] (tr.197), biểu tượng cảnh báo sẽ xuất hiện.

Khi đặt HDR

Nếu thiết lập [ 3: **HDR Mode (Chế độ HDR)**] (tr.255), biểu tượng cảnh báo sẽ xuất hiện.

 Khi bạn đặt bất kỳ chức năng có đánh dấu chọn [✓], biểu tượng < > cũng sẽ xuất hiện cho thiết lập tương ứng hiển thị trên màn hình điều khiển nhanh (tr.61).

C.Fn III-2 Hướng xoay nút xoay trong Tv/Av

0: Normal (Thông thường)

1: Reverse direction (Hướng ngược lại)

Hướng xoay của nút xoay khi đặt tốc độ màn trập và khẩu độ có thể bị đảo ngược.

Trong chế độ chụp <M>, hướng xoay của nút xoay < > và < > sẽ bị đảo ngược. Trong các chế độ chụp khác, chỉ hướng xoay của nút xoay < > bị đảo ngược. Hướng xoay của nút xoay < > trong chế độ <M> và hướng xoay để thiết lập bù trừ phơi sáng trong các chế độ <P>, <Tv> và <Av> là giống nhau.

C.Fn III-3 Thu ống kính khi tắt nguồn

Cơ chế thu ống kính này được sử dụng khi gắn các ống kính có mô tơ STM (chẳng hạn như ống kính EF40mm f/2.8 STM) vào máy ảnh. Bạn có thể sử dụng để tự động thu ống kính khi đặt công tắc nguồn thành <OFF>.

0: Enable (Bật)

1: Disable (Tắt)



- Khi tự động tắt nguồn, ống kính sẽ không thu lại cho dù đã được thiết lập.



Khi đặt thành [0: Enable (Bật)], chức năng này có hiệu lực với mọi thiết lập công tắc chế độ lấy nét của ống kính (AF hoặc MF).

C.Fn III-4 Điều khiển tùy chỉnh

Bạn có thể tùy ý gán các chức năng thường dùng cho các nút và nút xoay của máy ảnh. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo trang 500.

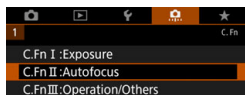
: Tinh chỉnh điểm lấy nét tự động ☆

Tinh chỉnh điểm lấy nét tự động có thể thực hiện cho chụp qua khung ngắm. Thao tác này gọi là “Vi chỉnh AF”. Trước khi điều chỉnh, tham khảo các phần “Các lưu ý chung khi vi chỉnh AF” và “Lưu ý khi vi chỉnh AF” ở trang 499.

 Thông thường, không cần thiết phải vi chỉnh AF. Chỉ thực hiện điều chỉnh này khi thật sự cần. Lưu ý rằng thực hiện điều chỉnh này có thể ảnh hưởng đến việc lấy nét chính xác.

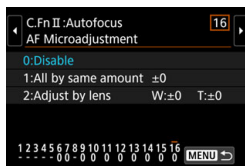
1: Điều chỉnh tất cả với cùng một lượng

Lặp lại thao tác điều chỉnh, chụp và kiểm tra kết quả để thiết lập lượng điều chỉnh bằng tay cho đến khi đạt được kết quả mong muốn. Khi lấy nét tự động, với mọi ống kính, điểm lấy nét sẽ luôn bị thay đổi tùy theo lượng điều chỉnh.

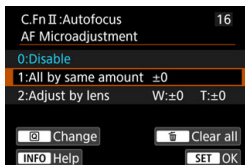


1 Chọn [C.Fn II: Autofocus (Lấy nét tự động)].

- Trong tab [, chọn [C.Fn II: Autofocus (Lấy nét tự động)], rồi nhấn <SET>.



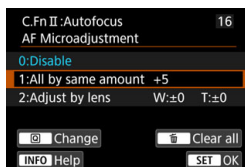
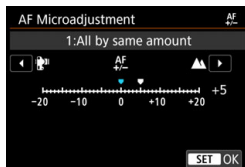
2 Chọn [16: AF Microadjustment (Vi chỉnh AF)].



3 Chọn [1: All by same amount (Tất cả với cùng một lượng)].

4 Nhấn nút <Q>.

- Màn hình [1: All by same amount (Tất cả với cùng một lượng)] sẽ xuất hiện.



5 Thực hiện điều chỉnh.

- Đặt lượng điều chỉnh. Phạm vi điều chỉnh là ± 20 bậc.
- Điều chỉnh về phía “-: 📷” sẽ di chuyển điểm lấy nét về phía trước điểm lấy nét tiêu chuẩn.
- Điều chỉnh về phía “+: ▲” sẽ di chuyển điểm lấy nét về phía sau điểm lấy nét tiêu chuẩn.
- Sau khi thực hiện điều chỉnh, nhấn nút $\langle \text{SET} \rangle$.
- Chọn **[1: All by same amount (Tất cả với cùng một lượng)]**, rồi nhấn $\langle \text{SET} \rangle$.

6 Kiểm tra kết quả điều chỉnh.

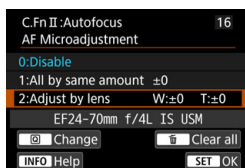
- Chụp và xem lại ảnh (tr.390) để kiểm tra kết quả điều chỉnh.
- Nếu kết quả chụp ra bị lấy nét về phía trước điểm mục tiêu, điều chỉnh về phía “+: ▲”. Nếu kết quả chụp ra bị lấy nét phía sau điểm mục tiêu, điều chỉnh về phía “-: 📷”.
- Lặp lại điều chỉnh khi cần thiết.

⚠️ Nếu chọn **[1: All by same amount (Tất cả với cùng một lượng)]**, không thể thực hiện điều chỉnh AF cho tiêu cự góc rộng và tiêu cự chụp xa của ống kính zoom.

2: Điều chỉnh theo ống kính

Bạn có thể thực hiện điều chỉnh cho từng ống kính và đăng ký điều chỉnh với máy ảnh. Bạn có thể đăng ký điều chỉnh cho tối đa 40 ống kính. Khi thực hiện lấy nét tự động với ống kính đã đăng ký điều chỉnh, điểm lấy nét sẽ bị thay đổi theo lượng đã điều chỉnh.

Lặp lại thao tác điều chỉnh, chụp và kiểm tra kết quả để thiết lập lượng điều chỉnh bằng tay cho đến khi đạt được kết quả mong muốn. Nếu sử dụng ống kính zoom, thực hiện điều chỉnh cho tiêu cự góc rộng (W) và tiêu cự chụp xa (T).

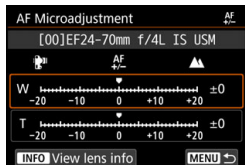


1 Chọn [2: Adjust by lens (Điều chỉnh theo ống kính)].

2 Nhấn nút <Q>.

▶ Màn hình [2: Adjust by lens (Điều chỉnh theo ống kính)] sẽ xuất hiện.

3 Kiểm tra và thay đổi thông tin ống kính.



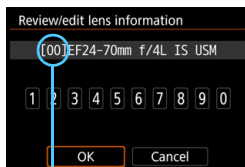
Hiện thị thông tin ống kính

• Nhấn nút <INFO>.

▶ Màn hình sẽ hiển thị tên ống kính và số sê-ri có 10 chữ số. Khi số sê-ri hiển thị, chọn [OK] và thực hiện bước 4.

• Nếu không thể xác nhận số sê-ri ống kính, "0000000000" sẽ hiển thị. Trong trường hợp này, thực hiện theo hướng dẫn ở trang sau để nhập số.

• Về dấu "*" hiển thị trước số sê-ri của một số loại ống kính, tham khảo trang tiếp theo.



Số đăng ký



Nhập số sê-ri

- Chọn chữ số cần nhập, rồi nhấn <SET> để hiển thị <⬅>.
- Nhập số, rồi nhấn <SET>.
- Sau khi nhập tất cả chữ số, chọn [OK].

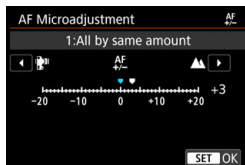
Số sê-ri của ống kính

- Ở bước 3, nếu dấu “*” xuất hiện trước 10 chữ số sê-ri của ống kính, bạn chỉ có thể đăng ký một ống kính cùng model. Ngay cả khi nhập số sê-ri, dấu “*” vẫn hiển thị.
- Số sê-ri trên ống kính có thể khác với số sê-ri hiển thị trên màn hình ở bước 3. Đây không phải vấn đề trực trực.
- Nếu số sê-ri của ống kính bao gồm chữ cái, chỉ nhập phần chữ số.
- Nếu số sê-ri ống kính dài từ mười một chữ số trở lên, chỉ nhập mười chữ số cuối cùng.
- Vị trí số sê-ri thay đổi tùy thuộc vào ống kính.
- Một số ống kính nhất định có thể không ghi số sê-ri. Để đăng ký ống kính không có số sê-ri, nhập số sê-ri bất kỳ.

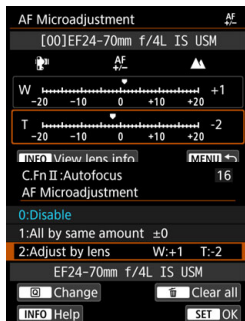


- Nếu chọn [2: Adjust by lens (Điều chỉnh theo ống kính)] và sử dụng ống nối, điều chỉnh sẽ được đăng ký cho tổ hợp ống kính và ống nối.
- Thông báo sẽ xuất hiện trong trường hợp có 40 ống kính đã được đăng ký. Sau khi chọn ống kính để xóa (ghi đè) đăng ký, bạn có thể đăng ký ống kính khác.

Ống kính tiêu cự đơn



Ống kính zoom



4 Thực hiện điều chỉnh.

- Với ống kính zoom, chọn tiêu cự góc rộng (W) hoặc tiêu cự chụp xa (T). Nhấn <SET> sẽ tắt khung màu cam và có thể thực hiện điều chỉnh.
- Đặt lượng điều chỉnh, rồi nhấn <SET>. Phạm vi điều chỉnh là ± 20 bậc.
- Điều chỉnh về phía “-: 📐” sẽ di chuyển điểm lấy nét về phía trước điểm lấy nét tiêu chuẩn.
- Điều chỉnh về phía “+: 📐” sẽ di chuyển điểm lấy nét về phía sau điểm lấy nét tiêu chuẩn.
- Đối với ống kính zoom, lặp lại quy trình này và điều chỉnh cho tiêu cự góc rộng (W) và tiêu cự chụp xa (T).
- Sau khi hoàn tất chỉnh sửa, nhấn nút <MENU> để quay về màn hình ở bước 1.
- Chọn [2: Adjust by lens (Điều chỉnh theo ống kính)], rồi nhấn <SET>.

5 Kiểm tra kết quả điều chỉnh.

- Chụp và xem lại ảnh (tr.390) để kiểm tra kết quả điều chỉnh.
- Nếu kết quả chụp ra bị lấy nét về phía trước điểm mục tiêu, điều chỉnh về phía “+: 📐”. Nếu kết quả chụp ra bị lấy nét phía sau điểm mục tiêu, điều chỉnh về phía “-: 📐”.
- Lặp lại điều chỉnh khi cần thiết.



Khi chụp với dải tiêu cự ở giữa của ống kính zoom, điểm lấy nét AF sẽ được chỉnh tự động tương ứng với điều chỉnh thiết lập cho tiêu cự góc rộng và tiêu cự chụp xa. Ngay cả khi chỉ tiêu cự góc rộng và tiêu cự chụp xa được chỉnh, điều chỉnh vẫn được thực hiện tự động cho dải tiêu cự ở giữa.

Xóa tất cả vi chỉnh AF

Khi thông báo  **Clear all (Xóa tất cả)** xuất hiện ở phía dưới màn hình, nhấn nút  sẽ xóa tất cả điều chỉnh của **[1: All by same amount (Tất cả với cùng một lượng)]** và **[2: Adjust by lens (Điều chỉnh theo ống kính)]**.



Thận trọng khi vi chỉnh AF

- Điểm lấy nét AF thay đổi tùy vào điều kiện của chủ thể, độ sáng, vị trí zoom và các điều kiện chụp khác. Do vậy ngay cả khi thực hiện vi chỉnh AF, máy có thể vẫn không lấy được nét tại vị trí thích hợp.
- Lượng điều chỉnh của mỗi bậc thay đổi tùy thuộc vào khẩu độ tối đa của ống kính. Tiếp tục điều chỉnh, chụp và liên tục kiểm tra tiêu cự để điều chỉnh điểm lấy nét AF.
- Điều chỉnh sẽ không được áp dụng cho lấy nét tự động khi chụp Live View hoặc quay phim.
- Điều chỉnh sẽ được lưu giữ ngay cả khi bạn thực hiện **[☑️: Clear all Custom Functions (C.Fn) (Xóa tất cả chức năng tùy chỉnh (C.Fn))]** (tr.470). Tuy nhiên, thiết lập sẽ được đặt thành **[0: Disable (Tắt)]**.

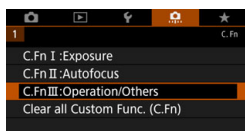


Lưu ý khi vi chỉnh AF

- Tốt nhất nên thực hiện điều chỉnh tại vị trí chụp thực tế để có được điều chỉnh chính xác hơn.
- Nên sử dụng chân máy khi thực hiện điều chỉnh.
- Để thực hiện điều chỉnh, bạn nên chụp ảnh ở chất lượng ghi ảnh **■ L**.

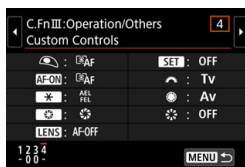
: Điều khiển tùy chỉnh ☆

Bạn có thể tùy ý gán các chức năng thường dùng dùng cho các nút và nút xoay của máy ảnh để thao tác dễ dàng.



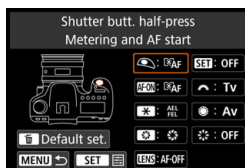
1 Chọn [C.Fn III: Operation/Others (Thao tác/Khác)].

- Trong tab [>], chọn [C.Fn III: Operation/Others (Thao tác/Khác)], rồi nhấn <>.



2 Chọn [4: Custom Controls (Điều khiển tùy chỉnh)].

- Màn hình thiết lập điều khiển tùy chỉnh sẽ xuất hiện.



3 Chọn nút bấm hoặc nút xoay của máy ảnh.

- Chọn nút bấm hoặc nút xoay của máy ảnh, rồi nhấn <>.
- Tên của điều khiển và chức năng có thể đặt sẽ hiển thị.
- Biểu đồ ở bên trái sẽ hiển thị vị trí của nút bấm hoặc nút xoay đã chọn.



4 Đặt chức năng.

- Chọn chức năng, rồi nhấn <>.

5 Thoát thiết lập.

- Khi nhấn <> để thoát thiết lập, màn hình ở bước 3 sẽ xuất hiện lại.
- Nhấn nút <MENU> để thoát.

 Khi màn hình ở bước 3 hiển thị, nhấn nút <> để chuyển thiết lập điều khiển tùy chỉnh về mặc định. Lưu ý rằng thiết lập [ C.Fn III-4: Custom Controls (Điều khiển tùy chỉnh)] sẽ không bị xóa ngay cả khi bạn chọn [ : Clear all Custom Func. (C.Fn) (Xóa tất cả chức năng tùy chỉnh (C.Fn))].

Các chức năng có thể đặt cho điều khiển máy ảnh

	Chức năng	Trang		AF-ON	
AF (Lấy nét tự động)	AF Bắt đầu đo sáng và AF	503	☐	☐	☐
	AF-OFF Dừng AF			☐	☐
	ONE SHOT ↔ AI SERVO/SERVO			☐	☐
	Lựa chọn trực tiếp điểm AF				
	Tạm dừng lấy nét Servo phim				
Exposure (Phơi sáng)	Bắt đầu đo sáng	504	☐		
	Khóa phơi sáng/Khóa phơi sáng flash			☐	☐
	Khóa phơi sáng (giữ)			☐	☐
	Khóa phơi sáng			☐	☐
	Khóa phơi sáng (khi nhấn nút)		☐		
	FEL Khóa phơi sáng flash	505		☐	☐
	Đặt tốc độ ISO (giữ nút, xoay)			☐	☐
	Bù trừ phơi sáng (giữ nút, xoay)			☐	☐
	Bù trừ phơi sáng flash				
	Tv Thiết lập tốc độ màn trập ở chế độ M				
	Av Thiết lập khẩu độ ở chế độ M				
Images (Ảnh)	Chất lượng ảnh	506			
	Kiểu ảnh				
	WB Lựa chọn cân bằng trắng				
Operation (Thao tác)	Xem trước độ sâu trường ảnh	506			
	Khởi động IS				
	MENU Hiển thị menu				
	Thiết lập chức năng flash	507			
	Chức năng Wi-Fi				
	OFF Không có chức năng (tắt)			☐	☐

	LENS	SET			
	○				
○	○				
○	○				
					○
		○			
○	○				
○	○				
○	○				
○	○				
		○			
		○			
		○			
			○	○	
			○	○	
		○			
		○			
		○			
○		○			
○	○				
		○			
		○			
		○			
○		○			○

 <LENS> biểu thị “nút dừng AF” trên các ống kính siêu xa có tính năng ổn định hình ảnh.

AF (Lấy nét tự động)

AF: Bắt đầu đo sáng và AF

Khi nhấn nút được gán cho chức năng này, thao tác đo sáng và AF sẽ được thực hiện.

AF-OFF: Dừng AF

Lấy nét tự động sẽ dừng khi nhấn nút được đặt chức năng này. Chức năng này giúp dừng lấy nét tự động khi thực hiện lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục.

ONE SHOT ↔ AI SERVO/SERVO

Bạn có thể đổi thao tác AF. Ở chế độ lấy nét một lần, khi nhấn nút được gán cho chức năng này, máy ảnh sẽ chuyển sang chế độ lấy nét AI Servo/lấy nét Servo. Nếu nhấn nút trong chế độ lấy nét AI Servo/lấy nét Servo, máy ảnh sẽ chuyển sang chế độ lấy nét một lần. Chức năng này giúp chuyển đổi liên tục giữa Lấy nét một lần và Lấy nét AI Servo/Servo với chủ thể liên tục chuyển động rồi dừng lại.

 Chức năng này không hoạt động khi chụp Live View nếu đã thiết lập ghép nhiều ảnh để giảm nhiễu.

:Lựa chọn trực tiếp điểm AF

Khi hẹn giờ đo sáng đang hoạt động, bạn có thể chọn trực tiếp điểm AF bằng nút xoay <🔍> mà không cần nhấn nút <🔍> hoặc <🔍>.

SERVO AF: Tạm dừng lấy nét Servo phim

Khi Lấy nét Servo phim đang hoạt động, nhấn nút <🔍> sẽ dừng lấy nét tự động. Nhấn lại nút để tiếp tục lấy nét Servo phim.

Exposure (Phơi sáng)

: Bắt đầu đo sáng

Khi nhấn nửa chừng nút chụp, máy ảnh sẽ thực hiện đo sáng. (Máy ảnh không thực hiện lấy nét tự động.)

AEL FEL : Khóa phơi sáng/Khóa phơi sáng flash

Khi nhấn nút được gán cho chức năng này, bạn có thể khóa phơi sáng (Khóa phơi sáng) trong khi hẹn giờ đo sáng đang bật. Chức năng này hữu ích khi bạn muốn thiết lập lấy nét và phơi sáng riêng biệt. Trong khi chụp ảnh với đèn flash, nếu nhấn nút được gán cho chức năng này, máy sẽ nháy đo sáng và lưu giữ công suất flash cần dùng (Khóa phơi sáng flash).

: Khóa phơi sáng

Khi nhấn nút được gán cho chức năng này, bạn có thể khóa phơi sáng (Khóa phơi sáng) trong khi hẹn giờ đo sáng đang bật. Chức năng này hữu ích khi bạn muốn thiết lập lấy nét và phơi sáng riêng biệt.

: Khóa phơi sáng (khi nhấn nút)

Phơi sáng sẽ bị khóa (Khóa phơi sáng) khi nhấn giữ nút chụp.

_H : Khóa phơi sáng (giữ)

Khi nhấn nút được gán cho chức năng này, phơi sáng sẽ bị khóa (Khóa phơi sáng). Khóa phơi sáng vẫn duy trì cho đến khi bạn nhấn lại nút này. Chức năng này hữu ích khi bạn muốn thiết lập lấy nét và phơi sáng riêng biệt hoặc khi muốn chụp nhiều ảnh với cùng thiết lập phơi sáng.

FEL : Khóa phơi sáng flash

Trong khi chụp ảnh với đèn flash, nếu nhấn nút được gán cho chức năng này, máy sẽ nháy đo sáng và lưu giữ công suất flash cần dùng (Khóa phơi sáng flash).

ISO : Đặt tốc độ ISO (giữ nút, xoay)

Bạn có thể đặt tốc độ ISO bằng cách nhấn giữ nút được gán cho chức năng này và xoay nút xoay < > (chỉ áp dụng cho chụp ảnh). Nếu sử dụng điều khiển này khi ISO tự động được đặt, bạn có thể thiết lập tốc độ ISO bằng tay. Khi hẹn giờ đo sáng () kết thúc, ISO tự động sẽ được khôi phục. Nếu sử dụng chức năng này trong chế độ <**M**>, bạn có thể điều chỉnh lượng phơi sáng với tốc độ ISO trong khi duy trì giá trị tốc độ màn trập và khẩu độ hiện thời.

: Bù trừ phơi sáng (giữ nút, xoay)

Bạn có thể thiết lập bù trừ phơi sáng bằng cách xoay nút xoay < > trong khi nhấn giữ nút được gán cho chức năng này. Chức năng này hữu ích khi bạn muốn thiết lập bù trừ phơi sáng trong chế độ phơi sáng chỉnh tay <**M**> với ISO tự động được đặt.

: Bù trừ phơi sáng flash

Nhấn nút < > để thiết lập lượng bù trừ phơi sáng trong khi xem thang đo sáng ở khung ngắm hoặc trên bảng điều khiển LCD.

Tv : Thiết lập tốc độ màn trập ở chế độ M

Trong chế độ <**M**> phơi sáng chỉnh tay, bạn có thể đặt tốc độ màn trập với nút xoay < > hoặc < >.

Av : Thiết lập khẩu độ ở chế độ M

Trong chế độ <**M**> phơi sáng chỉnh tay, bạn có thể đặt khẩu độ với nút xoay < > hoặc < >.

Image (Ảnh)

: Chất lượng ảnh

Nhấn <SET> để hiển thị màn hình thiết lập chất lượng ghi ảnh (tr.164) trên màn hình LCD.

: Kiểu ảnh

Nhấn <SET> để hiển thị màn hình chọn kiểu ảnh (tr.178) trên màn hình LCD.

WB : Lựa chọn cân bằng trắng

Nhấn <SET> để hiển thị màn hình thiết lập cân bằng trắng (tr.187) trên màn hình LCD.

Operation (Thao tác)

: Xem trước độ sâu trường ảnh

Khi nhấn nút xem trước độ sâu trường ảnh hoặc <SET>, khẩu độ sẽ bị khóa lại và bạn có thể kiểm tra độ sâu trường ảnh (tr.242).

: Khởi động IS

Nếu bạn nhấn nút xem trước độ sâu trường ảnh hoặc nút dừng lấy nét trên ống kính khi công tắc IS của ống kính đặt thành <ON>, chức năng ổn định hình ảnh sẽ hoạt động.

MENU: Hiển thị menu

Nhấn <SET> sẽ hiển thị menu trên màn hình LCD.

 : **Thiết lập chức năng flash**

Nhấn <  > để hiển thị màn hình thiết lập chức năng flash (tr.285).

 : **Chức năng Wi-Fi**

Nhấn <  > để hiển thị màn hình thiết lập giao tiếp không dây (tr.552).

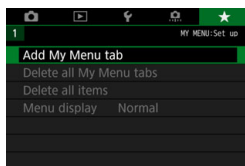
OFF: Không có chức năng (tắt)

Sử dụng thiết lập này khi bạn không muốn thiết lập nút chức năng.

MENU Đăng ký Danh mục riêng ☆

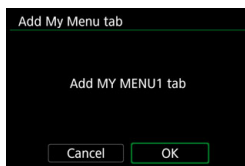
Trong tab Danh mục riêng, bạn có thể đăng ký các mục menu và chức năng tùy chỉnh mà bạn thường xuyên thay đổi thiết lập. Bạn cũng có thể đặt tên cho các tab menu đã đăng ký và nhấn nút <MENU> để hiển thị tab Danh mục riêng trước tiên.

Tạo và thêm tab Danh mục riêng



1 Chọn [Add My Menu tab (Thêm tab Danh mục riêng)].

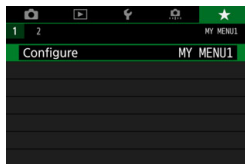
- Trong tab [★], chọn [Add My Menu tab (Thêm tab Danh mục riêng)], rồi nhấn <SET>.



2 Chọn [OK].

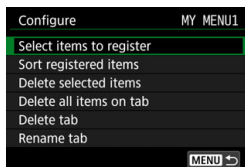
- Tab [MY MENU1] được tạo.
- Bạn có thể tạo tối đa năm tab Danh mục riêng bằng cách lặp lại các bước 1 và 2.

Đăng ký các mục menu trong tab Danh mục riêng

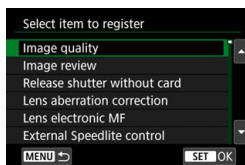


1 Chọn [Configure: MY MENU* (Định cấu hình: MY MENU*)].

- Nhấn các phím <◀> <▶> để chọn [Configure: MY MENU* (Định cấu hình: MY MENU*)] (tab để đăng ký mục menu), rồi nhấn <SET>.



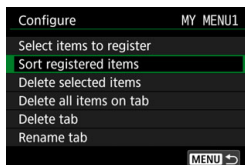
2 Chọn [Select items to register (Chọn mục để đăng ký)].



3 Đăng ký mục mong muốn.

- Chọn tùy chọn sẽ đặt, rồi nhấn <SET>.
- Chọn [OK] trên hộp thoại xác nhận.
- Bạn có thể đăng ký tối đa sáu mục.
- Để trở về màn hình ở bước 2, nhấn nút <MENU>.

Thiết lập tab Danh mục riêng



Bạn có thể sắp xếp và xóa các mục trong tab menu cũng như đặt lại tên hoặc xóa tab menu.

- **Sort registered items (Sắp xếp các mục đã đăng ký)**
 Bạn có thể thay đổi thứ tự các mục đã đăng ký trong Danh mục riêng. Chọn [**Sort registered items (Sắp xếp các mục đã đăng ký)**] và chọn mục bạn muốn thay đổi thứ tự. Sau đó, nhấn <SET>. Khi [◆] hiển thị, nhấn phím <▲> <▼> để thay đổi thứ tự, rồi nhấn <SET>.
- **Delete selected items (Xóa các mục đã chọn) / Delete all items on tab (Xóa tất cả các mục trên tab)**
 Bạn có thể xóa mục đã đăng ký. [**Delete selected items (Xóa các mục đã chọn)**] sẽ xóa từng mục mỗi lần và [**Delete all items on tab (Xóa tất cả các mục trên tab)**] sẽ xóa tất cả các mục đã đăng ký trong tab.

● Delete tab (Xóa tab)

Bạn có thể xóa tab Danh mục riêng đang hiển thị. Chọn **[Delete tab (Xóa tab)]** để xóa tab **[MY MENU*]**.

● Rename tab (Đặt lại tên tab)

Bạn có thể đặt lại tên tab Danh mục riêng từ **[MY MENU*]**.

1 Chọn [Rename tab (Đặt lại tên tab)].

2 Nhập văn bản.



Chế độ nhập

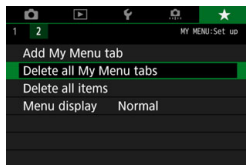
- Nhấn nút để xóa bất kỳ ký tự nào không cần thiết.
- Sử dụng nút hoặc để di chuyển khung và chọn ký tự mong muốn. Sau đó nhấn để nhập ký tự.
- Bạn có thể chọn **[Aa ↔ 1@]** để thay đổi chế độ nhập.
- Bạn có thể nhập tối đa 16 ký tự.
- Để hủy chế độ nhập văn bản, nhấn nút **<INFO>**, rồi chọn **[OK]**.

3 Thoát thiết lập.

- Sau khi nhập văn bản, nhấn nút **<MENU>**, rồi chọn **[OK]**.
- ▶ Tên thiết lập đã được lưu.

Nếu không thể nhập văn bản ở bước 2, nhấn nút **<Q>** và sử dụng khung ký tự khi khung màu xanh da trời xuất hiện.

Xóa tất cả các tab Danh mục riêng / Xóa tất cả các mục



Bạn có thể xóa tất cả các tab đã tạo của Danh mục riêng hoặc các mục Danh mục riêng được đăng ký trong tab.

● Xóa tất cả các tab Danh mục riêng

Bạn có thể xóa tất cả các tab Danh mục riêng đã tạo. Khi chọn **[Delete all My Menu tabs (Xóa tất cả các tab Danh mục riêng)]**, tất cả tab từ **[MY MENU1]** đến **[MY MENU5]** sẽ bị xóa và tab **[★]** sẽ trở về mặc định.

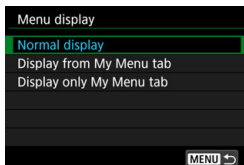
● Xóa tất cả các mục

Bạn có thể xóa tất cả các mục đăng ký trong các tab **[MY MENU1]** đến **[MY MENU5]**. Tuy nhiên, tab sẽ được giữ lại. Khi chọn **[Delete all items (Xóa tất cả các mục)]**, tất cả các mục đăng ký trong tab đã tạo sẽ bị xóa.



Nếu bạn thực hiện **[Delete tab (Xóa tab)]** hoặc **[Delete all My Menu tabs (Xóa tất cả các tab Danh mục riêng)]**, tên tab đã đặt lại với **[Rename tab (Đặt lại tên tab)]** cũng sẽ bị xóa.

Thiết lập hiển thị menu

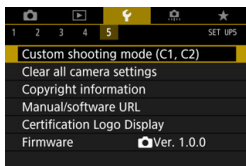


Bạn có thể chọn [**Menu display (Hiển thị menu)**] để thiết lập màn hình menu sẽ hiển thị trước tiên khi nhấn nút <MENU>.

- **Normal display (Hiển thị bình thường)**
Hiển thị màn hình menu đã hiển thị gần nhất.
- **Display from My Menu tab (Hiển thị từ tab Danh mục riêng)**
Hiển thị với tab [★] đã chọn.
- **Display only My Menu tab (Chỉ hiển thị tab Danh mục riêng)**
Chỉ hiển thị tab [★]. (Các tab 📷, ▶, 📺 và 📺 sẽ không hiển thị.)

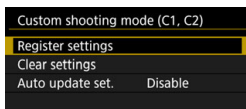
[C1]: Đăng ký chế độ chụp tùy chỉnh ☆

Bạn có thể đăng ký thiết lập hiện thời của máy ảnh, ví dụ như chức năng chụp, chức năng menu và thiết lập chức năng tùy chỉnh, làm chế độ chụp tùy chỉnh tại vị trí <[C1]> và <[C2]> của nút xoay chế độ.

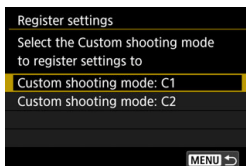


1 Chọn [Custom shooting mode (C1, C2) (Chế độ chụp tùy chỉnh (C1, C2))].

- Trong tab [**5**], chọn [**Custom shooting mode (C1, C2) (Chế độ chụp tùy chỉnh (C1, C2))**], rồi nhấn <[SET]>.



2 Chọn [Register settings (Đăng ký thiết lập)].



3 Đăng ký mục mong muốn.

- Chọn chế độ chụp tùy chỉnh để đăng ký, rồi nhấn <[SET]>.
- Chọn [**OK**] trên hộp thoại xác nhận.
- Thiết lập hiện tại của máy ảnh (tr.514) sẽ được đăng ký tại vị trí C* của nút xoay chế độ.

Cập nhật tự động của thiết lập đã đăng ký

Nếu thay đổi thiết lập trong khi chụp ở chế độ <[C1]> hoặc <[C2]>, chế độ chụp tùy chỉnh tương ứng có thể được tự động cập nhật để phản ánh thay đổi trong thiết lập (Tự động cập nhật). Để bật tự động cập nhật, đặt [**Auto update set. (Tự động cập nhật thiết lập)**] thành [**Enable (Bật)**] ở bước 2.

Hủy chế độ chụp tùy chỉnh đã đăng ký

Nếu chọn [**Clear settings (Xóa thiết lập)**] ở bước 2, có thể chuyển thiết lập của các chế độ tương ứng về thiết lập mặc định mà không có chế độ chụp tùy chỉnh nào được đăng ký.

 Thiết lập Danh mục riêng sẽ không được đăng ký trong chế độ chụp tùy chỉnh.

 Kể cả ở các chế độ < > và < >, bạn vẫn có thể thay đổi thiết lập chức năng chụp và thiết lập menu.

Các thiết lập có thể đăng ký

● Thiết lập chức năng chụp

Chế độ chụp, Tốc độ màn trập, Khẩu độ, Tốc độ ISO, Thao tác AF, Chế độ chọn vùng AF, Điểm AF, Kiểu chụp, Chế độ đo sáng, Lượng bù trừ phơi sáng, Mức tăng AEB, Lượng bù trừ phơi sáng flash

● Chức năng menu

[1] Chất lượng ảnh, Thời gian xem lại ảnh, Nhả màn trập khi không lắp thẻ, Hiệu chỉnh quang sai của ống kính, Lấy nét tay điện tử của ống kính, Đánh sáng flash, Đo sáng flash E-TTL II, Tốc độ đồng bộ flash trong chế độ Av

[2] Bù trừ phơi sáng/AEB,  Thiết lập tốc độ ISO, Tự động tối ưu hóa ánh sáng, Cân bằng trắng, Cân bằng trắng tùy chỉnh, Thay đổi cân bằng trắng/Cân bằng trắng hỗn hợp, Không gian màu

[3] Kiểu ảnh, Giảm nhiễu hạt do phơi sáng lâu, Giảm nhiễu hạt ở tốc độ ISO cao, Ưu tiên tông màu sáng, Ảnh ghép phơi sáng (thiết lập), Chế độ HDR (thiết lập)

[4] Hẹn giờ ngắt quãng, Hẹn giờ bulb, Chụp chống nhấp nháy, Khóa gương lật, Tỷ lệ khung ảnh, Chụp Live View

[5 (Chụp Live View)]

Phương pháp AF, Chạm để chụp, Hẹn giờ đo sáng, Khung lưới, Mô phỏng phơi sáng, Chụp Live View ngắt tiếng.

[1 (Quay phim)]

Kích thước ghi phim, Chất lượng ảnh, Ghi âm, Hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi, Hiệu chỉnh sắc sai, Lấy nét tay điện tử của ống kính

[2 (Quay phim)]

Bù trừ phơi sáng,  Thiết lập tốc độ ISO, Tự động tối ưu hóa ánh sáng, Cân bằng trắng, Cân bằng trắng tùy chỉnh, Thay đổi cân bằng trắng

[4 (Quay phim)]

Lấy nét Servo phim, Phương pháp AF, Độ nhạy theo dõi lấy nét Servo phim, Tốc độ lấy nét Servo phim, Hẹn giờ đo sáng, Khung lưới, Chức năng nút 

[5 (Quay phim)]

Video quay nhanh, Phim time-lapse (thiết lập), Chống rung khi quay phim, Điều khiển từ xa

[2] Trình chiếu (thiết lập), Nhảy ảnh với

[3] Cảnh báo vùng sáng, Hiển thị điểm AF, Khung lưới khi xem, Hiển thị biểu đồ, Hệ số phóng to (ước chừng)

[1] Đánh số thứ tự tập tin, Tự động xoay

[2] Tự động tắt nguồn, Độ sáng LCD, Nút bật/tắt LCD, Hiển thị khung ngắm

[3] Kích cỡ phông chữ Trợ giúp

[4] Điều khiển cảm ứng, Bíp, Tự động làm sạch, Tùy chọn hiển thị khi nhấn nút /tùy chọn hiển thị khi nhấn nút trong quá trình Live View, Khóa đa chức năng

[1] **C.Fn I**

Mức tăng phơi sáng, Mức tăng thiết lập tốc độ ISO, Tự động hủy phơi sáng hỗn hợp, Thứ tự phơi sáng hỗn hợp, Số ảnh bù trừ phơi sáng, Chuyển an toàn, Tự động hủy bù trừ phơi sáng, Chế độ đo sáng, Phơi sáng khóa sau khi lấy nét
C.Fn II

Độ nhạy theo dõi, Tăng/giảm tốc độ theo dõi, Tự động chuyển đổi điểm AF, Ưu tiên AI Servo ảnh đầu tiên, Ưu tiên AI Servo ảnh thứ hai, Đánh sáng tia giúp lấy nét, Điều khiển ống kính khi không thể lấy nét tự động, Chọn chế độ lựa chọn vùng AF, Phương pháp chọn vùng AF, Điểm AF theo hướng chụp, Điểm AF  ban đầu, Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục, Tự động chọn điểm AF: Theo dõi màu, Chuyển động chọn điểm AF, Điểm AF hiển thị trong khi lấy nét, Phát sáng hiển thị trong khung ngắm, Vi chỉnh AF (ngoại trừ điều chỉnh)

C.Fn III

Hướng xoay nút xoay trong Tv/Av, Thu ống kính khi tắt nguồn, Điều khiển tùy chỉnh

15

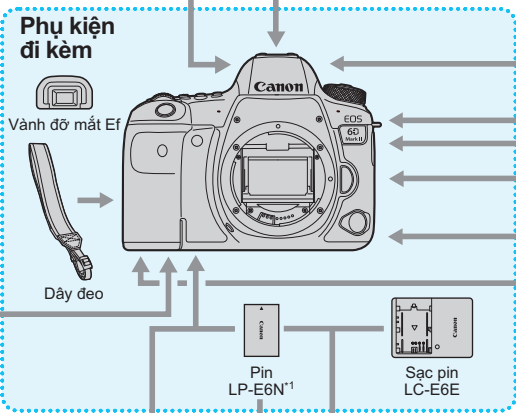
Tham khảo

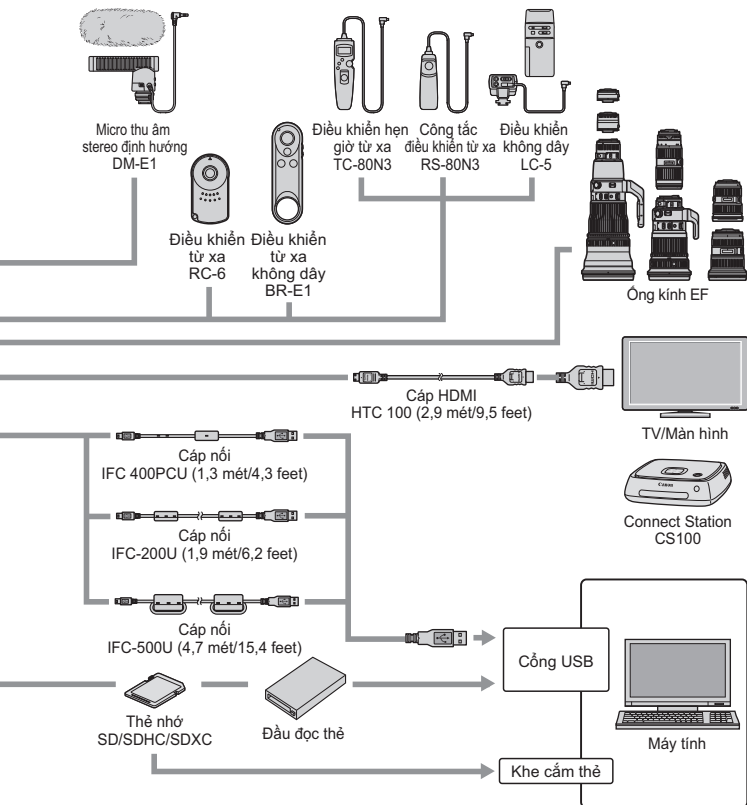
Chương này cung cấp thông tin tham khảo về các phụ kiện hệ thống, tính năng của máy ảnh, v.v...



Logo chứng nhận

Chọn [**F5: Certification Logo Display (Hiển thị logo chứng nhận)**] rồi nhấn <SET> để hiển thị các logo chứng nhận của máy ảnh. Các logo chứng nhận khác có thể có trong Hướng dẫn sử dụng, trên thân máy và trên bao bì sản phẩm.





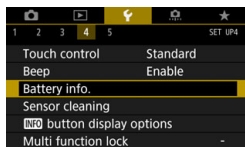
*1: Cũng có thể sử dụng pin LP-E6.

*2: Cũng có thể sử dụng Bộ điều hợp AC ACK-E6.

* Độ dài của tất cả cáp được nêu chỉ mang tính tương đối.

MENU Kiểm tra thông tin pin

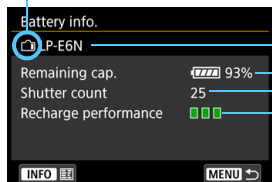
Bạn có thể xem màn hình LCD để kiểm tra điều kiện pin đang sử dụng. Mỗi pin LP-E6N/LP-E6 đều có số sê-ri riêng, bạn có thể đăng ký nhiều pin với máy ảnh. Khi sử dụng tính năng này, bạn có thể kiểm tra lượng pin còn lại và lịch sử sử dụng của pin đã đăng ký.



Chọn [Battery info. (Thông tin pin)].

- Trong tab [4], chọn [Battery info. (Thông tin pin)], rồi nhấn <SET>.
- Màn hình thông tin pin sẽ xuất hiện.

Vị trí pin



Kiểu pin và nguồn điện gia đình được sử dụng.

Thang đo mức pin (tr.48) hiển thị lượng pin còn lại với mức tăng 1%.

Số ảnh có thể chụp với mức pin hiện tại. Số ảnh có thể chụp sẽ được đặt lại khi pin đã sạc lại.

Hiệu suất sạc của pin hiển thị theo ba mức.

■■■ (Xanh lá cây) : Hiệu suất sạc tốt.

■■■ (Xanh lá cây) : Hiệu suất sạc bị giảm sút.

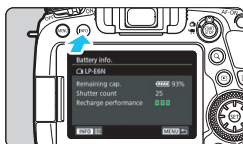
■■■ (Đỏ) : Bạn nên mua pin mới.

 Bạn nên sử dụng Pin LP-E6N/LP-E6 chính hãng của Canon. Dùng pin không chính hãng của Canon sẽ khiến máy ảnh không đạt được hiệu suất cao nhất hoặc gặp trục trặc.

- Tổng số lần chụp là số ảnh đã chụp. (Không tính quay phim.)
- Thông tin pin cũng sẽ hiển thị khi sử dụng Bảng pin BG-E21 (bán riêng).
- Nếu xuất hiện thông báo lỗi nhận pin, thực hiện theo hướng dẫn trong thông báo.

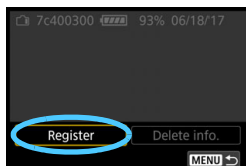
Đăng ký pin với máy ảnh

Bạn có thể đăng ký tối đa sáu Pin LP-E6N/LP-E6 với máy ảnh. Để đăng ký nhiều pin với máy ảnh, thực hiện theo quy trình dưới đây cho từng pin.



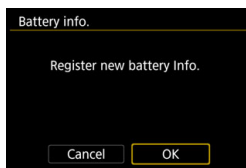
1 Nhấn nút <INFO>.

- Khi màn hình hiển thị thông tin pin xuất hiện, nhấn nút <INFO>.
- ▶ Màn hình lịch sử sử dụng pin sẽ xuất hiện.
- ▶ Nếu pin chưa được đăng ký, màn hình sẽ hiển thị màu xám.



2 Chọn [Register (Đăng ký)].

- ▶ Hộp thoại xác nhận sẽ xuất hiện.



3 Chọn [OK].

- ▶ Pin sẽ được đăng ký và màn hình lịch sử sử dụng pin sẽ xuất hiện lại.
- ▶ Số pin tô xám sẽ chuyển sang màu trắng.
- Nhấn nút <MENU>. Màn hình hiển thị thông tin pin sẽ xuất hiện lại.

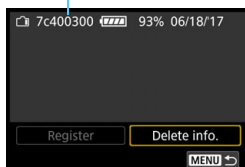


- Pin sẽ không đăng ký được nếu đang sử dụng phụ kiện kết nối ổ điện gia đình (bán riêng, tr.524).
- Nếu đã đăng ký sáu pin, không thể chọn [Register (Đăng ký)]. Để xóa thông tin pin không cần thiết, tham khảo trang 523.

Ghi nhãn số sê-ri lên pin

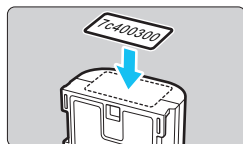
Sử dụng nhãn ghi bán sẵn trên thị trường để ghi nhãn Pin LP-E6N/LP-E6 đã đăng ký theo số sê-ri của pin.

Số sê-ri



1 Ghi số sê-ri trên nhãn.

- Ghi số sê-ri hiển thị trên màn hình lịch sử sử dụng pin trên nhãn có kích thước khoảng 25 mm x 15 mm / 1,0 in. x 0,6 in.



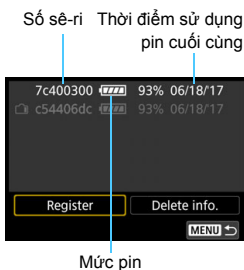
2 Tháo pin và dán nhãn.

- Đặt công tắc nguồn thành <OFF>.
- Mở nắp ngăn chứa pin và tháo pin.
- Dán nhãn theo hình minh họa (trên mặt không có tiếp xúc điện).
- Lặp lại quy trình này với tất cả các pin để dễ dàng xem số sê-ri của pin.

- Không dán nhãn trên các phần khác của pin ngoài bộ phận trong hình ở bước 2. Dán nhãn không đúng vị trí sẽ khiến khó lắp pin hoặc không thể khởi động máy ảnh.
- Nếu sử dụng Bảng pin BG-E21 (bán riêng), nhãn có thể bị bong nếu bạn tháo lắp pin thường xuyên từ khay pin. Nếu nhãn bị bong, thay nhãn mới.

Kiểm tra lượng pin còn lại của pin đã đăng ký

Bạn có thể kiểm tra lượng pin còn lại của pin (kể cả pin không lắp trong máy) cũng như thời điểm sử dụng pin cuối cùng.



Tìm số sê-ri.

- Tham khảo nhãn ghi số sê-ri của pin và tìm số sê-ri trên màn hình lịch sử sử dụng pin.
- ▶ Bạn có thể kiểm tra lượng pin còn lại cũng như thời điểm sử dụng cuối cùng của pin tương ứng.

Xóa thông tin pin đã đăng ký

1 Chọn [Delete info. (Xóa thông tin)].

- Thực hiện theo bước 2 ở trang 521 để chọn [Delete info. (Xóa thông tin)], rồi nhấn <Ⓢⓔᓉ>.

2 Chọn thông tin pin cần xóa.

- Chọn thông tin pin cần xóa, rồi nhấn <Ⓢⓔᓉ>.
- ▶ Dấu chọn [✓] sẽ xuất hiện.
- Để xóa thông tin của pin khác, lặp lại các bước trên.

3 Nhấn nút <⏏>.

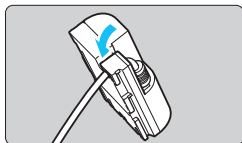
- ▶ Hộp thoại xác nhận sẽ xuất hiện.

4 Chọn [OK].

- ▶ Thông tin pin sẽ được xóa và màn hình ở bước 1 sẽ xuất hiện lại.

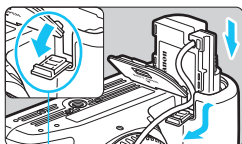
Sử dụng ổ điện gia đình

Bạn có thể sử dụng Bộ nối nguồn DC DR-E6 và Bộ điều hợp AC AC-E6N (cả hai đều bán riêng) để cung cấp nguồn cho máy ảnh bằng ổ điện gia đình.



1 Đặt dây nguồn vào rãnh cắm.

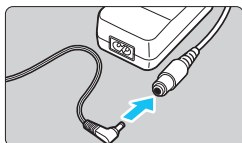
- Cần thận cắm dây nguồn của bộ nối nguồn DC vào rãnh cắm mà không làm hỏng dây.



Hốc dây của bộ nối nguồn DC

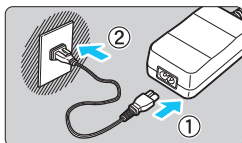
2 Lắp bộ nối nguồn DC.

- Mở nắp ngăn chứa pin và tháo nắp hốc dây của bộ nối nguồn DC.
- Cần thận cắm chặt bộ nối nguồn DC và đặt dây nguồn qua hốc dây.
- Đóng nắp.



3 Kết nối bộ nối nguồn DC với bộ điều hợp AC.

- Kết nối đầu cắm của bộ nối nguồn DC với đầu nối của bộ điều hợp AC.



4 Kết nối dây nguồn.

- Kết nối dây nguồn với bộ điều hợp AC và cắm phích cắm vào ổ điện.

5 Đặt công tắc nguồn của máy ảnh thành <ON> (tr.47).



- Không sử dụng bộ điều hợp AC nào khác ngoài bộ AC-E6N (bán riêng).
- Khi công tắc nguồn của máy ảnh đang bật, không cắm hoặc rút dây nguồn hay đầu nối, đồng thời không rút bộ nối nguồn DC.
- Sau khi sử dụng máy ảnh, rút phích cắm khỏi ổ điện.



Cũng có thể sử dụng Bộ điều hợp AC ACK-E6.

Sử dụng thẻ Eye-Fi

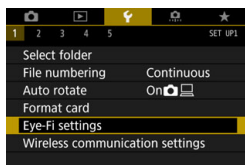
Sau khi cài đặt thẻ Eye-Fi bán sẵn trên thị trường, bạn có thể tự động truyền ảnh đã chụp vào máy tính hoặc tải lên dịch vụ trực tuyến qua mạng LAN không dây.

Truyền ảnh là chức năng của thẻ Eye-Fi. Để tìm hiểu hướng dẫn về cách cài đặt và sử dụng thẻ Eye-Fi hoặc để khắc phục các vấn đề trực tiếp về truyền ảnh, tham khảo hướng dẫn sử dụng thẻ Eye-Fi hoặc liên hệ với nhà sản xuất thẻ.

 Máy ảnh không đảm bảo hỗ trợ các chức năng thẻ Eye-Fi (bao gồm truyền không dây). Trong trường hợp thẻ Eye-Fi gặp trục trặc, vui lòng liên hệ nhà sản xuất thẻ. Ngoài ra, lưu ý rằng tại nhiều quốc gia hoặc khu vực, việc sử dụng thẻ Eye-Fi phải được phê chuẩn. Nếu không được phê chuẩn, không được phép sử dụng thẻ này. Nếu không chắc chắn thẻ có được phê chuẩn để sử dụng tại khu vực sở tại hay không, xác nhận lại với nhà sản xuất thẻ.

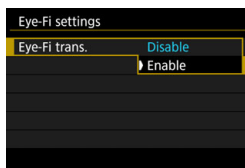
1 Lắp thẻ Eye-Fi (tr.43).

2 Chọn [Eye-Fi settings (Thiết lập Eye-Fi)].

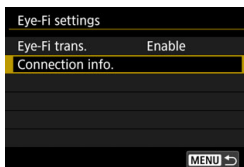


- Trong tab [ 1], chọn [**Eye-Fi settings (Thiết lập Eye-Fi)**], rồi nhấn .
- Menu này chỉ hiển thị khi cắm thẻ Eye-Fi vào máy ảnh.

3 Bật truyền Eye-Fi.



- Chọn [**Eye-Fi trans. (Truyền Eye-Fi)**], rồi nhấn .
- Chọn [**Enable (Bật)**], rồi nhấn .
- Nếu đặt [**Disable (Tắt)**], quá trình truyền tự động sẽ không thực hiện được ngay cả khi cắm thẻ Eye-Fi (biểu tượng trạng thái truyền ).



4 Hiển thị thông tin kết nối.

- Chọn [**Connection info.** (Thông tin kết nối)], rồi nhấn <SET>.



5 Kiểm tra [Access point SSID: (SSID điểm truy cập:)].

- Kiểm tra xem điểm truy cập có hiển thị [**Access point SSID: (SSID điểm truy cập:)**] hay không.
- Ngoài ra, bạn có thể kiểm tra phiên bản firmware và địa chỉ MAC của thẻ Eye-Fi.
- Nhấn nút <MENU> để thoát menu.



Trạng thái truyền

6 Chụp ảnh.

- ▶ Ảnh được truyền và biểu tượng [📶] chuyển từ màu xám (không kết nối) sang một trong các biểu tượng dưới đây.
- Biểu tượng [📶] sẽ xuất hiện trong thông tin chụp cho biết ảnh đã truyền (tr.394).

📶 (Màu xám) **Not connected (Không kết nối)** : Không kết nối với điểm truy cập.

📶 (Nhấp nháy) **Connecting... (Đang kết nối...)** : Đang kết nối với điểm truy cập.

📶 (Sáng) **Connected (Đã kết nối)** : Đã kết nối với điểm truy cập.

📶 (1) **Transferring... (Đang truyền...)** : Đang truyền ảnh đến điểm truy cập.

Thận trọng khi sử dụng thẻ Eye-Fi

- Trong **[Wi-Fi settings (Thiết lập Wi-Fi)]** của [**📶 1: Wireless communication settings (Thiết lập giao tiếp không dây)**], nếu đặt **[Wi-Fi]** thành **[Enable (Bật)]**, bạn sẽ không thể thực hiện truyền ảnh bằng thẻ Eye-Fi.
- “” biểu thị đã xảy ra lỗi trong khi lấy thông tin thẻ. Tắt và bật lại công tắc nguồn của máy ảnh.
- Ngay cả khi đặt **[Eye-Fi trans. (Truyền Eye-Fi)]** thành **[Disable (Tắt)]**, thẻ vẫn có thể truyền tín hiệu. Tại bệnh viện, trên máy bay và ở một số nơi cấm truyền không dây, vui lòng tháo thẻ Eye-Fi khỏi máy ảnh từ trước.
- Nếu chức năng truyền ảnh không hoạt động, kiểm tra thẻ Eye-Fi và thiết lập của máy tính. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo Hướng dẫn sử dụng thẻ.
- Tùy thuộc vào điều kiện kết nối của mạng LAN không dây, quá trình truyền ảnh có thể bị kéo dài hoặc gián đoạn.
- Thẻ Eye-Fi có thể bị nóng lên do tác dụng của chức năng truyền.
- Pin của máy ảnh sẽ tiêu hao nhanh hơn.
- Trong khi truyền ảnh, chức năng tự động tắt nguồn sẽ không hoạt động.
- Nếu sử dụng thẻ LAN không dây khác ngoài thẻ Eye-Fi, [**📶 1: Eye-Fi settings (Thiết lập Eye-Fi)**] sẽ không xuất hiện. Ngoài ra, biểu tượng trạng thái truyền <📶> cũng sẽ không xuất hiện.

[illegible]

Bảng chức năng khả dụng theo chế độ chụp

Chụp ảnh (A⁺, CA, Vùng sáng tạo)

●: Thiết lập tự động ○: Người dùng có thể chọn □: Không thể chọn/Tắt

Chức năng		A ⁺	CA	P	Tv	Av	M	B
Chụp theo lựa chọn môi trường			○					
Thiết lập hậu cảnh mờ			○					
Chất lượng ghi ảnh	RAW	○	○	○	○	○	○	○
	JPEG	○	○	○	○	○	○	○
Tỷ lệ khung ảnh				○	○	○	○	○
Tốc độ ISO	Thiết lập tự động/Tự động	●	●	○	○	○	○	○
	Thiết lập bằng tay			○	○	○	○	○
Kiểu ảnh	Tự động	●	●	○	○	○	○	○
	Chọn bằng tay			○	○	○	○	○
Cân bằng trắng	Tự động	●	●	○	○	○	○	○
	Đặt trước			○	○	○	○	○
	Tùy chỉnh			○	○	○	○	○
	Thiết lập nhiệt độ màu			○	○	○	○	○
Hiệu chỉnh/Phơi sáng hỗn hợp				○	○	○	○	○
Tự động tối ưu hóa ánh sáng		●	●	○	○	○	○	○
Giảm nhiễu hạt ở tốc độ ISO cao		●	●	○	○	○	○	○
Giảm nhiễu hạt do phơi sáng lâu				○	○	○	○	○
Ưu tiên tổng màu sáng				○	○	○	○	○
Hiệu chỉnh quang sai của ống kính	Hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi	●	●	○	○	○	○	○
	Hiệu chỉnh sắc sai	●	●	○	○	○	○	○
	Hiệu chỉnh méo hình			○	○	○	○	○
	Hiệu chỉnh nhiễu xạ	●	●	○	○	○	○	○
Chụp chống nhấp nháy*1		●	●	○	○	○	○	○
Không gian màu	sRGB	●	●	○	○	○	○	○
	Adobe RGB			○	○	○	○	○
AF (Chụp qua khung ngắm)	Lấy nét một lần			○	○	○	○	○
	Lấy nét tự động AI	●	●	○	○	○	○	○
	Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục			○	○	○	○	○
	Chế độ chọn vùng AF	○	○	○	○	○	○	○
	Chọn điểm AF	○	○	○	○	○	○	○
	Lấy nét tay (MF)	○	○	○	○	○	○	○
AF (Lấy nét tự động) (Chụp Live View)	Lấy nét một lần	●	●	○	○	○	○	○
	Lấy nét Servo			○	○	○	○	○
	⌂ + Theo dõi	○	○	○	○	○	○	○
	Vùng mờ	○	○	○	○	○	○	○
	AF 1 điểm Live	○	○	○	○	○	○	○
Lấy nét tay (MF)		○	○	○	○	○	○	○

Chức năng		[A]⁺	[CA]	P	Tv	Av	M	B
Kiểu chụp	Chụp từng ảnh	○	○	○	○	○	○	○
	Chụp liên tục tốc độ cao	○	○	○	○	○	○	○
	Chụp liên tục tốc độ thấp	○	○	○	○	○	○	○
	Chụp từng ảnh ngắt tiếng*1	○	○	○	○	○	○	○
	Chụp liên tục ngắt tiếng*1	○	○	○	○	○	○	○
	Chụp hẹn giờ 10 giây/Điều khiển từ xa	○	○	○	○	○	○	○
	Chụp hẹn giờ 2 giây/Điều khiển từ xa	○	○	○	○	○	○	○
	Chụp hẹn giờ: Liên tục	○	○	○	○	○	○	○
Đo sáng	Đo sáng toàn khung ảnh	●	●	○	○	○	○	○
	Đo sáng từng phần			○	○	○	○	○
	Đo sáng điểm			○	○	○	○	○
	Đo sáng trung bình trung tâm			○	○	○	○	○
Phơi sáng	Thay đổi chương trình			○				
	Bù trừ phơi sáng			○	○	○	○?	
	AEB			○	○	○	○	
	Khóa phơi sáng			○	○	○	○? (SET)	
	Xem trước độ sâu trường ảnh			○	○	○	○	○
	Chụp HDR			○	○	○	○	
	Ảnh ghép phơi sáng			○	○	○	○	○
	Hẹn giờ ngắt quãng*1	○	○	○	○	○	○	
	Hẹn giờ bulb							○
Đèn flash ngoài	Khóa gương lật*1			○	○	○	○	○
	Flash bật*4	●	●	○	○	○	○	○
	Flash tắt*4			○	○	○	○	○
	Bù trừ phơi sáng flash			○	○	○	○	○
	Khóa phơi sáng flash*1			○	○	○	○	○
	Thiết lập chức năng flash			○	○	○	○	○
Thiết lập chức năng tùy chỉnh				○	○	○	○	○
Chức năng GPS		○	○	○	○	○	○	○
Chụp Live View		○	○	○	○	○	○	○
Điều khiển nhanh		○	○	○	○	○	○	○
Thao tác chạm		○	○	○	○	○	○	○

*1: Chỉ có thể thiết lập khi chụp qua khung ngắm (bật).

*2: Chỉ có thể thiết lập khi đã đặt ISO tự động.

*3: Với ISO tự động, bạn có thể đặt tốc độ ISO cố định.

*4: Có thể thiết lập với **[Flash firing (Đánh sáng flash)]** trong **[External Speedlite control (Điều khiển đèn Speedlite gắn ngoài)]**.

Chụp ảnh (SCN:)

●: Thiết lập tự động ○: Người dùng có thể chọn □: Không thể chọn/Tắt

Chức năng		SCN					
							
Độ sáng		○	○	○	○	○	○
Tổng màu							
Hiệu ứng lia máy							○
Chất lượng ghi ảnh	RAW	○	○	○	○	○	○
	JPEG	○	○	○	○	○	○
Tỷ lệ khung ảnh							
Tốc độ ISO	Thiết lập tự động/Tự động	●	●	●	●	●	●
	Thiết lập bằng tay						
Kiểu ảnh	Tự động	●	●	●	●	●	●
	Chọn bằng tay						
Cân bằng trắng	Tự động	●	●	●	●	●	●
	Đặt trước						
	Tùy chỉnh						
	Thiết lập nhiệt độ màu						
	Hiệu chỉnh/Phối sáng hỗn hợp						
Tự động tối ưu hóa ánh sáng		●	●	●	●	●	●
Giảm nhiễu hạt ở tốc độ ISO cao		●	●	●	●	●	●
Giảm nhiễu hạt do phơi sáng lâu							
Ưu tiên tông màu sáng							
Hiệu chỉnh quang sai của ống kính	Hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi	●	●	●	●	●	●
	Hiệu chỉnh sắc sai	●	●	●	●	●	●
	Hiệu chỉnh méo hình		●				
	Hiệu chỉnh nhiễu xạ	●	●	●	●	●	●
Chụp chống nhấp nháy ¹		●	●	●	●	●	●
Không gian màu	sRGB	●	●	●	●	●	●
	Adobe RGB						
AF (Chụp qua khung ngắm)	Lấy nét một lần	●	●	●			
	Lấy nét tự động AI						
	Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục				●	●	●
	Chế độ chọn vùng AF	○	○	○	○	○	○
	Chọn điểm AF	○	○	○	○	○	○
	Lấy nét tay (MF)	○	○	○	○	○	○
AF (Lấy nét tự động) (Chụp Live View)	Lấy nét một lần	●	●	●			
	Lấy nét Servo				●	●	●
	⏏ + Theo dõi	○	○	○	○	○	
	Vùng mờ	○	○	○	○	○	●
	AF 1 điểm Live	○	○	○	○	○	
	Lấy nét tay (MF)	○	○	○	○	○	○

Chức năng		SCN					
							
Kiểu chụp	Chụp từng ảnh	○	○	○	○	○	○
	Chụp liên tục tốc độ cao	○	○	○	○	○	
	Chụp liên tục tốc độ thấp	○	○	○	○	○	○
	Chụp từng ảnh ngắt tiếng*1	○	○	○	○	○	○
	Chụp liên tục ngắt tiếng*1	○	○	○	○	○	
	Chụp hẹn giờ 10 giây/Điều khiển từ xa	○	○	○	○	○	○
	Chụp hẹn giờ 2 giây/Điều khiển từ xa	○	○	○	○	○	○
	Chụp hẹn giờ: Liên tục	○	○	○	○	○	○
Đo sáng	Đo sáng toàn khung ảnh	●	●	●	●	●	●
	Đo sáng từng phần						
	Đo sáng điểm						
	Đo sáng trung bình trung tâm						
Phơi sáng	Thay đổi chương trình						
	Bù trừ phơi sáng						
	AEB						
	Khóa phơi sáng						
	Xem trước độ sâu trường						
	Chụp HDR						
	Ảnh ghép phơi sáng						
	Hẹn giờ ngắt quãng*1	○	○	○	○	○	○
	Hẹn giờ bulb						
	Khóa gương lật						
Đèn flash ngoài	Flash bật	●	●	●	●	●	
	Flash tắt						●
	Bù trừ phơi sáng flash						
	Khóa phơi sáng flash*1						
	Thiết lập chức năng flash						
	Thiết lập chức năng tùy						
Chức năng GPS		○	○	○	○	○	○
Chụp Live View		○	○	○	○	○	○
Điều khiển nhanh		○	○	○	○	○	○
Thao tác chạm		○	○	○	○	○	○

*1: Chỉ có thể thiết lập khi chụp qua khung ngắm (bật).

Chụp ảnh (SCN:)

●: Thiết lập tự động ○: Người dùng có thể chọn □: Không thể chọn/Tắt

Chức năng		SCN					
							
Độ sáng		○	○	○	○	○	
Tổng màu			○	○			
Hiệu ứng lia máy							
Chất lượng ghi ảnh	RAW	○	○	○	○		
	JPEG	○	○	○	○	○	○
Tỷ lệ khung ảnh							
Tốc độ ISO	Thiết lập tự động/Tự động	●	●	●	●	●	●
	Thiết lập bằng tay						
Kiểu ảnh	Tự động	●	●	●	●	●	●
	Chọn bằng tay						
Cân bằng trắng	Tự động	●	●	●	●	●	●
	Đặt trước						
	Tùy chỉnh						
	Thiết lập nhiệt độ màu						
Hiệu chỉnh/Phối sáng hỗn hợp							
Tự động tối ưu hóa ánh sáng		●	●	●	●	●	●
Giảm nhiễu hạt ở tốc độ ISO cao		●	●	●	●	●	●
Giảm nhiễu hạt do phơi sáng lâu							
Ưu tiên tông màu sáng							
Hiệu chỉnh quang sai của ống kính	Hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi	●	●	●	●	●	●
	Hiệu chỉnh sắc sai	●	●	●	●	●	●
	Hiệu chỉnh méo hình						
	Hiệu chỉnh nhiễu xạ	●	●	●	●	●	●
Chụp chống nhấp nháy ¹		●	●	●	●	●	●
Không gian màu	sRGB	●	●	●	●	●	●
	Adobe RGB						
AF (Chụp qua khung ngắm)	Lấy nét một lần	●	●	●	●	●	●
	Lấy nét tự động AI						
	Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục						
	Chế độ chọn vùng AF	○	○	●	○	○	○
	Chọn điểm AF	○	○	●*2	○	○	○
	Lấy nét tay (MF)	○	○	○	○	○	○
AF (Lấy nét tự động) (Chụp Live View)	Lấy nét một lần	●	●		●	●	●
	Lấy nét Servo						
	⏏+Theo dõi	○	○		○	○	○
	Vùng trượt	○	○		○	○	○
	AF 1 điểm Live	○	○		○	○	○
	Lấy nét tay (MF)	○	○		○	○	○

Chức năng		SCN					
Kiểu chụp	Chụp từng ảnh	○	○	○	○	○	○
	Chụp liên tục tốc độ cao	○	○	○	○	○	○
	Chụp liên tục tốc độ thấp	○	○	○	○	○	○
	Chụp từng ảnh ngắt tiếng*1	○	○	○	○	○	○
	Chụp liên tục ngắt tiếng*1	○	○	○	○	○	○
	Chụp hẹn giờ 10 giây/Điều khiển từ xa	○	○	○	○	○	○
	Chụp hẹn giờ 2 giây/Điều khiển từ xa	○	○	○	○	○	○
	Chụp hẹn giờ: Liên tục	○	○	○	○	○	○
Đo sáng	Đo sáng toàn khung ảnh	●	●		●	●	●
	Đo sáng từng phần						
	Đo sáng điểm						
	Đo sáng trung bình trung tâm			●			
Phơi sáng	Thay đổi chương trình						
	Bù trừ phơi sáng						
	AEB						
	Khóa phơi sáng						
	Xem trước độ sâu trường ảnh						
	Chụp HDR						
	Ảnh ghép phơi sáng						
	Hẹn giờ ngắt quãng*1	○	○	○	○	○	○
	Hẹn giờ bulb						
	Khóa gương lật						
Thiết bị flash ngoài	Flash bật	●	●		●	●	
	Flash tắt			●			●
	Bù trừ phơi sáng flash						
	Khóa phơi sáng flash*1						
	Thiết lập chức năng flash						
	Thiết lập chức năng tùy chỉnh						
Chức năng GPS		○	○	○	○	○	○
Chụp Live View		○	○		○	○	○
Điều khiển nhanh		○	○	○	○	○	○
Thao tác chạm		○	○	○	○	○	○

*1: Chỉ có thể thiết lập khi chụp qua khung ngắm (bật).

*2: Máy ảnh thực hiện lấy nét với điểm AF đơn ở trung tâm khung ngắm.

Quay phim

●: Thiết lập tự động ○: Người dùng có thể chọn □: Không thể chọn/Tắt

Chức năng		 / 	SCN	P/Tv/Av/B	M
					
Chất lượng ghi phim có thể chọn		○	●*1	○	○
Ghi âm	Tự động	●	●	○	○
	Tùy chỉnh	□	□	○	○
	Lọc gió	●	●	○	○
	Bộ tiêu âm	□	□	○	○
Phím HDR		□	●*2	□	□
Phím time-lapse	4K	○	□	○	○
	Full HD	○	□	○	○
Video quay nhanh		○	□	○	○
Tốc độ ISO	Thiết lập tự động/Tự động	●	●	●	○
	Thiết lập bằng tay	□	□	□	○
Kiểu ảnh	Tự động	●	●	○	○
	Chọn bằng tay	□	□	○	○
Cân bằng trắng	Tự động	●	●	○	○
	Đặt trước	□	□	○	○
	Tùy chỉnh	□	□	○	○
	Thiết lập nhiệt độ màu	□	□	○	○
	Hiệu chỉnh	□	□	○	○
Tự động tối ưu hóa ánh sáng		●	●	○	○
Giảm nhiễu hạt ở tốc độ ISO cao		●	●	○	○
Ưu tiên tông màu sáng		□	□	○	○
Hiệu chỉnh quang sai của ống kính	Hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi	●	□	○	○
	Hiệu chỉnh sắc sai	●	●	○	○
Chống rung khi quay phim		○	□	○	○

Chức năng					
					
AF (Lấy nét tự động)	 +Theo dõi	☐	☐	☐	☐
	Vùng mượt	☐	☐	☐	☐
	AF 1 điểm Live	☐	☐	☐	☐
	Lấy nét tay (MF)	☐	☐	☐	☐
	Lấy nét Servo phim	☐	☐	☐	☐
	• Độ nhạy theo dõi	☐	☐	☐	☐
	• Tốc độ AF	☐	☐	☐	☐
Đo sáng		☒	☒	☒	☒
Phơi sáng	Thay đổi chương trình	☐	☐	☐	☐
	Bù trừ phơi sáng	☐	☐	☐	☐ *3
	Khóa phơi sáng	☐	☐	☐	☐ *4
Chức năng GPS		☐	☐	☐	☐
Chụp điều khiển từ xa		☐	☐	☐	☐
Điều khiển nhanh		☐	☐	☐	☐
Thao tác chạm		☐	☐	☐	☐

*1: Tự động đặt thành NTSC:  /PAL:  .

*2: Trong chế độ <**SCN**>, quay phim HDR sẽ được đặt tự động.

*3: Có thể thiết lập bù trừ phơi sáng với ISO tự động.

*4: Có thể thiết lập tốc độ ISO cố định với ISO tự động.

MENU Thiết lập menu

Chụp qua khung ngắm (Chế độ vùng cơ bản)

📷: Chụp 1 (Đỏ)

Trang

EN		
Image quality* ¹	RAW / M RAW / S RAW	164
	■ L, ■ L, ■ M, ■ M, ■ S1, ■ S1, S2	
Image review time	Off / 2 sec. / 4 sec. / 8 sec. / Hold	74
Release shutter without card	Enable / Disable	44
Interval timer	Disable / Enable (Interval / Number of shots)	269
Live View shooting	Enable / Disable	293

VI		
Chất lượng ảnh* ¹	RAW / M RAW / S RAW	164
	■ L, ■ L, ■ M, ■ M, ■ S1, ■ S1, S2	
Thời gian xem lại ảnh	Tắt / 2 giây / 4 giây / 8 giây / Giữ	74
Nhà màn trập khi không lắp thẻ	Bật / Tắt	44
Hẹn giờ ngắt quãng	Tắt / Bật (Quãng chụp / Số lượng ảnh)	269
Chụp Live View	Bật / Tắt	293

*1: Trong các chế độ <📷> và <📷>, không thể chọn chất lượng RAW.

Chụp Live View (Chế độ vùng cơ bản)

📷: Chụp 1 (Đỏ)

Trang

EN		
Image quality* ¹	RAW / M RAW / S RAW	164
	■ L, ■ L, ■ M, ■ M, ■ S1, ■ S1, S2	
Image review time	Off / 2 sec. / 4 sec. / 8 sec. / Hold	74
Release shutter without card	Enable / Disable	44

VI		
Chất lượng ảnh* ¹	RAW / M RAW / S RAW	164
	■ L, ■ L, ■ M, ■ M, ■ S1, ■ S1, S2	
Thời gian xem lại ảnh	Tắt / 2 giây / 4 giây / 8 giây / Giữ	74
Nhà màn trập khi không lắp thẻ	Bật / Tắt	44

*1: Trong các chế độ <📷> và <📷>, không thể chọn chất lượng RAW.

📷: Chụp 2 (Đỏ)

Trang

EN		
AF method* ¹	☺+Tracking / Smooth zone / Live 1-point AF	310
Touch Shutter	Disable / Enable	321
Grid display	Off / 3x3 田 / 6x4 田田 / 3x3+diag ㄈ	304

VI		
Phương pháp AF* ¹	☺+Theo dõi / Vùng mượt / AF 1 điểm Live	310
Chạm để chụp	Tắt / Bật	321
Hiển thị khung lưới	Tắt / 3x3 田 / 6x4 田田 / 3x3+chéo ㄈ	304

*1: Không thể thiết lập ở chế độ <📷>. (Tự động đặt thành [Smooth zone (Vùng mượt)].)

Chụp qua khung ngắm và chụp Live View (Chế độ vùng sáng tạo)

 **Chụp 1*¹** (Đỏ)

Trang

EN		
Image quality	RAW / M RAW / S RAW	164
	■ L, ■ L, ■ M, ■ M, ■ S1, ■ S1, S2	
Image review time* ²	Off / 2 sec. / 4 sec. / 8 sec. / Hold	74
Release shutter without card* ²	Enable / Disable	44
Lens aberration correction	Peripheral illumination correction: Enable / Disable	202
	Chromatic aberration correction: Enable / Disable	
	Distortion correction* ² : Disable / Enable	
	Diffraction correction* ² : Disable / Enable	
Lens electronic MF	Disable after One-Shot AF / Enable after One-Shot AF	157
External Speedlite control* ²	Flash firing / E-TTL II metering / Flash sync. speed in Av mode / Flash function settings / Flash C.Fn settings / Clear settings	283

VI		
Chất lượng ảnh	RAW / M RAW / S RAW	164
	L, L, M, M, S1, S1, S2	
Thời gian xem lại ảnh*2	Tắt / 2 giây / 4 giây / 8 giây / Giữ	74
Nhà màn trập khi không lắp thẻ*2	Bật / Tắt	44
Hiệu chỉnh quang sai của ống kính	Hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi: Bật / Tắt	202
	Hiệu chỉnh sắc sai: Bật / Tắt	
	Hiệu chỉnh méo hình*2: Tắt / Bật	
	Hiệu chỉnh nhiễu xạ*2: Tắt / Bật	
Lấy nét tay điện tử của ống kính	Tắt sau khi lấy nét một lần / Bật sau khi lấy nét một lần	157
Điều khiển đèn Speedlite gắn ngoài*2	Đánh sáng flash / Đo sáng E-TTL II / Tốc độ đồng bộ flash trong chế độ Av / Thiết lập chức năng flash / Thiết lập chức năng tùy chỉnh flash / Xóa thiết lập	283

*1: Trong khi quay phim, [1: Movie rec. size (Kích thước ghi phim)] và [1: Sound recording (Ghi âm)] sẽ hiển thị (tr.560).

*2 Không hiển thị cho quay phim.

📷: Chụp 2 (Đỏ)

Trang

EN		
Exposure compensation/ AEB setting*¹	Exposure compensation: ± 5 stops* ² in 1/3- or 1/2-stop increments	247
	AEB: ± 3 stops in 1/3- or 1/2-stop increments	249
📷 ISO speed settings*³	ISO speed / ISO speed range / Auto range / Minimum shutter speed	172 175 176 177
Auto Lighting Optimizer	Disable / Low / Standard / High	196
	Disabled in M or B modes	
White balance	AWB (Ambience priority) / AWB w (White priority) / / / / / / / K (Approx. 2500 - 10000)	187
Custom White Balance	Manual setting of white balance	190
White balance shift/ bracketing*⁴	White balance correction: B/A/M/G bias, 9 levels each	193
	White balance bracketing: B/A and M/G bias, single-level increments, ± 3 levels	194
Color space*⁵	sRGB / Adobe RGB	210

VI		
Thiết lập bù trừ phơi sáng/AEB^{*1}	Bù trừ phơi sáng: ± 5 điểm dừng ^{*2} với mức tăng 1/3 hoặc 1/2 điểm dừng	247
	AEB: ± 3 điểm dừng với mức tăng 1/3 hoặc 1/2 điểm dừng	249
Thiết lập tốc độ ISO^{*3}	Tốc độ ISO / Phạm vi tốc độ ISO / Phạm vi tự động / Tốc độ màn trập tối thiểu	172 175 176 177
Tự động tối ưu hóa ánh sáng	Tắt / Thấp / Tiêu chuẩn / Cao	196
	Tắt trong chế độ M hoặc B	
Cân bằng trắng	AWB (Ưu tiên môi trường) / AWB w (Ưu tiên màu trắng) / / / / / / / K (Khoảng 2500 - 10000)	187
Cân bằng trắng tùy chỉnh	Thiết lập cân bằng trắng bằng tay	190
Thay đổi cân bằng trắng/Cân bằng trắng hỗn hợp^{*4}	Hiệu chỉnh cân bằng trắng: chênh lệch B/A/M/G, mỗi màu có 9 mức chỉnh	193
	Cân bằng trắng hỗn hợp: chênh lệch B/A và M/G, tăng mức đơn theo ± 3 mức	194
Không gian màu^{*5}	sRGB / Adobe RGB	210

*1: Trong chế độ quay phim, thiết lập này sẽ là [**2: Exposure compensation (Bù trừ phơi sáng)**].

*2: Trong khi chụp Live View hoặc quay phim, có thể thiết lập bù trừ phơi sáng tối đa ± 3 điểm dừng.

*3: Trong chế độ quay phim, thiết lập này sẽ là [**2: ISO speed settings (Thiết lập tốc độ ISO)**].

*4: Trong chế độ quay phim, thiết lập này sẽ là [**2: WB correction (Hiệu chỉnh cân bằng trắng)**].

*5 Không hiển thị cho quay phim.

Tùy chọn menu được tô màu không hiển thị trong chế độ vùng cơ bản.

📷: Chụp 3 (Đỏ)

Trang

EN		
Picture Style	Auto / Standard / Portrait / Landscape / Fine Detail / Neutral / Faithful / Monochrome / User Defined 1-3	178
Noise reduction for long exposures*¹	Disable / Auto / Enable	199
High ISO speed noise reduction	Disable / Low / Standard / High / Multi Shot Noise Reduction* ¹	197
Highlight tone priority	Disable / Enable	201
Dust Delete Data*¹	Obtain data to be used with Digital Photo Professional (EOS software) to delete dust spots	454
Multiple exposures*¹	Multiple exposure / Multiple exposure control / Number of exposures / Continue multiple exposure / Select image for multiple exposures	260
HDR mode*¹	Adjust dynamic range / Effect / Continuous HDR / Auto Image Align	255

VI		
Kiểu ảnh	Tự động / Tiêu chuẩn / Chân dung / Phong cảnh / Chi tiết nhỏ / Trung tính / Chân thực / Đơn sắc / Người dùng xác định 1-3	178
Giảm nhiễu hạt do phơi sáng lâu*¹	Tắt / Tự động / Bật	199
Giảm nhiễu hạt ở tốc độ ISO cao	Tắt / Thấp / Tiêu chuẩn / Cao / Ghép nhiều ảnh để giảm nhiễu* ¹	197
Ưu tiên tông màu sáng	Tắt / Bật	201
Dữ liệu xóa bụi*¹	Lấy dữ liệu sẽ dùng với Digital Photo Professional (phần mềm EOS) để xóa chấm bụi	454
Ảnh ghép phơi sáng*¹	Ảnh ghép phơi sáng / Điều khiển cách ghép ảnh / Số lượng ảnh / Ảnh ghép phơi sáng chụp liên tục / Chọn ảnh để ghép phơi sáng	260
Chế độ HDR*¹	Điều chỉnh dải tương phản động / Hiệu ứng / HDR liên tục / Tự động căn chỉnh ảnh	255

*1: Không hiển thị cho quay phim.

Chụp 4 (Đỏ)

Trang

EN		
Interval timer ^{*1*2}	Disable / Enable (Interval / Number of shots)	269
Bulb timer	Disable / Enable (Exposure time)	253
Anti-flicker shooting ^{*1}	Disable / Enable	208
Mirror lockup ^{*1}	Disable / Enable	267
Aspect ratio	3:2 / 4:3 / 16:9 / 1:1	170
Live View shooting ^{*1*2}	Enable / Disable	293

VI		
Hẹn giờ ngắt quãng ^{*1*2}	Tắt / Bật (Quãng chụp / Số lượng ảnh)	269
Hẹn giờ bulb	Tắt / Bật (Thời gian phơi sáng)	253
Chụp chống nhấp nháy ^{*1}	Tắt / Bật	208
Khóa gương lật ^{*1}	Tắt / Bật	267
Tỷ lệ khung ảnh	3:2 / 4:3 / 16:9 / 1:1	170
Chụp Live View ^{*1*2}	Bật / Tắt	293

*1: Không hiển thị cho chụp Live View.

*2: Trong chế độ vùng cơ bản, các tùy chọn menu này sẽ hiển thị trong tab [1].

📷: Chụp^{5*1*2} (Đỏ)

Trang

EN		
AF method	☺+Tracking / Smooth zone / Live 1-point AF	310
Touch Shutter	Disable / Enable	321
Metering timer	4 sec. / 8 sec. / 16 sec. / 30 sec. / 1 min. / 10 min. / 30 min.	304
Grid display	Off / 3x3 田 / 6x4 田田 / 3x3+diag ㄟ	304
Exposure simulation	Enable / During ⓪ / Disable	305
Silent LV shooting	Mode 1 / Mode 2 / Disable	305

VI		
Phương pháp AF	☺+Theo dõi / Vùng mượt / AF 1 điểm Live	310
Chạm để chụp	Tắt / Bật	321
Hẹn giờ đo sáng	4 giây / 8 giây / 16 giây / 30 giây / 1 phút / 10 phút / 30 phút	304
Hiển thị khung lưới	Tắt / 3x3 田 / 6x4 田田 / 3x3+chéo ㄟ	304
Mô phỏng phơi sáng	Bật / Trong khi ⓪ / Tắt	305
Chụp Live View ngắt tiếng	Chế độ 1 / Chế độ 2 / Tắt	305

*1: Tab [📷5] hiển thị ở chế độ chụp Live View. (Không hiển thị khi chụp qua khung ngắm.)

*2: Trong chế độ vùng cơ bản, các tùy chọn menu này sẽ hiển thị trong tab [📷2].

▶ : Xem lại 1 (Xanh da trời)

Trang

EN		
Protect images	Protect images	411
Rotate image	Rotate images	410
Erase images	Erase images	432
Print order	Specify images to be printed (DPOF)	460
Photobook set-up	Specify images for a photobook	466
RAW image processing	Process RAW images	440

VI		
Bảo vệ ảnh	Bảo vệ ảnh	411
Xoay ảnh	Xoay ảnh	410
Xóa ảnh	Xóa ảnh	432
Lệnh in	Chỉ định các ảnh được in (DPOF)	460
Lập sách ảnh	Chỉ định ảnh cho sách ảnh	466
Xử lý ảnh RAW	Xử lý ảnh RAW	440

▶: Xem lại 2 (Xanh da trời)

Trang

EN		
Cropping	Partially crop JPEG images	448
Resizing	Downsize JPEG image's pixel count	446
Rating	Rate images	414
Slide show	Display time / Repeat / Transition effect / Background music	426
Set image search conditions	Rating / Date / Folder / Protect / Type of file	404
Image jump w/ 	1 image / 10 images / Jump images by the specified number / Date / Folder / Movies / Stills / Protect / Rating	402

VI		
Cắt ảnh	Cắt một phần ảnh JPEG	448
Thay đổi cỡ ảnh	Giảm độ phân giải của ảnh JPEG	446
Xếp hạng	Xếp hạng ảnh	414
Trình chiếu	Thời gian hiển thị / Lặp lại / Hiệu ứng chuyển / Nhạc nền	426
Thiết lập điều kiện tìm kiếm ảnh	Xếp hạng / Ngày tháng / Thư mục / Bảo vệ / Loại tập tin	404
Nhảy ảnh với 	1 ảnh / 10 ảnh / Nhảy ảnh theo số ảnh chỉ định / Ngày tháng / Thư mục / Phim / Ảnh / Bảo vệ / Xếp hạng	402

▶ : Xem lại 3 (Xanh da trời)

Trang

EN		
Highlight alert	Disable / Enable	399
AF point display	Disable / Enable	399
Playback grid	Off / 3x3 田 / 6x4 田田 / 3x3+diag ㄨ	392
Histogram display	Brightness / RGB	400
Magnification (Approx.)	1x (no magnification) / 2x (magnify from center) / 4x (magnify from center) / 8x (magnify from center) / 10x (magnify from center) / Actual size (from selected point) / Same as last magnification (from center)	407
Control over HDMI	Disable / Enable	430

VI		
Cảnh báo vùng sáng	Tắt / Bật	399
Hiển thị điểm AF	Tắt / Bật	399
Khung lưới khi xem	Tắt / 3x3 田 / 6x4 田田 / 3x3+chéo ㄨ	392
Hiển thị biểu đồ	Độ sáng / RGB	400
Hệ số phóng to (Ước chừng)	1x (không phóng to) / 2x (phóng to từ trung tâm) / 4x (phóng to từ trung tâm) / 8x (phóng to từ trung tâm) / 10x (phóng to từ trung tâm) / Kích thước thực tế (từ điểm được chọn) / Giống như lần phóng to gần nhất (từ trung tâm)	407
Điều khiển qua HDMI	Tắt / Bật	430

🔧: Cài đặt 1 (Vàng)

Trang

EN		
Select folder	Create and select a folder	211
File numbering	Numbering: Continuous / Auto reset	213
	Manual reset	
Vertical image auto rotation	On   / On  / Off	437
Format card	Erase data on the card by formatting	70
Eye-Fi settings	Displayed when a commercially-available Eye-Fi card is inserted	526
Wireless communication settings* ¹	Wi-Fi settings: Wi-Fi / NFC connection / Password / Connection history / MAC address	—
	Wi-Fi function: Transfer images between cameras / Connect to smartphone / Remote control (EOS Utility) / Print from Wi-Fi printer / Upload to Web service	
	Bluetooth function: Bluetooth function / Pairing / Check/clear connection info / Bluetooth address	
	Send images to smartphone	
	Nickname	
	Clear settings	

VI		
Chọn thư mục	Tạo và chọn thư mục	211
Đánh số thứ tự tập tin	Đánh số thứ tự: Kế tiếp / Tự động đặt lại	213
	Đặt lại bằng tay	
Tự động xoay ảnh dọc	Bật   / Bật  / Tắt	437
Định dạng thẻ	Xóa dữ liệu trên thẻ bằng cách định dạng thẻ	70
Thiết lập Eye-Fi	Hiện thị khi lắp thẻ Eye-Fi (có bán trên thị trường)	526
Thiết lập giao tiếp không dây*¹	Thiết lập Wi-Fi: Wi-Fi / Kết nối NFC / Mật mã / Lịch sử kết nối / Địa chỉ MAC Chức năng Wi-Fi: Truyền ảnh giữa các máy ảnh / Kết nối với smartphone / Điều khiển từ xa (EOS Utility) / In từ máy in Wi-Fi / Tải lên dịch vụ web Chức năng Bluetooth: Chức năng Bluetooth / Ghép đôi / Kiểm tra/xóa thông tin kết nối / Địa chỉ Bluetooth Gửi ảnh đến smartphone Tên Xóa thiết lập	—

*1: Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo “Hướng dẫn sử dụng chức năng Wi-Fi (Giao tiếp không dây)” (tr.4).

🔧: Cài đặt 2 (Vàng)

Trang

EN		
Auto power off	1 min. / 2 min. / 4 min. / 8 min. / 15 min. / 30 min. / Disable	73
LCD brightness	LCD brightness adjustable to 7 levels	436
LCD off/on* ¹	Remains on / Shutter btn.	74
Date/Time/Zone	Date (year, month, day) / Time (hr., min., sec.) / Daylight saving time / Time zone	49
Language 	Select the interface language	52
Viewfinder display* ¹	Electronic level: Hide / Show	83
	Grid display: Hide / Show	81
	Show/hide in viewfinder: Battery level, Shooting mode, AF operation, Image quality (Image type), Drive mode, Metering mode, Flicker detection	84

VI		
Tự động tắt nguồn	1 phút / 2 phút / 4 phút / 8 phút / 15 phút / 30 phút / Tắt	73
Độ sáng LCD	Có thể điều chỉnh độ sáng màn hình LCD ở 7 mức	436
Bật/tắt LCD* ¹	Luôn bật / Nút chụp	74
Ngày/Giờ/Múi giờ	Ngày (năm, tháng, ngày) / Giờ (giờ, phút, giây) / Giờ mùa hè / Múi giờ	49
Ngôn ngữ 	Chọn ngôn ngữ giao diện	52
Hiển thị khung ngắm* ¹	Cân bằng điện tử: Ẩn / Hiện	83
	Hiển thị khung lưới: Ẩn / Hiện	81
	Ẩn/hiện trong khung ngắm: Mức pin, Chế độ chụp, Thao tác AF, Chất lượng ảnh (Kiểu ảnh), Kiểu chụp, Chế độ đo sáng, Nhận diện nhấp nháy	84

*1: Không hiển thị cho chụp Live View hoặc quay phim.

🔧: Cài đặt 3 (Vàng)

Trang

EN		
GPS setting	GPS / Auto time setting / Position update interval / GPS information display / GPS Logger	219
Video system	For NTSC / For PAL	343 429
Mode guide*¹	Enable / Disable	91
Feature guide	Enable / Disable	92
Help text size	Small / Standard	94

VI		
Thiết lập GPS	GPS / Tự động thiết lập thời gian / Khoảng thời gian cập nhật vị trí / Hiển thị thông tin GPS / Bộ ghi chép GPS	219
Hệ thống video	Đối với NTSC / Đối với PAL	343 429
Hướng dẫn chế độ*¹	Bật / Tắt	91
Hướng dẫn tính năng	Bật / Tắt	92
Kích cỡ phông chữ Trợ giúp	Nhỏ / Tiêu chuẩn	94

*1: Không hiển thị cho chụp Live View hoặc quay phim.

☛: Cài đặt 4 (Vàng): Khi chụp qua khung ngắm

Trang

EN		
Touch operation	Standard / Sensitive / Disable	69
Beep	Enable / Touch  / Disable	73
Battery information	Power source / Remaining capacity / Shutter count / Recharge performance	520
Sensor cleaning	Auto cleaning  : Enable / Disable	452
	Clean now 	
	Clean manually	457
INFO button display options*1	Electronic level / Quick Control screen	86
Multi function lock	Main Dial	90
	Quick Control Dial	
	Multi-controller	
	Touch operation	

VI		
Thao tác chạm	Tiêu chuẩn / Nhảy / Tắt	69
Bíp	Bật / Chạm  / Tắt	73
Thông tin pin	Nguồn điện / Dung lượng còn lại / Tổng số lần chụp / Hiệu suất sạc	520
Làm sạch cảm biến	Tự động làm sạch  : Bật / Tắt	452
	Làm sạch ngay 	
	Làm sạch bằng tay	457
Tùy chọn hiển thị nút INFO*1	Màn hình cân bằng điện tử / điều khiển nhanh	86
Khóa đa chức năng	Nút xoay chính	90
	Nút xoay điều khiển nhanh	
	Điều khiển đa năng	
	Thao tác chạm	

*1: Trong chế độ chụp Live View và quay phim, thiết lập này sẽ là [INFO button LV display options (Tùy chọn hiển thị khi nhấn nút INFO trong quá trình Live View)].

☛ : Cài đặt 4 (Vàng): Khi chụp Live View/quay phim

Trang

EN		
INFO button LV display options	Live View info switch setting: 1 / 2 / 3 / 4	300
	Histogram display • Brightness/RGB: Brightness / RGB • Display size: Large / Small	301
	Reset	

VI		
Tùy chọn hiển thị khi nhấn nút INFO trong quá trình Live View	Thiết lập chuyển thông tin Live View: 1 / 2 / 3 / 4	300
	Hiển thị biểu đồ • Độ sáng/RGB: Độ sáng / RGB • Kích cỡ hiển thị: Lớn / Nhỏ	301
	Đặt lại	

🔧: Cài đặt 5 (Vàng)

Trang

EN		
Custom shooting modes (C1, C2)	Register setting / Clear settings / Auto update settings	513
Clear all camera settings	Resets the camera to the default settings	75
Copyright information	Display copyright information / Enter author's name / Enter copyright details / Delete copyright information	216
Manual/software URL	URL and QR code for downloading Instruction Manuals and software	613
Certification Logo Display	Displays some of the logos of the camera's certifications	517
Firmware*1	Select to update the firmware of the camera, lens, Speedlite, etc.	—

VI		
Chế độ chụp tùy chỉnh (C1, C2)	Đăng ký thiết lập / Xóa thiết lập / Tự động cập nhật thiết lập	513
Xóa tất cả thiết lập của máy ảnh	Khôi phục thiết lập mặc định của máy ảnh	75
Thông tin bản quyền	Hiển thị thông tin bản quyền / Nhập tên tác giả / Nhập chi tiết bản quyền / Xóa thông tin bản quyền	216
URL hướng dẫn/phần mềm	URL và mã QR để tải về Hướng dẫn sử dụng và phần mềm	613
Hiển thị logo chứng nhận	Hiển thị một số logo chứng nhận của máy ảnh	517
Firmware*1	Chọn để cập nhật firmware của máy ảnh, ống kính, đèn Speedlite, v.v...	—

*1: Không hiển thị cho chụp Live View hoặc quay phim.

⚙️: Chức năng tùy chỉnh (Da cam)

Trang

EN		
C.Fn I: Exposure	Customize camera functions as desired	473
C.Fn II: Autofocus		477
C.Fn III: Operation/ Others		492
Clear all Custom Functions (C.Fn)		470

VI		
C.Fn I: Phơi sáng	Tùy chỉnh các chức năng máy ảnh theo mong muốn	473
C.Fn II: Lấy nét tự động		477
C.Fn III: Thao tác/Khác		492
Xóa tất cả chức năng tùy chỉnh (C.Fn)	Xóa thiết lập chức năng tùy chỉnh	470

★ : Danh mục riêng (Xanh lá cây)

Trang

EN		
Add My Menu tab	Add My Menu tabs 1-5	508
Delete all My Menu tabs	Delete all My Menu tabs	511
Delete all items	Delete all items under My Menu tabs 1-5	511
Menu display	Normal display / Display from My Menu tab / Display only My Menu tab	512

VI		
Thêm tab Danh mục riêng	Thêm tab Danh mục riêng 1-5	508
Xóa tất cả các tab Danh mục riêng	Xóa tất cả các tab Danh mục riêng	511
Xóa tất cả các mục	Xóa tất cả các mục trong tab Danh mục riêng 1-5	511
Hiển thị menu	Hiển thị thông thường / Hiển thị từ tab Danh mục riêng / Chỉ hiển thị tab Danh mục riêng	512

Quay phim

Quay phim 1 (Đỏ)

Trang

EN		
Movie recording size	1920x1080 / 1280x720	343
	NTSC: 59.94p / 29.97p / 23.98p PAL: 50.00p / 25.00p	
	Standard (IPB) / Light (IPB)	
Sound recording	Sound recording* ¹ : Auto / Manual / Disable	348
	Sound-recording level	
	Wind filter: Auto / Disable	
	Attenuator: Disable / Enable	349

VI		
Kích thước ghi phim	1920x1080 / 1280x720	343
	NTSC: 59,94p / 29,97p / 23,98p PAL: 50,00p / 25,00p	
	Tiêu chuẩn (IPB) / Nhẹ (IPB)	
Ghi âm	Ghi âm* ¹ : Tự động / Chính tay / Tắt	348
	Mức ghi âm	
	Lọc gió: Tự động / Tắt	
	Bộ tiêu âm: Tắt / Bật	349

*1: Ở chế độ vùng cơ bản, thiết lập này sẽ là **[Enable (Bật)]** **[Disable (Tắt)]**.

 Quay phim 2 (Đỏ)

Trang

EN	
 ISO speed settings	ISO speed / ISO speed range / ISO Auto /  ISO Auto 374

VI	
 Thiết lập tốc độ ISO	Tốc độ ISO / Phạm vi tốc độ ISO / ISO tự động /  ISO tự động 374



- Bảng “Quay phim” chỉ liệt kê những chức năng không được đề cập trong bảng “Chụp qua khung ngắm và chụp Live View”.
- Để tìm hiểu về [ Shooting 3 (Chụp 3)] (Đỏ), tham khảo trang 544.

📷: Quay 4*1 (Đỏ)

Trang

EN		
Movie Servo AF	Enable / Disable	375
AF method	┐+Tracking / Smooth zone / Live 1-point AF	376
Movie Servo AF tracking sensitivity	Locked on (-3/-2/-1) / 0 / Responsive (+1/+2/+3)	377
Movie Servo AF Speed	When active: Always on / During shooting	378
	AF speed: Slow (-7/-6/-5/-4/-3/-2/-1) / Standard / Fast (+1/+2)	
Metering timer	4 sec. / 8 sec. / 16 sec. / 30 sec. / 1 min. / 10 min. / 30 min.	379
Grid display	Off / 3x3 田 / 6x4 田田 / 3x3+diag ㄟ	379
👁 button function	📷AF/- / 📷/- / 📷AF/📷 / 📷/📷	380

VI		
Lấy nét Servo phim	Bật / Tắt	375
Phương pháp AF	┐+Theo dõi / Vùng mượt / AF 1 điểm Live	376
Độ nhạy theo dõi lấy nét Servo phim	Khóa (-3/-2/-1) / 0 / Phản ứng (+1/+2/+3)	377
Tốc độ lấy nét Servo phim	Khi bật: Luôn bật / Trong khi quay	378
	Tốc độ AF: Chậm (-7/-6/-5/-4/-3/-2/-1) / Tiêu chuẩn / Nhanh (+1/+2)	
Hẹn giờ đo sáng	4 giây / 8 giây / 16 giây / 30 giây / 1 phút / 10 phút / 30 phút	379
Hiển thị khung lưới	Tắt / 3x3 田 / 6x4 田田 / 3x3+chéo ㄟ	379
Chức năng nút 👁	📷AF/- / 📷/- / 📷AF/📷 / 📷/📷	380

*1: Trong chế độ vùng cơ bản, các tùy chọn menu này sẽ hiển thị trong tab [📷2].

 Quay phim 5*1 (Đỏ)

Trang

EN		
Video snapshot	Video snapshot: Enable / Disable	363
	Album settings: Create a new album / Add to existing album	
	Show confirm message: Enable / Disable	366
Time-lapse movie	Time-lapse movie: Disable / Enable 4K (3840x2160) / Enable FHD (1920x1080)	352
	Shooting interval (hr., min., sec.)	353
	Number of shots	
	Auto exposure: Fixed 1st frame / Each frame	354
	LCD auto off: Disable / Enable	
	Beep as image taken: Enable / Disable	355
Movie digital IS	Disable / Enable / Enhanced	382
Remote control shooting	Disable / Enable	384

VI		
Video quay nhanh	Video quay nhanh: Bật / Tắt	363
	Thiết lập album: Tạo album mới / Thêm vào album hiện có	
	Hiển thị thông báo xác nhận: Bật / Tắt	366
Phim time-lapse	Phim time-lapse: Tắt / Bật 4K (3840x2160) / Bật FHD (1920x1080)	352
	Quãng chụp (giờ, phút, giây)	353
	Number of shots (Số lượng ảnh)	
	Phơi sáng tự động: Khung hình đầu tiên được cố định / Mỗi khung hình	354
	Tự động tắt LCD: Tắt / Bật	
	Bíp khi chụp ảnh: Bật / Tắt	355
Chống rung khi quay phim	Tắt / Bật / Mạnh	382
Chụp điều khiển từ xa	Tắt / Bật	384

*1: Trong chế độ vùng cơ bản, các tùy chọn menu này sẽ hiển thị trong tab [📷 3].

Hướng dẫn giải quyết các vấn đề trực trực

Nếu máy ảnh xảy ra vấn đề trực trực, trước tiên bạn nên tham khảo hướng dẫn giải quyết các vấn đề trực trực này. Nếu hướng dẫn không giúp giải quyết được vấn đề, vui lòng liên hệ với đại lý hoặc Trung tâm bảo hành gần nhất của Canon.

Vấn đề trực trực liên quan đến nguồn

Pin không sạc.

- Nếu dung lượng còn lại của pin (tr.520) đạt 94% trở lên, không cần sạc lại pin.
- Không sử dụng bất kỳ loại pin nào ngoại trừ Pin LP-E6N/LP-E6 chính hãng Canon.

Đèn báo sạc chớp nháy nhanh.

- Nếu (1) pin hoặc sạc có vấn đề trực trực hoặc (2) không giao tiếp được với pin (đối với pin không phải của Canon), mạch bảo vệ sẽ dừng quá trình sạc và đèn báo màu da cam sẽ nhấp nháy nhanh liên tục. Trong trường hợp (1), tháo sạc pin ra khỏi nguồn. Tháo và lắp lại pin vào sạc. Đợi một lúc rồi cắm lại sạc vào nguồn điện. Nếu vẫn xảy ra trực trực, liên hệ với đại lý hoặc Trung tâm bảo hành gần nhất của Canon.

Đèn báo sạc không nhấp sáng.

- Nếu nhiệt độ của pin cắm trong sạc cao, sạc pin sẽ không hoạt động để đảm bảo an toàn (đèn tắt). Trong quá trình sạc, nếu nhiệt độ pin tăng cao vì bất kỳ lý do nào, sạc pin sẽ tự động ngừng (đèn nhấp nháy). Khi nhiệt độ pin giảm xuống, quá trình sạc sẽ tự động tiếp tục.

Máy ảnh không khởi động ngay cả khi đặt công tắc nguồn thành <ON>.

- Đảm bảo rằng nắp ngăn chứa pin đã đóng (tr.42).
- Đảm bảo rằng pin đã lắp đúng cách vào máy ảnh (tr.42).
- Sạc pin (tr.40).
- Đảm bảo nắp khe cắm thẻ đã đóng (tr.43).

Đèn truy cập vẫn sáng hoặc nhấp nháy ngay cả khi đặt công tắc nguồn thành <OFF>.

- Nếu tắt nguồn khi đang ghi ảnh vào thẻ, đèn truy cập vẫn sáng hoặc tiếp tục nhấp nháy trong vài giây. Khi ghi ảnh xong, nguồn sẽ tự động tắt.

Xuất hiện thông báo [Does this battery/do these batteries display the Canon logo? (Pin có in logo Canon không?)].

- Không sử dụng bất kỳ loại pin nào ngoại trừ Pin LP-E6N/LP-E6 chính hãng Canon.
- Tháo và lắp lại pin (tr.42).
- Nếu điểm tiếp xúc điện của pin bị bẩn, sử dụng khăn vải mềm để lau.

Pin rất nhanh hết.

- Sử dụng pin sạc đầy (tr.40).
- Hiệu suất pin có thể bị giảm. Tham khảo mục [**4: Battery info. (Thông tin pin)**] để kiểm tra mức hiệu suất sạc pin (tr.520). Nếu hiệu suất pin kém, thay pin mới.
- Số ảnh có thể chụp sẽ giảm khi thực hiện bất kỳ thao tác nào sau đây:
 - Nhấn nửa chừng nút chụp trong một khoảng thời gian dài.
 - Thường xuyên kích hoạt lấy nét tự động mà không chụp ảnh.
 - Sử dụng hệ thống ổn định hình ảnh của ống kính.
 - Sử dụng GPS.
 - Sử dụng màn hình LCD thường xuyên.
 - Chụp Live View hoặc quay phim liên tục trong một khoảng thời gian dài.
 - Sử dụng chức năng Wi-Fi/NFC/Bluetooth (giao tiếp không dây).
 - Bật chức năng truyền của thẻ Eye-Fi.

Máy ảnh tự tắt.

- Tự động tắt nguồn đang hoạt động. Nếu bạn không muốn sử dụng tự động tắt nguồn, đặt [**⚡ 2: Auto power off (Tự động tắt nguồn)**] thành [**Disable (Tắt)**] (tr.73).
- Ngay cả khi đặt [**⚡ 2: Auto power off (Tự động tắt nguồn)**] thành [**Disable (Tắt)**], màn hình LCD vẫn tắt khi không sử dụng máy ảnh trong khoảng 30 phút. (Nguồn máy ảnh không tắt.)

Vấn đề trực trực liên quan đến chụp

Không thể lắp ống kính.

- Máy ảnh không thể sử dụng ống kính EF-S hoặc EF-M (tr.53).

Khung ngắm không sáng.

- Lắp pin đã sạc vào máy ảnh (tr.40).

Không thể chụp hoặc ghi ảnh.

- Đảm bảo đã cắm thẻ đúng cách (tr.43).
- Trượt mấu chống ghi của thẻ sang vị trí đặt ghi/xóa (tr.43).
- Nếu thẻ đầy, thay thẻ hoặc xóa những ảnh không cần thiết để có thêm dung lượng trống (tr.43, 432).
- Bạn không thể chụp ảnh khi lấy nét với Lấy nét một lần và đèn báo lấy nét <●> trong khung ngắm nhấp nháy hoặc khi điểm AF hiển thị màu cam trong suốt quá trình chụp Live View/quay phim. Nhấn nửa chừng nút chụp lần nữa để lấy nét tự động lại hoặc lấy nét tay (tr.56, 156).

Không thể sử dụng thẻ.

- Nếu thông báo lỗi thẻ hiển thị, tham khảo trang 45 hoặc 584.

Thông báo lỗi hiển thị khi thẻ được lắp vào máy ảnh khác.

- Do thẻ SDXC được định dạng exFAT, nên nếu bạn định dạng thẻ bằng máy ảnh này rồi lắp thẻ đó vào máy ảnh khác, máy có thể sẽ báo lỗi và không dùng được thẻ.

Phải nhấn nút chụp hai lần để chụp ảnh.

- Đặt [ 4: Mirror lockup (Khóa gương lật)] thành [Disable (Tắt)].

Ảnh bị mất nét hoặc mờ.

- Đặt công tắc chế độ lấy nét của ống kính thành <AF> (tr.53).
- Nhấn nút chụp nhẹ nhàng để tránh rung máy (tr.55, 56).
- Với ống kính có trang bị hệ thống ổn định hình ảnh, đặt công tắc IS thành <ON>.
- Trong điều kiện ánh sáng yếu, tốc độ màn trập có thể trở nên chậm. Bạn có thể sử dụng tốc độ màn trập nhanh hơn (tr.238), đặt tốc độ ISO cao hơn (tr.172), sử dụng flash (tr.280) hoặc chân máy.
- Tham khảo phần “Giảm thiểu ảnh mờ” ở trang 98.

Có ít điểm AF hơn hoặc khung AF theo miền có hình dạng khác.

- Tùy thuộc vào ống kính được gắn, số điểm AF có thể sử dụng, mô hình lấy nét và hình dạng của khung AF theo miền sẽ khác nhau. Các ống kính được xếp thành 8 nhóm từ A đến H (tr.147). Kiểm tra xem ống kính của bạn thuộc nhóm nào. Đối với ống kính trong nhóm từ E đến H, số điểm AF có thể sử dụng sẽ ít hơn (tr.149-150).

Điểm AF nhấp nháy hoặc có hai điểm AF hiển thị.

- Để tìm hiểu về hiện tượng điểm AF bật sáng hoặc nhấp nháy khi nhấn nút  hoặc , tham khảo trang 140.

Điểm AF không chớp sáng đỏ.

- Điểm AF phát sáng đỏ khi bạn chụp dưới ánh sáng yếu hoặc khi lấy được nét trên chủ thể tối.
- Trong chế độ **<P>**, **<Tv>**, **<Av>**, **<M>** hoặc ****, bạn có thể thiết lập để khi lấy được nét điểm AF sẽ chớp sáng đỏ hoặc không (tr.491).

Không thể khóa lấy nét và bố cục lại ảnh.

- Đặt thao tác lấy nét tự động thành lấy nét một lần. Không thể khóa lấy nét trong chế độ lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục/Lấy nét Servo hay khi servo hoạt động trong chế độ lấy nét tự động AI (tr.99, 133).

Tốc độ chụp liên tục chậm.

- Tốc độ chụp khi chụp liên tục tốc độ cao có thể giảm tùy thuộc vào nhiệt độ, mức pin, chức năng giảm nhấp nháy, tốc độ màn trập, khẩu độ, điều kiện chủ thể, độ sáng, thao tác AF, ống kính, chụp Live View, sử dụng flash, thiết lập chức năng chụp, v.v... Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo trang 158 hoặc 160.

Số ảnh chụp liên tục tối đa ít hơn.

- Nếu bạn chụp vật thể có chi tiết nhỏ chẳng hạn như bãi cỏ, kích thước tập tin sẽ lớn hơn và số ảnh chụp liên tục tối đa thực tế có thể thấp hơn số lượng ảnh đề cập ở trang 166.

Ngay cả sau khi đã thay thế, thông số hiển thị số ảnh chụp liên tục tối đa vẫn không thay đổi.

- Số ảnh chụp liên tục tối đa hiển thị trên khung ngắm không đổi khi bạn thay thế, ngay cả khi đó là thẻ tốc độ cao. Số ảnh chụp liên tục tối đa trong bảng ở trang 166 là số liệu dựa trên thẻ thử nghiệm của Canon. (Tốc độ ghi của thẻ càng nhanh, số ảnh chụp liên tục tối đa thực tế càng nhiều.) Do đó, số ảnh chụp liên tục tối đa hiển thị trên khung ngắm có thể sẽ khác so với số lượng thực tế.

Không thể thiết lập ISO 100. Không thể chọn tốc độ ISO mở rộng.

- Nếu đặt [3: Highlight tone priority (Ưu tiên tông màu sáng)] thành [Enable (Bật)], phạm vi tốc độ ISO có thể đặt sẽ là ISO 200 - ISO 40000 (khi chụp ảnh). Ngay cả khi đặt [ISO speed range (Phạm vi tốc độ ISO)] để mở rộng phạm vi thiết lập, bạn không thể chọn L (tương đương ISO 50), H1 (tương đương ISO 51200) hoặc H2 (tương đương ISO 102400). Khi đặt [3: Highlight tone priority (Ưu tiên tông màu sáng)] thành [Disable (Tắt)] (tr.201), có thể thiết lập ISO 100/125/160, L hoặc H1/H2.

Mặc dù đã giảm bù trừ phơi sáng, nhưng ảnh vẫn quá sáng.

- Đặt [2: Auto Lighting Optimizer (Tự động tối ưu hóa ánh sáng)] thành [Disable (Tắt)] (tr.196). Khi đặt thành [Low (Thấp)], [Standard (Tiêu chuẩn)] hoặc [High (Cao)], cho dù bạn đã giảm bù trừ phơi sáng hoặc bù trừ phơi sáng flash, ảnh chụp ra vẫn có thể quá sáng.

Không thể thiết lập bù trừ phơi sáng khi đặt cả phơi sáng chỉnh tay và ISO tự động.

- Tham khảo trang 244 để thiết lập bù trừ phơi sáng.

Tùy chọn hiệu chỉnh quang sai của ống kính không hiển thị hết.

- Trong khi quay phim, [Distortion correction (Hiệu chỉnh méo hình)] hoặc [Diffraction correction (Hiệu chỉnh nhiễu xạ)] sẽ không hiển thị.

Khi sử dụng chế độ <Av> với flash, tốc độ màn trập bị giảm.

- Nếu bạn chụp vào ban đêm khi hậu cảnh tối, tốc độ màn trập sẽ tự động giảm xuống (chụp đồng bộ chậm) để cả chủ thể và hậu cảnh đều được phơi sáng chuẩn. Để tránh tốc độ màn trập chậm, trong [**1: External Speedlite control (Điều khiển đèn Speedlite gắn ngoài)**], đặt [**Flash sync. speed in Av mode (Tốc độ đồng bộ flash trong chế độ Av)**] thành [**1/180-1/60 sec. auto (1/180-1/60 giây tự động)**] hoặc [**1/250 sec. (fixed) (1/250 giây (cố định))**] (tr.284).

Đèn flash không đánh sáng.

- Đảm bảo đèn flash được gắn chắc vào máy ảnh.
- Nếu bạn sử dụng thiết bị flash không phải của Canon để chụp Live View, đặt [**5: Silent LV shoot. (Chụp Live View ngắt tiếng)**] thành [**Disable (Tắt)**] (tr.305).

Flash luôn đánh sáng với công suất tối đa.

- Nếu sử dụng thiết bị flash không phải đèn Speedlite sê-ri EX, flash sẽ luôn đánh sáng với công suất tối đa (tr.281).
- Khi thiết lập chức năng tùy chỉnh flash cho [**Flash metering mode (Chế độ đo sáng flash)**] được đặt thành [**TTL flash metering (Đo sáng flash TTL)**] (flash tự động), đèn flash sẽ luôn đánh sáng với công suất tối đa (tr.288).

Không thể thiết lập bù trừ phơi sáng flash.

- Nếu đã đặt bù trừ phơi sáng flash với đèn Speedlite gắn ngoài, bạn sẽ không thể đặt bù trừ phơi sáng flash bằng máy ảnh. Khi hủy bù trừ phơi sáng flash của đèn Speedlite gắn ngoài (đặt thành 0), bạn có thể đặt bù trừ phơi sáng flash bằng máy ảnh.

Không thể đặt đồng bộ tốc độ cao ở chế độ <Av>.

- Trong [ 1: External Speedlite control (Điều khiển đèn Speedlite gắn ngoài)], đặt [Flash sync. speed in Av mode (Tốc độ đồng bộ flash trong chế độ Av)] thành [Auto (Tự động)] (tr.284).

Bạn không thể chụp điều khiển từ xa.

- Khi chụp ảnh, đặt kiểu chụp thành < > hoặc < 2 > (tr.159). Khi quay phim, đặt [ 5: Remote control (Điều khiển từ xa)] thành [Enable (Bật)] (tr.384).
- Kiểm tra vị trí công tắc hẹn giờ nhả màn trập của bộ điều khiển từ xa.
- Nếu sử dụng Điều khiển từ xa không dây BR-E1, tham khảo trang 275.
- Trong [ 1: Wireless communication settings (Thiết lập giao tiếp không dây)], nếu đặt [Bluetooth function (Chức năng Bluetooth)] thành [Smartphone] hoặc [Remote (Từ xa)], bạn không thể sử dụng bộ điều khiển từ xa hồng ngoại như RC-6 để chụp điều khiển từ xa. Đặt [Bluetooth function (Chức năng Bluetooth)] thành [Disable (Tắt)].
- Để tìm hiểu cách quay phim time-lapse với bộ điều khiển từ xa, tham khảo trang 362.

Màn trập phát ra hai âm thanh nhả khi chụp Live View.

- Nếu sử dụng flash khi chụp Live View, tiếng màn trập sẽ phát ra hai lần cho mỗi lần chụp (tr.294).

Trong khi chụp Live View, biểu tượng màu trắng hoặc màu đỏ hiển thị.

- Biểu thị nhiệt độ bên trong máy ảnh tăng cao. Nếu biểu tượng < > màu trắng hiển thị, chất lượng ảnh có thể xấu đi. Nếu biểu tượng < > màu đỏ hiển thị, chụp Live View sẽ nhanh chóng tự động dừng (tr.325).

Ảnh chụp không hiển thị khi thực hiện chụp liên tục trong quá trình chụp Live View.

- Nếu đặt chất lượng ghi ảnh thành **M RAW** hoặc **S RAW**, ảnh chụp sẽ không hiển thị trong khi chụp liên tục (tr.293).

Trong khi quay phim, biểu tượng màu đỏ hiển thị.

- Biểu thị nhiệt độ bên trong máy ảnh tăng cao. Nếu biểu tượng  màu đỏ hiển thị, quay phim sẽ nhanh chóng tự động dừng (tr.385).

Quay phim tự động dừng lại.

- Nếu tốc độ ghi của thẻ chậm, quay phim có thể tự động dừng. Để tìm hiểu về thẻ nhớ để ghi phim, tham khảo trang 345. Để tìm hiểu tốc độ ghi của thẻ, tham khảo trang web của nhà sản xuất thẻ, v.v...
- Nếu quay phim đạt đến 29 phút 59 giây, máy ảnh sẽ tự động dừng quay phim.

Bạn không thể đặt tốc độ ISO cho quay phim.

- Ở các chế độ khác với **<M>**, tốc độ ISO được đặt tự động. Ở chế độ **<M>**, bạn có thể đặt bằng tay tốc độ ISO (tr.333).

Không thể thiết lập ISO 100 hoặc không thể chọn mở rộng tốc độ ISO trong khi quay phim.

- Nếu đặt [ **3: Highlight tone priority (Ưu tiên tông màu sáng)**] thành [**Enable (Bật)**], phạm vi tốc độ ISO có thể thiết lập sẽ bắt đầu từ ISO 200. Ngay cả khi mở rộng phạm vi thiết lập với [**ISO speed range (Phạm vi tốc độ ISO)**], bạn không thể chọn H1 hoặc H2. Khi đặt [ **3: Highlight tone priority (Ưu tiên tông màu sáng)**] thành [**Disable (Tắt)**] (tr.201), có thể thiết lập ISO 100/125/160 hoặc tốc độ ISO mở rộng.

Tốc độ ISO thiết lập bằng tay thay đổi khi chuyển sang chế độ quay phim.

- Đối với chụp qua khung ngắm và chụp Live View, tốc độ ISO được đặt theo **[ISO speed range (Phạm vi tốc độ ISO)]** trong **[2:  ISO speed settings (Thiết lập tốc độ ISO)]** (tr.175). Đối với quay phim, tốc độ ISO được đặt theo **[ISO speed range (Phạm vi tốc độ ISO)]** trong **[2: ' ISO speed settings ('Thiết lập tốc độ ISO)]** (tr.374).

Phơi sáng thay đổi trong khi quay phim.

- Nếu thay đổi tốc độ màn trập hoặc khẩu độ trong khi quay phim, thay đổi của phơi sáng có thể sẽ được ghi lại.
- Bạn nên quay thử một vài đoạn phim nếu muốn thực hiện zoom trong quá trình quay phim. Zoom trong khi quay phim có thể dẫn tới thay đổi độ phơi sáng, tiếng ồn thao tác ống kính hoặc hình ảnh có thể bị mất nét.

Xuất hiện nhấp nháy ảnh hoặc đường sọc ngang trong khi quay phim.

- Nhấp nháy, đường sọc ngang (nhiều) hoặc phơi sáng không đều có thể xuất hiện do ánh đèn huỳnh quang, đèn LED hoặc các nguồn sáng khác trong khi quay phim. Ngoài ra, các thay đổi của phơi sáng (độ sáng) hoặc tông màu cũng có thể được ghi lại. Ở chế độ **<M>**, tốc độ màn trập chậm có thể giảm thiểu các trục trặc này. Vấn đề có thể sẽ nghiêm trọng hơn khi quay phim time-lapse.

Chủ thể bị méo trong khi quay phim.

- Nếu bạn di chuyển máy ảnh sang trái hoặc sang phải (lìu máy) hoặc chụp chủ thể chuyển động, ảnh có thể bị méo. Vấn đề có thể sẽ nghiêm trọng hơn khi quay phim time-lapse.

Không thể chụp ảnh trong khi quay phim.

- Ảnh không chụp được trong khi quay phim. Để chụp ảnh, dừng quay phim rồi thực hiện chụp qua khung ngắm hoặc chụp Live View.

Wi-Fi

Không thể thiết lập chức năng Wi-Fi.

- Không thể thiết lập chức năng Wi-Fi nếu kết nối máy ảnh với máy tính hoặc thiết bị khác bằng cáp nối (bán riêng). Ngắt kết nối cáp trước khi thiết lập bất kỳ chức năng nào. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo “Hướng dẫn sử dụng chức năng Wi-Fi (Giao tiếp không dây)” (tr.4).

Vấn đề trực trực khi thao tác

Không thể thay đổi thiết lập với nút < 

- Gạt công tắc <LOCK> xuống (nhả khóa) (tr.59).
- Kiểm tra thiết lập [**4: Multi function lock (Khóa đa chức năng)**] (tr.90).

Không thể thực hiện thao tác cảm ứng.

- Đảm bảo đã đặt [**4: Touch control (Điều khiển cảm ứng)**] thành [**Standard (Tiêu chuẩn)**] hoặc [**Sensitive (Nhạy)**] (tr.69).

Nút hoặc nút xoay của máy ảnh không hoạt động như mong muốn.

- Khi quay phim, kiểm tra thiết lập [**4:  btn function (Chức năng nút )**] (tr.380).
- Kiểm tra thiết lập [**C.Fn III-4: Custom Controls (Điều khiển tùy chỉnh)**] (tr.500).

Vấn đề trực trực về hiển thị

Màn hình menu hiển thị ít tab và tùy chọn hơn.

- Một số tab và tùy chọn nhất định không hiển thị trong chế độ vùng cơ bản hoặc chế độ chụp Live View và quay phim.

Màn hình hiển thị bắt đầu với Danh mục riêng [★] hoặc chỉ có tab [★] xuất hiện.

- Trong tab [★], [**Menu display (Hiển thị menu)**] được đặt thành [**Display from My Menu tab (Hiển thị từ tab Danh mục riêng)**] hoặc [**Display only My Menu tab (Chỉ hiển thị tab Danh mục riêng)**]. Đặt [**Normal display (Hiển thị bình thường)**] (tr.512).

Ký tự đầu tiên trong tên tập tin là dấu gạch dưới (“_”).

- Đặt [ 2: Color space (Không gian màu)] thành [sRGB]. Nếu đặt thành [Adobe RGB], ký tự đầu tiên sẽ là dấu gạch dưới (tr.210).

Tên tập tin bắt đầu bằng “MVI_”.

- Đây là tập tin phim (tr.213).

Số thứ tự tập tin không bắt đầu từ 0001.

- Nếu thẻ đã chứa ảnh, số thứ tự ảnh có thể không bắt đầu từ 0001 (tr.213).

Ngày và giờ chụp hiển thị không chính xác.

- Đảm bảo ngày và giờ được đặt chính xác (tr.49).
- Kiểm tra múi giờ và giờ mùa hè (tr.50, 51).

Ngày và giờ không xuất hiện trong ảnh.

- Ngày và giờ chụp không xuất hiện trong ảnh. Ngày và giờ được ghi vào dữ liệu ảnh thành thông tin chụp. Khi in ảnh, bạn có thể in ngày và giờ vào ảnh bằng cách sử dụng ngày và giờ được ghi trong thông tin chụp (tr.460).

Khi [###] hiển thị.

- Nếu số lượng ảnh đã ghi trên thẻ vượt quá số lượng ảnh có thể hiển thị, [###] sẽ xuất hiện.

Trong khung ngắm, tốc độ hiển thị điểm AF chậm.

- Ở điều kiện nhiệt độ thấp, điểm AF có thể hiển thị chậm hơn do đặc tính của thiết bị hiển thị điểm AF (tinh thể lỏng). Tốc độ hiển thị sẽ trở lại bình thường ở điều kiện nhiệt độ phòng.

Màn hình LCD không hiển thị ảnh rõ ràng.

- Nếu màn hình LCD bị bẩn, sử dụng khăn vải mềm để lau màn hình.
- Màn hình LCD có thể hiển thị hơi chậm trong điều kiện nhiệt độ thấp hoặc trông đen hơn trong điều kiện nhiệt độ cao. Máy ảnh sẽ trở lại bình thường ở điều kiện nhiệt độ phòng.

[Eye-Fi settings (Thiết lập Eye-Fi)] không xuất hiện.

- [**1: Eye-Fi settings (Thiết lập Eye-Fi)**] chỉ xuất hiện khi cắm thẻ Eye-Fi vào máy ảnh. Nếu đặt mấu chống ghi của thẻ Eye-Fi đến vị trí LOCK, bạn sẽ không thể kiểm tra trạng thái kết nối của thẻ hoặc tắt truyền Eye-Fi (tr.526).
- Không thể truyền ảnh với thẻ Eye-Fi nếu đặt [**Enable (Bật)**] cho [**Wi-Fi**] trong [**Wi-Fi Settings (Thiết lập Wi-Fi)**] tại [**1:Wireless Communication settings (Thiết lập giao tiếp không dây)**].

Vấn đề trực trực khi xem lại

Một phần ảnh nhấp nháy màu đen.

- [ 3: Highlight alert (Cảnh báo vùng sáng)] được đặt thành [Enable (Bật)] (tr.399).

Ô vuông màu đỏ hiển thị trên ảnh.

- [ 3: AF point disp. (Hiển thị điểm AF)] được đặt thành [Enable (Bật)] (tr.399).

Trong khi xem lại ảnh, điểm AF không hiển thị.

- Điểm AF không hiển thị khi xem lại các ảnh sau:
 - Ảnh chụp trong các chế độ <SCN:    >.
 - Ảnh chụp có áp dụng hiệu chỉnh méo hình.
 - Ảnh chụp có áp dụng Ghép nhiều ảnh để giảm nhiễu.
 - Ảnh đã cắt.

Không thể xóa ảnh.

- Nếu ảnh được bảo vệ, bạn không thể xóa ảnh (tr.411).

Không thể xem lại ảnh và phim.

- Máy ảnh không thể mở ảnh chụp bằng máy ảnh khác.
- Phim đã chỉnh sửa bằng máy tính không thể phát lại trên máy ảnh.

Chỉ xem được một số ít ảnh.

- Ảnh đã được lọc để xem lại bằng [ 2: Set image search conditions (Thiết lập điều kiện tìm kiếm ảnh)] (tr.404). Xóa các điều kiện tìm kiếm ảnh.

Có thể nghe thấy tiếng ồn thao tác và âm thanh hoạt động của máy ảnh trong khi xem lại phim.

- Khi quay phim, tiếng ồn xoay nút xoay hoặc thao tác ống kính có thể bị ghi lại. Nên sử dụng Micro thu âm stereo định hướng DM-E1 (bán riêng) (tr.349).

Phim xuất hiện dừng hình trong giây lát.

- Nếu có thay đổi đáng kể về mức phơi sáng trong khi quay phim phơi sáng tự động, phim sẽ dừng trong giây lát cho đến khi độ sáng ổn định. Trong trường hợp này, quay phim ở chế độ <M> (tr.332).

Không có hình ảnh hiển thị trên TV.

- Đảm bảo rằng [**V**3: **Video system (Hệ thống video)**] được đặt chính xác thành [**For NTSC (Đối với NTSC)**] hoặc [**For PAL (Đối với PAL)**] (tùy thuộc vào hệ thống video của TV).
- Đảm bảo đã cắm chặt đầu cắm của cáp HDMI (tr.429).

Có nhiều tập tin phim trong một lần quay phim.

- Nếu kích thước tập tin phim đạt đến 4 GB, một tập tin phim khác sẽ được tạo tự động (tr.347). Tuy nhiên, nếu sử dụng thẻ SDXC đã định dạng với máy ảnh này, bạn có thể ghi phim thành một tập tin ngay cả khi kích thước hơn 4 GB.

Đầu đọc thẻ không nhận thẻ.

- Tùy thuộc vào đầu đọc thẻ và hệ điều hành máy tính, thẻ SDXC có thể không được nhận dạng đúng. Trong trường hợp này, kết nối máy ảnh với máy tính bằng cáp nối (bán riêng), rồi truyền ảnh đến máy tính bằng cách sử dụng EOS Utility (phần mềm EOS, tr.610).

Không thể xử lý ảnh RAW.

- Ảnh **M RAW** và **S RAW** không xử lý được trên máy ảnh. Sử dụng phần mềm Digital Photo Professional (phần mềm EOS, tr.610) để xử lý những ảnh này.

Không thể thay đổi cỡ ảnh.

- Bạn không thể thay đổi cỡ ảnh JPEG **S2** và **RAW** bằng máy ảnh này (tr.446).

Không thể cắt ảnh.

- Bạn không thể cắt ảnh RAW bằng máy ảnh này (tr.448).

Các điểm sáng xuất hiện trên ảnh.

- Các chấm sáng màu trắng, đỏ, xanh da trời hoặc màu khác có thể xuất hiện trên ảnh nếu bộ phận cảm biến bị ảnh hưởng bởi bức xạ vũ trụ, v.v... Bạn có thể giảm các chấm sáng này bằng cách thực hiện [**Clean now**  (**Làm sạch ngay** )] trong [**4: Sensor cleaning (Làm sạch cảm biến)**] (tr.452).

Vấn đề trực trực về làm sạch cảm biến

Màn trập phát ra âm thanh trong khi làm sạch cảm biến.

- Trong [**4: Sensor cleaning (Làm sạch cảm biến)**], khi chọn [**Clean now**  (**Làm sạch ngay** )], màn trập sẽ phát ra âm thanh khi đang làm sạch, nhưng sẽ không có ảnh nào được ghi vào thẻ nhớ (tr.452).

Chức năng làm sạch cảm biến tự động không hoạt động.

- Nếu bạn liên tục chuyển công tắc nguồn <ON> và <OFF> trong khoảng thời gian ngắn, biểu tượng < > có thể sẽ không hiển thị (tr.47).

Vấn đề trực trực khi kết nối với máy tính

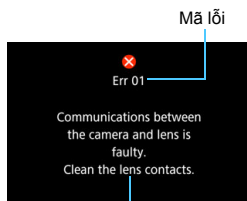
Không thể truyền ảnh vào máy tính.

- Cài đặt EOS Utility (phần mềm EOS) trên máy tính (tr.612).
- Nếu đã kết nối qua Wi-Fi, máy ảnh sẽ không thể giao tiếp qua cáp nối (bán riêng) với máy tính.

Giao tiếp giữa máy ảnh và máy tính được kết nối không hoạt động.

- Khi sử dụng EOS Utility (Phần mềm EOS), đặt [**5: Time-lapse movie (Phim time-lapse)**] thành [**Disable (Tắt)**] (tr.352).

Mã lỗi



Nếu máy ảnh gặp trục trặc, thông báo lỗi sẽ xuất hiện. Thực hiện theo hướng dẫn trên màn hình.

Nguyên nhân và biện pháp giải quyết

Mã	Thông báo lỗi và cách giải quyết
01	Communications between the camera and lens is faulty. Clean the lens contacts. (Lỗi giao tiếp giữa máy ảnh và ống kính. Làm sạch các điểm tiếp xúc.) → Lau tất cả tiếp xúc điện trên máy ảnh và ống kính, sử dụng ống kính chính hãng của Canon hoặc tháo và lắp lại pin (tr.27, 28, 42).
02	Card cannot be accessed. Reinsert/change card or format card with the camera. (Không thể truy cập thẻ. Lắp lại/thay đổi thẻ hoặc định dạng thẻ bằng máy ảnh.) → Tháo và lắp lại thẻ, thay thẻ hoặc định dạng thẻ (tr.43, 70).
04	Cannot save images because card is full. Replace card. (Không thể lưu ảnh vì thẻ nhớ đầy. Thay thẻ.) → Thay thẻ, xóa ảnh không cần thiết hoặc định dạng thẻ (tr.43, 432, 70).
06	Sensor cleaning could not be performed. Turn the camera off and on again. (Không thể làm sạch cảm biến. Tắt máy ảnh rồi bật lại.) → Thao tác công tắc nguồn (tr.47).
10, 20 30, 40 50, 60 70, 80 99	An error prevented shooting. Turn the camera off and on again or re-install the battery. (Không thể chụp do lỗi. Tắt máy ảnh rồi bật lại hoặc lắp lại pin.) → Thao tác công tắc nguồn, tháo và lắp lại pin hoặc sử dụng ống kính Canon (tr.47, 42).

* Nếu thông báo lỗi vẫn xuất hiện sau khi thực hiện theo các hướng dẫn trên, hãy ghi lại mã lỗi và liên hệ với Trung tâm bảo hành gần nhất của Canon.

Thông số kỹ thuật

• Loại

Loại:	Máy ảnh kỹ thuật số phản xạ ống kính đơn AF/AE
Phương tiện ghi:	Thẻ nhớ SD/SDHC*/SDXC* * Tương thích với thẻ UHS-I.
Kích thước cảm biến ảnh:	Khoảng 35,9 x 24,0 mm
Ống kính tương thích:	Ống kính Canon EF * Không bao gồm ống kính EF-S và EF-M (Góc ngắm hiệu dụng của ống kính tương đương với góc ngắm của tiêu cự được ghi ở đây.)
Ngàm ống kính:	Ngàm Canon EF

• Cảm biến ảnh

Loại:	Cảm biến CMOS
Số điểm ảnh hiệu dụng:	Khoảng 26,2 megapixel * Làm tròn điểm ảnh đến 5 số sau dấu phẩy.
Tỷ lệ khung ảnh:	3:2
Xóa bụi:	Tự động/Bằng tay, Thêm dữ liệu xóa bụi

• Hệ thống ghi

Định dạng ghi:	Quy tắc thiết kế cho Hệ thống tập tin máy ảnh (DCF) 2.0
Loại ảnh:	JPEG, RAW (bản gốc Canon 14 bit), có thể ghi đồng thời ảnh RAW+JPEG
Độ phân giải được ghi:	L (Lớn) : Khoảng 26,0 megapixel (6240 x 4160) M (Trung bình) : Khoảng 11,5 megapixel (4160 x 2768) S1 (Nhỏ 1) : Khoảng 6,5 megapixel (3120 x 2080) S2 (Nhỏ 2) : Khoảng 3,8 megapixel (2400 x 1600) RAW : Khoảng 26,0 megapixel (6240 x 4160) M-RAW : Khoảng 14,6 megapixel (4680 x 3120) S-RAW : Khoảng 6,5 megapixel (3120 x 2080) * Làm tròn điểm ảnh đến 5 số sau dấu phẩy.
Tỷ lệ khung ảnh:	3:2, 4:3, 16:9, 1:1
Tạo và chọn thư mục:	Có thể
Đánh số thứ tự tập tin:	Kế tiếp, Tự động đặt lại, Đặt lại bằng tay

• Xử lý ảnh trong khi chụp

Kiểu ảnh:	Tự động, Tiêu chuẩn, Chân dung, Phong cảnh, Chi tiết nhỏ, Trung tính, Chân thực, Đơn sắc, Người dùng xác định 1- 3
Cân bằng trắng:	Tự động (Ưu tiên môi trường), Tự động (Ưu tiên màu trắng), Đặt trước (Ánh sáng ban ngày, Bóng râm, Nhiều mây, Đèn dây tóc, Đèn huỳnh quang trắng, Flash), Tùy chỉnh, Thiết lập nhiệt độ màu (khoảng 2500-10000K) Cung cấp tính năng hiệu chỉnh cân bằng trắng và cân bằng trắng hỗn hợp * Có thể truyền thông tin nhiệt độ màu flash
Chỉnh độ sáng ảnh tự động:	Có thể đặt Tự động tối ưu hóa ánh sáng
Giảm nhiễu:	Có thể áp dụng cho các ảnh chụp tốc độ ISO cao và phơi sáng lâu
Ưu tiên tông màu sáng:	Được cung cấp
Hiệu chỉnh quang sai của ống kính:	Hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi, Hiệu chỉnh sắc sai, Hiệu chỉnh méo hình, Hiệu chỉnh nhiễu xạ

• Khung ngắm

Loại:	Lăng kính năm mặt ngang tầm mắt
Phạm vi trường nhìn:	Chiều dọc/chiều ngang khoảng 98% (với điểm đặt mắt khoảng 21 mm và tỷ lệ khung ảnh được đặt thành 3:2)
Hệ số phóng to:	Khoảng 0,71x (-1 m^{-1} với ống kính 50mm ở vô cực)
Điểm đặt mắt:	Khoảng 21 mm (từ trung tâm ống thị kính ở -1 m^{-1})
Phạm vi điều chỉnh độ khúc xạ:	Khoảng -3,0 - +1,0 m^{-1} (dpt)
Màn hình lấy nét:	Cố định, loại Precision Matte
Hiển thị khung lưới:	Được cung cấp
Cân bằng điện tử:	Được cung cấp
Màn hình thiết lập chức năng:	Mức pin (dung lượng còn lại), Chế độ chụp, Thao tác AF, Chất lượng ảnh (Loại ảnh), Kiểu chụp, Chế độ đo sáng, Nhận diện nhấp nháy, Hiển thị Cảnh báo!
Gương lật:	Loại trả về nhanh
Xem trước độ sâu trường ảnh:	Được cung cấp

• Lấy nét tự động (trong khi chụp qua khung ngắm)

Loại:	Đăng ký ảnh thứ cấp TTL, phát hiện lệch pha với cảm biến AF riêng
Điểm AF:	Tối đa 45 điểm (Điểm AF chữ thập: Tối đa 45 điểm) * Số điểm AF, điểm AF chữ thập đúp và điểm AF chữ thập khả dụng sẽ thay đổi theo ống kính được sử dụng. * Lấy nét chữ thập đúp ở f/2.8 với điểm AF trung tâm khi sử dụng ống kính nhóm A (của nhóm AF).
Phạm vi quét sáng lấy nét:	EV -3 - 18 (với điểm AF trung tâm hỗ trợ f/2.8, Lấy nét một lần, nhiệt độ phòng, ISO 100)
Thao tác lấy nét:	Lấy nét một lần, Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục, Lấy nét tự động AI, Lấy nét tay (MF)
Chế độ chọn vùng AF:	AF một chấm điểm (chọn bằng tay), AF một điểm (chọn bằng tay), AF theo vùng (chọn vùng bằng tay), AF theo vùng lớn (chọn vùng bằng tay), AF tự động chọn
Điều kiện tự động chọn điểm AF:	Có thể sử dụng Tự động chọn điểm AF dựa trên thông tin về màu tương đồng với tông màu da người
Đặc tính lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục:	Có thể thiết lập đặc tính với Chức năng tùy chỉnh cho Độ nhạy theo dõi, Tăng/giảm tốc độ theo dõi và Tự động chuyển đổi điểm AF
Tinh chỉnh AF:	Vi chỉnh AF (Tất cả ống kính với cùng một lượng, Điều chỉnh theo ống kính)
Tia giúp lấy nét:	Bảng đèn Speedlite gắn ngoài dành riêng cho máy EOS

• Điều khiển phơi sáng

Chế độ đo sáng:	Cảm biến đo sáng RGB+IR khoảng 7.560 pixel và kiểu đo sáng khẩu độ mở TTL 63 vùng • Đo sáng toàn khung ảnh (liên kết tới tất cả các điểm AF) • Đo sáng từng phần (khoảng 6,5% khung ngắm tại trung tâm) • Đo sáng điểm (khoảng 3,2% khung ngắm tại trung tâm) • Đo sáng trung bình trung tâm
Phạm vi quét sáng đo sáng:	EV 1 - 20 (ở nhiệt độ phòng, ISO 100)

Chế độ chụp:	Chế độ vùng cơ bản: Tự động nhận cảnh thông minh, Tự động sáng tạo, Cảnh đặc biệt (Chân dung, Ảnh nhóm, Phong cảnh, Thể thao, Trẻ em, Lia máy, Cận cảnh, Đồ ăn, Ảnh nền, Chân dung ban đêm, Chụp đêm cầm tay, Chỉnh ngược sáng HDR) Chế độ vùng sáng tạo: Phơi sáng tự động P, Tự động phơi sáng ưu tiên tốc độ màn trập, Tự động phơi sáng ưu tiên khẩu độ, Phơi sáng chỉnh tay, Phơi sáng bulb, Chế độ chụp tùy chỉnh (C1/C2)
Tốc độ ISO (Chỉ số phơi sáng khuyến dùng):	Chế độ vùng cơ bản: Tốc độ ISO được thiết lập tự động P, Tv, Av, M, B: Cung cấp ISO tự động, thiết lập bằng tay ISO 100 - ISO 40000 (với mức tăng 1/3 hoặc một điểm dừng) và có thể mở rộng đến L (tương đương ISO 50), H1 (tương đương ISO 51200), H2 (tương đương ISO 102400). * Khi thiết lập ưu tiên tông màu sáng, mức thấp nhất sẽ là ISO 200.
Thiết lập tốc độ ISO:	Phạm vi tốc độ ISO, Phạm vi tự động và giới hạn tốc độ tối thiểu có thể đặt tự động
Bù trừ phơi sáng:	Chỉnh tay: Chụp qua khung ngắm: ± 5 điểm dừng ở mức tăng 1/3 hoặc 1/2 điểm dừng Chụp Live View: ± 3 điểm dừng ở mức tăng 1/3 hoặc 1/2 điểm dừng AEB (Tự động phơi sáng hỗn hợp): ± 3 điểm dừng ở mức tăng 1/3 hoặc 1/2 điểm dừng (có thể kết hợp với bù trừ phơi sáng bằng tay)
Khóa phơi sáng:	Tự động: Có thể bật hoặc tắt khóa phơi sáng khi lấy được nét cho từng chế độ đo sáng với Chức năng tùy chỉnh Chỉnh tay: Bằng nút khóa phơi sáng
Giảm nhấp nháy:	Được cung cấp
Hẹn giờ ngắt quãng:	Có thể thiết lập quãng chụp và số ảnh chụp
Hẹn giờ bulb:	Có thể thiết lập thời gian phơi sáng bulb
Khóa gương lật:	Được cung cấp

• Chụp HDR

Điều chỉnh dải tương phản Tự động, ± 1 , ± 2 , ± 3 động:

Hiệu ứng: Tự nhiên, Tiêu chuẩn nghệ thuật, Rực rỡ nghệ thuật, In đậm nghệ thuật, Chạm nổi nghệ thuật

Tự động căn chỉnh ảnh: Được cung cấp

• Ảnh ghép phơi sáng

Số ảnh chụp ghép phơi 2 đến 9 ảnh sáng còn lại:

Điều khiển cách ghép Thêm, trung bình ảnh:

• Màn trập

Loại:

Tốc độ màn trập:

Màn trập mặt phẳng tiêu cự, điều khiển điện tử
1/4000 giây đến 30 giây (tổng phạm vi tốc độ màn trập; phạm vi khả dụng thay đổi theo chế độ chụp), phơi sáng bulb, đồng bộ flash ở 1/180 giây

• Hệ thống kiểu chụp

Kiểu chụp:

Chụp từng ảnh, Chụp liên tục tốc độ cao, Chụp liên tục tốc độ thấp, Chụp từng ảnh ngắt tiếng, Chụp liên tục ngắt tiếng, Hẹn giờ 10 giây/điều khiển từ xa, Hẹn giờ 2 giây/điều khiển từ xa, Chụp hẹn giờ: Liên tục

Tốc độ chụp liên tục:

Chụp liên tục tốc độ cao: Tối đa khoảng 6,5 ảnh/giây

* Tốc độ chụp liên tục sẽ giảm khi sử dụng chụp chống nhấp nháy, chụp Live View kết hợp lấy nét Servo hoặc chụp Live View với đèn Speedlite gắn ngoài.

* Tốc độ chụp liên tục khi chụp liên tục tốc độ cao có thể sẽ giảm tùy thuộc vào nhiệt độ, mức pin, chức năng giảm nhấp nháy, tốc độ màn trập, khẩu độ, điều kiện chủ thể, độ sáng, thao tác AF, ống kính, sử dụng flash, thiết lập chức năng chụp, v.v...

Chụp liên tục tốc độ thấp: Tối đa khoảng 3,0 ảnh/giây

* Tốc độ chụp liên tục giảm khi chụp Live View với đèn Speedlite gắn ngoài.

* Chế độ lia máy khi chụp qua khung ngắm: Tối đa khoảng 4,3 ảnh/giây, khi chụp Live View: Tối đa khoảng 2,7 ảnh/giây (ở tốc độ màn trập 1/30 giây, với khẩu độ tối đa)

Chụp liên tục ngắt tiếng: Tối đa khoảng 3,0 ảnh/giây

Số ảnh chụp liên tục tối đa:

JPEG Lớn/Đẹp: Khoảng 110 ảnh (Khoảng 150 ảnh)

RAW: Khoảng 18 ảnh (Khoảng 21 ảnh)

RAW+JPEG Lớn/Đẹp: Khoảng 17 ảnh (Khoảng 19 ảnh)

- * Dựa trên tiêu chuẩn thử nghiệm thẻ SD của Canon (Tiêu chuẩn: 8GB, Tốc độ cao: 16 GB, tương thích với UHS-I) và điều kiện tiêu chuẩn thử nghiệm (Chụp liên tục tốc độ cao, ISO 100, Kiểu ảnh tiêu chuẩn).
- * Số liệu trong dấu ngoặc đơn là số lượng ảnh khi áp dụng tiêu chuẩn thử nghiệm thẻ UHS-I SD của Canon.

• Đèn Speedlite gắn ngoài

Đèn Speedlite tương thích:	Đèn Speedlite sê-ri EX
Đo sáng flash:	Flash tự động E-TTL II
Bù trừ phơi sáng flash:	± 3 điểm dừng với mức tăng 1/3 hoặc 1/2 điểm dừng
Khóa phơi sáng flash:	Được cung cấp
Cổng cho máy tính:	Không được cung cấp
Điều khiển flash:	Thiết lập chức năng flash, Thiết lập chức năng tùy chỉnh flash

• Chụp Live View

Phương pháp lấy nét:	Lấy nét tự động CMOS pixel đôi
Thao tác AF:	Lấy nét một lần, Lấy nét Servo
Phương pháp AF:	Khuôn mặt+Theo dõi, Vùng mờ, AF 1 điểm Live Lấy nét tay (có thể phóng to khoảng 5x và 10x để kiểm tra lấy nét)
Phạm vi quét sáng lấy nét:	EV -2,5 - 18 (ở nhiệt độ phòng, ISO 100, Lấy nét một lần)
Chế độ đo sáng:	Đo sáng toàn khung ảnh (315 vùng), Đo sáng từng phần (khoảng 6,3% màn hình Live View), Đo sáng điểm (khoảng 2,7% màn hình Live View), Đo sáng trung bình trung tâm
Phạm vi quét sáng đo sáng:	EV 0 - 20 (ở nhiệt độ phòng, ISO 100)
Chụp Live View ngắt tiếng:	Được cung cấp (Chế độ 1 và 2)
Chạm để chụp:	Được cung cấp
Hiển thị khung lưới:	3 loại

• Quay phim

Định dạng ghi:	MP4
Phim:	* Đối với phim time-lapse: Định dạng MOV
	MPEG-4 AVC/H.264
	Tỷ lệ bit (Trung bình) có thể thay đổi
	* Đối với phim time-lapse 4K: Motion JPEG
Âm thanh:	AAC
Kích thước ghi phim:	Full HD (1920x1080), HD (1280x720)
	* Đối với phim time-lapse: Có thể chọn 4K (3840x2160) và Full HD
Tốc độ khung hình:	59,94p/29,97p/23,98p (với NTSC)
	50,00p/25,00p (với PAL)
Phương pháp nén:	Tiêu chuẩn (IPB), Nhẹ (IPB)
	* Đối với phim time-lapse 4K: Motion JPEG / Phim time-lapse Full HD: ALL-I (Để chỉnh sửa/I-only)
Tốc độ bit:	[MP4]
	Full HD (59,94p/50,00p)/Tiêu chuẩn (IPB)
	: Khoảng 60 Mbps
	Full HD (29,97p/25,00p/23,98p)/Tiêu chuẩn (IPB)
	: Khoảng 30 Mbps
	Full HD (29,97p/25,00p)/Nhẹ (IPB)
	: Khoảng 12 Mbps
	HD (59,94p/50,00p)/Tiêu chuẩn (IPB):
	Khoảng 26 Mbps
	HD (29,97p/25,00p)/Nhẹ (IPB)
	: Khoảng 4 Mbps
	[MOV]
	Phim time-lapse 4K (29,97p/25,00p)
	: Khoảng 500 Mbps
	Phim time-lapse Full HD (29,97p/25,00p)
	: Khoảng 90 Mbps
Yêu cầu hiệu suất thẻ:	[Movie (Phim)] (Tốc độ ghi/đọc)
	Full HD (59,94p/50,00p)/Tiêu chuẩn (IPB)
	: SD Speed Class 10 hoặc nhanh hơn
	Full HD (29,97p/25,00p/23,98p)/Tiêu chuẩn (IPB)
	: SD Speed Class 6 hoặc nhanh hơn
	Full HD (29,97p/25,00p)/Nhẹ (IPB)
	: SD Speed Class 4 hoặc nhanh hơn
	HD (59,94p/50,00p)/Tiêu chuẩn (IPB)
	: SD Speed Class 6 hoặc nhanh hơn
	HD (29,97p/25,00p)/Nhẹ (IPB)
	: SD Speed Class 4 hoặc nhanh hơn

	[Time-lapse movie (Phim time-lapse)] (Tốc độ đọc) Phim time-lapse 4K (29,97p/25,00p) : UHS-I 90 MB/giây hoặc nhanh hơn Phim time-lapse Full HD (29,97p/25,00p) : UHS-I Speed Class 3 hoặc nhanh hơn
Phương pháp lấy nét:	Lấy nét tự động CMOS pixel đôi
Phương pháp AF:	Khuôn mặt+Theo dõi, Vùng mờ, AF 1 điểm Live Lấy nét tay (có thể phóng to khoảng 5x và 10x để kiểm tra lấy nét)
Lấy nét servo phim:	Có thể * Với Lấy nét Servo phim, có thể thiết lập theo dõi chủ thể và tốc độ AF.
Chống rung khi quay phim:	Có thể (Bật/Mạnh)
Phạm vi quét sáng lấy nét:	EV -2,5 - 18 (ở nhiệt độ phòng, ISO 100, Lấy nét một lần, 29,97 fps)
Chế độ đo sáng:	Đo sáng trung bình trung tâm và Đo sáng toàn khung ảnh với cảm biến hình ảnh * Đặt tự động theo phương pháp lấy nét
Phạm vi quét sáng đo sáng:	EV 0 - 20 (ở nhiệt độ phòng, ISO 100, đo sáng trung bình trung tâm)
Điều khiển phơi sáng:	Quay phim phơi sáng tự động (Phơi sáng tự động P cho quay phim), phơi sáng chỉnh tay
Bù trừ phơi sáng:	±3 điểm dừng với mức tăng 1/3 hoặc 1/2 điểm dừng
Tốc độ ISO	Tự động nhận cảnh thông minh, Tự động sáng tạo: Tự động thiết lập trong khoảng ISO 100 - ISO 25600
(Chỉ số phơi sáng khuyến dùng):	P/Tv/Av/B: Tự động thiết lập trong khoảng ISO 100 - ISO 25600, có thể thiết lập mức cao nhất trong khoảng ISO 6400 - H2 (tương đương ISO 102400). M: ISO tự động (tự động thiết lập trong khoảng ISO 100 - ISO 25600), Thiết lập bằng tay trong khoảng ISO 100 - ISO 25600 (với mức tăng 1/3 hoặc một điểm dừng), có thể mở rộng đến H (tương đương ISO 32000/40000), H1 (tương đương ISO 51200) và H2 (tương đương ISO 102400) * Khi thiết lập ưu tiên tông màu sáng, mức thấp nhất sẽ là ISO 200. * Phạm vi có thể thiết lập khác nhau đối với quay phim time-lapse.

Thiết lập tốc độ ISO:	Đối với quay phim, có thể thiết lập phạm vi tốc độ ISO, mức cao nhất cho ISO tự động và mức cao nhất cho quay phim time-lapse với ISO tự động
Ghi âm:	Cung cấp micro stereo tích hợp, giắc cắm micro stereo gắn ngoài Có thể điều chỉnh mức ghi âm, bộ lọc gió đi kèm, bộ tiêu âm đi kèm
Hiển thị khung lưới:	3 loại
Quay phim HDR:	Tự động thiết lập ở các chế độ SCN
Phim time-lapse:	Có thể thiết lập Chất lượng ghi phim (4K, Full HD), Quãng quay (giờ, phút, giây), Số ảnh chụp, Phơi sáng tự động (Khung hình đầu tiên được cố định, Mỗi khung hình), Tự động tắt LCD và Bíp khi chụp ảnh.
Video quay nhanh:	Được cung cấp (2 giây, 4 giây, 8 giây)
Chụp điều khiển từ xa:	Được cung cấp
Chụp ảnh:	Không sử dụng được trong khi quay phim

• Màn hình LCD

Loại:	Màn hình tinh thể lỏng, màu TFT
Kích thước và số điểm ảnh màn hình:	Rộng 3,0 in. (3:2) với khoảng 1,04 triệu điểm ảnh
Điều chỉnh độ sáng:	Bằng tay (7 mức)
Cân bằng điện tử:	Được cung cấp
Ngôn ngữ giao diện:	25
Màn hình cảm ứng:	Cảm biến điện dung
Hướng dẫn chế độ chụp:	Có thể thiết lập bật/tắt hiển thị
Hướng dẫn tính năng:	Có thể thiết lập bật/tắt hiển thị
Hiển thị trợ giúp:	Được cung cấp * Có thể thiết lập cỡ chữ cho màn hình Trợ giúp

• Phát lại

Định dạng hiển thị ảnh:	Hiển thị từng ảnh (không có thông tin chụp), Hiển thị từng ảnh (có thông tin cơ bản), Hiển thị từng ảnh (Hiển thị thông tin chụp: Thông tin chi tiết, Ống kính/biểu đồ, Cân bằng trắng, Kiểu ảnh 1, Kiểu ảnh 2, Không gian màu/giảm nhiễu hạt, Hiệu chỉnh quang sai của ống kính, Thông tin GPS), Hiển thị bảng kê (4/9/36/100 ảnh)
-------------------------	---

Cảnh báo vùng sáng:	Khu vực dư sáng sẽ nhấp nháy
Hiển thị điểm AF:	Cung cấp (có thể không hiển thị tùy thuộc vào điều kiện chụp)
Hiển thị khung lưới:	3 loại
Xem phóng to:	Khoảng 1,5x-10x, có thể đặt vị trí và hệ số phóng to ban đầu
Tìm kiếm ảnh:	Có thể thiết lập điều kiện tìm kiếm (bằng xếp hạng, ngày tháng, thư mục, được bảo vệ, loại tập tin)
Phương pháp duyệt ảnh:	1 ảnh, 10 ảnh, Số chỉ định, Ngày tháng, Thư mục, Phim, Ảnh, Bảo vệ, Xếp hạng
Xoay ảnh:	Được cung cấp
Chống xóa ảnh:	Được cung cấp
Xếp hạng:	Được cung cấp
Phát lại phim:	Có thể (trên màn hình LCD hoặc với HDMI)
Chỉnh sửa cảnh phim đầu/cuối:	Được cung cấp
Trình chiếu:	Tất cả ảnh hoặc những ảnh khớp với điều kiện tìm kiếm sẽ được tự động phát lại.

• Xử lý hậu kỳ

Xử lý ảnh RAW trên máy ảnh:	Điều chỉnh độ sáng, Cân bằng trắng, Kiểu ảnh, Tự động tối ưu hóa ánh sáng, Giảm nhiễu hạt ở tốc độ ISO cao, Chất lượng ghi ảnh JPEG, Không gian màu, Hiệu chỉnh quang sai của ống kính (Hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi, Hiệu chỉnh méo hình, Hiệu chỉnh sắc sai, Hiệu chỉnh nhiễu xạ)
Thay đổi cỡ ảnh:	Được cung cấp
Cắt ảnh:	Được cung cấp

• Đặt lệnh in

DPOF:	Tương thích phiên bản 1.1
-------	---------------------------

• Chức năng GPS

Vệ tinh tương thích:	Vệ tinh GPS (Hoa Kỳ), Vệ tinh GLONASS (Nga), Hệ thống vệ tinh Quasi-Zenith (QZSS) MICHIBIKI (Nhật Bản)
Chế độ nhận tín hiệu GPS:	Chế độ 1, Chế độ 2

Thông tin định vị được thêm vào ảnh:	Vĩ độ, Kinh độ, Độ cao, Giờ quốc tế phối hợp (UTC), Trạng thái thu nhận tín hiệu vệ tinh
Khoảng thời gian cập nhật vị trí:	1 giây, 5 giây, 10 giây, 15 giây, 30 giây, 1 phút, 2 phút, 5 phút
Thiết lập thời gian:	Dữ liệu thời gian GPS được thiết lập cho máy ảnh
Dữ liệu ghi chép:	Một tập tin mỗi ngày, định dạng NMEA * Múi giờ thay đổi sẽ tạo tập tin khác. * Có thể truyền dữ liệu ghi chép lưu ở bộ nhớ trong vào thẻ hoặc tải vào máy tính dưới dạng tập tin ghi chép.
Xóa dữ liệu ghi chép:	Có thể

• Tính năng tùy chỉnh

Chức năng tùy chỉnh:	28 chức năng
Chế độ chụp tùy chỉnh:	Đăng ký ở chế độ C1/C2
Danh mục riêng:	Có thể đăng ký tối đa 5 màn hình
Thông tin bản quyền:	Có thể nhập văn bản và thêm thông tin

• Cáp nối

Cổng DIGITAL:	Tương đương USB tốc độ cao Giao tiếp máy tính, kết nối Connect Station CS100
Cổng HDMI OUT mini:	Loại C (Tự động chuyển đổi độ phân giải), tương thích CEC
Ngõ vào micro ngoài:	Giắc cắm mini stereo đường kính 3,5 mm Có thể kết nối Micro thu âm stereo định hướng DM-E1 hoặc micro gắn ngoài bán sẵn trên thị trường
Cổng kết nối điều khiển từ xa:	Dành cho bộ điều khiển từ xa loại N3
Điều khiển từ xa không dây:	Tương thích với Bộ điều khiển từ xa RC-6 và Điều khiển từ xa không dây BR-E1 (qua Bluetooth)
Thẻ Eye-Fi:	Có hỗ trợ

• Thiết bị nguồn

Pin:	Pin LP-E6N/LP-E6, số lượng 1 * Có thể sử dụng nguồn điện xoay chiều với phụ kiện kết nối ổ điện gia đình
Thông tin pin:	Thông tin về Nguồn điện, Mức pin, Tổng số lần chụp, Hiệu suất sạc, Đăng ký pin đều khả dụng
Số ảnh có thể chụp:	Chụp qua khung ngắm: Khoảng 1200 ảnh ở nhiệt độ phòng (23°C/73°F), khoảng 1100 ảnh ở nhiệt độ thấp (0°C/32°F) Chụp Live View: Khoảng 380 ảnh ở nhiệt độ phòng (23°C/73°F), khoảng 340 ảnh ở nhiệt độ thấp (0°C/32°F) * Với Pin LP-E6N sạc đầy.
Thời gian quay phim:	Tổng cộng khoảng 2 giờ 40 phút ở nhiệt độ phòng (23°C/73°F) Tổng cộng khoảng 2 giờ 20 phút ở nhiệt độ thấp (0°C/32°F) * Với Pin LP-E6N sạc đầy, Lấy nét Servo phim tắt và Full HD 29,97p/25,00p/23,98p Tiêu chuẩn (IPB) được thiết lập.

• Kích thước và trọng lượng

Kích thước (R x C x S):	Khoảng 144,0 x 110,5 x 74,8 mm / 5,67 x 4,35 x 2,94 in.
Trọng lượng:	Khoảng 765 g / 26,98 oz. (bao gồm pin và thẻ nhớ)/ Khoảng 685 g / 24,16 oz. (Chỉ riêng thân máy ảnh)

• Môi trường vận hành

Phạm vi nhiệt độ vận hành:	0°C - +40°C/ 32°F - 104°F
Độ ẩm vận hành:	85% hoặc thấp hơn

- Tất cả dữ liệu ở trên đều căn cứ theo các tiêu chuẩn thử nghiệm của Canon cũng như tiêu chuẩn thử nghiệm và quy tắc của CIPA (Camera & Imaging Products Association).
- Kích thước và trọng lượng được liệt kê ở trên dựa trên Hướng dẫn của CIPA (ngoại trừ trọng lượng riêng của thân máy ảnh).
- Thông số kỹ thuật của sản phẩm và bề ngoài có thể thay đổi mà không thông báo trước.
- Nếu có vấn đề xảy ra với ống kính không phải của Canon được lắp vào máy ảnh, vui lòng tham vấn nhà sản xuất ống kính.

Nhãn hiệu

- Adobe là nhãn hiệu của Adobe Systems Incorporated.
- Microsoft và Windows là các nhãn hiệu hoặc nhãn hiệu đã đăng ký của Microsoft Corporation tại Hoa Kỳ và/hoặc các quốc gia khác.
- App Store và macOS là các nhãn hiệu của Apple Inc. đã đăng ký tại Hoa Kỳ và các quốc gia khác.
- Logo SDXC là nhãn hiệu của SD-3C, LLC.
- HDMI, logo HDMI và High-Definition Multimedia Interface là các nhãn hiệu hoặc nhãn hiệu được đăng ký của HDMI Licensing LLC.
- Map Utility sử dụng Google Maps™ để hiển thị hình ảnh và lộ trình đã di chuyển trên bản đồ.
- Nhãn chữ và logo Bluetooth® là nhãn hiệu đã đăng ký thuộc sở hữu của Bluetooth SIG, Inc. và Canon được cấp phép để sử dụng tất cả nhãn hiệu này. Các nhãn hiệu và tên nhãn hiệu khác thuộc sở hữu của các hãng tương ứng.
- Tất cả nhãn hiệu khác thuộc sở hữu của các hãng tương ứng.

Giới thiệu về cấp phép MPEG-4

“This product is licensed under AT&T patents for the MPEG-4 standard and may be used for encoding MPEG-4 compliant video and/or decoding MPEG-4 compliant video that was encoded only (1) for a personal and non-commercial purpose or (2) by a video provider licensed under the AT&T patents to provide MPEG-4 compliant video. No license is granted or implied for any other use for MPEG-4 standard.”

* Thông báo hiển thị bằng tiếng Anh theo yêu cầu.

Phần mềm bên thứ ba

Sản phẩm này có bao gồm phần mềm có nguồn gốc từ bên thứ ba.

- expat.h

Copyright (c) 1998, 1999, 2000 Thai Open Source Software Center Ltd

Permission is hereby granted, free of charge, to any person obtaining a copy of this software and associated documentation files (the "Software"), to deal in the Software without restriction, including without limitation the rights to use, copy, modify, merge, publish, distribute, sublicense, and/or sell copies of the Software, and to permit persons to whom the Software is furnished to do so, subject to the following conditions:

The above copyright notice and this permission notice shall be included in all copies or substantial portions of the Software.

THE SOFTWARE IS PROVIDED "AS IS", WITHOUT WARRANTY OF ANY KIND, EXPRESS OR IMPLIED, INCLUDING BUT NOT LIMITED TO THE WARRANTIES OF MERCHANTABILITY, FITNESS FOR A PARTICULAR PURPOSE AND NONINFRINGEMENT. IN NO EVENT SHALL THE AUTHORS OR COPYRIGHT HOLDERS BE LIABLE FOR ANY CLAIM, DAMAGES OR OTHER LIABILITY, WHETHER IN AN ACTION OF CONTRACT, TORT OR OTHERWISE, ARISING FROM, OUT OF OR IN CONNECTION WITH THE SOFTWARE OR THE USE OR OTHER DEALINGS IN THE SOFTWARE.

Bạn nên sử dụng phụ kiện Canon chính hãng

Sản phẩm này được thiết kế để đạt hiệu quả tối ưu khi sử dụng với các phụ kiện chính hãng của Canon. Do đó, bạn nên sử dụng sản phẩm này với các phụ kiện chính hãng.

Canon sẽ không chịu trách nhiệm cho bất kỳ hư hỏng nào đối với sản phẩm này và/hoặc tai nạn như hỏng hóc, cháy, v.v... do trục trặc của các phụ kiện không chính hãng Canon (ví dụ như rò rỉ và/hoặc nổ pin). Vui lòng lưu ý rằng sửa chữa hư hỏng do trục trặc của các phụ kiện không chính hãng sẽ không thuộc phạm vi bảo hành, tuy nhiên bạn có thể yêu cầu sửa chữa và chi trả chi phí.



Pin LP-E6N/LP-E6 chỉ dành riêng cho sản phẩm của Canon. Sử dụng pin với sạc pin hoặc sản phẩm không tương thích có thể gây trục trặc hoặc tai nạn, Canon sẽ không chịu trách nhiệm cho các sự cố này.

[illegible]

THẬN TRỌNG

CÓ NGUY CƠ CHÁY NỔ NẾU THAY PIN BẰNG LOẠI PIN KHÔNG ĐÚNG. VỨT BỎ PIN ĐÃ SỬ DỤNG THEO QUY ĐỊNH CỦA ĐỊA PHƯƠNG.

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

16

Hướng dẫn bắt đầu sử dụng phần mềm / Tải ảnh về máy tính

Chương này mô tả về phần mềm EOS, cách tải và cài đặt phần mềm, cách sử dụng Hướng dẫn sử dụng phần mềm (tập tin PDF) và cách truyền ảnh vào máy tính.

Hướng dẫn bắt đầu sử dụng phần mềm

Giới thiệu về phần mềm

Bạn có thể tải về phần mềm EOS sau từ trang web của Canon (tr.612).

 **Bạn không thể cài đặt phần mềm EOS vào máy tính khi không có kết nối internet.**

● EOS Utility

Với máy ảnh được kết nối với máy tính, phần mềm EOS Utility cho phép truyền ảnh chụp và phim quay từ máy ảnh tới máy tính. Bạn cũng có thể sử dụng phần mềm này để đặt các thiết lập khác nhau của máy ảnh và chụp từ xa qua máy tính được kết nối với máy ảnh. Ngoài ra, bạn có thể sao chép các bản nhạc nền, ví dụ: EOS Sample Music (Nhạc mẫu EOS)*, vào thẻ nhớ.

* Bạn có thể sử dụng nhạc nền trong khi xem lại album video quay nhanh, phim hoặc trình chiếu ảnh trên máy ảnh.

● Digital Photo Professional

Phần mềm này dành cho người dùng thường xuyên chụp ảnh RAW. Bạn có thể xem, chỉnh sửa và in ảnh RAW hay JPEG.

* Một số chức năng sẽ khác nhau giữa phiên bản cài trên máy tính 64 bit và phiên bản cài trên máy tính 32 bit.

● Picture Style Editor

Bạn có thể chỉnh sửa kiểu ảnh, tạo và lưu các tập tin kiểu ảnh. Phần mềm này dành cho người dùng chuyên nghiệp có kinh nghiệm về xử lý ảnh.

- **Map Utility**

Có thể hiển thị vị trí chụp trên bản đồ trên màn hình máy tính bằng cách sử dụng thông tin vị trí định vị được ghi với chức năng GPS.

- **EOS MOVIE Utility**

Phần mềm này cho phép phát lại các phim time-lapse đã quay. Bạn cũng có thể chọn khung hình phim time-lapse và lưu lại thành ảnh (chụp khung hình).

Tải xuống và cài đặt phần mềm

- ❗ **Không kết nối máy ảnh với máy tính trước khi cài đặt phần mềm. Phần mềm sẽ không được cài đặt chính xác.**
- Ngay cả khi máy tính của bạn đã cài đặt phiên bản phần mềm trước đó, thực hiện theo quy trình dưới đây để cài đặt phần mềm mới nhất. (Phiên bản trước sẽ bị ghi đè.)

1 Tải xuống phần mềm.

- Kết nối internet từ máy tính và truy cập trang web dưới đây của Canon.

▶ [**www.canon.com/icpd**](http://www.canon.com/icpd)

- Chọn quốc gia hoặc khu vực cư trú của bạn và tải xuống phần mềm.
- Giải nén phần mềm trên máy tính.
Đối với Windows : Nhấp chuột vào tập tin bộ cài hiển thị để khởi động bộ cài.
Đối với macOS : Một tập tin dmg sẽ được tạo và hiển thị. Thực hiện theo các bước dưới đây để khởi động bộ cài.

- (1) Nhấp đúp vào tập tin dmg.
 - ▶ Biểu tượng ổ đĩa và tập tin bộ cài sẽ xuất hiện trên màn hình máy tính.
Nếu tập tin bộ cài không xuất hiện, nhấp đúp vào biểu tượng ổ đĩa để hiển thị.
- (2) Nhấp đúp vào tập tin bộ cài.
 - ▶ Bộ cài sẽ khởi động.

2 Thực hiện theo hướng dẫn trên màn hình để cài đặt phần mềm.

Tải xuống Hướng dẫn sử dụng phần mềm

Bạn có thể tải Hướng dẫn sử dụng phần mềm (tập tin PDF) về máy tính từ trang web của Canon.

- Trang web tải Hướng dẫn sử dụng phần mềm

▶ www.canon.com/icpd

Tải xuống Hướng dẫn sử dụng thông qua mã QR

Bạn có thể tải Hướng dẫn sử dụng (tập tin PDF) về smartphone hoặc máy tính bảng thông qua mã QR.



▶ www.canon.com/icpd



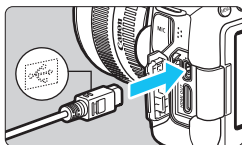
- Bạn cần sử dụng ứng dụng phần mềm để đọc mã QR.
- Chọn quốc gia hoặc khu vực cư trú của bạn và tải xuống Hướng dẫn sử dụng.
- Chọn [**Manual/software URL (URL hướng dẫn/phần mềm)**] dưới tab [**5**] để hiển thị mã QR trên màn hình LCD của máy ảnh.

Tải ảnh về máy tính

Bạn có thể sử dụng phần mềm EOS để tải ảnh từ máy ảnh về máy tính theo hai cách sau.

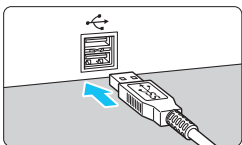
Tải xuống bằng cách kết nối máy ảnh với máy tính

1 Cài đặt phần mềm (tr.612).



2 Sử dụng cáp nối (bán riêng) để kết nối máy ảnh với máy tính.

- Kết nối cáp với cổng digital của máy ảnh với biểu tượng <↔> của chân cắm cáp hướng về phía trước máy ảnh.
- Kết nối đầu cắm của dây cáp với cổng USB của máy tính.



3 Sử dụng phần mềm EOS Utility để tải ảnh.

- Tham khảo Hướng dẫn sử dụng EOS Utility (tr.613).

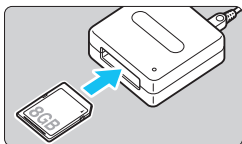
 Khi đã thiết lập kết nối Wi-Fi, máy ảnh không thể giao tiếp với máy tính ngay cả khi các thiết bị này được kết nối qua cáp (bán riêng).

Tải ảnh xuống bằng đầu đọc thẻ

Bạn cũng có thể dùng đầu đọc thẻ để tải ảnh về máy tính.

1 Cài đặt phần mềm (tr.612).

2 Cắm thẻ vào đầu đọc thẻ.



3 Sử dụng phần mềm Digital Photo Professional để tải ảnh.

- Tham khảo Hướng dẫn sử dụng Digital Photo Professional (tr.613).



Khi tải ảnh từ máy ảnh về máy tính cá nhân bằng đầu đọc thẻ mà không dùng phần mềm EOS, hãy sao chép thư mục DCIM trên thẻ vào máy tính.

Chỉ mục

Số

HD 1280x720 (phim).....	343
FHD 1920x1080 (phim)	343
4K 3840x2160 (Phim time-lapse) ..	352
4, 9, 36 hoặc 100 ảnh	401

A

Ⓜ (Tự động nhận cảnh thông minh).....	96
Adobe RGB.....	210
AEB (Tự động phơi sáng hỗn hợp)	249, 474
AF	131
AF theo nhóm	147
Bố cục lại ảnh.....	99, 133, 251
Cảm biến AF	145
Chế độ chọn vùng AF	136, 138, 141
Chọn điểm AF	139, 503
Chọn tự động điểm AF	137, 142
Chữ thể khó lấy nét	155, 318
Điểm AF chấm.....	31, 141
Điểm AF chớp sáng đỏ	135, 491
F8 AF.....	145, 146
Khung AF theo miền.....	137, 142
Lấy nét chữ thập	145
Lấy nét chữ thập đúng	145
Lấy nét tay	156, 323
Lựa chọn trực tiếp điểm AF.....	503
Mất nét	55, 56, 568
Phương pháp AF.....	310, 376
Số lượng điểm AF	147
Thao tác AF.....	132, 307
Theo dõi màu	144, 487
Tia giúp lấy nét	482

Tiếng bíp	73
Tốc độ AF	378
Vi chỉnh AF	494
AF một chấm điểm	136, 141
AF một điểm.....	136, 141, 315
AF theo vùng.....	136, 141
AF theo vùng lớn.....	137, 142
AI FOCUS (Lấy nét tự động AI) ...	134
AI SERVO (Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục)	99, 134
Điểm AF chớp sáng đỏ	135
Độ nhạy theo dõi.....	477
Tự động chuyển đổi điểm AF ..	479
Vị trí ban đầu	486
AI SERVO (Lấy nét AI Servo - lấy nét liên tục)	
Tăng/giảm tốc độ theo dõi	478
Album (Video quay nhanh).....	363
ALL-I (Để chỉnh sửa/I-only)	352
Ảnh	
Bảo vệ ảnh.....	411
Biểu đồ.....	400
Cảnh báo vùng sáng.....	399
Chất lượng ghi ảnh	164, 166, 343
Đánh số thứ tự tập tin.....	213
Đặt lại bằng tay.....	215
Điều kiện tìm kiếm	404
Hiện thị bảng kê.....	401
Hiện thị điểm AF	399
Hiện thị nhảy ảnh (duyet ảnh)..	402
Kế tiếp (đánh số thứ tự tập tin)	214
Phóng to ảnh	406
Tải (vào máy tính).....	614
Thông tin chụp	394

Trình chiếu.....	426
Tự động đặt lại	215
Tự động phát	426
Xem lại.....	389
Xem trên TV	419, 429
Xếp hạng	414
Xóa	432
Xoay ảnh bằng tay.....	410
Xoay tự động	437
Ảnh đen trắng	103, 180, 184
Ảnh ghép phơi sáng.....	260
Ảnh nhóm.....	112
Ảnh nền.....	120
Av (Tự động phơi sáng ưu tiên khẩu độ).....	240

A

Âm lượng (phát lại phim)	422
--------------------------------	-----

B

B (Bulb).....	252, 328
Bảng điều khiển LCD	
Phát sáng	60
Bảng pin.....	518, 520
Bảng thiết lập mặc định	75
Bảo hòa màu.....	183
Bảo vệ ảnh.....	411
Biểu đồ.....	295, 400
Biểu tượng	8
Biểu tượng cảnh	297, 331
Biểu tượng cảnh báo	492
Biểu tượng MENU	8
Biểu tượng ☆	8
Bình thường (Chất lượng ghi ảnh)..	164

Bíp (Tiếng bíp).....	73
Bộ điều hợp AC.....	524
Bộ điều khiển từ xa	273, 275
Bộ nối nguồn DC.....	524
Bộ sạc	37, 40
Bộ tiêu âm	349
Bù trừ phơi sáng	247
Bù trừ phơi sáng flash.....	280, 287
Bù trừ phơi sáng trong chế độ M với ISO tự động.....	244
buSY (BẠN).....	169, 200

C

C1/C2 (Chụp tùy chỉnh)	513
CA (Tự động sáng tạo)	102
Cân bằng điện tử.....	82, 83
Cân bằng trắng (WB)	187
Chỉnh.....	193
Hỗn hợp	194
Thiết lập nhiệt độ màu	192
Tự động	189
Tùy chỉnh	190
Cận cảnh	118
Cảnh báo an toàn.....	22
Cảnh báo nhiệt độ	325, 385
Cảnh báo vùng sáng	399
Cắt ảnh (ảnh)	448
Cấu hình ICC.....	210
Chạm để chụp	321
Chạm đúp.....	409
Chân dung.....	111
Chân dung (SR-P).....	179
Chân dung ban đêm.....	121

Chân thực (☑️).....	180	Chụp liên tục.....	158
Chất lượng ghi ảnh.....	164, 166, 343	Chụp liên tục tốc độ cao.....	158
Chế độ cảnh đặc biệt (SCN)...	109, 350	Chụp liên tục tốc độ thấp.....	159
Chế độ chụp.....	35	Chụp Live View.....	100, 291
M (Phơi sáng chỉnh tay) ...	243, 332	AF 1 điểm Live.....	315
B (Bulb).....	252	Chụp Live View ngắt tiếng.....	305
📷/📷 (Chụp tùy chỉnh).....	513	Điều khiển nhanh.....	303
SCN (Cảnh đặc biệt).....	109	Hẹn giờ đo sáng.....	304
📷+ (Tự động nhận cảnh thông minh).....	96	Hiển thị khung lưới.....	304
P (Phơi sáng tự động P).....	236	Hiển thị thông tin.....	295
Av (Tự động phơi sáng ưu tiên khẩu độ).....	240	📷+Theo dõi.....	311
📷 (Tự động sáng tạo).....	102	Lấy nét tay.....	323
Tv (Tự động phơi sáng ưu tiên tốc độ màn trập).....	238	Mô phỏng phơi sáng.....	305
Chế độ chụp tùy chỉnh.....	513	Số ảnh có thể chụp.....	293
Chế độ đo sáng.....	245	Thao tác AF.....	307
Chế độ flash.....	285	Vùng vượt.....	313
Chế độ hoàn toàn tự động.....	96	Chụp ngắt tiếng.....	
Chế độ vùng cơ bản.....	35	Chụp liên tục ngắt tiếng.....	159
Chế độ vùng sáng tạo.....	36	Chụp Live View ngắt tiếng.....	305
Chi tiết nhỏ (📷).....	179	Chụp từng ảnh ngắt tiếng.....	159
Chỉnh nghiêng ảnh.....	82, 449	Chụp từng ảnh.....	158, 159
Chỉnh ngược sáng HDR.....	123	Chuyển an toàn.....	475
Chọn bằng tay		Chức năng Bluetooth.....	275
(Điểm AF).....	136, 139, 141	Chức năng khả dụng theo chế độ chụp.....	530
Chọn tự động (AF).....	137, 142	Chức năng nút chụp.....	380
Chủ thể khó lấy nét.....	155, 318, 376	Chức năng tùy chỉnh....	470, 471, 473
Chụp ảnh dựa trên môi trường(📷).....	103	Chức năng Wi-Fi.....	552
Chụp chống nhấp nháy.....	208	CLn.....	457
Chụp đêm cầm tay.....	122	Cổng Digital.....	29, 614
Chụp HDR.....	255	Cổng kết nối điều khiển từ xa	28, 278
		Công tắc chế độ lấy nét.....	6, 53, 156, 323
		Công tắc điều khiển từ xa.....	278

Cổng USB (digital)29, 614

D

D+201

Dải tương phản động cao → HDR

Danh mục riêng.....508

Dấu gạch dưới " _ "210

Dấu xếp hạng.....414

Dây đeo.....38

DPOF

(Định dạng lệnh in kỹ thuật số)460

Dữ liệu xóa bụi.....454

Duyệt ảnh (Hiển thị nhảy ảnh)402

Đ

Đặt lại bằng tay215

Đèn báo lấy nét.....96, 133

Đèn flash (Đèn Speedlite)279

Bù trừ phơi sáng flash280, 287

Chức năng tùy chỉnh288

Điều khiển flash

(thiết lập chức năng).....283

Đồng bộ màn trập

(Màn trập 1/2)287

FEB (Phơi sáng hỗn hợp flash) 287

Flash chỉnh tay285

Tốc độ đồng bộ flash282, 284

Đèn Speedlite gắn ngoài → Đèn flash

Đen trắng180, 184

Đèn truy cập.....44, 45

Đẹp (chất lượng ghi ảnh).....164

Đề chỉnh sửa (ALL-I).....352

Điểm AF ban đầu486

Điểm AF chấm31, 141

Điểm lấy nét

(điểm AF)..... 136, 139, 141, 145

Điểm tiếp xúc đồng bộ flash 28

Điều chỉnh độ khúc xạ 55

Điều chỉnh tất cả với cùng

một lượng (AF)..... 494

Điều khiển đa năng 59

Điều khiển tùy chỉnh 500

Định dạng (khởi tạo thẻ)..... 70

Đo sáng điểm 246

Đo sáng toàn khung ảnh 245

Đo sáng trung bình trung tâm..... 246

Đo sáng từng phần..... 245

Đồ ăn..... 119

Độ mịn (Độ sắc nét) 183

Độ nhạy sáng → Tốc độ ISO

Độ nhạy theo dõi 477

Độ phân giải 164, 166

Độ phân giải cao 343

Độ phân giải cao (Full HD)

(phim) 327, 343, 352

Độ sắc nét 183

Độ sáng (SCN)..... 108, 129, 130

Độ tương phản 183, 196

Đồng bộ màn trập..... 287

Đồng bộ màn trập 1..... 287

Đồng bộ màn trập 2..... 287

Đơn sắc () 180

Đuôi tập tin 213

E

Err (mã lỗi)..... 584

exFAT 71, 347

F

FFHD 1920x1080 (Phim time-lapse)...	352
FAT32	71, 347
FEB (Phơi sáng hỗn hợp flash).....	287
Firmware.....	557
Flash (Đèn Speedlite)	
Khóa phơi sáng flash	280
Không dây	286
Thiết bị flash ngoài	280

G

Ghép nhiều ảnh để giảm nhiễu.....	197
Ghi âm/Mức ghi âm	348
Ghi chép	230
Dữ liệu ghi chép	231
Giải quyết vấn đề trực trực.....	565
Giảm nhiễu hạt	
Phơi sáng lâu	199
Tốc độ ISO cao	197
Giảm nhiễu hạt do phơi sáng lâu..	199
Giảm nhiễu hạt ở tốc độ ISO cao ..	197
Giờ mùa hè.....	51
GPS	219

H

H1/H2 (Tốc độ ISO mở rộng)	172, 175, 374
Hậu cảnh mờ (CA)	105
HDMI.....	419, 429
HDMI CEC	430
Hẹn giờ	161
Hẹn giờ 10 giây hoặc 2 giây	161
Hẹn giờ đo sáng	56, 304, 379

Hẹn giờ ngắt quãng	269
Hệ thống video	343, 429, 554
Hiển thị bảng kê	401
Hiển thị khung lưới. 81, 304, 379, 392	
Hiển thị nhảy ảnh	402
Hiển thị thông tin chụp	394
Hiển thị thông tin cơ bản	393
Hiển thị thu nhỏ	401
Hiển thị từng ảnh.....	390
Hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi	202, 444
Hiệu chỉnh méo hình	204, 444
Hiệu chỉnh nhiễu xạ.....	205, 445
Hiệu chỉnh sắc sai	203, 444
Hiệu ứng bộ lọc (Đơn sắc).....	184
Hiệu ứng chuyển (trình chiếu).....	427
Hiệu ứng tông màu (Đơn sắc)	184
Hốc gắn	30
Hốc gắn chân máy	30
Hỗn hợp	
AEB (Tự động phơi sáng hỗn hợp)	249, 474
Cân bằng trắng hỗn hợp... 194, 474	
FEB (Phơi sáng hỗn hợp flash)...	287
Hướng dẫn chế độ chụp	91
Hướng dẫn tính năng.....	92

I

In	
Lệnh in (DPOF).....	460
Lập sách ảnh	466
IPB	344

J

JPEG.....164, 166

K

Kéo.....68

Kế tiếp (đánh số thứ tự tập tin).....214

Kết nối NFC29, 552

Khóa đa chức năng.....59, 90

Khóa gương lật.....267

Khóa lấy nét.....99, 133

Khóa phơi sáng.....251

Khóa phơi sáng flash280

Khoảng thời gian định vị (GPS)228

Không gian màu.....210

Khung AF theo miền137, 142

Khung ngắm

Cân bằng điện tử.....83

Điều chỉnh độ khúc xạ55

Hiện thị khung lưới81

Hiện thị thông tin.....84

⌚ +Theo dõi.....311

Kích thước tập tin166, 346, 347

Kiểu ảnh.....178, 182, 185

Kiểu chụp.....158

L

Làm sạch (cảm biến ảnh)451

Làm sạch cảm biến.....451

Lập lại (trình chiếu)426

Lập sách ảnh466

Lấy nét → AF

Lấy nét chữ thập.....145

Lấy nét chữ thập đúp.....145

Lấy nét một lần.....133, 308

Lấy nét SERVO309

Lấy nét Servo

Lấy nét AI Servo - lấy

nét liên tục.....99, 134

Lấy nét Servo phim ..375, 377, 378

SERVO (LV)309

Lấy nét tay.....156, 323

Lấy nét tay điện tử của ống kính ..157

Lia máy.....116

Hiệu ứng lia máy.....117

Loa29, 421

Lọc gió.....348

LOCK.....59, 90

LOG230

Logo chứng nhận517

Lớn (chất lượng ghi ảnh)166

Lựa chọn trực tiếp (điểm AF)503

LV → Chụp Live View

M

M (Phơi sáng chỉnh tay)243, 332

Màn hình LCD27, 46

Cân bằng điện tử82, 86

Điều chỉnh độ sáng436

Điều chỉnh góc46, 101

Điều khiển nhanh61, 88

Hiện thị menu64, 538

Xem lại ảnh389

Màn hình LCD xoay lật.....46, 101

Mạnh (Độ sắc nét).....183

Máy ảnh

Giữ máy ảnh55

Mờ ảnh do rung máy.....98, 267

Rung máy	55, 98
Thiết lập mặc định	75
Menu	64
Các mục menu bị mờ	66
Danh mục riêng	508
Quy trình thiết lập	65
Thiết lập	538
MF (Lấy nét tay)	156, 323
Micro	
Ngoài	349
Tích hợp	328
Micro ngoài	349
Micro tích hợp	328
Mô phỏng hình ảnh	
cuối cùng	299, 340
Mô phỏng phơi sáng	305
Motion JPEG (MPG)	352
MOV (MOV)	352
MP4 (MP4)	344
M-Raw	
(RAW Trung bình) ...	164, 166, 167, 168
Mức tăng phơi sáng	473
Múi giờ	49
MWB	190

N

Nắp thị kính	38, 272
Nâu đỏ (Đơn sắc)	103, 184
Ngàm gắn	28, 280
Ngày/Giờ	49
Ngăn bụi ảnh	451
Ngôn ngữ	52
Nguồn	47
Hiệu suất sạc	520

Mức pin	48, 520
Ổ điện gia đình	524
Sạc	40
Số ảnh có thể chụp	48, 166, 293
Thông tin pin	520
Tự động tắt nguồn	47, 73
Người dùng xác định ([])	180
Ngưỡng (Độ sắc nét)	183
Nhà màn trập khi không lắp thẻ	44
Nhạc nền	428
Nhấn hoàn toàn	56
Nhấn nửa chừng	56
Nhẹ (IPB)	344
Nhiệt độ màu	187, 192
Nhỏ (chất lượng ghi ảnh)	166
NTSC	344, 429, 554
Nút AF-ON (Bắt đầu AF)	56, 501
Nút chụp	56
Nút INFO ..	60, 86, 295, 300, 336, 390
Nút xoay	
Nút xoay điều khiển nhanh	58
Nút xoay chế độ	35, 57
Nút xoay chính	57
Nút xoay điều khiển nhanh	58

O

ONE SHOT	
(Lấy nét một lần)	133, 308

Ô

Ổ điện gia đình	524
Ống kính	27, 53
Công tắc	
chế độ lấy nét	6, 53, 156, 323

Danh sách nhóm AF	147
Hiệu chỉnh ánh sáng vùng ngoại vi	202
Hiệu chỉnh méo hình.....	204
Hiệu chỉnh nhiễu xạ	205
Hiệu chỉnh quang sai	202
Hiệu chỉnh sắc sai	203
Nhà khóa	54

P

P (Phơi sáng tự động P).....	236, 328
PAL	344, 429, 554
Phát (Bỏ qua khung hình).....	423
Phát ra tiếng bíp khi chạm	73
Phát sáng (bảng điều khiển LCD)...	60
Phát sáng (điểm AF).....	491
Phần mềm.....	610
Hướng dẫn sử dụng.....	613
Phim.....	327
Bộ tiêu âm	349
Cắt cảnh đầu tiên và cuối cùng	424
Chỉnh sửa	424
Chống rung khi quay phim.....	382
Điều khiển nhanh.....	341
Độ nhạy theo dõi lấy nét	
Servo phim	377
Ghi âm/Mức ghi âm	348
Hẹn giờ đo sáng	379
Hiển thị khung lưới	379
Hiển thị thông tin.....	336
Khóa phơi sáng	330
Kích thước ghi phim	343
Kích thước tập tin	346, 347
Lấy nét Servo	375
Lấy nét Servo phim...375, 377, 378	
Lọc gió	348
Micro	328, 349
Micro ngoài	349
Nút quay phim.....	328, 380
Phát lại.....	419, 421
Phim time-lapse	351
Phương pháp AF	310, 376
Phương pháp ghi phim	352
Phương pháp nén.....	344, 352
Quay phim HDR.....	350
Quay phim phơi sáng chỉnh tay	332
Quay phim phơi sáng tự động .	328
Thẻ phù hợp để quay phim.....	345
Thời gian quay phim	346
Thường thức phim	419
Tốc độ khung hình	344
Tốc độ lấy nét trong khi lấy nét	
Servo phim.....	378
Tốc độ màn trập.....	332, 335
Video quay nhanh	363
Xem trên TV.....	419, 429
Phim time-lapse.....	351
Phong cảnh	113
Phong cảnh ()	179
Phơi sáng bulb	252
Hẹn giờ bulb	253
Phơi sáng chỉnh tay.....	243, 332
Phơi sáng lâu (bulb).....	252
Phơi sáng tự động P	236, 328
Thay đổi chương trình	237
Phóng to ảnh.....	319, 323, 406
Phụ kiện	3
Pin → Nguồn	

Q	
□ (Điều khiển nhanh)...	61, 128, 303, 341, 417
Quay phim HDR.....	350

R	
RAW	164, 166, 168
RAW+JPEG	164, 166

S	
Sạc.....	40
SCN	35, 109, 350
Số ảnh chụp liên tục tối đa ...	166, 169
Số ảnh có thể chụp.....	48, 166, 293
Số sê-ri	30, 497, 520
Sơ đồ hệ thống	518
S-RAW (RAW nhỏ)... 164, 166, 167, 168	
sRGB	210

T	
Tải ảnh về máy tính	614
Tạo/chọn thư mục.....	211, 212
Tăng/giảm tốc độ theo dõi	478
Tên bộ phận.....	28
Tên tập tin	
Dấu gạch dưới " _ "	210
Thang đo sáng.....	32, 34, 295, 336
Thao tác chạm.....	67, 408
Thay đổi cỡ ảnh.....	446
Thẻ.....	5, 27, 43, 70, 345
Định dạng	70
Định dạng mức thấp	71

Hướng dẫn giải quyết vấn đề trực trực.....	45, 71
Mẫu chống ghi	43
Trình nhắc thẻ.....	44
Yêu cầu thẻ.....	345
Thẻ Eye-Fi.....	526
Thẻ nhớ → Thẻ	
Thẻ SD, SDHC, SDXC → Thẻ	
Theo dõi màu	144, 487
Thể thao	114
Thiết bị flash không phải của Canon.....	282
Thiết lập giao tiếp không dây.....	552
Thiết lập mặc định.....	75
Chế độ chụp tùy chỉnh	513
Chức năng tùy chỉnh.....	470
Danh mục riêng	511
Điều khiển tùy chỉnh	500
Thiết lập chức năng flash	289
Thiết lập máy ảnh	75
Thông số kỹ thuật.....	585
Thông tin bản quyền	216
Thời gian có thể quay (phim)..	339, 346
Thời gian xem lại ảnh.....	74
Tiêu chuẩn (IPB)	344
Tiêu chuẩn (S-RAW).....	179
Tìm kiếm ảnh	404
Tốc độ đồng bộ flash trong chế độ Av	284
Tốc độ ISO	172, 329, 333
ISO tự động (phim)	374
ISO tự động cho phim time-lapse	374

Mở rộng ISO.....	175	Tv (Tự động phơi sáng ưu tiên tốc độ màn trập).....	238
Mức tăng thiết lập.....	473	Tỷ lệ bit.....	591
Phạm vi thiết lập bằng tay.....	175	Tỷ lệ khung ảnh.....	170
Phạm vi tốc độ ISO.....	175, 374	Tỷ lệ/vị trí phóng to ban đầu.....	407
Phạm vi tự động (Ảnh).....	176		
Thiết lập tự động (ISO tự động).....	174		
Tốc độ màn trập tối thiểu cho ISO tự động (Ảnh).....	177	U	
Tốc độ ISO mở rộng.....	172, 175, 374	UHS-I.....	5, 345
Tốc độ khung hình.....	344	UTC (Giờ quốc tế phối hợp).....	220
Tông màu.....	183		
Tông màu (SCN).....	108, 130	Ư	
Trẻ em.....	115	Ưu tiên màu trắng (AWB).....	189
Trình chiếu.....	426	Ưu tiên môi trường (AWB).....	189
Trợ giúp.....	93	Ưu tiên tông màu.....	201
Kích cỡ phông chữ.....	94	Ưu tiên tông màu sáng.....	201
Trực trực.....	565		
Trung bình (Chất lượng ghi ảnh) ..	166	V	
Trung tính ().....	179	Vành đỡ mắt.....	272
Tự động ().....	179	Vì chỉnh.....	494
Tự động chuyển đổi điểm AF.....	479	Video quay nhanh.....	363
Tự động đặt lại.....	215	Vùng mờ.....	313
Tự động lấy nét → AF			
Tự động nhận cảnh thông minh.....	96	X	
Tự động phát.....	426	Xem lại.....	389
Tự động phơi sáng ưu tiên khẩu độ.....	240	Xem trên TV.....	419, 429
Tự động phơi sáng ưu tiên tốc độ màn trập.....	238	Xem trước độ sâu trường ảnh.....	242
Tự động sáng tạo.....	102	Xếp hạng.....	414
Tự động tắt nguồn.....	47, 73	Xóa ảnh.....	432
Tự động thiết lập thời gian (GPS).....	229	Xoay	
Tự động tối ưu hóa ánh sáng.....	196	Nút xoay chính.....	57
Tự động xoay ảnh dọc.....	437	Xoay (ảnh).....	410
		Xử lý ảnh RAW.....	440



Nội dung tài liệu dựa trên tiêu chuẩn thử nghiệm của Canon, nếu có bất kỳ sai sót do quá trình in ấn hoặc dịch thuật, rất mong được lượng thứ.

Thông số kỹ thuật và thiết kế của máy ảnh có thể thay đổi mà không báo trước. Màn hình và thuật ngữ sử dụng trong hướng dẫn này có thể khác biệt hoặc thay đổi so với thực tế.